

DUY LỰC NGŨ LỤC

Quyển Thượng (Từ Năm 1983 - 1989)

--o0o--

MỤC LỤC.

- Lời nói đầu.

- Tiểu sử Hòa thượng Thích Duy Lực.

1.

- Thế nào là chơn không diệu hữu?
- Thế nào là nghĩa ba câu trong kinh Kim Cang?
- Làm sao hàng phục vọng tâm?
- Thị pháp trụ pháp vị, thế gian tướng thường trụ.
- Sự thù thắng Tham thiền và Tịnh độ.
- Đòi mật pháp nên tu pháp môn nào thích hợp?
- Tham thiền kiếp này chưa ngộ, chết rồi về đâu?
- Tịnh độ nhờ tha lực, tham thiền nhờ tự lực!
- Thế nào là đuổi theo lời nói?
- Phá ngã chấp và pháp chấp.
- Làm sao phân biệt chơn nghi và hồ nghi?
- Truy cứu ba lớp của Lai Quả thiền sư.
- Thế nào là khi kiến tánh thì hư không tan rã?
- Thấy của Phật và thấy của chúng sanh khác nhau?
- Hôn trầm làm sao đối trị?
- Xin Sư phụ nói qua vấn đề Bồ Tát?
- Cách thực hành tham Tổ Sư Thiền?

2.

- Thế nào là thiền Mặc Chiếu?
- Tiểu thừa, Trung thừa, Đại thừa và Tổ Sư Thiền?
- Tham thiền có tình trạng như thế nào?
- Sư Bà Vĩnh Bửu kể chuyện thấy chiêm bao
- Tri huyễn tức ly, bất tác phương tiện, ...
- Vô tâm là đạo, biết vọng là tu.
- Chấn trâu đen thành trâu trắng, sờ sờ đuổi chẳng đi.
- Chưa biết gì về đạo Phật có thể tu thiền được không?
- Thế nào là đạt được tiểu ngộ và đại ngộ?

- Nghi tình thành khối như thế nào?
- Tham thiền có thể xem kinh được không?
- Căn bản của thiền Mặc chiếu và khán thoại đầu?
- Tham thiền cần tụng kinh bái sám không?
- Trong kinh nào nói “Đại nghi đại ngộ”?
- Tiểu ngộ rồi vẫn tham thoại đầu tiếp tục
- Tham thiền mỗi ngày phải sám hồi không?
- Làm thế nào khỏi lọt vào vô ký không?
- Khi ngồi thiền thấy đủ thứ cảnh giới.
- Tổ sư, chư hộ pháp bận rộn khi đã thiền thất?
- Thật tướng của các pháp là gì?
- Tâm thanh tịnh bỗng nhiên sanh sơn hà đại địa?
- Tại sao Phật lại thuyết nhiều kinh điển làm chi?
- Sao Sư phụ nói không có nhân quả?

3.

- Thế nào là một câu đũa ba câu của ngài Vân Môn?
- Công án được ngộ của ngài Tuyết Phong?
- Khi tham đến đầu sào trăm thước như thế nào?
- Đập tan Mạt na thức và A lại da thức?
- Công án và thoại đầu khác nhau như thế nào?
- Tham thiền và Thiền có khác nhau không?
- Nhắm mắt chiêm bao và mở mắt chiêm bao?
- Thế nào là độc-ảnh-cảnh và đới-chất-cảnh?
- Tham thiền có chướng ngại việc làm không?
- Quy củ của Thiền đường như thế nào?
- Tham thoại đầu làm sao biết là mình tinh tấn?
- Thiền thoại đầu bắt đầu từ đâu?
- Thiền Mặc Chiếu có phải thuộc Tông Tào Động?
- Phân biệt Như Lai Thiền và Tổ Sư Thiền?
- Tại sao không có nhân quả là Tà kiến?
- Được dụng của Tự tánh phải là kiến tánh không?
- Biết vọng mà không theo nó, có được không?
- Tri vọng có phải là chánh niệm không?
- Tri huyễn tức ly như thế nào?
- Dùng ba mươi sáu pháp đối khi có người hỏi pháp?

- Tự tri thì đối trị như thế nào?
- Tham thiền cần lấy nghi lễ giới luật để tu không?
- Tham thiền nhảy vọt thì căn bản làm sao vững?
- Thế nào là kiến tánh?
- Đợi thời tiết nhân duyên để ngộ?
- Tham thiền bị ngũ âm ma quấy phá không?
- Trí Giả Đại Sư nói “ba thứ ngoại đạo”?

4.

- Thế nào là Tứ Y?
- Tánh chúng sanh như thế nào?
- Pháp nào Phật chỉ dạy cho mau kiến tánh?
- Tịnh địa hà tu tảo, không môn bất dụng quan?
- Tham thiền chưa kiến tánh, rồi chết đi về đâu?
- Trong giải thoát cũng không ra ngoài giải thoát?
- Thế nào là chánh pháp và mạt pháp?
- Lục Tổ chẳng dạy người phát khởi nghi tình?
- Phẩm Bát Nhã.
- Chỉ nhờ câu thoại đầu có đạt đến lý chơn không?
- Thiền Tông phải có niệm, ấy là niệm gì?
- Quán vọng phải là Quán chiếu Bát Nhã không?
- Vọng niệm khởi lên và rơi xuống, ấy tức ngộ đạo?
- Khởi dụng Bát Nhã để tu?
- Quán chiếu của Giáo môn sao đạt đến thể tánh?
- “Biết vọng” của ngài Khuê Phong như thế nào?
- Tâm tán loạn niệm Nam Mô Định Tâm Vương Bồ Tát?
- Hết vọng tưởng tức kiến tánh?
- Tiền niệm bất sanh tức tâm, hậu niệm bất diệt tức Phật.
- Phái Tào Động là Mặc chiếu, phải không?
- Thế nào là Năm tông bảy phái?
- Chẳng có vọng tưởng cũng chẳng chấp không.

5.

- Thế nào là "Nhập lưu vong sở"?
- Hàn lu trục khối, sư tử giao nhơn.
- Tri huyễn tức lìa, chẳng cần phương tiện.
- Mặc áo thì biết là áo, ăn cơm biết là cơm.

- Liên Trì Đại sư sưu tập những Luận tiểu.
- A La Hán có phải kiến tánh không?
- Đến đâu sào trăm thước đã lia ý thức chưa?
- Giác được một lúc thì làm Phật được một lúc.
- Dùng cái Giác để tu đến kiến tánh?
- Trong nhà lửa sao lấy kiến giải phá kiến giải?
- Sơ, trung, hậu thiện dương.
- Tâm bình hà lao trì giới.
- Thế nào là tông chỉ của Tịnh Độ?
- Ngày nghe giảng, tối chiêm bao nghe giảng.
- Tại sao mặc chiếu lại là tà thiên?
- Như Lai Thiên và Tổ Sư Thiên.
- Ý nghĩa của Qui y Tam Bảo như thế nào?
- Huyền Giác ngộ đạo rồi, nhờ Lục Tổ ấn chứng.
- Bồ Tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả.
- Chẳng có nhân lành nào thì sao Phật thọ ký?
- Công hành đầy đủ thành tựu mới được thọ ký?
- Sao chỉ nhờ một công án mà thành Phật được?
- Thế nào là ngũ căn, ngũ thức và bát thức?
- Qui củ của Thiên đường như thế nào?
- Tại sao Kinh lại nói “Vô thi vô chung”?
- Tham thiền chẳng trồng nhân sao được quả?
- Thị pháp trụ pháp vị, thế gian tướng thường trụ.
- Pháp môn vô lượng thế nguyện học.
- Vọng từ đâu sanh khởi?
- Phân biệt tham thoại đầu và niệm Phật.
- Không phát khởi được nghi tình.
- Trì giới kiêm nhẫn nhục,...

6.

- Dịch Kinh như thế nào?
- Giảng cái đó trong ngũ âm hay ngoài ngũ âm?
- Cái biết không khởi niệm phải là tri tịch không?
- "Biết" cũng không được ư?
- Không được tiếp tục ngồi khi thân khó chịu.
- Nghi tình phát khởi và nghi tình phát chẳng khởi.

- Khi ngủ mê làm sao biết có tham thiền?
- Chơn nghi đã phá được sơ quan chưa?
- Trong vọng thức thì làm sao y trí bất y thức?
- Ý nghĩa của Qui y Tam Bảo như thế nào?
- Cái chết của Thiền sư Nham Đầu cho hợp lý?
- Nghe được câu thoại đầu mà ở nhà tự tu.
- Quá nghèo mà không có phương tiện qui y?
- Phát nguyện trong 49 ngày phải kiến tánh.
- Nghi tình thành khối sẽ như thế nào?
- Tìm ra giải đáp cho câu hỏi có được không?
- Phá vỡ nghi tình bằng cách nào?
- Thấy cảnh giới khác nhau phải là nghiệp?
- Cầu giải thoát, vậy có phải là sở cầu không?
- Chú tâm tham thiền, nghiên cứu kinh sách.
- Biết tham thoại đầu lại chưa có lòng tin.
- Cảm tưởng của Sư Bà Huệ Lâm.
- Núi Tu-di và hạt cải.
- Pháp tu nhĩ căn viên thông.
- Biết của lục căn trước khi đầy niệm phân biệt.
- Niệm hiệu Phật được coi là tham thoại đầu?
- Văn Thù không thể làm cho cô gái xuất định.
- Có ai không kẹt vào chấp lời nghịch ý?
- Ai tạo ra vũ trụ này?
- Vạn pháp duy thức như thế nào?
- Có quả vị để chứng đắc, trái với Thiền tông?
- Khối nghi đã bùng vỡ, thì làm sao nghi tiếp?
- A La Hán có kiến tánh không?
- Thánh sao chưa đạt đến trí huệ Bát Nhã?
- Trung Phong tặng kệ cho Thái tử nước Hàn.
- Vọng tưởng nổi nhiều phải làm sao?
- Tại sao nói “Sanh tử là việc lớn”?
- Thế nào là "Tức tâm là Phật”?
- Ngoài bất các duyên, tâm như tường vách.
- Việc thông thường trong Thiền thất.
- Con người không sanh tử như thế nào?

- Dụng công tham thiền như thế nào?
- Tham thiền hay quên những việc ở ngoài?
- Đề lên rõ ràng và có lúc không rõ ràng?

7.

- Tại sao chúng sanh tạp dụng tâm?
- Câu thoại đầu của mình và của người ta?
- Thế nào là chánh tín?
- Thiền tông giảng kinh có lọt vào kiến giải?
- Kiến tánh và học thuyết khác nhau chỗ nào?
- Cần cố ý khởi nghi tình không?
- Làm thế nào để tin tự tâm là Phật?
- Dùng “khẩu đầu thiền” khiến người ngộ?
- Có đạo hạnh, thì thầy mới dạy Thiền.
- Khi tham, câu thoại đầu bị lạc qua câu khác.
- Thế nào là hữu tình, vô tình thuyết pháp?
- Thế nào là thấy bản lai diện mục?
- Làm sao phá bỏ năng tri và sở tri?
- Tham thiền có cần kiến giải không?
- Được phát huệ, lại khờ khạo, có mâu thuẫn?
- Lão Trang giống Tổ Sư Thiền không?
- Nhờ người khác cứu độ được không?
- Thế nào là ác kiến ngoại đạo?
- Lấy tâm truyền tâm, sao lại có truyền y bát?
- Tham thiền đến đâu sào trăm thước thế nào?
- Tu hành đến một lúc nào đó sẽ có thần thông?
- Thế nào Bọt nước hư không trong biển giác?
- Thành Phật là có sở đắc không?
- Tham được rồi lại khởi vọng niệm giúp người.
- Dụng công cách nào khi thân thể có bệnh?
- Phạm tứ trọng giới, tu lại có thành Phật không?
- Sự khai ngộ có bằng với chư Tổ không?
- Kiến tánh rồi có còn tiếp tục tu nữa không?
- Ôn cha mẹ lớn hay ôn Phật lớn?
- Làm thế nào để đền ơn cha mẹ?
- Phật Quan Âm có ngàn tay, ngàn mắt.

- Tham thiền có chướng ngại việc làm không?
- Cầu siêu cho cha mẹ bằng cách nào tốt hơn?
- Kiếp sau sao biết có nhân duyên hay không?
- Tham thiền đối với tình cảm vợ chồng?
- Động Sơn qua cầu, Huyền Sa qua núi.
- Giữa câu hỏi lần một với lần hai có kéo dài.
- Học Phật quên hoài, vậy phải là cái nghiệp?
- Đại ý Phổ Môn.

8.

- Tham thiền có thể biết được vật bất thiên?
- Tham Tổ Sư Thiền, nguyện sau này vãng sanh!
- Tham thiền lâm chung, xung quanh niệm Phật.
- “Bất sanh bất diệt nghĩa là vô thường”, thế nào?
- Tham thiền rồi còn đi tụng giới sám hối.
- Chùa Cao Môn thấy mới, Chùa Kim Sơn thấy lạ.
- Thế nào là Mật tông?
- Tu Tịnh Độ qua A Tăng Kỳ kiếp được vãng sanh?
- Ôm chặt câu thoại đầu thì chắc chắn trở về nhà.
- Y kinh giải nghĩa, tam thế Phật oan,...
- Tụng kinh, niệm Phật, trì chú, tọa thiền, làm hết!
- Giải thích hai chữ "Giáo lý".
- Tụng kinh, chết hưởng một phần, sống sáu phần.
- Nhắc nhở câu thoại đầu cho người lâm chung.
- Tại sao có kinh liễu nghĩa và kinh bất liễu nghĩa?
- Nếu không đi sám hối, Bồ tát mà tham thiền?
- Làm tròn nhiệm vụ thì đánh mất câu thoại!
- Phật tử quy y vị tăng không chơn chánh.
- Chẳng màng đến lời khen chê của thế gian.
- Phân biệt chánh niệm và tà niệm.
- Theo pháp môn khác, phải phải thầy không?
- Như Lai Thiền và Tổ Sư Thiền.
- Kiến tánh biết sự bắt đầu của vạn vật chăng?
- Xưa nay chúng sanh thành Phật có bao nhiêu?
- Kinh này nói khác, ở kinh kia lại nói khác?
- Thế nào là thân trung ấm?

- Thiền nhờ tự lực, và Tịnh Độ nhờ tha lực?
- “Tứ Liệu Giải” phải của Vĩnh Minh không?
- Chẳng thấy được Phật thì tu để làm gì?
- Cái gì ngộ, nếu không thì sẽ đi vào ngoan không?

9.

- Tham thoại đầu phải trụ tâm vào đâu?
- Thế nào là Kiến hoặc và Tư hoặc?
- Làm thế nào để nhìn vào hầm sâu đen tối?
- Kiến tánh rồi thấy núi sông vẫn là núi sông?
- Một niệm muôn năm, muôn năm một niệm.
- Tham thiền để làm gì?
- Biết tự tại do ý thức gạt hay tỉnh chiêm bao?
- Tạo tội lỗi làm sao tham thiền thành Phật?
- Lục Tổ dùng thân thông có trái Thiền tông?
- Phật thành đạo 2519 năm hay vô lượng kiếp?
- Làm sao dứt được tập khí từ lâu đời?
- Thân, tâm xuất gia và thân, tâm tại gia.
- Tôn Giả Sư Tử kiến tánh rồi còn trả nghiệp?
- Nghi tình và cái nghi của tham sân si mạn.
- Dùng “Thế nào là đại ý Phật pháp” để tham.
- Tham thiền vượt ra ngoài nhân quả không?
- Nhập thất ba năm tham thiền được không?
- Không nhập làm sao tu được ngộ?
- Thế nào là biệt niệm?
- Thế nào là tham thiền tức tri kinh?
- Xin hỏi Ngài đã chứng quả hay chưa?
- Thấy cảnh giới an ổn, làm mất câu thoại đầu.
- Câu thoại bị gián đoạn lúc nào chẳng hay.
- Thiền tông tự mình tìm kiếm tri kiến Phật?
- Nhiều loại thiền, đều nói là tu theo Phật pháp.
- Sau khi chết gọi là Vô dư Niết bàn?
- Về việc tìm Tổ ấn chứng như thế nào?
- Giải quyết tình trạng giải ngộ là chứng ngộ?
- Đã kiến tánh sao lại còn bị gia hình?
- Sao nói bảy đời cha mẹ mà không nói tám đời?

- Hãy cúng dường chính mình.
- Cúng dường như thế nào là đúng pháp?
- Lúc tham thiền hay bị ngoại cảnh lôi kéo.
- Tự tánh là gì? Làm sao nắm chắc?
- Vậy ngộ ngã chấp như thế nào?
- Tổ Đức Sơn và ông tăng người nước Hàn.

10.

- Thế nào là hồi hướng?
- Chỉ chọn cách đi và ngồi trong tứ oai nghi?
- Tham thiền biết trước việc, có đúng đường lối?
- Nhờ người tụng kinh, tham thiền làm trợ lực?
- Đầu, thân phát ánh sáng, nghi và câu thoại còn.
- Nhìn chỗ hầm sâu đen tối, lâu ngày ngu si?
- Cơ thể và đầu tự quay, và hiện ra hình ảnh.
- Thế nào là sanh tử thiết?
- Thế nào là tứ tướng?
- Bồ thí thế nào không nắm lấy tướng?
- Xúc động khi gặp phải cảnh khổ của người khác.
- Câu thoại thành ánh sáng đom đóm hư không.
- Hành giả 80 tuổi kể lại cuộc đời đi tìm chơn lý.
- Tham thiền làm sao biết miên mật?
- Thiền Mặc Chiếu thuộc tông Tào Động?
- Chiếu mà chẳng có tướng chiếu.
- Quán chiếu vọng tưởng, liền thấy cội gốc.
- Giai đoạn đầu thiền Mặc chiếu là có năng sở!
- Thể nghiệm bản tánh thanh tịnh hằng liễu tri.
- Có biết đến cái chiếu đó không?
- Nhất như tu đạo, cứu huyền siêu thăng.
- Vô tình, cố ý gây phiền não cho người khác.

11.

- Xúc động và nổi lòng từ bi, đúng hay sai?
- Làm việc bồ thí, chẳng nghĩ thiện, ác.
- Sử dụng thuốc ngừa mối mọt.
- Tham "Niệm Phật là ai", đổi qua câu khác.
- Tham thiền đến lúc mãnh liệt rồi phải làm sao?

- Con nghĩ rằng câu thoại đầu tức trí huệ.
- Mất câu thoại đầu nhưng vẫn còn thắc mắc.
- Tham thoại đầu xen vào vô sở cầu, vô sở đắc,...
- Con người sống để làm gì?
- Thế nào là niệm mà chẳng niệm?
- Niệm trước chẳng sanh, niệm sau chẳng diệt.
- Ngộ nhập cái gì?
- Biết tất cả đều giả tạo, không theo nó.
- Muốn lia pháp đối đãi phải làm sao?
- Trí Bát nhã ở tại nơi con hay Đa Bảo Tháp?
- Đề nghi tình vỡ, cần gặp thiện tri thức không?
- “Sanh diệt đã diệt, tịch diệt làm vui” là thế nào?
- Sao biết một niệm trí huệ hay một niệm ngu?
- Vậy thế nào là cầu nơi chẳng cầu?
- Làm thế nào tâm vô sở đắc?
- Vậy làm sao bỏ được tâm chấp quấy?
- Lục Tổ đã tự ngộ, rồi ngộ thêm một lần nữa?
- Thế nào là đắc Bồ đề tâm?
- Tại sao nói giáo điển là việc hôm nay?
- Từ cảnh giới này sang cảnh giới khác.
- Người hạ căn làm sao khỏi bị trận mưa lớn?
- Kiến tướng phi tướng mới thấy Như Lai.
- Chết quên hết rồi, kiếp sau làm sao tiếp tục?
- Sai phạm đường lối thực hành tham thiền.
- Tham thiền có một thời gian rất buồn ngủ.
- Nỗi lo âu thắc mắc, nhưng không biết là gì?
- Câu thoại đầu mình tham là bệnh?
- Dậy sớm để tham thiền có sao không?
- Tạo tất cả tội, làm sao được kiến tánh?
- Làm sao phát khởi tín tâm?
- Ngã chấp rất rộng, lấy vô sở đắc,... để phá?
- Ngoài thoại đầu ra không riêng có sanh tử,...
- Mất công phu, lại đổ lỗi cho mọi người.
- Hữu tình vô tình đồng thành Phật đạo.
- Tham thiền, niệm Phật cũng là câu thoại đầu?

- Thế nào là nghi tình tức tự tánh?
- Làm thế nào nơi nào cũng thiền đường?
- Có thể biết thêm kinh nghiệm của chư Tổ!
- Vô tướng mới thấy tánh, vô niệm mới thấy tâm.
- Tự nhiên tuôn trào những thơ kệ.
- Không sanh tâm sân, rất tự tại thấy thương họ.

12.

- Mục đích tham thiền là gì?
- Thế nào là ngũ đình tâm quán?
- Muốn kiến tánh phải là có sở cầu không?
- Lời Phật không thật, phải lừa gạt người?
- Nói “Tâm không” thì Không đó về đâu?
- Cái gì đã chướng ngại cho sự vào đạo?
- Lấy vô trụ làm gốc, vô tướng làm thể,...
- Tổ Sư Thiền nên tu xuất gia hay tại gia?
- Chấp thành bệnh, trước thành ma, ...
- Thế nào là hiện tại chẳng trụ?
- Thế nào thâm tín tự tâm?
- Thế nào là Không và Có?
- Càng hiểu thiền hiểu đạo thì ngã chấp càng cao?
- Đề câu thoại đầu lên là giúp được phá ngã chấp.
- Lão tăng 30 năm chẳng tạp dụng tâm, ...
- Cúng dường xong con lại cảm thấy tác ý quá!
- Làm sao tu không bị ngoại cảnh chướng ngại?
- Ngũ chu lục tướng trong kinh Hoa Nghiêm.
- Đến chỗ vắng lặng để tham thì tâm tánh nổi lên.
- Một ngày không làm, một ngày không ăn.
- Tham Thoại đầu có phải việc của ngày hôm nay?
- Không khởi được nghi tình, vậy phải làm sao?
- Làm sao thấy được bản tâm bản tánh của mình?
- Thế nào là pháp thân thường trụ mà chẳng trụ?
- Vậy tín tâm là tin cái gì?
- Tại sao tham thiền không được tìm hiểu?
- Chưa từng nói một chữ, câu thoại đầu thì sao?
- Đang khi dụng tâm mà không có tâm để dùng.

- Hành giả tham thiền làm gì hỗ trợ người chết?
- Làm sao mới không phá hoại pháp thế gian?
- Cho niệm hiện tiền đó là chánh niệm!
- Nghi tình nổi lên ù ù, đã đến thoai đầu chưa?
- Thế nào là trên đầu một chữ Như?
- Tham thiền có thu nhiếp lục căn không?
- Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn.
- Mục đích của hai thời công phu là gì?
- Làm sao trở về Đa Bảo Tháp?
- Nghi sanh tử và nghi thoai đầu là một hay hai?
- Thế nào là chiếu soi tự tánh?
- Tu mà không cầu thì tu để làm gì?
- Tề Hoàng Công và thợ đẽo bánh xe.
- Vậy xem kinh học Phật để làm gì?
- Tham thế nào để khỏi phỉ báng Phật pháp?
- Đền Bà Đạt Đa có mật hạnh gì?
- Một nén hương tiêu được đầu vàng.
- Khởi nghi tình có ảnh hưởng đến vong linh?
- Thế nào là mua bán Như Lai?
- Không đọc Kinh, thì những bộ kinh để làm gì?
- Thuyết pháp là có trụ và có cầu không?
- Có khẩu quyết tương truyền, tham thiền thì sao?
- Cho tâm được tịnh mà không phải bệnh?

13.

- Kiến tánh không còn đối đãi thì chúng ai biết?
- Không diễn tả được, có thể chỉ ra được không?
- Chẳng có thật có giả, tu để làm gì?
- Duy Ma Cật nói “lời nói cũng là giải thoát”?
- Dùng âm thanh lời nói để tỏ bày tự tánh không?
- Người vượt qua đầu sào trăm thước đó là ai?
- Kể ông sư ở Từ Ân để cảnh sách đại chúng.
- Làm thế nào sự tu được nhiều lợi lạc?
- Tự tánh vốn trong sạch, sao lại bao gồm cấu bần?
- Thế nào là ly đạo và nhập đạo?
- Chữ Đạo đây có phải biệt danh của tự tánh?

- Tổ Sư lập "Vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ"?
- Làm thế nào dứt được chữ "ái"?
- Quyền trí và thật trí đều là tà.
- Thế nào là đủ duyên không hành là bệnh?
- Lời cảnh sách Ni chúng Chùa Thiên Đức.
- Biết như thế nào là chơn chánh?
- Chúng sanh là Phật, vì vọng thành chúng sanh.
- Vừa tham thiền vừa đi cúng dường.
- Thế nào là niệm khởi và niệm chẳng khởi?
- Tham thiền đối phó với ngoại cảnh như thế nào?
- Vô niệm của niệm Phật và vô niệm của tham thiền.
- Đến Mặt hậu Lao quan có thần thông không?
- Tham thiền sợ nhất sự thông minh lanh lợi.
- Hành giả tham thiền nên đối xử với mọi người?
- Sự trì giới của Hoàng Nhất Luật Sư như thế nào?
- Chẳng cùng với vạn pháp làm bạn là người gì?
- Thế nào tất cả ngôn ngữ đều chẳng có nghĩa thật?
- Cho một lời nói vô vị không?
- Ngoại đạo hay chánh đạo cũng có thể tham thiền.
- Khai thị cô Diệu Thuật đang bệnh nặng.

14.

- Tham thiền cần trường chay và cấm dục không?
- Dùng câu thoại đầu, câu niệm Phật,... cho an tâm.
- Tu thế nào mới đúng tông chỉ?
- Tại sao nổi lên lòng từ bi là vọng?
- Tự tánh vô hình tướng, tại sao nhiều tên gọi?
- Thiền thất và Phật thất có khác nhau không?
- Học biết nhiều rồi mới tham thiền, được không?
- Không học kinh, lấy gì trả lời câu hỏi Phật tử?
- Người đến hỏi về pháp tu, phải trả lời ra sao?
- Cúng cô hồn có phải là của Phật giáo không?
- Thế nào là Tự tánh Niết bàn và Vô trụ Niết bàn?
- Nữ theo pháp của ta thì chánh pháp mau hoại.
- Bốn điều dễ và bốn điều khó là thế nào?
- Phật có con là La Hầu La và Bồ tát Thiện Tinh?

- Nhân duyên gì Tổ sư lập ra tam quan?
- Người phá sơ quan rồi còn tạo nghiệp không?
- Chúng sanh tạo nghiệp gì đọa vào Cõi A Tu La?
- Thế nào là vật bất thiên?
- Khởi nghi tình không bao lâu sẽ phát huệ?
- Không có thầy bên cạnh, có thể tham thiền?
- Tụng kinh để tiêu nghiệp rồi mới tham thiền?
- Hủy Phật tội nhẹ, báng Pháp Hoa tội nặng.
- Công phu sống thông thẳng qua, sau khi chết?
- Diệu Thuật Ưu bà di, tham thiền cần phải nghi.

15.

- Mắt huệ sáng, lý tánh thông, chí kiên cố.
- Kinh liễu nghĩa và kinh bất liễu nghĩa.
- Tiểu nghi tiêu ngộ còn phải tham tiếp không?
- Điểm nào sai ở Đại Thừa Khởi Tín Luận?
- Bất cứ việc gì con đều mặc kệ, đúng sai?
- Khai thị giúp cho dứt tập khí được không?
- Người kiến tánh còn có sở sợ không?
- Tánh thật vô minh tức Phật tánh.
- Thủ Lăng Nghiêm thuộc tiệm, sao nói là đốn?
- Biết củng cố niềm tin, cần chấm dứt không?
- Giáo môn lại nói đốn ngộ rồi phải tiệm tu?
- Thế nào là bất lập văn tự?
- Lập trường người tham thiền như thế nào?
- Đến chỗ thanh tịnh, cần gì tham thoại đầu?
- Làm sao vượt qua được tình thức?
- Phật thuyết kinh, Tổ lại Giáo ngoại biệt truyền?
- Phật đưa lên cảnh hoa, Ca Diếp được ngộ?
- Tại sao kiến tánh của chư Tổ lại khác nhau?
- Thế nào gọi là Chánh Biến Tri?
- Diệu tâm biến hiện và Chơn tâm duyên khởi?
- Độ chúng sanh có dùng vô thi vô minh không?
- Sao vô minh vọng động biến thành chúng sanh?
- Vô thi vô minh có cùng khắp không?
- Không chấp thì vô thi vô minh là Chơn như.

- Sao gặp Sư phụ cứ muốn hỏi hoài?
- Làm điều làm lỗi, chướng ngại nhận lại tự tánh?
- Truyền thừa của Ngài về pháp Tổ Sư Thiền?
- Công phu gặp trở ngại, biết hỏi ai?
- Lời của chư Tổ đều chưa qua khỏi vô thi vô minh?
- Kiến tánh và chứng quả khác nhau như thế nào?
- Tam tạng giáo điển của Phật chẳng phải chơn lý?
- Chúng con có thể tự độ được không?
- Dùng kiến văn giác tri chuyển thức thành trí.
- Bất nhị là gì?
- Không dùng lời nói, người sau sao biết Phật pháp?
- Tụng Pháp Hoa và tu Tổ Sư Thiền, phước đức?
- Phật tử đến chùa tụng kinh gieo nhân gì?
- Quy củ tối thiểu khi đến dự Thiền thất?
- Cách nào tôn trọng 3 chữ "Vô sở cầu"?
- Khi nghi tình thành khối phải nổi vọng tưởng?
- Làm thiện không lọt vào nơi thiện?
- Làm mà không chấp, làm mà chẳng trụ.
- Thường ứng chư căn dùng,...
- Cái "không biết" lấy gì đối trị?
- "Vạn pháp duy tâm tạo" là không đúng?
- Thật tánh vô minh tức Phật tánh.
- Tham thoại đầu có phải cứu xét tự tánh?
- Hành giả tham thiền gặp người vãn nạn?
- Tham thiền tại sao không tụng kinh?
- Thệ nguyện đã phát trước kia, phải làm sao?
- Muốn ra sức dụng công trong bảy ngày?
- Vọng tưởng làm phiền muộn, vậy làm sao?
- Tham thoại đầu suốt ngày đêm, có bận rộn?
- Trả lời của Thiền sư thường chẳng ý nghĩa?
- Đại Thừa Khởi Tín chẳng phải Mã Minh?
- Thực hiện được vô ngã là ngộ đạo?
- Khai thị một phương tiện thẳng tắt.

16.

- Trước tu Tịnh Độ, nay chuyên tham thiền?

- Vậy Có tông chỉ của Tịnh Độ không?
- Thiên tông và Tịnh độ một thể, phải không?
- Đệ tử của Phật không ai dám đi thăm bệnh?
- Con trùng đứt làm hai thì tánh nó ra sao?
- Tham thiền vô ngôn thuyết, lấy gì để dạy người?
- Trước khi tắt thở, chúng con phải làm gì?
- Khi liệm có cần mang y theo không?
- Thế nào là sự thấy của người trí và kẻ ngu?
- Vậy thế nào là pháp xuất thế gian?
- Ý nghĩa xuất gia như thế nào?
- Duy Ma Cật phê bình các vị đại Thánh Tăng.
- Cúng dường như thế nào mới đúng pháp?
- Chơn nghi có khi nào bị thoái chuyển không?
- Người tham thiền hay bị lạc vào các lối tẻ.
- Bát nhã quán không, Phương tiện quán hữu.
- Thiên nữ lại biến Xá Lợi Phất thành người nữ?
- Dùng cái không biết chắm dứt tất cả biết.
- Khảo công phu sau mỗi kỳ Thiền thất.
- Tới cảnh giới yên tịnh là thế nào?
- Thế nào là lia sanh có thiền tướng?
- Làm sao tháo gỡ tam độc tham sân si?
- Đến nay con vẫn thấy cây còn động?
- Dụng công thế nào được thâm nhập công phu?
- Đức Phật là người đầu tiên được giác ngộ?
- Có thể tự giác ngộ, hay bắt buộc phải có thầy?
- Đã là sách giác ngộ, tại sao còn sơ sót?
- Sa di, Tỳ Kheo là tận hình thọ, Bồ Tát giới?
- Chữ Thôi này là thôi cái gì?
- Niệm Phật một câu tiêu tám muôn ức kiếp tội.
- Vì sao Kinh Kim Cang có hai phần giống nhau?
- Nghi tình thành khối mới thật chắm dứt cái biết.
- Không có xứ sở làm sao biết?
- Tham là chánh tri, nghi là chánh hạnh.
- Mặt mũi của ta không phải như thế này!
- Xin Sư phụ chỉ cho cách buông bỏ?

- Con chó nhảy qua tường.
- Làm sao biết là khai tiểu ngộ?
- Dự đám tang mang theo chuông báo hiệu.
- Việc đốt liêu trên thân như thế nào?
- Thế nào "không trụ tướng bố thí"?
- Đại tượng vô hình, không thấy mà thấy.
- Tri chảng có hai người, pháp chảng có hai thứ.
- Sau khi ngộ lấy vô tâm làm chánh dụng.
- Ngộ sao còn đi bác sĩ chữa bệnh?
- Nghiên cứu Thiên Đạo Tu Tập và Thiên Luận?
- Ra sức tham thiền có ảnh hưởng gì không?
- Sư phụ ra đi, người phát tâm tham thiền?

LỜI NÓI ĐẦU

Quyển Ngữ Lục này là tập hợp từ những lời thị chúng của Thiền sư Duy Lực trong những kỳ thiền thất tại Việt Nam kể từ năm 1983 cho đến những năm tháng cuối đời. Cứ hằng tháng Ngài cho mở một khóa tu bảy ngày ở mỗi Thiền Đường cho các hành giả tu Thiền, gọi là Đả Thiền Thất, để hướng dẫn đại chúng chuyên sâu trong sự nghiệp tu hành. Những lời dạy trước sau đều được đồ đệ ghi âm lại để làm tài liệu tham khảo.

Bởi là những giải đáp từ các câu hỏi trực tiếp nên có tính thực tiễn, giải tỏa được những gút mắc của người tham thiền. Sau khi Ngài thị tịch, nhiều Tăng, Ni, Phật tử yêu cầu, khuyến khích chúng tôi ghi chép lại những lời khai thị trên để in thành sách.

Thuở sinh tiền, có người hỏi Thiền Sư: Sau khi Sư phụ đi vắng, nếu có thắc mắc gì chúng con biết hỏi ai? Ngài đáp: Có thắc mắc thì gom lại viết thư để tôi trả lời; hoặc xem Kinh sách, Ngữ Lục tôi đã dịch thuật, hoặc nghe băng rồi ghi lại lời giải đáp mấy năm qua, theo đó mà tu.

Nhận thấy đây là những lời di huấn vô cùng quý báu và cần thiết cho những hành giả tham thiền, nên chúng tôi không ngại sự nông cạn của mình, nguyện cố gắng thực hiện Ngữ Lục này hầu làm tài liệu cho người hiện tại và đời sau tham khảo.

Trong quá trình sao lục, chúng tôi vẫn trân trọng giữ trung thực những lời dạy của Người, chỉ xin mạn phép lược qua những phần trùng lặp, tránh đi đôi điều không cần thiết. Mặc dù hết sức cố gắng, tuy nhiên chắc chắn không thể tránh khỏi thiếu sót. Kính mong chư hành, đọc giả từ bi chỉ giáo.

Vì lời dạy của chư Phật, chư Tổ xưa nay vừa nói liền phá, chỉ là phương tiện tạm thời để trị bệnh chấp của chúng sanh, nay đem dây dưa bày ra, mong đọc giả được ý quên lời, nếu chấp lời nghịch ý, thì tội của những người thực hiện đã đáng ba mươi gậy!

Đại diện nhóm thực hiện: Mai Thắng Nghĩa.

Tiểu Sử
THIÊN SƯ THÍCH DUY LỰC
Tọa Chủ Từ Ân Thiên Đường Hoa Kỳ

Thời Thơ Ấu.

Sư hiệu Duy Lực, tự Giác Khai, thế danh La Du sanh ngày 05 tháng 05 năm 1923, là người làng Long Yên, huyện Phong Thuận, phủ Triều Châu, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc. Cha tên là La Xương và mẹ tên là Lư Thị, làm nghề nông. Sau khi tốt nghiệp phổ thông cấp 1, thi Sư phải nghỉ học, theo cha sang Việt Nam sinh sống, lúc đó Sư được 16 tuổi (1938). Trú tại tỉnh Cần Thơ, Sư thường tranh thủ tự học trong lúc rảnh rỗi. Đến năm 26 tuổi (1948), thi đậu bằng giáo viên Hoa Văn và được mời dạy ở các trường tiểu học tỉnh Tà Keo Cao Miên (*nay là Campuchia*), và trường Khải Trí ở Cần Thơ, Trường Cái Vồn ở Vĩnh Long, Việt Nam, trải qua 10 năm. Năm 1958, sau khi lấy bằng Đông Y Sĩ cấp 1, Sư được mời làm đông y sĩ cho tiệm thuốc Tế Nguơn Đường Cà Mau và Minh Nguyệt Cư Sĩ Lâm tỉnh Cần Thơ để khám bệnh miễn phí cho dân trong thời gian 8 năm.

Trong tủ sách của Cư Sĩ Lâm có bộ Kinh Tục Tạng gồm 150 quyển, lúc đầu Sư định đọc hết toàn bộ, nhưng trải qua một năm chỉ xem được 7 quyển, sau quyết định chỉ xem phần Thiên Tông. Lúc đó Sư theo Pháp sư Diệu Duyên tham học Tổ Sư Thiên (*Pháp Sư Diệu Duyên đã nhiều năm thân cận Lai Quả Thiên sư và Hư Vân Thiên Sư, và Ngài tịch vào năm 1976 tại Chùa Thảo Đường Việt Nam*).

Thời Kỳ Xuất Gia Học Đạo.

Vào mùng 08 tháng 02 năm 1973, Sư được Hòa Thượng, thượng Hoàng hạ Tu cho xuất gia tu học tại chùa Từ Ân, Quận 11, Chợ Lớn. Tháng 05 năm 1974, Sư thọ giới Tam Đàn Cụ Túc tại Chùa Cực Lạc Malaysia.

Từ đó Sư chuyên tham câu thoại đầu "Khi chưa có trời đất ta là cái gì" trải qua nhiều năm, một hôm do đọc quyển "Trung Quán Luận" đến câu "Do có nghĩa Không nên thành tựu tất cả pháp" đốn ngộ ý chỉ "Từ Không Hiện Dụng", lại tỏ ngộ câu Không sanh nơi đại giác, như biển nổi hòn bọt, vô số nước hữu lậu, đều từ Không sanh khởi, trong Kinh Lăng Nghiêm, với câu "Lấy Vô Trụ làm gốc" của ngài Lục Tổ; "Từ gốc Vô Trụ lập tất cả pháp" của ngài Duy Ma Cật vốn cùng một ý chỉ, Vô Trụ tức Tánh Không, thể Chơn Như vốn Không mà tự hiện bày sự dụng; thể và dụng của Chư Phật với chúng sanh vốn chẳng hai chẳng khác, cùng khắp không gian thời gian, nơi thánh chẳng thêm, nơi phàm chẳng bớt, dù là phàm phu mà sức dụng của Phật tánh chẳng kém hơn Phật, cũng chẳng từng gián đoạn, chỉ vì chúng sinh ứng dụng hàng ngày mà chẳng tự biết.

Thời Kỳ Hoằng Pháp.

Ngày mùng 2 tháng 4 năm 1977 Sư thừa lệnh ân sư (*Hòa Thượng Hoàng Tu*) ra hoằng pháp Tổ Sư Thiên tại chùa Từ Ân, đường Hùng Vương Quận 11 TP HCM. Hai năm sau, tứ chúng phật tử qui tụ ngày càng đông, phật tử người Việt theo tu học pháp Tổ Sư Thiên hơn 4000 người, mỗi lần tham dự thiền thất đều vượt trên 300 người.

Tháng 02 năm 1989, Sư di cư đến tiểu bang California nước Hoa Kỳ và sáng lập Từ Ân Thiên Đường tại Orange County. Đến thiên đường học đạo có người Tây Phương và người Á Châu, trong đó người Việt Nam đông nhất. Những năm gần đây, Sư thường được thỉnh đến các nước như Chùa Chánh Giác ở Toronto, Canada, Chùa

Quan Âm ở Brisbane Australia, Hồng Kông, Tịnh xá Đại Bi ở Đài Loan để hoằng pháp và các thiền đường ở Mỹ để giảng dạy pháp Tổ sư Thiền.

Riêng ở Việt nam, bất cứ nơi nào mời, Sư đều tùy duyên giảng dạy, như đã Thiền Thất tại chùa Từ Ân Quận 11, chùa Hưng Phước đường Cách Mạng Tháng 8 quận 3, Chùa Pháp Thành Quận 6, Chùa Sùng Đức Quận 6, Chùa Huệ Quang Quận Tân Bình, Đại Tòng Lâm, Ni Viện Thiện Hòa Bà Rịa Vũng Tàu, và tại các tỉnh Long An, Sóc Trăng, Tây Ninh Khánh Hòa, Bình Định..

Năm 1996 Sư lập một nông thiền trồng rau sạch không dùng phân bón và thuốc sát trùng tại Củ Chi, Sai Gòn.

Đến năm 1998, Sư đã được Ban Hoằng Pháp Trung Ương Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam, mời thỉnh vào Ban Hoằng Pháp Trung Ương, với cương vị Ủy Viên Ban Hoằng Pháp Trung Ương, Sư đã được Giáo Hội phân thỉnh giảng tại các Khóa Bồi Dưỡng Hoằng Pháp ngắn hạn cho các tỉnh Miền Trung tổ chức tại Bình định, cho các tỉnh Miền Đông, TP Sài Gòn và Miền Nam tại Văn Phòng 2 Trung Ương Giáo Hội.

Đến năm 1999 Sư thành lập phòng khám bệnh và phát thuốc miễn phí tại huyện Long Thành tỉnh Đồng Nai cũng nhằm tùy duyên hóa độ chúng sinh, trong hoàn cảnh khó khăn của sự phát triển tôn giáo tại Việt Nam.

Dịch Thuật Các Kinh Sách Và Trước Tác.

Ngoài ra Sư còn trước tác, dịch thuật và chú giải từ tiếng Hán sang tiếng Việt các kinh điển và ngữ lục của Tổ sư hơn 20 loại, lượng sách phát hành tại Việt nam trên mấy mươi ngàn quyển. Các kinh sách tiếng Việt và một số bằng tiếng Hoa được phát hành bao gồm:

Dịch Thuật Và Chú Giải:

Kinh Lăng Nghiêm, Kinh Lăng Già, Kinh Pháp Bảo Đàn, Kinh Viên Giác, Kinh Duy Ma Cật, Đại Huệ Ngữ Lục, Tham thiền Cảnh Ngữ (*tác giả: Hòa Thượng Bác Sơn*), Thiền Thất Khai Thị Lục (*tác giả: Lai Quả Thiên Sư*), Bá Trượng Quảng Lục và Ngữ Lục, Truyền Tâm Pháp Yếu, Trung Phong Pháp Ngữ, Cội Nguồn truyền Thừa, Chư Kinh Tập Yếu, Tín Tâm Minh Tịch Nghĩa Giải

Trước Tác:

Góp Nhặt Lời Phật Tổ và Thánh Hiền, Công An Của Phật Thích Ca & Tổ Đạt Ma, Phật pháp với Thiền Tông, Đường Lối Tham Tổ Sư Thiền, Danh Từ Thiền Học, Vũ Trụ Quan Thế Kỷ 21, Yếu Chỉ Trung Quán Luận, Yếu Chỉ Phật Pháp...

Viên Tịch.

Sư biện tài vô ngại, tùy duyên hóa độ và tận tụy với hoằng pháp lợi sanh, chẳng kể gian lao, không từ khó nhọc. Người xưa có nói "Bồ Tát dĩ lợi sanh vi bản hoài", (*Bồ Tát luôn luôn vì lợi ích chúng sanh mà cứu giúp*) thật khế hợp với Sư biết bao.

Hóa duyên kỳ tặc, Sư viên tịch vào lúc 10 giờ 30 phút ngày 07-1-2000 tại California Hoa Kỳ, tức ngày mùng 01 tháng 12 năm Kỷ Mão, nhằm lúc 01 giờ 30 phút giờ Việt Nam ngày 02 tháng 12 năm Kỷ Mão (*tức ngày 08 tháng Giêng năm 2000*).

PHẦN 1.

Hỏi: Thế nào là chơn không diệu hữu?

Đáp: Chơn không Diệu hữu thuộc về Giáo môn. Giáo môn nói đến Tự tánh về Có và Không: Không là Chơn không, Có là Diệu hữu; ý là cái “có” chẳng phải thật có, cái “không” chẳng phải thật không, là muốn mọi người không có chấp thật. Vì chấp thật là bệnh của chúng sanh, sở dĩ có cái khổ sanh tử luân hồi đều do bệnh chấp thật sinh ra. Tự tánh chẳng thể dùng lời nói tỏ bày, nói Chơn không Diệu hữu cũng là phương tiện tạm thời mà thôi.

Vậy thế nào là Diệu hữu, thế nào là Chơn không? Chữ Diệu trong kinh Phật là vi diệu, bất khả tư nghì, chẳng thể dùng tâm suy lường được; những gì có thể dùng tâm suy nghĩ tức chẳng phải là diệu. Cái Không tức thật không, hư không này chẳng phải thật không, chẳng phải chơn không, vì hễ người kiến tánh thì hư không tan nát, nếu là chơn không thì chẳng tan nát được.

Tôi giảng về Chơn Không là hiển bày cái dụng: Không tức trống rỗng, trống rỗng tức không, ấy là cái dụng; có rỗng không chúng ta mới có thể ngồi tại đây, như cái bàn này, nếu chẳng có Không thì chẳng thể sử dụng, cái tách chẳng có cái Không thì chẳng thể đựng nước đựng trà v.v. Nên phạm nói đến cái Không là để hiển bày cái dụng; muốn dụng ắt phải có cái Không, chẳng có cái Không thì chẳng thể sử dụng được. Cái Không lớn chừng nào thì sự dụng phát huy lớn chừng ấy.

Dụng của Tự tánh cũng vậy, sở dĩ mình sử dụng chẳng được là do các thứ tham sân si, phiền não che lấp cái Không, nay tham thiền dùng “cây chổi automatic” quét trống được bao nhiêu thì cái Không hiển bày được bấy nhiêu, tự động xài ra. Không tới cực thì dụng tới cực, tức là Phật. Trước mắt dùng chưa được, chỉ có thể tạm gọi là “tiềm năng”, tức tiềm trong Tự tánh, đợi khi nào quét trống không rồi thì tự hiện ra cái dụng, như thế mới có thể gọi là Chơn không, cũng gọi là Diệu hữu. Bởi vì nếu không phát huy được sự dụng thì chẳng thể gọi là Diệu hữu.

Tức không tức dụng, tức dụng tức không, Chơn không Diệu Hữu đồng thời. Diệu hữu là dụng, Chơn không là thể, thể với dụng đồng thời, không có phân chia, ấy mới đúng với nghĩa “Tự tánh bất nhị”. Nếu chia ra thể và dụng tức đã thành hai, vì để giải thích nên mới nói thành hai vậy. Nay chúng ta chỉ thấy được cái dụng, muốn tìm ra cái thể thì chẳng thể được. Phật tử tham thiền, đề khởi câu thoại đầu thì tự động hiện ra cái dụng, chẳng cần tác ý. Như tôi thường kể về cầu thủ Trương Quốc Anh (thủ môn), không qua tác ý mà chụp được quả banh. Trước khi chưa tham thiền, khởi tâm muốn chụp được quả banh lại bị tuột mất, nay anh ấy đang ở Paris, thường tham gia các trận đấu tại Đức, Thụy Điển v.v. đều giành được thắng lợi, ấy là sự dụng automatic, không cần qua bộ não. Điều này nếu theo sự phân tích của khoa học thì thật vô lý, nhưng thật tế là vậy. Bởi vì dụng của Tự tánh chẳng cần qua bộ não nhưng làm việc của bộ não, nên mới gọi là Diệu hữu, chẳng thể hiểu theo tâm suy nghĩ.

Hỏi: Thế nào là nghĩa ba câu trong kinh Kim Cang?

Đáp: Như câu “Chúng sanh, tức phi chúng sanh, thị danh chúng sanh”; “Thế giới, tức phi thế giới, thị danh thế giới”; “Đệ nhất Ba La Mật, tức phi đệ nhất Ba la mật, thị danh đệ nhất Ba la mật”. Kinh Kim Cang từ đầu đến cuối đều chẳng ngoài nghĩa ba

câu này. Câu thứ nhất chấp "thị chúng sanh" là đúng, câu thứ nhì quét câu thứ nhất nhưng lọt vào cái "phi", câu thứ ba "thị danh" tức là giả danh. Câu thứ nhất "thị chúng sanh" là giả danh, câu thứ nhì "phi chúng sanh" là giả danh, câu thứ ba "thị danh chúng sanh" cũng là giả danh. Nên câu thứ ba quét câu thứ nhất, câu thứ nhì và quét luôn cả câu thứ ba, quét triệt để mới đúng là nghĩa ba câu.

Nghĩa ba câu với nghĩa tứ cú giống nhau, cũng là quét triệt để, chẳng trụ ở cú nào. Nếu chúng ta thấu suốt được, chẳng những nghĩa ba câu của kinh Kim Cang, bất cứ kinh nào cũng vậy, không ngoài ý nghĩa ba câu và tứ cú kệ. Đối với vũ trụ vạn vật cũng thế: Cái tách, tức phi tách, thị danh tách; cái bình, tức phi bình, thị danh bình; cái ta, tức phi ta, thị danh ta; Phật, tức phi Phật, thị danh Phật v.v. chẳng ngoài nghĩa ba câu của kinh Kim Cang vậy.

Hỏi: Làm sao hàng phục vọng tâm?

Đáp: Làm sao hàng phục được ư? Hễ khởi niệm thì lọt vào cú thứ nhất, "Không khởi niệm" lọt vào cú thứ hai, "Chẳng khởi niệm chẳng không khởi niệm" lọt vào cú thứ ba, "Cũng khởi niệm cũng không khởi niệm" lọt vào cú thứ tư. Muốn hàng phục chỉ có tham thoại đầu khởi lên nghi tình, ngoài ra chẳng còn cách nào khác! Chính cái nghi tình "không hiểu không biết" là cây chổi automatic hàng phục hết! Có hàng phục được mới an trụ được, nếu không thì làm sao an trụ? Khi đề khởi câu thoại đầu, không cần biết đến có chạy theo lục trần hay không, hễ có chạy theo hay không chạy theo đều nằm trong tứ cú, nên chẳng biết tới.

Hỏi: Thế nào là "Thị pháp trụ pháp vị, thế gian tướng thường trụ"?

Đáp: Ấy là trong kinh Pháp Hoa. Nếu nói đến "Thế gian tướng thường trụ" Thì thế gian tướng là tướng sanh diệt, làm sao thường trụ được? Nhưng vì có câu "Thị pháp trụ pháp vị", tức là pháp nào trụ theo ngôi pháp đó; ví như cái tách thì trụ nơi ngôi pháp tách, khi nào cái tách đập bể rồi thì pháp vị "tách" mất, trụ ngôi pháp vị miêng, hiện tiền trụ ngôi pháp vị miêng. Nếu đem miêng đốt thành tro thì trụ ngôi pháp vị tro, một lần gió thổi tro bay mất, từ pháp vị tro đổi thành pháp vị không, trụ nơi pháp vị "không". Thế gian tướng thường trụ nơi pháp vị hiện tiền ấy: Pháp vị "sanh" hiện tiền trụ ngôi pháp vị sanh, Pháp vị "diệt" hiện tiền trụ ngôi pháp vị diệt, nên nói Thế gian tướng thường trụ, là cái dụng của Tự tánh vậy. "Thị pháp trụ pháp vị, thế gian tướng thường trụ", có thể nói là hai câu cao nhất trong kinh Pháp Hoa.

Hỏi: Thiền tông lấy câu "Niệm Phật là ai" để tham, Tịnh độ niệm Phật lấy câu "A Di Đà Phật", vậy sự thù thắng như thế nào để đạt đạo?

Đáp: Đức Phật dạy chúng sanh tu hành gồm tám mươi bốn ngàn pháp môn, tùy theo căn cơ của mọi chúng sanh. Mục đích của Phật chỉ muốn mọi chúng sanh đều thành Phật, đạt đến tự do tự tại, vĩnh viễn thoát khỏi tất cả khổ. Sở dĩ có tám mươi bốn ngàn pháp môn là tùy theo căn cơ trình độ, sở thích của từng chúng sanh, do vọng tâm của chúng sanh muôn ngàn sai biệt nên mới dạy nhiều pháp môn, nhưng qui tụ lại thành bốn loại: Tham thiền, niệm Phật, trì chú, quán tưởng.

Tham thiền là tham câu thoại đầu, niệm Phật là Tịnh độ, hai cách tu khác nhau. Tông chỉ của Tịnh Độ là Tín, Nguyện, Hành.

Tín là tin, gồm có ba:

- 1/ Tin lời của Phật không vọng ngữ.
- 2/ Tin kiếp này sẽ được vãng sanh.
- 3/ Tin Cõi Tịnh Độ không bệnh không già không chết, muốn gì được nấy.

Nguyện có hai: Đại nguyện và tiểu nguyện.

Thế nào là tiểu nguyện? Là cầu cho mình được vãng sanh. Nhưng tiểu nguyện thì không hợp nhân quả, không được vãng sanh. Tại sao? Như đã kể trên, tin Tịnh độ không có già, không bệnh, không chết thì làm sao có đi đâu thai để trả nợ? Phật pháp là nói về nhân quả; hề tạo thiện nhân thì được thiện quả, tạo ác nhân ắt chịu ác quả, thiện quả tạm gác qua, về ác quả thì từ nhỏ tới lớn có ăn thịt cá không? Có sát sanh không? Cho dù bắt đầu từ bụng mẹ ra chưa hề đập chết con muỗi, không đập chết con kiến, thế còn có ăn thịt không? Có ăn cá không? Nếu có, ăn một miếng thịt phải trả nợ một miếng thịt, ăn một con cá phải trả nợ một con cá, ấy mới hợp với nhân quả. Nếu vãng sanh Cực Lạc không trở lại nữa thì ai đâu thai trả nợ? Thế là không hợp với nhân quả rồi! Không hợp nhân quả thì không phải Phật pháp, nên nói tiểu nguyện không hợp với nhân quả, phải phát đại nguyện.

Đại nguyện như thế nào? Ví như người thiếu nợ không có tiền trả, hẹn lại kỳ sau: Những nợ mạng nợ thịt mà mình thiếu, nay dù làm việc thiện bố thí cúng dường, đều hồi hướng cho tất cả chúng sanh, nguyện cùng ta sanh Cõi Cực Lạc, còn những chúng sanh chưa sanh Cõi Cực Lạc thì sau khi ta thành Phật rồi sẽ trở về độ hết tất cả chủ nợ, tất cả chúng sanh, ấy mới là đại nguyện, mới hợp nhân quả.

Lại, có hai thứ hạnh khi niệm Phật: Tán tâm niệm Phật và Nhất tâm niệm Phật. "Nhất tâm niệm Phật một câu hơn tán tâm niệm Phật ngàn lần". Thế nào là tán tâm niệm Phật? Vừa niệm Phật vừa lo đủ thứ việc nhà, việc làm, lo phật sự, lo ứng phó thí chủ v.v. Còn nhất tâm niệm Phật là chỉ biết niệm Phật, ngoài ra không biết đến việc khác.

Làm thế nào có thể nhất tâm niệm Phật? Ngài Ấn Quang Pháp sư, Tổ thứ mười ba Tông Tịnh Độ Trung Quốc dạy về nhất tâm niệm Phật bằng cách ghi số (nhớ số) niệm Phật, từng câu một, từ 1 nhớ đến 10. Ví như niệm một câu "A Di Đà Phật" nhớ là 1. (*chứ chẳng phải niệm thành A Di Đà Phật 1, A Di Đà Phật 2*). Vậy từ 1 nhớ đến 10, nếu dài quá nhớ không hết thì chia thành hai đoạn như từ 1 - 5, từ 6 - 10, hoặc chia thành ba: 1 - 3, 4 - 6, 7 - 10. Đến khi nào thuộc lòng rồi bỏ sự ghi số mà chỉ niệm Phật, đến lúc quen thuộc rồi bốn chữ A Di Đà Phật luôn ở trong tâm, niệm cũng ở trong tâm, không niệm cũng ở trong tâm, ấy gọi là "Niệm mà không niệm, không niệm mà niệm", đạt đến nhất tâm bất loạn vậy.

- Nhưng pháp môn niệm Phật là chấp thật, cần có chữ Tín; tham thiền là phá chấp thật, cần có sự nghi. Tức là niệm A Di Đà Phật cần có lòng tin, còn tham câu "Niệm Phật là ai" cần phải nghi. Do đó, nói "Thiền Tịnh song tu" là không được, hề tu Tịnh Độ phải đúng theo tông chỉ của Tịnh Độ, tham thiền phải theo đúng tông chỉ của Thiền tông, nếu Thiền Tịnh song tu thì dứt khoát hai cái đều không thành.

Hỏi: *Đời mạt pháp nên tu pháp môn nào thích hợp?*

Đáp: Theo lời của Tổ Sư cũng như lời của Phật nói "Nhất thiết duy tâm tạo", bốn câu kệ trong kinh Hoa Nghiêm "Nhược hơn dục liễu tri, tam thế nhất thiết Phật, ưng quán pháp giới tánh, nhất thiết duy tâm tạo". Chánh pháp cũng là duy tâm tạo, mạt pháp cũng là duy tâm tạo, "nhất thiết" bao gồm tất cả pháp, đâu có phân biệt chánh pháp hay mạt pháp! Do tâm của mình chấp thật thành có. Tổ sư Thiền tông nói "có thể chuyển mạt pháp thành chánh pháp"; thượng căn, hạ căn cũng do tâm chấp thật thành có phân biệt, nên Tổ sư nói "chuyển hạ căn thành thượng căn". Nói đến mạt pháp chánh pháp, trước kia chưa mở trí huệ, tôi cũng tin rằng trong mạt pháp con người không tham thiền được vì không có nhân tài. Nên trước kia tôi hoằng pháp Tịnh Độ, trải qua mười mấy - hai mươi năm, sau đó phát hiện chưa một người nào tu đúng tông chỉ Tịnh Độ, tu còn không có, nói chi vãng sanh!

* Ngày mùng 2 tháng 4 năm 1977 ÂL, ngài Trụ Trì Chùa Từ Ân bảo tôi hoằng pháp Tổ Sư Thiên, ấy chẳng phải ý tôi muốn, tôi đã từng phát nguyện là chưa kiến tánh thì không thuyết pháp. Trước đó một ngày, tôi được mời cúng dường tại Tịnh xá Giác Huệ ở Quận 5, Hòa Thượng Trụ Trì lúc cúng ngộ tại Chùa Từ Ân tuyên bố với các phật tử rằng ngày mai sẽ có thầy Duy Lực ra hoằng pháp Tổ Sư Thiên, lúc đó tôi còn chưa hay biết. Tôi đến, Hòa Thượng mới thông báo cho tôi biết là sáng ngày Mùng 2 phật tử đến nghe pháp.

Tôi bắt đầu dĩ phải ra hoằng pháp, nhưng còn mang một thành kiến rằng Tịnh Độ thích hợp hơn pháp Thiên, nên mỗi ngày tôi đều giảng ba lần về pháp Tịnh Độ. Ngày hôm sau, Hòa Thượng đến phòng tôi bảo "Đừng nói pháp Tịnh Độ nữa mà phải giảng về pháp Thiên, tịnh Độ đã nhiều người hoằng dương rồi nhưng pháp thiên thì chưa có người nào". Mặc dù vậy, tôi vẫn giảng tiếp pháp môn Tịnh Độ trong vài ngày.

Tôi hoằng pháp Tịnh Độ, vạch rõ đường đi và tăng cường lòng tin cho phật tử, kể cả sự tích của Cổ Đức và các vị tu trong thời nay để chứng tỏ, nhưng người nghe vẫn không thực hành đúng theo tông chỉ của Tịnh Độ.

Tôi bắt đầu hoằng pháp Tổ Sư Thiên, phật tử tham thiên trên năm trăm người, mặc dù chúng không hoàn toàn chuyên tu tham thiên, nhưng số tiểu ngộ phát huệ cũng có gần trăm người. So sánh với lúc hoằng Tịnh độ gần hai mươi năm, chưa có một người tu đúng tông chỉ, ngược lại khi hoằng pháp Tổ Sư Thiên từ mấy năm nay, lại có hơn mấy trăm người thực hành và cả trăm người được phát huệ, thông suốt kinh điển, thì biết pháp nào thù thắng hay không thù thắng, pháp nào thích hợp hay không thích hợp rồi.

Thật ra, thù thắng hay không thù thắng, thích hợp hay không thích hợp, đều lọt vào tứ cú. Nghi tình là quét sạch tứ cú thì có gì là thù thắng hay không thù thắng, thích hợp hay không thích hợp? Hiện nay nhân tài tham thiên rất nhiều, số người tham thiên đã xuất ngoại có mặt ở nhiều nước trên thế giới: Anh, Pháp, Mỹ, Úc, Canada. Vậy nếu hỏi đến pháp nào thù thắng, pháp nào thích hợp thì không biết đâu mà nói, tất cả đều do tâm mình, chứ không thể chấp vào lời của Phật, của Tổ.

Nếu chấp vào lời nói, ví như chấp vào tứ cú của Phật: Cú thứ nhất "Có", cú thứ nhì "Không", cú thứ ba "Chẳng có chẳng không", cú thứ tư "cũng có cũng không". Mà ý Phật là muốn mình lia tứ cú; hễ chấp "có" thì Phật nói "không" để phá chấp, hễ chấp "không" thì Phật nói "có" để phá chấp của chúng sanh. Lúc Phật nói "có" ý Phật chẳng phải là có, lúc nói "không" ý của Phật chẳng phải không, nếu chấp vào lời nói là nghịch với ý, nên Tổ Sư Thiên tông thí dụ như "con chó và con sư tử":

Có người liệng ra một cục xương, con chó liền đuổi theo cục xương, còn sư tử chẳng màng đến cục xương mà cắn ngay người đó. Con người dụ cho Tự tánh, cục xương dụ cho lời nói của Phật, của Tổ; hễ hướng về lời nói của Phật, Tổ mà ngộ ấy là con chó, hướng về Tự tánh mà ngộ mới là sư tử. Phật muốn mình làm con sư tử chứ không muốn mình là con chó, chớ nên đuổi theo lời mà chấp là thật. Lời nói ấy là khai thị cho người ngộ vào tự tánh, trong Kinh Pháp Hoa nói "Khai thị ngộ nhập tri kiến Phật", khai thị đó chẳng phải để ngộ nhập cái khai thị, mà là nhờ khai thị ngộ nhập tự tánh của mình. Thế thì không cần phân biệt thù thắng hay chẳng thù thắng, thích hợp hay chẳng thích hợp, tất cả đều do tâm của mình, do lòng tin của mình vậy.

Hỏi: Tham thiên kiếp này chưa kiến tánh, khi chết rồi đi về đâu?

Đáp: Đức Phật nói "Nếu người giữ được ngũ giới thì không mất thân người" Tức kiếp sau sẽ đầu thai thành người, khỏi bị đọa vào tam ác đạo. Kiếp này mình trì ngũ giới, mặc dù chưa ngộ, kiếp sau đầu thai thành người, tiếp tục tham nữa, bởi cái nhân cách

âm cũng chẳng thể mất được. Vì Trí Bát Nhã của mình trong A Lại Da thức được chứa trong kho không mất, đợi khi nào khởi lên vận hành rồi chúng tử mới mất, nếu chưa vận hành cứ giữ mãi trong kho Tạng thức, dù trải qua muôn ngàn kiếp cũng không mất.

Kiếp này tham thiền ví như đi đường từ Chợ Lớn ra Sài Gòn gồm một trăm bước, hễ đi được một bước thì còn lại chín mươi chín bước, đi hai bước còn chín mươi tám bước, đi ba bước chín mươi bảy bước. Hễ đi được ba bước chết đi, kiếp sau bắt đầu từ bước thứ chín mươi bảy, hễ đi được năm mươi bước chết đi thì kiếp sau đi thêm năm mươi bước nữa, chứ không cần bắt đầu lại một trăm bước. Nay chúng ta còn sống thì cứ tham mãi, khỏi cần lo cho việc chết, nếu cứ lo cho việc chết, chẳng những kiếp này không được tiến bộ, cũng khó được kiến tánh.

Nhiều người cho rằng “Mình nghiệp chướng nặng quá làm sao kiến tánh?” Kỳ thật nghiệp chướng cũng là do tâm tạo, chứ có ai cho mình đâu! Ngài Vĩnh Gia trong bài Chứng Đạo Ca nói “liễu tức nghiệp chướng bồn lai không”, Liễu tức liễu ngộ tự tánh. Trong lúc chiêm bao, phạm tội bị chính phủ trong chiêm bao bắt ở tù, chịu đủ thứ khổ, đến lúc thức tỉnh rồi tìm chính phủ trong chiêm bao ở đâu? Đủ thứ khổ trong chiêm bao, kể cả thân trong chiêm bao ở đâu?

Như tôi thường nói, hai thứ nhắm mắt chiêm bao và mở mắt chiêm bao; nhắm mắt chiêm bao ngủ đến sáng là hết, còn mở mắt chiêm bao phải đợi kiến tánh mới thức tỉnh được, mới hết. Chớ có nói do nghiệp chướng nặng, nói chẳng kiến tánh được, ấy là tâm mình tự bó buộc mình. Ví như trong kinh Phật nói người nữ có năm thứ chướng, chẳng được làm cái này cái kia. Cũng chính lời Phật phá năm thứ chướng này trong kinh Pháp Hoa, có phẩm kể về Long Nữ thành Phật, chẳng những là nữ còn thuộc hàng súc sinh nữa!

Nên biết, lời nói của Phật chẳng thể chấp thật, mà chỉ để phá chấp thật của mình thôi. Người nào cũng có thể thành Phật, chỉ cần quyết tử dụng công phu, bất kể là nam hay nữ, già hay trẻ, thông minh hay ngu si v.v. đều có thể thành Phật. Chớ có nói rằng “ngày nay tham thiền mai chết sẽ ra sao”, chớ có lo chết sẽ đi về đâu, hạt giống thành Phật đã gieo thì ắt có ngày thành Phật.

Hỏi: Nhiều người nghĩ rằng “Niệm Phật nếu mình vẫn còn nghiệp chướng, khi vãng sanh tiếp tục nhờ tha lực tiếp dẫn”, còn Thiên tông phải tự lực, hễ tự lực yếu thì kiếp sau dẫu được làm người, làm quan, có địa vị nhưng mê muội, phải lăn lóc trong dòng đời thì bao nhiêu công sức của kiếp trước bỏ hết sao?

Đáp: Không đúng. Phật pháp nói là nhân duyên, ví như trong kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ nói "Quý vị được nghe tôi thuyết pháp, ấy là nhân duyên đã được gieo trồng từ bao nhiêu kiếp". Đã có nhân duyên rồi thì nhân duyên ấy làm sao mất được! Nếu có mất là không đúng nhân quả. Lời của Sư bà vừa hỏi là lời nói bên Tịnh Độ, hễ chuyên về pháp môn Tịnh Độ thì lời nói cũng hướng về pháp môn ấy.

Phật thuyết đủ thứ kinh, ở kinh này thì tán thán hạnh của kinh này hạng nhất, ở quyển kinh kia thì tán thán hạnh của kinh kia hạng nhất, kết quả là kinh nào thù thắng? Ý của Phật là muốn chúng ta nhất môn thâm nhập, nên nói những lời phương tiện ấy. Như tôi vừa nói ở trên, về một phương diện khác, Phật nói người nữ có năm thứ chướng, nhưng ở kinh Đại thừa liễu nghĩa như kinh Pháp Hoa thì Phật lại phá năm thứ chướng của người nữ.

Về vấn đề tự lực và tha lực: Nếu có tự và tha chẳng phải pháp bất nhị của Tự tánh; Tự tánh bất nhị làm sao có tự và tha, mà nói là có tha lực để nhờ! Nếu có tha lực để nhờ thì Phật Thích Ca đã thành Phật, A Nan là em trai của Ngài, ắt có thể nhờ Phật lực của

người anh mà thành Phật sao! (*kinh Lăng Nghiêm*). A Nan là em của Phật cũng chẳng thể nhờ, La Hầu La là con của Phật cũng chẳng thể nhờ, kể cả cha mẹ của Phật cũng chẳng thể nhờ thì tha lực làm sao nhờ được!

Bởi do tâm chấp thật của người tu Tịnh Độ rất nặng, Đức Phật chẳng thể nào khiến bỏ chấp được, nên phải tùy thuận chúng sanh: Tất cả mười pháp giới nếu chấp vào đó thì chỉ bằng tạm thời cho chấp vào Phật, tạo nhân duyên cho sanh cõi Tây Phương rồi, do hoàn cảnh khiến buông bỏ tập khí xong, chuyển qua tham thiền mới có thể kiến tánh thành Phật. Bây giờ do tâm chấp quá nặng, nếu không tạm cho chấp thật thì chẳng có phương tiện cứu độ. Phật cứu độ chúng sanh không bỏ sót chúng sanh nào, mặc dù bệnh chấp quá nặng, nên mới có pháp môn Tịnh Độ.

Nếu có thể bỏ được bệnh chấp ngay kiếp này thì đâu cần đợi đến kiếp sau! kiếp này thành Phật có phải hơn không? Ví như nói "Hạ phẩm hạ sanh", sau khi chết phải trải qua mười hai đại kiếp mới có thể ra khỏi, một đại kiếp biết phải trải qua thời gian bao lâu không? Nếu có thể ngay trong kiếp này, trải qua mấy mươi năm được thành Phật thì hay biết bao!

Hỏi: Thế nào là đuổi theo lời nói?

Đáp: Kinh Lăng Nghiêm nói "Tri giác nãi chúng sanh", nghĩa là sự biết của mình là chúng sanh. Căn bản của vô minh là tri giác (*tri kiến*), nên đối với người tham thiền, tri cũng là vọng, vô tri cũng là vọng, phải quét sạch, bởi vì vô tri cũng là tri. Tại sao vô tri cũng là tri? Nếu thật sự vô tri thì ai biết vô tri? Đã biết vô tri thì vô tri cũng là biết, là tri rồi.

Hỏi: Vĩnh Gia Đại sư nói là phá ngã chấp và pháp chấp, vậy phàm phu cũng phá ngã chấp và pháp chấp, tại sao không được kiến tánh?

Đáp: Tôi nói nghi tình là cây chồi automatic, hễ khởi niệm "phá" cũng lọt vào tứ cú, khởi niệm "không phá" cũng lọt vào tứ cú. Phá là lọt vào cú thứ nhất, "không phá" lọt vào cú thứ hai, tại ông có tâm chấp mới đuổi theo lời nói, hễ tôi giải thích lời này thì ông bắt theo lời kia để hỏi, vậy kiếp này hỏi đến kiếp kia cũng sẽ không hết. Như tôi đã ví dụ "con chó và con sư tử", lời nói của Tổ, của Phật nếu hướng vào đó đuổi theo là con chó; nếu hướng về Tự tánh mà ngộ mới là con sư tử. Hễ cứ đuổi theo lời nói thì không bao giờ dứt được, chỉ có tham thiền khởi nghi tình, đến khi ngộ vào tự tánh thì không cần hỏi nữa.

Hỏi: Làm sao phân biệt chơn nghi và hồ nghi?

Đáp: Trước đời nhà Tống, người tham thiền tự phát nghi mà không biết ấy là chân nghi, hễ khởi nghi mà tự chẳng biết mình đang tham thiền thì sức nghi mạnh, nên thủ đoạn của Tổ sư hay khiến người tham nghi tình nặng, mau ngộ. Sau đời nhà Tống, thủ đoạn của Tổ được kể ra, khiến không còn công hiệu, muốn phát nghi phải bắt buộc tham công án hay thoại đầu, đưa vào sự bó buộc để phát nghi thì sự nghi đó yếu.

- Ví như Đạo Lâm Thiền sư có một thị giả tên Hội Thông, ở với Sư nhiều năm chẳng được khai thị, trong tâm rất bức bách, tự nghĩ "đến đây học đạo gần mười năm mà chẳng được khai thị điều gì, cứ một năm qua rồi một năm như thế làm sao kiến tánh được!" Nghi tình rất nặng, rồi đến xin từ giả Sư, rằng "Con xuất gia là muốn học đạo, đến đây mấy năm thầy chẳng dạy bảo thì làm sao con kiến tánh được? Nay con xin đi nơi khác để học".

Sư nói: Nếu nói về thiền thì ở đây thầy cũng có một ít.

Hỏi: Là cái gì? Xin thầy khai thị.

Sư nhô một sợi lông trên tà áo dài đang mặc, đem thổi trước mặt Hội Thông, Thông liền ngộ. Vì lúc đó nghi tình đã chín mùi.

-Ngài Sùng Tín ở dưới Long Đàm: Thầy của Ngài là Đạo Ngộ Thiên sư. Ngài ở nơi Đạo Ngộ mấy năm chẳng được dạy bảo, trong tâm rất nghi, cũng muốn từ giã đi nơi khác, bạch với thầy: Con ở đây nhiều năm nhưng không được thầy khai thị, nay con xin đi chỗ khác.

Thầy bảo: Sao nói không có khai thị? Con bới cơm thì thầy ăn, rót trà thì thầy uống!

Sùng Tín ngay đó kiến tánh. Ấy là do nghi tình sâu nặng từ mấy năm mà tự chẳng hay biết, nói bẻ ra là kiến tánh liền.

-Ngài Lâm Tế ở dưới Tổ sư Huỳnh bá mấy năm, Lâm Tế không có hỏi pháp, làm việc gì đều đúng qui củ, đều tốt. Lúc ấy ngài Mục Châu làm Thủ tọa, thấy Lâm Tế là một pháp khí, một ngày kia hỏi Lâm Tế: Đến đây bao lâu rồi?

Đáp: Ba năm.

Hỏi: Đã đến hỏi pháp Hòa thượng chưa?

Đáp: Chưa hỏi.

Hỏi: Tại sao không đi hỏi?

Đáp: Không biết hỏi gì.

Hỏi: Sao không hỏi đại ý của Phật pháp là gì?

Lâm Tế vâng lời, đến trước thốt hỏi ngài Huỳnh Bá: Thế nào là đại ý của Phật pháp?

Hỏi chưa dứt câu, liền bị Huỳnh Bá đánh đập đuổi ra mà chẳng hiểu tại sao đi hỏi pháp lại bị đuổi ra? Trong tâm phát khởi nghi tình nặng. Gặp lại Thủ tọa, Thủ tọa hỏi thăm, đáp: Tôi hỏi chưa dứt câu đã bị đánh đập đuổi ra rồi.

Thủ tọa nói: Thế thì hãy đi hỏi một lần nữa!

Lâm Tế nói: Thôi thôi.

Thủ tọa cứ giục đi hỏi một lần nữa, kỳ này chắc chắn là sẽ thay đổi. Do nể Thủ tọa nên Lâm Tế vâng lời đi hỏi thêm một lần, y như cũ, câu hỏi chưa dứt đã bị đánh đập đuổi ra, khiến nghi tình càng thêm nặng.

Ngài Thủ tọa lại cứ giục đi hỏi lần thứ ba, rằng: “việc gì cũng phải ba lần mới xong”. Vì thường ngày vị Thủ tọa đối xử với Lâm Tế rất tốt, nên bất đắc dĩ đi hỏi lần thứ ba, vẫn bị đánh đập đuổi ra. Trong bụng Lâm Tế rất nghi, hỏi pháp là việc đúng đắn, chẳng hiểu tại sao bị thầy đuổi! Bèn đến phòng của Thủ tọa từ giã xin đi nơi khác.

Thủ tọa nói: Muốn đi cũng được, nhưng phải đến từ giã Hòa Thượng.

Lâm Tế đến từ giã, Huỳnh Bá bảo đi đến Cao An Thang gặp Đại Ngu Thiên Sư. Khi gặp Đại Ngu, hỏi: Từ đâu đến?

Đáp: Từ Huỳnh Bá.

Hỏi: Ngài có dạy bảo không?

Lâm Tế kể ra ba lần hỏi pháp đều bị đánh đập mà chẳng hiểu tại sao?

Đại Ngu nói: Huỳnh bá đã vì người phát tâm đại từ bi, thế mà người còn nói có lỗi, lỗi ở chỗ nào?

Lâm Tế ngay đó đại ngộ, nói: Hóa ra Phật pháp ở chỗ Huỳnh Bá không nhiều!

Sau khi ngộ thấu tam quan, lập tức trở về nơi Huỳnh Bá, thuật lại những lời của Đại Ngu, Huỳnh Bá nói: sao Đại Ngu lảm chuyện thế! Sau này phải cho ăn đòn mới được.

Lâm Tế nói: “Khỏi đợi sau này, phải đánh ngay bây giờ!” liền đánh Huỳnh Bá hai bạt tai, Huỳnh Bá biết Lâm Tế đã ngộ triệt để, cười ha hả bỏ qua. Trước kia là thầy đánh trò, nay bị trò đánh lại.

Hỏi: Truy cứu ba lớp của Lai Quả Thiền sư như thế nào?

Đáp: Tham thoại đầu hỏi “Niệm Phật là ai” chỉ là truy cứu một lớp mà thôi. Nếu còn hỏi thêm “Người đang tham câu niệm Phật là ai ấy là ai? Lại hỏi thêm “Người biết tham câu niệm Phật là ai ấy là ai? Là ai?” Ấy là truy cứu hai - ba lớp, làm cho thức tâm đi truy tìm thì không phải là tham thiền, chỉ là hồ nghi. Chánh nghi chỉ cho tâm không hiểu chứ không cho tâm đi tìm, chỉ hỏi “Niệm Phật là ai?”, không hiểu không biết, chỉ truy cứu một lớp.

Hỏi: Thế nào là khi kiến tánh thì hư không tan rã?

Đáp: Nói đến vấn đề này, phải biết ba thứ: Không gian, thời gian, số lượng là gì. Vũ trụ vạn vật, hiện tượng thế giới hễ kiến lập danh, phải dựa trên ba thứ này, nếu rút ra ba thứ trên thì vũ trụ vạn vật liền tiêu diệt. Nhưng ba thứ này là cái gì? - Chẳng phải là gì cả, vì không có bản thể: Không gian vốn chẳng có bản thể, thời gian, số lượng cũng vậy. Ba thứ này chỉ là ba khái niệm ở trong vọng tâm của mình, chúng ta đều bị ba khái niệm trói buộc. Người kiến tánh đập bể hư không chính là đập bể khái niệm không gian, xóa bỏ được khái niệm không gian, nên nói “Hư không tan rã”, chẳng bị không gian trói buộc.

Trong kinh Kim Cang nói “Tâm quá khứ bất khả đắc, tâm hiện tại bất khả đắc, tâm vị lai bất khả đắc”, tức đập bể thời gian, xóa bỏ khái niệm thời gian, chẳng bị thời gian trói buộc.

Tổ Sư nói “Nhất niệm vạn niên, vạn niên nhất niệm” tức đập bể khái niệm về số lượng. “Pháp thân vô vi, bất đoạ chư số” cũng là đập bể khái niệm về số lượng. Nếu ba khái niệm trên được xóa bỏ hết, tan rã hết thì được tự do tự tại, nên nói người kiến tánh đập bể hư không vậy.

Hỏi: Sự thấy của Phật và sự thấy của chúng sanh khác nhau như thế nào?

Đáp: Trong kinh Niết Bàn có nói đến vấn đề “điên đảo tưởng”: Ngài Ca Diếp hỏi Phật: Tại sao bậc Thánh có điên đảo tưởng mà không có phiền não, phàm phu có điên đảo tưởng nhưng lại có phiền não?

Phật bảo: Sao nói bậc Thánh có điên đảo tưởng?

Ca Diếp nói: Bậc Thánh thấy con trâu cũng gọi là trâu, thấy con ngựa cũng gọi là ngựa, vậy chẳng phải điên đảo tưởng ư!

Phật bảo: Tưởng có hai thứ: Một là *thể lưu bố tưởng*, tức thể gian đã phổ biến lưu hành; hai là *trước tưởng*, tức tư tưởng chấp trước. Phàm phu ở trong thể lưu bố tưởng sanh ra trước tưởng, nên gọi là điên đảo tưởng. Bậc Thánh chỉ có thể lưu bố tưởng, không có trước tưởng; thể gian gọi con trâu thì bậc Thánh cũng gọi theo nhưng không chấp thật là con trâu. Không có tư tưởng chấp thật nên không có phiền não, chứ chẳng phải bậc Thánh có điên đảo tưởng.

Nay chúng ta đối với không gian, thời gian, số lượng vốn chẳng có thật mà chấp cho là thật, ấy là điên đảo tưởng, sanh ra đủ thứ phiền não, bậc Thánh đã đập bể hết nên tự do tự tại, chẳng có phiền não.

Hỏi: Sư phụ nói “Quét trống được bao nhiêu thì sự dụng hiện ra được bấy nhiêu, quét đến cực điểm thì thành Phật, quét từ từ sự dụng hiện ra từ từ”, vậy có giống bên Giáo môn không?

Đáp: Giáo môn chia thành từng cấp bậc, có năm mươi bảy cấp. Sự quét của Tổ Sư Thiên là cây chổi automatic, quét trống được bao nhiêu thì sự dụng hiện ra bấy nhiêu, nhưng không chia ra từng cấp. Ví dụ một ngày hai mươi bốn tiếng đồng hồ, ấy là do con người đem thời gian chia thành hai mươi bốn tiếng, chứ thời gian làm sao có hai mươi bốn tiếng! Hễ có một phút thời gian thì sống trong một phút, có hai phút là sống trong hai phút, mỗi phút thời gian đều có cái dụng nhưng chẳng thể chia ra từng cấp. Tổ Sư Thiên không chia theo cấp bậc, còn sự chứng của Giáo môn có chia theo từng cấp: Sơ địa có quả của Sơ địa v.v.

Hỏi: Vấn đề hôn trầm làm sao đối trị?

Đáp: Người tham thiền ai cũng phải trải qua giai đoạn hôn trầm, bởi vì buồn ngủ là nằm trong ngũ dục. Tài, sắc, danh, thực là dục, nhưng ngủ tại sao lại thuộc về dục? Thật tế thì tài, sắc, danh, thực thuộc ngoài thân, dễ đối trị, còn buồn ngủ thuộc trong thân, rất khó trị, nên Cổ Đức gọi là "ma" (*thùy ma*). Đến giai đoạn này rồi mình phải quyết tử, ráng thức, lấy nước lạnh rửa mặt cho thức giấc. Hễ còn buồn ngủ nữa phải đi kinh hành, đi kiếm việc gì làm, vừa làm vừa tham, chớ có bỏ qua thoai đâu.

Hỏi: Xin Sư phụ nói qua vấn đề Bồ Tát?

Đáp: Bồ Tát là qui định của giới luật, nếu người xuất gia không bỏ tát để vi phạm giới luật. Khi Đức Phật sắp nhập Niết Bàn, môn đồ hỏi Phật “sau khi Phật nhập diệt, lấy gì làm thầy?” Phật trả lời là "Lấy giới luật làm thầy". Cho nên, bất cứ tông phái nào cũng phải hành theo giới luật, chẳng được vi phạm.

Muốn giữ giới phải Bồ tát, chẳng phải có năm - ba người mới bỏ tát, một người cũng phải bỏ tát. Hễ một người thì tự tụng tự nghe, năm người thì một người tụng bốn người nghe; ba người thì một người tụng hai người nghe, một trăm người cũng vậy.

* Bỏ tát theo luật xuất gia là rất cần, chẳng những tụng giới, trước khi tụng, vị Yết-Ma hỏi chúng ba lần “Vị nào trong nữa tháng này có phạm giới thì phải tự mình đứng ra phát lồ sám hối”. Hỏi ba lần và không ai đứng ra tức cả chúng đều giữ giới trong sạch; phải giữ giới trong sạch rồi mới được tụng giới, nếu có người nào giữ giới không trong sạch thì không được tụng.

* Vị Yết-Ma thường phải hỏi ba lần, tụng một lần, tức bốn lần. Do giới luật rất nhiều nên phải nửa tháng tụng một lần để nhắc nhở. Vào thời Phật thì thọ giới, trì giới luôn trong ngày Bồ tát, ở Trung Quốc đời sau này, Đạo Tuyên Luật sư lập ra Luật tông, bắt kể tông phái nào đều phải lấy giới luật làm căn bản, ai ai cũng phải giữ giới; người Tỳ Kheo phải tu mười năm mới được xa thầy, trong mười năm phải học hai bộ luật Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ni. Còn Tỳ Kheo Ni phải học mười hai năm mới được xa thầy. Vì Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ni gọi là "Nhơn thiên sư biểu", là bậc thầy của Trời, người, là Tăng bảo. Nếu trong Tam bảo có Phật bảo, Pháp bảo mà thiếu Tăng bảo thì làm sao giáo hóa chúng sanh? Phật pháp ắt phải bị tiêu diệt vậy. Muốn Tam bảo thường trụ thế gian, chắc chắn phải giữ giới luật.

* Về Tổ Sư Thiên, Bác Sơn Thiên sư là người kiến tánh dưới Tào Động Tông, làm Tổ của Thiên Tông và Luật Tông, Thiên với Luật đi song song chứ chẳng phải tu thiên mà bỏ luật. Thời gần đây thì có Hư Vân Thiên sư và Lai Quả Thiên sư, cũng là vị giữ giới rất nghiêm túc. Tổ Đức Sơn có cây "Đức Sơn phảng" rất nổi tiếng, người đến hỏi pháp chưa mở miệng đã bị gậy đánh lên đầu. Ngài có tiếng là vị mắng Phật mắng Tổ,

nhưng giữ giới thì chưa ai bằng. Sở dĩ có mắng Phật mắng Tổ là do người chấp vào Phật thì mắng Phật, chấp vào Tổ thì mắng Tổ để phá chấp chứ chẳng phải thật sự mắng Phật mắng Tổ. Nên nói bất cứ pháp môn nào đều phải lấy giới luật làm căn bản, không thể lia bỏ. Hễ lấy giới luật làm căn bản thì tất nhiên chẳng nổi pháp tông lâm cũng có thể hưng thịnh.

* Có người nói giữ giới và trì giới có hai cấp: Cấp phổ thông là giữ giới luật, cấp thứ nhì là Thiên giới, cũng gọi là Định-Cộng-Giới. Sao gọi Thiên giới? Ví như tham thiền, khởi lên nghi tình hai mươi bốn giờ chẳng gián đoạn, vọng tưởng nổi lên không được, không trì không phạm, gọi là Thiên giới. Nếu công phu chưa đến đó, còn một giây phút gián đoạn, chính giây phút đó có thể phạm giới, chẳng được gọi là trì giới. Thế thì làm sao nói khỏi Bồ Tát!

Hỏi: Xin Sư Phụ giảng về cách thực hành tham Tổ Sư Thiền?

Đáp: Trước nhất phải biết ngồi thiền chẳng phải tham thiền, tham thiền chẳng cần ngồi. Nhiều người lầm tưởng ngồi thiền tức tham thiền, kỳ thật chẳng phải; bất cứ lúc nào cũng phải tham: Đi đứng năm ngời, đang làm công việc tay chân, sử dụng bộ não, đang ăn cơm, đi cầu, ngủ mê cũng phải tham. Chư Tổ ở Ấn Độ trên hình ảnh có đủ thứ cách ngồi, không nhất định phải ngồi Kiết già.

* Nhưng phải tham như thế nào? Chử Tham là nghi, nghi tức không hiểu. Một việc gì đã thấu hiểu rồi thì hết nghi; tâm suy nghĩ giải thích câu thoại đầu, cho ra một câu đáp án ấy là hồ nghi, chẳng phải chánh nghi. Chánh nghi là chỉ cho tâm nghi, không cho tâm đi tìm hiểu, không cho tâm đi giải thích đáp án. Chánh nghi mới là tham thiền, hồ nghi chẳng phải tham thiền.

* Tham thiền rất chú trọng đến nghi, chỉ cần có nghi tình, ngoài ra không cần biết đến tất cả. Các pháp tu khác hay trừ vọng tưởng hoặc buông bỏ vọng tưởng, tham Tổ Sư Thiền không cho trừ vọng tưởng, không được đè nén vọng tưởng, không được buông bỏ vọng tưởng, vọng tưởng nổi lên bao nhiêu cũng mặc kệ, không biết tới. Vậy thì phải làm sao? Chỉ cần đề câu thoại đầu khởi lên nghi tình thì chính nghi tình đó là cây chổi automatic để quét sạch tất cả, có vọng tưởng cũng quét, không có vọng tưởng cũng quét, khỏi cần tác ý.

* Làm thế nào để khởi lên nghi tình? Phải nhìn vào thoại đầu. Ngài Hư Vân nói “câu thoại đầu là cây gậy”, như người đi đường nhờ cây gậy để đi, tham thiền nhờ câu thoại đầu để kích thích lên nghi tình.

Tham thoại đầu cũng gọi là khán thoại đầu, câu thoại đầu thì rất nhiều, muôn muôn ngàn ngàn, ở đây chỉ đề ra năm câu thoại đầu, mỗi người tự chọn một câu khó hiểu nhất, cảm thấy không hiểu nổi thì câu đó thích hợp cho mình tham. Năm câu thoại đầu gồm:

1/ Khi chưa có trời đất ta là cái gì?

2/ Trước khi cha mẹ chưa sanh, mặt mũi bản lai của ta như thế nào?

3/ Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật, là cái gì?

4/ Muôn pháp về một, một về chỗ nào?

5/ Sanh từ đâu đến, chết đi về đâu?

Năm câu thoại đầu chỉ được chọn một câu khó hiểu nhất, tham đến kiến tánh thành Phật mới thôi, không cho lựa hai câu, cũng không được đổi qua đổi lại, phải ôm chặt lấy một câu thoại đầu tham đến cùng. Hỏi thăm trong bụng “Khi chưa có trời đất ta là

cái gì?” Có hỏi thì có đáp, không hiểu thì đáp không ra, thắc mắc không hiểu tức đã phát khởi nghi tình, Hỏi lần thứ nhất, đáp không ra, hỏi tiếp lần thứ hai, vẫn đáp không ra, hỏi tiếp lần thứ ba. cứ hỏi tiếp hoài, ngày đêm chẳng ngừng, gọi là miên mật. Tham thiền cần có sự miên mật, miên là kéo dài, mật là không có kẽ hở, liên tiếp không có kẽ hở, không cho gián đoạn, miên mật mãi mới thành khối.

* Tham thiền chú trọng đến cái không hiểu, việc thế gian muốn hiểu thì khó, không hiểu thì dễ, nên bà già 80 - 90 tuổi vẫn tham được; trẻ con 3 - 4 tuổi cũng tham được, chỉ cần một cái không hiểu là được.

* Tham thiền nghi tình nặng, không hiểu nhiều, có thể ảnh hưởng đến nhứt đầu, tức ngực, khó thở, ấy thì nhứt chùng nào tốt chùng nấy, mặc dù lúc đó cảm thấy rất khó chịu nhưng phải ráng, vì đó là tình hình tốt, phải có tâm quyết tử mới có thể kiến tánh, cứ đứng mãnh tiến tới, chớ có sợ. Vì tình trạng đó chỉ kéo dài từ năm - bảy ngày sẽ hết. Nhưng nếu khi ngồi thiền có tình trạng nhứt đầu tức ngực khó thở thì không được, phải mau đứng dậy đi kinh hành hoặc kiếm việc khác làm.

* Tham thiền không phân biệt tư cách: Theo Phật pháp thì từ Tiểu thừa, Trung thừa, Đại thừa cho đến Tối Thượng thừa, thuộc về chánh pháp luôn phải phá ngã chấp; nếu không phá ngã chấp thì chẳng thể ra khỏi sanh tử luân hồi.

* Căn bản của người tham thiền phải phá ngã chấp là vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ, luôn luôn nhớ lấy. Hễ có sở đắc là còn chấp ngã, có sở cầu là còn chấp ngã, có sở sợ là còn chấp ngã. Tâm Kinh nói “Vô trí diệc vô đắc”, chẳng những Thiền tông, các pháp môn khác cũng vậy.

* Thông thường, người ta nói đến “Trì kinh”, làm tượng tưng kinh tức trì kinh. Trì là phải hành trì, nếu chỉ có tụng niệm, ấy là tụng niệm chứ chẳng phải trì kinh. Nay chúng ta tham thiền tức trì kinh. Tham thiền là cây chổi automatic để trì kinh, tham thiền là đúng theo ý chỉ của Bát Nhã Tâm Kinh.

* Người thường cho rằng tham thiền phải thượng căn thượng trí mới có thể tham được, sự thật từ lịch đại Tổ Sư cho đến đời Mãn Thanh, đã có bảy ngàn Tổ, vị Tổ nào cũng nói “ai cũng có thể tham được”, bất cứ già trẻ, nam nữ, thông minh, dốt nát, khờ ngốc v.v. Trong *Truyện Đăng Lục*, nhiều người khờ ngốc vẫn được kiến tánh, thì tại sao mọi người cứ cho tham thiền là khó? Tại không chịu thực hành, không có tham thiền mà chỉ nghe những người ham tạo tội địa ngục, chẳng biết Tổ Sư Thiền là gì, cứ lấy ý mình đoán, hễ thấy người ta ngồi thiền tưởng là tham thiền, nói là dễ tẩu hỏa nhập ma, ấy là sai lầm.

* Những người không biết về thiền mà phê bình thiền, tạo tội địa ngục rất nặng. Theo Lai Quả Thiền sư Ngũ Lục, Ngài nói “Nếu phi báng thiền mà tự chướng ngại không dám tham thiền, phải đọa địa ngục Vô-Gián (*Địa ngục A-Tỳ*) một đại kiếp; hễ phi báng thiền làm chướng ngại người khác không dám tham thiền thì phải đọa địa ngục Vô-gián bốn đại kiếp, chứ chẳng phải nói chơi vậy”. Nhiều người không biết, lấy ý mình nói đại, thật đáng thương xót.

* Tại sao chỉ chướng ngại mình chứ chẳng phải chướng ngại người khác mà phải đọa địa ngục một đại kiếp? Theo Lai Quả Thiền sư nói, tất cả Phật quá khứ, Phật vị lai đều do tham thiền mà thành Phật; hễ một người kiến tánh thành Phật sẽ độ vô lượng vô biên chúng sanh. Nay do mình phi báng thiền, chẳng được thành Phật, khiến vô lượng vô biên chúng sanh không được giải thoát, ấy là lỗi tại mình, nên có tội nặng như thế. Cho nên, phi báng thiền tạo tội rất nặng; theo tội thế gian chỉ một đèn một, ví như đã cắt cổ một trăm con gà, ăn thịt một trăm con gà ấy, bất quá làm con gà một trăm đời để người khác cắt cổ, ăn thịt rồi là hết. Còn phi báng Phật pháp thì tội gấp muôn triệu

ngàn lần, trong địa ngục A Tỳ hết đại kiếp này đến đại kiếp khác, thậm chí thế giới này hoại rồi phải dời đến thế giới khác để chịu tội. Thế nên, hễ mình không biết thì chớ nên phỉ báng, nói là có hại.

PHẦN 2.

Hỏi: Thế nào là thiền Mặc Chiếu? Thiền Mặc Chiếu có ở trong năm tông phái thiền không? Nguồn gốc từ đâu?

Đáp: Tổ Sư Thiền có năm tông phái: Lâm Tế, Tào Động, Pháp Nhãn, Qui Ngưỡng, Vân Môn. Thời nay chỉ còn lại hai tông Lâm Tế và Tào Động, ngoài ra các phái kia nghe nói đã chẳng còn con cháu, chỉ trừ ở Hàn Quốc còn phái Pháp Nhãn. Tất cả năm tông phái đều chẳng dùng mặc chiếu. Tại sao? Phật dạy tám mươi bốn ngàn pháp môn, qui tụ lại cách thực hành thành bốn đại loại: Tham thiền, niệm Phật, trì chú, quán tưởng. Mặc chiếu thuộc loại quán tưởng bên Giáo môn, còn Tổ Sư Thiền là giáo ngoại biệt truyền, khác với Giáo môn, nên không bao giờ dạy người tu theo thiền Mặc chiếu.

Đại Huệ thiền sư đời nhà Tống rất danh tiếng, trong quyển *Lá Thư Thiền* của Ngài có đoạn chỉ trích những người trưởng lão lúc đương thời chưa kiến tánh dạy người tu mặc chiếu; *Lá Thư Thiền* là những thư từ dạy tham thiền của Ngài gửi các vị quan chức, Thừa tướng đương thời. Trong thư Ngài nêu ra thiền mặc chiếu chẳng phải Tổ Sư Thiền, chỉ trích những người tu theo thiền mặc chiếu rằng “Bọn họ chẳng phải con người, vì làm cho người khác tưởng lầm, không thể tu theo chánh pháp, trở ngại cho sự kiến tánh của người khác”.

Còn theo Giáo môn cũng có cách tu "Tịch chiếu", nhưng điều đó không nằm trong pháp hoàng dương của tôi. Tôi chỉ hoàng dương Tổ Sư thiền và dạy người tham thoại đầu, không dạy người tham công án, vì công án phức tạp hơn thoại đầu. Những người trước đây tu theo thiền mặc chiếu cũng đã có căn bản, nay chuyển qua tham Tổ Sư Thiền cũng sẽ được mau tiến bộ.

Hỏi: Thế nào là Tiểu thừa thiền, Trung thừa thiền, Đại thừa thiền và Tổ Sư Thiền?

Đáp: Tôi thì chuyên hoàng dương Tổ Sư Thiền, đối với các phái thiền khác không có nghiên cứu, nhưng cũng có thể nói sơ lược theo sự hiểu biết của tôi. Tam thừa là Thanh Văn thừa (*Tiểu thừa*), Duyên Giác thừa (*Trung thừa*) và Bồ Tát thừa (*Đại thừa*), còn Lục Tổ nói pháp Tham thiền là Tối Thượng thừa.

Thanh Văn thừa: Dùng Tứ Thánh Đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo làm căn bản để thực hành. Khổ là do vọng tâm sanh ra, nay tu Đạo (*ngũ đình tâm quán*), hễ chứng đến Niết bàn của Tiểu thừa là quả A La Hán. Ngũ đình tâm quán gồm năm thứ quán tưởng: Sở tức quán, bất tịnh quán, nhân duyên quán, từ bi quán, và lục thức quán. Tùy theo sự thích hợp của mỗi người; ví như người ấy quý trọng thân mình thì thích hợp tu bất tịnh quán để khởi quán thành chán nản thân này, người có tâm hay tán loạn thì thích hợp tu sở tức quán v.v. Thanh Văn thừa cần ba mươi bảy phẩm trợ đạo để phá ngã chấp. Chánh Pháp là luôn luôn phải phá ngã chấp mới có thể chứng quả.

Duyên Giác thừa: Dùng thiên quán thập nhị nhân duyên làm căn bản để tu, bắt đầu từ Vô minh, đến thứ mười hai là Lão tử; bởi do vô minh có Hành nên biến đổi hoại, hành thì do Thức phân biệt, diễn biến tiếp tục, đến Sanh và Lão tử. Quán vô minh diệt rồi thì hành diệt, thức diệt. cho đến sanh diệt rồi lão tử cũng diệt, chứng quả Bích Chi Phật.

Bồ Tát thừa: Cũng gọi là Đại thừa, thông thường gọi là Như lai Thiên. Ở Trung Quốc, Đại thừa chỉ có tám tông, về Như Lai Thiên có bốn tông:

1/Tông Thiên Thai: Căn cứ theo kinh Pháp Hoa, cũng gọi là Pháp Hoa tông. Thiên của tông Thiên Thai gọi là Chỉ Quán Thiên, gồm tam chỉ tam quán:

Tam Chỉ gồm:

a/ Hệ Duyên Chỉ: Vọng tâm của mình như khi vượt hoạt động chẳng ngừng, đem buộc lại chỗ đơn-điền (*dưới rốn*).

b/ Tùy Duyên Đối Cảnh Chỉ: Ví như đang ăn cơm thì tự nghĩ "Minh có tư cách gì để ăn cơm?", mặc áo thì nghĩ "Minh có tư cách gì để mặc áo" v.v.

c/ Thễ Chơn Chỉ: Chơn là chơn thật chẳng hư vọng, tự tánh mình vốn chẳng hư vọng chẳng đối đãi, chẳng có đủ thứ phân biệt, do vọng tâm sai khiến nên có đủ thứ đối đãi phân biệt, nay thễ cứu cái chơn thật thì không lọt vào đối đãi, tứ cú v.v.

Tam Quán gồm: Không, giả, trung. Tức quán vũ trụ vạn vật đều là giả tạo, bản tánh vốn không. Nhưng cái giả là Có, cái không là Không, cũng còn đối đãi, nên phải quán trung đạo. Hễ chẳng có đối đãi thì làm gì có trung đạo? Nên cuối cùng trung đạo cũng phải quét.

Thường thường gọi Chỉ là định, Quán là huệ, nói thì có tam chỉ tam quán, nhưng sự thật chẳng có phân chia trước sau, là đồng thời, chẳng được nghiêng về định hoặc huệ, định huệ đồng thời, định huệ phải bằng nhau. Hễ tâm tán loạn thì phải Chỉ, hễ tâm hay hôn trầm thì phải Quán vậy.

2/ Tông Hiền Thủ: Căn cứ theo kinh Hoa Nghiêm, cũng gọi là Hoa Nghiêm tông. Thiên quán là Pháp Giới Quán, có bốn giai đoạn gồm: Lý pháp giới, Sự pháp giới, lý sự vô ngại pháp giới, sự sự vô ngại pháp giới. Khi quán thành được chứng quả "Nhất chơn pháp giới".

- Lý pháp giới và Sự pháp giới: Ví như căn nhà được hình thành bởi cây, gạch, ngói, sắt v.v. mỗi thứ dù riêng biệt, nhưng có cái lý là làm thành căn nhà; nhân công, các vật liệu gạch, ngói, cây, sắt v.v.. để làm nên căn nhà ấy là sự. Hễ có lý mà không có sự cũng chẳng thành căn nhà, hễ có sự mà không có lý cũng chẳng thành.

- Lý sự vô ngại pháp giới: Nay đã thành căn nhà rồi thì cây cũng là nhà, ngói cũng là nhà, đã dung hòa thành căn nhà rồi thì tất cả đều có thể gọi là nhà. Mặc dù như vậy, nhưng ngói là ngói, cây là cây, gạch là gạch, mọi cái vẫn còn khác nhau mà dung hợp lại, thứ nào cũng là một bộ phận của căn nhà, ấy gọi là lý sự vô ngại.

- Sự sự vô ngại pháp giới: Căn nhà đã cất xong, con người dọn vào ở, có cửa ra vào, trời nắng trời mưa chẳng có chướng ngại, gọi là sự sự vô ngại.

3/ Tam Luận Tông: Căn cứ theo ba thứ luận của Tổ Sư, ấy là Bá Luận, Thập Nhị Môn Luận, Trung Quán Luận, về thiên quán là Tánh Không Quán.

4/ Duy Thức Tông: Cũng gọi là Từ Ân Tông, thiên quán là Tứ Tâm Tư Quán.

Trên đây chỉ nói sơ qua các tông phái, mỗi tông phái đều có pháp thiên riêng biệt. Thật ra thì các tông phái nói trên, như pháp sư của tông Thiên Thai cũng ít người tu Chỉ Quán. Thời gần đây, đệ tử của Pháp sư Đệ Nhàn là ngài Đàm Hư, đều nói "Giáo lý thì giảng Thiên Thai, thực hành thì qui Tịnh Độ", các pháp sư tông Hiền Thủ cũng vậy.

Vì Chỉ Quán thiên từ đời Trí Giả đại sư được chứng nhưng chứng chưa cứu cánh, lúc Trí Giả đại sư gần tịch, có người hỏi Ngài chứng tới đâu thì Ngài trả lời rằng chỉ

chứng được năm phâm, sau này ít nghe có ai được chứng nữa. Pháp Giới Quán lại càng ít hơn. Bốn tông Đại thừa này nếu chứng đến cùng tốt là Như Lai Thiên. Theo kinh Lăng Nghiêm, Như Lai Thiên cũng có năm mươi bảy cấp bậc.

Tổ Sư Thiên: Cũng gọi Đạt Ma Thiên, là do Tổ Sư từng đời truyền xuống. Đức Phật Thích Ca thuyết pháp 49 năm, tự nói chẳng từng thuyết một chữ, Vì 49 năm thuyết pháp là bất đắc dĩ, chẳng phải bản tâm. Đến sau cùng đưa lên một cảnh bông, trong hàng ngũ hàng triệu chư Thiên cõi trời, người, chỉ có một mình ngài Ma Ha Ca Diếp được ngộ, mới truyền thừa pháp môn Tổ Sư Thiên này. Ngài Ma Ha Ca Diếp là Sơ Tổ, truyền cho A Nan là Nhị Tổ, đến Tổ thứ 28 là ngài Đạt Ma truyền sang Trung Quốc, nên cũng gọi là Đạt Ma Thiên. Còn về cách thực hành tham tổ Sư Thiên thì tôi đã giải thích nhiều lần rồi vậy.

Hỏi: Sư nói tham thiền có tình trạng nhưc đầu là tốt, nhưng có người lại sợ bị đau thân kinh?

Đáp: Nếu có sợ là còn ngã chấp. Đã nói “Vô sở cầu, vô sở đắc, vô sở sợ”, hề còn sợ là không được, là nghịch với căn bản của mình, thà chết cũng được, chớ có sợ. Vì từ xưa đến nay, gần bảy ngàn Tổ tham thiền kiến tánh, chưa hề nghe ai bị chết do tham thiền, chỉ nghe nói có nhiều trường hợp phật tử mắc bệnh nan y, tham thiền hết bệnh. Ví như có một bà lão bị bệnh suyễn hơn 22 năm, bác sĩ đã tuyên bố vô phương trị, tham thiền được một năm thì hết bệnh. Tại sao? Vì do quên nên hết. Bởi nhất thiết duy tâm tạo, khi đề khởi câu thoại đầu khởi lên nghi tình rồi, như ngài Lai Quả nói: “Thân tâm quên, thế giới cũng quên” thì bệnh làm sao còn? Hề nhớ tới bệnh hoài thì bệnh chẳng bao giờ hết được.

Sư Bà Vĩnh Bửu: Kính bạch Sư Phụ, trong chiêm bao con đang ngồi tham thiền khởi lên nghi tình, nhưng ma đến quấy nhiễu, con không sợ, còn dạy họ tham thiền để thoát khỏi nghiệp ma. Cứ ba lần như thế, sau đó lại có con rắn đến quấn lấy thân con, trong khi con vừa tham thiền, vừa lấy cây gươm chém đầu con rắn, vậy có mắc phải tội sát sanh không?

Đáp: Tham thoại đầu khi khởi lên nghi tình như “Ý thiên trường kiếm”, cây gươm dài chọc trời gặp gì cũng chém; gặp ma chém ma, gặp Phật chém Phật, ấy là bởi chúng sanh đều có bệnh chấp thật, nhưng bất cứ chấp cái gì cũng không đúng, cũng là chướng ngại cái dụng của tự tánh.

Trong chiêm bao biết tham thiền, biết có chánh niệm là rất tốt, mình tu pháp môn thiền là chánh pháp, tà không bao giờ thắng được cái chánh, lại, chính nghi tình là cây gươm để dẹp tà. Và lại, tôi thường nói “Vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ”, đâu có sợ ma được! Sư bà ở trong chiêm bao giữ được “vô sở sợ” là tốt, chuyện ở trong chiêm bao sát sanh làm sao có tội! Đừng nói là chiêm bao, nay nếu vì lý do cứu được nhiều chúng sanh mà phải sát sanh thì không có tội. Ngài Hư Vân nói “Người làm quan đã thọ Bồ Tát Giới hoặc ngũ giới, gặp kẻ tội phạm cần xử tử theo luật pháp nhà nước vẫn phải chấp hành, vì giết một người mà cảnh cáo được hàng trăm ngàn người, chẳng những không có tội mà còn có công nữa”.

Hỏi: Trong Kinh Viên Giác có câu “Tri huyễn tức ly, bất tác phương tiện, ly huyễn tức giác, diệt vô tiệm thứ”, vậy có trùng hợp với ý Tổ sư Thiên không?

Đáp: Phạm là kinh giáo đều thuộc Giáo môn, giải thích theo thứ lớp, còn Thiên tông thì không giải thích theo thứ lớp, nên gọi là “ly ngôn thuyết”. Tri huyễn tức ly, bất tác phương tiện, đã biết là huyễn đâu còn chấp thật! Hề không chấp thật thì khởi cần phương tiện gì, lia huyễn tức giác, sự giác đó cũng chẳng có thứ tự. Phương tiện chẳng cho là phương tiện, cũng chẳng có thứ tự, ấy là tánh automatic, nhưng chẳng

phải hợp với ý Tổ sư thiên; Tổ sư thiên chẳng hợp với tất cả giáo thừa, nên gọi giáo ngoại biệt truyền. Về việc này Lai Quả thiên sư và ngài Bác Sơn nói “Thiên chẳng thể dùng lời nói giải thích, Giáo môn thì được.”

Giác vọng: Cái giác đã là vọng rồi, lấy cái giác để tri vọng thì càng thêm một lớp vọng. Vĩnh Gia đại sư có 4 câu kệ để phá cái tri (*giác*). Kinh Lăng Nghiêm nói “Kiến văn giác tri đều là bệnh của chúng sanh từ vô thủy”, ấy là kiến bệnh, như con mắt bệnh thấy hoa đốm trên không, nếu con mắt chẳng bệnh thì chẳng thấy hoa đốm trên không vậy.

Bốn bài kệ của ngài Vĩnh Gia là:

Bài thứ nhất:

Nhược dĩ tri tri tịch,
Thử phi vô duyên tri,
Như thủ chấp như ý,
Phi vô như ý thủ.

- Nếu lấy sự tri để tri cái tịch lặng, sự tri là năng, tịch lặng là sở, có năng tri, sở tri thì chẳng phải vô duyên tri, vô duyên là không có năng sở. Nay có cái tri để tri tịch, cái tịch này còn chưa phải là vọng, và cái tri ấy chẳng phải vô duyên tri, như dùng tay nắm cây như ý. Tôi thường nói về cái dụng của tự tánh automatic, hoạt bát vạn năng, nay dùng tay nắm cây như ý rồi thì chẳng phải tay không có cây như ý. Tay nếu không chấp cây như ý thì hoạt bát vạn năng, lấy cái bình, cái tách,..lấy gì cũng được. Hễ chấp cây như ý trong tay là đánh mất tánh hoạt bát vạn năng của tay, lấy cái gì cũng chẳng được, do có năng sở vậy. Tự tánh hoạt bát, chẳng có năng sở đối đãi, nên chư Phật chư Tổ dạy mình quét, khôi phục tánh hoạt bát vạn năng, đây là lớp thứ nhất.

Bài thứ hai:

Nhược dĩ tự tri tri,
Diệc phi vô duyên tri,
Như thủ tự tác quyền,
Phi vô tác quyền thủ.

-Cái năng tri của bài thứ nhất, trở thành cái sở tri của bài thứ hai, tức tự biết mình có sức năng tri, mặc dù chưa có sở tri, nhưng chính cái tri đó đã trở thành sở tri rồi: Tự mình là năng, cái tri là sở, cũng chẳng phải vô duyên tri, chẳng phải là cái tri không đối đãi của tự tánh. "Tự biết mình có cái năng tri ấy như tự nắm thành quyền (*nắm tay*), chẳng phải là cái tay hoạt bát vạn năng (*không nắm lại*), nên vẫn phải quét mới khôi phục được tánh hoạt bát vạn năng.

-Lớp thứ nhất (bài 1) là tri tịch, lớp thứ hai là tri vọng, tri tịch còn không được, huống là tri vọng! Đây là những bài kệ phá tri của ngài Vĩnh Gia, như kinh Lăng Nghiêm nói “Tri kiến lập tri, tức vô minh bản”, nên Thiên tông nói một chữ Tri là cửa tai họa. (*tri chi nhất tự, chúng họa chi môn.*)

Tri huyền và tri vọng đều giống nhau. Kinh Viên Giác nói **tri huyền tức ly, bất tác phương tiện, ly huyền tức giác, diệc vô tiệm thứ**; Tri huyền tức lìa, bất tác phương tiện là không có tác ý chứ không cần buông bỏ nó. Vậy thì lìa như thế nào? Các giáo phái như tông Thiên thai, Hiền thủ đều tự có phái thiên của họ, cứ tu theo thiên quán

của mình là tự động lia. Do thiên quán của Giáo môn còn có năng sở, nên khác với cái lia tự động của Tổ sư thiên. "Lìa huyền tức giác, cũng chẳng thứ lớp" giống như Tổ sư thiên nhưng lại chẳng phải, vì Tổ sư thiên chẳng có năng sở, và bốn câu kệ trong kinh Viên Giác chỉ là lý thuyết, sau đó mới dạy hai mươi lăm thứ quán. Lấy tông Thiên thai để dẫn dụ thì có Không, Giả, Trung (*Samatha, Tam ma Bát đề và Thiền na*), trở đi trở lại thành hai mươi lăm thứ thiên quán, có năng quán và sở quán. Cũng khác hơn cách tu tri vọng, vì tri vọng có sự buông bỏ, còn ở đây thì "bất tác phương tiện", tự nhiên được lia. Nên nói tri huyền với tri vọng giống mà hơi khác, giữa thiên Giáo môn và thiên giáo ngoại biệt truyền cũng có khác.

Hỏi: Khuê Phong Tông Mật thiên sư nói “Vô tâm là đạo, biết vọng là tu” như thế nào?

Đáp: Ngài Khuê Phong là Tổ thứ năm của tông Hiền Thủ. Trong kinh Viên Giác có câu “Tất cả chúng sanh đều chứng viên giác”, Ngài nói là sai, ở chữ *Chứng* phải là chữ *Cụ*, tức là tất cả chúng sanh đều cụ túc viên giác. Còn Chơn Tịnh thiên sư bên Tổ sư thiên lại chứng tỏ rằng ngài Khuê Phong sai lầm. Theo Giáo môn thường còn hơi chấp thật, do chấp thật mới nói “Có Phật tánh”, nếu theo Bát nhã nói có Phật tánh là thêm, nói không có Phật tánh là bớt, vì lọt vào tứ cú vậy. Thiên sư Chơn Tịnh có giảng một đoạn kinh rằng “vô minh hiện hành này của tất cả chúng sanh là đại trí của Như Lai”, chứng tỏ ngài Khuê Phong còn chấp thật, còn lọt vào nhị biên tương đối, còn chứng với chưa chứng.

Tổ sư có bốn câu kệ nói về vấn đề huyền:

Nhược nhơn kiến huyền bản lai chơn,

Thị tắc danh vi kiến Phật nhơn.

Viên thông pháp pháp vô sanh diệt,

Vô diệt vô sanh thị Phật thân.

- Ý nói nếu người nào thấy huyền vốn là chơn, thì người ấy gọi là thấy Phật. Theo viên thông tự tánh thì pháp vô sanh diệt, vô diệt vô sanh là pháp thân của Phật, của mình. Còn theo ngài Khuê Phong thì còn sanh diệt, diệt sanh diệt rồi mới hết sanh diệt. Về thiên môn thì chẳng có sanh diệt để diệt, như tôi thường thí dụ, do vọng tâm của mình hoạt động ngày đêm không ngừng nên thấy có sanh tử luân hồi, đến khi vọng tâm ngưng rồi thì sanh tử ngưng và thấy cứu cánh Niết bàn. Tâm mình xoay thấy căn nhà xoay như sự sanh tử luân hồi; rồi căn nhà ngưng xoay như sanh tử diệt, nhưng căn nhà đâu có xoay và ngưng xoay? Ấy là do thân mình xoay sanh cảm giác sai lầm cho là căn nhà xoay, thân mình ngưng xoay rồi cảm giác sai lầm cho là căn nhà ngưng xoay. Căn nhà hồi nào cũng y hệt, chẳng có xoay và ngưng xoay, tức là pháp không sanh không diệt. Nay thấy xoay là sanh, thấy ngưng xoay là diệt, vốn chẳng có xoay và ngưng xoay, là do cái tâm vậy.

- Còn ngài Khuê Phong thì nói có cái vọng thật để mình biết, bên thiên môn không cần tri, vì có vọng đâu mà cần tri? Cũng đâu có vọng đâu để mình buông? Tại mình chiêm bao mới có, do con mắt bệnh mới thấy có sơn hà đại địa, vũ trụ vạn vật v.v. Chớ nói là vọng, cái chơn cũng là sai lầm, vì có vọng mới có chơn (*vọng là xoay, chơn là ngưng xoay*). Kinh Lăng Nghiêm nói “vọng với chơn là hai thứ vọng”, nếu muốn bỏ vọng để tìm chơn thì ấy là hai thứ vọng, nên ngài Khuê Phong chỉ được làm Tổ của Giáo môn chứ không được làm Tổ của Thiên môn.

Hỏi: Ngài Đại An thiền sư ở cuốn Châu Nguyên Cảnh Sách rằng “Ở tại Qui Sơn ba mươi năm, chăn con trâu đen thành trâu trắng, sờ sờ đuổi chẳng đi”, vậy pháp đó có phải thiền Mặc chiếu không?

Đáp: Không phải, ấy là bảo nhiệm sau khi ngộ. Đại An thiền sư là sư đệ của Qui Sơn, lúc đầu Tư Mã thiền sư đi hành cước khắp nơi, phát hiện ngọn Qui Sơn, nói “chỗ này sẽ thành đạo tràng lớn, nhưng phải tìm một chủ nhân ở đó”. Đến nói với Bá Trượng rằng "Con phát hiện một nơi tốt lắm, sau này có thể tụ chúng 1500 người, nhưng hiện nay tìm không ra chủ nhân".

Bá Trượng nói: Để xem trong chúng có ai chẳng?

Lúc đầu gọi Thủ tọa là ngài Huê Lâm ra, Tư Mã Thiền sư nói ”Không phải”, sau gọi Qui Sơn ra, Sư vừa gặp là đồng ý liền, nên ngài Bá Trượng sai Qui Sơn làm Trụ trì nơi đó.

Huê Lâm nghe nói liền bảo: Ta là Thủ tọa mà không được làm Trụ trì, sao gọi người thấp hơn?

Bá Trượng nói: Thế thì hai vị thử trước mặt tôi, ai được thì đi.

Ngài chỉ ngay cái bình đang đựng nước hỏi: Chẳng được gọi là bình, gọi là gì?

Huê Lâm nói: Gọi là cái nút.

Qui Sơn thì đá nhào bình nước.

Qui Sơn một mình ở đó được bảy năm, chẳng có ai tới, muốn ra hoàng pháp nên xuống núi, nào ngờ nửa đường bị rắn cạp chặn lại không cho đi. Qui Sơn nói “Nếu ta có duyên ở lại núi hoàng pháp thì tất cả các người phải tản đi”, các con thú tản đi y như lời, Ngài quay trở về núi. Chẳng bao lâu, Bá Trượng phái Đại An và một số vị đã kiến tánh đến giúp Qui Sơn hoàng pháp, cất chùa lớn dung nạp hơn 1500 người, do ngày nào cũng qui tụ 1500 người, nên được gọi là "Thiền tri thức 1500 người". Sau khi Ngài tịch, Thiền sư Đại An kế thừa, có người hỏi về pháp thiền, Ngài nói “Tôi ở Qui Sơn 30 năm, ăn cơm Qui Sơn, đá thất Qui Sơn, nhưng không có học thiền Qui Sơn”. Ngài chỉ khán “Một con trâu”, cũng chẳng có nói là trâu đen biến thành trâu trắng, chỉ nói rằng “Tôi ngày chỉ một trâu trắng hiện tiền”.

Tổ sư thiền nói đến chăn trâu là ngộ rồi bảo nhiệm, chứ không phải lúc tu. Ở nơi khác nói đến vấn đề giữ trâu cũng vậy, đều là ý bảo nhiệm.

Hỏi: Tu Thiền càng không biết càng tốt, không được kiến giải, chỉ khởi nghi tình để tham thiền. Vậy một người chưa biết gì về đạo Phật có thể tu thiền được không? Cần học căn bản giáo lý nhà Phật hay không? Đã biết khá nhiều về Phật pháp có khó cho tu thiền không?

Đáp: Tôi kể một công án ở Truyền Đăng Lục: Tụ Hội thiền sư, là người dốt nát, vốn là thợ đá được mời đến chùa xây cất. Y ở đó đập đá thường nghe người nói rằng kinh Pháp Hoa rất hay, dù dốt nát không biết chữ nhưng cũng ráng hỏi người từng chữ một, như vậy trải qua mấy năm, chẳng những hỏi đến biết hết mà còn thuộc lòng, chẳng cần coi chữ, vừa đập đá vừa niệm kinh Pháp Hoa. Ngài Trụ trì chùa là một vị tổ sư kiến tánh, do kiếp trước có nhân duyên, một hôm, ngài Trụ trì thấy vừa đập đá vừa niệm kinh, hỏi: Ông niệm kinh Pháp Hoa để làm gì?

Đáp: Con niệm kinh Pháp Hoa là muốn thành Phật.

Hỏi: Niệm như vậy đến khi nào mới thành Phật được?

Đáp: Vậy làm thế nào mới được thành Phật?

Ngài Trụ trì dạy tham thoại đầu. Nếu là người khác thì đầu chịu bỏ qua kinh Pháp Hoa, vì trải qua bao nhiêu cực khổ mới được thuộc lòng! Nhưng y vâng lời liền, chuyển qua tham thoại đầu, vừa đập đá vừa tham, ngày đêm không ngừng, trải qua mấy năm, một ngày kia do cực đá quá cứng đập không bẻ, ra sức đập một cái phát ra tia lửa liền ngộ, bạch lại với ngài Trụ trì, chứng tỏ đã ngộ mới xuống tóc xuất gia. Sau ra thăng tòa thuyết pháp, thường khai thị rằng “Quý vị người nào cũng hơn tôi, tôi là người dốt nát, tôi đã kiên tánh thì sao quý vị cứ tự cho là nghiệp chướng nặng, tự coi nhẹ mình như thế!” sự thật trên chứng tỏ chẳng cần biết giáo lý .

- Có một vị còn tệ hơn, tánh hơi khờ, đã xuất gia, ở trong thiền đường tham thiền mà chẳng biết thiền là gì cả, hỏi người kế bên “Thiền là cái gì?” Người ấy bảo “Thiền còn không biết hả, nó đậu ở trên cây, hay kêu vào mùa hè ấy mà!” (*theo tiếng Trung Quốc: Thiền là Con ve, cùng âm với chữ Thiền*). "Biết rồi biết rồi!" Vị ấy tham thiền rất siêng năng, ngày đêm đi hoai, ở trong núi thì đường đi lổm chổm, chỗ cao chỗ thấp, đang tham thiền đi không để ý, vấp té liền ngộ. Đây chứng tỏ người không biết giáo lý, lại khờ ngốc, mà vẫn có thể kiến tánh vậy.

Hỏi: Thế nào là đạt được tiểu ngộ? Đạt được đại ngộ? Khi đạt được chỉ có người tham thiền biết hay người xung quanh cũng có thể biết?

Đáp: Về vấn đề tiểu ngộ và đại ngộ, trong quyển *Thiền thất khai thị lục* có nói tiểu ngộ là chứng quả A La Hán; còn theo *Thiền Quan Sách Tán* thì tiểu ngộ tức là giải ngộ, phát trí huệ chứ không phải chứng ngộ, Cũng theo *Thiền Quan Sách Tán*, khi chưa đạt đến đại ngộ có thể trải qua mấy mươi lần tiểu ngộ.

Trong giới phật tử người Hoa, tiểu ngộ đã phát huệ cũng có hơn ba trăm người. Tuy nhiên, tiểu ngộ cũng có cạn có sâu, trong *Truyền Đăng Lục* cũng có nhiều trường hợp như vậy. Nói về đại ngộ, theo ngài Huỳnh Long thiền sư không chia thành nhiều lớp; Huỳnh Long thiền sư có 3 cửa về đại ngộ, gọi là "Huỳnh Long Tam Quan", ấy là sơ quan, trùng quan và mạc hậu lao quan. Người tham thoại đầu đến nghi tình vỡ thì gọi là "phá bốn tham", tức đã thấu được sơ quan, cũng gọi là "Tổ sư quan". Hễ phá được bốn tham thì như bậc A La Hán, siêu xuất luân hồi. Nhưng Lai Quả thiền sư có nói: “Phá được sơ quan thấy pháp thân, phá được trùng quan chứng pháp thân, phá được mạc hậu lao quan là thấu pháp thân”.

Ở đây còn có cái thí dụ: Lấy thiền đường để thí dụ thì người phá được sơ quan là đã đến cửa thiền đường, nhìn vào trong thấy rõ mọi vật nhưng chưa vào được. Phá được trùng quan cũng như vào được thiền đường, thấy rõ mọi góc cạnh. Phá được lao quan là đã đi đến phía sau, thấu qua thiền đường, tức là chỗ nào cũng rõ ràng, chẳng chỗ nào chẳng tỏ.

Trên đây nói sơ qua tình hình của tiểu ngộ đại ngộ, sau khi ngộ rồi chỉ có mình biết, người xung quanh chẳng hiểu được, nên nói “Như người uống nước, lạnh nóng tự biết”. Lại, ngộ rồi muốn nói cho người chưa ngộ biết cũng chẳng được, như người chưa ăn qua đường thì chẳng biết vị ngọt là thế nào, dù người đã ăn qua giải thích từ sáng đến chiều cũng chẳng thể diễn tả cho biết được. Muốn cho hiểu, chỉ cần đem một ít đường cho ném qua thì “Ồ” lên một tiếng, hóa ra ngọt là như thế! Đối với vật chất đã như vậy, người có kinh nghiệm nói với người không có kinh nghiệm cũng chẳng được, huống là kinh nghiệm về tinh thần, Làm sao nói cho người khác biết! Chỉ có người đã ngộ rồi nói với nhau mới biết, cũng như tôi đã ăn qua đường, nói về chất ngọt với người đã ăn qua thì y biết liền.

Hỏi: Ngài Lai Quả nói về Nghi tình thành khởi như thế nào?

Đáp: Ngài Hư Vân nói rằng như đầu sào trăm thước: Cây sào ví như đường đi ý thức, tôi đã giảng về hai chữ "Thoại đầu": Khi nói một câu thoại, phải khởi niệm lên nói ra, khi chưa khởi niệm mới là thoại đầu, khi đã khởi niệm muốn nói, mặc dù chưa nói ra đã là thoại vĩ rồi.

Nay chúng ta tham thiền chưa phải là thoại đầu, nhưng cũng chẳng phải là thoại vĩ, là từ thoại vĩ tiến đến thoại đầu, đang đi ở giữa đường, một ngày kia sẽ đi đến thoại đầu, đến thoại đầu tức đã đến đầu sào trăm thước, lúc đó câu thoại tự mất, mới được gọi là thoại đầu, đến chỗ này thì công phu đã thành khối, công phu hai mươi bốn giờ đồng hồ không có giây phút nào gián đoạn, cố ý muốn buông bỏ nghi tình cũng không được. Lúc ấy câu thoại mất nhưng nghi tình vẫn còn, cố ý bỏ xuống nghi tình chẳng được, cố ý muốn nổi lên vọng tưởng cũng chẳng được, đến chỗ này trước mắt thanh thanh tịnh tịnh, tức là nguồn gốc của ý thức, nhưng vẫn còn dính mắc với ý thức, chưa thể lìa ý thức. Phải từ đầu sào trăm thước tiến thêm một bước mới rời khỏi ý thức, lọt vào hư không.

Lai Quả thiền sư nói "Đã lọt vào hư không thì phải té xuống, mà té xuống phải té cho chết, tan nát thành bột, chết đi sống lại mới triệt để, gọi là "Tuyệt hậu tái tô", cũng gọi là "Đại tử đại hoạt". Nếu chết mà chưa tan nát hết vẫn chỉ là tiểu tử, phải đại tử rồi mới đại hoạt, mới được kiến tánh triệt để, sự ngộ mới có thể bằng Phật. Đến khi công phu đã thành khối thì hy vọng rất lớn, có thể trong năm - bảy ngày kiến tánh, nửa tháng, một tháng kiến tánh.

Theo ngài Lai Quả, nếu nghi tình thành khối thì khỏi cần kiến tánh cũng được. Tại sao? Vì có vọng tưởng thì có tướng, hễ có tướng Diêm La Vương mới thấy và nắm bắt được; còn nghi tình không có tướng, không tướng thì Diêm La Vương không thấy, làm sao sai tiểu quỷ bắt mình được? Hễ Diêm La Vương thấy tức là còn sanh tử, Diêm La Vương không thấy tức sanh tử chẳng còn, không cần kiến tánh cũng được, nhưng đến lúc ấy muốn không kiến tánh cũng chẳng được. Ví như đã đi đến Sài Gòn rồi nói là chưa đến há có được ư? Nếu nghi tình được hai mươi bốn giờ không gián đoạn tức gọi là thành khối (*tiếng Hán gọi là thành đoàn, thành phiến*), rất có hy vọng kiến tánh.

Lúc bắt đầu tham thì trong hai mươi bốn giờ đồng hồ gián đoạn hết hai mươi ba tiếng, dần dần giảm bớt sự gián đoạn thành hai mươi hai tiếng, rồi hai mươi một tiếng, hai mươi tiếng. Nếu câu thoại đầu quen thuộc rồi sẽ từ từ giảm bớt sự gián đoạn, kết quả sẽ khiến nghi tình thành khối, người nào cũng đến được, bất quá người dừng mãnh thì tiến bộ nhanh, người lười thôi thì tiến chậm, thế nào cũng sẽ đến nơi, vì có đi ắt có đến. Ví như từ Chợ Lớn đến Sài Gòn một trăm bước, hễ đi được một bước còn chín mươi chín, hai bước còn chín mươi tám, rồi chín mươi bảy, chín mươi sáu, có đi sẽ có đến.

Hỏi: Khi tham thiền có thể làm việc bằng tay chân hoặc bằng trí óc, vậy có thể xem kinh được không?

Đáp: Nếu xem kinh mà vẫn tham được thì cũng có thể xem. Nhưng ý của ông muốn xem kinh để làm gì? Nếu để tăng cường lòng tin tham thiền thì được; nếu muốn biết thêm giáo lý sẽ rất chướng ngại. Nhưng nếu nghi tình đã thuần thực rồi thì đang lúc xem kinh cũng tham được, chẳng có chướng ngại cho mình.

Hỏi: Căn bản của thiền Mặc chiếu và khán thoại đầu có giống nhau không?

Đáp: Căn bản khác nhau. Tại sao? Mặc chiếu có năng chiếu và sở chiếu, khán thoại đầu khởi lên nghi tình chẳng có năng sở, không lọt vào tứ cú. Mặc chiếu ở bên Giáo môn gọi là quán tưởng. Vào đời nhà Tống ở Trung Quốc, lúc ấy có người chưa kiến tánh ra hoàng pháp, tự làm tài khôn, nói đã kiến tánh, lấy bằng hiệu của Tổ sư thiền

dạy người tu mặc chiếu, nên ngài Đại Huệ gọi đó là tà thiên. Người tu Tổ sư thiên phải tu đúng tông chỉ của Tổ Sư Thiên, nếu lấy bằng hiệu của Tổ sư thiên mà dạy người tu mặc chiếu tức như ngoại đạo vậy. Nên ngài Đại Huệ trong cuốn *Lá Thư Thiên* chỉ trích những người cùng thời rằng “Bọn họ chẳng phải là con người”. Ở bên Giáo môn, tu mặc chiếu mà có phá ngã chấp thì cũng là chánh pháp, nhưng không phải là Tổ Sư thiên, hễ không phá ngã chấp sẽ lọt vào tà ma ngoại đạo.

Hỏi: Tham thiên cần tụng kinh bái sám không?

Đáp: Kỳ thật, nếu suốt ngày tham thiên chẳng gián đoạn tức là suốt ngày tụng kinh, hành trì kinh vậy. Như cha mẹ bảo con đi nấu cơm thì phải vâng lời đi nấu cơm, nay không chịu đi nấu mà chỉ miệng niệm "nấu cơm, nấu cơm", lập lại cho cha mẹ nghe, cha mẹ đâu cần nghe lại lệnh của mình! Cũng vậy, Phật dạy chúng sanh tu hành là muốn chúng sanh thực hành lời dạy bảo của Phật, Kinh là lời dạy của Phật bảo mình y kinh tu hành, nếu có hiểu với Phật là phải thực hành, nay chẳng chịu thực hành mà chỉ niệm trước mặt Phật hai chữ "Nấu Cơm", niệm mãi chắc phải đói thôi.

Hỏi: Trong kinh nào nói “Đại nghi đại ngộ”?

Đáp: Câu nói này không có ở trong kinh mà là trong lịch sử thiên tông, là lời của Tổ sư. Ở Trung Quốc, *Truyền Đăng Lục* rất nhiều, trước nhất là *Cảnh Đức Truyền Đăng Lục*, ghi lại lịch sử của một ngàn bảy trăm tổ, sau đó có *Ngũ Đăng Hội Nguyên*, *Ngũ Đăng Nguyên Thống*, *Ngũ Đăng Truyền Thơ*, *Chi Nguyệt Lục* v.v. Tất cả đều ghi lại lịch sử của Tổ Sư Thiên, từng đời từng đời truyền xuống, thầy đối với đệ tử như thế nào, đệ tử ngộ đạo như thế nào, quá trình ngộ đạo v.v. đều ghi rõ ràng.

Hỏi: Tiểu ngộ rồi phải ra sao? Vẫn tham câu thoại đầu cũ hoặc phải đổi qua câu thoại đầu mới để khởi nghi tình?

Đáp: Tiểu ngộ chưa phải là phá bỏ tham, tiểu ngộ chỉ là giải ngộ thôi, câu thoại đầu vẫn còn nguyên, vẫn tiếp tục tham câu thoại đầu đó đến khi nào kiến tánh mới thôi, không được đổi câu khác.

Hỏi: Tham thiên mỗi ngày phải sám hối không?

Đáp: Tham thiên sẽ được kiến tánh thành Phật, Tổ sư có dạy “Ngoài nghi tình ra không được khởi một niệm khác, cho dù chơn lý cao hơn Phật cũng là biệt niệm, chướng ngại sự tham thiên của mình, nên chỉ cần luôn luôn giữ nghi tình không gián đoạn. Lúc bắt đầu thì gián đoạn nhiều, một ngày hết hai mươi ba tiếng, rồi dần dần hai mươi hai tiếng, hai mươi một tiếng. cứ tham mãi, sự gián đoạn sẽ rút bớt, chứ không được sanh tâm muốn làm một cái gì.

Như trên đã nêu, bất cứ buông bỏ vọng tưởng, trừ vọng tưởng, đè nén vọng tưởng còn không được, huống là sanh tâm nghĩ chuyện khác! Sở dĩ tạo tội là vì có vọng tưởng khởi lên, cần có nghi tình miên mật, thành khối rồi tự nhiên sẽ có thiên giới. Bậc cư sĩ mặc dù chưa thọ giới xuất gia, nếu công phu thành khối tất cả giới luật xuất gia đều trì hết. Vọng niệm chẳng khởi lên, thiện niệm chẳng khởi lên thì nói chi ác niệm! Nên trong giới luật gọi là Thiên giới, cũng gọi Định-Cộng-Giới. Nay công phu còn có gián đoạn thì phải tập cho đến không gián đoạn, chứ đừng nên suy nghĩ lúc gián đoạn phải làm sao.

Hỏi: Làm thế nào khỏi lọt vào vô ký không?

Đáp: Tham thiên luôn phải có nghi tình, nếu không có nghi tình cũng không có vọng tưởng là lọt vào vô ký không, thuộc thiên bệnh rất nặng. Tổ sư gọi là "Ngâm nước chết", vĩnh viễn không được kiến tánh. Mặc dù cảm thấy thanh thanh tịnh tịnh, thấy

chẳng có gì, trong người êm dịu, nhưng đó là thiên bệnh. Chẳng thà có vọng tưởng có nghi tình, còn hơn là chẳng có vọng tưởng cũng chẳng có nghi tình. Bởi thế, nghi tình là điều rất cần thiết, không được đánh mất nghi tình. Đã có nghi tình nhưng bỏ câu thoại là không được; chưa đến thoại đầu mà bỏ câu thoại ắt sẽ gián đoạn, lọt vào vô ký không. Khi đến được thoại đầu rồi câu thoại tự mất. Cho nên, bất kể có nghi tình hay không có nghi tình, câu thoại vẫn để trong tâm hỏi tới hoài, chớ cho gián đoạn, lâu ngày sẽ thành tự động không gián đoạn.

Hỏi: Về tư thế tham thiền như thế nào?

Đáp: Ở trong Thiền thất, theo đoàn thể phải có giờ giắc; đi nửa tiếng ngồi nửa tiếng. Còn ở nhà thì bất kể đang làm việc hay rảnh rỗi, cứ ngồi đến mỏi thì đi, đi đến mỏi thì ngồi, không cần coi giờ, không được nghiêng về ngồi. Hễ cảm thấy khi ngồi có nghi tình hơn, đi thì không có, ấy cũng chẳng được; ngược lại, nếu cảm thấy đi có nghi tình hơn ngồi cũng không được. Vì đi là động, ngồi là tịnh, lúc tịnh cảm thấy nghi tình nhiều, ham ngồi là bị tịnh trói buộc; lúc đi cảm thấy nghi tình nhiều hơn cũng bị "động" trói buộc, phải khiến cho công phu động cũng chướng ngại không được, tịnh cũng chướng ngại không được, động chẳng biết là động, tịnh chẳng biết là tịnh, động tịnh bằng nhau, quên cả động tịnh mới được.

Hỏi: Khi ngồi thiền thấy đủ thứ cảnh giới phải làm sao?

Đáp: Bất cứ thấy điều gì: Thấy ánh sáng, thấy hoa, thấy Phật, Bồ tát. tất cả đều là cảnh giới. Trong kinh Lăng Nghiêm nói "Nếu như chẳng chấp là thánh ấy là cảnh giới tốt, hễ chấp liền lọt vào tà" (*Bát tác thánh tâm, như thiên cảnh giới, như tác thánh tâm, tức thọ quân tà*). Nay hễ thấy cảnh giới tốt, thấy Phật đến xoa đầu mình, cũng phải coi là cảnh giới hư vọng; thấy cảnh giới địa ngục khủng bố cũng đừng sợ hãi, bất kể thấy cảnh giới gì cũng không để ý tới, chỉ để câu thoại đầu khởi lên nghi tình mà tham.

Hỏi: Vì sao lịch đại Tổ sư, chư hộ pháp long thiên phải bận rộn khi đã thiền thất?

Đáp: Trong cuốn Thiền Thất Khai Thị Lục của Lai Quả Thiền sư nói "Khi đã thất, chẳng những trong chùa ngoài chùa, kể cả chư Phật chư Tổ đều rất bận rộn để cho đại chúng yên tâm đã thất. Bận rộn việc gì? Bận rộn làm hộ pháp cho chúng, che chở cho chúng được phương tiện để tham thiền. Bởi vì tham thiền sẽ được kiến tánh thành Phật, sẽ độ cho vô lượng vô biên chúng sanh". Nếu như trong một - hai trăm người chúng ta có một người thành Phật cũng đủ lấy vốn lại rồi!

Có một câu chuyện về Đạo Tuyên Luật sư đời nhà Đường: Ngài là sơ tổ của Luật Tông, tri giới rất trong sạch nghiêm chỉnh, nên cảm hóa được cõi Trời mỗi ngày đem cơm và thức ăn đến cúng dường. Như thế trải qua mấy tháng, được nhiều người hay biết. Có một vị Thiền sư nghe nói, muốn biết hình tướng của Thiên như cõi Trời, một ngày kia đến thăm ngài Đạo Tuyên, ở lại đợi đến giờ ngọ, chẳng thấy có ai đến cúng dường, rồi 12 giờ, 01 giờ, vẫn không thấy, mới từ giả ra về.

Một lát sau, thiên như cõi Trời đi vào, Luật Sư bảo: Ông biết tôi chỉ ăn ngọ, sao giờ này mới đến? Hôm nay sao trễ thế?

Thiên như nói: Con vẫn đi đúng giờ, nhưng vì căn nhà bị hào quang của vị Thiền sư che khuất, khiến con vào không được, nay hào quang đã tan đi, con mới vào được căn phòng này.

Đạo Tuyên Luật sư mới biết là do ánh sáng hào quang của vị Thiền sư kia, nhưng chính bản thân vị ấy cũng không hay biết điều này. Bởi do Luật sư ngày thường khinh

khi Thiên sư không đủ oai nghi bề ngoài, không nghiêm chỉnh giới luật, nhưng từ đó về sau chẳng dám khinh khi nữa.

Hỏi: *Thật tướng của các pháp là gì? Tại sao kiến tánh rồi lại tiêu diệt thân tâm thế giới?*

Đáp: Tại có tâm chấp nên có câu hỏi này, do có chấp tâm nên thấy đủ thứ hiện tượng thế giới, ví như trong kinh Lăng Nghiêm nói “Do con mắt bệnh”. Nhưng lời nói của Phật chỉ là phương tiện, chẳng phải thực tế. Nay nói “Khi kiến tánh tất cả hiện tượng thân tâm thế giới đều tan nát” vẫn còn chưa đúng; hễ có sanh mới có diệt, nếu vốn chẳng sanh, làm sao có diệt!

Kinh Pháp Hoa nói “Chư pháp tùng bản lai, thường tự tịch diệt tướng”, tịch diệt tướng tức Niết bàn tướng, vốn chẳng sanh diệt. Tất cả pháp từ vô thủy đến nay vốn không sanh diệt thì làm sao khi thức tỉnh rồi liền tiêu diệt! Lấy cái gì để tiêu diệt? Chỉ là tiêu diệt những vọng tâm, những chấp tâm thôi. Tức các bệnh chấp thật đã trị hết, như kinh Pháp Hoa nói “Thị pháp trụ pháp vị, thế gian tướng thường trụ”. Thế gian tướng thường trụ, đâu có tiêu diệt!

Kinh Kim Cang nói đến ngũ nhãn: Nhục nhãn, thiên nhãn, pháp nhãn, huệ nhãn, Phật nhãn. Phạm phu chỉ có nhục nhãn, cõi Trời có thiên nhãn, những người có định lực rồi cũng phát được thiên nhãn. Phật thì đầy đủ ngũ nhãn, nên có thể dùng nhục nhãn để thấy ngũ uẩn của thế gian. Nếu chẳng thấy thì lấy gì để dạy chúng sanh? Chỗ thấy của Phật, phạm phu chẳng thể thấy, Bồ tát cũng chẳng thể thấy, Phật thì thấy đủ cả.

Hỏi: *Phú Lô Na hỏi Phật “Thân tâm thanh tịnh bỗng nhiên sao lại sanh khởi sơn hà đại địa?”*

Đáp: Chính Phật ở trong kinh Lăng Nghiêm có trả lời “Do vọng tâm chấp thật nên mới sanh ra, do con mắt bệnh từ vô thủy đến nay nên mới thấy sơn hà đại địa, thấy có chúng sanh. Ấy là con mắt bệnh khiến tâm Bồ đề bị lao nhọc, ví như con mắt ngó hẳn một chỗ, ngó lâu mỏi mệt, thấy có hoa đóm trên không. Tâm Bồ đề của chúng ta cũng vậy, do mỏi mệt nên thấy sơn hà đại địa, đủ thứ hiện tượng.

Phú Lô Na hỏi tiếp: Tại sao có vọng tâm đó? Sao khi không vọng tâm khởi lên? sao gọi là vọng?

Phật đáp: Đã gọi là vọng thì làm sao có lý do? Vọng vốn chẳng nguyên do, hễ có nguyên do tức chẳng gọi là vọng (*ký danh vi vọng, vân hà hữu nhân? Nhược hữu sở nhân, vân hà danh vọng*).

Ở trong Kinh Viên Giác, Phật đưa ra bốn thí dụ, ở đây chỉ gom lại một: Do vọng tâm ngày đêm hoạt động không ngừng nên thấy rõ ràng có sanh tử luân hồi, nhưng trong Bát Nhã Tâm Kinh lại nói là “Vô lão tử diệt vô lão tử tận” (*Chẳng có sanh tử, cũng chẳng có sự hết sanh tử*), chúng ta nói “Nay thì có sanh tử, khi nào kiến tánh sẽ hết sanh tử”, ấy là do bệnh chấp thật. Kỳ thật chẳng phải có sanh tử và sanh tử diệt rồi gọi là Niết Bàn. Theo ý của Đức Phật, thí dụ vọng tâm ngày đêm hoạt động chẳng ngừng thì tất nhiên phải thấy có sanh tử, khi nào vọng tâm ngưng hoạt động thì sanh tử luân hồi cũng ngưng, lúc đó gọi là Cứu cánh Niết bàn.

Cũng vậy, thân xoay thấy căn nhà xoay, nay muốn tìm cách để cho căn nhà ngưng xoay mà thân chẳng chịu ngưng thì làm sao được? Phải thân mình ngưng xoay rồi tự nhiên căn nhà ngưng xoay. Căn nhà xoay tức sanh tử luân hồi, căn nhà ngưng xoay tức cứu cánh Niết bàn; Căn nhà có xoay đâu mà nói căn nhà ngưng xoay? Căn nhà có xoay đâu mà nói sanh tử luân hồi! Tất cả đều là hư vọng, do thân xoay mới có cảm

giác sai lầm, chỉ cần cái thân ngưng xoay, như kinh Pháp Hoa nói “Thường tự tịch diệt tướng” vậy.

Hỏi: Tất cả Phật, Tổ, Thiên sư đều kiến tánh bởi pháp môn tham thiền khởi nghi tình, phải không? Nếu phải, tại sao Phật lại thuyết nhiều kinh điển làm chi?

Đáp: Theo lời của Lai Quả thiên sư, tất cả Phật quá khứ, Phật hiện tại và vị lai đều phải do tham thiền kiến tánh thành Phật, Phật Thích Ca cũng vậy. Thế thì tại sao Phật lại giảng kinh thuyết pháp? Lúc Phật mới thành đạo, tự đóng cửa lại trong ba tuần lễ định không ra thuyết pháp, vì Phật nghĩ rằng “Bệnh chấp của chúng sanh quá nặng, nếu ta ra thuyết pháp, e rằng sau này sẽ chấp thật lời nói của ta, có hại thì nhiều, lợi thì ít; hễ không ra thuyết pháp thì tất cả chúng sanh đều không có cơ hội giải thoát”. Sau đó nghĩ rằng “Quá khứ chư Phật đều phải thuyết pháp, chẳng có Tam thừa mà nói Tam thừa, chẳng phải Phật mà nói có Phật, vì phải hóa độ chúng sanh nên không thể không nói”.

Bởi tánh của chúng sanh trong thế giới Ta Bà này ham tri kiến, nên mới dùng lời nói thuyết pháp làm Phật sự hóa độ.

Kinh Duy Ma Cật nói “Thế giới khác chẳng có lời nói, ăn cơm cũng là Phật sự độ chúng sanh, đủ thứ chẳng dùng lời nói để độ chúng sanh. Ở Cõi Ta Bà thì phải dùng lời nói để độ chúng sanh, nên Đức Phật mới giảng kinh thuyết pháp”.

Thời Phật Thích Ca chẳng có kinh, Phật chỉ trực tiếp dạy pháp tu hành. Sau khi Phật nhập Niết bàn, hàng đệ tử mới kết tập lại thành các bộ kinh; hồi đời Phật cũng chẳng chia thành Đại thừa, Trung thừa, Tiểu thừa, sau kết tập lại thành có Tam thừa. Pháp tham thiền này là Tối thượng thừa, vì không ở trong giáo lý của Tam thừa, nên cũng gọi là giáo ngoại biệt truyền.

Tại sao Phật thuyết Tam thừa? Vì lòng từ bi hóa độ chúng sanh, nếu không thuyết thì chúng sanh chẳng thể giải thoát, nên phải đặt ra để nói, nói xong liền quét. Ví như trong Bát Nhã Tâm Kinh, quét từ phạm phu đến Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, và quét luôn cả Phật, rồi mới được chúng quả Phật. Tất cả kinh Đại thừa liễu nghĩa như kinh Kim Cang, kinh Lăng Nghiêm, Lăng Già, đều như thế. Nói tóm lại tức là xác định sự quét như một cây chổi thôi: Phật nói ra kiến lập liền quét; kiến lập thừa Thanh văn quét Thanh văn, kiến lập thừa Duyên giác quét Duyên giác, kiến lập thừa Bồ tát quét Bồ tát, kiến lập Phật thừa quét Phật. Do bệnh chấp của chúng sanh rất khó trị, nên Phật nói xong liền quét, vì sợ chúng sanh chấp theo lời Phật vậy.

Đức Phật thuyết pháp 49 năm, tự nói chẳng thuyết một chữ, vì hễ nói ra là chẳng phải rồi. Trong kinh Lăng Già, Phật bảo “lời nói của ta chỉ là vọng tưởng, chớ nên chấp thật”. Lời nói của Phật, của Tổ là muốn phá chấp thật của chúng ta, nếu còn chấp vào lời nói của Phật, của Tổ thì bệnh chấp vẫn còn nguyên, làm sao có thể kiến tánh thành Phật? Kinh Đại thừa liễu nghĩa cũng dạy chúng ta quét, nay tham thiền là quét bằng cách automatic, chẳng cần khởi niệm muốn quét, cũng chẳng cần khởi niệm không quét, vì sự quét đó tự động.

Phật Thích Ca thuyết pháp 49 năm, sau cùng đưa lên một cành bông, truyền pháp môn Thiền này đến ngày hôm nay, ấy mới hợp với ý của Phật.

Ở Ấn Độ, ngài Ma Ha Ca Diếp là Sơ Tổ, truyền sang Trung Quốc do ngài Đạt Ma là Sơ Tổ, đến đời nhà Thanh, đã có hơn bảy ngàn Tổ ghi trong “*Ngũ Đăng Truyền Thư*”. Về Giáo môn, người được chứng ngộ rất ít, còn đối với những người ham cầu tri kiến, chỉ được gieo trồng thiện căn, sau này thiện căn được chín mùi rồi (*hoặc một kiếp, hoặc trăm ngàn kiếp sau*) mới có thể do tham thiền rồi chứng ngộ.

Hỏi: Sao Sư phụ nói không có nhân quả?

Đáp: Ông vừa bảo tôi nói “Không có nhân quả” ấy là sai, tôi nói “không có nhân duyên”, là do trong kinh Lăng Nghiêm nói “Phi nhân duyên, phi tự nhiên” chứ chẳng phải không có nhân quả. Nói “không có nhân quả”, chấp vào một bên là tà kiến, là tội địa ngục, tà kiến trong năm thứ ác kiến. Nếu pháp sư nào chỉ giảng được nghĩa hai câu thì pháp sư đó phải đọa địa ngục; hễ pháp sư giảng thấu nghĩa ba câu mà người nghe hiểu lắm, thì người nghe có lỗi chứ chẳng phải lỗi tại pháp sư. Trong cuốn *Niên Phổ* của Hư Vân thiền sư, có trường hợp chỉ trả lời sai một chữ, phải đọa làm con chồn năm trăm kiếp, chẳng phải chuyện chơi. Tôi đã từng nói là không được chấp thật, nếu chấp Có là thật có bệnh còn nhẹ, hễ chấp cái Không cho là thật không, thì bệnh rất khó trị.

PHẦN 3.

Hỏi: Thế nào là một câu đũa ba câu của ngài Vân Môn? Thế nào là Tam huyền Tam yếu? Thế nào là Ngũ vị quân thần của Tổ Động Sơn?

Đáp: Tất cả đều là thủ đoạn của Tổ sư: Trước đời nhà Tống Trung quốc chẳng có tham công án và thoại đầu, mà chỉ có nghi tình, nghi tình đó do thủ đoạn của Tổ khiến người tham tự mình phát khởi nghi tình mà chẳng biết là đang tham thiền mãnh liệt, nên sức tham rất mạnh, đến khi chín mùi rồi, chỉ điểm một cái liền thấu tam quan.

Thủ đoạn của Tổ là muốn người tham tự khởi nghi tình nặng mà chẳng biết mình đang tham, càng không hiểu chừng nào càng tốt chừng nấy, vì không hiểu tức đại nghi, đại nghi sẽ được đại ngộ. Ý của Tổ sư muốn cho người phát nghi, rất kị người ham giải. Sau này *Cảnh Đức Truyền Đăng Lục* ra đời, khiến mọi người biết hết thủ đoạn của Tổ nên phát huy chẳng được, bắt đấng dĩ dạy người tham công án, thoại đầu. Người thời nay do ham tri giải, ham tìm hiểu, Tổ Sư gọi là con chó. Nhiều người tự làm tài khôn, đem ý mình giải thích ra, khiến người chẳng thể khởi nghi, mặc dù giải không đúng, nhưng hễ có đáp án thì chẳng thể nghi; những sách thiền đời nay đều như thế, khiến người ham coi sách thiền chẳng thể phát nghi được.

Không nghi thì không ngộ, vì nghi là nhân, ngộ là quả, không có nhân thì không có quả, nên bất nghi bất ngộ; nhân nhỏ quả nhỏ nên tiểu nghi tiểu ngộ; nhân lớn quả lớn nên đại nghi đại ngộ. Không hiểu nhiều là đại nghi, nay đem thủ đoạn của Tổ sư giải thích ra, lấp bít cửa ngộ của người tham thiền. Tôi thường nói “hễ chấp lời thì nghịch ý”, chẳng những đối với pháp môn tham thiền, pháp môn khác cũng vậy.

- Phật dạy tám mươi bốn pháp môn, qui nạp lại thành bốn đại loại: Tham thiền, niệm Phật, trì chú, quán tưởng. Nay nhiều người trì chú tưởng là công hiệu ở trong câu chú, ấy là sai. Nhất thiết duy tâm tạo, công hiệu ở trong tâm mình chứ chẳng phải ở trong câu chú. Nếu công hiệu ở trong câu chú thì người nào niệm cũng có công hiệu, đâu thể người này niệm có công hiệu mà người kia niệm lại chẳng có? Vậy chứng tỏ công hiệu ở trong tâm của người niệm, người nào tâm lực mạnh niệm mới có công hiệu, tâm lực yếu thì không.

- Tâm lực mạnh hay yếu là do tâm thanh tịnh, hễ tâm suy nghĩ lung tung, vọng tưởng nhiều thì tâm lực yếu, làm sao có công hiệu! Niệm Phật cũng vậy, công hiệu chẳng ở tại câu hồng danh của Phật. Tham thiền cũng thế, công hiệu chẳng ở tại câu thoại đầu mà ở trong tâm mình. Người tham thiền chỉ là mượn câu thoại khởi lên nghi tình, nghi tình ấy là cây chổi automatic quét sạch tâm, tâm sạch ắt thanh tịnh, phát huy sức dụng, hiệu lực sẽ sanh ra, tự tánh hiện ra sự dụng automatic.

- Đối với ba câu hỏi trên, tôi chỉ trả lời chung là thủ đoạn của Tổ sư, nếu hướng theo chỗ này giải thích tìm hiểu ấy là con chó chứ chẳng phải con sư tử. Về những lời của Phật, của Tổ, ý muốn chúng ta ngộ nhập tự tánh, làm con sư tử, chẳng phải làm con chó để giải thích Tam huyền tam yếu như thế nào, và e rằng người giải thích bị Tổ mắng là con chó vậy.

Hỏi: Xin Sư phụ kể về công án được ngộ của ngài Tuyết Phong?

Đáp: Khi mới gặp nhau, Tuyết Phong hỏi Đức Sơn “Tất cả chư Phật ngộ được ấy, con có phần không?” Đức Sơn lấy cây gậy đánh vào đầu, bảo “Nói gì?” Tuyết Phong liền ngộ, phá được Sơ quan. Sau này ở Ngao Sơn nhờ Nham Đầu thiền sư ngộ triệt để, phá Mạt Hậu Lao Quan.

Hỏi: Khi tham đến đầu sào trăm thước như thế nào?

Đáp: Tôi lấy cây bút để thí dụ: Bây giờ tham thoại đầu đề khởi nghi tình là bắt đầu từ thoại vĩ đến thoại đầu, đang đi nửa đường, chẳng phải ở thoại vĩ, cũng chưa đến thoại đầu. Một ngày kia đi đến thoại đầu, cũng là đầu sào trăm thước, thì câu thoại tự mất, chỉ còn nghi tình, gọi là nghi tình thành khối, tức một ngày hai mươi bốn tiếng đồng hồ chẳng giây phút gián đoạn; muốn buông xuống nghi tình buông chẳng được, muốn nổi vọng tưởng cũng nổi lên chẳng được. Chỗ này là nguồn gốc ý thức, đến chỗ này rồi chẳng còn đường đi, ngó về phía trước thanh thanh tịnh tịnh, nhưng chưa lìa ý thức. Ngoại đạo tiểu thừa tu đến chỗ này thì ngưng, vì hết đường đi, chẳng còn chỗ để đi. Nên Lai Quả Thiền sư nói là "phải tiến thêm một bước"; Tổ sư nói “Đầu sào trăm thước thêm bước nữa”, lọt vào hư không, lìa ý thức là ngộ.

Theo Lai Quả thiền sư thì lọt vào hư không phải té xuống, té xuống phải chết; chết còn chưa đủ, phải té cho tan nát, "tuyệt hậu tái tô", chết đi sống lại, cũng gọi là đại từ đại hoạt, lúc đó mới kiến tánh triệt để. Tại sao phải té cho tan nát? Tan nát là tan nát cái ý thức phân biệt. Hễ chết mà chỉ là tiểu tử thì chẳng được, vẫn còn ý thức, nên phải té cho tan nát, thức phân biệt mới hết, gọi là đại từ đại hoạt.

Hỏi: Đến chỗ đó, câu thoại, vọng tưởng đều hết, Lai Quả thiền sư nói công phu đến đây phải đập tan Mạt-Na-thức và A-lại-da thức?

Đáp: Mạt-na-thức là ngày đêm luôn chấp ngã, đã rời khỏi cái thức rồi không còn chấp ngã nữa, nhưng còn tập khí, mặc dù còn nhưng sẽ hết. Tổ sư nói ví như ghe đã gần bờ rồi, khỏi cần chèo, khỏi cần chống, buông chèo buông chống rồi tự nhiên vào bến.

Chữ Té ở đây là chỉ tập khí; tập khí thế gian và xuất thế gian. Bồ tát Thập Địa kiến tánh, tập khí thế gian đã hết, nhưng tập khí xuất thế gian vẫn còn chút ít. Phạm phu kiến tánh thì sự kiến tánh bằng với Bồ tát Thập Địa, nhưng tập khí thế gian vẫn còn nhiều, vì bị tập khí chướng ngại, nên sự dụng chẳng thể bằng, nhưng sẽ hết dần, như ghe gần bờ, chẳng cần chèo chống, tự nhiên sẽ vào bến.

Việc dứt tập khí đó Thiền tông gọi là "Bảo nhiệm", nên Tổ sư nói “Bất phá trùng quan bất bé quan”. Bé quan tức nhập thất, nhập thất là để bảo nhiệm chứ chẳng phải để tu cho kiến tánh. Nay nhiều người làm tướng nhập thất để tu, sai lầm như thế rất nguy hiểm, đi làm đường cũng chẳng hay, nên Thiền tông nói “Bất phá trùng quan bất bé quan” là vậy.

Hỏi: Công án và thoại đầu khác nhau như thế nào?

Đáp: Công án là có chuyện tích, phức tạp hơn. Ví như công án tham chữ Vô của Ngài Triệu Châu:

Có Tăng hỏi Triệu Châu: Con chó có Phật tánh không?

Đáp: Có.

Vị khác hỏi: Con chó có Phật tánh không?

Đáp: Không.

Tại sao Triệu Châu nói “Không”? Thứ nhất: cùng là một câu hỏi, người này hỏi đáp có, người kia hỏi đáp không, rất mâu thuẫn; Thứ hai: tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, con chó cũng là chúng sanh, sao lại không có Phật tánh? Ý của Triệu Châu sao lộn xộn thế? Lúc thì trả lời có, lúc thì trả lời không. Lại không trả lời đúng theo Giáo môn là chúng sanh đều có Phật tánh? Ngài có trả lời sai không? Nếu chẳng sai thì ý của Ngài ở chỗ nào? Thắc mắc không biết.

Công án có sự tích dài như thế, phức tạp khó tham, dễ dẫn người tham lọt vào hồ nghi, dùng tâm đi tìm hiểu. Còn thoại đầu chẳng có chuyện tích nào cả, chỉ là một câu hỏi, tự mình hỏi mình, hễ không hiểu thì đáp không ra, thắc mắc tức là tham vậy. Rất đơn giản, dễ tham, chỉ có một câu, dễ phát khởi chánh nghi. Chánh nghi chỉ cho tâm nghi, không cho tâm đi tìm. Sự tiến bộ của tham thoại đầu chẳng kém hơn công án, nên tôi chỉ dạy người tham thoại đầu mà không dạy người tham công án là vậy.

Hỏi: Tham thiền và Thiền có khác nhau không?

Đáp: Chữ Thiền là tiếng Ấn Độ, gọi là Thiền Na, gồm phạm phu thiền, Đại thừa thiền v.v. đủ thứ thiền mênh mông. Nói Tham Thiền là tham Tổ Sư Thiền, thuộc giáo ngoại biệt truyền, chỉ có một thôi, ngoài ra chẳng còn cái khác.

Tất cả thiền Giáo môn đều có giáo lý, có thiền quán, Tổ sư thiền thì tất cả giáo lý đều quét sạch, chỉ là tham công án hoặc thoại đầu để khởi lên nghi tình. Tổ sư thiền ở ngoài giáo lý nhưng lại chẳng phải không đúng với giáo lý; khởi cần giáo lý nhưng lại lấy kinh giáo án chứng cũng được; quét sạch tất cả giáo lý nhưng đến lúc ngộ rồi lại thuyết giáo lý, như Phật Thích Ca ngộ rồi, nói ra đều là giáo lý (*Kinh*), nên Tổ sư thiền khác hơn tất cả thiền.

Hỏi: Thế nào là nhắm mắt chiêm bao và mở mắt chiêm bao?

Đáp: Phật pháp nói “Nhất thiết duy tâm tạo”, nhắm mắt chiêm bao là ban đêm ngủ, trong chiêm bao, ý thức của mình tạo ra cái thân chiêm bao, tiếp xúc người trong chiêm bao, có người quen kẻ lạ, tiếp xúc thế giới chiêm bao, núi sông đất đai, nhà cửa cây cối. Trong chiêm bao chẳng cần cái thân tiếp xúc cũng biết nóng lạnh, biết ngon dở, biết khổ vui. Tất cả đều do một mình thức thứ sáu biến hiện, còn năm thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân đang nghỉ ngơi, trong trạng thái ngưng hoạt động, nên gọi “độc đầu ý thức biến hiện nhắm mắt chiêm bao”.

Còn mở mắt chiêm bao là do đồng-thời-ý-thức biến hiện. Sao gọi Đồng thời ý thức? Tiền ngũ thức: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân hoạt động như thường, mắt thấy cảnh vật là do nhãn thức và ý thức đồng thời khởi lên; nhĩ thức nghe được tiếng, nhưng chưa thể phân biệt là tiếng gì: Tiếng chim hay tiếng người, nam hay nữ, già hay trẻ lớn nhỏ. phải có ý thức mới phân biệt rõ ràng. Ngược lại, nếu chỉ có ý thức mà không có nhĩ thức thì chẳng thể nghe, nên gọi “đồng thời ý thức biến hiện”.

Độc đầu ý thức là do tâm tạo, đồng thời ý thức cũng là do tâm tạo, nên Phật pháp nói “ngủ” là nhắm mắt chiêm bao, “thức” là mở mắt chiêm bao, cũng là ở trong chiêm bao.

Hỏi: Thế nào là độc-ảnh-cảnh và đời-chất-cảnh?

Đáp: Đó là danh từ phật học: Độc-ảnh-cảnh là chỉ nghe theo cái bóng có tiếng, chẳng có thật chất, chẳng phát lên tiếng. Ví như người đang ngủ nói chuyện với người trong chiêm bao, mặc dù người thức ngồi ở bên cạnh nhưng không thể nghe được tiếng nói giữa họ, gọi là độc ảnh cảnh.

Đới-chất-cảnh: Đới nghĩa là kèm theo, kèm theo cái chất của tiếng: Như nay tôi thuyết pháp thì tiếng thuyết pháp của tôi mọi người đều nghe được, gọi là đới-chất-cảnh.

Thật ra, đới chất cảnh và độc ảnh cảnh đều là do tâm tạo, hễ ở trong chiêm bao tham thiền với ban ngày tham thiền đều giống nhau. Và lại, trong chiêm bao tham thiền được thì công phu đã tiến bộ. Nhắm mắt chiêm bao là chiêm bao, mở mắt chiêm bao cũng là chiêm bao, tự tánh vốn chẳng có hai, vì muốn diễn đạt cho người hiểu nên nói thành hai.

Hỏi: Tham thiền có chướng ngại việc làm không?

Đáp: Thiền tông rất thích hợp với mọi tầng lớp xã hội, vì những phật tử tham thiền bất cứ làm kỹ nghệ gì, trong lúc làm việc, vừa làm vừa tham, năng suất sản xuất đều tăng gấp bội. Tôi thường dạy người tham thiền phải đem việc tham thiền đặt ở hàng đầu, có người nói “Trong lu gạo của con chẳng còn hạt gạo thì tham thiền sao được!” Thật ra, việc tham thiền đâu có chướng ngại việc kiếm cơm? Ai làm nghề gì cứ y theo nghề cũ, chẳng những không chướng ngại việc kiếm cơm, còn giúp tăng thêm thu nhập nữa!

Ví như có vài chục phật tử vừa tham thiền vừa may, sản phẩm mau hơn bình thường gấp bội, thậm chí còn hơn! Chẳng những mau, lại còn đề cao chất lượng. Có một phật tử làm nghề vô mực bút bi, trước kia chưa tham thiền, từ sáng đến chiều chỉ vô được 40 cây bút, sau khi tham thiền rồi, sản phẩm chẳng những tăng lên, lại cây bút nào cũng viết được tốt, ra mực đều đặn, không như lúc trước, có cây thì viết được, có cây thì không. Bất cứ làm công việc gì, bằng tay chân hay trí óc cũng thế.

Có một cô tên Hằng Thiền, làm nghề cắt may, bắt đầu tham thiền từ năm 1979. Một hôm cô vừa tham vừa cắt, bất giác quên để ý đến việc cắt may, đến lúc sực nhớ thì áo đã cắt xong, tự nghĩ "Nãy giờ lo tham không để ý đến ni tắc, lần này chắc phải đền cho người khách rồi!" Không ngờ kiểm tra lại thì không cắt lộn, áo may xong lại được khách khen là vừa ý. Từ đó về sau cứ yên tâm vừa tham vừa cắt mà không bị sai, người em hỏi cô ấy cắt bao nhiêu tắc bao nhiêu phân thì trả lời là không biết! Chợt nghe rất vô lý, nhưng thật tế là vậy.

Tại sao không để ý mà lại không sai? Tôi thường nói “Dụng của tự tánh automatic, chẳng cần qua sự tác ý của bộ não, hễ suy nghĩ là chậm trễ rồi. Nên tôi nói “người tham thiền bất cứ làm việc gì đều tham được”, nghi tình quen thuộc rồi sẽ có sự dụng automatic, chẳng cần tác ý, kể cả công việc tính toán sổ sách; bình thường hễ sơ ý là dễ tính sai, nhưng khi tham thiền khởi dụng automatic không bị nhầm lẫn, điều này đã được chứng tỏ bởi nhiều phật tử.

Lại, các Tổ sư dạy rằng tham thiền chẳng cần phải tập ngồi thiền để tập tham, mà là vừa làm việc vừa tập tham, Mặc dù nếu tập tham bằng cách ngồi sẽ nhanh hơn, vừa làm vừa tham sẽ chậm hơn. Ví như tập ngồi để tham thì một tháng có thể quen được, vừa làm vừa tham phải tốn một năm mới có thể quen. Người vừa làm vừa tham tốn một năm để quen, nhưng có thể ba năm kiến tánh; mà người tập ngồi trong một tháng đã quen lại phải tốn ba trăm năm, có khi không được kiến tánh! Lúc đầu thì nhanh nhưng về sau lại chậm, ban đầu thấy chậm nhưng thật sự lại nhanh. Nên Tổ sư muốn mình ở nơi động tập tham mà quen chứ không nên ở nơi tĩnh mà hạ thủ công phu; tu

là phải lúc đang làm việc mà tu chứ không phải ngồi không mà tu. Nay nhiều người thích nhập thất để tu, kỳ thật Thiền tông là không cho nhập thất, phải đợi sau khi ngộ rồi bảo nhiệm mới cho nhập thất, nên Thiền tông có câu "Bất phá Trùng quan bất bế quan".

Hỏi: Khi dự Thiền thất, phải tuân thủ quy củ của Thiền đường như thế nào?

Đáp: Thiền thất là nơi cho người thực tập tu hành, Quy củ Thiền đường ở Trung Quốc rất nghiêm khắc, nay ở đây tuy phương tiện nhưng cũng phải có quy củ, để tránh ảnh hưởng đến người khác.

- Ở Thiền đường, lúc đi hương hoặc tọa hương không được nói chuyện, cười giỡn; nếu nói chuyện hoặc cười giỡn, chẳng những chướng ngại mình, còn chướng ngại đến người khác.

- Khi ra ngoài đại tiểu tiện không được đứng ở ngoài hành lang đàm tiếu, đi xong liền trở vào Thiền đường.

- Không cho con nít đi theo, trừ khi đưa bé ấy biết tham thiền.

- Ở Thiền đường Trung Quốc có người tuần hương, hễ phạm quy củ là hương bãng đánh xuống liền. Ở đây dù không đánh hương bãng, nhưng hễ phạm quy củ là không cho dự Thiền thất.

Hỏi: Tham thoại đầu làm sao biết là mình tinh tấn?

Đáp: Muốn biết tinh tấn rất dễ: Tham thiền cần sự miên mật, kéo dài và không kẻ hở. Đề lên câu thoại đầu hỏi lần thứ nhất, không hiểu; hỏi tiếp lần thứ hai, vẫn không hiểu, hỏi tiếp lần thứ ba. Cứ hỏi mãi, liên tiếp chẳng ngừng, chẳng có kẻ hở, ngày đêm hai mươi bốn giờ chẳng gián đoạn.

Nay bắt đầu tập tham, hai mươi bốn tiếng gián đoạn hết hai mươi ba tiếng, dần dần tiến bộ còn lại hai mươi hai tiếng, rồi tiến bộ thêm còn hai mươi một tiếng. Hễ gián đoạn giảm nhiều là tiến bộ nhanh, chứ chẳng phải có thấy hoa, thấy ánh sáng, thấy có Phật Thích Ca đến sờ đầu thọ ký v.v. ấy chẳng phải là tiến bộ, phải quét sạch.

Tinh tấn là nghi tình bớt đi sự gián đoạn, ví như Lai Quả thiền sư nói "Nếu công phu của mình hai mươi bốn giờ chẳng gián đoạn tức công phu thành khối, cũng là đến chỗ đầu sào trăm thước; chỗ này là nguồn gốc của ý thức, tiến thêm một bước nữa là rời khỏi ý thức, là kiến tánh. Đến được chỗ này rồi không cần ngộ cũng được".

Tại sao? Khi chúng ta chưa tham thiền, suốt ngày vọng tưởng, có vọng tưởng thì có tướng, ví như nghĩ đến chợ Bến Thành thì hiện lên tướng của chợ Bến Thành, nghĩ đến thành phố Hà Nội hiện lên tướng của thành phố Hà Nội. Có tướng thì Diêm La Vương thấy được, có thể sai tiểu quỷ đến bắt; nghi tình chẳng có hình tướng, chẳng hình tướng thì Diêm La Vương chẳng thể thấy, cũng chẳng thể sai tiểu quỷ đến bắt được. Hễ Diêm La Vương thấy tức có sanh tử, Diêm La Vương chẳng thấy thì sanh tử không còn. Khi nghi tình thành khối, mặc dù chưa kiến tánh, nhưng cũng đối phó với Diêm La Vương được rồi, nên nói không ngộ cũng được.

Nhưng nếu công phu đến đó rồi muốn không kiến tánh cũng chẳng được, ví như đã đến Sài Gòn muốn không tới cũng chẳng được. Công phu đến đó rồi tự nhiên sẽ được ngộ.

Hỏi: Thiền thoại đầu bắt đầu từ đâu?

Đáp: Tổ sư thiền từ đời Phật Thích Ca truyền lại cho ngài Ma Ha Ca Diếp làm Sơ Tổ, ngài A Nan là Nhị Tổ, từng đời truyền xuống đến Tổ thứ hai mươi tám là ngài Bồ Đề

Đại Ma truyền vào Trung Quốc, sau đó chia thành năm phái: Lâm Tế, Tào Động, Pháp Nhãn, Qui Ngưỡng, Vân Môn. Nói năm phái kỳ thật chỉ là một, do thủ đoạn của các Tổ sư khác nhau, khiến người tham thiền phát khởi nghi tình mà chẳng tự biết là mình đang tham. Lai Quả thiền sư trong cuốn *Thiền Thất Khai Thị Lục* nói “vô tham tức chơn tham”, không biết mình đang tham thiền thì dồn hết bao nhiêu tâm sức đến chỗ nghi, nên sức dụng rất mạnh, khi cơ duyên chín mùi, hễ điềm một cái là ngộ triệt để, thấu suốt tam quan.

Thủ đoạn của mỗi tông phái khác nhau, ví như năm người làm năm món ăn khác nhau, mỗi mỗi tự có đặc sắc, mặc dù món đó bốn người kia vẫn biết làm nhưng không ngon bằng. Người tham thiền cảm thấy thích hợp với thủ đoạn của tông phái nào thì đến ngay Tổ Sư tông phái đó để khiến cho mau kiến tánh. Dù thủ đoạn của năm phái khác nhau nhưng sự ngộ chẳng khác.

- Ví như Đạo Lâm thiền sư có một thị giả tên là Biện Trung, ba năm chẳng được dạy bảo tham thiền gì cả, trong tâm rất nghi mà chẳng tự biết, cứ thắc mắc "tại sao thầy mình chẳng chịu dạy bảo học đạo, chỉ bắt mình suốt ngày làm việc, bới com, xách nước, quét dọn". Như thế trải qua ba năm, nhân duyên đã chín mùi, một hôm từ giả Sư rằng “Con xuất gia là vì học đạo, nhưng đến đây đã ba năm mà chẳng được thầy dạy bảo gì, nay con xin đi chỗ khác”.

Sư hỏi: Đi chỗ khác làm gì?

Đáp: Học Phật pháp.

Sư nói: Phật pháp thì ở đây cũng có chút ít.

Hỏi: là cái gì?

Đạo Lâm Thiền sư nhỏ một sợi lông trên tà áo thổi trước mặt thị giả, khiến y liền ngộ. Ấy cũng là thủ đoạn của Tổ Sư, chẳng cần nói năng dạy bảo, làm cho hành giả tự sinh nghi, thời tiết chín mùi là ngộ.

- Thiền sư Từ Minh ở Long Vân hai năm, hễ mỗi lần hỏi pháp là bị thầy chửi mắng thậm tệ còn hơn người thế gian, tự phát khởi nghi tình nặng mà chẳng hay biết. Một hôm đi hỏi pháp lại bị thầy mắng và dùng cây muống đánh, Sư nói “Thầy làm như thế đâu phải là người dạy tham thiền!”

Thầy nghe rồi càng giận, Sư tính mở miệng muốn cãi, thầy lấy tay bịt miệng Sư lại, Sư liền ngộ. Ấy cũng là thủ đoạn của Tổ Sư.

- Như Tổ sư Lâm Tế hỏi pháp ba lần bị đánh đũa ba lần, ấy cũng là thủ đoạn của Tổ Sư vậy.

- Trước đời nhà Tống, ở Trung Quốc chẳng có sự tham công án thoại đầu, sau đời nhà Tống, *Cảnh Đức Truyền Đăng Lục* ra đời, ghi chép tất cả thủ đoạn của Tổ sư, khiến người tham thiền biết hết các thủ đoạn đó nên chẳng phát được nghi tình, bắt đắc dĩ dạy tham thoại đầu công án, do sức nghi yếu nên người kiến tánh cũng ít, muốn đến được chỗ "Vô tham tức chơn tham", phải tốn hết biết bao nhiêu công sức và thời gian.

Hỏi: Thiền Mặc Chiếu có phải thuộc Tông Tào Động không?

Đáp: Ai nói Thiền Mặc Chiếu thuộc Tông Tào Động là người ấy phải đọa địa ngục. Mặc chiếu là tà thiền, Tông Tào Động là chánh tông, chẳng thể là mặc chiếu. Trong cuốn *Lá Thư Thiền* của ngài Đại Huệ chỉ trích về mặc chiếu tà thiền, có thể xem cuốn sách đó để hiểu biết mặc chiếu tà thiền là như thế nào. Hiện nay loại Nhất Cấp Thiền chẳng có phân thực hành, chỉ xem qua *Truyền Đăng Lục* rồi lấy ý mình thay cho ý của Tổ Sư. Mặc chiếu là trụ tâm ở một nơi, kinh Kim Cang nói “Ứng vô sở trụ”, kinh

Pháp Bảo Đàn nói “lấy vô trụ làm gốc”, Thiên tông đâu thể để tâm trụ ở nơi nào! Ấy là nghịch với ý của Tổ, nên nói là tà thiên.

Tại sao Phật với Tổ dạy mình phải vô sở trụ? Tôi dùng cánh tay để thí dụ: Tay mình vốn hoạt bát vạn năng, lấy gì cũng được, nay hễ trụ ở một nơi chẳng chịu buông, như tay nắm chặt cây viết thì đánh mất tánh hoạt bát vạn năng của tay, nên Tổ Sư dạy là phải quét, quét rồi mới khôi phục lại tánh hoạt bát vạn năng. cây viết là vật có, nay không trụ nơi có mà trụ ở nơi không, thì tánh hoạt bát vạn năng ấy cũng bị đánh mất, cũng phải quét rồi mới khôi phục lại sự hoạt bát vạn năng của Tự Tánh, cho nên phải vô sở trụ, lấy vô trụ làm gốc.

Hỏi: Làm thế nào để phân biệt Như Lai Thiên và Tổ Sư Thiên?

Đáp: Như Lai Thiên có đẳng cấp, Tổ sư thiên thì chẳng có đẳng cấp, chẳng cần trải qua đẳng cấp, từ địa vị phàm phu thăng đến quả Phật. Nay tất cả Giáo môn đều thực dụng Như Lai Thiên. Giáo môn ở Trung Quốc chia làm bốn tông: Thiên Thai, Hiền Thủ, Tam Luận, Duy Thức. Thiên quán của Tông Thiên Thai là Chỉ Quán Thiên, Tông Hiền Thủ là Pháp Giới Quán Thiên, Tông Tam Luận là Tánh Không Quán thiên, Tông Duy Thức là Tứ Tầm Tư Quán Thiên. Thiên quán của quán tướng chia ra từng cấp bậc, như trong kinh Lăng Nghiêm nói có năm mươi bảy cấp, có nơi là năm mươi lăm cấp, thường là: Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác, Diệu giác, Càn Huệ Địa và Tứ Gia Hạnh. Còn Tổ sư thiên thì không có đẳng cấp, địa vị phàm phu hễ ngộ triệt để là Phật.

Hỏi: Tại sao không có nhân quả là tà kiến?

Đáp: Không có nhân quả, không thừa nhận nhân quả là tà kiến. Còn biên kiến là chấp vào một bên. Tất cả vũ trụ vạn vật, hễ nói ra được, dùng tâm suy nghĩ ra được đều có đối đãi. Ví như Có và Không: Chấp có là thật, ấy là biên kiến, chấp không là thật cũng là biên kiến; chấp Chơn là thật, là biên kiến, chấp Vọng là thật cũng là biên kiến. Bất cứ chấp vào một bên nào đều là biên kiến.

Giới cấm thủ cũng là một thứ trong năm thứ ác kiến: Như ở Ấn Độ có đạo cấm ăn thịt heo, còn thịt khác thì ăn được, làm một thứ giới cấm nào cao nhất gọi là giới-cấm-thủ.

Hỏi: Có được cái dụng của Tự tánh có phải là kiến tánh không?

Đáp: Có được cái dụng của Tự tánh chưa phải kiến tánh. Nay cũng có nhiều phật tử khi nghi tình nặng cũng có thể phát huy được sự dụng của Tự tánh, ví như trường hợp của Trương Quốc Anh, hoặc nhiều người đi xe máy đang tham thiền, chẳng để ý đến xe cộ bên cạnh mà vẫn an toàn, không bị xe đụng phải, ấy cũng có thể nói là sức dụng của Tự tánh. Có người đang tham thiền tính toán sổ sách không bị sai, ấy cũng là sức dụng của Tự tánh. Cái dụng automatic của Tự tánh không qua bộ óc, hễ qua óc là có suy nghĩ thì chẳng phải là cái dụng automatic của Tự tánh rồi.

Nhưng hiện ra sức dụng của Tự tánh chưa phải kiến tánh, chỉ có thể nói là nghi tình nặng, đạt đến đại nghi thôi. Sự kiến tánh là ngộ được mình là cái gì rồi, làm chủ được mình, thoát khỏi sanh tử luân hồi và cắt đứt quan hệ với Diêm La Vương.

Hỏi: Thầy nói không được lấy vọng đề nên vọng, thế thì biết được đó là vọng mà mình không theo nó, có được không?

Đáp: Không được. Không được biết vọng, chẳng những có vọng tưởng không biết được, nếu đã biết được vọng là không phải rồi, đừng có biết đến nó. Hãy mặc kệ nó: Vọng tưởng nổi lên bao nhiêu không biết tới; chẳng những có vọng tưởng không biết tới, không có vọng tưởng cũng đừng biết tới. Biết cũng không được, hễ biết là kẹt.

Hỏi: Tri vọng có phải là chánh niệm không?

Đáp: Tri tức là vọng. Kinh Lăng Nghiêm nói “Tri kiến lập tri, tức vô minh bản”, cái tri ấy là căn bản vô minh; “Tri giác nãi chúng sanh”, chẳng những tri là vọng, bốn bài kệ của Vĩnh Gia thiền sư “Nhược dĩ tri tri tịch, thử phi vô duyên tri”, tịch là tịnh, tịnh thì chẳng có vọng rồi, nhưng vẫn còn là vọng, chẳng phải là vô duyên tri của Tự tánh. Sự tri của Tự tánh chẳng nhờ nhân duyên, không có đối đãi, nay có cái tri để tri tịch, tri là năng tri, tịch là sở tri, có năng sở tức là vọng, ấy là đã cao hơn vấn đề tri vọng. Vì tri vọng chưa phải tịch, tịch là hết vọng nhưng vẫn còn năng sở, như người dùng tay cầm cây như ý, chẳng bằng tay không có cây như ý. Tay cầm cây như ý thì lấy cái khác không được, chướng ngại sự dụng của Tự tánh, nên phải quét. Tri tịch còn phải quét, nói gì tri vọng!

- Bài kệ thứ hai “Nhược dĩ tự tri tri, diệc phi vô duyên tri”, tức tự biết mình có cái tâm tri ở trong. Động tịnh là ngoại cảnh, nay không tri ngoài mà tự biết mình có cái tri, tức cái năng tri ở bài kệ thứ nhất trở thành sở tri ở bài kệ thứ hai, mặc dù chẳng đối với ngoại cảnh động hay tịnh, nhưng cái “tự biết có cái tri”, đó cũng là sở tri, nên vẫn chẳng phải vô duyên tri không có đối đãi của Tự tánh. Ví như tay chẳng cầm cây như ý (*ngoại vật*) mà tự nắm thành quyền, chứ chẳng phải tay không có nắm lại, như thế vẫn chướng ngại sự dụng hoạt bát vạn năng của Tự tánh, không thể sử dụng được. Nên ông nói “Tri vọng là chánh niệm” ấy là sai.

Trên đây nói đến ba thứ: Tự tri, tri tịch và tri vọng. Tự tri là căn bản của vô minh, trong kinh Lăng Nghiêm “Tri kiến lập tri, tức vô minh bản, tri kiến vô kiến, tư tức Niết Bàn”. Bây giờ tôi dẫn dụ lời Phật để giải thích thêm:

Tri kiến lập tri; hai chữ Tri Kiến, Phật gọi là thể lưu bố tướng; lưu là lưu hành, bố là phổ biến. Trong kinh Niết Bàn, ngài Ca Diếp hỏi Phật: Tại sao bậc Thánh có điên đảo tướng mà chẳng có phiền não?

Phật bảo: Sao nói bậc Thánh có điên đảo tướng?

Ca Diếp nói: Bậc Thánh thấy con trâu vẫn gọi là trâu, thấy con ngựa cũng gọi là ngựa, ấy chẳng phải là điên đảo tướng ư!

Phật bảo: Tướng có hai thứ: Một là thể lưu bố tướng, tức thể gian đã lưu hành phổ biến; hai là trước tướng, phạm phu ở nơi thể lưu bố tướng sanh ra trước tướng, nên mới gọi là điên đảo tướng, bậc Thánh chỉ có thể lưu bố tướng, không có trước tướng nên chẳng sanh điên đảo tướng.

Hai chữ “tri kiến” là thể lưu bố tướng, nhưng lẽ lập Tri tức là trước tướng. Lập tri cũng là tự tri, là căn bản vô minh, từ căn bản ấy mới sanh ra tri tịch, mặc dù cái tri ấy chưa phải là vọng, là yên tịnh, tức cái vọng vi tế. Cho nên, cõi trời Phi Tướng Phi Tướng trong nữa đại kiếp không có vọng tướng, tức tịch tịnh được nữa đại kiếp. Một đại kiếp gồm bốn trung kiếp, một trung kiếp có hai mươi tiểu kiếp, một tiểu kiếp có mười sáu triệu năm. Nửa đại kiếp tức có bốn mươi tiểu kiếp. Hãy tính thử thời gian đó là bao nhiêu triệu năm? Biết cái tịch tịnh ấy trong một thời gian dài như thế vẫn chưa được ra khỏi luân hồi, huống là tri vọng! Tự tri vẫn còn không được, nói gì tri vọng! Nên biết tri vọng là không đúng.

- Trong Pháp Bảo Đàn Kinh nói về vấn đề “Chánh niệm” rằng “Vô niệm niệm tức chánh”, vô niệm mới là chánh niệm. Lại, Lục Tổ sợ người hiểu lầm hai chữ Vô Niệm thành niệm đoạn diệt, nên giải thích thêm “Hễ niệm đoạn diệt tức là chết, phải đầu thai đổi lấy thân khác”, nên vô niệm chẳng phải là niệm đoạn diệt. Ngài lại giải thích “lục thức ra cửa lục căn, ở ngoài lục trần, chẳng nhiễm chẳng trước ấy mới là vô

niệm". Chứ chẳng phải đoạn diệt, đoạn diệt tức là chết. Chẳng sanh ra trước tướng mới là vô niệm, hễ sanh ra trước tướng tức có niệm; chẳng sanh ra trước tướng chứ chẳng phải không có thể lưu bố tướng. Trong kinh Pháp Bảo Đàn không cho giữ "Niệm chánh", tà chánh đều phải quét, bởi chánh với tà là tương đối. Ở Thiên tông là không cho giữ bất cứ cái gì, luôn cả chánh niệm cũng phải quét.

Hỏi: “Tri huyễn tức ly” như thế nào?

Đáp: Câu sau của "tri huyễn tức ly" là "bất tác phương tiện", tức không cho làm phương tiện. Nay lấy câu "tri huyễn tức ly" làm phương tiện để buông bỏ vọng là sai, là không được. Tiếp theo đó là câu “ly huyễn tức giác, diệt vô tiệm thứ”. Nay muốn lấy cái tri để trừ bỏ vọng, thì ấy có phải là phương tiện không? Hễ là phương tiện thì chẳng được vậy, là vi phạm lời của Phật, của Kinh rồi! Nên kinh Viên Giác ở đoạn sau có hai mươi lăm thứ thiên quán, chỉ là tu thiên quán, chẳng biết về vọng tướng mới có thể lìa được, nếu muốn lìa vọng tướng là không được. Chẳng những cái tri là vọng, vô tri cũng là vọng. Trong Pháp Bảo Đàn Kinh, Lục Tổ mắng Thần Hội rằng “Dẫu cho sau này ra hoằng pháp cũng chỉ là bọn tri giải”, nên vấn đề tri giải ở bên Thiên tông rất kỹ, phải quét sạch.

- Trong quyển hai của kinh Lăng Nghiêm, Phật cũng giải thích rất rõ về hai chữ "kiến kiến". Vấn đề này nhiều người cũng giảng sai: Có người cho chữ Kiến trước là năng, Kiến sau là sở, nhưng sự thật thì "kiến kiến" là kiến tánh, là cái kiến không có bệnh, nay nếu dùng cái tri kiến có bệnh để thảo luận vấn đề này thì hết kiếp này qua kiếp khác cũng không giải được.

- Tri kiến của chúng sanh là cái bệnh từ vô thi đến nay, do con mắt bệnh mới thấy hoa đóm trên không, cho nên nói “Kiến kiến chi thời, kiến phi thị kiến, kiến do ly kiến, kiến bất năng cập”. Hai chữ Kiến Kiến là tự tánh tự hiện, là kiến tánh, chứ chẳng phải có người dùng cái năng kiến để kiến cái sở kiến.

- Kinh Kim Cang nói “Nhược dĩ sắc kiến ngã, dĩ âm thanh cầu ngã, thị nhơn hành tà đạo, bất đắc kiến Như Lai”. Chữ Tà ấy chẳng phải nói ngoại đạo tà ma, mà là không đúng với chánh pháp, nên gọi là tà. Do có chánh nên có tà, chánh còn phải quét, nói chi đến tà! Như ở lập trường của Tổ sư thiên thì pháp nào chẳng đúng theo tông chỉ của Tổ sư thiên thì gọi là tà. Cũng như nói đến hai chữ "ngoại đạo" vốn chẳng phải có ý khinh khi, vì đối với bốn đạo mà nói, nếu không thuộc phạm vi của bốn đạo gọi là ngoại đạo, cũng như chẳng phải bốn quốc thì gọi là ngoại quốc. Chư Phật rất sợ chúng sanh chấp vào văn tự lời nói, hễ chấp lời thì nghịch ý.

Hỏi: Tại sao Lục Tổ dạy người dùng ba mươi sáu pháp đối khi có người hỏi pháp?

Đáp: Ấy là thủ đoạn của Phật của Tổ để phá chấp chúng sanh, bởi vì "Nhất thiết duy tâm tạo", tâm tạo vốn chẳng có thật, do bệnh của chúng sanh ham chấp thật nên hễ chấp vào cái đen thì Tổ nói là trắng; hễ chấp vào cái trắng thì Tổ nói là đen. Nhưng lúc Tổ nói “Trắng”, ý của Tổ chẳng phải là trắng; lúc Tổ nói “đen”, ý của Tổ chẳng phải là đen, chỉ là phá cái chấp của chúng sanh, trị bệnh chấp thật của chúng sanh mà thôi. Do bệnh của chúng sanh là bệnh giả, nên thuốc của Tổ cũng là thuốc giả, nếu chấp vào lời Tổ là sai lầm.

Hỏi: Sư phụ nói tri vọng và tri tịch để dẹp, còn tự tri thì đối trị như thế nào?

Đáp: Kinh Lăng Nghiêm nói “Tri kiến lập tri, tức vô minh bản”, cái “lập tri” ấy tức là tự tri. Thế gian nói “tri”, nói “kiến” ấy là thế lưu bố tướng, Phật cũng nói là tri là kiến, nhưng không có chấp cái tri ấy là thật, nên chẳng có lập tri, nên nói “Tri kiến vô kiến, tư tức Niết bàn”. Nay do tập khí từ lâu đời, chúng ta việc gì cũng muốn tri, muốn

kiến, Phật muốn thuyết pháp độ chúng sanh cũng phải tùy thuận chúng sanh, cũng phải nói tri, nói kiến, nhưng không chấp đó là thật; hễ chấp thật tức tự lập cái tri, là căn bản của vô minh, nếu không kiến lập tức Niết bàn. Trong kinh Lăng Nghiêm nói “Tại sao và khi nào phát sinh cái vô minh? Ấy là bởi cái giác có minh, chính cái “minh” đó là tri. Từ sở minh lập ra năng minh, do tri đó mới sanh ra tri tịch và tri vọng; từ minh đó sanh ra năng minh sở minh, năng chiếu sở chiếu, hễ năng sở lập thì tánh chiếu bị đánh mất.

Tự tánh chẳng phải tri, chẳng phải vô tri, chẳng thể dùng lời của thế gian diễn tả, nhưng vì lời của thế gian nói tri nói kiến là thể lưu bố tướng, nên Phật phải nói tri nói kiến. Thật ra Tự tánh chẳng thể kiến lập cái tri, hễ có kiến lập tức là chúng sanh, tức là bệnh. Nói chữ "vọng" cũng chỉ là thể lưu bố tướng, nếu chấp thật có vọng thì sanh ra trước tướng, nếu vọng chẳng phải thật thì buông bỏ cái gì? Có tâm muốn buông bỏ đã là chấp cái vọng là thật rồi! Nên trong Thiền tông, Tổ sư kiến tánh có bài kệ rằng:

Nhược nhơn kiến huyễn bốn lai chơn,

Thị tắc danh vi kiến Phật nhơn.

Ý nói nếu người nào thấy huyễn vốn là chơn thì người ấy tức đã thấy Phật vậy.

Hỏi: Người tham thiền cần lấy nghi lễ giới luật để tu không?

Đáp: Lai Quả thiền sư thí dụ rằng “Tự tánh của mình vốn minh”; kinh Lăng Nghiêm nói tại sao có vô minh? Tại do tự mình kiến lập cái “minh”, minh đã kiến lập thì phải có sở minh, có năng có sở thì minh của Tự tánh mất đi, thành cái vọng minh, sự thông minh trí tuệ của thế gian đều là vọng minh, chẳng phải cái minh automatic của Tự tánh không qua sự tác ý. Nếu dùng nghi lễ giới luật để tu cũng có thể dần dần tập cho thành thói quen và tập đến giải thoát nhưng rất chậm; nay dùng phương pháp tham thiền thì tác dụng nhanh, nhưng cũng không được rời bỏ giới luật, vì đó là pháp căn bản. Bất cứ tông phái nào cũng không được rời bỏ giới luật. Như Hòa thượng Bác Sơn, Đồi nhà Minh, Ngài là Tổ Sư của phái Tào Động đồng thời làm Tổ của Luật tông, Thiền Luật đi song song, Lai Quả Thiền sư, Hư Vân thiền sư cũng vậy.

Hỏi: Tham thiền như từ lớp một nhảy vọt lên lớp mười hai thì căn bản làm sao vững được?

Đáp: Nói từ lớp một nhảy vọt lên lớp mười hai, ấy là theo quan niệm chấp thật của thế gian, là phải theo thứ lớp. Nhưng Tự tánh vốn bất nhị, chẳng những bất nhị, một cũng chẳng thể kiến lập. Vì hễ kiến lập số một là lọt vào số lượng, rồi thành hai, ba v.v... Nếu không chấp thật thì thứ lớp từ đâu ra? Tại chấp tâm của mình phân biệt nên có đủ thứ sai biệt. Ý của Bát Nhã Tâm Kinh là muốn làm cho muôn ngàn sai biệt đạt đến chỗ chẳng có sai biệt, là bất nhị.

Nay tham thiền là muốn đạt đến Tự tánh bất nhị, chứ không có thứ lớp cấp bậc. Bởi do chúng sanh có bệnh chấp thật nên mới đặt ra cấp bậc trong Giáo môn. Lại, tùy theo bệnh chấp của chúng sanh mà Phật thuyết cấp bậc trong các kinh có kinh nhiều có kinh ít, còn Thiền tông thuộc giáo ngoại biệt truyền, trực chỉ nhơn tâm, kiến tánh thành Phật, nên quét sạch tất cả, chỉ cho tự mình ngộ nhập tâm mình chứ chẳng cần theo cấp bậc.

Hỏi: Thế nào là kiến tánh?

Đáp: Nói kiến tánh chẳng phải là "Ta thấy được Phật tánh của ta", nếu như thế chẳng phải là kiến tánh, vì có cái Ta là năng và Phật tánh là sở, có năng sở thì chẳng phải kiến tánh. Kiến tánh là chấp tâm đã quét sạch, như tấm gương vốn sẵn chiếu soi, chứ

chẳng phải nhờ quét sạch bụi bậm mới thành tấm gương. Ánh sáng tự chiếu soi của tấm gương đã sẵn, chỉ vì bụi bậm nên chẳng thể hiện ra ánh sáng thôi. Cũng vậy, nay chúng ta tu hành, chẳng phải nhờ sự tu mới thành tấm gương, vốn đã sẵn có, chỉ nhờ quét sạch bụi bậm mới hiện hiện sự dụng thôi. Mặc dù nay ở địa vị phàm phu, nhưng điều dụng chẳng kém hơn Phật Thích Ca một tí nào, cũng chẳng kém hơn chư Phật một tí nào cả, đều bằng nhau, nhưng của chư Phật thì được phát huy ra hết, của phàm phu do bụi bậm che lấp nên chưa được phát huy.

Hỏi: Vì sao nói là "Đợi thời tiết nhân duyên để ngộ"?

Đáp: Nói "Thời tiết nhân duyên" không phải có sự tác ý muốn sắp đặt thời tiết, muốn tạo ra nhân duyên, chỉ là đề lên câu thoại đầu phát khởi nghi tình. Như tôi thường nói, sự gián đoạn từ hai mươi bốn tiếng rút dần còn hai mươi ba tiếng, rồi hai mươi hai tiếng, bớt dần đến lúc không còn gián đoạn, sẽ thành khối, lúc ấy là thời tiết và nhân duyên thuận thực, là tự động chứ không do mình tác ý sắp đặt. Có tác ý sắp đặt là chướng ngại cho nghi tình của mình, không được ngộ.

Khi công phu được thành khối, thời tiết đã đến, bị người đánh một bạt tai cũng ngộ, hoặc bị đánh một cái liền ngộ, hoặc có người nghe tiếng hát liền ngộ, có người vấp té liền ngộ, thành linh thấy con khi leo cây cũng ngộ, ấy là nhân duyên, chứ chẳng phải do đánh bạt tai hoặc do mình sắp đặt mà ngộ.

Hỏi: Tham thiền có bị năm mươi thứ ngũ âm ma quấy phá không?

Đáp: Không. Giáo môn chú trọng về ngôi thiền, nhiều người đi không đúng theo tông chỉ của Phật dạy, không phá ngã chấp. Ví như nhiều người cho trì chú là tu Mật tông, kỳ thật chẳng phải, chẳng đúng theo tông chỉ của Mật tông, chỉ lấy câu chú đè nén vọng tưởng mà không phá ngã chấp, chẳng khác gì lấy đá đè cỏ, đè nén lâu ngày phản lực mạnh, đến một ngày nào đó tham sân si nổi lên là vô phương trị.

Nhiều người niệm Phật cũng vậy, không tu đúng theo tông chỉ Tịnh độ, chỉ lấy câu hồng danh Phật hiệu đè nén vọng tưởng. Cũng có người tu Sở tức; Sở tức vốn là chánh pháp, chỉ vì không phá ngã chấp, chỉ lấy sở-tức- quán đè nén vọng tưởng, khi tu đến bậc cao, có thần lực rồi thì bị ma dựa. Hễ ma dựa rồi lúc đầu thường khiến người đó thân tâm vui vẻ, cảm thấy khinh an, ma thường biết trước tâm trạng người ấy, ví như biết được người ấy thích viếng chùa nào, sẽ đến báo trước cho mọi người rằng "ngày nào giờ nào sẽ có Phật sống đến thăm, mọi người phải cúng dường sẽ được phước". Khi được mọi người cung kính cúng dường, người ấy tự cho mình là Phật sống, lâu ngày tham dục nổi lên chẳng thể kèm chế, phá giới mất thần thông, sau cùng hóa điên hoặc ói máu mà chết.

Cho nên, bất cứ muốn tu theo tông phái nào đều phải đúng theo tông chỉ của tông phái đó, và luôn luôn phải phá ngã chấp; nếu chẳng phá ngã chấp thì càng tu cao chừng nào càng nguy hiểm chừng nấy. Tôi thường nói: Tham thiền phải phá ngã chấp, vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ. Sở dĩ ma có thể dựa vào, là bởi mình có sở cầu, có sở đắc, có sở sợ. Nếu thực hành đúng theo chín chữ "vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ" thì ma đâu có cơ hội để dựa vào! Chẳng những ma không có cơ hội, theo kinh nghiệm của tôi, trước kia cũng có mấy người bị tâu hỏa nhập ma, tôi dạy họ tham thiền, sau đó ma cũng chẳng thể nhập được.

Hỏi: Trí Giả đại sư nói "ba thứ ngoại đạo" như thế nào?

Đáp: Trí Giả đại sư nói đến ba thứ ngoại đạo:

1/ Ngoại đạo chính thức: Là sử dụng đúng theo bảng hiệu của ngoại đạo. Hễ tu đúng pháp ngoại đạo, mặc dù không được ra khỏi sanh tử luân hồi, cũng có thể sanh cõi Trời.

2/ Hạng ngoại đạo dùng bảng hiệu Phật giáo để tu pháp ngoại đạo, mặc dù làm việc phước thiện, cũng phải đọa địa ngục. Phật giáo là tu đúng theo chánh pháp thì được giải thoát, còn nếu dùng bảng hiệu Phật giáo tu pháp ngoại đạo thì chẳng thể giải thoát, khiến người đi lầm đường, nên phải đọa địa ngục.

3/ Hạng thứ ba là học Phật pháp thành ngoại đạo, họ cũng y theo kinh điển, cũng tự nói là chánh pháp, nhưng hiểu lầm ý Phật, lấy ý mình thay thế ý Phật để dạy chúng sanh, khiến người sai lầm, tội ấy còn nặng hơn loại ngoại đạo thứ hai nữa! Phật gọi họ là "Con trùng sư tử tiêu diệt Phật pháp". Con sư tử là chúa tể ở rừng, tất cả bách thú đều phải sợ, khi con sư tử chết, các loài thú khác chẳng dám đến gần, đợi thịt của sư tử hư thối rồi sinh ra con trùng, tự những con trùng đó ăn thịt sư tử. Chính loại ngoại đạo thứ ba sau này tiêu diệt Phật pháp vậy.

PHẦN 4.

Hỏi: Thế nào là Tứ y?

Đáp: Đức Phật thường nói “Người thường đối với Phật Pháp rất khó tin vì khó hiểu. Trong kinh Duy Ma Cật có nói đến Tứ y, ấy là:

1/ Y pháp bất y nhơn: Nhơn chỉ con người; mặc dù vị pháp sư đó rất danh tiếng, địa vị cao, danh dự tốt, nhưng hễ muốn y chỉ là phải y theo pháp chứ không được y theo người. Ví như gần đây có một vị đạo hữu đem cho tôi xem một bài kệ do một vị Pháp sư dịch rằng:

Tri giới và nhẫn nhục,
Được tội chẳng được phước.
Muốn biết không tội phước,
Đừng trì giới nhẫn nhục.

Ấy là dạy người đừng trì giới nhẫn nhục, nếu không thì được tội chẳng được phước! Bài kệ này rất tác hại đối với người ta. Tôi bảo đạo hữu ấy cho tôi xem nguyên văn chữ Hán của bài kệ ấy là:

Tri giới kiêm nhẫn nhục,
Chiêu tội bất chiêu phước.
Nhược tri vô tội phước,
Phi trì giới nhẫn nhục.

Thật ra ý của câu sau cùng là "Phi trì giới nhẫn nhục", chữ Phi có nghĩa là không phải chứ không có nghĩa là Đừng; ý của bài kệ rằng "Người muốn thành Phật chẳng phải là do trì giới nhẫn nhục mà đạt được". Nhưng nếu một người nào có ý không trì giới thì nhất định người ấy chẳng thể thành Phật; chẳng những không được thành Phật, còn tạo tội phải đọa địa ngục nữa!

Ý nguyên văn bài kệ là siêu việt sự trì giới nhẫn nhục, ví như bình thường khi bị người khác đánh mắng, mình cũng biết hổ thẹn khó chịu nhưng nhẫn nhục được, còn người siêu việt được sự nhẫn nhục thì việc đánh mắng ấy coi như gãi ngứa cho mình, chẳng hề thấy khó chịu. Đó là siêu việt trì giới nhẫn nhục chứ chẳng phải là không có

trì giới nhẫn nhục, nếu bảo người đừng trì giới nhẫn nhục thì Phật pháp đâu còn tồn tại! Nên phải “Y pháp bất y ngôn”.

2/ Y nghĩa bất y ngữ: Nghĩa là ý nghĩa, ngữ là lời nói. Đối với những lời Phật thuyết là phải y theo ý nghĩa của Phật chứ đừng y theo lời nói của Phật, nếu y theo lời là nghịch với ý. Tại sao? Ví như trong Tứ cú: Cú thứ nhất **có**, cú thứ nhì **không**, cú thứ ba **chẳng có chẳng không**, cú thứ tư **cũng có cũng không**. Nếu chúng sanh chấp có là thật thì Phật nói không để phá sự chấp có, hề chấp không là thật thì Phật nói có để phá cái chấp không ấy. Lúc Phật nói có, ý của Phật chẳng phải là có; lúc Phật nói không, ý của Phật chẳng phải là không, chỉ là phá sự chấp của chúng sanh. Cho nên hề chấp lời thì nghịch ý, phải y nghĩa bất y ngữ, chẳng được y theo ngôn ngữ, văn tự, lời nói.

3/ Y trí bất y thức: Trí là không có phân biệt, thức thì có phân biệt. Thời nay có nhiều người lấy cái thức phân biệt mà bình luận Phật pháp, là rất sai lầm, phải y theo trí chứ không được y theo thức.

4/ Y liễu nghĩa bất y bất liễu nghĩa: Phật thuyết pháp chia làm 2 loại: Kinh liễu nghĩa và bất liễu nghĩa. Chúng ta phải y theo kinh liễu nghĩa chứ chẳng được y kinh bất liễu nghĩa. Nay có một số người tự làm tài khôn, dùng ý thức của mình trở ngược lại, y kinh bất liễu nghĩa mà phi báng liễu nghĩa, y thức mà phi báng trí, y theo ngữ mà phi báng nghĩa, y theo người mà phi báng pháp, chẳng biết tội phi báng Tam bảo rất nặng, tự cho mình đúng theo Phật pháp, còn trích dẫn kinh điển, lời của Phật, của Tổ để chứng tỏ, nhưng thật ra sự dẫn chứng ấy là sai lầm, lấy ý thức phân biệt để dẫn chứng, tạo tội địa ngục mà chẳng hay biết, kinh Lăng Nghiêm nói “Hạng người này thật đáng thương xót”.

Bậc tu sĩ thọ nhận sự cúng dường của mười phương, phải có bốn phạm tự giác giác tha, phải quyết chí thành Phật để độ chúng sanh, tự giác rồi mới giác tha. Như ngài Bá Trượng nói đến bốn thứ ác dục mà người tu sĩ dễ mắc phải, ấy là:

1/ Muốn thiên hạ đều qui y mình, làm đệ tử của mình.

2/ Muốn tứ chúng đều ở xung quanh mình, ủng hộ mình.

3/ Chẳng lấy Phật giáo làm trung tâm mà lấy tự kỷ làm trung tâm để làm Phật sự, làm từ thiện, ấy cũng là thiên nhân chiêu ác quả.

4/ Muốn thiên hạ đều biết mình hay, biết mình giỏi.

Tu sĩ phải phá ngã chấp, một khi đã lọt vào bốn thứ ác dục này thì ngã chấp rất nặng, làm sao có thể tự giác giác tha? Cho nên phàm là chánh pháp, trước tiên phải phá ngã chấp, nếu không thì chẳng thể ra khỏi sanh tử luân hồi. Chẳng những không ra khỏi sanh tử luân hồi, nếu thọ nhận sự cúng dường của mười phương mà không phá ngã chấp, như kinh Lăng Nghiêm nói “Hu tiêu tín thí, lạm dụng cung kính”, tức giả mạo tu sĩ để được mọi người cung kính cúng dường, tạo tội rất nặng.

Cho nên tôi thường nói “Các pháp môn trong Phật pháp, bất kể Tiểu thừa, Trung thừa, Đại thừa, cho đến Tối thượng thừa, đều phải phá ngã chấp, nếu không sẽ thiên nhân chiêu ác quả”, vì tất cả việc làm đều xuất phát từ lòng ích kỷ, hề mình còn chấp ngã thì làm sao dạy người phá ngã chấp? Không phá được ngã chấp thì làm sao thoát khổ? Sở dĩ tôi nói những lời trên, là vì trong Thiên thất này cũng có người phạm phải sai lầm này, nên đề xuất ở đây để đại chúng tự kiểm thảo. Người chơn tu phải tự mình giải thoát và giải thoát cho chúng sanh.

Hỏi: Tánh chúng sanh như thế nào?

Đáp: Tánh chúng sanh với tánh Phật vốn chẳng phải là hai, nhưng hề dùng ý thức để phân biệt thì có hai. Nên biết được tánh chúng sanh tức biết được tánh Phật. Phật dạy tám mươi bốn ngàn pháp môn, tất cả đều muốn cho mình biết tánh chúng sanh tức tánh Phật. Tám mươi bốn ngàn pháp môn qui tụ lại thành bốn đại loại: Tham thiền, niệm Phật, trì chú, quán tưởng. Tôi là hoàng dương pháp tham thiền, còn pháp môn Tịnh độ phải theo đúng tông chỉ của Tịnh độ; trì chú theo đúng tông chỉ Mật tông; quán tưởng phần nhiều thuộc về Giáo môn, mặc dù Tịnh độ cũng có cách quán tưởng niệm Phật.

Giáo môn ở Trung Quốc gồm bốn tông: Thiên Thai, Hiền thủ, Tam Luận, Duy Thức, mỗi mỗi đều tự có thiền quán.

Tông Thiên thai là Chỉ Quán Thiên, tông Hiền Thủ là Pháp Giới Quán Thiên, tông Tam Luận là Tánh Không Quán Thiên, tông Duy Thức là Tứ Tầm Tư Quán Thiên. Thừa Thanh Văn có Ngũ Đình Tâm Quán, cũng là quán tưởng. Phạm vi của quán tưởng rất rộng, nhưng bất cứ cách tu hành nào cuối cùng cũng sẽ biết được tánh chúng sanh, tức biết được tánh Phật của mình, gọi là kiến tánh thành Phật. Tất cả tông phái cuối cùng cũng sẽ đạt được mục đích đó, chỉ là tùy theo tâm chấp của chúng sanh phân biệt đủ thứ pháp môn, trong đó pháp tham thiền rất dễ thực hành và cứu cánh.

Theo lịch sử Thiền tông Trung Quốc, tính từ Tổ Đạt Ma từ Ấn Độ truyền sang Trung Quốc, đến vua Khang Hy đời nhà Thanh, tổng cộng bảy ngàn Tổ kiến tánh, chẳng có tông phái nào đạt được thành tích như thế, chỉ có Thiền tông ra nhân tài nhiều nhất. Các tông phái khác đều phải nhờ nhân tài bên Thiền tông giúp cho sự hoằng pháp. Tông Tịnh độ có mười ba vị Tổ, gần đây có Ấn Quang đại sư là Tổ thứ mười ba, trong đó có tám vị là các Thiền sư kiến tánh rồi qua tông Tịnh Độ để giúp cho sự hoằng dương Tịnh độ. Nói tóm lại, tùy theo căn cơ của chúng sanh, lựa chọn pháp thích hợp mình để tu, cách tu nào cũng được, nghĩa là chánh pháp thì sẽ biết được tánh chúng sanh, cũng là biết được tánh Phật.

Hỏi: Có pháp nào Phật chỉ dạy cho mau kiến tánh không?

Đáp: Phật và Tổ sư chỉ hướng dẫn đường lối cho mọi người tự đi, chứ chẳng giống như việc buôn bán ngoài đời rằng “Bảo đảm!” Nếu có sự bao thầu như thế thì hiện nay chúng sanh đều thành Phật hết rồi! Không có bao, mà chỉ hướng dẫn đường đi cho mình tu, ai chịu đi, tinh tấn thì mau đến, lười thôi thì chậm đến, không đi thì không đến.

Hỏi: Thế nào là "Tịnh địa hà tu tảo, không môn bất dụng quan"?

Đáp: Hai câu này còn bệnh chấp thật. Cái Không môn người thường cho là đại diện cho Phật giáo, vì hiểu lầm Phật giáo tức cái gì cũng không. Nhưng sự thật thì Phật giáo chẳng phải Không môn, chẳng phải tất cả đều không.

Tôi thường nói Không là để hiển hiện sự dụng, người đời thường cho cái Không môn là tiêu cực, nhưng trái lại Phật pháp rất tích cực, chẳng phải khi thành Phật rồi thành một ông Phật chết hoặc chán đời rồi mới đi tu. Là tích cực mới đi tu, là muốn hiện ra cái dụng vô lượng vô biên. Ví như chánh điện này, nếu chẳng có cái Không trống rỗng thì chẳng thể dung nạp bao nhiêu người ngồi đây nghe pháp; cái tách này chẳng có cái Không thì chẳng thể đựng nước, đựng trà, đựng cà phê được. Tất cả muốn dùng đều phải có cái Không, Không lớn chừng nào thì sự dụng phát huy chừng nấy, "Không tới cực thì dụng tới cực", tức là Phật, nên hề người nào cho rằng cái “Không” của Phật giáo là tiêu cực, ấy là sai.

Nói đến câu "Đất sạch khỏi cần quét" (*tịnh địa hà tu tảo*), theo phật giáo lại khác, "Sạch" cũng phải quét luôn! Vì căn bản của phật pháp là vô sở trụ, hề trụ nơi "sạch" cũng còn là trụ, nên phải quét.

Nay tham thiền nếu không có vọng tưởng cũng không có nghi tình, thanh thanh tịnh tịnh, chẳng có gì cả, ấy là lọt vào vô ký không, là thiền bệnh, cũng phải quét, chứ đừng nói đến "sạch rồi khỏi quét", sạch với dơ là tương đối, là lọt vào tứ cú, đều phải quét. Trong tứ cú "dơ" là cú thứ nhất, "sạch" là cú thứ nhì, "chẳng dơ chẳng sạch" là cú thứ ba, "cũng dơ cũng sạch" là cú thứ tư. Vô sở trụ; chẳng trụ nơi dơ, chẳng trụ nơi sạch, chẳng trụ nơi "chẳng dơ chẳng sạch", cũng chẳng trụ nơi "cũng dơ cũng sạch", vậy mới đúng với ý Phật là lia tứ cú, không trụ nơi nào cả.

Hỏi: Tham thiền chưa kiến tánh, rồi chết đi về đâu?

Đáp: Câu "Chết đi về đâu" là câu thoại đầu để tham. Hồi đời xưa, những kiếp trước của Phật Thích Ca, vì nữa bài kệ dấm thối mạng mình cho quỷ ăn để đổi lấy nữa bài kệ còn lại! Nhà Nho cũng có câu rằng "Hễ sáng gặp được đạo, chiều tối có chết cũng là đáng". Nay chúng ta tham thiền, dù chỉ tham được một ngày, cũng đã gieo được cái nhân thành Phật, sau này ắt sẽ thành Phật. Nhân chánh quả sẽ chánh, chớ có lo cho sau này, cứ đi là sẽ đến.

Ví như từ Chợ Lớn đi Sài Gòn là một trăm bước, cứ bước được một bước còn chín mươi chín, hai bước còn chín mươi tám, rồi chín mươi bảy. Kiếp này chỉ đi được ba bước, kiếp sau chỉ còn chín mươi bảy bước, nếu kiếp này đi được năm mươi bước, kiếp sau còn lại năm mươi, chứ không cần bắt đầu lại một trăm bước. Tất cả hạt giống trong A Lại Da thức không bao giờ mất, cư sĩ tại gia đã thọ ngũ giới, giữ được ngũ giới là không mất thân người, kiếp sau cũng được đầu thai thành người tiếp tục sự tu. Nay chúng ta tham thiền giữ được ngũ giới thì kiếp sau sẽ tiếp tục tu, đến chừng nào thành Phật mới thôi. Hễ giữ được ngũ giới chắc chắn sẽ thành người chứ chẳng phải làm con trâu con chó.

Hỏi: Người ở trong giải thoát cũng không ra ngoài giải thoát như thế nào?

Đáp: Ấy là nghĩa bất nhị, chẳng có giải thoát và trói buộc. Nên trong kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ nói "Thiền định giải thoát chẳng phải Phật pháp". Lúc ấy Ấn Tông pháp sư là vị pháp sư có tiếng tăm đương thời cũng phải hoảng sợ, tại sao? Vì từ bao nhiêu năm ông vẫn dạy người tu thiền định giải thoát, sao Lục Tổ lại nói "Thiền định giải thoát chẳng phải là Phật pháp"? Vậy thế nào là Phật pháp?

Lục Tổ nói "Phật pháp là pháp bất nhị", vì Ngài biết dù Ấn Tông pháp sư đã giảng kinh Niết Bàn mấy mươi năm nhưng chưa hiểu về Kinh, nên vẫn dùng kinh Niết Bàn dẫn dụ cho hiểu:

"Trong kinh Niết Bàn, Cao Quý Đức Vương Bồ tát hỏi Phật: Người tạo tội ngũ nghịch và Xiển-đề (*không tin Phật*) có đoạn dứt thiện căn phật tánh không? Phật bảo: Thiện căn có hai, một là thiện, hai là bất thiện, Tự tánh chẳng phải thiện hay bất thiện, nên chẳng thể đoạn dứt. Một là thường, hai là vô thường, Tự tánh chẳng phải thường và vô thường nên chẳng thể đoạn dứt".

Cũng vậy, giải thoát và không giải thoát là hai, vì thiền định và tán loạn là hai, có loạn mới có định, chẳng phải phật pháp; có giải thoát thì có trói buộc, ấy là pháp đối đãi, chẳng phải phật pháp, nên Lục Tổ nói "Thiền định giải thoát chẳng phải phật pháp". Phật pháp bất nhị, hề có đối đãi là nhị, nay nói ở trong giải thoát hay ở ngoài giải thoát đều là nhị, tại có vọng tâm phân biệt mới sanh ra tương đối, đối đãi vậy.

Hỏi: Thế nào là chánh pháp và mạt pháp?

Đáp: Tổ sư thiên tông không có nói về chánh pháp mật pháp. Ngài Bác Sơn nói “Có thể chuyển mật pháp thành chánh pháp, chuyển hạ căn thành thượng căn”, bởi do tâm chấp thật của chúng sanh nên Phật mới phương tiện nói chánh pháp, tượng pháp và mật pháp. Nếu như chẳng có tâm chấp thật thì như trên đã nói “Nhất niệm vạn niên, vạn niên nhất niệm” làm sao có chánh pháp và mật pháp! Chấp tâm đã quét sạch thì mật pháp cũng là chánh pháp, hễ chấp tâm còn nguyên vẹn thì chánh pháp là mật pháp .

Hỏi: Thiên tông cần có nghi tình, tại sao trong Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ chẳng dạy người phát khởi nghi tình?

Đáp: Nếu Ngài dạy người khởi nghi tình thì không đủ tư cách làm Tổ. Vì xưa kia trước đời nhà Tống, Tổ sư đều phải dùng thủ đoạn khiến người tu khởi lên nghi tình mà chẳng tự biết mình đã phát khởi chơn nghi, chẳng biết mình đang tham thiền. Hễ Lục Tổ nói trắng ra thì không có tư cách làm Tổ . Như Tổ Hoài Nhượng lúc gặp Lục Tổ, bị Ngài hỏi “vật gì đến thế này?” Trả lời không được, tự thối mắc cho đến 8 năm sau mới ngộ, ấy là nghi tình.

PHẨM BÁT NHÃ (PHÁP BẢO ĐÀN).

Qua ngày sau, Vi Sử Quân lại xin giảng nữa, Sư thặng tòa bảo đại chúng rằng: Cần phải tĩnh tâm niệm Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa. Lại nói: Thiện tri thức, trí bồ đề Bát Nhã của chúng sanh vốn tự có, chỉ vì tâm mê chẳng thể tự ngộ, phải nhờ đại thiện tri thức khai thị dẫn dắt để đi đến kiến tánh. Phải biết Phật tánh của kẻ ngu người trí vốn chẳng sai biệt, chỉ vì mê ngộ chẳng đồng, nên mới có kẻ ngu người trí. Nay ta thuyết Pháp Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật, khiến cho mọi người đều được trí huệ, hãy chú tâm nghe: Thiện tri thức, người đời suốt ngày miệng niệm Bát Nhã, chẳng nhận được Tự Tánh Bát Nhã, cũng như nói ăn mà chẳng no, miệng chỉ thuyết không, muôn kiếp chẳng được Kiến Tánh, rốt cuộc vô ích.

Thiện tri thức, Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật là tiếng Phạn, dịch là đại trí huệ đến bờ bên kia, đây cần phải tâm hành, chẳng ở miệng niệm, miệng niệm tâm chẳng hành thì cũng như huyền hóa. Miệng niệm tâm hành, thì tâm và miệng tương ưng. Bản tánh là Phật, lia tánh chẳng có Phật.

(Tự tâm là Phật, ngoài tâm chẳng có Phật.)

Sao gọi là Ma Ha? Ma Ha là đại, tâm lượng quảng đại như hư không, chẳng có biên giới, cũng chẳng vuông tròn lớn nhỏ, cũng chẳng phải xanh vàng đỏ trắng, cũng chẳng trên dưới dài ngắn, cũng chẳng giận, chẳng vui, chẳng phải chẳng quý, chẳng thiện chẳng ác, chẳng đầu chẳng đuôi.

(Tức chẳng có tất cả tương đối. Như tôi đã giảng Bát Nhã Tâm Kinh, Bát nhã là cái dụng automatic của Tự tánh, Tất cả chư Phật, tất cả thế giới Phật đều như hư không, hễ lọt vào tương đối thì chẳng phải Bát nhã vậy).

Các cõi Phật đều đồng như hư không, diệp tánh con người vốn không, chẳng có một pháp có thể đắc, tự tánh Chơn không cũng như thế.

(Nên tôi thường dạy người tham thiền là phải Vô sở đắc. Tự tánh chơn không cũng vậy, chẳng có một pháp để đắc, hễ có sở đắc thì chẳng phải Bát Nhã, chẳng phải là kiến tánh thành Phật.)

Thiện tri thức, chớ nên nghe ta nói không mà liền chấp không. Trước nhất chớ chấp không, nếu để tâm không tĩnh tọa là lọt vào Vô Ký không.

(Người tham thiền chẳng thà có nghi tình có vọng tưởng, còn hơn là không có nghi tình cũng không có vọng tưởng, ấy là lọt vào vô ký không, là Thiền bệnh.)

Thiện tri thức, thế giới hư không bao hàm sắc tướng vạn vật, mặt trời mặt trăng, núi sông đất đai, cây cối, biển lớn, kẻ dữ người lành, pháp ác pháp thiện, thiên đàng địa ngục, tất cả đều ở trong hư không, Tánh không của con người cũng vậy.

Thiện tri thức, tự tánh hay bao hàm muôn pháp là Đại, muôn pháp đều ở trong tự tánh của con người. Nếu thấy điều dữ điều lành của người, tất cả đều chẳng lấy chẳng bỏ, chẳng chấp chẳng nhiễm, tâm như hư không gọi là Đại, nên nói là Ma Ha.

Thiện tri thức, kẻ mê miệng nói, người trí tâm hành. Lại có kẻ mê để tâm không mà tính tọa, trăm điều chẳng nghĩ, tự xưng là đại, với bọn người này không thể nói gì được, vì họ bị rơi vào tà kiến.

(Như tôi thường nói, phật pháp nói đến chữ "Không" là để hiển bày cái dụng, chứ chẳng phải cái Không tuyệt diệt chẳng có gì cả. Pháp tu của ngoại đạo hay pháp môn khác thường là muốn khiến tâm trống rỗng chẳng một niệm nào, nhưng pháp môn Thiền thì chẳng cho tâm không, chẳng cho dứt niệm. Nên trong Kinh này, Lục Tổ nói "Tâm lượng rộng lớn cùng khắp pháp giới, cái dụng rõ ràng minh bạch"; như căn nhà này chẳng có cái Không thì chẳng ở được, cái tách chẳng có cái Không chẳng thể đựng nước; bất cứ cái gì, phải có cái Không mới dùng được, chứ chẳng phải là ngoan Không).

Thiện tri thức, tâm lượng quảng đại cùng khắp pháp giới, dùng thì liễu liễu rõ ràng, ứng dụng liền biết tất cả. Tất cả tức một, một tức tất cả, tới lui tự do, tâm thể vô ngại tức là Bát Nhã.

Thiện tri thức, tất cả Trí Bát Nhã Nhã đều từ tự tánh mà sanh, chẳng từ bên ngoài vào, chớ lầm dùng ý thức, gọi là chơn tánh tự dụng. Nhất chơn nhất thiết chơn, tâm lượng là việc lớn, chẳng nên hành đạo nhỏ, miệng chớ trọn ngày nói Không mà trong tâm chẳng tu hạnh này, giống như thường dân tự xưng là vua thì không được, hạng người này chẳng phải đệ tử của ta.

Thiện tri thức, sao gọi là Bát Nhã? Bát Nhã dịch là trí huệ. Bất cứ nơi nào lúc nào, niệm niệm chẳng ngu muội, thường hành đúng trí huệ, tức là hạnh Bát Nhã. Một niệm ngu muội thì Bát Nhã tuyệt, một niệm trí huệ thì Bát Nhã sanh.

(Sao gọi là một niệm ngu si? Hễ tâm có trụ nơi nào, chấp trước cái gì, là ngu. Vô sở trụ, chẳng chấp trước điều gì, chẳng lọt vào tương đối, chẳng lọt vào tứ cú, tức là trí. Vì Bát nhã chẳng thể lọt vào tương đối, nên Tổ Sư nói "Không có Bát nhã chẳng phải Bát nhã, có Bát nhã cũng chẳng phải Bát nhã." Tại sao? Nói "Không Bát nhã chẳng phải Bát nhã" thì mọi người hiểu, còn nói "Có Bát nhã cũng chẳng phải Bát nhã" thì người ta không hiểu. Vì Có đối với Không là lọt vào tương đối, hễ tương đối thì chẳng phải Bát nhã rồi).

Con người ngu mê chẳng thấy Bát Nhã, miệng nói Bát Nhã mà trong tâm thường ngu muội, tự nói ta tu Bát Nhã, niệm niệm nói Không mà chẳng biết Chơn Không. Bát Nhã không hình tướng, ấy là tâm trí huệ, nếu hiểu thấu như thế gọi là Trí Bát Nhã.

(Chơn không vô sở trụ, hễ có sở trụ thì chẳng phải Bát nhã, giải như thế gọi là Trí Bát Nhã).

Sao gọi Ba La Mật? Ba La Mật là tiếng Ấn Độ, dịch là đến bờ bên kia, nghĩa là lìa sanh diệt. Chấp cảnh thì sanh diệt dấy lên như nước nổi làn sóng, tức gọi bờ bên này,

lia cảnh thì chẳng sanh diệt như nước chảy im lìm, tức là bờ bên kia, nên gọi Ba La Mật.

(Như tôi giảng Bát Nhã tâm Kinh, bờ bên đây là trước cảnh nổi lên sanh diệt, nên có phiền não và khổ, chẳng được tự do tự tại; bờ bên kia không có trước cảnh, bệnh chấp đã hết, tự do tự tại, chẳng có phiền não và khổ).

Thiện tri thức, kẻ mê miệng niệm, đang trong lúc niệm có vọng có sai, niệm niệm nếu hành, gọi là chơn tánh. Kẻ ngộ pháp này là Pháp Bát Nhã, kẻ tu hạnh này là Hạnh Bát Nhã, chẳng tu tức là phàm phu, một niệm tu hành, tự thân bằng Phật. Thiện tri thức, phàm phu tức Phật, phiền não tức Bồ Đề; niệm trước mê tức phàm phu, niệm sau ngộ tức Phật. Niệm trước chấp cảnh tức phiền não, niệm sau lia cảnh tức Bồ Đề.

(Tại sao một niệm tu hành là tự thân bằng Phật? Cũng như nay chúng ta tham thiền, ngày đêm đề khởi câu thoại đầu khởi lên nghi tình, chính nghi tình này không lọt vào tương đối, không lọt vào tứ cú, một niệm tu hành, niệm niệm tu hành, lúc nghi tình thành khối, chẳng có sanh diệt, phiền não và khổ, lại được hiện ra cái dụng automatic của Tự tánh cũng như Phật vậy. Nên Lục Tổ nói “Phàm phu tức Phật, phiền não tức Bồ đề, chẳng phải là hai, gọi là bất nhị. Tiền niệm mê tức phàm phu, hậu niệm ngộ tức Phật”. Ở đây, những người y văn giải nghĩa có thể hiểu lầm; vì lời nói mới có tiền có hậu, có trước có sau, ở trên đã nói “Phàm phu tức Phật, phiền não tức Bồ đề”, là bất nhị chẳng có đối đãi. Nếu chẳng đối đãi thì sao lại nói tiền niệm mê tức phàm phu, hậu niệm ngộ tức Phật?” Bởi tâm chấp của chúng sanh hay phân biệt mê ngộ, phàm phu và Phật, nên Lục Tổ mới nói như thế. Thật ra niệm chẳng có trước sau, nếu có trước sau thì kinh Kim Cang nói “Tâm quá khứ bất khả đắc, tâm hiện tại bất khả đắc, tâm vị lai bất khả đắc”, có trước sau, mê ngộ ấy là nhị, Như tôi vừa nói, cứ đề câu thoại đầu khởi lên nghi tình, chẳng cần nghĩ tới trước sau mê ngộ hay là lia cảnh, vì nghi tình là cây chổi automatic quét sạch tất cả, cho nên mới nói “Phàm phu tức Phật, phiền não tức Bồ đề”, vì nghi tình chẳng biết gì cả nên không có phân biệt.)

Thiện tri thức! Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật, tối cao tối thượng tối đệ nhất, không trụ không đi cũng không đến, tam thể chư Phật từ đó ra. Cần phải dùng Đại Trí Huệ phá ngũ uẩn phiền não trần lao, tu hành như thế, nhất định thành Phật, đổi Tam Độc thành Giới Định Huệ.

(Ở đây nói “Đập tan ngũ uẩn phiền não trần lao” chẳng phải là nổi ý muốn đập tan, có nghi tình thì tự động quét và đập tan, tu hành như thế, nhất định sẽ thành Phật.

Ngài Huệ Năng là Tổ thứ sáu của Thiền Tông Trung Quốc, Thiền tông rất chú trọng nghi tình, tu hành là phải có nghi tình. Trước đời nhà Tống, thủ đoạn của Tổ Sư khiến người phát khởi nghi tình mà chẳng tự biết, đến đời nhà Tống mới có tham thoại đầu để khởi nghi tình, nhưng trước sau cũng là nghi tình. Phật Thích Ca ngồi dưới gốc cây Bồ đề cũng nhờ có nghi tình mới được ngộ, chính nghi tình này đầy đủ giới định huệ, biến tam độc tham sân si thành giới định huệ. Tại sao nghi tình có thể biến tam độc tham sân si thành giới định huệ? Vì nghi tình chẳng biết gì cả, chẳng biết nghĩ tới thiện hay ác; thiện còn chẳng nghĩ, nói gì đến ác ư! Nếu chẳng nghĩ tức là giới. Nghi tình miên mật, liên tiếp thì vọng tưởng nổi lên không được, tâm chẳng tán loạn, ấy là định. Chính cái nghi tình chẳng lọt vào tương đối, chẳng lọt vào tứ cú tức vô sở trụ, nên gọi là huệ. Hễ có nghi tình là giới định huệ đầy đủ, nên hay biến tam độc tham sân si thành giới định huệ.)

Thiện tri thức, pháp môn này từ một Bát Nhã mà sanh ra tám mươi bốn ngàn trí huệ.

(Tức pháp môn Tổ Sư Thiên. Ở đây mặc dù không dạy pháp môn nào, nhưng thủ đoạn của Tổ khiến người tu tự sinh nghi tình mà không biết, đã là pháp môn rồi chứ chẳng phải tham thoại đầu công án sau này mới là Pháp môn.)

Tại sao vậy? Vì con người có tám mươi bốn ngàn trần lao, nếu không có trần lao thì trí huệ luôn luôn hiển hiện, chẳng lìa tự tánh.

(Sức dụng của Tự tánh nếu bị trần lao nhét đầy, chẳng có chỗ trống thì sức dụng của Tự tánh Bát Nhã chẳng thể hiện ra, nên tôi thường nói “Quét không chùng nào thì sức dụng hiện ra chùng này, quét tới cực thì dụng tới cực, tức bằng với Phật”. Cái dụng tức trí huệ, trí huệ của người thế gian khi dùng phải qua tác ý, còn sức dụng của trí Bát Nhã khi dùng là tự động, không qua bộ não, chẳng cần tác ý. Trí huệ chẳng lìa tự tánh, Lục Tổ thuyết pháp đều chẳng lìa Tự tánh, hễ lìa Tự tánh thuyết pháp tức là tướng thuyết).

Người ngộ pháp này tức là vô niệm, vô úc (không ghi nhớ), vô nhiễm trước, chẳng khởi cuồng vọng. Đối với tất cả pháp, dùng trí huệ của chơn như tự tánh chiếu soi, chẳng lấy chẳng bỏ, tức là Kiến Tánh Thành Phật.

(Đây chẳng phải là pháp quán chiếu của Giáo môn, quán chiếu ở đây nghĩa là nghi tình chẳng lấy chẳng bỏ, là nghi tình tự quán chiếu mà chẳng phải quán chiếu, cũng như nói “Tọa thiền” là tâm tọa chứ chẳng phải thân tọa).

Thiện tri thức, muốn đi vào pháp giới thâm sâu và Bát Nhã Tam Muội, phải tu hạnh Bát Nhã, thực hành theo kinh Kim Cang thì sẽ được Kiến Tánh.

(Hai chữ “thâm thâm”, nghĩa là siêu việt số lượng vì nghĩa của pháp giới rộng hơn vũ trụ).

- Nên biết tự tánh của mình vốn sẵn có trí Bát Nhã, trí huệ tự tánh thường chiếu soi nên chẳng nhờ vả tự, ví như nước mưa, chẳng do trời có mà do khí trời làm nên, khiến tất cả chúng sanh, tất cả cây cỏ, hữu tình vô tình đều được lợi ích thấm nhuần, tất cả sông ngòi đều chảy về biển lớn, hợp thành một thể, cái trí Tự tánh Bát Nhã của chúng sanh cũng vậy. Người tiểu căn nghe được pháp môn đốn giáo này, cũng như cây cỏ gặp mưa bão, bị đổ ngã chẳng sanh trưởng được.

Nên biết tự tánh vốn có cái Trí Bát Nhã, trí huệ tự tánh thường chiếu soi nên chẳng nhờ vả tự, ví như nước mưa, chẳng do trời có mà do khí trời làm nên, khiến cho tất cả chúng sanh, tất cả cây cỏ, hữu tình vô tình, đều được thấm nhuần, tất cả sông ngòi đều chảy về biển lớn, hợp thành nhất thể. Cái Trí Tự Tánh Tánh Bát Nhã của chúng sanh cũng vậy.

Thiện tri thức, kẻ tiểu căn nghe được Pháp Môn Đốn Giáo này, cũng như cây cỏ mà gặp mưa bão, đều tự gãy đổ chẳng sanh trưởng được, kẻ tiểu căn thì cũng như vậy: Họ vốn có cái Trí Bát Nhã đồng với người đại trí, chẳng có khác biệt, tại sao nghe Pháp mà chẳng được tự ngộ? Đó là do tà kiến chướng nặng, phiền não căn sâu, cũng như mây lớn che khuất mặt trời, chẳng được gió thổi nên chẳng hiện ánh sáng. Cái Trí của Bát Nhã vốn chẳng lớn nhỏ, chỉ vì tất cả chúng sanh tự tâm mê ngộ chẳng đồng, tâm mê tu hành hướng ngoại tìm Phật mà chưa ngộ tự tánh, tức là tiểu căn.

(Phật tử thời nay phần nhiều chẳng hướng vào tự tâm mà chỉ tìm Phật ở ngoài tâm, gọi là mê tâm ngoại kiến).

Nếu khai ngộ đốn giáo, chẳng chấp lấy hình tướng bên ngoài, chỉ ở trong tự tâm thường khởi chánh kiến, phiền não trần lao thường chẳng ô nhiễm, tức là Kiến Tánh.

(Chánh kiến là gì? Có nghi tình là chánh kiến, vì chẳng trụ ở nơi nào cả. Hễ nghi tình miên mật thì vọng tưởng chẳng khởi lên được, cuối cùng sẽ kiến tánh).

Thiện tri thức, trong ngoài chẳng trụ, đi lại tự do, nếu trừ được chấp tâm thì thông đạt vô ngại. Nếu tu được hạnh này, với kinh Bát Nhã vốn chẳng sai biệt.

(“Trong ngoài”; trong tâm ngoài cảnh, cũng là tương đối. Lục Tổ sợ người chấp vào lời của Tổ, nên nói “Trong ngoài chẳng trụ”, vì bản tánh của chúng ta vốn hoạt bát, khứ lai tự do, hễ trừ được chấp tâm thì chẳng có tất cả chướng ngại. Ấy là do nghi tình là cây chổi tự động quét sạch tất cả chấp tâm, thông đạt chẳng chướng ngại).

Thiện tri thức, tất cả Kinh điển và văn tự, đại tiểu nhị thừa, mười hai bộ Kinh đều do người đặt ra, vì có tánh trí huệ mới được kiến lập; nếu chẳng có con người thì vạn pháp vốn chẳng tự có. Nên biết vạn pháp vốn do tâm người kiến tạo, tất cả Kinh sách là vì con người mà nói. Vì trong con người có kẻ ngu người trí, ngu là tiểu nhơn, trí là đại nhơn, kẻ ngu hỏi pháp với người trí, người trí thuyết pháp cho kẻ ngu, kẻ ngu đốn ngộ tự tâm thì chẳng khác với người trí vậy.

Thiện tri thức, khi chưa ngộ thì Phật tức chúng sanh, lúc một niệm khai ngộ, chúng sanh tức Phật. Nên biết vạn pháp đều ở nơi tự tâm, vậy sao chẳng ở trong tự tâm đốn thấy chơn như bản tánh?

(Muốn đốn thấy bản tánh chơn như của mình phải tham thiền, nhưng nếu chỉ tin pháp môn tham thiền mà không tin tự tâm là Phật cũng không thể kiến tánh được).

Kinh Phạm Võng nói “Tự tánh vốn thanh tịnh, nếu nhận được tự tâm, thấy được bản tánh, tức thành Phật đạo”. Kinh Duy Ma Cật nói “Ngay lúc đó hoát nhiên đốn ngộ, liền được bản tâm”.

(Nếu tham thiền đến nghi tình thành khối, gặp nhân duyên chín mùi, bị đánh một bạt tai liền ngộ, bị vấp té, mắng chửi cũng ngộ, lúc ngộ thành linh được bốn tâm, bốn tánh. Ngoài sự dẫn chứng bởi kinh sách, ở đây Lục Tổ nói thêm về kinh nghiệm của chính mình).

Thiện tri thức, ta ở nơi Hòa thượng Hoàng Nhẫn vừa nghe câu nói liền ngộ, đốn thấy chơn như bản tánh, cho nên hoằng dương giáo pháp này, khiến hành giả đốn ngộ Bồ Đề, mọi người tự thấy bản tâm, tự kiến bản tánh, nếu chẳng tự ngộ, phải tìm người đã khai ngộ pháp tối thượng thừa, chỉ ngay đường lối Chánh Pháp, vì thiện tri thức có nhân duyên lớn giáo hóa dẫn dắt, khiến hành giả được Kiến Tánh, tất cả thiện pháp đều do thiện tri thức mà được kiến lập.

Tam thế chư Phật, mười hai bộ Kinh ở trong tự tánh vốn đã đầy đủ, vì tự ngộ chẳng được, nên phải nhờ thiện tri thức chỉ ra mới thấy, kẻ tự ngộ thì chẳng phải nhờ đến người khác.

(Chứ chẳng phải là học từng cuốn kinh, từng đoạn kinh, từng chữ, từ cuốn này qua cuốn khác mới biết được. Chính Lục Tổ là người dốt nát không biết chữ, chẳng học quyển kinh nào, nhưng khi ngộ rồi thuyết ra Kinh Pháp Bảo Đàn này. Cái học được chẳng phải của mình vậy).

Nếu cố chấp rằng phải luôn luôn ý lại thiện tri thức mới mong được giải thoát thì không bao giờ được.

(Nếu cứ chấp rằng cần phải có Thiện tri thức ở ngoài mới được giải thoát là không đúng. Nay nhiều người chấp thật rằng phải có Thiện tri thức kiến tánh hướng dẫn mình mới tham thiền được, mới kiến tánh được, ấy là sai lầm).

Tại sao vậy? Vì ở trong tự tâm sẵn có tri thức tự ngộ, nếu khởi tà kiến mê chấp vọng tưởng điên đảo, dẫn cho gặp thiện tri thức dạy bảo cũng chẳng cứu được. Nếu khởi chơn chánh Bát Nhã tham cứu, trong một sát na vọng tưởng đều tiêu, nhận được tự tánh, đốn siêu Phật địa.

(Lúc ngộ tự tánh, có nhiều vị Tổ liền thấu tam quan, từ địa vị phàm phu trực đến quả vị Phật, đốn siêu địa vị Phật).

Thiện tri thức, dùng trí huệ chiếu soi, trong ngoài sáng tỏ rõ ràng thì nhận được bốn tâm. Nếu nhận được bốn tâm tức vốn là giải thoát, được giải thoát tức là Bát Nhã Tam Muội, Bát Nhã Tam Muội tức là Vô Niệm.

Sao gọi là Vô Niệm? Nếu thấy tất cả pháp tâm không nhiễm trước gọi là Vô Niệm, dùng thì khắp nơi, cũng chẳng dính mắc ở khắp nơi, hễ sạch được bốn tâm, khiến lục thức ra cửa lục căn, đối với lục trần mà chẳng nhiễm chẳng trước, đi lại tự do, ứng dụng vô ngại tức là Bát Nhã Tam Muội, tự tại giải thoát, gọi là hạnh Vô Niệm. Chứ chẳng phải như người lầm tưởng cho là trăm điều chẳng nghĩ, chỉ cho niệm tuyệt, ấy là pháp trói buộc, tức là biên kiến.

(Bát Nhã Tâm Kinh nói “Vô nhân nhĩ tử thiệt thân ý, vô sắc thanh hương vị xúc pháp”, vô nhiễm vô trước, khứ lai tự do, chẳng bị chướng ngại, gọi là Bát Nhã Tam Muội, tức chánh định của Bát Nhã, tự tại giải thoát. Hành theo hạnh này gọi là hạnh Vô Nhiễm, chứ không phải trăm điều chẳng nghĩ, muốn cho niệm tuyệt, ấy là bị pháp trói buộc, gọi là biên kiến trong năm thứ ác kiến vì lọt vào chấp không. Lục Tổ sợ người hiểu lầm hai chữ Vô Niệm cho là không suy nghĩ gì cả; nếu chẳng một niệm, chẳng suy nghĩ, dành cho niệm tuyệt vậy.)

Thiện tri thức, kẻ ngộ pháp Vô Niệm thông đạt vạn pháp, ngộ pháp Vô Niệm thấy được cảnh giới chư Phật, ngộ pháp Vô Niệm được đến địa vị Phật.

Thiện tri thức, nếu người đời sau ngộ được pháp này, đem pháp môn đốn giáo này với những người đồng một chánh kiến chánh hạnh phát nguyện cùng tu, như cúng dường Phật mà suốt đời chẳng thôi lui, người ấy nhất định được vào Thánh vị.

Nhưng phải truyền thọ, từ trước đến nay các Tổ đều mặc truyền tâm ấn, chẳng được ẩn giấu Chánh Pháp. Nếu chẳng phải đồng một chánh kiến, chánh hạnh, là người đã ở trong pháp khác thì chẳng được truyền thọ, vì sợ kẻ ngu chẳng hiểu, lại sanh phỉ báng pháp môn này, phá hoại truyền thống Chánh Pháp của Cổ Đức, làm cho muôn ngàn kiếp sau đoạn dứt Phật chủng, cuối cùng vô ích.

(Bài Vô Tướng Tụng này tỏ rõ pháp môn Tổ Sư Thiên).

Bài VÔ TƯỚNG TỤNG:

Thuyết thông lại tâm thông, như mặt trời giữa không.

(Người giảng kinh thuyết pháp hiện nay có thể nói là thuyết thông; Tâm chưa thông cũng thuyết thông được, thuyết thông chưa chắc tâm thông, nhưng tâm thông rồi thì thuyết tự nhiên thông. Thuyết thông với tâm thông, như mặt trời ở trên hư không. Tại sao lấy mặt trời để thí dụ? Vì mặt trời chẳng dựa vào chỗ nào cả, chẳng có một sợi chỉ treo lên. Bởi nếu có sợi chỉ treo lên mặt trời thì chính sợi chỉ đó sẽ che tối và chẳng chiếu soi đến, sẽ có sở trụ. Tự tánh của mình cũng như mặt trời chẳng dính mắc gì cả, cho dù một sợi chỉ.)

Chi truyền pháp kiến tánh, hồng pháp phá tà tông.

(Tông phái Tổ sư thiên này chỉ cần minh tâm kiến tánh, chỉ truyền pháp kiến tánh, tức là muốn mọi người được ngộ. Tổ sư ra đời là phá tất cả tà tông, tà tông là chẳng đúng với chánh pháp, còn chấp ngã: Hoặc chấp như ngã, hoặc chấp pháp ngã, nên gọi tà tông.)

Pháp vốn chẳng đốn tiệm, mê ngộ có nhanh chậm.

(Theo pháp vốn chẳng có đốn tiệm, do mê ngộ có nhanh chậm nên nói có đốn tiệm: Đốn tiệm là do người chứ chẳng phải do pháp.)

Pháp môn kiến tánh này, kẻ ngu chẳng thể biết.

(Thiên tông Kiến tánh này người ngu chẳng thể hiểu được, vì họ quá chấp thật. Pháp môn này chẳng phân biệt thông minh hay dốt nát, hễ chấp thật là thấp, không chấp là cao. Nên Phật Pháp là càng chấp nhiều chừng nào càng hạ căn chừng nấy, càng chấp ít càng thượng căn, chứ chẳng phải người thông minh lanh lợi là cao.)

Thuyết tuy muôn ngàn lối, đúng lý chỉ là một,

Nhà phiền não đen tối, thường nên sanh huệ nhật.

(Nói về pháp môn thì nhiều, nhưng hợp lại chỉ là một. Do chúng sanh đang ở trong nhà đen tối, phải thường sanh ra trí huệ của mặt trời [nghĩ tình miên mật].)

Tà khởi phiền não tới, chánh đến phiền não trừ.

Tà chánh đều chẳng chấp, thanh tịnh đến cùng tột.

(Hễ khởi lên một biệt niệm tức là tà đến, phiền não đến; chỉ có chánh niệm tức khởi lên nghĩ tình thì phiền não trừ. Nhưng tà với chánh đều chẳng chấp mới có thể thanh tịnh đến cùng tột. Nếu người tham thiền còn biết là mình đang tham thiền thì chưa phải chơn tham; chơn tham là chẳng có phân biệt tà chánh, luôn cả tham thiền cũng chẳng biết là đang tham, trước kia thủ đoạn của Tổ Sư hay khiến người đạt đến chơn tham.)

Tự tánh vốn Bồ Đề, khởi tâm tức là vọng.

Tịnh tâm ở trong vọng, niệm chánh chẳng tam chương.

(Bồ Đề vốn là Tự tánh sẵn có, hễ khởi lên một niệm cho là Bồ đề, khởi niệm đi tìm Bồ đề tức là vọng. Nay nhiều Phật tử khi gặp mặt hay chúc nhau bằng câu "Bồ đề tăng trưởng", Bồ đề làm sao tăng trưởng được? Tâm thanh tịnh của mình nay ở trong vọng, mặc dù tâm ở trong vọng, nhưng tự tánh vốn thanh tịnh chẳng bị vọng ô nhiễm, nên chỉ cần có chánh kiến thì chẳng có tất cả chương ngại.)

Người đời muốn tu đạo, tất cả đều chẳng ngại,

Thường tự thấy lỗi mình, với đạo tức tương ưng.

(Người thế gian tu đạo này, tu pháp môn này thì tất cả đều chẳng chương ngại, nhưng phải phá ngã chấp. Người thường hay thấy lỗi của người khác mà chẳng thấy lỗi của chính mình, ấy là do có ngã chấp. Phải thường tự thấy lỗi của mình, như thế mới phá được ngã chấp, tương ưng với đạo.)

Muôn loài tự có đạo, mỗi mỗi chẳng ngại nhau.

Ngoài tâm đi tìm đạo, suốt đời chẳng thấy đạo .

Bôn ba qua một đời, sau cùng tự áo não.

(Các loài chúng sanh đều tự có đạo và đều chẳng chướng ngại với nhau. Đạo ở trong tự tâm, nếu lìa đạo ở nơi tự tâm mà đi tìm kiếm đạo ở ngoài tâm thì suốt đời chẳng được thấy đạo, chỉ bốn ba qua một đời, cuối cùng tự áo não mà thôi.)

Muốn được thấy chơn đạo, hạnh chánh tức là đạo,

Nếu tự chẳng đạo tâm, đen tối chẳng thấy đạo.

(Muốn được thấy chơn đạo thì tâm hạnh chánh tức Đạo; nếu suốt ngày đêm giữ được nghi tình miên mật thì hạnh chánh, tức là đạo. Hễ tự mình chẳng có tâm đạo, ví như đi trong đen tối chẳng thể thấy được đạo.)

Nếu là người chơn tu, chẳng thấy lỗi thế gian.

Nếu thấy lỗi của người, trái lại thành tự quấy.

Người quấy ta chẳng quấy, thấy quấy thành tự lỗi.

Hễ bỏ tâm chấp quấy, phiền não tự tan rã.

Thương ghét chẳng quan tâm, duỗi thẳng hai chân nằm.

(Làm sao biết được người chơn thật tu hành? Người chơn tu chẳng thấy lỗi của thế gian. Hễ thấy lỗi của thế gian tức còn ngã chấp; thấy cái quấy của người khác trái lại thành tự quấy. Người quấy ta chẳng quấy, ta quấy tự có lỗi, chỉ cần buông bỏ tâm quấy ấy, tự nhiên phá được phiền não, yêu ghét đều chẳng quan tâm, duỗi thẳng hai chân nằm.)

Muốn hóa độ chúng sanh, tự phải có phương tiện.

Khiến họ hết nghi ngờ, tức là Tự tánh hiện.

(Muốn hóa độ chúng sanh, tự mình phải có phương tiện. Chư Phật chư Tổ giáo hóa chúng sanh đều phải có phương tiện, chẳng pháp nào không có phương tiện mà tu được giải thoát. Nay chúng ta đối với vũ trụ vạn vật đều có nghi: Tại sao có ta? Tại sao có ngũ tạng lục phủ? Tại sao con mắt thấy lỗ tai được nghe? Tại sao có cây cối trời đất? tất cả đều là nghi. Nếu muốn giáo hóa chúng sanh để mọi người tu đến hết nghi, như nay tham thiền khởi lên nghi tình, tham đến nghi tình vỡ rồi thì sự nghi hết. Tổ sư thiên gọi là "Cắt đứt căn nghi", khi tự tánh hiện ra tức kiến tánh, chứ chẳng phải có cái TA năng kiến và có cái tánh là sở kiến. Nên ở đây nói là Tự tánh hiện.)

Phật pháp tại thế gian, chẳng rời thế gian giác.

Lìa thế tìm Bồ đề, cũng như tìm sừng thỏ.

(Phật pháp ở trong thế gian, chẳng thể rời thế gian mà giác ngộ; hễ lìa khỏi thế gian thì đâu cần tìm Phật pháp! Nếu lìa thế gian mà tìm Bồ đề, ví như tìm sừng thỏ vậy.)

Chánh kiến gọi xuất thế, tà kiến gọi thế gian.

Tà chánh đều quét sạch, tánh Bồ đề rõ ràng.

(Chánh kiến phải phá ngã chấp, tà kiến thì chấp ngã, hai chữ "tà kiến" ở đây là đối với chánh kiến, chứ chẳng phải tà kiến trong năm thứ ác kiến. Mặc dù chánh kiến là xuất thế gian, tà kiến là thế gian, nhưng vẫn còn đối đãi, người tham thiền phải tà chánh đều quét sạch mới không có đối đãi, tánh Bồ đề rõ ràng hiện ra.)

Tụng này là đốn giáo, cũng gọi đại pháp thuyền.

Lúc mê tu nhiều kiếp, ngộ chỉ một sát na.

(Bài Vô Tướng Tụng này là pháp môn Đốn giáo của Tổ Sư Thiên, cũng gọi là Đại Pháp Thuyền chở chúng sanh đến bờ bên kia. Người mê chẳng tin chẳng thực hành nên khổ tu nhiều kiếp, người tin theo pháp môn này để tu chỉ ngộ trong một sát na thôi.)

Sư lại nói "Tôi ở Chùa Đại Phạn thuyết pháp Đốn giáo này, phổ nguyện tất cả chúng sanh trong pháp giới nghe rồi liền được kiến tánh thành Phật". Lúc ấy Vi Sư Quân và tất cả quan chức, tứ chúng nghe lời thuyết pháp của Tổ đều được khai ngộ, lễ bái tán thán rằng "Chẳng ngờ ở Lĩnh Nam lại có Phật ra đời".

Hỏi: Chỉ nhờ câu thoại đầu có đạt đến lý chơn không chăng?

Đáp: Nói "ngộ" là ngộ vào Tự tánh chứ chẳng phải ngộ lý Chơn không. Thiên tông là giáo ngoại biệt truyền, tức ở ngoài giáo lý, quét sạch tất cả lý mới ngộ nhập Tự tánh. Nếu còn có cái lý thì chưa lia được ý thức, hễ theo lý thì đòi hỏi phải hợp lý; muốn hợp lý (Logic) là còn nằm trong ý thức, không được kiến tánh. Lai Quả Thiên sư có quả chúng Tăng rằng "Các người chứa đầy bụng các kinh Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, Hoa Nghiêm, nhưng ở Thiên đường này thì một chữ cũng xài không được".

Vừa rồi Ni Sư nói "Nghiệp chướng sâu trong xương tủy", là chẳng phải như thế; ví như căn phòng đen tối trong một ngàn năm hay mười ngàn năm, chỉ cần đốt lên một cây đèn thì sự đen tối trong muôn ngàn năm đều hết. Tổ sư nói "Đừng có đồ thừa nghiệp chướng nặng", cũng đừng tin là "La hán tái lai, Bồ tát chuyển thế", ấy là gạt người. Những lời này chính Lai Quả Thiên sư nói trong quyển thượng của *Thiền Thất Khai Thị Lục*.

Cho nên, *Bác Sơn Cảnh Ngữ* nói "Phải tin tự tâm là Phật"; tin tự tâm là Phật là chánh tín, tin ngoài tâm có Phật là tà tín, chớ đồ thừa nghiệp chướng nặng hoặc bảo rằng kinh có cao thấp. Trong *Từ Bi Thủy Sám* có bảy thí dụ, thí dụ thứ nhất nói "Mình phải tự biết hổ thẹn, hồi xưa ta với Phật Thích Ca vốn cùng là chúng sanh, nay Phật Thích Ca đã thành Phật quá lâu mà ta vẫn còn là chúng sanh!" Do đó, chớ nên nói là "mình bị nghiệp chướng nặng, không dám sánh bằng Phật", mình với Phật đâu có khác! Nay chẳng thể bằng Phật nên phải hổ thẹn vậy. Tổ sư thiên này chẳng kể nghiệp chướng, chẳng kể sơ tham lão tham, thượng căn hạ căn v.v. Bởi Phật tánh của mọi người đều bằng nhau.

Hỏi: Vừa rồi Sư Phụ nói "Thiền Tông phải có niệm", ấy là niệm gì?

Đáp: Niệm đó là vô niệm. Vô niệm đó là chánh niệm, tức nghi tình. Nghi tình chẳng phải là không có niệm, nhưng nghi tình không được gián đoạn, hễ gián đoạn tức chẳng miên mật vậy.

Hỏi: Dùng ba thứ quán chiếu để quán vọng quán huyễn của thế gian có phải là "Quán chiếu Bát Nhã" không? Có phải là trì kinh Bát Nhã không?

Đáp: Không phải. Cái huyễn, cái vọng mà mình biết ấy, hễ chấp vào đó là nằm trong câu thứ hai của nghĩa ba câu trong kinh Kim Cang. Nếu biết vọng là huyễn hóa thì nằm trong câu thứ hai: Câu thứ nhất là chấp thật, câu thứ hai là biết được ấy là huyễn hóa, phá được cái chấp thật nhưng còn nằm trong câu thứ hai, chưa đến câu thứ ba. Mặc dù đến được câu thứ ba vẫn còn phải quét, nên chẳng phải Bát Nhã.

Hỏi: Có người cho rằng phải sử dụng quán chiếu Bát Nhã, sanh ra trí huệ để rồi công đức đến chỗ cùng cực thì thấy được vọng niệm khởi lên và rơi xuống, ấy tức ngộ đạo, phải không?

Đáp: Ấy là tự mình bày đặt! Nay thử hỏi cái niệm đó là niệm gì? Ai rãi cái niệm đó? Nếu có "ai" rãi thì cái rãi đó là năng, cái niệm là sở; có năng sở làm sao gọi là Bát Nhã? Bát nhã chẳng năng sở, nếu nói quán chiếu tức Bát Nhã thì quán chiếu có năng quán sở quán, còn là tương đối.

Hỏi: Vậy thì đến giai đoạn nào mới gọi là Bát Nhã và khởi dụng Bát Nhã để tu?

Đáp: Tham thoại đầu mới là hành thâm Bát Nhã. Tham thiền tức trì kinh, Bát Nhã vô sở trụ, chẳng có năng sở, chẳng lọt vào tương đối. Có Bát Nhã còn chẳng phải Bát Nhã, huống là năng sở!

Hỏi: Thế thì pháp quán chiếu của Giáo môn làm sao đạt đến thể tánh?

Đáp: Giáo môn thì khác. Kinh Pháp Bảo Đàn là Thiền môn, thiền môn thuộc giáo ngoại biệt truyền, khác với Giáo môn, phải có nghi mới được ngộ. Nay tham thiền tham đến chết chưa kiến tánh, ôm câu thoại đầu đến chết, kiếp sau cũng sẽ tiếp tục tham. Trong *Truyền Đăng Lục* có kể về một bé gái mười lăm tuổi, là cháu của Thừa tướng Tô Công Tụng, cũng do kiếp trước có tu, nên tham thiền đến mười lăm tuổi đã kiến tánh, nhưng chẳng hề nói ra cho ai biết, vì tưởng rằng ai ai cũng vậy. Sau khi phá được Sơ quan, cha mẹ cho Cô lấy chồng. Do thiện căn Bát Nhã đã được gieo trồng, sau cùng cũng được gặp Thiền sư cho xuất gia, pháp danh Diệu Tổng Thiền sư. Xưa kia ở Trung Quốc, chức vị Trụ trì ở Tông lâm đều là những vị tu hành đã kiến tánh và Diệu Tổng Thiền sư được ông Tỉnh trưởng mời đến chùa làm Trụ trì. Đại Huệ thiền sư là thầy của Sư Bà nói "Sư Bà là người chẳng có tham thiền mà được ngộ", nhưng kỳ thật là do tham thiền mới được ngộ.

Hỏi: Như thế bên Giáo môn dùng pháp quán chiếu thì chẳng được ngộ ư?

Đáp: Lai Quả thiền sư nói "Quán chiếu mặc dù có ngộ, nhưng không đến đỉnh núi Niết Bàn, chẳng triệt để". Nên trong *Truyền Đăng Lục* nói "Như Lai Thiền khác hơn Tổ Sư Thiền", Như Lai Thiền có giai cấp, chia thành năm mươi bảy cấp, Quán chiếu thuộc Như Lai Thiền chứ không phải Tổ Sư Thiền.

Hỏi: Cái "biết vọng" của ngài Khuê Phong như thế nào?

Đáp: Ngài Khuê Phong là Tổ thứ năm của tông Hiền Thủ, chẳng phải Tổ sư của Tổ Sư Thiền. Kinh Viên Giác nói "Nhất thiết chúng sanh giai chứng Viên giác", Ngài cho là dịch sai, chữ Giai phải đổi thành chữ Cụ, ấy là lý lẽ bên Giáo môn, Thiền tông thì biết chữ Giai là đúng. Ý của Tổ Khuê Phong là "Tất cả chúng sanh chưa chứng Viên giác, chỉ là cụ tức Viên giác mà thôi", ấy là do còn chấp thật có chúng sanh, thật có Viên giác. Bởi vì Bản tánh của mình đâu phải là chúng sanh? Bản tánh của mình đâu phải là Phật? Nay dùng trí huệ hiểu biết để suy diễn cũng có thể suy ra được: Nếu bản tánh của mình là Phật thì sao nay lại thành chúng sanh? Hễ thành chúng sanh được thì tu thành Phật cũng vô ích, sau này cũng có thể trở thành chúng sanh. Hễ bản tánh là chúng sanh thì dù cho tu hành thế nào cũng chẳng thể thành Phật được, vì bản tánh đã là chúng sanh rồi! Do Khuê Phong còn có chấp, nên chỉ có thể làm Tổ bên Giáo môn chứ chẳng thể làm Tổ bên Thiền môn.

Hỏi: Thấy tâm tán loạn có thể niệm câu "Nam Mô Định Tâm Vương Bồ Tát" được không?

Đáp: Ở trong pháp môn Duy thức, tám thức nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý đều là tâm vương.

Hỏi: Có người nói "hết vọng tưởng tức kiến tánh", nhưng Sư lại nói "hết vọng tưởng chưa phải kiến tánh", mong Sư giảng lại chỗ này?

Đáp: Nếu không phá ngã chấp, hết vọng tưởng được sanh cõi Vô Tướng, cao nhất là cõi Phi tướng Phi phi Tướng. Đức Phật từng thọ ký cho ông Uất Đầu Lam Phát “Sau khi hưởng xong phước báo cõi Trời, sẽ bị đọa súc sinh làm con chồn bay”. Tu đến hết vọng tưởng, đừng nói là một đời chỉ có mấy mươi năm, cho dù là nữa đại kiếp không có vọng tưởng, vẫn còn bị đọa súc sinh! Cho nên, hễ không có nghi tình cũng không có vọng tưởng là lọt vào vô ký không, là Thiên bệnh. Tổ sư thiên gọi đó là "ngâm nước chết", hễ chấp vào đó thì vĩnh viễn chẳng được kiến tánh.

Hỏi: Câu “Tiền niệm bất sanh tức tâm, hậu niệm bất diệt tức Phật” trong kinh Pháp Bảo Đàn như thế nào?

Đáp: Ở trên đã nói, nếu chấp vào lời nói là nói hoài chẳng hết; hễ chấp vào thời gian thì có trước có sau, có mê có ngộ là tương đối. Tâm niệm của chúng ta mặc dù thấy giống nhau nhưng mỗi giây đều khác, cũng như cây tim đèn, ngọn đèn của một giây trước chẳng phải ngọn đèn của một giây sau, phải không?

Nay tham thiền cần nghi tình miên mật, không để ý trước sau, không để ý mê ngộ, đến một ngày kia thành linh ngộ thì giây phút ấy, niệm ấy ngộ tức kiến tánh thành Phật. Khi chưa ngộ thì niệm niệm đều mê, nhưng lúc có nghi tình thì chẳng phải mê, mặc dù chưa kiến tánh. Như Lai Quả thiên sư nói “Nếu công phu được thành khối, hai mươi bốn tiếng đồng hồ chẳng gián đoạn thì không kiến tánh cũng được”. Tại sao? Vì hễ có tướng thì Diêm La Vương thấy và có thể sai tiểu quỷ bắt được; nghi tình chẳng hình tướng, chẳng lọt vào chỗ nào cả, chẳng có tướng thì Diêm La Vương chẳng thể thấy, chẳng thể sai quỷ sứ đến bắt. Sự thật thì công phu đến chỗ đó muốn không kiến tánh cũng chẳng được. Đối với chúng sanh chấp mê phải nói ngộ, nên nói “Niệm trước là mê, niệm sau là ngộ”. Khi ngộ rồi mới biết chẳng có ngộ, vì trước có mê đâu mà nói là ngộ?

Cho nên, hễ chấp vào lời nói là không hiểu ý của Tổ. Lời của Tổ, của Phật chỉ là phương tiện tạm thời, đối với căn cơ này thì thuyết pháp này, đối với căn cơ kia là thuyết pháp kia, thường thì pháp này với pháp kia mâu thuẫn nhau. Ý của Phật chẳng có mâu thuẫn, do người chấp có mâu thuẫn, thành ra nói pháp có mâu thuẫn. Nên nói bệnh của chúng sanh là bệnh giả, thuốc của Phật là thuốc giả, bệnh giả hết thuốc giả phải bỏ, nếu chấp thuốc ấy là thật thì sai lầm.

Hỏi: Trong cuốn Thiền Đạo Tu Tập của ông Trương Trùng Cơ nói rằng pháp Tào Động là Mặc chiếu, phải không?

Đáp: Trương Trùng Cơ là người tu theo Mật tông, chẳng có thực hành Tổ Sư Thiền, chỉ nghiên cứu sách Thiền mà tự cho Tào Động tông là Mặc chiếu. Ông ấy cũng biết hễ có lý luận là nghịch với ý chỉ Tổ Sư Thiền, nhưng cũng bất giác lập ra lý luận đặc biệt về Tổ Sư Thiền, chia công án thành bốn loại, ấy là tại tác giả chẳng biết về Tổ Sư Thiền, chẳng thực hành Tổ Sư Thiền, tự lấy ý mình suy ra tưởng là đúng. Người tham thiền chẳng thể căn cứ vào đó mà phải căn cứ Tổ Sư kiến tánh. Quyển *Lá Thư Thiền* của ngài Đại Huệ nói “Mặc chiếu là tà thiền”.

Hỏi: Thế nào là năm tông bảy phái?

Đáp: Thiền tông là một, tại sao lại chia thành năm tông bảy phái? Ấy là do thủ đoạn của Tổ Sư có khác biệt. Ví như bảy người có bảy món ăn đặc biệt, ông A là món canh chua, ông B thì món xào, ông C thì món hầm v.v.. mỗi người một món đặc biệt ngon, mặc dù món ăn đó sáu người khác vẫn làm được nhưng không ngon bằng. Người thích món canh chua phải đến chỗ ông A, người thích món xào đến ông B, hễ người thích món xào mà đến với ông A thì giới thiệu ngay đến ông B. Tùy theo căn cơ, sở

thích của người tu nên chia thành năm tông bảy phái. Đến khi *Cảnh Đức Truyền Đăng Lục* ra đời, thủ đoạn của Tổ sư chẳng xài ra được nữa.

Hỏi: *Chẳng có vọng tưởng cũng chẳng chấp không, có phải là ý của "Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm" không?*

Đáp: “Ứng vô sở trụ” là giữ cái hoạt bát vạn năng của Tự tánh, “nhi sanh kỳ tâm” là dụng của tự tánh xài ra. Tôi thường lấy cánh tay để thí dụ: Sự dụng của tay hoạt bát vạn năng, lấy gì cũng được, hễ có sở trụ, chấp vào một vật gì thì đánh mất tánh hoạt bát vạn năng của tay, nên chư Phật chư Tổ dạy phải quét đi, khôi phục lại tánh hoạt bát vạn năng. Chấp vào một vật là Có, hay chấp vào cái Không, cũng là đánh mất sự hoạt bát vạn năng, nên cái không ấy cũng phải quét. Nếu chẳng có vọng tưởng cũng chẳng chấp không thì cái “Chẳng có vọng tưởng” ấy có biết không?

PHẦN 5.

Hỏi: *Thế nào là "Nhập lưu vong sở"?*

Đáp: Kinh Lăng Nghiêm quyển sáu “Từ văn tư tu, nhập Tam Ma Địa”. Lúc đầu ở trong cái nghe nhập lưu vong sở, hễ có cái năng nghe thì có sở nghe. Thế nào là nhập lưu? Không có sở nhập mới là nhập lưu. Nhĩ căn trong lục căn là nghe, nếu nghe ở bên ngoài là xuất lưu, chẳng nghe bên ngoài, trở vào bên trong gọi là nhập lưu. Nhập lưu thì sở nghe hết, gọi là vong sở, sở đã diệt thì tịch tịnh, chẳng còn tướng động tịnh.

Hỏi: *Thế nào là "Hàn lu trực khối, sư tử giao nhơn"?*

Đáp: Tổ sư thiên có một thí dụ về con chó và con sư tử: Một người liệng ra cục xương, con chó thông minh của nước Hàn đuổi theo cục xương mà cắn, còn con sư tử chẳng thèm để ý cục xương mà cắn ngay người ấy. Người ấy là gì? Là Tự tánh; cục xương là gì? Là lời nói của Phật, của Tổ. Hễ đuổi theo lời nói của Phật, Tổ để hiểu là con chó, hướng vào Tự tánh để ngộ là con sư tử. Đức Phật muốn chúng ta làm con sư tử chứ chẳng muốn chúng ta làm con chó, nên kinh Lăng Nghiêm nói “Phàm hữu ngôn thuyết giai phi thật nghĩa”, lời nói của Phật cũng là ngôn thuyết vậy, làm sao căn cứ chỗ đó, chấp vào chỗ đó, nói là thật nghĩa!

Nên biết tất cả lời của Phật, của Tổ chỉ là phương tiện tạm thời để ngộ nhập Tự tánh của mình, như kinh Pháp Hoa nói “Khai thị ngộ nhập”, chẳng phải ngộ nhập cái khai thị đó của Phật, mà là nhờ khai thị ngộ nhập Tự tánh. Nay hễ chấp lời thì nghịch ý, như tôi thường giảng về “lia tứ cú”: Chúng sanh chấp có thì Phật nói là không; chúng sanh chấp không thì Phật nói là có. Lúc Phật nói có, ý của Phật chẳng phải có, lúc Phật nói không, ý của Phật chẳng phải không, đã rõ ràng rồi. Nếu Phật nói có, mình chấp cái có là chơn lý, lúc Phật nói không, mình chấp cái không là chơn lý, là nghịch với ý của Phật. Phải hiểu ý của Phật, theo ý của Phật mà ngộ nhập tự tánh, hễ đuổi theo lời nói của Phật để hiểu là con chó, chẳng phải con sư tử.

Hỏi: *Có người giảng về câu "Phản văn văn tự tánh", là khi lỡ tai mình chạy theo âm thanh thì liền cắt đứt dòng chạy theo mà trở về Tự tánh, vậy có đúng không? Không những là nhĩ căn, cho đến nhãn, tỷ, thiệt, thân, ý, lục căn chạy theo lục trần mà ngay đó trở về Tự tánh, ứng dụng như thế để trở về tự tánh, như kinh Viên Giác dạy "Tri huyền tức lia, chẳng cần phương tiện. Lia huyền tức giác, không có thứ lớp", vậy có đúng không?*

Đáp: Như thế làm sao trở về? Làm sao không chạy theo? Tri huyền tức ly, bất tác phương tiện: Bất tác phương tiện chẳng phải là không cần phương tiện, nhưng không tác ý; cũng như Tôi thường dạy tham thiền là dùng phương tiện để đi, chẳng được tác ý buông bỏ vọng tưởng, chẳng được trừ vọng tưởng, chẳng được đè nén vọng tưởng.

Chẳng những không được tác ý phá trừ vọng tưởng, cho đến hễ tác ý "không phá trừ vọng tưởng cũng không được. Hễ có tác ý là sai, chứ chẳng phải không cần phương tiện. Cần phương tiện mà không cho tác ý, nên nói là "bất tác phương tiện". Nếu có tác ý phương tiện thì tác ý ấy cũng là vọng, làm sao lìa được!

Ly huyền tức giác, diệt vô tiệm thứ: Nay biết đó là huyền, dùng phương tiện để lìa. Như chúng ta tham thiền dùng câu thoại làm phương tiện để lìa, nhưng không được khởi niệm là lìa, ấy mới được đến với cái Giác. Lìa huyền tức giác, nhưng không có tiệm thứ mới lìa được cái huyền. Từ biết được cái huyền là bắt đầu khởi lên nghi tình là không có tiệm thứ, chẳng còn lìa hay không lìa, giác hay không giác, ấy mới được giác. Bởi vì nếu còn có năng sở, năng lìa sở lìa, năng giác sở giác là có tương đối, có tiệm thứ, ấy là sai. Pháp vốn chẳng có đốn tiệm, chẳng tiệm thứ, do chấp tâm của người nên sanh ra tiệm thứ. Kinh là nói về pháp chứ không nói về người, nhưng cũng có người một hơi thấu tam quan, chẳng có tiệm thứ, vì người ấy chấp tâm ít. Chấp nhiều chừng nào thì tiệm thứ nhiều chừng nấy.

Hỏi: Có một vị dạy người "Chú tâm vào một việc", ví như khi mặc áo thì biết là áo, ăn cơm biết là cơm, trì chú biết là chú v.v. Theo phương pháp này có thể ứng dụng để tu hành và đi đến giác ngộ không?

Đáp: Ấy cũng là một phương pháp của Giáo môn, nhưng không vào cửa Thiền được, chỉ có thể gieo cái nhân đến muôn ngàn kiếp sau thành Phật, chứ chẳng thể tức thân thành Phật.

Thiền Giáo môn tiếng Ấn Độ là Thiền Na, dịch là tịnh lự. Theo người thường hễ tịnh thì chẳng lự, lự thì chẳng tịnh, còn Thiền thì tịnh lự đồng thời, lúc đang tịnh cũng đang lự. Phương pháp của ông nói là cứ đuổi theo vật chất hoại, hễ uống nước thì đuổi theo ly, nước, nắm thì đuổi theo thân và giường, mặc áo thì đuổi theo áo, cứ đuổi theo ngoại cảnh hoại, tâm làm sao tịnh được? Làm sao nhập Thiền Na được? Hôm qua tôi có giảng đến bốn câu kệ của Lục Tổ:

Thường ứng chư căn dụng,
Mà chẳng khởi dụng tướng.
Phân biệt tất cả pháp,
Chẳng khởi phân biệt tướng.

Nếu biết ta mặc áo là dụng tướng, biết ta uống nước cũng là dụng tướng rồi, làm sao nhập Thiền na được?

Hỏi: Vậy có thể nhập Như Lai Thiền không?

Đáp: Cũng không được, ấy là nằm trong câu thứ nhất của nghĩa ba câu, còn chấp thật hiện hữu, chưa biết ấy là vọng, là huyền, chưa thể cho là tu hành. Nhưng vì hễ niệm được một câu chú hoặc một tiếng Phật cũng gieo trồng được thiện căn, muôn ngàn kiếp sau cũng được thành Phật. Tu hành là phải phá chấp: Trước phá nhân ngã chấp, sau phá pháp ngã chấp. Nay chẳng kể căn cơ nào, chẳng kể thích hợp hay không mà dạy người tu như thế rất có hại, khiến nhiều người uổng tu một đời.

Phật với Tổ đều dạy người phải chuyên tu một pháp môn, nhất môn thâm nhập. Bất cứ trong cuốn kinh nào Đức Phật cũng nói "Kinh này đệ nhất", ý là muốn chúng ta nhất môn thâm nhập, chứ chẳng phải có kinh nào hơn kinh nào. Hễ tham thiền thì cứ ngày đêm đề câu thoại đầu hỏi tới hoài, ở trong câu thoại đầu đầy đủ tất cả pháp: Trì chú cũng ở trong đó, lễ Phật cũng ở trong đó, tụng kinh cũng ở trong đó. Vì nghi tình

đã là thực hành theo ý Phật, Phật là muốn chúng ta giải thoát, giải thoát cần phải giác ngộ, nên nói “phát Bồ đề tâm” là cầu giác ngộ.

Trì chú là cách tu của Mật tông, muốn tu phải theo đúng tông chỉ của Mật tông, nếu không theo đúng tông chỉ của pháp môn mà đem áp dụng qua áp dụng lại là lòng tin chưa đủ, chẳng thể thành tựu được. Nếu suốt ngày mặc áo cũng trì chú, uống nước cũng trì chú, và cho rằng “phải trì chú để làm trợ duyên cho sự tu hành” ấy là sai lầm, bày đặt. Như người hay nói “Thiền Tịnh song tu”, cuối cùng Thiền cũng chẳng tin, Tịnh cũng chẳng tin, chẳng được thành tựu.

Hỏi: *Đời nhà Minh có Liên Trì đại sư sưu tập những Luận tiểu: Luật Tỳ Ni, Sa Di, Oai Nghi, Sa Di Cảnh Sách, sau đó ngài Hoàng Tấn có số giải bộ luật trên, vậy có lợi ích không? Có sai lầm không?*

Đáp: Các Luật sư bên Trung Quốc có phê bình rằng ngài Liên Trì không phải Luật sư, không có nghiên cứu sâu vào Luật, nên khi Ngài nói về Luật, có chỗ còn trái với ý Phật. Phật chế luật là hoạt bát, khai giá trị phạm rất linh động; vì sự phá giới là tùy theo phong tục địa phương, tùy theo thời đại mà biến đổi. Như theo giới Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni ở Ấn Độ, hễ làm ruộng là phạm giới, nhưng ở Trung Quốc làm ruộng là trì giới; vì theo phong tục ở Ấn Độ, tu sĩ không được làm ruộng, làm ruộng thì người đời chê bai, chướng ngại sự hoằng pháp nơi thế gian, nên Phật chế giới để che giấu không cho người đời phê bình Tăng đoàn, ảnh hưởng đến sự hoằng hóa.

Và Luật có khác: Giới là để bảo vệ cá nhân, Luật là để bảo vệ Tăng đoàn, tức có Luật mới bảo vệ được Giới. Nay chúng ta không có Tăng đoàn nên giới chẳng được Luật bảo vệ: Người tu sĩ phạm giới Ba La Di chẳng ai can thiệp, vẫn giữ chức vị Trụ trì trong chùa, vẫn được Phật tử lễ bái cúng dường, ấy là do không có Luật! Nếu có Tăng đoàn thì khác, hễ thọ giới rồi phải sống ở trong Tăng đoàn, giới được Luật Tăng đoàn bảo vệ, không ai dám phạm phải. Ví như ở Campuchia, hễ ai phạm giới Ba La Di, bị tước áo Cà sa và giao cho Chính phủ trị tội, nên chẳng ai dám phạm.

Hiện nay, ở Việt nam cũng như ở Trung Quốc, ai cũng tự có ngôi chùa, tự là Trụ trì, phá giới Ba La Di cũng chẳng ai can thiệp, vẫn là Trụ trì, vẫn thọ nhận sự lễ bái cúng dường của Phật tử, chỉ là sau này đọa địa ngục thôi! Nên chẳng có ai sợ. Do đó giới luật thời nay không có tác dụng.

Người ta thường nói “Thiền sư không chú trọng hình thức bề ngoài, trông bề ngoài thì dường như chẳng giữ gìn giới luật”. Kỳ thật Thiền sư rất chú trọng giới luật, theo tiêu sử ngài Bác Sơn: Ngài là vị Tổ sư về Thiền, Luật song song, làm Tổ của Tông Tào Động, đồng thời làm Tổ cho Luật tông. Thời gần đây có ngài Lai Quả và ngài Hư Vân cũng vậy. Vì người đã ngộ Phật pháp rồi hễ thuyết ra là kinh, hành vi là giới luật, tâm là Thiền, Tổ sư nào cũng thế. Ví như Lục Tổ vốn là người dốt nát không biết chữ, nhưng nói ra cũng thành kinh, hành vi cũng đúng theo giới luật.

Hỏi: *Đặc quả A La Hán có phải kiến tánh không? Có phải đại tử đại hoạt không?*

Đáp: Đặc quả A La Hán chưa phải kiến tánh, có thể nói là phá được Sơ quan. Theo Nguyệt Khê pháp sư thì A La hán và ngoại đạo chưa phá căn bản vô minh, tức vô thi vô minh. Tổ Sư Thiền thì phá được vô thi vô minh mới là kiến tánh, tức là phá thức ám. Vì phá được thức ám tức đã lìa tâm, ý, thức, chẳng còn chấp pháp. A la Hán còn chấp pháp của mình tu là thật, chấp quả của mình chứng là thật, nên bị Phật quở. Vì A La Hán đã phá được nhơn ngã chấp, nên được ra khỏi phần đoạn sanh tử, nhưng còn biến dịch sanh tử chưa hết.

Hỏi: *Tham thiền đến đâu sào trăm thước đã lìa ý thức chưa?*

Đáp: Chưa, còn phải tiến thêm một bước nữa mới rời khỏi ý thức. Ở trên đã nói, ngoại đạo và Tiểu thừa chỉ đến được đầu sào trăm thước, còn thiếu một bước là đến được nguồn gốc của ý thức, lúc đó thanh thanh tịnh tịnh, không có vọng tưởng, như Cõi Trời Vô Tướng, đến chỗ đó đã hết đường đi, tưởng là cứu cánh, tưởng là chứng ngộ, cứ ngồi mãi chỗ đó. Nhưng đó mới chỉ là nguồn gốc của ý thức, chưa lìa ý thức, còn dính líu với ý thức thì căn bản vô minh chưa hết, nên Thiền tông nói là phải từ đầu sào trăm thước tiến thêm một bước mới lìa khỏi ý thức. Giây phút lìa ý thức ấy là kiến tánh. Nếu người không có tham thiền thì chẳng thể nào lìa ý thức được, nếu muốn biết đó là huyền mà lìa thì chẳng bao giờ lìa được.

Hỏi: Có người dẫn lời của Tổ Sư nói “Một niệm mê là chúng sanh, một niệm giác tức Phật”, lại, “Chẳng sợ niệm khởi, chỉ e giác chậm”, cho rằng hễ vọng niệm khởi lên liền giác là Phật, giác liền tục là Phật, còn giác được một lúc thì làm Phật được một lúc, phải không?

Đáp: Ấy cũng như Thiền sư Minh Bồn ở Tịnh xá Quan Âm, sau đổi tên thành Quang Tông thiền sư. Trong tác phẩm "*Giải Thoát Học*", cho rằng không có vọng tưởng, cảm thấy thanh thanh tịnh tịnh, lọt vào vô ký không; hễ lọt vào năm phút là phá sơ quan, lọt vào một tiếng đồng hồ là kiến tánh triệt để! Lậy Thiền bệnh cho là kiến tánh, tự xưng là Thiền sư, tự nêu ra mười mấy chức danh, tự cho là kiến tánh. Nếu là người đã kiến tánh thì đâu phải như thế!

Chẳng sợ niệm khởi, chỉ e giác chậm: Thông thường thì Giác là biết, nếu khởi niệm ác mà giác chậm sẽ đi làm, tạo tội nặng. Theo giới Tiểu thừa (*Thanh Văn*) thì niệm khởi chưa phạm, thân đi làm mới phạm, hễ phạm là bị đọa, nếu kịp thời khởi giác thì ngăn chặn được không phạm, nên nói “Chẳng sợ niệm khởi, chỉ e giác chậm”. Bên Giáo môn không được nghĩ ác, chứ không cảm nghĩ thiện, nhưng về Tổ Sư Thiền, chẳng những không cho suy nghĩ cái ác, thiện cũng chẳng cho. Lai Quả thiền sư nói “Giáo môn thì sanh tử là vọng phải bỏ, Niết Bàn là chơn phải lấy, Thiền môn thì sanh tử Niết Bàn đều phải quét”. Lời của Phật của Tổ chỉ là phương tiện tạm thời để tùy cơ thuyết pháp, nên có kinh liễu nghĩa và bất liễu nghĩa.

Hỏi: Thế thì chẳng thể dùng cái Giác để tu đến kiến tánh?

Đáp: Không phải. Như ở trên nói, Quang Tông thiền sư cũng là Thiền sư. Thiền sư Đồi xưa có người kiến tánh có người chưa kiến tánh, cũng có khi tùy trường hợp tùy căn cơ mà nói. Như kinh Duy Ma Cật nói “Kinh có liễu nghĩa có bất liễu nghĩa”, kinh bất liễu nghĩa cũng do Phật thuyết. Nếu y theo đó mà căn cứ thì chẳng được, nên phải y kinh liễu nghĩa chứ đừng y kinh bất liễu nghĩa.

Dù có y kinh liễu nghĩa cũng chẳng thể chấp thật, phải y cái ý của Phật chứ chẳng được y theo lời Phật, vì chấp lời là nghịch ý. Cho nên, trong kinh Kim Cang, Phật nhắc đi nhắc lại nhiều lần câu “Chẳng có Phật pháp gọi là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”, “Chẳng có thật pháp Như Lai chứng được”. “Nếu ta chứng được thật pháp A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, thì Phật Nhiên Đăng không thọ ký ta thành Phật, hiệu Thích Ca Mâu Ni”, là vì sợ chúng sanh chấp lời của Phật, hễ chấp lời là nghịch ý, vì lời nói là phải theo ngôn ngữ của thế gian (*thế lưu bố tướng*), nếu ở nơi thế lưu bố tướng sanh ra trước tướng, ấy là oan cho Phật, nên gọi “Y văn giải nghĩa, tam thế Phật oan”.

Kinh Kim Cang rõ ràng là do Phật sở thuyết, nhưng trong kinh Phật lại nói “Nếu có người nói Ta có thuyết pháp ấy là phi báng Phật”, Lời của Phật còn chấp không được, huống là lời của người khác!

Nay những sách Thiên lưu hành ở ngoài đều là tự lấy ý mình để giải thích thoai đầu và công án, nghịch với ý của Tổ sư. Ý của Tổ là muốn chúng ta nghi, muốn chúng ta ngộ, vì khi nghe được lời của Tổ sư, hễ ngộ thì ngộ ngay lúc đó, nếu không thì phải phát nghi, nghi rồi sau đó mới được ngộ. Nên Tổ sư không cho chúng ta hiểu, hễ hiểu rồi là hết nghi. Hiện nay những vị tự xưng Thiên sư cứ giải thích công án khiến người hết nghi, lấp bít cửa ngộ của người tham thiền. Theo kinh Phật nói là người ấy có tội.

Hỏi: Kính bạch Sư Phụ, ở trong nhà lửa thì làm sao lấy kiến giải phá kiến giải?

Đáp: Trong kinh Pháp Hoa có thí dụ nhà lửa, trẻ con ham chơi dụ cho chúng sanh; nhà đang bốc cháy nhưng trẻ con chẳng hay biết, chỉ một mục ham chơi, chẳng tin lời Phật bảo “Nhà đang cháy, rất nguy hiểm, hãy mau chạy ra, có thể bị thiêu đốt!” Nên Phật phải dùng phương tiện để dụ dỗ rằng “Ngoài cửa có đủ thứ xe, xe dê, xe nai, xe trâu, hãy ra đây cho mỗi người một chiếc”. Trẻ con nghe nói được đồ chơi đều mừng rỡ chạy ra, khi chạy ra rồi Phật cho mỗi người một chiếc xe lớn, ấy là Đại thừa. Lời Phật nói gạt ấy là phương tiện chứ chẳng phải vọng ngữ, nên chẳng có tam thừa nói thành tam thừa, chỉ để gạt chúng sanh ra khỏi nhà lửa thôi.

- Còn kinh Pháp Bảo Đàn là kinh của Tổ Sư Thiên, về bài kệ do Pháp Đạt làm, nhiều người hiểu sai nên dịch sai, đây là bài kệ phá cái nhà lửa đó. Pháp Đạt tụng kinh Pháp Hoa trong chín-mười năm, được ba ngàn bộ, tưởng là công đức lớn lao, thật ra bị Pháp Hoa chuyển mà chẳng chuyển được Pháp Hoa, sau khi được Lục Tổ khiến khai ngộ rồi, hoan hỉ tán thán rằng:

Kinh tụng tam thiên bộ,
Tào Khê nhất cú vong.
Vị minh xuất thế chỉ,
Ninh hiết lụy sanh cuồng.
Dương lộc ngư quyền thiết,
Sơ trung hậu thiện dương.
Thùy tri hòa trạch nội,
Nguyên thị pháp trung vương.

Dịch nghĩa:

Tụng Kinh ba ngàn bộ,
Bị Tổ một lời tiêu.
Chưa thấu đạo xuất thế,
Sao dứt lụy kiếp mê.
Dê, nai, trâu giả thiết (dê, nai, trâu = tiêu, trung, đại thừa),
Ba đoạn thiện quét sạch.
Ai ngờ trong nhà lửa,
Vốn là tự tánh Phật.

Kỳ thật, xe dê, xe nai, xe trâu đều là phương tiện tạm thời, bắt đắc dĩ đặt ra,

Sơ, trung hậu thiện dương: nhiều người dịch sai cho là "Sơ, trung hậu khéo hoằng dương", đây là nghĩa ba câu: Sơ thiện, trung thiện, hậu thiện đều quét sạch. Ai ngờ

trong nhà lửa chẳng phải nhà lửa, vốn là pháp trung vương. Khởi căn ra nhà lửa, trong nhà lửa là Phật, Tự tánh Phật ở trong đó!

Hỏi: Xin Sư giảng lại câu “sơ, trung, hậu thiện dương”?

Đáp: Nguyên văn hai câu ấy là: “Dương, lộc, ngư quyên thiết, sơ, trung, hậu thiện dương”, tức sơ thiện, trung thiện, hậu thiện đều quét sạch. Theo ngài Bá Trượng nói lúc đầu thì khuyên người ta làm thiện (*chấp có cái thiện thật*), câu thứ hai là “thiện tức phi thiện”, đừng chấp cái thiện nữa, câu thứ ba là “Thị danh thiện”. Quét câu thứ nhất, câu thứ nhì và quét luôn cả câu thứ ba, tâm không chấp thật cũng quét luôn mới là hậu thiện; luôn cả hậu thiện cũng quét sạch, đến chỗ này mới lia được tâm ý thức, mới được kiến tánh. Hễ còn “hậu thiện” tức còn nằm trong ý thức, chưa lia ý thức. Lia được ý thức mới là ngộ, ngộ rồi mới biết ở trong nhà lửa vốn là Pháp vương, Tự tánh Phật vốn sẵn đủ, chẳng cần tìm kiếm bên ngoài.

Hỏi: Trong Pháp Bảo Đàn Kinh có câu “Tâm bình hà lao trì giới, hạnh trực hà dụng tham thiền” như thế nào?

Đáp: Hai câu này nhiều người cũng lấy làm cớ để khởi căn tu, ấy là sai. Tâm bình, hạnh trực đâu phải người nào cũng làm được! Như ngài Hư Vân hỏi “Tâm ông đã bình chưa? Gặp cô gái đẹp tâm ông có bị động không? Nếu Tâm ông còn động, chưa được bình thì không được nói câu này!”

Tâm bình khởi căn trì giới: câu này là nói sau khi kiến tánh, tập khí đã dứt sạch rồi mới được. Chứ chẳng phải là “Tâm bình thường là đạo” mà người ta cho rằng cái tâm thể gian bình thường, chẳng làm ác là đạo, ấy là hiểu sai. “Bình thường tâm” là cái dụng automatic của Tự tánh Bát nhã, không được lọt vào tương đối, hễ có dính mắc chút xíu cũng chẳng phải là bình thường tâm. Chúng ta đâu dễ đạt đến cảnh giới đó!

Theo hai câu này, chẳng những đã kiến tánh mà đã qua sự bảo nhiệm, là tập khí đã hết nên tâm mới được bình thường. Còn tâm bình thường chẳng làm ác ấy là tâm bình thường của thế gian, cũng như trí huệ của thế gian, nhà Phật cho là ngu si, còn tâm bình thường của thế gian đối với nhà Phật thì có thể là thô bạo.

- Đối với hai chữ Hạnh Trực, tâm được bình thì hạnh trực, bây giờ có gặp được một người nào là hạnh trực không? Chưa có. Chính tôi cũng hạnh chưa trực.

Hỏi: Thế nào là tông chỉ của Tịnh Độ?

Đáp: Tông chỉ của Tịnh Độ là: Tín, Nguyện, Hành

* Tín: Có ba thứ tin.

1- Tin lời Phật Thích Ca chẳng dối gạt người.

2- Tin Cõi Cực lạc không già không bệnh, không chết, muốn gì được nấy.

3- Tin mình kiếp này sẽ được vãng sanh, chẳng cần đợi kiếp sau.

* Nguyện: Có hai thứ nguyện.

- Tiểu nguyện: Hễ phát tiểu nguyện thì không hợp nhân quả, chẳng được vãng sanh. Tại sao? Vì tiểu nguyện chỉ phát nguyện cho một mình được vãng sanh, nếu không trở lại đầu thai thì làm sao có quả báo? Bây giờ chẳng nói về kiếp trước, chỉ nói kiếp này: Từ nhỏ tới lớn có sát sanh không? Có giết chết con muỗi con kiến không? Có ăn thịt chúng sanh không? Theo nhân quả là một mạng phải đền một mạng, ăn một cục thịt trả một cục thịt, thế thì làm sao trả nợ mạng, nợ thịt? Nên phải phát đại nguyện.

- Đại nguyện: Ví như mình hiện nay không có tiền mặt để trả nợ, ký phiếu hẹn đến kỳ sau. Sau này được sanh Cõi Cực lạc rồi, thành Phật trở về độ hết tất cả chúng sanh. Ngoài phát nguyện như thế, còn phải thực hành.

* HÀNH: Cần nhất là phải hành theo đại nguyện của mình, nếu không thực hành là nguyện giả, cũng như người tu Tịnh Độ mà không ăn chay là nguyện giả. Tại sao? Vì đã phát nguyện độ chúng sanh, còn ăn thịt chúng sanh, chẳng phải nguyện giả ư? Như câu hỏi hướng trong kinh Di Đà “Thập phương tam thế Phật, A Di Đà đệ nhất, phàm hữu chư phước thiện, chí tâm cùng hồi hướng”, tức làm bất cứ việc phước thiện gì đều hồi hướng cho tất cả chúng sanh, trong đó có chủ nợ của mình. Bất cứ con người hay súc sinh; gặp con chó cũng phải phát tâm độ, mặc dù con chó không biết nghe mình nhưng cũng nói, gặp con mèo thì độ con mèo. Thử hỏi hiện nay có ai làm như vậy không? Có người phát tâm tu Tịnh Độ đã hơn ba mươi năm, cũng có phát đại nguyện, nhưng hỏi về phần thực hành thì không có.

Hỏi: Ban ngày nghe giảng pháp, tối nằm chiêm bao cũng nghe giảng pháp, vậy là đồng thời ý thức biến hiện hay độc đầu ý thức biến hiện?

Đáp: Tối ngủ nghe giảng là cái bóng, trong Phật học gọi là "Độc ảnh cảnh" và "Đới chất cảnh". Ví như chúng ta ngồi cạnh người ngủ đang chiêm bao mà không nghe được tiếng nói của người trong chiêm bao, vì ấy chỉ là cái bóng của tiếng chứ chẳng phải thật sự có tiếng, nên gọi là độc ảnh cảnh. Như nay tôi nói, mọi người đều nghe được, ấy là có cái chất của tiếng, nên gọi đới-chất-cảnh. Kỳ thật, đới chất cảnh hay độc ảnh cảnh đều là duy tâm tạo, ban ngày hay ban đêm tham thiền, lúc thức lúc ngủ tham thiền đều là một. Lại, nếu ở trong chiêm bao tham thiền được ấy là tiến bộ. Nhắm mắt cũng là chiêm bao, mở mắt cũng là chiêm bao, ở trong Tự tánh vốn chẳng có hai, do phương tiện diễn đạt mới nói thành có hai.

Hỏi: Tại sao mặc chiếu lại là tà thiên?

Đáp: Vì mặc chiếu là trụ tâm ở một nơi. Kinh Kim Cang nói “vô sở trụ”, kinh Pháp Bảo Đàn nói “lấy vô trụ làm gốc”, Thiền tông đâu cho trụ tâm ở một nơi? Ấy là nghịch với ý của Tổ, hề trụ tâm ở một nơi thì chẳng phải tà thiên là cái gì? Tại sao Phật với Tổ dạy chúng ta vô sở trụ? Ví như bàn tay của mình vốn hoạt bát vạn năng, làm gì cũng được, hề có trụ ở nơi nào thì tánh hoạt bát của tay bị đánh mất, nên Phật và Tổ dạy mình phải quét, khôi phục lại tánh hoạt bát của tay. Vật chất là sự có, nay không chấp có mà lại trụ ở nơi không (*nắm tay*), cũng đánh mất sự hoạt bát vạn năng, nên cái Không cũng phải quét. Do đó phải lấy vô trụ làm gốc vậy.

Hỏi: Chỗ ngộ của Như Lai Thiên và Tổ sư thiên cao thấp ra sao?

Đáp: Chỗ ngộ của Như lai Thiên có giai cấp, tất cả Giáo môn đều thuộc Như Lai Thiên, phải qua giai cấp. Giáo môn ở Trung Quốc có bốn tông: Thiên Thai, Hiền Thủ, Duy Thức, Tam Luận. Thiên quán của tông Thiên thai là Chi Quán Thiên, tông Hiền Thủ là Pháp Giới Quán Thiên, tông Duy Thức là Tứ Tâm Tư Quán Thiên, tông Tam Luận là Tánh Không Quán Thiên. Thiên quán tướng thì có giai cấp, như trong kinh Lăng Nghiêm kể là có năm mươi bảy cấp là: Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác, Diệu giác, Càn huệ địa và Tứ gia hạnh. Còn Tổ sư thiên thì chẳng có giai cấp; từ địa vị phàm phu trực chứng quả Phật, không cần trải qua giai cấp.

Hỏi: Ý nghĩa của Qui y Tam Bảo như thế nào?

Đáp: Khi qui y Tam Bảo, Phật bảo chúng ta phải phát Tứ hoằng thệ nguyện:

Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ,

Phiền não vô tận thế nguyện đoạn,
Pháp môn vô lượng thế nguyện học,
Phật Đạo vô thượng thế nguyện thành.

Thông thường, người thế gian chẳng biết, cứ theo thói quen gọi “Phật”, tưởng là một vị thần linh, nói Phật sẽ gia hộ cho mình, bảo vệ mình, ấy là sai lầm. Phải biết tất cả chúng sanh đều có tư cách thành Phật, chữ Phật là giác ngộ, người nào giác ngộ thì người ấy có tư cách thành Phật. Phật là tánh của mình, là tâm của mình, nên nói “Ngoài tâm chẳng có Phật, ngoài tâm chẳng có pháp”. Thời nay nhiều người qui y Tam Bảo mấy mươi năm, còn chưa biết Tam Bảo là gì, chỉ biết rằng nhờ Phật sẽ phù hộ cho mình, mà chẳng biết Phật chỉ dạy mình cách tu, chính mình phải tự mình đạt đến, tự mình phù hộ cho mình. Nếu như Phật đại từ đại bi phù hộ cho chúng ta thì chúng ta khỏi cần tu hành rồi, Phật còn dạy chi cách tu hành!

- Xưa kia có người hỏi Phật: Ngài có phải Thượng đế chăng?

- Đáp: Không phải.

- Ngài có phải một vị thần chăng?

- Không phải.

- Ngài có phải là một đấng có oai quyền chăng?

- Không phải.

- Thế Ngài là ai?

- Ta là người giác ngộ (*Phật Đà*).

Phật là tiếng Ấn Độ, dịch là người giác ngộ.

Tại sao phải giác ngộ? Nếu không giác ngộ thì chẳng thể giải thoát. Tại sao? Nói “giải thoát” là phải đạt đến tự do tự tại, muốn tự tại thì phải làm chủ cho mình, muốn làm chủ cho mình phải biết mình là cái gì? Nay tất cả chúng sanh đều chẳng biết mình là cái gì, ở trong mịt mù đen tối, do mắt thấy tai nghe nên chỉ biết ở ngoài, còn mình là cái gì thì chẳng biết; chẳng biết sanh từ đâu đến, chết đi về đâu? Hễ không được tự do thì không muốn già vẫn phải già, không muốn chết vẫn phải chết, không muốn bệnh vẫn phải bệnh, sanh tử không được tự do. Nếu ngộ được chính mình tức là Phật, tự do tự tại, vĩnh viễn dứt hết tất cả khổ. Nếu còn một chút khổ chưa dứt cũng chẳng tự tại vậy.

Cho nên, Phật pháp rất tích cực, hễ giác ngộ đến cùng tốt là vĩnh viễn đạt đến tự do tự tại, khổ chẳng bao giờ trở lại, chẳng phải kiếp này chẳng phải kiếp sau, chẳng phải mười kiếp, trăm kiếp, cho dù muôn triệu ngàn kiếp cũng không màng. Tại sao? Nói tự do tự tại là không bị thời gian, không gian, số lượng hạn chế, nếu muôn triệu ngàn kiếp sau khổ còn trở lại tức chẳng tự do tự tại.

Hỏi: Có phải sau khi ngài Vĩnh Gia Huyền Giác ngộ đạo rồi, phải nhờ Lục Tổ ẩn chứng mới ra hồng pháp?

Đáp: Đúng. Thời nay có nhiều người tự làm tài khôn, tưởng mình đã chứng ngộ triệt để, hoặc cho sự giải ngộ là chứng ngộ, thấy cảnh giới này cảnh giới kia cũng cho là ngộ, thấy thanh thanh tịnh tịnh cũng cho là ngộ, nên phải nhờ thiện tri thức ẩn chứng. Nhưng trong kinh Pháp Bảo Đàn nói “Hễ nói nhất định phải nhờ thiện tri thức ẩn chứng cũng không đúng, là những người tăng thượng mạn mới cần thiện tri thức ẩn

chứng, còn những người không phải là tăng thượng mạn, nếu thực hành đúng pháp vô sở đắc thì không cần ai ấn chứng cũng được".

Như tôi thường thí dụ: Từ Chợ Lớn đến Sai Gòn là một trăm bước, chúng ta tham thiền khởi nghi tình là đi, nếu đi được một bước còn chín mươi chín, đi được hai bước còn chín mươi tám, ba bước còn chín mươi bảy. Có đi thì phải đến. Nên Lai Quả thiền sư trong Thiền Thất Khai Thị Lục nói "Nếu công phu thành khối rồi không cần ngộ cũng được", vì khi công phu thành khối, chẳng giây phút gián đoạn thì chẳng có tướng, vô tướng thì Diêm La Vương chẳng thấy, không thể sai quỷ sứ đến bắt. Nhưng đã đến Sài Gòn rồi, nói mình chưa đến cũng không được, và cũng không cần khoe với người khác rằng "Tôi đã đến Sài Gòn rồi", ấy là những người tăng thượng mạn vậy.

Hỏi: Tại sao nói "Bồ Tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả"?

Đáp: Bất cứ pháp thế gian hay xuất thế gian đều có nhân quả, nhưng nhân quả là do tâm tạo; tâm khởi một niệm thiện thì có thiện quả, tâm khởi một niệm ác chiêu cảm ác quả, khởi niệm chẳng thiện chẳng ác thì tạo cái nhân vô ký, có nhân ắt có quả.

Người đời thường nói "Bồ Tát sợ nhân, phàm phu sợ quả", Vì Bồ Tát không tạo nhân nên chẳng có quả, phàm phu tạo nhân rồi lại sợ quả nhưng cũng không tránh khỏi. Bồ Tát chẳng những không tạo ác nhân, thiện nhân cũng chẳng tạo. Chẳng phải là không làm thiện, nhưng làm thiện mà chẳng khởi tâm cho đó là thiện. Bởi tâm không tạo nên chẳng có thiện nhân; hễ có thiện nhân thì được thọ hưởng phước báo, nhưng Bồ tát thì không màng. Nên Lục Tổ nói "Chẳng nghĩ thiện chẳng nghĩ ác" là vậy.

Thế thì chúng ta muốn làm như thế có được không? Không được. Vậy phải làm sao? Nên Phật dạy chúng ta tám mươi bốn ngàn pháp môn để tu, tu theo pháp môn thì lúc đầu làm không được, nhưng làm mãi cũng sẽ được. Tám mươi bốn ngàn pháp môn qui nạp lại thành bốn đại loại: Tham thiền, niệm Phật, trì chú, quán tưởng. Tham thiền là chỉ Tổ Sư Thiền, niệm Phật là theo pháp môn Tịnh Độ, trì chú là Mật tông, quán tưởng thuộc Giáo môn, như Tông Thiên thai, Hiền thủ v.v. mỗi tông đều có pháp quán tưởng riêng biệt, hễ thích hợp với tông phái nào thì tu đúng theo tông chỉ tông phái đó.

Tôi là chuyên hoằng Tổ Sư Thiền, chỉ biết dạy người tham Tổ Sư Thiền. Nếu biết ôm chặt câu thoại đầu mà tham, chẳng nghĩ đến việc khác, chỉ có nghi tình thì không tạo nhân, vì nghi tình chẳng biết gì cả, chẳng những niệm ác không khởi lên được, kể cả niệm thiện cũng chẳng khởi, đã không tạo nhân thì quả từ đâu đến? Cách tu hành trên chẳng phải do tôi đặt ra mà là do Tổ sư thiền tông đặt ra, cũng có người hỏi tôi về vấn đề truyền thừa, xưa kia là Tổ Tổ tương truyền, tức trò đã kiến tánh thì thầy chứng minh cho, gọi là truyền tâm ấn. Sau này sự kiến tánh bị gián đoạn, nói chữ "Truyền" chỉ là truyền cách tham Thoại đầu, công án đúng theo Tổ sư dạy. Hễ người nào siêng năng thì được kiến tánh, người nào lười thôi, làm biếng thì chẳng được kiến tánh; như đi mau thì mau đến, đi chậm thì chậm đến. Nếu đề khởi nghi tình ngày đêm không dứt thì nhân chẳng thể khởi lên, tất nhiên cũng chẳng có quả, chứ khởi cần khởi niệm muốn quét nhân quả, tự nhiên nhân quả chẳng có. Do đó, có ba cách trì giới:

- Cách thứ nhất: Bình thường cứ mỗi nửa tháng bố tát tụng giới một lần.
- Cách thứ nhì: Thiền Giới, tức nghi tình hai mươi bốn giờ không gián đoạn, không kể hở, niệm thiện niệm ác chẳng thể khởi lên, mặc dù không để ý trì giới cũng đã trì giới rồi, nên gọi là Thiền giới.
- Cách thứ ba: Cao hơn, đã chứng quả rồi dĩ nhiên không trì không phạm.

Nay muốn không lọt vào nhân quả, hãy thực hành theo cách dạy của Tổ Sư.

Hỏi: Nếu chẳng có một nhân lành nào thì làm sao Phật thọ ký?

Đáp: Ý ông muốn nói là thọ ký rồi mới tu hành, phải không? Nếu chúng sanh đòi hỏi phải thọ ký rồi mới tu hành thì làm sao còn ai tu hành? Và lại, nói “Thọ ký” chỉ là phương tiện của Phật, như ở trong kinh Pháp Hoa, Đề Bà Đạt Đa là người luôn có ý đồ giết hại Phật mà Phật vẫn thọ ký! Thông thường thì con người sau khi chết mới xuống địa ngục, còn Đề Bà Đạt Đa là đang còn sống mà đọa địa ngục, ấy là tội nặng biết bao! Nhưng Đức Phật vẫn thọ ký sau này sẽ thành Phật.

Thử hỏi ông có tạo tội gì nặng hơn Đề Bà Đạt Đa không? Đề Bà Đạt Đa còn được thọ ký thì sao ông lại không được chứ? Tất nhiên là được rồi! Nhưng thời nay thì không còn Phật Thích Ca để thọ ký, vậy chẳng biết tìm Phật nào thọ ký đây?

Hỏi: Ý của con là sự thọ ký do hành trì các pháp Ba La Mật của chư Phật từ vô lượng kiếp đến nay, công hành đầy đủ thành tựu mới được thọ ký?

Đáp: Sáu pháp Ba La Mật là hạnh Bồ Tát, bậc Thanh Văn không hành theo pháp đó mà Phật vẫn thọ ký, như trong kinh Pháp Hoa nói “Những bậc Thanh Văn đều được thọ ký”, chứ chẳng phải hành theo sáu Ba La Mật mới được thọ ký như ông vừa nói. Sự hiểu biết của ông còn cạn cợt, nhưng lại chấp vào sự hiểu biết đó.

Hỏi: Ấy là bởi căn lành của mỗi người mỗi khác, nếu không thì làm sao tất cả căn lành đều đi đến chỗ Phật đã dạy? Nếu chẳng phải do căn lành vô lượng vô biên thì làm sao chỉ nhờ một công án mà thành Phật được?

Đáp: Nay chỉ nói về kiếp trước: Kiếp trước ông có căn lành gì nay ông có biết không? Tự mình còn chưa biết! Đừng nói kiếp trước, hãy nói đến kiếp này: Khi ông lên năm tuổi, ông có nhớ những gì từ một đến bốn tuổi không? Hãy nghe tôi kể qua một câu chuyện:

- Vào thời Phật, có một ông tên Tô Đạt rất nghèo, đi xin ăn cũng có bữa được bữa không, nghe nói Đức Phật đến thành phố thuyết pháp, tự nghĩ “Chắc là kiếp trước không có tu hành nên kiếp này mới phải chịu khổ như thế”, bèn đến nơi Phật cầu xin xuất gia. Khi đến Tịnh xá thì Phật đã đi khỏi, hàng đệ tử của Phật là bậc A La Hán, thần thông của A la Hán có thể biết được tám muôn kiếp trước và tám muôn kiếp sau, thấy ông Tô Đạt này từ tám muôn kiếp đến nay chưa hề gieo trồng thiện căn, Phật chẳng thể độ người không duyên, nên đuổi ông ấy ra về.

Đọc đường, Tô Đạt cảm thấy rất buồn, tự nghĩ "Hắn là mình trong quá khứ kiếp không gieo trồng thiện căn, nên xin xuất gia cũng không được", đi đến bức tường bèn nảy ý đâm đầu vào tường tự tử. Trong lúc sắp đập đầu vào tường, gặp Phật Thích Ca đi qua cản lại, hỏi rõ nguyên do rồi dẫn về tịnh xá cho xuống tóc xuất gia, tu chẳng bao lâu chứng quả A la Hán. Những đệ tử của Phật như ngài Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên rất thắc mắc "Sao ông ấy tám muôn kiếp chưa hề gieo trồng thiện căn vẫn được chứng quả? Thế thì Phật thường dạy rằng “không thể độ người chẳng có nhân duyên” ấy là vọng ngữ ư?

Một hôm hỏi Phật, Phật bảo “Các người chỉ biết được nhân duyên của tám muôn kiếp mà chẳng biết được những gì ngoài tám muôn kiếp. Người này đã gieo trồng thiện căn từ vô lượng kiếp trước; khi ấy gia đình cũng rất nghèo, làm nghề đôn củi. Một hôm lên núi đôn củi gặp cọp, hoảng sợ trèo lên cây, con cọp bèn dùng răng cạp cắn gốc cây, trong lúc kinh sợ, sực nhớ rằng người ta thường bảo hãy gặp nguy thì niệm câu “Nam Mô Phật”, có thể tránh được tai nạn. Y bèn niệm theo, được một hồi lâu, ngó xuống đất con cọp biến mất lúc nào chẳng hay, mừng rỡ trèo xuống về nhà. Mặc dù

trong lúc đó chỉ niệm Phật được một vài tiếng, thiện căn ít ỏi, nhưng trải qua nhiều kiếp, nay nhân duyên chín mùi rồi mới có thể gặp Phật xuất gia chứng quả.

Bậc A La Hán đã chứng quả, đã xuất luân hồi còn chưa thể biết hết được, ông làm sao mà biết được ư? Vả lại, thời gian niệm Phật của ông chắc là nhiều hơn ông Tô Đạt rồi, thiện căn chắc sẽ sâu hơn, tại sao còn chẳng chịu tin mà đi hỏi người khác?

Hỏi: Thế nào là ngũ căn, ngũ thức và bát thức?

Đáp: Ở trong Duy thức gồm có bát thức: Năm căn trước gọi là tiền ngũ thức, thức thứ sáu là ý thức, thức thứ bảy là Mạt na thức, thức thứ tám là A Lại Da thức cũng gọi là Tạng thức. Nhưng tám cái thức chẳng phải có tám người, chỉ là tác dụng có tám. Lục thức trước người ta hiểu nhiều hơn, còn thức thứ bảy và tám thì ít người biết. Thức thứ bảy là cái thức ngày đêm chấp ngã, ngoài ra còn có tác dụng truyền tông, giao cho thức thứ sáu lãnh đạo năm thức trước làm mọi việc, tạo đủ thứ nghiệp nhân, rồi thức thứ bảy truyền vào tạng thức (*thức thứ tám*), khi chúng tử trong thức thứ tám đủ nhân duyên vận hành rồi, cũng sẽ do thức thứ bảy truyền cho thức thứ sáu để lãnh đạo năm thức kia thi hành.

Khi con người ngủ nghỉ rồi, năm thức trước ngưng hoạt động, còn thức thứ sáu từ vô thì đến nay ngày đêm hoạt động chẳng ngừng. Bởi năm thức trước là dưới sự lãnh đạo của thức thứ sáu, tạo thiện tạo ác đều do thức thứ sáu, nên Lai Quả thiên sư nói “Khi cây đèn đẹp bỏ rồi thì chẳng ai lãnh đạo hoạt động, không ngưng cũng tự ngưng”.

Trước kia tôi đã giảng về Tâm Kinh “vô lão tử diệt vô lão tử tận”, không có già không có chết; có già có chết tức có sanh tử, có luân hồi. Nếu thật có sanh tử luân hồi thì sanh tử luân hồi hết là tận, tức lão tử tận, trong Kinh nói chẳng thật có sanh tử luân hồi thì làm sao có sanh tử luân hồi để hết? Thế thì tại sao nay chúng ta thấy có sanh tử luân hồi, thấy có già có chết? Như nay tôi cũng già rồi, sau này cũng phải chết vậy! Tại sao nói không có sanh tử? Sở dĩ thấy có sanh tử là do cảm giác sai lầm, do bệnh chấp thật của mình mới sanh ra. Cảm giác sai lầm này do thức thứ sáu ngày đêm hoạt động, tự nhiên phải thấy sanh tử luân hồi mãi.

Theo Giáo môn, khi ban đêm thức thứ sáu hoạt động một mình, Phật học gọi là “Độc đầu ý thức biến hiện cảnh chiêm bao”. Trong cảnh giới chiêm bao có người quen cũng có người lạ, tất cả thế giới chiêm bao, sơn hà đại địa, nhà lầu xe hơi, luôn cả cái thân đều do thức thứ sáu biến hiện, đều do vọng tâm này biến hiện, trong Kinh gọi là “Nhất thiết duy tâm tạo”. Nay chúng ta không có ngủ, tiền ngũ thức hoạt động như thường, Phật học gọi là “Đồng thời ý thức biến hiện, tức tiền ngũ thức và thức thứ sáu đồng thời biến hiện hiện tượng thế giới này”.

Theo Thiên tông thì độc đầu ý thức biến hiện nhắm mắt chiêm bao, với đồng thời ý thức biến hiện mở mắt chiêm bao đều là chiêm bao, kinh Hoa Nghiêm nói “Nhất thiết duy tâm tạo”, nhắm mắt chiêm bao là duy tâm tạo, mở mắt chiêm bao cũng là duy tâm tạo, chẳng có khác nhau, chỉ khác ở chỗ là do độc đầu ý thức hay do đồng thời ý thức biến hiện mà thôi.

Thiên tông và Giáo môn khác nhau ở chỗ “Thiên tông không cần nghĩa giải mà cần sự kiến tánh, còn Giáo môn thì cần có nghĩa giải, về phần kiến tánh thì từ từ cũng được, ấy là sự khác biệt vậy”.

Hỏi: Qui cũ của Thiên đường như thế nào?

Đáp: Trong “*Thiên Thập Khai Thị Lục*” của Lai Quả thiên sư có kể về qui cũ của Thiên đường: Bình thường thì gõ bảng hai lần cho đi tiêu tiểu, ngoài ra đóng cửa suốt; khi muốn ra ngoài thì phải xin phép Duy Na, Duy Na đánh sáu hương bảng rồi cho

mở cửa đi ra. Lúc đã thất thì không cho xin phép, kể cả bệnh và tiểu tiện cũng không được, chẳng thà đi trong quần, đi trong chiếu nệm thì được chứ mở cửa thì không được. Bình thường đã thất có người tuân hương, gặp người nói chuyện, cười giỡn hoặc quay đầu một cái là hương bãng đánh xuống liền, ấy là đối với người xuất gia. Vì người xuất gia thọ nhận sự cúng dường của thí chủ mười phương, có bổn phận tu thành Phật để độ chúng sanh, nên qui củ rất nghiêm khắc.

Nay Thiên đường ở đây không phải chính quy, người tham dự đa số là cư sĩ tại gia, nên qui củ có phần nới rộng, ra vào tự do. Qui củ của Lai Quả thiên sư nói là không thể áp dụng và thực hành ở đây rồi, nhưng ít nhiều cũng không được nói chuyện trong Thiên đường, không được nói chuyện, cười giỡn khi ra ngoài vệ sinh. Thiên thất kỳ này, Hòa thượng Trụ trì chính thức cho ra qui củ bằng hai thứ tiếng Việt và Hoa, hễ ai phạm phải, dù không đánh hương bãng, nhưng sẽ không cho tham dự Thiên thất nữa.

Lai Quả thiên sư ví dụ Thiên đường như một bệnh viện lớn, mục đích của mọi người đến đây đều muốn giải thoát bệnh lớn sanh tử, mà bệnh sanh tử không trị thì không bao giờ khỏi được. Nếu ai nói mình không có bệnh đâu cần đến bệnh viện? Cho nên hễ ai không có ý tu hành thì sẽ không đến.

Hỏi: Kinh nói “Vạn pháp do nhân duyên sanh”, tất nhiên vũ trụ cũng do nhân duyên sanh, ắt có chỗ bắt đầu và đoạn diệt, có thì có chung. Nhưng tại sao Kinh lại nói “Vô thì vô chung”?

Đáp: Phật pháp nói “Tất cả duy tâm tạo”, hễ duy tâm tạo là có đối đãi, có nhân duyên. Phải biết phàm là nhân duyên, duy tâm tạo thì chẳng phải thật, nên trong kinh Lăng Nghiêm nói “Phi nhân duyên, phi tự nhiên”. Theo lẽ thường tình của người thế gian, nếu chẳng phải nhân duyên thì phải là tự nhiên, chẳng phải tự nhiên thì phải là nhân duyên, nhưng sự thật thì hai cái đều không đúng, đều không đủ lý do. Cũng như tôi thường lấy “con gà và trứng gà” làm thí dụ: Con gà và trứng gà đều là nhân duyên; con gà phải nhờ có trứng gà mới sanh ra, ấy là nhân duyên; trứng gà phải nhờ con gà mới được ấp ra, ấy cũng là nhân duyên, thế thì cái nào là nhân duyên ban đầu? Con gà hay trứng gà? Nếu không được thì phải là tự nhiên, tức tự nhiên có trứng gà, vậy có được không? Mọi người đều biết con gà phải do trứng gà ấp ra, trứng gà phải do con gà sanh ra. Nên Phật nói “Phi nhân duyên, phi tự nhiên”, cả hai đều do chấp tâm của mình mà có, tức con gà cũng là duy tâm tạo, trứng gà cũng là duy tâm tạo. Tất cả vũ trụ vạn vật đều là duy tâm tạo, nếu có một pháp nào chẳng phải duy tâm tạo thì lời Phật là vọng ngữ!

Tâm tạo thì chẳng thật, nên tất cả Đại thừa liễu nghĩa đều phá chấp thật. Nếu nói là nhân duyên thì phải có sự bắt đầu, vì nhân duyên chẳng phải thật nên không có sự bắt đầu, gọi là “vô thì”. Phải biết vũ trụ vạn vật kiến lập từ chỗ nào? Ví như muốn cất một căn nhà, trước tiên phải có sườn nhà, thế thì vũ trụ vạn vật lấy gì làm cái sườn? Là lấy “không gian, thời gian, số lượng”, ba thứ để làm khung sườn, hễ rút ra ba thứ trên thì vũ trụ vạn vật liền tiêu. Nhưng ba thứ này là gì? Không gian, thời gian, số lượng chỉ là ba khái niệm ở trong vọng tâm của mình, đều không có bản thể. Do ba khái niệm này kiến lập vũ trụ vạn vật, cũng chính ba khái niệm này là hư vô, không bản thể.

Như tôi thường thí dụ, chúng ta đang ở trong mở mắt chiêm bao, hiện thực thế giới này vốn là hư vô, như ở trong thế giới của nhắm mắt chiêm bao. Vốn là hư vọng, nên nói là nhân duyên cũng không đúng, nói là tự nhiên cũng không đúng, cho nên Phật nói “vô thì”, bởi thời gian không có bắt đầu thì tất cả đều không có bắt đầu. Nếu nói thời gian có bắt đầu thì trước khi sự bắt đầu của thời gian có thời gian không? Lý lẽ này chính các nhà khoa học cũng chẳng thể giải thích vậy.

Hỏi: Trồng bí được bí, trồng đậu được đậu, đã gieo trồng thiện nhân thì sau này ắt được phước quả. Nhưng người tham thiền chẳng gieo trồng phước nhân gì thì làm sao gặt được phước quả?

Đáp: Tại bệnh chấp thật của ông còn nặng nên có câu hỏi này. Như kinh Pháp Hoa nói “Như thị nhân như thị quả”, nhân hữu vi được quả hữu vi, phước báo thế gian thuộc về nhân quả hữu vi, còn tham thiền không biết gì cả thuộc nhân vô vi, nhân vô vi ắt được quả vô vi. Quả vô vi là thành Phật, thân thông biến hóa, tự do tự tại, không bao giờ hưởng hết, chớ có sợ là không có phước báo!

Về phước báo của thế gian, sự giàu sang phú quý, hưởng rồi sẽ hết, biết đâu trong khi hưởng phước báo giàu sang ấy có thể tạo ác nghiệp nặng hơn, kiếp sau sẽ thọ nhận ác báo nhiều hơn. Nên có được phước quả đồng thời cũng tạo lên khổ quả, do đó phải biết tạo nhân vô vi mới là vững chắc.

Hỏi: “Thị pháp trụ pháp vị, thế gian tướng thường trụ”, có đồng nghĩa với câu “Chư pháp tùng bốn lai, thường tự tịch diệt tướng” không?

Đáp: Cũng chẳng có khác, nghĩa là bất nhị. Lục Tổ nói “Thuyết pháp không lia Tự tánh”, tự tánh vốn bất nhị thì tất cả pháp đều bất nhị. Như ở trên nói “Tất cả duy tâm tạo”, pháp vị nào cũng là duy tâm tạo, do tâm tạo nên sanh ra đủ thứ cảnh huyền, nếu tâm không tạo thì tất cả vốn tịch diệt.

Hỏi: Câu “Pháp môn vô lượng thế nguyện học”, trong tứ hoằng thế nguyện có áp dụng trong Thiền môn không?

Đáp: Nay tôi áp dụng Tứ hoằng thế nguyện trong Thiền tông.

- Vô biên chúng sanh thế nguyện độ: Trong kinh Pháp Bảo Đàn nói “chúng sanh” là chúng sanh của Tự tánh, chúng sanh của tâm: Tâm tham sân si, tâm độc ác, tâm này tâm kia. ấy là chúng sanh. Nay tham thiền khởi nghi tình là cây chổi automatic quét sạch tất cả những thứ tâm tham sân si, độc ác v.v. ấy là vô biên chúng sanh đã được độ rồi!

- Vô biên phiền não thế nguyện đoạn: Khi khởi lên nghi tình, tất cả phiền não đều tự động quét sạch, ấy chẳng phải là vô biên phiền não đã được đoạn?

- Vô lượng pháp môn thế nguyện học: Người đời hay lầm tưởng là phải học hết từng môn một, đã nói là "vô lượng" thì làm sao học hết được! Phật với Tổ là muốn chúng ta nhất môn thâm nhập, ví như từ Chợ Lớn đi Sài Gòn có biết bao con đường, đường Trần Hưng Đạo, Đường Nguyễn Trãi, đường Hùng Vương v.v. Nếu muốn đi hết tất cả các con đường thì đi đến chừng nào mới tới?

- Nền ý của Phật là muốn chúng ta lựa chọn một trong vô số pháp môn, như nay đã chọn pháp môn tham thiền này là bao gồm tất cả rồi, ngày đêm tham thiền tức là ngày đêm niệm Phật, ngày đêm trì chú. chẳng còn sót một pháp môn nào, tham đến thành Phật thì là “vô thượng pháp đạo thế nguyện thành” vậy.

Cho nên, trong một pháp môn tham thiền bao gồm cả Tứ hoằng thế nguyện. Ở trong Giáo môn nói đến “Văn, tư, tu”, trong Thiền môn cũng bao gồm cả: Nay quý vị nghe tôi dạy tham thiền ấy là Văn, tự mình bắt đầu tham là dùng ý thức để tham câu thoại đầu, ấy là Tư, có văn có tư tức là Tu.

Hỏi: Vọng từ đâu sanh khởi?

Đáp: Câu hỏi này có trong kinh Lăng Nghiêm, Phú Lô Na hỏi Phật “vọng từ đâu sanh? Tại sao có vọng?” Phật bảo “Đã gọi là vọng thì chẳng có nguyên do, nếu có

nguyên do thì chẳng gọi là vọng”. Vấn đề này dùng lời nói chẳng bao giờ thấu hiểu được, bởi hễ có lời nói thì không lọt vào nhị biên cũng lọt vào trung đạo hoặc tứ cú, phải đợi cho đến kiến tánh thì mọi việc tất hiểu.

Hỏi: Làm thế nào phân biệt tham thoại đầu và niệm Phật?

Đáp: Niệm Phật thuộc Tịnh Độ tông, Tham thoại đầu thuộc Thiền tông. Pháp Tịnh Độ là chấp thật, tham thiền thì phá chấp thật, hai pháp trái ngược nhau. Tham thiền cần có nghi tình, còn Tịnh Độ là Tín, nguyện, hành, cần có lòng tin. Phật là tùy thuận căn cơ của từng chúng sanh, muốn cứu giúp tất cả chúng sanh. Do tánh của chúng sanh quá chấp thật, nếu bảo bỏ chấp thì lại chẳng chịu, cho nên chấp vào Thập pháp giới thì chỉ bằng cho chấp Phật, đến khi được vãng sanh Cõi Tịnh Độ rồi, mới dần dần bỏ được sự chấp ấy, bởi hoàn cảnh tự nhiên khiến buông bỏ sự chấp thật và chuyển qua tham thiền, sẽ được kiến tánh. Hễ còn chấp thật thì chẳng bao giờ kiến tánh được. Như Lai Quả thiền sư nói “Quá khứ chư Phật, hiện tại Phật, vị lai Phật, chẳng vị nào không do tham thiền mà kiến tánh”.

Hỏi: Khi đề khởi câu thoại đầu, vẫn khởi niệm nhưng không phát khởi được nghi tình thì phải làm sao?

Đáp: Tôi nói là Hối chứ không nói là niệm, đừng có niệm. Có hối phải có đáp, hối rồi đáp không ra, thắc mắc ấy chính là nghi tình. Nếu còn đề khởi nghi tình không được thì cứ hối tới hoài, mười ngày, hai mươi ngày, ba mươi ngày. Có người hối đến hai tháng mới phát khởi được nghi tình. Một khi đã phát khởi nghi tình thì trong thời gian ngắn cũng phát được trí huệ, từ hạ căn chuyển thành thượng căn. Câu thoại đầu là câu hối, chính câu hối đó là nghi tình.

Hỏi: Có một bài kệ của Tuệ Trung thượng sĩ, có người dịch rằng “Trì giới kiêm nhẫn nhục, được tội chẳng được phước, muốn biết chẳng tội phước, đừng trì giới kiêm nhẫn nhục”, Sư thấy thế nào?

Đáp: Nguyên văn bài kệ là “Trì giới kiêm nhẫn nhục, chiêu tội bất chiêu phước. Dục tri vô tội phước, phi trì giới kiêm nhẫn”. Câu thứ hai “Chiêu tội bất chiêu phước” không thể dịch là “Được tội chẳng được phước”, vì chữ Chiêu là chiêu cảm, như thiện nhân chiêu cảm thiện quả, tức vui; ác nhân chiêu cảm ác quả, tức khổ. Nhưng ở trong Phật pháp thì thường là thiện nhân chiêu ác quả, ác nhân lại chiêu thiện quả. Tại sao? Ví như bậc tu sĩ chúng ta, chịu sự cúng dường của mười phương, nếu làm những việc bố thí từ thiện, không lấy Phật giáo làm trung tâm mà lấy tự kỷ làm trung tâm, thì những việc từ thiện ấy chỉ làm cho địa vị danh dự của mình được nổi bật, để cho mình được cúng dường nhiều thêm, thì việc ấy là thiện nhân chiêu ác quả. Kinh Lăng Nghiêm nói là “hư tiêu tín thí”, thuộc tội địa ngục. Còn “ác nhân chiêu thiện quả” thì chỉ ở trong Thiền tông các Tổ Sư mới thấu, người thế gian chẳng thể hiểu được, hễ bắt chước làm theo thì tội rất nặng. Ví như Thiền sư đã kiến tánh muốn độ chúng sanh, dùng sát sanh để làm Phật sự, như ngài Nam Tuyên chém mèo, Quy Tông chém rắn; nếu người không có cảnh giới đó mà học theo thì tạo tội rất nặng.

- Còn câu thứ tư “Phi trì giới kiêm nhẫn”, nếu dịch thành “Đừng trì giới kiêm nhẫn” thì hại người biết bao! Chữ Phi là không phải, tội với phước là đối đãi, là nhị. Ý nói muốn biết không tội phước, đạt đến chỗ không tội phước, đạt đến chỗ bất nhị ấy chẳng phải do trì giới kiêm nhẫn mà được. Nhưng hễ người nào có ý không trì giới kiêm nhẫn thì người ấy không thể đạt được. Phật giáo là lấy sự trì giới làm căn bản, lúc Phật tại thế là y Phật làm bản sư, sau khi Phật nhập Niết bàn thì phải y theo Giới luật làm bản sư, Giới là thay thế cho Phật vậy.

PHẦN 6.

Hỏi: Xin Sư phụ kể qua vấn đề dịch Kinh như thế nào?

Đáp: Ở Trung Quốc, vấn đề dịch kinh từ chữ Phạn sang chữ Hán, dịch tràng trên ba trăm đến năm trăm người, người chủ dịch thường là người kiến tánh, thấu suốt Phật pháp, còn người dịch phụ phải qua sự ấn định của Chủ dịch. Ở Việt Nam thường do một người dịch, cũng tùy theo ý của người dịch, người dịch thường tự chẳng có tu chứng, hễ không có tu chứng thì không thể hiểu nổi ý của Phật, của Tổ, vì ý Phật, ý Tổ chẳng phải là sự suy nghĩ thông minh của thế gian có thể hiểu được.

Lai Quả thiên sư nói “Thông minh của thế gian chẳng phải là trí huệ của Phật pháp”, Tổ sư gọi là “Thế trí biện thông”. Lại, theo Phật giáo, xem những người thế trí biện thông, bậc tri thức khoa học là hạ căn, vì họ chấp thật những kiến thức khoa học của mình chẳng chịu buông, còn người đầu óc đơn giản, nơi Phật pháp lại cho là thượng căn, tu hành dễ đắc đạo hơn. Nên Phật pháp là nghịch với pháp thế gian.

Trong *Niên Phổ* của ngài Hư Vân có kể đến câu chuyện “Bá Trượng và con chồn”; chỉ vì đáp sai một chữ phải đọa làm con chồn năm trăm kiếp, nên Phật pháp chẳng phải là muốn nói thế nào cũng được, ấy chẳng phải chuyện chơi. Đối với Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ni, tội đại vọng ngữ là tội Ba La Di, là tội cao nhất, bằng như tội tử hình của thế gian. Hễ Tỳ Kheo phạm coi như Tỳ kheo ấy đã chết, Tỳ kheo ni cũng vậy, muốn khôi phục lại chức danh Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, phải đợi đến kiếp sau mới được. Như Bá Trượng Thiên sư nói: “Nếu pháp sư chỉ giảng được nghĩa hai câu thì pháp sư ấy phải đọa địa ngục; nếu pháp sư giảng thấu ba câu mà người nghe hiểu sai lầm thì lỗi tại người nghe, người nghe đọa địa ngục chứ không quan hệ đến pháp sư, vì pháp sư đã giảng hết ý rồi”.

Hỏi: Thầy giảng những cái đó còn nằm trong ngũ âm hay đã ra ngoài ngũ âm?

Đáp: Không có nằm trong ngũ âm, cũng chẳng ở ngoài ngũ âm. Tôi thường nói hai chữ “bất nhị”, hễ có trong có ngoài là nhị, chính cái ngũ âm chẳng phải là thật, làm sao có trong có ngoài?

Hỏi: Cái biết mà mình không khởi niệm, không tác ý phân biệt để biết, đó có phải là tri tịch không?

Đáp: Kinh Lăng Nghiêm nói rõ “Tri giác nãi chúng sanh”, đã lập tri rồi, mặc dù cái tri ấy không rõ ràng, nhưng cũng là tri. Nếu không khởi ý để biết thì làm sao biết đó không rõ ràng? Biết là “không rõ ràng” đã là biết rồi! “Tri tri” là căn bản vô minh, từ nguồn gốc ấy sinh ra sở tri. Dù yên lặng chẳng có vọng tưởng gì, nhưng năng sở đã rõ ràng, thì chẳng phải cái tri của Tự tánh. Đợi đến biết cái “mờ mờ không rõ ràng ấy” thì trở thành bụi bậm, là sở tri rồi.

Tại sao nói “Cái tri của Tự tánh”? Đáng lẽ không có cái tên gọi là Tri, ấy chỉ là thế lưu bố tướng, thế gian đã gọi là tri thì phải gọi cái tri đó thế gian mới hiểu, nếu không thì gọi bằng cái gì? Làm sao diễn đạt? Nên mới có phân biệt thế lưu bố tướng và trước tướng. Do đó, nói chữ “tri” đã là có sự chấp thật; chấp cái năng tri là thật, là căn bản vô minh vậy.

Hỏi: Cái “tri” ấy đã là bất đắc dĩ mà nói, nói cái trạng thái đó là “biết” cũng không được ư?

Đáp: Trong *Thiền Thất Khai Thị Lục* đề cập khi tham thiền đến trạng thái đó là “vô tâm không cho hữu tâm biết”. Ví như có người hỏi ông tên gì, nếu còn trả lời được tức còn biết, chưa phải là vô tâm. Ví như nói “tri” và “vô tri”, vô tri tức chẳng còn biết gì, nếu còn biết là vô tri ấy là tri. Nếu thật vô tri, ai biết vô tri? “Cảm thấy” cũng là biết.

Hỏi: Vì sao không được tiếp tục ngồi khi trên thân khó chịu?

Đáp: Theo kinh nghiệm của tôi, khi kinh hành chớ nên vừa đi vừa vận động thì máu lưu thông, không sanh ra bệnh. Cũng như ngồi thiền, ngồi lâu thành bệnh, nhiều người chấp vào cái ngồi nên sanh ra bệnh. Lúc nghi tình nặng, ảnh hưởng đến nhức đầu, tức ngực, khó thở, nếu có vận động, thì máu lưu thông đều, vẫn tiếp tục kinh hành được, hễ ngồi thì không có sự lưu thông về máu nên dễ sanh bệnh, đôi khi bị chết giấc mà chẳng ai hay biết, nên tôi thường khuyên mọi người không nên chấp ngồi là vậy.

Hỏi: Thế nào là nghi tình phát khởi được và nghi tình phát chẳng khởi?

Đáp: Trong *Tham Thiên Cảnh Ngữ* của ngài Bác Sơn nói rõ "nghi tình phát khởi" là chỉ cái chơn nghi, nay chúng ta đều chưa đến chỗ chơn nghi, cũng gọi là nghi tình phát chẳng khởi. Sở dĩ nay ta gọi là "nghi tình" ấy chỉ là tập tham đề đến chơn nghi, phát được chơn nghi cũng tương ưng với Pháp thân rồi. Trong *Niên Phổ* của ngài Hư Vân nói "Khi chơn nghi phát khởi, ấy là sự thành linh đột phát", chơn nghi phát lên là nghi tình thành khối vậy.

Nay chúng ta tham thiền thì chưa có ai phát được chơn nghi, nên gọi là "nghi tình phát chẳng khởi" chứ không phải không có nghi tình. Chúng ta tham thiền đến chỗ thuần thực thì thành linh phát lên chơn nghi, tương ưng với cái lý pháp thân như trong *Tham Thiên Cảnh Ngữ* nói, thì biết đó là chơn nghi.

Hỏi: Khi ngủ mê làm sao biết có tham thiền?

Đáp: Nay có những người đang ngủ mê mà biết mình tham thiền, ấy là những người không biết mình đang ngủ, nhưng người khác thì thấy họ đang ngủ mê. Chính người ấy có nghi tình và lúc sáng thức dậy vẫn đầy đủ tinh thần, ban ngày làm việc như thường, chẳng thấy mệt mỏi.

Hỏi: Phát khởi chơn nghi đã phá được sơ quan chưa?

Đáp: Phát khởi chơn nghi tương đương với nghi tình thành khối, chưa đến kiến tánh, chưa phá được sơ quan, nhưng rất hy vọng được phá sơ quan.

Hỏi: Chúng ta đang sống trong vọng thức thì làm sao trí bất y thức?

Đáp: "Y trí bất y thức" là tiêu chuẩn và mục đích của mình, nhưng chúng ta đang suốt ngày sống trong thức tâm phân biệt, hiện nay đang tu ấy là thức, tham thiền đến một ngày nào đó kiến tánh rồi mới không còn phân biệt, mới chuyển thức thành trí được, tức sự automatic của trí bất nhã đã hiện ra.

Hỏi: Ý nghĩa của Qui y Tam Bảo như thế nào?

Đáp: Có người hỏi "Qui y Thiên Tông" và "Qui y Tịnh Độ" như thế nào? Tôi giải thích rằng Qui y là Qui y Tam Bảo, còn Thiên tông và Tịnh độ chỉ là pháp môn chứ không phải qui y.

Qui y Tam bảo có hai: Một là thường trụ Tam Bảo, hai là Tụ tánh Tam Bảo. Nay chúng ta qui y là Thường trụ Tam Bảo: Tượng Phật đại diện cho Phật Bảo, Kinh Phật đại diện cho Pháp Bảo và Tăng ni xuất gia đại diện cho Tăng Bảo, nhờ Tăng Bảo giáo hóa để ngộ nhập Tụ tánh Tam Bảo tức giải thoát, biết được mình là gì, tự làm chủ cho mình, đạt đến tự do tự tại. Mục đích để qui y Thường trụ Tam Bảo là vậy, chứ chẳng phải như một số người nghĩ rằng "Qui y để có giấy chứng minh, sau khi chết để trong hòm làm giấy thông hành ở Âm phủ", ấy là sai lầm.

Chữ Phật là người giác ngộ, gồm hai nghĩa tự giác và giác tha, giác hạnh viên mãn, hễ ai giác ngộ tức Phật. Tự ngộ rồi phải độ cho chúng sanh, tự mình và chúng sanh đều được tự do tự tại, tức giác hạnh viên mãn. Nếu chỉ tự giác mà chẳng giác tha thì giác hạnh chẳng thể viên mãn.

Chữ Pháp là chỉ phương pháp để đạt đến tự do tự tại, nay cách tham thiền là Pháp bảo để đưa chúng ta đến chỗ tự do tự tại.

Chữ Tăng tại sao gọi là Bảo? Vì nếu có Phật có pháp mà chẳng có Tăng để từng đời truyền dạy thì Phật pháp cũng phải tiêu diệt. Nên ở trong Tam Bảo, Tăng bảo là quan trọng nhất, có Tăng bảo mới giữ được Phật bảo và Pháp bảo.

Hỏi: *Thiền sư Nham Đầu là một vị đã kiến tánh, sao còn bị bọn cướp giết? Nếu nói là túc nghiệp phải trả, thì trong Chứng Đạo Ca, Vĩnh Gia đại sư nói “liễu tức nghiệp chướng bôn lai không, vị liễu ưng tu hoàn túc trái”. Lại, trong kinh Kim Cang có câu “Người nào thọ trì đọc tụng kinh Kim Cang mà bị người khinh miệt thì tội nghiệp đời trước của người ấy đáng lẽ phải đọa tam ác đạo, do đời nay bị người khinh miệt nên tội chướng được tiêu, và đức Chánh đẳng Chánh giác”. Ấy thì giải thích thế nào về cái chết của Thiền sư Nham Đầu cho hợp lý?*

Đáp: Phật pháp luôn luôn không rời khỏi nhân quả, có nhân ắt có quả: Thế gian có nhân quả, xuất thế gian cũng có nhân quả. Nhưng nhân quả là duy tâm tạo, chẳng thể chấp thật. Chúng sanh thì chấp đó là thật, Phật vì muốn độ chúng sanh nên phải tùy thuận chúng sanh để độ. Cũng như Đức Phật đã kể về câu chuyện “Vua Luru Ly giết chết cả tộc Thích Ca”:

“Vì đời trước chủng tộc Thích Ca sống trong một làng đánh cá, tiền thân vua Luru Ly là con cá lớn, bình sĩ là cá con trong một ao lớn, dân làng ấy xả hết nước ao và bắt con cá lớn và các cá con để ăn, duy chỉ có một đứa bé không bắt không ăn mà chỉ gò ba cái vào đầu cá lớn. Đến đời Phật Thích Ca thành Phật rồi, vẫn phải bị nhức đầu ba hôm”.

Đó là muốn thể hiện vấn đề nhân quả không thể tránh, nhưng ấy là đối với sơ cơ. Tôi có xem qua một quyển *Trụ Sư Thập Hạnh*, trong đó đức Phật bảo “Nói ta bị nhức đầu ấy chỉ là phương tiện mà thôi, thật tế thì ta có bị nhức đầu đâu!”

Cho nên, chính hai câu “liễu tức nghiệp chướng bôn lai không, vị liễu ưng tu hoàn túc trái” trong Chứng Đạo Ca là vậy.

- Người tham thiền hỏi Tổ kiến tánh: Thế nào là nghiệp chướng?

- Đáp: Bôn lai không.

- Hỏi: Thế nào là Bôn lai không?

- Đáp: Nghiệp chướng.

Nghiệp chướng vốn chẳng thật, bôn lai vốn không, thì theo nhân duyên nào cũng là nhân quả. Tổ độ chúng sanh cũng có phương tiện độ và nghiệp độ, như Phật Thích Ca ở quyển kinh này thì nói “Ta bị nhức đầu”, ở quyển kinh khác thì nói “Ta có bị nhức đầu đâu!” đã thành Phật rồi, cơ thể còn không có, làm sao có nhức đầu ư? Ai nhức? Ấy chỉ là phương tiện để độ chúng sanh mà thôi.

Hỏi: *Có người chẳng có qui y Tam bảo, chỉ ở nhà xem qua kinh Phật hoặc nghe được câu thoại đầu mà ở nhà tự tu, vậy có kiến tánh hoặc ngộ đạo không?*

Đáp: Giả sử người ấy chẳng biết có sự qui y mà chỉ tự nghe được câu thoại đầu để tu thì có thể ngộ, nhưng nếu người ấy đã biết được sự qui y, có người khuyên bảo giới

thiệt qui y mà tự có ý không qui y Tam Bảo thì người ấy sẽ không ngộ được. Tại sao? Vì người ấy còn có chấp, hễ chấp thật thì chẳng thể ngộ được.

Hỏi: Nếu như người ấy do quá nghèo mà không có phương tiện qui y?

Đáp: Qui y Phật pháp rất bình đẳng, chẳng có sự phân biệt giàu nghèo, đến chùa qui y không hạn chế giàu nghèo, có tiền hay không có tiền vẫn qui y được.

Hỏi: Con phát nguyện trong 49 ngày phải kiến tánh, như thế đúng không?

Đáp: Tôi đã nói là phải “vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ”, tự nhiên mong cầu trong 49 ngày phải kiến tánh, ấy là cái tâm bức bách, quá gấp thành bệnh. Gặp trường hợp này phải biết cách đối trị: Câu thoại đầu đề cho thật chậm để cho điều hòa lại, như Niệm Phật là ai? Nên nhớ rằng hễ có sở cầu là không được. Vả lại, trong Thiên tông có thể trải qua mấy lần tiểu ngộ, thành linh được ngộ cái gì chớ có vui mừng quá, e sẽ thành bệnh. Ngộ được cũng phải quét, hễ có ngộ được một cái gì đó thành có sở đắc, nên phải quét.

Hỏi: Khi nghi tình thành khối sẽ như thế nào và làm sao đập bể?

Đáp: Lai Quả thiền sư thí dụ "Khối này lớn lắm, siêu việt số lượng, bao hàm hư không, nếu như lấy cây đập nó một cái, thì cây đó cũng ở trong khối; lấy chân đá một cái cũng ở trong khối, bất cứ làm cách nào cũng ở trong khối". Lúc đã thành khối rồi thì nghi tình 24 giờ chẳng giây phút gián đoạn mới được gọi là thành khối, nếu có một giây phút gián đoạn cũng không được gọi là "thành khối", chính giây phút gián đoạn ấy khiến sanh tử nổi lên, khiến vọng tưởng từ đó nổi lên, khiến Diêm La Vương thấy được, tiêu quỹ bắt được.

Lúc nghi tình thành khối thì câu thoại tự mất, chỉ còn nghi tình, khi ấy muốn tự ý buông bỏ nghi tình, buông bỏ chẳng được; cố ý muốn nổi lên một vọng tưởng nào cũng chẳng được, cảnh giới ấy gọi là "nghi tình thành khối", là đứng trên đầu sào trăm thước, hễ tiến lên một bước, lìa khỏi ý thức là ngộ, chẳng đại ngộ cũng tiểu ngộ, phá được Sơ quan.

Cái tiểu ngộ mà tôi thường nói ấy chỉ là giải ngộ, chẳng phải chứng ngộ, chưa phá được Sơ quan. Vì giải ngộ còn nằm trong ý thức, chưa lìa ý thức, còn đại ngộ là đã lìa ý thức rồi.

Hỏi: Trong năm câu hỏi để tham thiền, nếu như tự tìm ra giải đáp cho câu hỏi có được không?

Đáp: Ấy là lấy tâm đi tìm hiểu, lọt vào hồ nghi chứ chẳng phải chánh nghi. Tham thiền chỉ cho chánh nghi, không cho lọt vào hồ nghi. Lại, lấy tâm đi tìm là "ta"; phân biệt chẳng phải là "ta", là tứ đại giả hợp, cũng là giải thích thêm để tìm ra câu đáp án, đều là hồ nghi, chẳng phải tham thiền.

Hỏi: Tướng của nghi tình thế nào? Muốn phá vỡ nghi tình bằng cách nào?

Đáp: Không được nổi ý phá nghi tình, nếu khởi ý muốn phá nghi tình ấy là hồ nghi, chẳng phải chánh nghi, là dùng ý thức đi tìm hiểu, vĩnh viễn phá không được. Chúng ta cứ tham mãi, tham liên tục và miên mật, đến nghi tình thành khối rồi, gặp nhân duyên thuận thực sẽ tự phá. Như quá khứ chư Tổ, có vị bị đập một cái được phá, có vị thành linh thấy con khi leo cây cũng được phá v.v. Ấy là thành linh tự phá chứ chẳng phải khởi tâm tìm cách muốn phá. Nếu đến được chỗ đầu sào trăm thước rồi, đó là cửa vô minh, chưa có phá được, chưa có qua được, ngoại đạo đến chỗ này, thấy phía trước thanh thanh tịnh tịnh, chẳng còn đường đi, tưởng là cứu cánh, cho là đến cứu cánh Niết bàn, nhưng sự thật thì chưa, cũng còn dính lứu ý thức. Đến đây nếu buông

nghi tình xuống, không tiếp tục nữa, vẫn còn nằm trong ý thức, là nguồn gốc của ý thức. Như cõi trời Phi tướng Phi phi tướng, mặc dù vọng tưởng không nổi lên trong nửa đại kiếp, nhưng sau đó vọng tưởng vẫn nổi lên.

Hỏi: Trong lúc tham thiền, giữa tình trạng không phải thức cũng không phải ngủ, thường thấy những cảnh giới khác nhau, vậy có phải là nghiệp không?

Đáp: Ấy gọi là cảnh giới. Cảnh giới tốt cũng không vui thích, cảnh giới xấu cũng không để ý, chỉ cần giữ cái không biết, chỉ biết có câu thoại đầu, có nghi tình, ngoài ra đều không biết tới. Cho dù Phật Thích Ca đến xoa đầu thọ ký cũng phải quét luôn, nhưng cũng không được nổi ý quét, có nghi tình thì tự động quét, chỉ là không để ý, không biết tới. Vọng tưởng nổi lên bao nhiêu đều mặc kệ, chẳng những có vọng tưởng không biết tới, kể cả không có vọng tưởng cũng không biết tới, không cần đối trị, chính câu thoại đầu đối trị tất cả.

Hỏi: Sư phụ dạy "Vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ", nhưng Phật tử đa số là mong cầu giải thoát, vậy có phải là sở cầu không?

Đáp: Khi bắt đầu tham thiền nhưng chưa thực hành thì khởi ý cầu giải thoát, đã thực hành tham thiền là đi trên con đường giải thoát rồi, không được cầu giải thoát nữa, có cầu là vọng. Cầu ngộ cũng là vọng, cầu thành Phật thì cái vọng ấy càng lớn nữa! Đã đi tất sẽ đến, đâu cần cầu! Ví như chúng ta đang ở Chợ lớn, xin cha mẹ cho đi Sài Gòn, nếu cha mẹ chưa cho thì phải cầu xin, cha mẹ đã cho rồi thì cứ đi, dọc đường mà nói "Ta cầu đi Sài Gòn", ấy có phải là vọng không?

Hỏi: Một người không xem sách vì sợ kiến giải mà chỉ một mực chú tâm tham thiền, với một người vừa tham thiền vừa nghiên cứu sách, cái nào tốt hơn?

Đáp: Tốt nhất là chuyên tâm tham thiền. Tôi thường lấy việc ăn cơm để thí dụ: Người xem sách Thiền, hiểu biết kỹ về thiền, cũng như người thông minh tài giỏi, nhà bác học mà nghiên cứu trong chén cơm có bao nhiêu chất bột, bao nhiêu Vitamine, lại phân tích có bao nhiêu Vitamine A, Vitamine C. biết rất nhiều nhưng không ăn cơm. Còn người kia dốt nát, không biết gì cả, chỉ biết ăn cơm mà thôi. Người không biết gì cả, chỉ biết ăn cơm thì người ấy được no, còn người thông minh bác học kia biết đủ thứ, nhưng không ăn cơm thì người ấy chịu đói vậy.

Mặc dù người dốt nát kia chẳng biết Vitamine là gì, nhưng đã ăn cơm, đã được tiêu hóa rồi, thì nhổ ra nước miếng cũng là Vitamine.

Hỏi: Đối với người biết tham thoại đầu lại chưa có lòng tin thì sao?

Đáp: Hàng tuần thuyết pháp tôi vẫn thường nói "Tôi chẳng phải giảng giáo lý cao siêu để cho người nghe biết thêm về giáo lý, chỉ là tăng trưởng lòng tin cho mọi người".

Lòng tin rất cần, nhưng không phải chỉ tin pháp môn là đủ. Trong *Tham Thiền Cảnh Ngữ* có nói "Nếu chỉ tin pháp môn tham thiền này, cho dù tin 100% vẫn chưa đủ. Tại sao? Vì chỉ tin theo pháp môn, chưa tin tự tâm". Người tham thiền phải tin rằng "tự tâm mình là Phật". Trong cuốn *Tín Tâm Minh Tịch Nghĩa Giải* có nói "Nếu tin tự tâm là Phật, gọi là chánh tín; nếu tin ngoài tâm có Phật, ấy là tà tín". Nên cần nhất phải là tin tự tâm và sau đó mới tin pháp môn.

Do đó, nếu chuyên tâm thực hành thì trong một hai tuần lễ sẽ nổi được lòng tin, vì thấy mình đã có tiến bộ. Có một vài cụ già sau khi thực hành vài tuần thì cảm thấy phiền não bớt đi nhiều, tự nhiên tăng trưởng lòng tin. Tự tạo được lòng tin thì lòng tin ấy mới mạnh, nếu chỉ dựa vào sách vở, kinh nghiệm của người khác là vô dụng.

Trung Phong thiền sư có thí dụ về "Con dậu vàng": Con dậu thể hiện sự tín nhiệm, nhà vua có con dậu vàng của vua, quan chức có con dậu của quan chức, người buôn bán cũng tự có con dậu riêng. Có con dậu thì được mọi người tin cậy, nhưng con dậu đó phải là của chính mình mới được, giả sử cho ông lượm được con dậu bằng vàng, nếu không phải của mình thì rốt cuộc xài chẳng được".

Con dậu dụ cho cái gì? Dụ cho sự ngộ của Phật, của Tổ. Lời nói của Phật, của Tổ thì mọi người tin, nếu lượm được lời của Phật của Tổ mà cho là của mình thì chẳng những không xài được, còn mắc tội nữa! Nên coi sách cho nhiều cũng chẳng ích lợi gì, Tự ngộ rồi mới là của mình.

*** Cảm tưởng của Sư Bà Huê Lâm:**

Nam Mô Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Kính bạch Thượng Tọa Thiền Sư, Hôm nay là ngày viên mãn Thiền thất, con xin đại diện cho tất cả chư hành giả hiện diện, nói lên lời cảm nghĩ của con:

- Qua 7 ngày dự đạo tràng tu tập tham thiền, vừa ngồi thiền và kinh hành trong tám giờ đồng hồ, Thượng tọa Thiền sư chẳng màng lao nhọc, diu dắt chúng con, chỉ dạy phương pháp tham thiền, cả giáo lý lẫn thực hành, rất là kỳ diệu.
- Theo con được hiểu, tham thiền chẳng phải là giáo lý thiên cận, mà là phô diễn giáo lý tột đỉnh của tất cả tư tưởng Phật giáo, một lý thuyết trực chỉ, có thể đưa chúng sanh đến chỗ giác ngộ, giải thoát viên mãn. Con có cảm nghĩ toàn thể bí mật của sự tu tập tham thiền nằm trọn trong bản giác bình dị, nhưng rất cùng diệu chỉ.
- Kính bạch Thiền Sư, đây là lần đầu tiên con tham dự Thiền thất, nhưng đã cởi mở những điều thắc mắc trong bốn mươi năm qua. Con đã xuất gia hơn bốn mươi năm, tu tập theo pháp môn Mật tông, hôm nay, lần đầu tiên con tham dự Thiền thất do Thiền sư dẫn dắt một cách siêu việt, khiến tâm hồn con thiết tha vô cùng. Con cảm niệm trong sự dạy dỗ của Thiền sư đối với tất cả chúng con, con cảm động khi thấy sức khỏe của Thiền sư rất yếu, nhưng từ bi vô lượng. Thiền sư đã không ngại cực nhọc giảng dạy cho chúng con. Vì thế, nên từ đây về sau, con nhiệt thành tham cứu Thiền, và luôn nỗ lực dụng công tham thiền, đạt đến giác ngộ, để đền đáp tứ trọng ân, trong đó có ơn huệ của Thiền sư chỉ dạy cho chúng con.
- Chúng con được yên tâm tu tập là nhờ quý Đoàn na tín thí giúp đỡ, giờ đây, con xin đại diện toàn thể đại chúng trong Thiền đường, thành tâm cầu chúc Thiền sư pháp thể khinh an, chúng sanh dị độ, để dẫn dắt chúng sanh đến bờ giải thoát.
- Chúng con xin lễ tạ Thiền Sư, ngưỡng mong Thiền sư chứng minh cho toàn thể đại chúng trong Thiền đường.

***Đáp từ của Thiền sư Duy Lực:**

- Lời khen tặng của Sư bà Huê Lâm, tôi tự cảm thấy rất hổ thẹn. Bởi vì xưng tôi là Thiền sư thì thật ra tôi chưa đủ tư cách làm Thiền sư. Trong giải thất kỳ trước, tôi có kể sơ qua về quá trình ra hồng pháp Tổ Sư Thiền, chưa kiên tánh mà ra hồng pháp ấy là sự bất đắc dĩ, vì Hòa Thượng đã tuyên bố, nếu không thực hiện, e làm mất sĩ diện của Hòa Thượng. Nhưng đã bắt đầu hồng pháp thì tôi phải tận bản phận của tôi, biết bao nhiêu nói bấy nhiêu, giới Tỳ kheo là có chức nguyện hồng pháp. Ở trong Thiền tông cũng có lịch sử rằng "Thầy chưa kiên tánh, trò đi tham học ở ngoài trở về, thầy biết đệ tử ấy đã kiên tánh, nên mời đệ tử lên tòa, lễ bái đệ tử làm thầy, sau đó thầy cũng được kiên tánh", tôi cũng hy vọng như thế. Tôi thì chưa kiên tánh, nhưng

tôi hy vọng quý vị mau kiến tánh hơn tôi, mặc dù tôi dạy tham thiền, nhưng nếu có vị nào kiến tánh rồi, tôi sẽ trở lại lay thầy đó để tôi được kiến tánh.

Hỏi: Núi Tu-di là chỉ cho pháp thân và hạt cải là chỉ cho tứ đại, phải không?

Đáp: Không phải. Ấy là chỉ cho cái lớn nhỏ tương đối: Núi Tu-di là lớn, hạt cải thì nhỏ, lớn nhỏ tương đối là lọt vào tứ cú, chướng ngại cho sự dụng của Tự tánh. Kinh liễu nghĩa dạy chúng ta vô sở trụ, cũng là nghĩa lia tứ cú, tức chẳng trụ cú thứ nhất, nhì, ba hoặc bốn.

Hỏi: Trong thời mạt pháp này, áp dụng pháp tu nhĩ căn viên thông của Quán Thế Âm Bồ tát, có được kiến tánh không?

Đáp: Trong kinh Lăng Nghiêm có nói đến nhĩ căn viên thông và giải thích rất rõ. Bây giờ nhiều người chấp lời nghịch ý, không hiểu kinh Lăng Nghiêm, chỗ này ngài Hư Vân đã có nói rõ “Chúng ta tham câu thoại đầu tức phản văn tự tánh, tức nhĩ căn viên thông rồi”. Nếu dùng lỗ tai đi nghe, lấy lỗ tai để phản văn thì vĩnh viễn phản văn không được, bất kể nghe trong nghe ngoài đều là nghe vọng, chẳng nghe động thì nghe tịnh, trong ngoài động tịnh đều là nhị.

Nay tôi sẽ dẫn chứng kinh Lăng Nghiêm, vì dùng kinh để chứng kinh mới rõ. Kệ rằng:

Dùng nghe giữ lời Phật,
Đâu bằng nghe bản văn?
Nghe chẳng tự nhiên sanh,
Do tiếng có tên nghe.
Xoay nghe thoát khỏi tiếng,
Đặt tên Nghe cho ai?

Lấy nghe trì danh hiệu Phật, không bằng tự nghe cái nghe. Nhưng cái nghe đó chẳng phải tự nhiên sanh ra, là vì âm thanh mới lập cái tên “nghe”, nay xoay cái nghe trở về thì thoát khỏi âm thanh, đã thoát khỏi âm thanh thì đặt cái tên “nghe” cho ai? Tức không được gọi là nghe thì làm sao lại dùng lỗ tai để phản văn? Ấy là sai lầm. Nên ngài Hư Vân nói “Chiếu cố thoại đầu tức phản văn tự tánh”. Nếu không tham thoại đầu, cứ lấy lỗ tai nghe thì phản văn không được.

Trong cuốn *Tín Tâm Minh Tịch Nghĩa Giải*, từ đầu đến cuối đều tỏ rõ không được chấp lời mà nghịch ý. Tự tánh chẳng phải do mắt thấy được, chẳng phải lỗ tai có thể nghe được, nếu dùng mắt thấy tai nghe, thì sao kinh Kim Cang lại nói “Nhược dĩ sắc kiến ngã, dĩ âm thanh cầu ngã, thị nhơn hành tà đạo, bất năng kiến Như Lai”. Bất năng kiến Như Lai tức không thấy được Tự tánh Phật của mình, tức đi lầm đường, không đúng chánh pháp, vĩnh viễn không được thấy Tự tánh Phật.

Hỏi: Cái biết của lục căn trước khi dấy niệm phân biệt là chơn hay vọng?

Đáp: Cái biết của lục căn nếu lọt vào cái “biết” là vọng. Biết là cú thứ nhất, không biết là cú thứ nhì, cho nên kinh Lăng Nghiêm nói “Tri kiến lập tri, tức vô minh bản”. Kiến văn giác tri hễ lập thì có chấp thật, tức căn bản của vô minh, biết là "trước khi dấy niệm phân biệt" ấy đã là vọng rồi.

Chữ "biết" này, như trong kinh Niết Bàn, Phật gọi là thế lưu bố tướng, thế gian đã lưu hành, gọi biết là biết; còn phàm phu chấp cái biết đó là thật, lọt vào trước tướng, gọi là điên đảo tướng. Cho nên, tri kiến lập tri, tức vô minh bản, nếu tri kiến không kiến

lập, không chấp là thật tức Niết bàn. Hễ có biết là lọt vào điên đảo tướng, mặc dù cái biết đó chưa khởi lên ý phân biệt.

Hỏi: Ngồi Thiền mà niệm danh hiệu Phật, có được coi là tham thoại đầu không?

Đáp: Không được. Tham thoại đầu là phải khởi nghi tình, niệm danh hiệu Phật không phải là câu hỏi. Câu hỏi là dấu hỏi, nên niệm danh hiệu Phật chỉ là niệm Phật chứ không phải tham thiền. Phải có nghi tình mới là tham thiền, nếu không có nghi tình không được gọi là tham thiền.

Hỏi: Xin Sư Phụ giảng lại sự tích về ngài Văn Thù không thể làm cho cô gái xuất định.

Đáp: Thủ đoạn của chư Phật chư Tổ là muốn chúng ta khai ngộ kiến tánh mới được giải thoát. Ấy là muốn chúng ta nghi, nghi là không hiểu; không hiểu nhiều chừng nào tốt chừng nấy. Nếu giải thích ra rồi thì không nghi, nghi là nhân, ngộ là quả, không nhân thì không quả.

Văn Thù Bồ tát là bậc cao, còn cao hơn Phật Thích Ca, lại thị hiện để giúp Phật hoằng pháp, còn Đông Minh Bồ tát là bậc thấp, muốn hiểu ý đó, phải tham đến kiến tánh mới được.

Thủ đoạn của Tổ rất nhiều, và rất vô lý. Ví như "Con trâu qua song cửa sổ, đầu và tứ chi đều qua được, tại sao cái đuôi không qua được?" Có nghĩa lý gì đâu? Ý của Tổ là muốn chúng ta nghi vào chỗ đó. Tại sao cái đuôi qua không được?

Thường thường, đối với thủ đoạn của Tổ sư, người ta hay lọt vào tình giải ý thức, như tổ Hoài Nhượng độ Mã Tổ. Vì Mã Tổ chấp ngồi có thể thành Phật, Hoài Nhượng thiền sư bèn đem mài cục gạch.

Mã Tổ hỏi: Mài gạch để làm gì?

Đáp: Mài gạch để làm gương.

Hỏi: Cục gạch làm sao thành gương được?

Hoài Nhượng thiền sư hỏi lại: Thế thì tọa thiền làm sao thành Phật ư?

-Vậy thì phải làm sao?

Đáp: Ví như bò kéo xe, xe không chạy, phải đánh xe hay đánh bò?

Theo lẽ thường tình thì dĩ nhiên là phải đánh bò mới đúng, nhưng nếu hiểu theo như vậy là sai lầm, ấy là tình giải, là theo ý thức phân biệt, đâu phải tư tánh. Chỉ là vọng thôi. Mã Tổ nếu hiểu như thế thì chẳng thể kiến tánh vậy. Cho nên, chỉ cho tâm nghi chứ không cho tâm đi tìm hiểu, tâm tìm hiểu là hồ nghi chứ chẳng phải chánh nghi.

Hỏi: Xin hỏi trong đạo tràng này có ai không kẹt vào chấp lời nghịch ý hay không?

Đáp: Nay tôi hỏi thầy trước: Thầy có lọt vào chỗ này hay không? Nếu có người nào ôm chặt câu thoại đầu tham tới nghi tình thành khối thì người ấy mới thoát khỏi được. Nếu chưa đến chỗ đó, vẫn thoát không khỏi, vẫn còn có cái chấp. Đừng nói là trong đạo tràng này, chính tôi vẫn còn. Cho nên, nếu muốn biết qua ai là người không lọt vào cái chấp này thì phải hỏi từng người một, như mỗi lần cuối thất, lúc giải thất, người chủ thất vẫn phải hỏi từng người một mới biết, mặc dù là Thiền sư kiến tánh như Lai Quả thiền sư, Hư Vân thiền sư v.v.

Hỏi: Ai tạo ra vũ trụ này?

Đáp: Ý nói ở trong vũ trụ có một vị cao nhất ư? Ấy là tư tưởng của ngoại đạo. Theo Phật pháp thì chẳng có ai là cao nhất, tất cả chúng sanh đều là Phật, chứ chẳng phải là Phật có cao hơn. Tại ông có tư tưởng chấp thật mới đưa ra câu hỏi này. Nếu vũ trụ đã chẳng phải thật, thì có ai thật tạo ra? Nên Phật nói là vô thi, tức không có bắt đầu.

Nếu có người thật tạo ra vũ trụ, thì thử hỏi người ấy ai tạo ra? Nếu cho là tự nhiên, thì pháp nào cũng phải bình đẳng, người nào cũng tự nhiên được, đâu thể chỉ một người đó được tự nhiên, ngoài ra chẳng ai được?

Phật pháp bình đẳng, nếu một người tự nhiên được thì mọi người đều tự nhiên được; đời xưa tự nhiên được đời nay cũng tự nhiên được.

Đối với vũ trụ vạn vật, Phật pháp nói là "Nhất thiết duy tâm tạo", do vọng tâm hoạt động mới biến hiện ra, chứ không phải có một vị nào cao nhất để tạo ra. Bây giờ thân của ông rõ ràng do cha mẹ sanh, và cha mẹ của ông cũng có cha mẹ sanh, rồi cha mẹ đầu tiên có không? Giả sử có, từ vô lượng vô biên kiếp có một đôi nam nữ, là cha mẹ đầu tiên của ông, thì tôi xin hỏi: Cha mẹ đầu tiên đó có cha mẹ không? Nếu ở trên còn cha mẹ thì không được gọi là cha mẹ đầu tiên, nếu không có thì hai vị đó từ đâu sanh? Nếu nói là do Thượng Đế tạo ra, ai tạo ra Thượng đế? Cho nên tìm mãi vẫn không tìm ra sự bắt đầu, nên Phật nói là "vô thi". Nếu có ai chấp thật phải có người tạo ra, ấy là ngoại đạo, chẳng phải Phật giáo.

Hỏi: Vạn pháp duy thức như thế nào?

Đáp: Nói về Duy thức, Phật pháp cũng có tông phái Duy Thức. Như tôi đã nói "Nhất thiết duy tâm tạo", duy tâm thì duy thức. Bốn câu kệ ở kinh Hoa Nghiêm:

Nhược nhơn dục liễu tri,
Tam thế nhất thiết Phật,
Ung quán pháp giới tánh,
Nhất thiết duy tâm tạo.

Phật cũng là duy tâm tạo, vũ trụ pháp giới, chẳng có cái nào không phải duy tâm tạo. Nói do ý thức biến hiện tức duy tâm tạo, bất kể là do độc đầu ý thức biến hiện nhắm mắt chiêm bao, hay do đồng thời ý thức biến hiện mở mắt chiêm bao, đều là do ý thức biến hiện. Do tâm tạo thì chẳng thật, hễ chấp thật là sai lầm, ngoại đạo chấp nhắm mắt chiêm bao là giả, cho mở mắt chiêm bao là thật, cũng là sai lầm.

Hỏi: Kinh Kim Cang nói "Tu Đà Hoàn còn biết mình chứng quả Tu Đà Hoàn thì chẳng phải Tu Đà Hoàn", vậy Phật còn thừa nhận có quả vị để chứng đắc, thế có trái với tinh thần Thiền tông không?

Đáp: Tôi đã nói người tham thiền mà tự nói ta tham thiền thì không phải người tham thiền. Tham thiền sẽ được ngộ, nhưng nếu có tâm muốn cầu ngộ, chờ ngộ lại chẳng phải rồi, vĩnh viễn không được ngộ.

Tu Đà Hoàn là Sơ quả, còn có cái chấp là chưa được chứng. Ví như từ Chợ lớn đi Sài Gòn, hễ đi thì sẽ đến, chứ đâu cần dọc đường cứ phải la lên rằng "Ta đi Sài Gòn, ta đi Sài Gòn"!

Trung Phong thiền sư ở trong *Trung Phong Pháp Ngữ* khai thị rằng "Người tham thiền đề câu thoại đầu khởi nghi tình, biết câu thoại đầu thuần thực là không được, biết câu thoại đầu không thuần thực cũng không được", biết có chứng quả Tu Đà Hoàn hay chưa chứng quả đều không được, biết và không biết là đối đãi, là lọt vào tứ cú, là vọng; biết là vọng biết, không biết là vọng không biết, đều là vọng.

Trong Phật pháp phải phá ngã chấp, bất cứ Tiểu thừa, Trung thừa, Đại thừa, đều phải phá ngã chấp, chứ chẳng phải bỏ bên đây mà chấp qua bên kia, ấy là biên kiến, cũng là lọt vào năm thứ ác kiến.

Hỏi: Theo Thiền tông, chưa phá được Sơ quan mà khỏi nghi đã bùng vỡ, thì làm sao nghi tiếp để tiến đến Trùng quan?

Đáp: Đến Sơ quan phá được bốn tham thì bốn tham mất đi, nhưng theo công án của Tổ, có chỗ thấu được và có chỗ chưa thấu được, chỗ chưa thấu được vẫn phải nghi nữa, bởi vì nghi căn chưa cắt đứt, còn phải nghi tiếp cho đến triệt ngộ.

Hỏi: A La Hán có kiến tánh không? Nếu không, làm sao xuất luân hồi? Vì còn căn bản vô minh. Nếu có, tiểu thừa không có nghi tình, làm sao kiến tánh? Vì như lời thầy nói “Có nghi mới có ngộ, không nghi thì không ngộ”.

Đáp: Theo lời của Tổ, A La Hán chưa phá được căn bản vô minh, chưa kiến tánh, nhưng vì phá được nhơn ngã chấp, nên được ra khỏi sanh tử luân hồi. Sanh tử có hai thứ: Phần đoạn sanh tử và Biến dịch sanh tử. A La Hán phá được ngã chấp, dứt được phần đoạn sanh tử, nhưng vì chưa kiến tánh, chưa phá được pháp chấp, nên chưa dứt Biến dịch sanh tử, cần phải tiến tu thêm. Do chấp quả A La Hán là thật, tưởng đã đến Cứu cánh Niết bàn, nên bị Phật quở là ngu si.

Hỏi: Theo Bát Nhã Tâm Kinh, quét tri kiến Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát cho đến Phật. Vậy nếu đã vào hàng Thanh Văn, đã vào hàng Thánh, sao chưa đạt đến trí huệ Bát Nhã mà còn kẹt vào tri kiến?

Đáp: Lời Phật ở Bát Nhã Tâm Kinh là muốn quét sự chấp của chúng ta, không được chấp cái nào là thật, tức vô sở trụ; không được trụ ở bất cứ nơi nào, trụ nơi tri kiến phàm phu cũng không được, trụ nơi tri kiến thừa Thanh văn, thừa Duyên giác, Đại thừa Bồ tát, kể cả tri kiến Phật cũng không được. Lời Tổ có nói “Hễ trụ nơi tri kiến Phật thì bị Phật trói buộc, trụ nơi Bồ tát thì bị Bồ tát trói buộc, chẳng phải là cái nghĩa Vô sở trụ”.

Nghĩa Vô sở trụ là hoạt bát vạn năng, nếu có sở trụ thì tánh hoạt bát vạn năng bị mất. Hễ có trụ là chưa có tư cách thành Phật, nên tri kiến Phật cũng phải quét.

“Đại tâm vô y”, vô y tức vô trụ. Nên Bát Nhã Tâm Kinh quét sạch tất cả chấp, phá tất cả chấp; cao nhất là chấp Phật, cũng không được. Đến chỗ “Đại tâm vô y” thì sự dụng hoạt bát vạn năng mới phát huy khắp hư không pháp giới.

Lời của Phật, của Tổ, tất cả kinh Đại thừa liễu nghĩa đều là để trị bệnh chấp của chúng ta. Nhưng nói “chấp thật” chẳng phải là không chấp cái Có mà lại chấp cái Không; chẳng chấp cái Chơn lại chấp cái Giả, nếu chấp không, chấp giả, chấp vọng thì bệnh chấp ấy càng nặng hơn, càng khó trị, chấp huyền cũng vậy. Hễ chấp huyền trụ nơi huyền, chấp vọng trụ nơi vọng, đều là chấp cả. Tri kiến Phật còn chấp không được, huống là chấp huyền chấp vọng! Chấp vào chỗ nào là chướng ngại chỗ đó.

Hỏi: Bài kệ của ngài Trung Phong thiền sư tặng cho Thái tử nước Hàn như thế nào?

Đáp: Bài kệ ấy là:

Đời người giống như huyền trong huyền.

Trần thế gặp nhau ai là ai?

Cha mẹ chưa sanh ai là ta?

Một hơi không vào ta là ai?

Đòi người cũng như huyễn ở trong huyễn, huyễn đã chẳng phải thật rồi, lại huyễn ở trong huyễn, bây giờ ở ngoài thế gian gặp nhau, tự mình còn chưa biết mình, biết ai là ai? Chỉ biết việc ở ngoài mà chẳng biết mình thì làm chủ cho mình chẳng được, chẳng làm chủ cho mình được thì chẳng thể tự do tự tại, phải luôn chịu khổ. Tâm thân này khi cha mẹ đã sanh là ta, lúc cha mẹ chưa sanh ai là ta? Một hơi thở chẳng hít vào thì ta lại là ai? Thai trâu bụng ngựa cũng không biết, làm chó làm mèo cũng không biết.

Hiện nay chúng ta đang khỏe mạnh, nếu không y theo lời của Tổ, của Phật để tham cứu, chỉ biết ở ngoài, chỉ biết người khác mà chẳng biết mình là cái gì, khổ sẽ còn mãi mãi, không biết chừng nào hết.

Hỏi: Khi tham thiền, vọng tưởng nổi nhiều phải làm sao?

Đáp: Không cần để ý đến vọng tưởng, vọng tưởng nổi lên bao nhiêu mặc kệ, đừng biết tới, chỉ chú ý câu thoại đầu, hỏi thăm trong bụng, có hỏi thì có đáp, hỏi không hiểu, đáp không ra, cứ hỏi tới mãi, khi thoại đầu quen thuộc rồi vọng tưởng tự nhiên nổi không lên. Vì nghi tình là cây chổi automatic, khỏi cần tác ý muốn quét, nó tự động quét sạch.

Hỏi: Tại sao nói “Sanh tử là việc lớn”?

Đáp: Trung Phong Pháp Ngữ nói “Phải xem sanh tử là việc lớn”, trong *Thiền Thất Khai Thị Lục*, ngài Lai Quả nói “Tự mình có bệnh lớn mà không hay, cứ cho rằng mỗi ngày ta ăn ba tô cơm thì làm sao có bệnh ư? Ấy là bệnh gì? Là bệnh sanh tử vậy”. Bệnh sanh tử này từ vô thủy đến bây giờ, cứ bệnh hoài, chưa dứt. Tại sao? Nay chúng ta được cái thân người này, không biết trải qua bao nhiêu kiếp trong thai trâu bụng ngựa, con chó con heo mới được thân người, nếu mất thân này rồi, không biết lại phải trải qua bao nhiêu kiếp mới được trở lại làm người nữa. Nên phải biết đến bệnh sanh tử và rất cần trị cho hết, mới được tự do tự tại, không bị sanh tử trói buộc, khiến mình lại phải chịu khổ.

Tham thoại đầu là giải quyết việc sanh tử. Lai Quả thiền sư nói “Bệnh sanh tử chỉ có thuốc thoại đầu mới trị được”, nay chúng ta tham thoại đầu là trúng thuốc trị bệnh sanh tử. Đòi xưa ngộ đạo được thì đòi nay cũng ngộ đạo được, xưa với nay vốn chẳng khác, khác là do cái chấp tâm phân biệt của mình.

Hồi thời Phật Thích Ca, khi Ngài đưa lên một nhánh bông mà chẳng nói gì cả, trong hội có hơn triệu người, chỉ một mình Ca Diếp ngộ được, ngoài ra một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ kheo, chỉ chứng quả A La Hán, là đi ở nửa đường, chưa về đến nhà. Còn ở Trung Quốc, dưới Mã Tổ có một trăm ba mươi chín người kiến tánh, thế thì chúng tổ xưa với nay chẳng khác. Nói mật pháp chuyển thành chánh pháp, hạ căn chuyển thành thượng căn, ấy là do quyết tâm của mình, chứ chẳng phải do đòi xưa hay đòi nay. Đòi nay ít người ngộ đạo vì đuổi theo vật chất, ham hưởng thụ vật chất, chứ chẳng phải người đòi nay không bằng người đòi xưa.

Hỏi: Thế nào là “Tức tâm là Phật”?

Đáp: Lời nói của Phật, của Tổ chỉ là phương tiện tạm thời đối với đương cơ lúc đó, nên kinh Lăng Nghiêm nói “Phàm hữu ngôn thuyết, giai phi thật nghĩa”. Trong kinh Lăng Già, Phật tự nói “lời nói của ta chỉ là ngôn ngữ vọng tưởng, đừng có chấp thật”, tức bệnh của chúng sanh là bệnh giả, lời nói của Phật là thuốc giả, lấy thuốc giả để trị bệnh giả, bệnh giả hết thuốc giả cũng vô dụng, chứ chẳng phải có thuốc thật.

Nói đến “Tức tâm là Phật”, trong Thiền tông có một công án:

Ngài Mã Tô là một vị Tô rất danh tiếng, dưới Ngài có một trăm ba mươi chín người kiến tánh, từ đời Phật Thích Ca đến nay chưa ai bằng.

- Có người hỏi Mã Tô: Tại sao nói tức tâm là Phật?

- Tại muốn gạt con nín nín khóc.

- Hỏi: Sau khi nín thế nào?

- Chẳng phải tâm chẳng phải Phật.

Nên biết, ấy chỉ là phương tiện tạm thời để gạt con nín nín khóc thôi. Tô sư thiên chỉ chú trọng thực hành, rất kỹ lý luận, chỉ muốn người tham thiền thực hành đến ngộ, lý luận là sở tri chướng, cho nên không cho tâm đi tìm hiểu; muốn hiểu thiền hiểu đạo cũng còn không cho, nói gì đến lý!

Hỏi: “Ngoài bật các duyên, tâm như tường vách”, có phải là công phu không?

Đáp: Nói ngoài bật các duyên, làm sao bật được? Nay người đời cứ hể niệm Phật thì lấy câu danh hiệu Phật trừ vọng tưởng, trì chú thì lấy câu chú để trừ vọng tưởng, quán tưởng lấy cái sở quán trừ vọng tưởng, ấy là sai, nhưng tham câu thoại đầu chẳng phải vậy. Tham thoại đầu không được trừ vọng tưởng, không được buông bỏ vọng tưởng, không được đè nén vọng tưởng. Tại sao? Vì nếu lấy đó làm chánh, mặc dù không có vọng tưởng, vẫn là bệnh, những người khác cho không có vọng tưởng là tốt, nhưng ở Tô sư thiên thì vẫn là thiền bệnh.

Lại, khỏi cần trừ vọng tưởng, vọng tưởng nổi lên bao nhiêu mặc kệ, chỉ đề câu thoại đầu khởi lên nghi tình, nghi tình là cây chổi tự động quét; không những có vọng tưởng cũng quét, không có vọng tưởng cũng quét. Như tôi đã nói ở trên, cái chánh là trị bệnh sanh tử chứ không phải trừ vọng tưởng, tại chấp vọng tưởng là thật, nên mới có sanh tử.

Hỏi: Xin Sư Phụ giải thích những việc thông thường trong Thiền thất.

Đáp: Thiền thất là tham thiền liên tục trong bảy ngày. Nhiều người tưởng “thất” là căn nhà, ấy là sai. Cũng như nhiều người Việt cho “bế quan” là nhập thất, kỳ thật, ý nghĩa hai chữ “nhập thất” ở tiếng Hán là: Vị bổn sư cho phép mấy đệ tử sắp kiến tánh được tự do vào Trương thất để tham hỏi, tức trong cả ngàn người đệ tử, chỉ có vài chục người được quyền tự do ra vào phòng của Hòa thượng Trụ trì để tham vấn, nên gọi là “Đệ tử nhập thất”, chứ không phải đi vào một căn phòng để bế quan.

Ở chốn tông lâm hay Thiền đường Trung Quốc, chỉ có tu sĩ, không có người tại gia, khi cử hành Thiền thất, cũng như đi vào trường thi, phải thi đậu kiến tánh chứ không phải để tập tham thiền. Bây giờ ở đây cử hành Thiền thất là để cho tập tham, cách ngồi tự do, không nhất thiết phải ngồi kiết già, sở dĩ ngồi vì đi mỗi thì ngồi, ngồi mỗi thì đi, chứ không phải cần sự ngồi.

Khi xưa không có đồng hồ, người ta đốt lên một cây nhang, ngồi hết cây nhang thì đi, đi hết cây nhang thì ngồi, nên gọi tọa hương và đi hương, bảo hương thì phải chạy như bay. Trong thiền đường có người tuần hương, hễ ai nói chuyện, cười giỡn, là phạm qui củ, bị đánh hương bằng. Lai Quả thiền sư lúc mới vào Thiền đường, một ngày bị đánh bốn trăm hương bằng, nhưng Ngài hai mươi tám tuổi đã kiến tánh.

Hỏi: Xin thầy cho biết con người không sanh tử như thế nào?

Đáp: Muốn biết con người không sanh tử phải đề câu thoại đầu lên tham, rồi mới biết được. Bây giờ tôi nói cho ông biết, ông làm sao biết được? Ví như tôi đã ăn đường thì biết vị ngọt như thế nào, ông chưa từng ăn qua, dù tôi giải thích chữ “ngọt” từ sáng

đến chiều, ngày này qua tháng kia, năm này qua năm kia cũng chẳng thể hiểu. Nay chỉ cần cho ông ném thử một miếng đường thì "Ồ", hóa ra đường là như thế! Cho nên, chỉ có tự mình tham tự mình ngộ, nếu nói ra được là không cần tham rồi! Chỉ cần Phật Thích Ca nói cho chúng ta biết là được, đâu cần tu chi cho cực khổ! Nếu nói ra, cho biết được, ấy là tri giải, chẳng dính dáng đến sự sanh tử.

Pháp môn Tổ sư thiên này rất kị sự tri giải, nay không học tham thiên mà cầu tri giải, là nghịch ý của Tổ sư. Tri giải là của người khác, chẳng phải của mình, như Trung Phong thiên sư thí dụ "con dẫu", Con dẫu là gì? Là lời nói của Phật, của Tổ, do Phật tự ngộ, Tổ tự ngộ rồi nói ra. Nếu lượm những lời nói của Phật, của Tổ mà cho là của mình thì là giả mạo, vì đó chẳng phải của mình, của mình phải tự ngộ mới được.

Hỏi: Cách thức trong khi dụng công tham thiên như thế nào?

Đáp: Lúc tán loạn phải nhắm mắt tham, hôn trầm phải mở mắt tham. Nếu không bị tán loạn và hôn trầm thì mắt hơi mở, không nhắm hẳn. Người tham thiên chẳng cần biết có nghi tình hay không, cứ hỏi tới hoài, nhưng hỏi từ từ, đừng nên hỏi gấp quá, không được để ý vọng tưởng, hơi thở, cảnh giới tốt xấu, tất cả đều không được để ý. Hễ hôn trầm quá thì lấy nước lạnh rửa mặt, hoặc kiếm công việc khác để làm, vừa làm việc vừa tham là tốt. Tổ sư là muốn chúng ta ở trong động hạ thủ công phu, chứ không muốn chúng ta tìm nơi vắng vẻ để tham. Ở trong động tập tham lâu nhập nhưng mau kiến tánh, còn ở nơi vắng lặng tập tham mau nhập nhưng lâu kiến tánh, ba trăm năm không được kiến tánh, muốn mau lại thành chậm, nhiều người sơ cơ cứ cho là ở trong động khó tập, mặc dù khó nhưng lâu ngày cũng có thể thâm nhập được.

Hỏi: Sao tham thiên hay quên những việc ở ngoài?

Đáp: Có quên là tiến bộ, quên là quên việc ở ngoài, còn câu thoại đầu thì không quên. Việc ở ngoài quên nhiều chừng nào tốt chừng nấy, như ngài Lai Quả nói "Sau cùng phải quên cả thế giới, quên đi thân tâm, mới đạt đến cảnh giới chơn tham", "vô tham tức chơn tham", vô tham tức không biết mình đang tham, quên cả việc đang tham thiên, nhưng nghi tình vẫn còn, lúc đó đã đến thoại đầu rồi, nên những gì thông minh lanh lợi xưa nay trở nên khờ ngốc, nhưng thật tế là tiến bộ.

Muốn đạt đến cảnh giới chơn tham, như Lai Quả thiên sư nói "Hễ người ta gọi tên tuổi của mình, vẫn biết trả lời được tức chưa phải chơn tham; người khác hỏi mà mình quên cả tên gọi, mới là chơn tham".

Hỏi: Khi tham thiên quên hết, gặp việc thì thế nào?

Đáp: Chẳng có sao cả, ví như ngài Hư Vân, hai ba tháng quên ăn cũng chẳng sao, lại sống đến 120 tuổi. Chỉ cần giữ được căn bản "vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ", thì sự dụng của Tự tánh mau được hiện ra, tự động chứ không cần phải lo sợ. Cái gì cũng phải quên, chỉ có thoại đầu là không được quên.

Hỏi: Sao câu thoại đầu có lúc đề lên rõ ràng và có lúc không rõ ràng?

Đáp: Nếu không rõ ràng phải đề chậm một chút, từng chữ một, rõ ràng phân minh, hễ đề gấp quá thì không rõ ràng. Đối với một số người, tâm quá gấp bách, cứ muốn đề mau, để khiến thần kinh căng thẳng, ấy cũng không được, phải đề chậm lại, nếu quá căng thẳng phải đề cho thật chậm.

PHẦN 7.

Hỏi: Tại sao chúng sanh tạp dụng tâm?

Đáp: Hàng ngày chúng ta mặc áo ăn cơm là tạp dụng tâm, nhưng Tổ sư đã kiến tánh rồi thì mặc áo ăn cơm không tạp dụng tâm. Tại sao nói mặc áo ăn cơm là tạp dụng tâm? Có một công án:

- Một ông quan hỏi một vị Thiền sư đã kiến tánh: Ngài có tu hành không?

- Đáp: Có chứ.

- Hỏi: Tu bằng cách nào?

- Đói bụng thì ăn cơm, buồn ngủ thì đi ngủ.

- Vậy thì ai ai cũng tu hành rồi! Ai lại chẳng đói ăn mệt ngủ!

- Khác.

- Khác ở chỗ nào?

- Ta ăn cơm chỉ là ăn cơm, còn quý vị ăn cơm chẳng chịu ăn cơm, cứ so đo đủ thứ; ta ngủ chỉ là ngủ, còn quý vị chẳng chịu ngủ, trăm điều suy nghĩ.

Ấy là tạp dụng tâm.

Hỏi: Sao gọi câu thoại đầu của mình và câu thoại đầu của người ta?

Đáp: Ý nói niệm thoại đầu là câu thoại đầu của người ta; nếu chỉ ở trong bụng thâm niệm câu thoại đầu mà không có nghi tình, là câu thoại đầu của người ta. Còn câu thoại đầu của mình là hỏi, vừa hỏi vừa thắc mắc, không hiểu nổi, đáp không ra, hỏi tiếp mãi, ấy là câu thoại đầu của mình.

Hỏi: Thế nào là chánh tín?

Đáp: Tin tự tâm là Phật gọi là chánh tín, tin ngoài tâm có Phật là tà tín. Tham thiền phải tin tự tâm, nếu không tin tự tâm thì dụng công thế nào cũng không được kiến tánh. Vì kiến tánh là kiến cái tự tâm, kiến tự tánh Phật, nếu không tin tự tâm thì làm sao kiến? Chỉ tin pháp môn, dù thực hành bao nhiêu năm, cực khổ bấy nhiêu cũng không thể kiến tánh được, nên phải tin tự tâm.

Hỏi: Thiền tông giảng kinh có lọt vào kiến giải như Giáo môn không?

Đáp: Sự giảng kinh của tôi khác hơn các Pháp sư giảng kinh Giáo môn. Vì tôi giảng kinh là muốn mọi người tăng trưởng lòng tin tự tâm, chứ không phải là giải thích giáo lý cho người ta biết thêm về giáo lý cao siêu. Lúc tôi giảng kinh là quét giáo lý, dù giáo lý cao siêu hơn Phật cũng quét luôn, chỉ lấy tất cả tinh thần chú vào câu thoại đầu để được mau kiến tánh.

Hỏi: Sự minh tâm kiến tánh của người tu và học thuyết khác nhau ở chỗ nào?

Đáp: Minh tâm tức kiến tánh, kiến tánh tức minh tâm. Bốn chữ "Minh tâm kiến tánh" với sự thật thân chứng còn cách xa lắm, vì minh tâm kiến tánh là lời nói văn tự, còn thật chứng của mình nói không được, ngôn ngữ tiếp xúc không được, tư tưởng suy lường cũng tiếp xúc không được. Nói "Minh tâm kiến tánh" là giả danh, chỉ là phương tiện đặt ra danh từ để hiểu phần nào thôi, thuộc về lý luận, chẳng phải là thật chứng. Thật chứng phải kinh nghiệm.

Hỏi: Tham thiền có cần cố ý khởi nghi tình không?

Đáp: Bắt đầu tập tham phải cố ý khởi nghi tình, tập cho quen. Còn "dụng công ít phí sức" của ngài Trung Phong nói là phải lấy việc sanh tử làm thiết yếu; vì không chừng ngày mai là mình chết rồi, chết thì chẳng biết đi về đâu, nay còn mạnh khỏe, phải

tranh thủ giải quyết cho xong. Cho nên lấy việc sanh tử làm sự thông thiết, lâu ngày trở nên ít phí sức, ban đầu phải từ lạ tập thành quen.

Hỏi: Làm thế nào để tin tự tâm là Phật?

Đáp: Ấy là do chấp thật vào lời nói; lời nói chỉ là phương tiện tạm thời, dù là lời nói của Phật, nhưng hễ chấp thật là sai. Phải ở trong lời nói hiểu ý Phật. Đức Phật thường thí dụ rằng “lời nói chỉ là ngón tay chỉ mặt trăng, nếu hiểu theo ngón tay là sai lầm, phải nhờ ngón tay chỉ mà ngó thấy mặt trăng”. Ý của Phật muốn chúng ta nhờ vào ngón tay chỉ mà thấy được mặt trăng, chứ không phải muốn chúng ta hiểu về ngón tay.

Hỏi: Khi nào chư Tổ dùng “khâu đầu thiên” để khiến người khai ngộ?

Đáp: Khâu đầu Thiên là nói những người không có ngộ, chỉ mượn nước miếng của người khác để dạy người, nên gọi khâu đầu thiên, chỉ là nói bằng miệng, với kinh nghiệm thật tế chẳng đáng gì. Sự ngộ là do người tham đến cảnh giới đó được ngộ, chứ chẳng phải là nhờ khâu đầu thiên được ngộ. Đến khi công phu thành khối rồi, gặp nhân duyên gì cũng có thể được ngộ.

Hỏi: Theo lẽ thường, Sa di theo thầy học đạo 15 năm, khi thầy xét thấy vị Sa di đó có giữ giới, có đạo hạnh, thì thầy mới dạy Thiền. Nếu theo lời Sư phụ dạy, có phải thiếu phần nào không?

Đáp: Thầy đó không phải là tôi. Tôi dạy pháp tham Tổ Sư Thiền, pháp thiền này ai cũng tu được, bà lão 80 - 90 tuổi cũng tham được, con nít 6 - 7 tuổi cũng tham được, chưa làm Sa di cũng tham được, huống chi đã là Sa di rồi! Còn vị thầy mà cô nói, thầy dạy thiền gì tôi không biết, cho nên không thể nói là đúng hay không đúng. Theo giới luật thì con nít 7 tuổi là có thể làm Sa di, trong giới luật gọi là Khu-ô Sa di, tức biết đuổi quạ là có thể làm Sa di.

Hỏi: Khi tham, câu thoại đầu bị lạc qua câu khác, có được không?

Đáp: Không được, phải trở về câu bản tham, giữ câu bản tham của mình, không được lạc qua câu khác.

Hỏi: Thế nào là hữu tình, vô tình thuyết pháp?

Đáp: Hữu tình là do tâm tạo, vô tình cũng do tâm tạo. Nói “vô tình thuyết pháp” là khi người dụng công tham đến nghi tình thành khối rồi, gặp vô tình nào cũng thuyết pháp cho mình ngộ được, chứ chẳng phải thật có vô tình thuyết pháp.

Hỏi: Thế nào là thấy bản lai diện mục?

Đáp: Thấy bản lai diện mục tức kiến tánh. Ngộ có chứng ngộ và giải ngộ, kiến tánh là chứng ngộ, còn giải ngộ chẳng phải chứng ngộ, đối với sanh tử chẳng đáng gì cả.

Hỏi: Làm sao phá bỏ năng tri và sở tri?

Đáp: Không cần phá bỏ. Tôi dạy mọi người không được buông bỏ vọng tưởng, không được đè nén vọng tưởng. Không được phá trừ, cũng không cần tác ý phá trừ, chỉ đề khởi câu thoại đầu tham tới mãi, nghi tình là cây chổi tự động quét sạch.

Về vấn đề năng tri và sở tri: Lục căn là dùng để tri, phải không? Nhưng trong Tâm Kinh nói “Vô nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý”, chữ Vô là cây chổi để phá lục căn, vì cái tri do lục căn tiếp xúc lục trần, sanh ra lục thức, ấy là vọng tri. Trong quyển 2 của kinh Lăng Nghiêm, Phật thí dụ rằng do con mắt bệnh nên thấy hoa đóm trên không, thật ra trên không chẳng có hoa đóm! Cũng như thấy có núi sông đất đai, có quốc độ chúng sanh, có Phật, Bồ tát v.v. tất cả đều do con mắt bệnh từ vô thi, do có biết mới thấy như

thế. Cũng trong kinh Lăng Nghiêm nói “Tri giác nãi chúng sanh”. Có tri giác tức thành chúng sanh. Chư Phật chẳng phải không có tri giác như gỗ đá, nhưng tri giác của Phật chẳng năng sở đối đãi, không có năng tri sở tri, năng giác sở giác, vì năng sở đối đãi là do tâm tạo, là vọng.

Trong kinh Lăng Nghiêm còn nói “Dầu cho diệt hết tất cả kiến, văn, giác, tri, trong giữ u nhân, vẫn là bóng phân biệt của pháp trần”, huông là lấy cái tri của lục căn tiếp xúc lục trần! Có cái tri rõ ràng, cũng là cái vọng rõ ràng.

Hỏi: Tham thiền có cần kiến giải không?

Đáp: Về Giáo môn là phải tìm hiểu giáo lý, nhưng giáo lý chỉ thuộc về lý luận, theo Giáo môn là tín, giải, hành, chứng, bất cứ pháp môn nào, trước tiên phải tín, giải là hiểu, hiểu được giáo lý rồi phải thực hành, có thực hành mới chứng theo từng cấp bậc. Còn Thiền môn cũng có tín, có giải, nhưng sau khi bắt đầu thực hành thì mọi sự hiểu biết, kiến giải phải cắt đứt, gọi là hành khởi giải tuyệt. Nên đã thực hành tham thiền rồi còn đi tìm hiểu, ấy là hồ nghi chứ chẳng phải chánh nghi.

Hỏi: Tu thiền một thời gian được phát huệ, sau đó lại trở nên khờ khạo, vậy có mâu thuẫn không?

Đáp: Đó không phải là mâu thuẫn, mà là tùy theo căn cơ trình độ của mỗi người có khác, nên có sai biệt. Có người phát huệ được tiểu ngộ, tức trải qua nhiều giải ngộ, đó đối với những người ham tri giải có thể được, nhưng không phải cần thiết, vì có một số người sau khi phát huệ tiểu ngộ rồi, lại bị cái huệ đó chướng ngại, chẳng được tiến tới nữa. Đối với những người không cầu tri giải thì khỏi cần tiểu ngộ mà trực chứng đại ngộ, ấy là tốt hơn.

Thật ra việc phát huệ không phải có ích mà là có hại, bởi vì thường do được phát huệ rồi lại tăng thêm ngã chấp, Phật pháp phải phá ngã chấp, nếu không phá được ngã chấp lại còn tăng thêm là có hại. Nhưng vì lúc ban đầu chỉ có một mình tôi hoằng dương pháp Tổ Sư Thiền, do muốn tăng trưởng lòng tin cho mọi người, nên đưa ra sự thật về việc phát huệ của Phật tử cho người ta dễ tin, sau này lòng tin của mọi người vững rồi, thì tôi nói với Phật tử rằng sự phát huệ đó không cần thiết. Nếu như phát huệ mà không khởi chấp thì còn được, nhưng hễ chấp vào đó thì bị chướng ngại vô cùng.

Bên Giáo môn muốn phát huệ mà không được, còn Thiền môn đạt được phát huệ là phải quét, chẳng những giải ngộ phải quét, chứng ngộ cũng phải quét! Sau khi phá được Sơ quan xong không quét sạch là chẳng thể tiến đến Trùng quan; phá được trùng quan mà không quét thì chẳng thể tiến đến Mạt hậu Lao quan. Do đó, chứng đại ngộ rồi cũng còn phải quét, chứ chẳng phải chỉ quét tiểu ngộ mà thôi.

Hỏi: Học thuyết của Lão Trang có giống tông chỉ pháp môn Tổ sư thiền không?

Đáp: Khác. Học thuyết Lão Trang còn ngã chấp; chấp chỗ thanh tịnh vô vi là tốt, còn đối với Tổ sư thiền thì thanh tịnh gọi là thiền bệnh. Tổ sư thiền lấy Vô Sở Trụ làm căn bản, chẳng lọt vào bên động, chẳng lọt vào bên tịnh, cũng chẳng lọt vào trung đạo, chẳng lọt vào chỗ nào cả.

Hỏi: Minh nhờ người khác cứu độ được không?

Đáp: Trồng bí được bí, trồng đậu được đậu, nếu không trồng bí mà mong cầu Phật cho mình quả bí, có được không? Có nhân mới có quả, không gieo nhân muốn có quả, ấy thành chẳng có nhân quả rồi. Nếu không có nhân quả tức không có Phật pháp. Nói đến vấn đề "Cầu", có cầu là phá hoại nhân quả, tức phá hoại Phật pháp. Nếu khỏi cần

nhân mà có quả là không có nhân quả, không có nhân quả thì làm ác cũng chẳng sao, làm ác nhân rồi cầu Phật cho mình thiện quả cũng được vậy! Và lại, cầu là thuộc về mê tín, Phật pháp là chánh tín, chánh tín phải phá trừ mê tín mới có thể giải thoát sanh tử, đạt đến tự do tự tại vĩnh viễn, nên phải tự độ độ tha.

Hỏi: Thế nào là ác kiến ngoại đạo?

Đáp: Theo Giáo môn, ác kiến có năm thứ: Thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ:

Thân kiến là chấp cái thân ta là thật, tất cả đều qui về thân ta trên hết.

Biên kiến là chấp về tương đối, chẳng chấp có thì chấp không, chẳng chấp thường thì chấp đoạn, chẳng chấp chơn thì chấp giả v.v.

Tà kiến là chấp không có nhân quả, hễ có sở cầu là lọt vào tà kiến, vì không cần nhân mà mong cầu được quả.

Kiến thủ là chấp vào ý kiến nào cao nhất, ví như nói vũ trụ là do một vị chúa tể nào tạo ra.

Giới cấm thủ: Ví như ở Ấn Độ có phong tục không ăn thịt heo, vì cho rằng ăn thịt heo không được giải thoát, giữ giới cấm ấy gọi là giới cấm thủ

Hỏi: Thiên tông lấy tâm truyền tâm, tại sao lại có truyền y bát?

Đáp: Về việc truyền y bát, bởi trước khi Tổ Đạt Ma từ Ấn Độ sang Trung Quốc, người Trung quốc chưa biết pháp môn Tổ Sư Thiên, nên có việc truyền y bát để làm vật tin cho người. Đến đời Lục Tổ thì việc truyền y bát trở thành sự tranh giành, và lòng tin của mọi người đã vững, nên không cần truyền y bát nữa.

Còn về vấn đề truyền tâm ấn, nói là truyền, kỳ thật không phải có tâm ấn thật để truyền, chỉ là trò kiến tánh rồi thầy ấn chứng cho, gọi là truyền tâm ấn. Nhưng đến đời sau này thì dù trò chưa kiến tánh, thầy vẫn ấn chứng, khiến việc truyền tâm ấn bị gián đoạn, tức sự ngộ bị gián đoạn. Thời nay, nói đến chữ "truyền" chỉ là truyền thừa sự thực hành đúng theo chánh pháp mà thôi. Như ngài Hư Vân đã ngộ, nhưng thầy của Ngài chưa kiến tánh; Lai Quả thiên sư đã ngộ mà thầy của Ngài cũng chưa ngộ.

Cũng như tôi chưa kiến tánh, chưa được truyền tâm ấn, nhưng vì tôi may mắn biết được cách thực hành tham Tổ Sư Thiên, nên tôi chỉ truyền lại cho quý vị về cách thực hành Tổ sư Thiên. Về cách thực hành, nếu siêng năng, quyết tử tham sẽ được ngộ, còn lười thì chẳng được ngộ. Trong lịch sử Thiên tông, cũng có trường hợp trò được ngộ mà thầy chưa kiến tánh, thầy lẽ trò trở lại làm thầy, còn tâm ấn thì không có truyền nữa.

Hỏi: Tham thiên đến đâu sào trăm thước thế nào?

Đáp: Tham thiên đến đâu sào trăm thước tức là công phu thành khối vẫn nằm trong ý thức, phải lìa ý thức mới kiến tánh. Nói kiến tánh, nếu chấp "thật có Phật tánh" ấy là thêm, nếu chấp "không có Phật tánh" ấy là bớt, tự tánh chẳng thể thêm bớt, nên không thể dùng ngôn ngữ văn tự diễn đạt được, phải tự ngộ tự biết.

Hỏi: Tu hành đến một lúc nào đó sẽ có thần thông, phải không?

Đáp: Theo pháp môn khác như Mật tông thì tôi không biết rõ, nhưng theo pháp môn Tổ sư thiên rất kỵ thần thông. Lịch đại Tổ sư kiến tánh rồi đều có thần thông nhưng không cho ai biết, có khi sơ hở lộ ra cho người biết rồi liền thị tịch. Thần thông là bản tánh mọi người sẵn có, chứ không phải do học mà được, nhưng cái thiết yếu là cần phải đạt đến tự do tự tại, giải thoát vĩnh viễn, còn về thần thông, theo trong kinh Lăng

Nghiêm, tà ma ngoại đạo cũng có thần thông, nhưng chỉ khiến tạo thêm tội địa ngục chứ chẳng thể giải thoát. Cho nên Tổ sư thiên rất kị thần thông.

Hỏi: Thế nào là "Bọt nước hư không trong biển giác"?

Đáp: Trong kinh Lăng Nghiêm có thí dụ "Giác tánh của mình là một biển lớn, hư không chỉ là một bọt nước trong biển, còn các thế giới như thế giới Ta Bà, thế giới Cực Lạc, thế giới Lưu Ly v.v. thì kiến lập ở trong bọt nước đó. Hễ bọt nước bề là hư không tan nát, qui về biển giác, không có hư không thì thế giới còn không? Thế giới kiến lập ở đâu? Nếu đã hiểu kinh Lăng Nghiêm thì vấn đề này không cần hỏi nữa.

Hỏi: Kiến tánh rồi có thành Phật không? Như vậy là có sở cầu, có sở đắc không?

Đáp: Kiến tánh không phải có Phật để đắc, Đức Phật trong kinh Kim Cang nói "Nếu ta có thật chứng đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, thì Phật Nhiên Đăng đã không thọ ký cho ta thành Phật hiệu Thích Ca Mâu Ni, vì vô sở đắc nên Phật Nhiên Đăng thọ ký cho ta thành Phật, hiệu Thích Ca Mâu Ni". Sau khi ngộ rồi mới biết trước kia chưa từng mê, tức sự ngộ ấy chỉ là biết mình là cái gì, biết mình đã sẵn có thôi, chứ không phải có đắc thêm cái gì từ bên ngoài.

Hỏi: Trước kia đề lên câu thoại đầu khó khởi nghi tình, nay tham được dễ dàng rồi lại khởi vọng niệm muốn giúp cho người này, người kia, ấy là thế nào?

Đáp: Ấy là do thói quen từ xưa nay, đừng nên để ý, cũng đừng nổi niệm muốn giúp hay không muốn giúp, nói "muốn giúp" cũng không được, nói "không muốn giúp" cũng không được, chỉ để ý câu thoại đầu. Tham thiên chỉ là một câu thoại đầu, ngoài nghi tình ra, không được nổi thêm một niệm nào, cũng đừng có nói là quyết tử hay không quyết tử. Ngoài câu thoại đầu ra, hễ nổi lên một niệm khác là biệt niệm, là thiên bệnh. Cho dù nổi niệm muốn độ hết tất cả chúng sanh cũng là biệt niệm, muốn hiểu thiên hiểu đạo cũng là biệt niệm.

Hỏi: Dụng công cách nào khi thân thể có bệnh?

Đáp: Chẳng có phương tiện gì khác, chỉ có một câu thoại đầu: Hôn trầm cũng đề câu thoại đầu, tán loạn cũng đề câu thoại đầu, chỉ để ý câu thoại đầu, ngoài ra bất cứ hôn trầm, tán loạn, vọng tưởng, thanh tịnh v.v. cũng chỉ là đề câu thoại đầu. Lúc vọng tưởng nhiều, không biết tới; lúc không có vọng tưởng, được yên tịnh, cũng không biết tới, đừng có sợ hôn trầm, vọng tưởng, tất cả đều không biết tới.

Hỏi: Phạm tứ trọng giới, tu lại có thành Phật không?

Đáp: Trong Đại Tạng Kinh và Chứng Đạo Ca đều nói "Tất cả chúng sanh đều được thành Phật". Tỳ kheo Dũng Thí phạm hai giới Ba la Di: Sát và dâm, sau khi phạm ăn năn sám hối, muốn tự tử và nhảy từ trên cao xuống, nhưng được cứu sống, sau đó quyết tử tu nên nay đã thành Phật.

Ý nghĩa của hai chữ sám hối: Sám là diệt tội phá giới, Hối là sau này không được tái phạm. Nếu còn tái phạm thì sự sám lần trước không tác dụng, tội còn nặng thêm. Có người buổi sáng sám hối, buổi chiều lại tái phạm, vậy làm sao diệt tội?

Sám hối diệt tội chỉ có thể diệt tội phá giới, còn tội nhân quả thì chẳng thể diệt được, cho nên, khi phạm tứ trọng giới Ba La Di của Tỳ kheo, nếu triệt để sám hối, quyết tử tham thiên có thể thành Phật.

Hỏi: Tham thiên đến khi phát khởi chơn nghi, sự khai ngộ có bằng với chư Tổ không?

Đáp: Nếu đã đạt đến chơn nghi thì có thể khai ngộ bằng với chư Tổ, bằng Phật nữa. Nói Tham thiền kiến tánh thành Phật, ấy là cái lý, còn về sự, do tập khí lâu đời, nên khi kiến tánh thì sự ngộ bằng Phật, nhưng sức dụng so với Phật còn xa lắm, phải dứt sạch hết tập khí thế gian, tập khí xuất thế gian.

Hỏi: Khi tu pháp môn Tổ Sư Thiền, kiến tánh rồi có còn tiếp tục tu nữa không?

Đáp: Nói “Kiến tánh” là tự tánh tự hiện, gọi là kiến tánh thành Phật. Tổ sư thiền có ba lớp: Sơ quan, Trùng quan, Mạt hậu lao quan.

- Phá Sơ quan rồi cũng gọi là kiến tánh, nhưng chưa rốt ráo, thấy thì thấy nhưng rất mơ hồ, phải tiến thêm.

- Đến khi phá được Trùng quan, cũng gọi là kiến tánh, thấy thì thấy rõ, nhưng chính vì còn ghi nhớ cái thấy rõ ấy, còn giữ cảnh giới ngộ, không tan rã được; hễ còn ngộ tức sự mê chưa hết, vì mê với ngộ là tương đối, mê là bệnh, ngộ là thuốc, cảnh giới ngộ còn ghi nhớ trong lòng là không được triệt để cứu cánh.

- Đến chỗ Mạt hậu lao quan, cái ghi nhớ, rõ ràng ấy tan rã hết, là đến Mạt hậu lao quan, nên nói “Ngộ rồi đồng như chưa ngộ”.

Mặc dù đến đó, Phàm phu ngộ cũng đến đó, Thập Địa Bồ tát ngộ cũng đến đó, sự ngộ bằng nhau, nhưng sự dụng thì khác xa nhiều. Tại sao? Vì phàm phu dù ngộ triệt để nhưng tập khí thế gian và xuất thế gian còn nguyên, Thập Địa Bồ tát ngộ triệt để, tập khí thế gian đã sạch, tập khí xuất thế gian còn chút ít, rất vi tế. Nên sức dụng của Thập Địa Bồ tát mạnh hơn sức dụng của phàm phu.

Phàm phu nếu ngộ triệt để rồi tập khí cũng sẽ tự hết dần, cuối cùng cũng bằng với Thập Địa Bồ tát, bằng với Phật, thần thông biến hóa, vô lượng vô biên, tất cả đều sẵn có.

Hỏi: Ôn cha mẹ lớn hay ơn Phật lớn?

Đáp: Ở trong Phật giáo có Tứ Ôn: Ôn Phật, ơn cha mẹ, ơn sư trưởng, ơn chúng sanh, tứ ơn đều bằng nhau, không có lớn nhỏ cao thấp. Cho nên, Đức Phật hy vọng mọi người đều thành Phật, chứ không có Phật phải cao hơn, chúng sanh phải thấp hơn. Lại, nói đến tứ ơn thì tất cả chúng sanh; Phật, cha mẹ, sư trưởng, cũng là ở trong chúng sanh, nên hễ báo đáp ơn của chúng sanh là báo đáp hết tứ ơn.

Hỏi: Làm thế nào để đền ơn cha mẹ?

Đáp: Nay chúng ta sanh ở kiếp này thì kiếp này có một cha một mẹ, nếu muốn đền đáp công ơn cha mẹ, phải khiến cha mẹ đạt đến tự do tự tại, vĩnh viễn giải thoát tất cả khổ, ấy mới là triệt để. Nếu chỉ nuôi dưỡng cha mẹ thì khổ của cha mẹ không thể hết được. Cho nên, người xuất gia không có nuôi dưỡng cha mẹ, theo thế gian là bất hiếu, nhưng ở trong Phật pháp gọi là đại hiếu. Sao gọi đại hiếu? Dù ở nhà phụng dưỡng cha mẹ, cha mẹ cũng phải già, phải bệnh và cuối cùng phải chết, chết rồi tùy theo nghiệp báo chịu khổ sanh tử luân hồi, không được giải thoát.

Còn người xuất gia, nếu tự chẳng làm tròn bổn phận, tự chẳng giải thoát được là phụ ơn cha mẹ; phải tận bổn phận của mình, tự giác giác tha, tự mình giác ngộ thành Phật rồi, giác ngộ tất cả chúng sanh. Trong tất cả chúng sanh có cha mẹ của mình, chẳng những cha mẹ kiếp này, kể cả cha mẹ từ vô lượng kiếp cũng bao gồm trong đó. Cho nên, Phật pháp gọi là đại hiếu, hiếu ấy mới triệt để.

Nay chúng ta tham thiền, nếu siêng năng quyết tử tham đến kiến tánh thành Phật thì được viên mãn đại hiếu vậy.

Hỏi: Phật Quan Âm có ngàn tay, ngàn mắt nghĩa như thế nào?

Đáp: Ấy là hình dung cái dụng của Phật tánh, tức dụng của tự tánh. Phật tánh của mọi chúng sanh đều sẵn đủ sự dụng, vô lượng vô biên, mắt thấy khắp tất cả vi trần vô lượng vô biên thế giới, tay có thể lấy tất cả vật trong tất cả thế giới, đâu có hạn chế bởi ngàn tay ngàn mắt! Vì nói vô lượng vô biên thì mọi người khó hiểu, nên lấy ước số một ngàn, chứ chẳng phải một người có ngàn tay ngàn mắt.

Hỏi: Tham thiền có chướng ngại việc làm không?

Đáp: Tham thiền đâu có cấm người đi kiếm cơm ăn việc làm! Chẳng những không chướng ngại đời sống của mình, còn có giúp ích cho đời sống; người nào làm nghề gì cứ chiều theo nghề cũ, vẫn nuôi nấng cha mẹ, Tổ dạy là phải ở trong lao động mà tham, lúc đang làm cũng là lúc đang tham, đâu có chướng ngại! Nên tôi thường nói “Tham thiền đệ nhất, đời sống đệ nhị”, vì nhất thiết do tâm tạo, sinh sống là có nhân quả, còn tham thiền có thể sửa đổi nhân quả, khi tâm lực mạnh rồi nhân quả có thể sửa lại được.

Hỏi: Cầu siêu cho cha mẹ bằng cách nào tốt hơn?

Đáp: Mục đích cầu siêu cho cha mẹ là muốn cha mẹ giải thoát tất cả khổ, đạt đến tự do tự tại, phải không? Vậy tụng kinh lễ sám có thể đạt đến mục đích này không? Nếu không được thì phải có cách khác. Ví như Lai Quả thiền sư nói “Chỉ có câu thoại đầu mới được giải thoát tất cả khổ, đạt đến tự do tự tại”, nếu muốn cầu siêu cho cha mẹ, tự mình phải quyết từ tham thiền, ấy mới là thật tế. Còn về tụng kinh lễ sám, cũng như Lai Quả thiền sư nói “Chỉ gieo trồng được thiện nhân, để muôn ngàn kiếp sau, khi thiện nhân chín mùi mới bắt đầu tham thiền”. Như vậy nay ta bắt đầu tham thiền có phải mau hơn không?

Hỏi: Kiếp này chết rồi, kiếp sau làm sao biết có nhân duyên hay không?

Đáp: Về vấn đề sanh tử, trước mắt chúng ta thấy có sanh tử rõ ràng, nhưng kỳ thật ấy là do vọng tâm của mình ngày đêm hoạt động chẳng ngừng, sanh ra cảm giác sai lầm, mới thấy có sanh tử luân hồi. Tự tánh xưa nay vẫn như thế, vốn chẳng có sanh tử. Hạt giống nhân duyên nằm trong thức thứ tám, cũng như hạt lúa trong kho, dù cất giữ mười năm, trăm năm, vẫn là hạt lúa, không có mất, khi nào gặp trợ duyên, khởi lên hiện hành rồi mới tàn. Hạt lúa là nhân, nhân công trồng trọt, nước tưới, phân bón, nắng mưa; ấy là trợ duyên giúp cho hạt lúa trưởng thành, nên gọi là nhân duyên.

Hỏi: Người tham thiền đối với tình cảm vợ chồng như thế nào?

Đáp: Theo ngũ giới của bậc cư sĩ chỉ cấm tà dâm, không cấm chánh dâm, vợ chồng chính thức thuộc chánh dâm. Còn theo Tổ sư thiền thì không để ý những vấn đề đó, chỉ để ý câu thoại đầu. Nếu đã tập trung tinh thần về câu thoại đầu thì những vấn đề trên đều quét sạch. Nay có nhiều Phật tử, xưa kia thích đi chơi, xem phim, mặc áo đẹp, tham thiền một thời gian sau không thích nữa. Đối với tình vợ chồng cũng thế, khi đi đến cảnh giới đó rồi tự nhiên quét sạch. Lại, nếu muốn chứng quả thì tất cả tình cảm cha mẹ, anh em, bạn bè đều dứt, không chỉ riêng tình cảm vợ chồng. Vì lẽ tình sanh thì trí cách.

Kinh Lăng Nghiêm nói “Tất cả sát, đạo, dâm đều lọt vào ma đạo, không có sát, đạo, dâm thì lọt vào cõi Trời, vẫn chưa ra khỏi luân hồi, vì còn ở trong tương đối”. Nên trong Tổ sư thiền có và không đều quét sạch.

Hỏi: Công án “Động Sơn qua cầu, Huyền Sa qua núi”. Như thế nào?

Đáp: Công án và sự tích của Tổ sư rất nhiều, một ngàn bảy trăm Tổ, sau này đến bảy ngàn công án. Nói tóm lại, Huyền Sa qua núi, đá nhằm cục đá liền ngộ; Động Sơn qua cầu, thấy bóng trong nước cũng ngộ. Bóng nước, cục đá v.v. chỉ là trợ duyên cho sự ngộ, chứ cái ngộ chẳng phải do những thứ đó. Cái chính là do công phu của mình đã tới mức rồi, gặp gì cũng có thể làm trợ duyên khiến ngộ. Nên công án chỉ là trợ duyên, nếu giải thích công án chỉ làm chướng ngại cho sự tham thiền chứ chẳng có ích lợi gì. Như những sách thiền thời nay, đem công án ra giải thích, là nghịch với ý Tổ, làm chướng ngại người tham thiền. Ý của Tổ là muốn chúng ta nghi, hễ giải thích ra thì hết nghi, hết nghi là hết ngộ, Thiền tông gọi là "Lấp bít cửa ngộ của người tham thiền".

Hỏi: Tham câu thoại đầu đề lên câu hỏi, khoảng cách giữa câu hỏi lần thứ nhất với lần thứ nhì có sự kéo dài, vậy đúng không?

Đáp: Câu thoại đầu là câu hỏi, có hỏi thì có đáp, hỏi thầm trong bụng "Khi chưa có trời đất ta là cái gì?" không hiểu, đáp không ra, phải hỏi liền, vẫn đáp không ra, hỏi tiếp, trong đó không có kẻ hở, không có gián đoạn. Nếu có kẻ hở, cũng như Lai Quả thiền sư nói "Thai trâu bụng ngựa ở trong kẻ hở đó nổi lên". Có kẻ hở thì Diêm La Vương thấy được, có thể sai quý sứ đến bắt, còn không có kẻ hở thì vô tướng, hễ vô tướng thì Diêm La Vương chẳng thể thấy.

Hỏi: Con học Phật cứ quên hoài, vậy có phải là cái nghiệp không?

Đáp: Không phải là nghiệp. Nếu cô vì muốn giải quyết vấn đề sanh tử mà xuất gia, thì nay tham thiền là đi đúng con đường giải thoát, nên mới được quên, quên là đúng với đường lối giải thoát, quên thì chẳng bị dính mắc, còn ghi nhớ là dính mắc.

Trong bài *Pháp Môn An Tâm* của Tổ Đạt Ma có nói "Phân biệt ghi nhớ là việc bên chảo dầu sôi lò lửa than, không phân biệt ghi nhớ là sự Niết bàn giải thoát". Hiện nay chùa nào cũng thờ tổ Đạt Ma, tại sao thờ tổ Đạt Ma? Vì Tổ dạy cho người tu giải thoát. Nay nhiều người lấy dòng Lâm Tế, tự nhận là con cháu của tổ Đạt Ma, nhưng lại trái ngược với Tổ, trái ngược với tổ Đạt Ma, tức trái ngược với Phật Thích Ca, thế thì xuất gia làm chi! Chẳng thà ở ngoài đời, học theo pháp thế gian, được hưởng thụ như người đời, đâu cần cực khổ bỏ cha mẹ, anh em gia đình mà không được giải thoát, lại mắc thêm tội của bên chảo dầu sôi lò lửa than, sau này chịu những khổ báo!

Sư phụ giảng về đại ý PHỔ MÔN (Kinh Diệu Pháp Liên Hoa)

Tạo sao gọi là Phổ Môn? Vì tự tánh của mình phổ biến khắp hư không pháp giới, nên gọi Phổ Môn. Kinh này do Tam Tạng Pháp sư Cưu Ma La Thập dịch vào đời Diêu Tần. Sao gọi Tam Tạng? Tam tạng gồm Kinh, Luật, Luận, nếu thông suốt kinh điển gọi là Kinh sư; thông suốt giới luật gọi là Luật sư, thông suốt luận gọi là Luận sư. Ngài Cưu Ma La Thập thông suốt cả kinh, luật, luận, nên gọi Tam Tạng Pháp sư. Pháp sư chuyên về dịch kinh, Sư dịch kinh rất đúng với ý Phật, được nhà Vua đương thời kính trọng. Sư đã nói trước rằng "Nếu tôi dịch kinh sai ý Phật thì hãy đem lưỡi tôi cắt đi; còn nếu tôi dịch đúng ý Phật, sau khi tôi mất, tất cả đều có thể hoại, ngoại trừ cái lưỡi". Sau khi Sư tịch, đem đi trà tỳ, tất cả đều thiêu rụi, chỉ còn lại cái lưỡi. Chứng tỏ các kinh do Ngài dịch không sai.

Lúc Phật đang thuyết pháp, Vô Tận Ý Bồ tát từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch tay áo bên phải, quỳ gối chân phải, bạch Phật rằng: Thế tôn, do nhân duyên gì mà Quán Thế Âm Bồ tát được gọi là Quán Thế Âm?

Phật bảo: Nếu có vô lượng vô biên chúng sanh, đã chịu tất cả khổ, nghe được Quán Thế Âm Bồ tát, nhất tâm xưng danh, thì Quán thế Âm Bồ tát sẽ quán được âm thanh khiến giải thoát.

Theo thế gian thì âm thanh phải dùng tai nghe, chẳng thế dùng mắt thấy, nhưng người kiến tánh triệt để rồi lục căn hỗ dụng, tức dùng mắt nghe được, dùng lỗ tai xem thấy. Chữ Quán là dùng con mắt để nghe âm thanh, ấy là sự dụng của tự tánh, nên ba chữ Quán Thế Âm là chỉ về tự tánh của mình, chứ chẳng phải thật có một vị Bồ tát tên Quán Thế Âm.

Quán Thế Âm Bồ tát, nghe được xưng danh đến cứu giúp: chẳng những thế giới này, kể cả hằng hà sa số vô lượng vô biên vi trần thế giới, hễ chúng sanh nào cầu cứu cũng sẽ được cứu, Ví như đài phát thanh hiện nay có làn sóng mạnh, dù máy radio nhỏ, nếu bắt đúng theo làn sóng cũng có thể thu được. Sức dụng Tự tánh của mình cũng vậy, khắp hư không pháp giới, nếu sự tu của chúng ta quét trống rỗng tất cả, ngũ uẩn giai không, đến cái Không tướng hiện ra, tự tánh tự hiện, tức tự tánh mình cứu mình, chứ chẳng phải Quán Thế Âm Bồ tát hay một người nào đó.

Phải biết Quán Thế Âm Bồ tát là dùng con mắt để nghe chứ không phải dùng lỗ tai, nếu chúng ta dùng con mắt nghe được mới là Quán Thế Âm, đạt đến cảnh giới này tất cả khổ đều được giải thoát.

Ở trên đã nói, ba chữ Quán Thế Âm là tự tánh của mình, mọi người đều sẵn đủ, sức dụng thần thông biến hóa chẳng kém hơn Phật, nên gọi Phật tánh. Sở dĩ Phật phát huy ra hết mà chúng ta chỉ có thể phát huy được một ít, chưa bằng một phần triệu, do phát huy chậm nên gọi là nghiệp lực; nếu được phát huy hết, gọi là thần thông lực.

Sự biến hóa hiện nay của chúng ta chậm đến chính mình cũng chẳng thể biết được; ví như tóc, móng tay, tế bào, mỗi giây phút biến đổi, thân thể mỗi giây phút biến đổi, ngày đêm chẳng ngừng, nhưng tự mình chẳng hay. Hễ biến đổi một chặng thì nhân quả bằng tam thế: Kiếp trước tạo kiếp này, kiếp này tạo kiếp sau, Vì nhất thiết duy tâm tạo, do tâm lực tạo ra nghiệp lực.

Ví dụ tâm lực đến tột đỉnh là một triệu độ, nay tâm lực chúng ta chỉ có một độ, tham thiên mỗi tăng lên mười độ, rồi trăm độ, ngàn độ... Hễ tâm lực tăng đến năm trăm ngàn độ (*phân nửa tâm lực*), lúc ấy có thể biến cái này cái kia, ấy gọi Thần thông lực. Nên kinh Hoa Nghiêm nói “Tâm như họa sĩ tài ba, khéo họa đủ thứ thế giới, họa ra thiên đàng, địa ngục”.

Ở trong này nói đến “trì danh hiệu của Quán Thế Âm Bồ tát”; chữ Trì này nhiều người lầm tưởng cho tụng là trì, mỗi ngày tụng kinh Phổ Môn nói là trì kinh Phổ Môn, mà chẳng biết trì là phải hành trì. Ví như hàng Tăng ni chúng ta phải trì giới, mỗi nửa tháng bố tát (*tức tụng giới*) một lần, nếu cho tụng giới tức trì giới là không đúng, phải theo giới thực hành mới gọi là trì. Trì kinh cũng vậy.

Hễ hành trì đúng pháp thì đạt đến sự dụng như Quán Thế Âm Bồ tát, sức dụng của tự tánh automatic, không qua tác ý, đã đạt đến cảnh giới này thì vào lửa chẳng cháy, xuống nước chẳng chìm, muốn gì được nấy, bởi do nhất tâm mà thần lực được hiện ra, tất cả tai nạn đều được giải thoát. Do nhân duyên này nên gọi là Quán Thế Âm.

Nếu thực hành đúng pháp môn, khi tự tánh hiện ra sức dụng thì bị dao chém đầu mà đầu chẳng bị đứt, dao lại gãy từng khúc.

Trước kia khi đọc đến đây, do chưa hiểu nghĩa này, cho rằng ấy là gạt trẻ con, nhưng nay thì tin được. Việc này giải thích ra thì vô lý, nhưng sự thật như thế.

Những ma quỷ, la sát muốn ăn thịt người, hút tinh khí người, đều chẳng thể hại.

Chẳng những không thể hại được, kể cả con mắt chẳng thể ngó thấy. Trong Thiên tông có một sự tích như sau:

Một vị Tổ sư đã kiến tánh, làm Trụ Trì ở chùa hơn ba mươi năm mà Già Lam Bồ tát không thể thấy mặt vị Trụ trì ấy, vì Sư luôn có một hào quang bao phủ. Một ngày kia, Bồ tát hỏi vị Chủ sự trong chùa: Tôi muốn chiêm ngưỡng chân dung của Sư Trụ trì, ông có cách nào không?

Đáp: Dễ thôi, ngày mai, lúc ăn quả đường, ông làm đổ thùng cơm thì thấy được.

Già Lam Bồ tát làm theo lời của vị Chủ sự, Hòa Thượng Trụ trì thấy vậy liền mắng: Cơm của thí chủ cúng dường, sao bắt cần như thế!

Ngay lúc la mắng, hào quang bị giảm xuống, Già Lam Bồ tát mới có dịp đánh lễ, nhưng sau đó hào quang của Sư lại phủ kín, chẳng thể thấy được nữa.

Mỗi người chúng ta đều có hào quang, chỉ cần tâm lực mạnh. Nên khi sức dụng của tự tánh hiện ra, Bồ tát còn chẳng thể thấy được, nói chi quý thần u!

Bất kể người có tội, bị gông cùm xiềng xích, tất cả khủng bố, tai ương, do nhất tâm xưng danh hiệu của Quán Thế Âm Bồ tát, đều được tan rã, được giải thoát.

Muốn đạt đến nhất tâm thì bình thường phải tu tập, lúc niệm phải nhất tâm, chẳng có một tạp niệm nào. Ví như tham thiền, chỉ có một câu thoại đầu, không có biệt niệm, thì dụng của Tự tánh được hiển hiện.

- Vô Tận Ý Bồ tát, nếu chúng sanh ham dâm dục sẽ được hết dâm dục; ham sân giận cũng sẽ được hết, kể ngu si được trí huệ.

Nay đã có sự thật chứng tỏ, nhiều Phật tử sau một thời gian tham thiền, đối với những ham thích trước kia như ăn mặc đẹp, đi chơi, ca hát v.v. đều tự nhiên bỏ. Tự tánh của mọi chúng sanh sẵn đủ tất cả, chẳng kém hơn Phật, do bị tham sân si che lấp nên chẳng thể phát huy, như bụi che lấp ánh sáng của chiếc gương, nếu quét sạch bụi bậm thì ánh sáng của gương được hiện ra, quét trống bao nhiêu hiện ra sự dụng bấy nhiêu, tức dụng tức không, tức không tức dụng, không tới cực, dụng tới cực, hoạt bát vạn năng, vô lượng vô biên. Ánh sáng gương vốn sẵn đủ, chẳng phải do chùi mới thành gương, Tự tánh của chúng ta vốn sẵn thân thông biến hóa như Phật, chẳng phải do tu mới thành.

Dụng của Tự tánh có đại uy thần lực như thế, nên mới có thể lợi ích cho tất cả chúng sanh, và tất cả chúng sanh đều phải hướng vào tự tánh mà ngộ, phải quét sạch tất cả chấp tâm của mình. Lúc tự tánh hiện ra, chẳng cần dụng cũng được, vì đã tự do tự tại rồi! Nên muốn cầu nam được nam, cầu nữ được nữ, muốn gì được nấy, hễ còn một chút khổ là chẳng tự do tự tại vậy.

Phật bảo: Nếu có người thọ trì 62 ức hàng hà sa số Bồ tát, công đức của người ấy, với phước đức của người thọ trì danh hiệu Quán Thế Âm Bồ tát bằng nhau không khác.

Tại sao nói số 62 mà chẳng phải 61 hay 60? Vì kiến chấp của chúng sanh có 62 thứ: Ấy là: Tứ cú x ngũ uẩn = 20. 20 x tam thể = 60. 60 + Hữu & vô = 62. Tất cả kiến chấp đều không ngoài 62 thứ này, nên lấy ước số 62 để đối trị 62 kiến chấp, chỉ cần một Quán Thế Âm là đủ rồi. Như trên đã nói, Tự tánh vốn đầy đủ tất cả, cùng hư không, khắp pháp giới, tất cả đều chẳng ở ngoài tự tánh. Nói “Tâm bao gồm hư không pháp giới” vẫn chưa đúng, vì cho tâm là tâm, hư không pháp giới là hư không pháp

giới, là nhị; tự tánh bất nhị, hư không pháp giới tức tâm, tâm tức hư không pháp giới; tự tánh tức tâm, tâm tức tự tánh, chẳng hai chẳng khác. 62 ức, nói ra rất nhiều, nhưng gom lại chỉ là bất nhị, chỉ là tự tánh Quán Thế Âm mà thôi, cho nên công đức với phước đức bằng nhau.

Công đức và phước đức của thế gian dù có số lượng nhiều, nhưng lâu ngày cũng hết, còn công đức của tự tánh thì chẳng thể hết, vì bất sanh bất diệt, bất tăng bất giảm. Cho nên, chư Phật chư Tổ chỉ muốn chúng ta được ngộ, khi ngộ rồi sức dụng của tự tánh phát huy, nên phải thọ trì. Thọ trì là muốn quét cho sạch, nay quét chưa sạch thì năng lực ấy chỉ có thể gọi là tiềm năng, tức tiềm ẩn nơi tự tánh.

Nói 32 ứng thân của Quán Thế Âm Bồ tát độ chúng sanh; chúng sanh nào cần Phật thân để độ thì hiện Phật thân, cần thân Bồ tát để độ hiện thân Bồ tát v.v. nói tóm lại chỉ là tùy theo căn cơ của mỗi chúng sanh mà độ như Lục Tổ nói "Tự tánh tự độ", Quán Thế Âm Bồ tát tự tánh tự độ, chúng sanh cũng tự tánh tự độ; tự tánh tự độ tức Quán Thế Âm Bồ tát, chứ chẳng phải là người khác độ. Nếu người khác độ được thì Đức Phật đại từ đại bi, đã độ hết chúng sanh rồi, đâu cần cực khổ mà tu!

Lúc bấy giờ, Vô Tận Ý Bồ tát muốn cúng dường Quán Thế Âm Bồ tát bằng sáu chuỗi Anh-Lạc quý báu, lúc đầu Quán Thế Âm Bồ tát không chịu nhận, và Vô Tận Ý Bồ tát nói rằng: Hãy thương xót chúng tôi mà nhận lấy sáu chuỗi.

Khi ấy Đức Phật cũng nói với Quán Thế Âm Bồ tát rằng “Hãy thương xót Vô Tận Ý Bồ tát và tứ chúng cùng các cõi trời, người, A Tu La v.v. mà nhận lấy”. Vì thế, Quán Thế Âm Bồ tát đã nhận và chia sáu chuỗi thành hai phần, một phần cúng dường Phật Thích Ca, một phần kia cúng dường Thập Phật Đa- Bảo.

Đây là hình dung cho Pháp Thí, nếu như chẳng nghe được pháp bố thí thì chẳng biết tu hành, chẳng thể lìa khổ, Vô Tận Ý Bồ tát vì muốn chúng sanh cùng kính Tam Bảo, vì Ngài là đại diện đương cơ, thay mặt cho tất cả người nghe pháp, gồm tứ chúng: Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, nam nữ cư sĩ và thiên long bát bộ, cúng dường cho Quán Thế Âm Bồ tát. Tự tánh thần lực của Quán Thế Âm Bồ tát khắp thế giới Ta bà và vô lượng vô biên thế giới.

Khi ấy, Vô Tận Ý Bồ tát hỏi Phật: Bạch Thế Tôn, Phật tử do nhân duyên gì, hiệu Quán Thế Âm?

Phật bảo: Đức hạnh của Quán Thế Âm Bồ tát khắp mười phương thế giới, tất cả Phật, Bồ tát đều có đại nguyện sâu như biển cả, chẳng bị thời gian, số lượng hạn chế, chẳng thể dùng trí suy lường. Nay ta nói qua cho biết: Do nghe danh hiệu chẳng bỏ qua cái thân, tâm chẳng bỏ luống qua, đến khi tự tánh được hiện ra thì tất cả khổ đều diệt.

Ở đây nói “nghe danh hiệu thấy cái thân, tâm chẳng bỏ luống qua”, cũng như kinh Lăng Nghiêm nói đến “nghe” là phân văn tự tánh, chứ chẳng phải thật nghe cái danh hoặc thật thấy cái thân, Tự tánh chẳng có hình tướng, như kinh Kim Cang nói “Không có thân mới là đại thân”, nếu có hình tướng thì chẳng phải đại thân. Ví như hiện nay chúng ta tham thiền, nếu chẳng có vọng tưởng cũng chẳng có nghi tình là lọt vào vô ký không, tức là bỏ luống qua, đối với sự tu hành vô ích.

- Giả sử có người muốn hại mình, xô vào hang lửa, do sức dụng tự tánh sẽ hóa hầm lửa thành nước cam lồ, tất cả tai ương, ác thú, binh lửa v.v. đều do sức dụng tự tánh mà được hóa giải, tất cả khổ sanh lão bệnh tử, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. đều được tiêu tan.

- Đạt đến cảnh giới đó gọi là Chơn quán, không còn dính líu gì cả, không có vọng tưởng, tất cả đều trong sạch, luôn cả trong sạch cũng không, gọi là Thanh Tịnh Quán. Lúc đó, trí huệ ấy là Bát nhã, chẳng như trí huệ thế gian, chẳng bị hạn chế bởi số lượng, gọi là Quảng đại Trí Huệ Quán. Quán cái khô của chúng sanh và đem lại sự vui mà tự tánh của mình tự nhiên đạt đến vô-duyên-từ và đồng thể bi, tức chẳng có cái Ta để độ chúng sanh, chẳng có chúng sanh thọ nhận sự giúp đỡ của ta, ta và chúng sanh đồng một thể, gọi là Bi Quán và Từ Quán.

Năm thứ quán: Chơn quán, thanh tịnh quán, quảng đại trí huệ quán, bi quán và từ quán, đều là sức dụng của tự tánh. Người thời nay thường nói “từ bi bác ái”, tưởng từ bi và bác ái giống nhau, kỳ thật là khác nhau như trời với đất; bác ái là chấp ngã, có cái Ta để ban bố cho đại chúng, còn từ bi là chẳng có ngã, chẳng có tự và tha: Chẳng có ta cho đại chúng và đại chúng thọ nhận sự từ bi của ta.

- Bây giờ, chúng ta chưa đạt đến chỗ này, phải thường nguyện thường chiêm ngưỡng, ngày đêm tu hành chẳng gián đoạn, khi cấu bần của tập khí quét sạch, ánh sáng trong sạch của Tự tánh hiện ra, như mặt trời khiến tan rã mây đen, tất cả tai ương, gió lửa bão táp đều tiêu, thế gian được sáng tỏ, mọi chúng sanh đều được thọ nhận mưa cam lồ, những phiền não trước kia được dập tắt. Ấy là do Diệu âm Quán Thế Âm, Phạm âm hải triều âm, cho nên phải thường quán.

Phạn là thanh tịnh, còn hải triều âm là ngày đêm chẳng gián đoạn. Tự tánh của mình cũng thế, mặc dù hiện nay là chúng sanh, nhưng tự tánh từ xưa nay vốn như thế, chưa từng gián đoạn, dù đầu thai thành con trâu con chó vẫn không gián đoạn, nên phải quán Tự tánh của mình. Nay chúng ta tham thiền là trở về tự tánh của mình vậy.

Trì Địa Bồ tát ở trong chỗ ngồi đứng dậy bạch Phật rằng: Thế Tôn, nếu chúng sanh nghe phẩm Quán Thế Âm Bồ tát, tự tại thân thông lực của Tự tánh tự hiện khắp nơi mà công đức chẳng thiếu sót.

Lúc Phật thuyết xong phẩm Phổ Môn, trong chúng có tám mươi bốn ngàn chúng sanh được phát tâm Bồ đề.

Tâm bồ đề tức tâm giác ngộ, tâm giác ngộ tức tâm vô sở đắc, tâm vô sở đắc mới đến giác ngộ cao nhất, nếu còn sở đắc tức còn chấp ngã, chẳng phải tâm Bồ đề, sẽ không đạt đến giác ngộ cao nhất.

PHẦN 8.

Hỏi: Tham thiền dùng câu thoại đầu có thể biết được vật bất thiên không?

Đáp: Nếu dùng trí suy lường là lưu động rồi, phải tự ngộ mới được, muốn ngộ phải tham câu thoại đầu, ngộ rồi mới chứng được vật bất thiên. Trước mắt thấy bất cứ cái gì đều là lưu động, hề dùng vọng tâm hiểu biết thì tất cả đều có sự thay đổi, lưu động, nên ngài Hám Sơn sau khi ngộ rồi mới chứng tỏ là Vật bất thiên: Sau khi ngộ rồi lễ Phật không có tướng lay xuống và đứng lên; mở cửa nhìn ra ngoài thấy lá cây bay lá tả mà lá nào cũng chẳng động; đi vào nhà cầu tiểu tiện chẳng thấy tướng chảy của nước tiểu, nên có câu "Gió bão bay núi mà chẳng động, nước sông đổ gấp mà chẳng trôi", trước kia nghi câu "thế gian tướng thường trụ" trong kinh Pháp Hoa đến đây ngộ được và tan rã, bởi vậy bất thiên là thường trụ. Cũng như tôi đã giải hai câu “Thị pháp trụ pháp vị, thế gian tướng thường trụ”, ngài Tăng Triệu giải câu "Mặt trẻ trụ khi xưa, mặt già trụ nơi nay", tức các tánh trụ nơi một thời, xưa trụ nơi xưa, nay trụ nơi nay.

Nói xưa với nay là để cho mọi người dễ hiểu, chẳng những xưa nay, giây phút thứ nhất trụ nơi giây phút thứ nhất, giây thứ nhì trụ nơi giây thứ nhì, cho nên Không Từ

bắt tay với Nhan Hồi, vừa bắt tay là sự bắt tay đã mất. Giây phút thứ nhì của cơ thể đã khác với giây phút thứ nhất, tế bào đã biến đổi rồi.

Pháp tánh vốn chẳng sanh diệt, thấy pháp tánh sanh diệt là do vọng tâm hoạt động, bây giờ nói do vọng tâm suy lường, ví như nói hoa đốm trên không, đưa trẻ sanh ra nói là hiện hoa đốm trên không, đưa trẻ chết nói là hoa đốm diệt, sự thật thì đâu có hoa đốm trên không mà nói sanh với diệt! Cho nên, Phật nói trong kinh Lăng Nghiêm “Nay thấy tất cả núi sông đất đai, Phật và chúng sanh v.v. đều do kiến bệnh từ vô thi”, kinh Pháp Hoa nói “Chư pháp tùng bản lai, thường tự tịch diệt tướng”, tất cả các pháp vốn là tịch diệt, tịch diệt là bất thiên.

Nghĩa của Bất Thiên là ở trong sanh diệt lưu động thấy được bất thiên, chứ chẳng phải ở trong tịnh, nên việc này phải chứng ngộ mới được.

Sư bà Pháp Thành: Nay con đã phát tâm tham Tô Sư Thiên, nguyện sau này có vãng sanh cũng tiếp tục tu theo pháp môn này chẳng bỏ.

Đáp: Pháp môn tham Tô sư thiên này, như ở trên đã nói, tất cả các pháp vốn là tịch diệt bất động; nếu bất động thì làm sao có vãng sanh và không vãng sanh? Bây giờ thực hành theo đường lối tham thiên chỉ là đề câu thoại đầu khởi lên nghi tình hỏi tới mãi, ngoài ra đừng có nhớ, đừng có biết là được rồi. Còn phát nguyện là tốt, nhưng đã bắt đầu tham thoại đầu rồi thì tất cả đều không biết không nhớ, cũng chẳng cần biết đến sau này có bỏ hay không bỏ, vì đã tiếp tục là không bỏ rồi, cần gì nguyện bỏ hay không bỏ!

Chư Phật lúc chưa thành Phật thì vị nào cũng có nguyện, nhưng sau này nếu không xả bỏ cái nguyện thì chẳng thể thành Phật được. Bản tánh của mình vốn vô sở trụ, cho nên, đến cửa giải thoát rồi là vô tướng vô nguyện, tức nghĩa vô sở trụ, chẳng trụ ở bất cứ chỗ nào, nếu cứ ôm cái nguyện tức có sở trụ .

Hỏi: Con thì theo pháp môn tham thiên, đến khi lâm chung, nếu những người xung quanh niệm Phật phải làm sao?

Đáp: Trước tiên phải có lời dặn "Đã đi theo pháp môn này rồi khỏi cần niệm Phật, tức dù có lòng tốt muốn trợ niệm, nhưng sẽ làm hỗn loạn pháp môn của tôi, vô ích". Nếu người ta không nghe theo, thì mặc cho ai niệm Phật, mình cứ tham câu thoại đầu của mình, không biết tới.

Chớ có nói là lâm chung, trước mắt cũng vậy, vạn pháp tự nó lăng xăng, đâu dính dáng với ta! Ai muốn làm gì thì làm, không biết tới. Chẳng những việc ở bên ngoài không biết tới, ở trong tâm mình, vọng tưởng nổi lên ào ào cũng không biết tới, không có vọng tưởng, được thanh thanh tịnh tịnh, cũng không biết tới, câu thoại đầu được miên mật cũng không biết tới, chớ đừng nói là ngoại cảnh.

Nếu Sư Bà đã quyết tử tham thiên thì khỏi cần lo việc lâm chung nữa, trước mắt nếu làm chủ được thì lâm chung làm chủ được, đến bệnh hoạn vẫn làm chủ được, chiêm bao cũng làm chủ được thì lâm chung tự nhiên làm chủ được. Nên biết, tự tánh vốn chẳng có việc lâm chung, sanh tử vốn chẳng thật, nếu cứ lo cho việc lâm chung, sẽ rất chướng ngại cho sự tham thiên của mình. Cần phải bây giờ làm chủ được, tham câu thoại đầu không bị tất cả ngoại cảnh ảnh hưởng, bất kể người ta đến nói gì; chê cười, phỉ báng, chửi mắng, đều không biết tới.

Hỏi: Triệu Luận nói “Bất sanh bất diệt là thường”, nhưng kinh Duy Ma Cật lại nói “Bất sanh bất diệt nghĩa là vô thường”, vậy thế nào?

Đáp: Tất cả những gì chúng ta thấy được hiện nay đều là sanh diệt, chính cái tâm niệm vừa sanh vừa diệt. Còn tự tánh vốn bất sanh bất diệt, tức ở trong sanh diệt thấy được bất sanh bất diệt, mới là bản tánh của mình.

Nghĩa của tự tánh là vô sở trụ, đối với thường mà nói vô thường, để phá sự chấp của chúng sanh; thường và vô thường là đối đãi, nếu không có chấp thì đâu có thường và vô thường, sanh diệt và bất sanh bất diệt? Như Triệu Luận nói “không phải do lời nói khác biệt mà chơn tâm của Bạc Thánh cũng khác biệt theo”. Nói khác biệt là do muốn giải tỏa bệnh chấp của chúng sanh, lời nói chỉ là phương tiện tạm thời dùng để phá chấp, chứ chẳng phải lời nói là chơn lý.

Cho nên, 36 pháp đối của Lục Tổ trong kinh Pháp Bảo Đàn, hễ người chấp sáng thì nói tối, chấp tối thì nói sáng, chấp thường thì nói vô thường, chấp vô thường thì nói thường v.v. chỉ là để phá chấp mà thôi. Do đó, chớ có chấp vào lời nói mà đánh mất ý nghĩa, phải được ý quên lời. Lời nói của chư Phật chư Tổ thường đối chọi với nhau, kỳ thật là vô sở trụ, là bất nhị.

- Có một ngoại đạo hỏi Phật: Hôm qua thuyết pháp gì?

- Đáp: Pháp định.

- Hôm nay thuyết pháp gì?

- Pháp chẳng định.

- Sao hôm qua định, hôm nay chẳng định?

- Đúng vậy, hôm qua định, hôm nay chẳng định.

Đó chính là nghĩa Vô sở trụ vậy

- Ví như Tăng hỏi Triệu Châu: Con chó có Phật tánh không?

- Đáp: Có.

- Tăng khác hỏi: Con chó có Phật tánh không?

- Đáp: Không.

Lời nói đối chọi nhau, cũng là thể hiện nghĩa vô sở trụ, tức không cho mình trụ ở một pháp nào. Nên Triệu Luận nói “lời của chư Phật chỉ là để giáo hóa chúng sanh, mặc dù nói ra muôn ngàn sai biệt, nhưng ý chỉ là một, là muốn giải tỏa bệnh chấp của chúng sanh”. Còn nói “Tìm đạo ở nơi diệp ngộ”, nay chúng ta chưa được diệp ngộ, tập khí ham tìm hiểu giáo lý, tăng thêm tri giải, cho nên kinh Đại thừa liễu nghĩa là để phá tri giải của mình, chấm dứt tâm tìm hiểu, mới chuyên tâm tham cứu câu thoại đầu để được ngộ. Nếu còn muốn hiểu thấu giáo lý, cũng như nhìn vào ngón tay, không chịu nhìn theo ngón tay chỉ, là nghịch với ý của chư Phật chư Tổ.

Hai chữ "giáo lý" chỉ để phá chấp mà thôi, chẳng phải có cái giáo lý cao siêu gọi là "chơn lý" để cho biết, cho tăng thêm ngã chấp. Ý của Phật là muốn chúng ta kiến tánh thành Phật, nên mới có pháp môn tham thiền. Nếu hiểu theo lời nói của người khác, ấy là của người khác, chẳng phải của mình; nếu cho là phải hiểu được giáo lý của Phật rồi mới chơn tu, thì hai chữ giáo lý chính là bảo mình nhìn vào chỗ đen tối, nhìn chỗ ngón tay chỉ, và nay tham thoại đầu là nhìn vào chỗ mịt mù đen tối không biết gì cả.

Triệu Luận nói “Như Lai vì trị bệnh chấp của chúng sanh, mới đặt ra cái này cái kia để phá chấp, gọi là giáo lý”. Nếu cứ muốn nghiên cứu giáo lý, tức muốn nghiên cứu ngón tay mà chẳng chịu nhìn chỗ ngón tay chỉ, là hiểu lầm giáo lý, nghịch với giáo lý.

Nay có nhiều người hiểu lầm như thế, cho là hiểu biết giáo lý, làm thầy để dạy về giáo lý, khiến đánh mất tác dụng của giáo lý.

Hỏi: *Đã tham thiền rồi còn đi tụng giới sám hối không?*

Đáp: Lai Quả thiền sư trong Thiên Thất Khai Thị Lục nói “Nay chúng ta tham câu thoại đầu là giới định huệ đầy đủ”, chẳng những giới định huệ, tất cả pháp đều đầy đủ trong đó. Tại sao? Vì ngoài tâm đâu có pháp! Tất cả tâm pháp và thế gian pháp đều không ở ngoài tâm, nay tham câu thoại đầu là trở về chơn tâm của mình, không chỉ là giới, cả định lẫn huệ đều đầy đủ.

Nói đến sám hối thuộc về bên giới, hễ có phạm giới thì phải phát lồ sám hối. Nay ôm câu thoại đầu khởi lên nghi tình, suốt ngày đêm đều ở trong nghi tình, đâu còn khởi tâm phạm giới? Ngày đêm khởi lên nghi tình là định, căn bản của Phật pháp là vô sở trụ, vô sở trụ tức huệ, nên giới định huệ đủ cả. Tất cả tụng kinh, niệm Phật, hay việc thế gian công thương kỹ nghệ đều ở trong đó, chẳng có ở ngoài.

Hỏi: *Lai Quả thiền sư nói “Từ Chùa Kim Sơn đến ở Chùa Cao Môn cảm thấy mới, ở Chùa Cao Môn được ba mươi năm thì Chùa Kim Sơn trở nên lạ”. Như thế nào?*

Đáp: Ấy là vấn đề lạ với quen, từ lạ trở thành quen, từ quen trở thành lạ. Vọng tưởng của chúng ta đã quen thuộc từ vô thi đến nay, còn câu thoại đầu thì mới lạ, hôm nay cũng tham, ngày mai cũng tham, tham mãi khiến câu thoại đầu ngày càng quen, vọng tưởng ngày càng lạ. Hễ câu thoại đầu quen được một tháng thì vọng tưởng lạ bớt một tháng; câu thoại đầu quen được một năm thì vọng tưởng lạ đi một năm. Cũng như trước ở Chùa Kim Sơn ba mươi năm, nay mới về Chùa Cao Môn thì Chùa Kim Sơn là quen, Chùa Cao Môn là lạ, từ từ ở lâu rồi quen dần, ở Chùa Cao Môn được một năm thì Chùa Kim Sơn lạ đi một năm, đến khi ở được Cao Môn ba mươi năm thì Chùa Kim Sơn trở nên hoàn toàn lạ. Tham câu thoại đầu cũng vậy, hễ câu thoại đầu trở nên quen thuộc thì vọng tưởng sẽ thành lạ, và tham mãi vọng tưởng nổi lên chẳng được nữa.

Hỏi: *Thế nào là Mật tông?*

Đáp: Mật tông là tam nghiệp gia trì: Tâm quán tưởng, thân kiết ấn, miệng trì chú. Ba thứ đồng thời ấy phải có Thượng sư đích thân truyền dạy mới được. Nay có người cho niệm chú là Mật tông, ấy là sai lầm. Mật tông cũng phải phá ngã chấp, Tịnh độ cũng phải phá ngã chấp, mới hợp với nhân quả. Nhiều người do tự mình tu không đúng tông chỉ của pháp môn, trở lại phỉ báng Phật pháp không hiệu nghiệm, là phỉ báng Phật Pháp Tăng, tạo tội địa ngục. Bất cứ tu pháp môn nào; Thiên tông, Mật tông, Tịnh độ, tất cả đều là phương tiện của Phật dạy, phải tu đúng theo tông chỉ mới được.

Hỏi: *Tu Tịnh Độ là phải trải qua mấy A Tăng Kỳ kiếp mới được vãng sanh, phải không?*

Đáp: Nói “A Tăng Kỳ Kiếp” là bên Giáo môn, còn Tịnh Độ hạ phẩm hạ sanh phải ở trong hoa sen mười hai đại kiếp mới ra khỏi bông sen. Còn Thiền tông thì không cần đợi đến chết, lúc còn sống vẫn có thể kiến tánh thành Phật.

Hỏi: *Người tham thiền nếu còn biết đến kiếp trước hoặc nhiều kiếp thì vẫn còn bị hạn chế bởi thời gian, mà hành giả tham thiền nếu ôm chặt câu thoại đầu, trở về với Bát Nhã, không còn khái niệm thời gian, thời gian chỉ là vọng tưởng sai lầm của chúng sanh từ lâu. Như kinh Kim Cang nói “Tâm quá khứ, hiện tại, vị lai đều bất khả đắc”, thế thì hành giả tham thiền cũng chẳng cần biết đến một kiếp hay hai kiếp, một năm hay hai năm, chỉ biết là ôm chặt câu thoại đầu thì chắc chắn trở*

về nhà được, không nên bị lệ thuộc bởi thời gian, chướng ngại cho sự tu, có phải vậy không?

Đáp: Phải, nhưng cái đó là sau khi chúng ngộ mới được. Nay hễ có nói ra là sai rồi; phạm hữu ngôn thuyết, giai phi thật nghĩa, đối với người hỏi, chỉ hỏi một trả lời một, hỏi hai trả lời hai, vì muốn giúp ích cho người hỏi, mới thuyết kinh liễu nghĩa và bất liễu nghĩa. Phật thuyết kinh bất liễu nghĩa rồi mới ở trong kinh liễu nghĩa dạy người phải y theo kinh liễu nghĩa, chứ không được y theo kinh bất liễu nghĩa. Thế thì tại sao Phật lại thuyết kinh bất liễu nghĩa? Ấy cũng là do tùy cơ hóa độ .

Hỏi: Thế nào là "Y kinh giải nghĩa, tam thế Phật oan; ly kinh nhất tự, tức đồng ma thuyết"?

Đáp: Nếu muốn giải nghĩa là phải giải đúng ý Phật, chứ không được giải theo văn tự lời nói. Bởi vì lời của Phật là phá chấp, nếu theo văn tự để giải nghĩa, hễ Phật nói Có thì mình chấp cái Có đó là thật, hễ Phật nói Không thì lại chấp cái Không đó là thật, ấy là oan cho Phật. Còn nêu "Ly kinh nhất tự, tức đồng ma thuyết": Kinh là phá chấp, nếu lìa kinh tức còn chấp, còn chấp là ma, không thể giải thoát được.

Hỏi: Hồi xưa khi đi học giáo lý, Thầy có dạy "Tụng kinh giả minh Phật chi lý, niệm Phật giả cảm Phật chi ơn, trì chú giả phát Phật chi huệ, tọa Thiền giả kiến Phật chi tánh", cho nên chúng con sắp giờ tụng kinh, niệm Phật, trì chú, tọa thiền, làm hết! vậy có đúng không?

Đáp: Ấy cũng như Trí Giả Đại sư nói "Học Phật pháp thành ngoại đạo", tự cho ý của mình là ý Phật. Nói "Tụng kinh để minh Phật chi lý", là lý gì? Lý đó là giáo lý, tức lời giáo hóa của Phật. Tất cả giáo lý, tất cả kinh Đại thừa liễu nghĩa đều là phá chấp, rồi bây giờ lại chấp thật, tức là nghịch với giáo lý, làm sao mình được? Nói "Tụng kinh bất minh giáo lý" mới đúng!

Nói "Niệm Phật để cảm Phật chi ơn", Ôn của Phật là gì? Là chỉ đường lối tu hành cho mình tu theo khiến được giải thoát, nay muốn cảm ơn Phật mà nghịch với đường lối của Phật, theo như Trí Giả đại sư nói, theo giới luật là tạo tội địa ngục!

Hỏi: Xin Sư phụ giải thích hai chữ "giáo lý"?

Đáp: Hai chữ Giáo Lý là nghĩa lý trong kinh giáo, tác dụng và mục đích của giáo lý là để phá chấp. Tại sao? Bởi do chúng sanh chấp thật, nên bị kẹt nơi sanh tử luân hồi chẳng thể ra được, nên giáo lý là dạy cho chúng sanh phá chấp để thoát khỏi luân hồi, phải thực hành theo giáo lý mới mong giải thoát.

Bất cứ tám mươi bốn ngàn pháp môn, đều là phương tiện do Phật lập ra, tất cả đều nằm trong giáo lý, chẳng có ngoài giáo lý; kể cả pháp môn Tổ Sư Thiền, nói là giáo ngoại biệt truyền, ấy chỉ là phá cái chấp thật về giáo lý, nhưng cũng là nằm trong giáo lý. Trong Bát Nhã Tâm Kinh phá hết tất cả các chấp từ Tiểu thừa, Trung thừa, Đại thừa đều là thực hành đúng theo giáo lý chứ chẳng ở ngoài giáo lý.

Bốn tông của pháp Đại thừa Trung Quốc là Thiên Thai, Hiền Thủ, Tam Luận, Duy Thức, thuộc về Giáo môn; và bốn tông thực hành là Thiền tông, Tịnh độ, Mật tông và Luật tông. Đối với bốn tông thực hành thì người chẳng biết giáo lý, chẳng cần biết qua giáo lý vẫn thực hành được, còn bốn tông của Giáo môn thì căn cứ theo kinh giáo, như Thiên Thai căn cứ kinh Pháp Hoa, Hiền Thủ căn cứ kinh Hoa Nghiêm. Cho nên vừa học giáo lý vừa thực hành theo kinh giáo.

Người thời nay học giáo lý mà nghịch với giáo lý, các Phật Học Viện đa số chỉ dạy giáo lý mà không có phần thực hành, rồi dạy kinh lại hướng dẫn phương pháp niệm

Phật, dạy một cách tạp lộn, tức áp dụng không đúng tông chỉ của Kinh đó, khiến giáo lý chẳng còn tác dụng, chẳng được lợi ích.

Hỏi: Trong kinh Địa Tạng nói “Công đức tụng kinh cho người chết, người chết hưởng một phần, người sống được sáu phần”, vậy có đúng không?

Đáp: Ấy chẳng phải là lời trong kinh, mà là do người tự làm tài khôn thêm vào, cũng như trong Kinh, người ta thêm vào mười hai đại nguyện, người đời chẳng biết, tưởng là nguyên văn như thế, chẳng những kinh Địa Tạng, kể cả Kinh Đại Tạng cũng có chen vào kinh nguyên. Pháp thế gian còn phải có nhân quả, chẳng thể lia nhân quả, huống là Phật pháp!

Nói đến vấn đề tụng kinh, người sống được sáu phần, người chết được một phần, ấy là không có nhân quả! Nếu vậy thì lúc còn sống chẳng cần tu hành, chẳng cần làm việc thiện, làm ác cũng chẳng sao, miễn có tiền là được, sau khi chết, hễ con cháu mời một trăm người tụng kinh thì người chết được một trăm phần công đức, mời một ngàn người tụng kinh thì được một ngàn phần công đức, mời nhiều chừng nào thì công đức nhiều chừng nấy, phải vậy không? Thế thì nhân quả ở đâu? Người làm ác cứ làm ác, hễ có tụng là được rồi! Đó chính là lý do tại sao con người càng ngày càng khổ thêm, tạo nghiệp càng nặng thêm!

Hỏi: Khi có người chết, bên Tịnh Độ thì trợ niệm, còn Thiên tông phải làm gì? Có cần người nhắc nhở câu thoại đầu cho người lâm chung?

Đáp: Người tham thiên chỉ đề câu thoại đầu tham tới mãi. Mục đích tham Tổ sư thiên là muốn làm chủ cho mình, trước mắt còn sống khỏe mạnh, nếu không tập cho tự làm chủ được, đến lúc lâm chung nhờ người xung quanh nhắc nhở, nhồi nhét cho mình là muộn rồi! Có ý lại thì làm sao tự chủ được? Phải lúc bệnh cũng làm chủ được, lúc chiêm bao cũng làm chủ được, tức trong bất cứ hoàn cảnh khó khăn nào cũng tự chủ được mới xong.

Hỏi: Tại sao có kinh liễu nghĩa và kinh bất liễu nghĩa?

Đáp: Do bệnh của chúng sanh ham chấp thật, bệnh quá sâu nặng, chẳng thể bỏ chấp được, nên Phật phải thuyết kinh bất liễu nghĩa, để tạm thời làm việc thiện, gieo trồng thiện căn, hơn là đi làm việc ác. Nếu người bệnh chấp nhẹ, có thể tiếp nhận kinh liễu nghĩa thì chẳng cần qua phần bất liễu nghĩa.

Kinh bất liễu nghĩa của Đức Phật khác hơn kinh bất liễu nghĩa của ngoại đạo; vì nguồn gốc của ngoại đạo là chấp thật, nên mãi mãi là bất liễu nghĩa. Còn nguồn gốc của Phật pháp là vô sở trụ, vốn chẳng có liễu nghĩa và bất liễu nghĩa, do phương tiện tạm thời thuyết pháp bất liễu nghĩa, sau đó sẽ đi vào con đường liễu nghĩa. Nếu đã tin vào liễu nghĩa mà còn chấp thật, ấy là nghịch với pháp liễu nghĩa vậy.

Hỏi: Trước khi biết tu pháp môn tham thiền, hàng tháng chúng con vẫn đến chùa sám hối, Bồ tát, tụng kinh.. Nay nếu không đi thì có tội không?

Đáp: Ở trên tôi đã nói “Câu thoại đầu là bao gồm tất cả”, như đang gánh nước bữa củi cũng tham thoại đầu, ăn cơm ngủ nghỉ cũng tham thoại đầu, tụng kinh sám hối cũng tham thoại đầu, chỗ nào cũng tham thoại đầu thì đâu có gì khác? Nay nếu trong lúc Bồ tát còn câu thoại đầu không? Hễ còn thì chẳng có gì là chướng ngại cả. Tội với vô tội là do tâm tạo, nếu tâm không tạo thì tội làm sao có! Lục Tổ nói “Tất cả đều chẳng chướng ngại”, chớ cho là "cần" hay "không cần", tùy người tùy nơi, nếu cảm thấy câu thoại đầu bị công việc đó đánh mất thì phải tập cho không bị đánh mất; ví như lúc ăn cơm, câu thoại đầu không có, thế thì bỏ cơm không ăn ư? Vậy phải làm sao? Phải tập cho lúc ăn cơm cũng có câu thoại đầu, miễn tất cả nơi đều không quên câu thoại đầu.

Hỏi: Bữa củi, gánh nước dễ tham, nhưng khi lên chánh điện, được cử làm Duy na dẫn chúng, hề làm tròn nhiệm vụ thì đánh mất câu thoại, hề lo tham thoại đầu thì e không làm tròn nhiệm vụ, vậy phải làm sao?

Đáp: Trong Truyền Đăng Lục có một câu chuyện về thủ đoạn của Tổ sư như sau:

Có một vị Tăng đến cầu pháp, Tổ sư bảo “Pháp luân chưa chuyển thực luân chuyển, nay ông hãy đi hóa duyên xin gạo về cho đại chúng”. Khi trở về, Tổ lại bảo “Mùa Đông lạnh giá, chùa đang thiếu củi, hãy đi hóa than về!” Vị Tăng vâng lời, sau khi trở về, Tổ lại bảo “Hãy giữ lấy chức vị Duy na”.

Vị tăng tuy nhận lời, nhưng trong bụng cảm thấy nôn nao khó chịu, trong bụng rất nghi, tự nghĩ “Nghe nói Tổ sư là vị thiện tri thức có tiếng tăm, vậy mà đến cầu pháp sao không chỉ dạy, mà chỉ sai làm đủ thứ việc, vậy thì làm sao giải thoát được?”

Mặc dù làm Duy na, nhưng cuối cùng cũng kiến tánh. Ấy là thủ đoạn của Tổ sư, tùy theo nhân duyên của mọi người, nên Lục Tổ nói là “Tất cả đều chẳng chướng ngại”. Và lại, nếu do tham thoại đầu mà quên đánh chuông gõ mõ thì người ta trách thì cứ trách, chỉ chiếu cố thoại đầu, ngoài ra không biết tới.

Hỏi Nếu Phật tử quy y vị tăng không chơn chánh hành pháp, tức như Sư phụ nói là học Phật pháp thành ngoại đạo, nếu cứ theo ủng hộ thì có tội không? Nếu không ủng hộ, có phản thầy không?

Đáp: Vậy thì như kinh Lăng Nghiêm nói “Cả thầy lẫn trò đều theo đó mà đọa"! Việc quy y là quy y Tam Bảo, bao gồm Phật, Pháp, Tăng, nghĩa chữ Tăng là hòa hợp chúng, phải gồm bốn người mới thành Tăng. Vị Tăng đó chỉ là thay mặt cho Tam Bảo chứng minh người đó là đệ tử của Tam Bảo, chứ không phải đệ tử của một thầy nào.

Nếu cho là quy y một vị thầy, như Hoàng Nhất luật sư nói “Quy y Nhị Bảo chứ chẳng phải Tam Bảo”, chỉ là quy y Phật Bảo, Pháp Bảo và giao thiệp với một Đại đức, vì chỉ có một người thì chẳng thành Tăng, chẳng phải Tam Bảo.

Hỏi: Con nghĩ rằng, hàng Phật tử chúng con, người nào quyết tâm cầu giải thoát thì tất cả những gì chướng ngại cho sự giải thoát của mình, phải tự mình san bằng, chẳng ai có thể san bằng giùm chính mình được. Nếu xét thấy điều đó có chướng ngại cho sự tu, dù có lợi về vật chất cũng dẹp bỏ, chẳng màng đến lời khen chê của thế gian, khen mà có hại thì không cần, chê mà có lợi cho sự giải thoát cũng hoan hỉ chấp nhận, phải tu đến kiến tánh mới có thể đền ơn tứ ân, có phải vậy không?

Đáp: Trong đường lối tham thiền là không cho nổi biệt niệm, nên lợi hay hại không biết tới, chỉ là tham câu thoại đầu, chỗ nào cũng là câu thoại đầu, thì đâu còn gì có thể chướng ngại? Nếu còn ham thích lợi ích, thì bị lợi ích chướng ngại, bất cứ khen chê, chửi mắng cũng mặc kệ, không biết tới.

Đối với bậc tu sĩ ở trong chùa, nếu như không chướng ngại chánh tu của mình thì tất cả đều có thể tùy duyên, tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên. Hễ có chướng ngại, hoặc bị bắt buộc làm những việc phải đọa địa ngục, chẳng thà bỏ đi chỗ khác, vì mục đích của mình chỉ là đi đến giải thoát chứ không phải đi xuống địa ngục.

Hỏi: Làm sao phân biệt chánh niệm và tà niệm?

Đáp: Trước nhất phải xác định cái gì là chánh niệm? Chánh với tà là tương đối, khác hơn chánh niệm tức là tà. Niệm của chúng sinh sát na sanh diệt chẳng ngừng, nên phải nhờ phương tiện của Phật dạy. Ví như chọn phương pháp tham thiền thì nghi tình là chánh niệm, ngoài nghi tình ra, bất cứ nổi niệm gì đều là tà; hoặc nghĩ "Tôi đang tham

thiền" ấy tức là tà, chứ đừng nói đến cái khác. Tại sao? Vì nghi tình là không biết gì cả, nếu ngoài cái "không biết" còn biết đến "ta tham thiền" tức là tà, chứ chẳng phải niệm thiện là chánh, niệm ác là tà!

Kinh Kim Cang nói "Nhược dĩ sắc kiến ngã, dĩ âm thanh cầu ngã, thị nhơn hành tà đạo, bất năng kiến Như Lai". Theo người thế gian thì lấy sắc thấy ta, lấy âm thanh cầu ta, đâu phải tội lỗi gì mà nói là hành tà đạo? Lục Tổ nói "vô niệm niệm tức chánh, hữu niệm niệm thành tà", nhưng chấp vào cái chánh cũng không được, phải "Tà chánh đều quét sạch, tánh Bồ đề rõ ràng".

Hỏi: Nếu đi theo một pháp môn khác, có phải phản thầy không?

Đáp: Nay người đời nói đến vấn đề "phản bội", nếu biết là sai vẫn nghe theo làm theo tức hại cho thầy mình, chứ không phải là thương thầy, vì giúp cho tạo tội khiến đọa địa ngục. Nay nếu không đủ sức cứu thầy mình thì phải chuyên tu, khỏi cần sanh tâm tách rời hay không, tất cả những gì chướng ngại cho sự tu đều không biết tới, kể cả sự tu của mình cũng không biết tới, huống là cái khác!

Phật và Tổ là muốn mình thực hành, tự giải thoát cho chính mình và giải thoát cho chúng sanh, ấy mới gọi là báo Tứ ơn: Ôn Phật, chúng sanh, thầy và cha mẹ. Nếu chúng ta thành Phật tức báo đủ tứ ơn, hề tu không đúng mà bị đọa là hại, tức chiêu theo vọng chấp của thế gian, làm sao báo được? Chiêu theo vọng tâm mê chấp của thế gian là phải chấp cho càng sâu nặng thêm, nếu không thì bị chê là phản bội thầy. Nhưng sự thật chúng ta chỉ đi đúng theo lời dạy của Phật, của Tổ, không có phản bội.

Lại, nếu nói xa thầy là phản bội, ví như khi học hết tiểu học phải lên trung học, vậy đối với người thầy dạy tiểu học là phản thầy sao? Rồi lên đại học thì phải xa thầy trung học, sau khi tốt nghiệp đại học, đi du học nước ngoài, cũng là phản thầy sao? Lúc du học trở về, mặc dù trí thức lúc đó có thể làm thầy của thầy, nhưng gặp lại thầy tiểu học vẫn là thầy của mình, Tục ngữ Trung Quốc có câu "Một ngày làm thầy, suốt đời là cha", đâu có phản thầy! Pháp thế gian chấp tướng còn như thế, huống là Pháp xuất thế gian phá tướng? Hai chữ "phản thầy" là do người có tâm chấp thật mới sanh ra suy nghĩ như thế, ấy là nghịch với ý của Phật, của Tổ, cũng nghịch với lý thế gian vậy.

Hỏi: Sự khác nhau giữa Như Lai Thiền và Tổ sư thiền như thế nào?

Đáp: Như Lai Thiền và Tổ sư thiền hơi sai biệt; bên Giáo môn đạt đến Như Lai Thiền chứ chưa đến Tổ Sư Thiền. Trong *Truyện Đăng Lục* có một công án phân biệt về Như Lai Thiền và Tổ sư thiền như sau:

* Thiền sư Hương Nghiêm xưa kia vốn rất thông minh, nói một hiểu mười, ở nơi Bá Trượng học thiền rất lâu, do bị thông minh chướng ngại, không được kiến tánh. Sau khi ngài Bá Trượng tịch, đến ở với Qui Sơn, Qui Sơn là một Thượng thủ của Bá Trượng, cùng Hương Nghiêm vốn là sư huynh đệ với nhau, nay đã ra hoàng hóa.

Một ngày kia, Qui Sơn nổi lòng từ bi muốn dẫn dắt Hương Nghiêm, hỏi: Theo sự hiểu biết của ông, trước khi cha mẹ chưa sanh, là cái gì? Hãy nói cho ta biết!

Hương Nghiêm trả lời không được, lục khắp các sách đã học vẫn tìm không ra, cứ yêu cầu Qui Sơn nói trắng ra.

Qui Sơn bảo: Ta nói thì được rồi, chỉ e sau này ngộ sẽ chửi mắng ta.

Cầu mãi vẫn chẳng chịu nói, trong tâm thắc mắc quá, bèn đem đốt hết tất cả sách vở, nói rằng: Nay chỉ làm một ông tăng ăn cơm mà thôi.

Hương Nghiêm từ già Qui Sơn đi hành cước, vào trong núi ở một mình, tâm cứ nghi câu “Trước khi cha mẹ chưa sanh mặt mũi bản lai ra sao?” Một ngày kia nhỏ cỏ liệng cục đá trúng cây tre phát ra tiếng liên ngộ, mới biết thủ đoạn của Qui Sơn, hướng về phía Qui Sơn lễ bái.

Sau khi ngộ có làm một bài kệ, Qui Sơn nghe được nói với đệ tử Ngưỡng Sơn rằng: Hương Nghiêm đã kiến tánh.

Ngưỡng Sơn nói: Chưa chắc, để con đi thử một phen.

Ngưỡng Sơn gặp Hương Nghiêm, nói: Thầy nói ông đã kiến tánh, hãy nói thử xem!

Hương Nghiêm làm bài kệ rằng:

Năm xưa nghèo, chưa phải là nghèo,
Năm xưa nghèo còn đất cắm dùi.
Năm nay nghèo mới thật là nghèo,
Cả dùi và đất cũng chẳng còn.

Ngưỡng Sơn nói: Như Lai Thiên thì cho ông ngộ, Tổ sư thiên thì chưa. Hãy nói nữa xem!

Hương Nghiêm nói:

Tôi có một cơ,
Nhìn vào trong đó,
Nếu vẫn chưa ngộ,
Chớ gọi Sa Di.

Ngưỡng Sơn mới chấp thuận, rằng: Mừng cho Sư đệ đã ngộ Tổ Sư Thiên.

Vì bài kệ trước vẫn còn lý giải được, bài kệ sau thì chẳng thể lý giải. Ví như Thiên tông có người hỏi Tổ Sư: Thế nào là Phật?

Đáp: Cục cứt khô.

Nếu là bên Giáo môn, hỏi thế nào là Phật thì phải trả lời: Phật là người giác ngộ, gồm tự giác giác tha, giác hạnh viên mãn v.v.

Cho nên, Tổ sư thiên chỉ chú trọng thực hành, nếu khởi tâm tìm hiểu thì ngày càng xa vậy.

Hỏi: Sau khi kiến tánh thành Phật, có thể biết được sự bắt đầu của vạn vật chăng?

Đáp: Nói kiến tánh thành Phật, là kiến được tự tánh tức thành Phật. Thế thì nói “Tự tánh vốn là Phật”, được không? Nếu tự tánh vốn là Phật, tại sao lại biến thành chúng sanh? Nếu Phật có thể biến thành chúng sanh thì tu thành Phật cũng vô ích, sau này vẫn có thể trở thành chúng sanh. Nếu nói tự tánh là chúng sanh, thì đâu cho tu cách nào cũng chẳng thể biến thành Phật! Nếu vốn chẳng phải là chúng sanh thì lục đạo luân hồi từ đâu ra? Vì có chúng sanh mới có lục đạo luân hồi, có lục đạo luân hồi mới có nhân quả!

Làm thiện sanh thiện đạo, làm ác sanh ác đạo, nay giả thiết trước kia tất cả chúng sanh đều như nhau, chẳng ai làm thiện, cũng chẳng ai làm ác, thì trước khi chưa khởi niệm làm thiện làm ác, ai lên thiên đàng, ai xuống địa ngục? Nếu chưa làm mà đã có người xuống địa ngục, người lên thiên đàng thì không có nhân quả!

Hiện nay, các nhà khoa học muốn tìm sự bắt đầu của vũ trụ, nhưng truy cứu mãi cũng chẳng được, nếu chiếu theo *Tiến Hóa Luận* của nhà khoa học, là con người do con khi tiến hóa mà thành, cho rằng cái nhân đầu tiên là một hạt nguyên tử cực nhỏ, vậy theo kiến thức mọi người cũng biết, từ thai nhi trong bụng mẹ phải trải qua mười tháng mới được hình thành, và thân này rõ ràng do cha mẹ sanh; mọi việc chẳng có sự bắt đầu thì làm sao ráng tìm được sự bắt đầu? Cho nên, Đức Phật nói là “vô thi” là không có sự bắt đầu, vì tất cả đều do tâm tạo. Tại sao dám nói là Vô Thi? Vì thời gian chẳng có bắt đầu thì tất cả chẳng có bắt đầu.

Hỏi: Xưa nay số lượng chúng sanh thành Phật có bao nhiêu?

Đáp: Tôi đã nói cái căn bản rồi, mà ông còn chấp vào vấn đề này! Nếu chấp thật có chúng sanh thì phải có đơn vị và số lượng. Nay thử làm một bài toán: Hễ một chúng sanh thành Phật thì số chúng sanh bớt một và số Phật thêm một, phải không? Theo lời Phật nói: Nếu trong một đại kiếp có một ngàn chúng sanh thành Phật thì bây giờ đã chẳng còn chúng sanh nữa. Chớ nói một ngàn chúng sanh, hễ trong một đại kiếp có một chúng sanh thành Phật; trong mười đại kiếp, trong một trăm đại kiếp hoặc một triệu đại kiếp có một chúng sanh thành Phật, thì bây giờ cũng hết chúng sanh rồi! Tại sao? Vì thời gian không có số lượng, là vô số lượng!

Nếu số lượng chúng sanh có thể tính bằng đơn vị, lấy số lượng so sánh với vô số lượng, cho dù số lượng lớn nhất vẫn còn là nhỏ: Thí dụ cứ mỗi một triệu đại kiếp có một chúng sanh thành Phật, thì bớt đi một chúng sanh, bớt mãi số lượng sẽ hết, còn về thời gian không có sự bắt đầu, nên không bị hạn chế bởi số lượng.

Cho nên nói “Chúng sanh nghiệp thức” là không đúng, chúng sanh chẳng có bớt, cho đến tận vị lai; Chúng sanh cũng bao nhiêu đó, Phật cũng bao nhiêu đó, chẳng thêm chẳng bớt. Vì có thật đâu mà thêm bớt! Kể cả nhân quả luân hồi cũng là việc trong chiêm bao, nay nếu ở trong chiêm bao truy cứu mãi, vẫn là việc trong chiêm bao, chỉ cần thức tỉnh là ra khỏi nhân quả luân hồi trong chiêm bao. Đức Phật cần chúng ta thức tỉnh, bằng không, dẫu cho Thiên tri thức giải thích tất cả giáo lý nhà Phật cũng là ở trong chiêm bao, chưa thể ra ngoài được.

Hỏi: Tại sao Phật ở kinh này nói khác, ở kinh kia lại nói khác?

Đáp: Tất cả lời nói của Phật kiến lập ra, như tứ đại, ngũ uẩn, Phật, chúng sanh, Bồ đề, Niết bàn v.v. chỉ là giả danh để phá sự chấp của chúng sanh, khiến mau được giác ngộ, mau được thức tỉnh để ra ngoài chiêm bao mà thôi. Mặc dù nói muôn ngàn đường lối, đủ thứ sai biệt, chỉ vì từ bi muốn chúng sanh thoát khổ, tùy căn cơ trình độ của chúng sanh mà thuyết pháp, nên ở kinh này nói khác, ở kinh kia lại nói khác. Nếu như không hiểu ý Phật thì cảm thấy rất mâu thuẫn, kỳ thật chẳng có mâu thuẫn.

Chư Phật chư Tổ không có ý muốn gạt chúng sanh, chỉ vì chúng sanh chẳng thấu được lời nói của Phật, của Tổ, cho nên bị Phật gạt, bị Tổ gạt. Cũng như núi sông biển cả vốn chẳng có ý muốn chướng ngại người, tại người đi qua không được, nên bị núi sông biển cả chướng ngại. Do đó, các Tổ sư thiên tông sau khi kiến tánh rồi nói “sau này ta chẳng bị Phật gạt nữa”.

Hỏi: Thế nào là thân trung ấm?

Đáp: Nhiều người cho rằng hễ người chết rồi sẽ biến thành quỷ, ấy là tư tưởng sai lầm. Lục đạo gồm: Trời, người, a tu la, súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục, nghiệp quỷ chỉ là một loại trong lục đạo, chứ không phải là ai chết rồi cũng biến thành quỷ.

Ví như nói làm thiện sanh tam thiện đạo, làm ác sanh tam ác đạo, nếu thiện ác cân bằng, chưa thể phân biệt phải sanh thiện đạo hoặc ác đạo, gọi là thân-trung-ấm, tức

thân trước chết rồi, thân sau chưa sanh, ở nơi chính giữa, gọi là trung ấm. Trong bảy ngày, nếu tâm hơi nghiêng về thiện thì sanh thiện đạo, hề nghiêng về ác sanh tam ác đạo. Nếu trải qua bảy ngày mà vẫn chưa phân biệt thiện ác, lại thêm bảy ngày nữa, cứ trải qua bảy lần như thế, tức bốn mươi chín ngày thì phải đi đầu thai, người thế gian gọi là cúng cầu siêu bảy thất là vậy.

Mục đích cầu siêu là mong hướng dẫn người chết hướng tâm về thiện, nhưng nếu cúng bằng heo, gà, ảnh hưởng đến tâm ác, khiến đọa ác đạo chẳng ích lợi gì.

Hỏi: Về vấn đề tu Thiền nhờ tự lực, và Tịnh Độ nhờ tha lực như thế nào?

Đáp: Tất cả phương tiện của Phật dạy đều phải nhờ tự lực, phải tự ngộ chứ không thể nhờ tha lực. Nói Pháp môn Tịnh Độ nhờ tha lực là sai lầm; bởi tông chỉ của Tịnh Độ là Tín, Nguyện, Hành, cũng là nhờ tự lực. Nhất là về cái nguyện, khi đã phát đại nguyện rồi thì phải thực hành, ấy là nhờ tự lực. Niệm Phật cũng phải tự lực tự làm, chẳng được nhờ người khác niệm giùm.

Tông phái nào cũng phải nhờ tha lực, nhưng tự lực là chánh, tha lực là trợ duyên. Còn nói Thiền tông là nhờ tự lực chẳng nhờ tha lực cũng không đúng, tại sao? Thế có phải khi mình sanh ra đã biết tham thiền đâu! Pháp môn này là do Phật dạy, ấy là trợ duyên; do chư Tổ truyền lại đời sau, ấy là trợ duyên; Thầy dạy chúng ta tham thiền, ấy cũng là trợ duyên, là tha lực. Cho nên chẳng có Tông phái nào chỉ nhờ tự lực hoặc chỉ nhờ tha lực mà được, tại con người chấp tâm sai lầm thôi.

Hỏi: Tác giả bài “Tứ Liệu Giản” có phải của ngài Vĩnh Minh không?

Đáp: Ngài Vĩnh Minh là Tổ thứ ba của Pháp Nhãn tông, đã kiến tánh triệt để, có tác phẩm *Tông Kinh Lục* gồm một trăm quyển rất danh tiếng. Hư Vân thiền sư đã xem hết tất cả tác phẩm của Ngài, chẳng thấy bài kệ này. Trong *Tứ Liệu Giản* nói “Có Thiền mà không có Tịnh Độ thì mười người tu chín người sai; có Tịnh Độ mà không có Thiền thì muôn người tu muôn người được; còn nếu có Thiền và có Tịnh độ, thiền Tịnh song tu, như cọt mọc thêm sừng”. Chính bài kệ này đã là mâu thuẫn rồi. Tại sao? Nếu chỉ có Tịnh độ mà không cần thiền đã muôn người tu muôn người được, cần gì tu thêm Thiền để muôn phần mất hết chín ngàn! Vả lại, Tổ Sư đã kiến tánh làm sao lại có bài kệ tự mâu thuẫn kể trên!

Hỏi: Thiền tông nếu chẳng thấy được Phật thì tu để làm gì?

Đáp: Muốn tranh cãi về vấn đề chấp Phật hay không chấp Phật, trước tiên phải xác định chữ Phật này là gì, nên chấp hay không nên chấp. Thế thì theo ý ông, chữ Phật là gì? Giáo môn cũng có nói “Nếu chấp Phật là thật có, ấy là chấp thêm; còn nếu chấp Phật là thật không, ấy là chấp bớt”, nếu tự tánh vốn là Phật thì chẳng thể biến thành chúng sanh; nếu tự tánh là chúng sanh thì dù tu thành Phật, sau này cũng sẽ biến thành chúng sanh.

Lại, nếu tự tánh vốn là chúng sanh thì chẳng thể tu thành Phật, vậy chấp Phật để làm gì? Nói “Tu đến kiến tánh thành Phật”, vì chữ Phật nghĩa là giác ngộ, hề giác ngộ gọi là Phật, muốn giác ngộ phải tham thiền, đến khi ngộ rồi gọi là Kiến tánh thành Phật, chứ chẳng phải Phật là một vị thần linh! Nếu trong tâm chấp phải có một ông Phật thật khiến cho mình ngộ thì vĩnh viễn không được ngộ.

Hỏi: Nếu nói ngộ là Phật, Phật là ngộ thì thử hỏi ai là người ngộ, cái gì ngộ? Nếu không thì e rằng sẽ đi vào cái ngoan không!

Đáp: Tại ông chấp cái có là thật có, chấp cái không là thật không, nên có câu hỏi này. Theo Phật pháp, chấp có thì bệnh còn nhẹ, chấp không bệnh nặng khó trị. Nên biết tự

tánh là bất nhị, không có hai, lại, trong các kinh Pháp Bảo Đàn, kinh Duy Ma Cát, kinh Kim Cang đều nói vô sở trụ; bất cứ nói pháp nào thật, pháp nào không thật đều là trụ, là nhị. Nói có Ai thành Phật đã là nhị rồi, vì có người năng thành, có Phật sở thành, chẳng phải là tự tánh!

Lại, Tự tánh khắp mọi nơi, đâu có một chỗ để ông chỉ ra được! Nếu phải chỉ là "ai", ấy là ngã chấp. Tiểu Thừa phải phá ngã chấp rồi mới chứng quả A La Hán, còn Đại Thừa phá ngã chấp rồi, phải phá luôn pháp chấp, tức chẳng có cái pháp để mình tu, chẳng có cái quả để mình chứng, phá hết mới gọi là Bồ tát Đại thừa, nhưng cũng chưa phải đã thành Phật, vì còn cái tri giải về phá chấp.

PHẦN 9.

Hỏi: Tham thoại đầu phải trụ tâm vào đâu?

Đáp: Tham thoại đầu muốn khởi lên nghi tình phải nhờ câu thoại, câu thoại đầu là cây gậy, nghi tình là đi, cũng như người cụt chân không đi được, phải nhờ cây gậy để đi, khi nào đi đến nơi rồi thì cây gậy không cần nữa, câu thoại tự mất. Tham thiền không phải là muốn ngộ câu thoại đầu, nhiều người lầm tưởng muốn hiểu câu thoại đầu, ấy là sai lầm, đó chỉ là cây gậy giúp cho mình đi, chứ không phải để hiểu cây gậy; hiểu cây gậy để làm gì? Nếu muốn ngộ câu thoại đầu thì Tổ Sư gọi là “Con chó đuổi theo cục xương”.

Nói đến “Ngộ” là ở trong chiêm bao thức tỉnh, chứ chẳng phải là giải quyết việc trong chiêm bao. Cây gậy là ở trong chiêm bao, thoại đầu cũng là ở trong chiêm bao, biết mình có tu có chứng cũng là ở trong chiêm bao, thấy Phật đến rờ đầu thọ ký cũng là ở trong chiêm bao. Việc ở trong chiêm bao, mặc dù giải quyết hết từng món một, vẫn chưa ra ngoài chiêm bao, vẫn còn phải chịu khổ trong chiêm bao. Phải ở trong chiêm bao thức tỉnh rồi mới được giải thoát tất cả khổ trong chiêm bao.

Chữ Phật là giác ngộ, tức ở trong chiêm bao thức tỉnh, người nào ở trong chiêm bao thức tỉnh, gọi là kiến tánh thành Phật, cho nên hễ có trụ là không được.

Hỏi: Thế nào là Kiến hoặc và Tư hoặc?

Đáp: Đối với sự hiểu biết của chúng ta, Phật gọi là kiến hoặc hay mê hoặc, tức tri kiến mê lầm, không đúng với sự thật. Cái tư tưởng mê lầm của mình gọi là tư hoặc. Thừa Thanh Văn dứt hết các kiến hoặc và tư hoặc của Tam giới thì được chứng quả A La Hán. Nay chúng ta dùng ý thức đi truy tìm đều là kiến hoặc, những gì tư tưởng của mình cho là đúng, hoặc chủ trương cho rằng Phật Thích Ca là đúng, ấy đều là tư hoặc, hoặc cho rằng Phật Thích Ca chẳng phải chơn thật, cũng là tư hoặc. Cho nên, tham thiền không cho dùng ý thức phân biệt, nếu không thì tham đến trăm ngàn kiếp cũng không được kiến tánh vì không lìa được ý thức.

Hỏi: Làm thế nào để nhìn vào hằm sâu đen tối?

Đáp: Theo kinh Đại thừa liễu nghĩa như kinh Lăng Nghiêm, có thí dụ “Ngón tay chỉ mặt trăng”. “Ngón tay” là giáo lý kinh điển Phật, “mặt trăng” là tự tánh: Muốn ngó thấy mặt trăng phải nhờ ngón tay chỉ; mặc dù đã có ngón tay chỉ chỗ mặt trăng, nhưng do mặt trăng bị mây đen che khuất, cũng như tự tánh của mình bị tham sân si, phiền não che lấp, chẳng thấy gì cả. Nhưng chính chỗ đen tối không thấy gì đó là chỗ ngón tay chỉ, Thiên tông gọi là “hằm sâu đen tối”, phải nhìn ngay chỗ đó, khi nào có cơ hội, gió thổi tan mây đen thì mặt trăng được hiện ra.

Nay nhiều người chẳng chịu nhìn theo chỗ ngón tay chỉ, mà chỉ nhìn vào ngón tay, muốn ở nơi ngón tay tìm mặt trăng, cũng như ở trong kinh điển tìm tự tánh vậy.

Nay tham câu thoại đầu không biết gì cả, cái nghi tình ấy tức chỗ ngón tay chỉ, tức chỗ hàm sâu đen tối, là chỗ có mặt trăng. Một ngày kia mặt trăng sẽ hiện ra ngay nơi đó.

Hỏi: Thế nào là ban đầu thấy núi sông là núi sông, tu một thời gian rồi thấy núi sông chẳng phải núi sông, sau khi kiến tánh rồi thấy núi sông vẫn là núi sông?

Đáp: Ấy là nghĩa ba câu. Tất cả kinh Đại thừa liễu nghĩa đều có nghĩa ba câu đó, nhất là kinh Kim Cang. Lúc đầu thấy núi sông là núi sông, là ở trong thế lưu bố tướng sanh ra trước tướng của người thường, tu một lúc rồi thấy sự "có" là huyền hóa, cho đó là Không, tức núi sông chẳng phải núi sông, vẫn còn ở trong thế lưu bố tướng sanh ra trước tướng; trước kia thì chấp là phải, sau đó chấp chẳng phải, cũng là trước tướng. Rồi tu đến cuối cùng được kiến tánh thì trước tướng hết, chỉ còn thế lưu bố tướng, cho nên núi sông vẫn là núi sông.

Hỏi: Thế nào là "Một niệm muôn năm, muôn năm một niệm"?

Đáp: Bây giờ chưa kiến tánh, chưa tỏ ngộ thì đừng có cho là một niệm muôn năm hay muôn năm một niệm; nói một niệm muôn năm cũng là chướng ngại, nói muôn năm một niệm cũng là chướng ngại, đều là việc trong chiêm bao. Nếu đã ra ngoài chiêm bao rồi, nói một niệm muôn năm cũng được, nói một là một cũng được, bởi lúc đó chỉ còn thế lưu bố tướng thôi. Nay hễ nói một niệm muôn năm thì chấp vào một niệm muôn năm; nói muôn năm một niệm thì chấp vào muôn năm một niệm, cứ ở trong thế lưu bố tướng sanh khởi trước tướng, cứ nói đến giáo lý cao siêu. Như ngài Trung Phong nói "Đầu cho Phật Thích Ca đem hết tất cả Phật pháp nhét vào bụng ông, cũng còn không dính dáng với sự thức tỉnh, còn là việc trong chiêm bao".

Hỏi: Tham thiền để làm gì?

Đáp: Học tham thiền để làm gì? Để giải quyết vấn đề gì? Sư bà biết không? Là để giải quyết vấn đề của chính mình. Thông thường, mọi người nói đến Ta, nhưng cái Ta này là cái gì? Cái thân này có phải là Ta không? Con nít từ bụng mẹ sanh ra thì chấp cái thân con nít là ta; đến khi lớn lên thì chấp cái thân người lớn là ta, khi tuổi già lại chấp cái thân già ấy là ta, đợi khi chết rồi, đem chôn xuống đất biến thành đất, có thể chấp cục đất đó là ta không? Không được ư? Nếu cục đất chẳng phải là ta, thì người già chẳng phải ta, người lớn chẳng phải ta, con nít cũng chẳng phải ta, vậy mình giải quyết vấn đề gì? Rõ ràng là chẳng phải giải quyết cái thân này rồi! Vì nó sau này sẽ biến thành đất! Nhiều người dù nghe tôi nói như thế, vẫn chấp thật cái thân này, bởi thân này rõ ràng do cha mẹ sanh ra thì tại sao nói thân này chẳng phải ta!

- Nay truy cứu cha mẹ từng lớp một, có cha mẹ đầu tiên không? Nếu có, thì tôi xin hỏi: Cha mẹ đầu tiên có cha mẹ không? Nếu có cha mẹ thì chẳng phải cha mẹ đầu tiên, nếu không thì cha mẹ đầu tiên từ đâu ra? Có nhà khoa học nói là từ một hạt nguyên tử nhỏ tí ti dần dần hình thành con người, cứ tạm cho là đúng đi, thì sự hình thành phải theo từng cấp bậc; như bào thai mười tháng trong bụng mẹ, mỗi tháng có hình tướng khác nhau, đến tháng thứ mười thì hình thành một con người. Đem mười tháng chia thành mười cấp, mỗi cấp có hình tướng riêng biệt. Thế thì muốn hình thành một con người từ một hạt nguyên tử thì chẳng phải chỉ có mười cấp! Nay cho đó là một triệu cấp, mỗi cấp một năm, phải trải qua một triệu năm mới có thể từ một hạt nguyên tử thành một con người. Bây giờ chúng ta chỉ thấy cấp thứ nhất là một hạt nguyên tử, và cấp thứ một triệu là một con người, khoảng giữa chẳng ai thấy, vậy chứng tỏ lý này không đúng sự thật! Nay rõ ràng thấy ai cũng có cha mẹ sanh, sao nói không đúng sự thật? Vì không có đời thứ nhất thì không có đời thứ nhì. Đời thứ muôn ngàn ngàn ngàn từ đâu sanh ra? Có người cho là do trời tự nhiên sanh ra hai ông bà;

hễ xưa tự nhiên thì nay cũng phải tự nhiên, sự thật thì lại chẳng phải như thế, cho nên Đức Phật nói là vô thi chẳng có sự bắt đầu.

- Tại sao Phật nói là không có sự bắt đầu? Lấy gì để chứng tỏ? Nay mặc dù chúng ta chưa kiến tánh, nhưng vẫn chứng tỏ được: Muốn tìm sự bắt đầu thì phải tìm nơi thời gian, tìm mãi tìm mãi, thời gian chẳng có sự bắt đầu. Nếu thời gian chẳng có sự bắt đầu thì vũ trụ vạn vật chẳng có sự bắt đầu, nên nói là "Vô Thi".

- Đã chẳng có sự bắt đầu thì tất cả do đâu mà ra? Phật nói là "Nhất thiết duy tâm tạo". Nay chúng ta không tin được. Tại sao? Vì nay còn đang ở trong mờ mắt chiêm bao chưa thức tỉnh, trong chiêm bao có Phật Thích Ca hiện thân thuyết rằng "Pháp này chẳng thật, cái bàn này chẳng thật, ghế này chẳng thật, kể cả thân này cũng chẳng thật" thì làm sao tin nổi, bởi cái nào đều có thật chất mà! Đến khi chúng ta tham thiền kiến tánh rồi, tức từ trong mờ mắt chiêm bao thức tỉnh, lúc đó khỏi cần Phật Thích Ca giải thích, tự mình chứng tỏ những gì có thật chất ấy đều chẳng thật.

- Nhắm mắt chiêm bao không cần tu, đến sáng là tự thức tỉnh, còn mở mắt chiêm bao nếu không tu thì không bao giờ thức tỉnh được. Cho nên Phật dạy chúng ta đủ thứ pháp môn tu hành để đi đến thức tỉnh.

- Cũng có người nói rằng "Ta chẳng chấp", nếu thật sự chẳng chấp thì hãy thử ra ngoài hành lang, nhảy từ lầu ba xuống, xem có dám không? Cho nên, miệng nói là không được, phải thật sự thực hành đến lúc kiến tánh thì sẽ được thức tỉnh. Khi thức tỉnh rồi, sự hiểu biết trong chiêm bao, đúng hay không đúng có ăn thua gì đâu! Giáo lý cao siêu hay thấp kém đều là việc trong chiêm bao. Đã thức tỉnh thì tự do tự tại, chẳng còn bị cảnh giới chiêm bao ràng buộc, đó chính là mục đích của tham thiền, chứ không phải là muốn chúng ta ở trong chiêm bao học cái này cái kia cho đầy bụng.

- Nay muốn ra ngoài chiêm bao, chỉ việc ôm chặt câu thoại đầu tham tới mãi, một ngày kia thành linh thức tỉnh, tự biết tự chứng tỏ, gọi là chứng ngộ.

Hỏi: Ngay trong giây phút này, con thấy tâm được tự tại, chẳng biết sự tự tại này là do tâm ý thức gạt hay con đã thức tỉnh từ chiêm bao?

Đáp: Dĩ nhiên là ở trong chiêm bao rồi! Kinh Lăng Nghiêm nói "Cái biết tự tại đó, biết thanh tịnh đó, là cái bệnh đã thành từ vô thi". Theo ngài Trung Phong thì đừng có biết tới gì cả, chỉ đề câu thoại đầu hỏi tới hoài, một ngày kia thức tỉnh thì sự biết đó chẳng phải cái biết bệnh. Bây giờ, biết tự tại cũng là bệnh, biết không tự tại cũng là bệnh.

Trong kinh Lăng Nghiêm có đoạn nói "Kiến văn giác tri, mắt thấy tai nghe, đều là bệnh đã thành từ vô thi". Nhưng đoạn sau có nói "Kiến văn giác tri vốn là Như Lai tạng, là tự tánh", Tự tánh thì chẳng phải bệnh, thế thì làm sao phân biệt cái kiến văn giác tri của Tự tánh, hay kiến văn giác tri của bệnh?

Kiến văn giác tri của Tự tánh vốn chẳng sanh diệt, nó luôn luôn như thế. Còn kiến văn giác tri của bệnh thì có sanh diệt, ví như con mắt thấy là sanh, không thấy là diệt; lỗ tai nghe là sanh, không nghe là diệt; cái ý biết là sanh, không biết là diệt. Còn cái không sanh diệt của Tự tánh chẳng có sự thấy và không thấy, nghe và không nghe, biết và không biết. Nay có biết tự tại là sanh, không biết là diệt, nên là bệnh từ vô thi, chẳng phải cái chẳng sanh diệt của Tự tánh.

Hỏi: Quá khứ đã tạo bao nhiêu tội lỗi thì làm sao nhờ tham thiền có thể thành Phật được?

Đáp: Nói tội lỗi, nghiệp chướng, ví như căn nhà đen tối, Đức Phật có nói “Dù căn nhà đen tối một ngày đêm, hay một trăm năm, một ngàn năm, đốt cây đèn lên thì đen tối liền hết”. Như đang ở trong nhắm mắt chiêm bao, đầu cho đi đầu thai thành trâu thành ngựa, theo nghiệp xoay chuyển, cũng là việc trong chiêm bao; thân trong chiêm bao tạo đủ thứ tội, bị chính phủ bắt, đánh khảo, ở tù, sợ hãi quá, khi tỉnh thức thì tù tội trong chiêm bao, kể cả cái thân chiêm bao đi đâu mà tìm? Vì ấy chỉ là do tâm tạo mà thôi!

Cho nên, chư Phật chư Tổ dạy chúng ta cần sự thức tỉnh từ chiêm bao, thì dù sự đen tối chỉ là một đêm (*dụ cho nghiệp chướng nhẹ*), hoặc một triệu năm (*dụ cho nghiệp chướng nặng*), chỉ cần cây đèn đốt lên, cùng hết một lượt, chẳng có trước sau.

Hỏi: Tham thoại đầu không cho sử dụng thần thông, trong kinh Pháp Bảo Đàn, lúc Lục Tổ trải tọa cụ ra, rõ ràng là Ngài sử dụng phép thần thông, vậy có trái với tông chỉ của Thiền tông không?

Đáp: Nói Lục Tổ là pháp thiền tham thoại đầu là không đúng, có người hỏi tôi “Tại sao kinh Pháp Bảo Đàn không có dạy người tham thiền?” Tôi trả lời “Nếu Lục Tổ dạy người tham thiền thì Ngài đã không đủ tư cách làm Tổ rồi”. Bởi vì vào thời đại của Ngài chỉ là dùng thủ đoạn để khiến người khởi lên nghi tình mà chẳng tự biết mình đang tham thiền, gọi là “Vô tham tức chơn tham”. Vô tham chẳng phải không có tham, là không biết mình đang tham.

Nói đến thần thông, chẳng những Lục Tổ, Phật Thích Ca trong các Kinh Đại thừa liễu nghĩa đều có hiện tánh thần thông, nhưng đó là vì hóa độ chúng sanh, muốn khiến chúng sanh tin rằng tự tánh của mọi người đầy đủ thần thông biến hóa, vô lượng vô biên, chẳng kém Phật chút nào. Ví như trước khi giảng kinh Pháp Hoa, Phật thị hiện thần thông, phát ra ánh sáng chiếu khắp mọi thế giới. Phải biết, những thần thông đó mọi người sẵn đủ, không cần học, hễ có học là có sự thiếu sót vậy.

Thiền tông chỉ khi nào bắt đắc dĩ mới hiện thần thông, các vị Tổ hễ hiện thần thông rồi thường là thị tịch liền, hễ đệ tử hiện thần thông thì bị thầy quở, nếu không nghe lời, vẫn tiếp tục hiện thần thông thì bị thầy đuổi. Lục Tổ trải tọa cụ hiện thần thông, vì cần có đạo tràng để hóa độ, lợi ích cho chúng sanh, chứ chẳng phải muốn khoe tài và có cái ngã chấp, tất cả đều chỉ là phương tiện của Phật, của Tổ, chớ nên chấp vào chỗ đó. Chánh pháp cần sự giải thoát, tức từ trong chiêm bao thức tỉnh, chẳng phải để luyện tập thần thông khiến còn mê thêm, chướng ngại sự thức tỉnh.

Hỏi: Phật Thích Ca thành đạo cách đây 2519 năm hay từ vô lượng kiếp? Cái nào đúng?

Đáp: Có người hỏi “Phật Thích Ca thành Phật cách đây 2519 năm, tại sao trong kinh Pháp Hoa lại nói là Phật đã thành đạo từ vô lượng kiếp?”, vậy cái nào đúng? Tôi trả lời “Cả hai đều không đúng”. Tại sao? Vì theo sự thật, Kinh nói “Chúng sanh là Phật”, “Tự tánh vốn là Phật” thì không thể biến thành chúng sanh; nếu tự tánh vốn là chúng sanh thì tu cách nào cũng chẳng thể thành Phật. Vậy tự tánh chẳng phải chúng sanh, chẳng phải Phật thì làm sao có cái gọi là “Chúng sanh thành Phật”? Sự thành Phật chỉ là phương tiện để giáo hóa chúng sanh thôi. Cho nên, nói “Thành Phật từ vô lượng kiếp” cũng được, nói “Thành Phật hai ngàn mấy năm” cũng được. Bởi vậy Phật mới nói là “nhất thiết duy tâm tạo”, tâm tạo thì chẳng thật.

Hỏi: Làm sao dứt được tập khí từ lâu đời?

Đáp: Tập khí đã quen từ vô thi đến bây giờ, nên rất khó bỏ. Ngài Lai Quả nói “vì tập khí vọng tưởng đã quen từ xưa đến nay, mà câu thoại đầu còn mới lạ, nên phải tập cho

câu thoại đầu quen; câu thoại đầu quen được một ngày thì vọng tưởng lạ đi một ngày, câu thoại đầu quen được một năm thì vọng tưởng lạ đi một năm. Đến khi câu thoại đầu quen thuộc lắm rồi thì vọng tưởng sẽ nổi lên không được".

Chớ nói là chưa kiến tánh, bậc thánh đã kiến tánh, phá được Sơ quan rồi tập khí cũng chưa hết, phá được Trùng quan rồi tập khí vẫn còn, phải tới Lao quan mới sạch hết, sạch hết là hết tập khí thể gian, còn tập khí xuất thể gian phải đến khi chứng quả Phật mới hết được. Nhưng đã kiến tánh rồi thì sự tu đã hết, như chiếc ghe gán vào bờ, bỏ chèo bỏ chống, tự nó đi vào. Chỉ cần mình được kiến tánh, sau khi kiến tánh, mặc dù còn tập khí, nhưng dần dần sẽ hết. Cho nên, sau khi ngộ rồi cần có phần bảo nhiệm để dứt tập khí.

Hỏi: Thế nào là thân tại gia, tâm xuất gia và thân xuất gia, tâm tại gia?

Đáp: Tại gia và xuất gia có bốn thứ: Có người thì thân tại gia mà tâm xuất gia, có người thì thân xuất gia mà tâm tại gia, người thì thân tâm đều xuất gia, người thì thân tâm đều tại gia. Nếu như thân tại gia, tâm xuất gia là hơn người thân xuất gia mà tâm tại gia; hễ thân tâm đều xuất gia là tốt hơn, còn thân tâm đều tại gia thì không cần nói.

Kỳ thật, tu hành thì tại gia cũng tu được, xuất gia cũng tu được, không nhất định phải xuất gia mới là tu, nhất là pháp môn tham thiền này, bất cứ lúc nào, nơi nào cũng tham được, đi đứng nằm ngồi, làm công việc bằng tay chân, trí óc, đang ăn cơm, ngủ nghỉ; chứ không cần ngồi một chỗ vắng lặng mà tu, tại gia xuất gia đều chẳng chướng ngại.

Nếu chấp rằng nhất thiết phải tại gia, hoặc nhất thiết phải xuất gia mới tu, ấy là chấp trước, chướng ngại. Có người nói "Tôi không chấp", chẳng biết rằng nói như thế vẫn còn là chấp, nếu người không còn chấp thì chẳng có câu nói này.

Hỏi: Tại sao Tôn giả Sư Tử đã kiến tánh rồi còn phải trả nghiệp?

Đáp: Tôi đã nói việc ở trong nhắm mắt chiêm bao không có thật, cái thật là mình phải thức tỉnh; còn ở trong chiêm bao thì chỉ biết việc trong chiêm bao, chứ không biết việc của thức tỉnh. Tôn Giả mà người ta thấy Ngài trả nghiệp, ấy là việc trong chiêm bao. Cũng như hỏi "Phật Thích Ca thành Phật từ vô lượng kiếp hay chỉ có hai ngàn năm", đó là việc trong chiêm bao, Sư Tử tôn giả cũng vậy, muốn cho người ta tin nhân quả, nên nói là trả nghiệp, sự thật thì người đã thức tỉnh rồi, làm sao còn trả nghiệp trong chiêm bao ư?

Hỏi: Nghi tình của câu thoại đầu và cái nghi của tham sân si mạn, có khác nhau không?

Đáp: Khác. Cái nghi của tham sân si mạn chỉ khiến mê lại thêm mê, còn nghi tình là cái nhân của ngộ. Cái nghi của tham sân si mạn là không tin, còn nghi tình là do tin mà sanh nghi. Khi đề câu thoại đầu khởi lên nghi tình thì tất cả những tham, sân, si, mạn, nghi và ác kiến đều tự động quét sạch, chứ không cần khởi niệm muốn quét.

Hỏi: Dùng câu "Thế nào là đại ý Phật pháp" của Tổ Lâm Tế để tham, có được không?

Đáp: Theo tôi biết thì không được, vì đó là công án của Lâm Tế, không phải là thoại đầu. Đối với đại ý của Phật pháp, Giáo môn không có tham thiền, chỉ cần học qua giáo lý, cũng biết đại ý của Phật pháp, biết rồi thì làm sao khởi lên nghi tình? Còn về thoại đầu, ví như câu "Trước khi chưa có trời đất ta là cái gì?", câu này thì học làm sao hiểu được? Phải tham đến ngộ mới hiểu.

Hỏi: Tham thiền có vượt ra ngoài nhân quả không?

Đáp: Nhân nào quả nấy, nhân quả mỗi người mỗi khác, có thể sửa đổi nhân quả chứ không thể vượt ra ngoài nhân quả.

Làm sao sửa đổi nghiệp nhân? Ví như kiếp trước đã tạo cái nghiệp nhân chết đói, kiếp này phải trả quả. Lúc tạo nghiệp nhân khiến người ta chết đói, tâm lực chỉ có một độ, kiếp này chẳng có tu hành, tâm lực vẫn chỉ có một độ, thì nghiệp quả chết đói là định nghiệp, thế nào cũng phải trả. Bây giờ chuyên tâm tham thiền, khiến tâm lực lên hai độ, ba độ, năm độ, mười độ, thì nghiệp nhân lúc một độ được kéo lại sau, kiếp này khỏi bị chết đói nữa. Tại sao? Vì tất cả do tâm tạo, hễ nhân nào mạnh thì quả đến trước, nhân yếu quả kéo sau, ví như người thể gian thiếu nợ, thể lực của ai mạnh phải trả trước, thể lực yếu trả từ từ. Nếu tâm lực ngưng ở mười độ, không còn tham tiếp, khi nhân quả lúc mười độ trả hết, sẽ đến chín độ, rồi tám độ, dần dần đến một độ.

Nếu cứ tham mãi, tâm lực tăng dần từ mười độ, hai mươi độ, một trăm độ, một triệu độ đến thành Phật, thì nhân quả lúc một độ không thể hiện hành, nhưng nghiệp nhân vẫn còn. Đến khi thành Phật rồi, tất nhiên độ hết tất cả chúng sanh, và dĩ nhiên chủ nợ được độ trước, lúc đó nghiệp nhân mới hết, chứ không có vượt ra ngoài nhân quả, bất quá là sửa lại trước hay sau thôi.

Hỏi: Nhập thất ba năm tham thiền được không?

Đáp: Tổ sư thiền có câu "Bất phá trùng quan bất bệ quan", sau khi phá Trùng quan rồi, chưa tới Mạt hậu Lao quan, còn phải qua sự bảo nhiệm, nhập thất là để bảo nhiệm sự ngộ của mình, chứ không phải là nhập thất để tu, để tinh tấn. Người Việt Nam gọi "bệ quan" là nhập thất, kỳ thật, nhập thất là có hại mà chẳng có lợi. Tại sao? Vì chúng ta tu là phải đối cảnh mà chẳng bị nhiễm, mới là tu; còn hễ nhập thất thì không có đối cảnh, tưởng là yên ổn, đến khi ra ngoài trở lại thì còn hơn hồi chưa nhập thất, nên không đúng với sự tu.

- Đây có một công án về sự tu nơi vắng lặng: Một ông tu sĩ dẫn theo một đứa bé tu ở trên núi, trải qua hai mươi năm, đứa bé đã trưởng thành, suốt ngày chỉ có hai thầy trò và các thú rừng. Một ngày kia, thầy dẫn trò xuống núi đi chợ, người trò cảm thấy thứ gì cũng lạ, hỏi thầy đủ thứ: Cái này là cái gì? Cái kia là cái gì? Đến khi gặp cô gái, bèn hỏi thầy: Đây là cái gì?

Thầy bảo: Con chỉ biết con cạp trên núi, đây là con cạp chợ rất nguy hiểm, không được đến gần!

Sau khi trở về núi, thầy hỏi trò: Trong chuyến đi chơi vừa rồi, con có thích thú không?

Con chẳng ham thích gì ngoài con cạp chợ!

Câu chuyện trên chứng tỏ hễ đối cảnh thì tâm khởi, nên nói nhập thất là không tu được.

- Trong Thiền Thất Khai Thị Lục, ngài Lai Quả cũng kể qua câu chuyện "Lão bà đốt am", do vị tu sĩ ấy chấp cái nhập thất, sau bị lão bà đốt cả am rồi mới ngộ, chứ sự ngộ không phải do nhập thất. Người đời nay cứ cho là tu nhập thất lâu chừng nào tốt chừng nấy, ấy là sai.

- Sẵn dịp, tôi nói luôn vấn đề "Mười bức chấn trâu", người đời lầm tưởng là của Thiền tông, ấy là sai lầm. Hai chữ "chấn trâu" ở Thiền tông nghĩa là bảo nhiệm, chứ không phải tu theo từng cấp bậc, vì thiền tông là không tu theo cấp bậc, cái đó có thể là của Giáo môn.

Hỏi: Nếu không nhập thất ngồi tham, với cái tâm như người thế gian thì hằng ngày làm sao tu? Đến khi nào mới ngộ?

Đáp: Trong Đường Lối Tham Thiền cũng đã nêu ra; đời nay có hai việc bị ngộ nhận: Một là cho ngồi thiền là tham thiền, hai là phải tu ở chỗ vắng lặng. Thật tế thì ngồi chỉ để điều thân chứ không phải tham thiền cần ngồi. Như trong kinh Pháp Bảo Đàn, Thiền sư Trí Hoằng ngồi suốt hai mươi năm chẳng khởi một niệm; trước khi Mã Tổ gặp tổ Hoài Nhượng cũng chấp ngồi mãi, tưởng là có thể thành Phật, thành Phật đâu phải do ngồi!

- Còn hễ chấp phải tu nơi vắng lặng, thì câu chuyện “con cọp chợ” đủ để chứng minh. Lai Quả thiền sư nói “Chẳng thà ngủ ở nơi tông lâm hơn là một mình tu ở trên núi”, vì ngủ ở trong tông lâm mặc dù chưa kiến tánh, nhưng không có nguy hiểm. Một mình tu trên núi dễ xảy ra nguy hiểm; có người tu đến phát điên, người thì đau tim ói máu, vì không có điều thân, nhất là không phá ngã chấp.

- Muốn kiến tánh thành Phật phải phá ngã chấp, chứ không cần tu chỗ vắng lặng. Lúc tu ở chỗ vắng lặng thấy tốt lắm, nhưng hễ bước ra ngoài, gặp cảnh tâm liền bấn loạn, thì sự tu đó cũng nhưng không có tu vậy. Phải đối cảnh không bị nhiễm mới là tu. Kinh Diệu Pháp Liên Hoa tại sao lấy “liên hoa” làm tên? Vì sanh nơi bùn lầy ô uế mà chẳng nhiễm, ấy mới là tốt, nếu sanh nơi đất trong sạch thì đâu còn gì để nói!

Hỏi: Thế nào là biệt niệm? Khi nào mới hết biệt niệm? Có phương tiện nào không?

Đáp: Khi đề khởi câu thoại đầu khởi lên nghi tình, ngoài nghi tình ra, tất cả đều là biệt niệm, mặc dù niệm đó cao hơn Phật, hoặc muốn làm Phật sự lớn, độ hết tất cả chúng sanh; hoặc khởi niệm muốn tinh tấn, muốn thoại đầu miên mật, muốn trừ vọng tưởng cũng là biệt niệm. Bất cứ niệm đó đúng hay không đúng, lợi ích hay không, đều là biệt niệm, chướng ngại sự tham thiền.

Chư Tổ Thiền tông không có phương tiện gì, không được dùng phương tiện để dứt biệt niệm. Có một công án như sau:

Một ni sư tham câu “Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật, là cái gì?”
Tham nhiều năm mà chẳng thấy gì, câu thoại thì lạt lẽo, cứ theo thầy hỏi “Có phương tiện gì khác không?”

Hỏi mãi, thầy trả lời: Có.

Ni sư mừng rỡ, hỏi: Xin thầy chỉ dạy cho!

Thầy nói: Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật, là cái gì?

Ni sư liền ngộ.

Hỏi: Thế nào là tham thiền tức trì kinh? Tụng kinh và trì kinh khác nhau ở chỗ nào?

Đáp: Biên chép đọc tụng có thể nói là đang nghe Phật thuyết pháp, mình đọc tụng thì tự mình nghe tiếng mình, tức nghe Phật thuyết pháp. Do nghe Phật thuyết pháp mà được tín giải (*tin và hiểu*) là khai Phật tri kiến, do tín giải mà thọ trì là thị Phật tri kiến. Thọ trì là lãnh thọ và thực hành đúng như pháp, chứ không phải đọc tụng là trì kinh, đọc tụng mà không thực hành thì làm sao gọi là trì kinh? Do chứng đắc mà thành Phật, gọi là nhập Phật tri kiến.

Nhưng Phật tri kiến là gì? Là chẳng lập tất cả tri kiến. Cho nên, Tiểu thừa dứt hết tất cả kiến hoặc nơi dục giới thì chứng quả Tu Đà Hoàn.

Người đời nay cứ tìm hiểu tri kiến, nên bị chướng ngại thêm.

Hỏi: Sư phụ không thừa nhận là bậc Thiên sư, mà chỉ là một vị lão tham, nhưng sự giảng dạy của Ngài rõ ràng đã vượt ra ngoài sự tham. Xin hỏi Ngài đã chứng quả hay chưa?

Đáp: Tôi đã công khai nói là tôi chưa chứng quả, và không có được cái gì cả. Vì điều thứ nhất trong *Đường lối thực hành tham Tổ sư thiên* là phải phá ngã chấp, là vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ; chẳng phải là tôi có chứng đắc mà nói là không có chứng đắc, sự thật là tôi chưa chứng đắc. Tôi cũng là bị sự hiểu biết chướng ngại, gọi là sở tri chướng. Tôi đã bị hại rồi, nên không dám hại người khác nữa!

Theo lời của ngài Lai Quả trong *Thiền Thất Khai Thị Lục* nói “Quên là tiến bộ”, quên thế giới, quên thân tâm, cả tên họ của mình cũng quên, mới hy vọng kiến tánh được.

Hỏi: Trong lúc đang tham thấy các cảnh giới an ổn, song làm mất câu thoại đầu, vậy có phải thiền bệnh không?

Đáp: Lúc cảm thấy thanh thanh tịnh tịnh, không có nghi tình cũng không có vọng tưởng, ấy là lọt vào vô ký không. Kinh Lăng Nghiêm nói “Nếu đang lúc cảnh giới an ổn, không có cái thân mà chẳng chấp thì là cảnh giới tốt, nếu cho là tốt, ấy tức là tà”. Người tham thiền đến khi vọng tưởng bớt rồi, thấy đủ thứ cảnh giới hiện ra; chẳng những việc trong kiếp này, kể cả những kiếp trước cũng có thể hiện ra, nhưng đừng biết tới, chỉ đề câu thoại đầu tham tới mãi.

Hỏi: Trong lúc tham, câu thoại bị gián đoạn lúc nào chẳng hay, hoặc tự khởi lên lúc nào cũng chẳng hay, vậy có sao không?

Đáp: Phải tham liên tục mới tốt, nếu như ngưng tham lúc nào chẳng hay, khi biết được phải liền đề khởi câu thoại tham trở lại, có người chỉ mới đề lên một câu, thấy có nghi tình thì ngưng đề, một lát sau mới đề thêm một câu nữa, như vậy là có sự gián đoạn, là do mình không liên tục đề câu thoại. Phải đề liên tục, miên mật cho thành thói quen thì không bị ngưng.

Có người không đề câu thoại vẫn có nghi tình, cho vậy là tốt, cũng không được. Nói “Thoại đầu” là phải khi đến thoại đầu, câu thoại tự mất, nếu chưa đến thoại đầu mà bỏ câu thoại, mặc dù có nghi tình, nhưng bị ngưng lúc nào chẳng hay, đến khi biết được đã bị gián đoạn một thời gian dài rồi. Cho nên, nếu chưa đến thoại đầu thì không được bỏ câu thoại, phải đề nguyên câu thoại đầu, khi nào câu thoại tự mất mới thôi.

Hỏi: Có phải trong Thiền tông tự mình tìm kiếm tri kiến Phật?

Đáp: Tổ sư thiên là giáo ngoại biệt truyền, khác hơn pháp quán của Giáo môn. Còn nói “Thiền tông phải tự tìm kiếm tri kiến Phật”, sự tìm kiếm ấy đã là bệnh rồi! Tổ sư thiên là không cho tìm hiểu, chẳng những không cho tìm hiểu cái khác, kể cả tìm hiểu Tổ Sư Thiên, câu thoại đầu cũng không được, hiểu thiền hiểu đạo cũng không được. Tôi đã nói tham thiền là chánh nghi, có tâm đi tìm hiểu là hồ nghi, còn nói “Tự đi tìm tri kiến Phật”, ấy là đại vọng ngữ, vì Tổ sư thiên là vô sở cầu, vô sở đắc, vô sở sợ, không cho cầu, cũng không cho có ý muốn chứng đắc, hoặc sợ rằng mình không chứng đắc, sợ ngộ rồi chẳng ai ấn chứng v.v. cũng không được.

Hỏi: Hiện nay phát sinh nhiều loại thiền, đều nói là tu theo Phật pháp, vậy loại nào đúng loại nào sai? Mười tông phái ở Trung Quốc nay chỉ nghe có bốn tông, sáu tông kia còn tồn tại không?

Đáp: Mười tông phái ấy là: Đại Thừa tám tông, gồm: Thiền, Tịnh, Mật, Luật, Giáo môn 4 tông: Thiên thai, Hiền thủ, Tam luận, Duy Thức. Và Tiểu thừa hai tông: Thành Thật và Câu Xá, nhưng hai tông này chỉ có danh nghĩa mà chẳng có phần thực hành.

Nói tóm lại, Giáo môn là vừa tìm hiểu vừa thực hành, khai thị ngộ nhập tri kiến Phật. Còn Thiền tông chỉ chú trọng phần thực hành, là muốn chúng ta ở trong mở mắt chiêm bao thức tỉnh, thì khổ trong chiêm bao liền dứt. Chư Phật đều mong mọi chúng sanh thành Phật, nếu không thì như Trung Phong Pháp Ngữ nói “Dầu cho Phật Thích Ca đem hết tất cả kinh điển giáo lý nhét đầy bụng ông, cũng chẳng dính dáng đến vấn đề sanh tử”.

Hỏi: Khi tỉnh giác rồi, cái thân vẫn còn, có phải gọi là Hữu dư Niết bàn? Và sau khi chết gọi là Vô dư Niết bàn?

Đáp: Còn cái thân cũng chẳng phải Hữu dư Niết bàn; mất cái thân cũng chẳng phải Vô dư Niết bàn. Nay chúng ta chưa thức tỉnh, từ thân này sang thân khác, mất thân người sang thân thú, đâu phải Niết bàn! Niết bàn là lìa khỏi sanh tử rồi mới gọi là Niết Bàn, nếu nói không có thân tức Niết bàn thì tất cả cõi Vô Sắc đều là Niết bàn sao? Vô Sắc Giới dù không có sắc thân, nhưng vẫn còn chấp A Lại Da thức là ta, còn là phàm phu, còn ở trong lục đạo luân hồi. Nếu không phá ngã chấp là còn phải ở trong luân hồi.

- Nói đến “tỉnh giác”, ngoại đạo cũng có tỉnh giác, các giáo chủ Hồi Giáo, Thiên Chúa Giáo, Bà La Môn giáo v.v. đều có sự tỉnh giác. Ví như tọa thiền giác ngộ, tự cho mình đã giác được chơn lý tối cao, tự làm giáo chủ để sáng lập ra một giáo phái. Vì còn chấp ngã, không được giải thoát, nên Phật giáo gọi đó là ngoại đạo.

- A La Hán phá được ngã chấp nên ra khỏi sanh tử luân hồi, nhưng sự giác ấy chưa thể bằng Phật, chưa đến Chánh Đẳng, phải bậc Bồ Tát mới đến Chánh Đẳng. Sự giác ngộ của Bồ tát mặc dù bằng Phật, nhưng sức dụng kém hơn Phật nhiều, nên không được gọi là "Vô thượng", đến khi chứng quả Phật rồi mới gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

- Nói tóm lại, tỉnh giác cũng có nhiều loại, không phá ngã chấp chỉ là tà giác, phá được ngã chấp mới gọi là Chánh giác.

Hỏi: Về việc tìm Tổ ấn chứng như thế nào?

Đáp: Thời nay có nhiều người tự làm tài khôn, cho mình đã ngộ, hoặc cho sự giải ngộ là chứng ngộ, hoặc thấy cảnh giới này cảnh giới kia cũng cho là ngộ, hoặc do ham danh, chưa chứng mà nói đã ngộ, đi tuyên truyền khắp nơi, theo giới luật thuộc đại vọng ngữ. Nếu là Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, phạm đại vọng ngữ là mất thân phận Tỳ kheo, phải đến kiếp sau thọ giới Tỳ kheo lại; mà đâu chỉ là mất rồi là xong, còn phải chịu tội địa ngục, nên sau khi ngộ phải có Thiện tri thức ấn chứng.

Trong kinh Pháp Bảo Đàn nói “Nếu nói nhất định phải có thiện tri thức ấn chứng cũng không đúng, là những người tăng thượng mạn mới cần thiện tri thức ấn chứng”. Nếu không phải người tăng thượng mạn, chỉ cần thực hành đúng theo vô sở đắc, không muốn người ta biết về sự ngộ của mình thì không ai ấn chứng cũng được.

Hỏi: Có biện pháp nào giải quyết tình trạng cho giải ngộ là chứng ngộ?

Đáp: Những người cho giải ngộ là chứng ngộ là người tăng thượng mạn. Sự giải ngộ là của người khác; lấy lời của Phật của Tổ cho là giải ngộ của mình, chấp vào đó là vô phương cứu. Muốn cứu họ phải phá được cái chấp về giải ngộ của họ, phải tham câu thoại đầu khác, nếu không thì dù Phật Thích Ca cũng cứu chẳng được.

Hỏi: Trong Chứng Đạo Ca có câu "Sát na diệt khước A Tỳ nghiệp", thế thì các Tổ sư như tôn giả Sư Tử ở Ấn Độ, nhị tổ Huệ Khã, tổ Nham Đầu và gần đây có ngài Hư Vân, các vị ấy đã kiến tánh sao lại còn bị gia hình?

Đáp: Trong Truyền Đăng Lục, có vị Tăng hỏi Tổ sư “Liễu tức nghiệp chướng bồn lai không”, tại sao các Tổ sư lại bị gia hình sau khi kiến tánh?

Tổ đáp: Đại đức còn chưa hiểu "Bồn lai không".

Hỏi: Thế nào là bồn lai không?

Đáp: Nghiệp chướng đó!

Lại hỏi: Thế nào là nghiệp chướng?

Đáp: Bồn lai không!

Nghiệp chướng vốn là không, chứ không phải là không có xảy ra hiện tượng đó. Cũng như việc chiêm bao vốn là không, chứ chẳng phải không có chiêm bao. Thấy việc chêm đầu là việc trong chiêm bao, khi thức tỉnh rồi thì tìm ở đâu? Thức tỉnh rồi đầu vẫn còn nguyên vẹn.

Hỏi: Trong kinh tại sao hay nói bảy đời cha mẹ mà không phải tám đời, chín đời?

Đáp: Không những bên Phật Giáo, các tôn giáo khác cũng thường lấy số 7 làm ước số, ví như Thiên Chúa Giáo đặt cho một tuần lễ là 7 ngày, Phật giáo thì không nhất định là số 7, cũng như Tam giới, cửu địa, cửu huyền thất tổ v.v. Kỳ thật, chẳng những số lượng không đại diện cho cái gì, kể cả cái tên gọi của mình! Khi sinh ra, ai cũng được cha mẹ đặt cho cái tên, hễ người khác tán thán cái tên này thì vui mừng, hễ chê cười thì buồn rầu tức giận. Thật ra, khi mình sinh ra đâu có tên, mà chấp cái tên đó là thật!

Cho nên *Triệu Luận* nói “Tên không đúng với sự thật, sự thật cũng không đúng với cái tên”, 7 đời hoặc 7 ngày, 6 ngày đâu có dính dáng gì? Sự thật đâu phải do số lượng hoặc tên gọi, cái hiệu mà diễn tả được?

Ở trên tôi đã nói “Lời nói của Đức Phật chỉ có thể nói ra cái không đúng” mà thôi, những cái đúng đó nói không được, phải do mình tự ngộ. Những người Giáo môn nghe tôi nói “lời của Phật nói ra đều không đúng”, cho là tôi phỉ báng Phật pháp, phỉ báng Tam Bảo, nhưng sự thật là vậy, cái đúng phải tự ngộ. Chính kinh Lăng Nghiêm nói “Phàm hữu ngôn thuyết, giai phi thật nghĩa”.

Vậy không đúng còn nói ra làm chi? Nói ra để chúng sanh biết những cái mà mình chấp là thật đó đều chẳng phải thật; tất cả sự hiểu biết của mình, tất cả tư tưởng, chủ trương của mình đều không phải thật, chớ có hướng vào chỗ đó nghiên cứu tìm cầu, phải hướng vào tự tánh tự ngộ. Cho nên *Triệu Luận* nói “Nếu đuổi theo lời nói là chấp danh, ghi nhớ việc quá khứ là chấp tướng”, Thiên tông gọi là con chó đuổi theo cục xương.

Hỏi: Tại sao Thiên sư Minh Bồn trong Trung Phong Pháp Ngữ nói là "Hãy cúng dường chính mình"?

Đáp: Phật pháp nói đến vấn đề cúng dường có hai mặt: Một là chơn, một là tục. Về phần Chơn thì phải cúng dường Tự tánh Phật của mình là tốt nhất, còn cúng dường Tam Bảo thuộc về phần tục, nhưng cũng là giúp cho cái chơn. Ví như hiện nay nếu không ai cúng dường Tam Bảo thì đâu còn chùa chiền để chúng ta tu hành, tham thiền ngộ Tự tánh? Ai dạy? Nên phải nhờ đến Tam Bảo. Cho nên, nói Thường trụ Tam Bảo có hai thứ: Tượng Phật thay thế cho Phật Bảo, Kinh sách thay thế cho Pháp Bảo, Tu sĩ thay thế cho Tăng Bảo, nếu không nhờ thường trụ Tam Bảo, làm sao giác ngộ được Tự tánh Tam Bảo? Phật pháp nói “Bất thủ bất xả”, chẳng phải chỉ cần nơi thường trụ Tam Bảo mà bỏ tự tánh Tam Bảo, cũng chẳng phải chỉ cần nhận lấy Tự tánh Tam bảo

mà bỏ thường trụ Tam Bảo, vì hai thứ đều tương trợ lẫn nhau, chứ không được lấy cái này bỏ cái kia.

Hỏi: Cúng dường như thế nào là đúng pháp?

Đáp: Trong kinh Bốn Mươi Hai Chương, Phật nói: Cúng dường một trăm người ác không bằng cúng dường một người thiện; cúng dường một ngàn người thiện không bằng cúng dường một cư sĩ thọ ngũ giới; cúng dường mười ngàn cư sĩ thọ ngũ giới không bằng cúng dường một Sa di; cúng dường một trăm ngàn Sa di không bằng cúng dường một Tỳ kheo; cúng dường một triệu Tỳ kheo không bằng cúng dường một người đã chứng sơ quả Tu Đà Hoàn thừa Thanh Văn; cúng dường mười triệu Tu Đà Hoàn không bằng một Tu Đà Hàm. Cứ từng lớp từng lớp lên, đến cuối cùng, cúng dường vô lượng vô biên chư Phật không bằng cúng dường một người vô tâm, vô tu vô chứng.

Tại sao cúng dường vô lượng vô biên chư Phật không bằng cúng dường một người vô tâm, vô tu vô chứng? Như tôi thường nói, lời của Phật là muốn tất cả chúng sanh đều thành Phật, muốn thành Phật thì mỗi mỗi phải ngộ tự tánh, tự tánh thì chẳng phải tu chẳng phải chứng. Mục đích của mình cúng dường vô lượng vô biên chư Phật, cũng là vì muốn ngộ tự tánh, cho nên, cuối cùng là mỗi chúng sanh đều phải tự ngộ tự tánh, mới là cao nhất. Tất cả sự cúng dường đều quy về tự tánh. Tự tánh thì chẳng có tác ý phân biệt, hề khởi ý phân biệt tức chẳng thể quy về tự tánh vậy.

Cúng dường thế nào mới là đúng? Không được chấp nhất định chỗ đúng, cần nhất là tham câu thoại đầu khởi lên nghi tình, ngoài ra không được nổi niệm phân biệt để lựa cái nào cao nhất, chỉ là tùy duyên mà thôi.

Cũng có kinh nói “Cúng dường một vị Phật cao nhất, không bằng cúng dường một người ăn xin”. Tại sao? Như thế có mâu thuẫn với kinh Bốn Mươi Hai Chương không? Tất cả đều không có mâu thuẫn, hề có chấp mới thành mâu thuẫn, không chấp thì không mâu thuẫn. Tất cả lời Phật. Lời Tổ đều là phá sự chấp thật, nếu chấp vào lời phá chấp của Phật thì không đúng rồi.

Hỏi: Lúc tham thiền hay bị ngoại cảnh lôi kéo, phải làm sao?

Đáp: Lai Quả thiền sư trong Thiền Thất Khai Thị Lục nói, bất cứ nghiêng về chỗ nào cũng không được; chẳng những không được thích chỗ vắng lặng mà tham, cũng không được lựa chỗ động mà khởi công phu, tịnh cũng chướng ngại không được, động cũng chướng ngại không được sự tham thiền của mình, mới không bị ngoại cảnh lôi kéo. Nhiều người tham thiền đang trong lúc tham hay bị ngoại cảnh lôi đi, người thì quên cả sự tham, người thì theo cảnh đó mà tham, hoặc nghe theo tiếng động mà tham, đều là chướng ngại, phải cảnh nào cũng tham như thế, chỉ là đề câu thoại khởi lên nghi tình, ngoài ra không biết tới, mới có thể đạt đến công phu thành khối.

Hỏi: Tự tánh là gì? Làm sao nắm chắc?

Đáp: Bây giờ nhiều người hiểu lầm hai chữ Tự Tánh. Do phương tiện nên nói mỗi chúng sanh đều có tự tánh, nhưng chẳng phải là tôi có cái tự tánh của tôi, ông có cái tự tánh của ông, người kia có cái tự tánh kia. Nếu thế thì chỉ là ngã chấp chứ chẳng phải tự tánh. Vì Tự tánh là giác ngộ, hề giác ngộ là phá hết ngã chấp, đâu còn cái tự tánh của người này người kia? Nên Phật nói “Tất cả pháp đều chẳng có tự tánh”.

Tại sao trước nói “chúng sanh đều có tự tánh”, bây giờ lại nói “Tất cả pháp đều không có tự tánh”? Ấy có mâu thuẫn không? Lại, nói “Tự tánh bất nhị” là thế nào?

Đã nói tự tánh bất nhị, nếu có một pháp nào có tự tánh tức thành nhị rồi! Nếu tôi có tự tánh thì tất nhiên ông cũng có tự tánh, ấy là nhị rồi! Bởi do mỗi pháp mỗi khác, vì tất cả pháp đều không có tự tánh, cho nên bất nhị.

Hỏi: *Vậy ngộ ngã chấp như thế nào?*

Đáp: Ngã chấp là có người này người kia, tôi khác hơn ông, ông khác hơn tôi; tôi khác hơn ông, ông khác hơn tôi; kết quả của tôi chẳng phải kết quả của ông. Tự tánh là phải phá hết ngã chấp mới ngộ nhập được, phá hết ngã chấp thì không có tôi, không có ông để chấp thật, cũng chẳng có Phật để thành. Sở dĩ Phật pháp khác ngoại đạo là vì phá được ngã chấp, nên mới ra khỏi sanh tử luân hồi. Do đó, người nào muốn tu chánh pháp, đều phải lấy Phá Ngã Chấp làm căn bản.

Hỏi: *Câu chuyện tổ Đức Sơn và ông tăng người nước Hàn như thế nào?*

Đáp: Ngài Đức Sơn nổi tiếng bởi cây phảng Đức Sơn, hễ ai hỏi pháp, chưa mở miệng là gậy đập xuống đầu. Ở thiền đường Trung Quốc, mỗi ngày có hai lần tảo tham, cả một hai ngàn người, tất cả chúng đứng hai bên, ai muốn hỏi thì đứng ra chính giữa, đánh lễ ba lạy rồi hỏi.

Một hôm Tổ thăng tòa nói: Hôm nay tôi không trả lời, ai hỏi thì đánh ba mươi gậy!

Có một vị tăng ra đánh lễ, vừa đánh lễ là Tổ hét: Cho ba mươi gậy!

Tăng nói: Con chưa mở miệng hỏi, sao lại đánh ba mươi gậy?

Tổ hỏi: Ông là người gì?

Đáp: Con là người nước Hàn.

Tổ nói: Ngay từ lúc ông chưa bước chân lên Tàu đã đáng ba mươi gậy rồi, đâu cần đợi đến đây mới đáng ba mươi gậy!

Thủ đoạn của Tổ chỉ là muốn chúng ta cắt đứt sự tìm hiểu để ngộ được Tự tánh, cho nên bắt đắc dĩ dạy tham công án, thoại đầu để khởi lên nghi tình, cắt đứt sự tìm hiểu.

PHẦN 10.

Hỏi: *Thế nào là hồi hướng?*

Đáp: Hai chữ Hồi Hướng là phá ngã chấp. Thời nay nhiều người hiểu lầm, lấy hai chữ Hồi Hướng cho là "lấy cái công đức của tôi, hồi hướng cho ông này ông kia", ấy là ngã chấp, mà chẳng biết trong Giáo môn có Thập Hồi Hướng, phá hết ngã chấp rồi lên Sơ địa.

Thế thì nghĩa Hồi hướng là gì? Là mặc dù những công đức bố thí cúng dường do tôi làm ra, nhưng không phải là của tôi, là của tất cả chúng sanh, trong đó bao gồm tôi. Cho nên phải phát đại nguyện, nguyện tất cả chúng sanh đều được vãng sanh, nếu có sót lại chúng sanh nào thì mình sẽ độ hết. Đã phát đại nguyện rồi, tất nhiên là không ăn thịt chúng sanh, không đánh đập, chửi mắng chúng sanh, và phải thực hành.

Nếu không thực hành theo nguyện đã phát, thì thành nguyện giả, chỉ có tội chứ đâu có công đức gì? Nếu thực hành đúng theo đại nguyện thì đến lúc lâm chung, chớ nói là niệm mười tiếng Phật hiệu được vãng sanh, chỉ cần niệm một tiếng Phật cũng được vãng sanh, bằng không thì dầu cho niệm ngàn tiếng, làm sao có hiệu nghiệm ư!

Hỏi: *Tham thiền tại sao chỉ chọn cách đi và ngồi trong tứ oai nghi?*

Đáp: Trong Lịch sử Thiền tông, Lục Tổ là vị danh tiếng nhất, phẩm Tọa Thiền trong kinh Pháp Bảo Đàn nói "Tọa Thiền là tâm tọa chứ chẳng phải thân tọa; ngoài đối với

các cảnh thiện ác tâm niệm chẳng khởi là tọa, trong tâm thấy tự tánh chẳng động là thiền". Còn ở Thiền đường đi hương tọa hương là điều thân, tức là ngồi đến mỗi thì đi, đi đến mỗi thì ngồi. Cũng như Lục Tổ nói "Đạo do tâm ngộ bất tại tọa", chúng ta tham thiền là muốn ngộ đạo, ngộ đạo là ngộ nơi tâm, chứ chẳng phải do ngồi. Tổ còn nói "Nếu nói là tọa hay là ngoạn, ấy là hành tà đạo". Trong tứ oai nghi, hễ nằm là dễ hôn trầm, đứng thì mỗi chân, nên chọn ngồi và đi để điều thân.

- Thời xưa chưa có đồng hồ, nên ở tông lâm đốt lên một nén hương để ngồi, nén hương hết rồi đốt lên nén khác để đi, nên gọi là ngồi hương, đi hương; người tuần tra gọi là tuần hương, cây gậy gọi là hương bảng, rồi phóng hương, tịnh hương, tất cả đều gọi là "hương".

- Đi hương và tọa hương là hình thức bên ngoài để làm tiêu chuẩn thực hành công phu, bất cứ lúc nào cũng phải đề khởi câu thoại đầu để tham, chứ không phải là ngoài giờ đi hương tọa hương rồi thì có thể nói chuyện, không cần tham nữa, ấy là sai. Lúc đi hương tọa hương phải tham, lúc không đi hương tọa hương càng phải tham nhiều mới đúng, nếu có giờ phút nào không tham thì công phu không thành khối được. Ngài Lai Quả nói "Lúc bệnh cần phải tham nhiều hơn lúc khỏe" là để tập cho công phu thuần thực.

Hỏi: Bà lão bị đau nói "ngày mai bà sẽ chết", anh thanh niên nói với bà rằng "ngày mai bà không chết, nhưng sẽ chết sau ba hôm". Anh đó nói do tham thiền nên biết trước điều đó, vậy sự thấy của anh ta có đúng với đường lối tham thiền không?

Đáp: Theo Tổ sư thiền thì ấy là tà, Tham thiền cần kiến tánh, kiến tánh rồi tự nhiên sẽ được thần thông, chứ đừng sợ kiến tánh rồi không thần thông. Còn thần thông là nhánh lá, ngoại đạo tà ma vẫn có. Thiền tông có nhiều vị có thần thông nhưng không cho người khác hay biết, Chư Tổ vì độ chúng sanh, bất đắc dĩ hiện ra thần thông, sau đó liền thị tịch. Tại sao chánh pháp không cho hiện thần thông? Vì chánh pháp là phá ngã chấp, chỉ e rằng không kiến tánh, khi được giải thoát rồi tự nhiên có thần thông, thần thông là tự tánh sẵn có, chẳng phải do học được, hễ học được là tà ma ngoại đạo, chẳng phải sẵn có.

- Huỳnh Bá thiền sư là thầy của ngài Lâm Tế, khi thiền sư chưa kiến tánh, một hôm đi đường gặp một vị tăng, cùng đi qua con sông, nước sông chảy siết, lại không có ghe thuyền, vị tăng kia bèn lột chiếc nón để trên mặt sông, bước lên trên nón và rủ ngài Huỳnh Bá cùng đi, Ngài chẳng những không chịu, còn quở rằng "Hỏi nầy nếu biết ông như thế, tôi đánh gãy chân ông". Vị tăng kia nghe rồi liền đánh lễ giữa sông rằng "Thật là bậc căn khí Đại thừa!" Do vị tăng ấy còn là Tiểu thừa, không biết giữ ý và thường gặp đâu cũng hiển hiện thần thông cho người biết. A La Hán Tiểu thừa còn bị Phật quở là "tiêu nha bại chủng".

- Tổ sư thiền không trọng thần thông, nay có nhiều người đến học Tổ Sư Thiền, biết có thần thông là hại, muốn bỏ cũng bỏ không được, vẫn bị thần thông chướng ngại.

- Ví như Ấn Phong thiền Sư, thấy hai bên binh lính giao tranh, Ngài muốn ngăn chặn sự đổ máu, bèn thị hiện thần thông, dùng cây tích trượng hóa thành cây cầu ngăn giữa hai bên, rồi đi trên cây cầu, khiến hai bên binh sĩ bãi chiến, nhưng sau đó liền thị tịch.

Trước khi tịch, Ngài hỏi hàng đệ tử rằng: Người ta thường thị tịch theo kiểu ngồi và đứng, có ai tịch theo thế đang bước đi không?

Đáp: Có.

Hỏi: Thế thì có ai tịch theo kiểu đầu chống xuống đất, chân chọi lên trời không?

Đáp: Không.

Thiền sư liền thị tịch theo thể đó, mặc dù đầu chổng xuống đất, quần áo vẫn xuôi theo thân thể mà không bị rũ xuống, đệ tử muốn đi dời di thể đi thiêu cũng chẳng nhúc nhích. Thiền sư có một em gái là Ni sư, bèn rầy la “Khi xưa anh thích làm chuyện quái lạ, sao đến giờ tịch rồi vẫn còn làm chuyện quái lạ vậy!” Nói xong dùng tay xô một cái mới ngã xuống.

Vì e sợ người đời mê hoặc về thân thông, cho nên, Tổ Sư hiển thân thông ra là thị tịch. Phật pháp sơ dĩ gọi là chánh pháp, là do chẳng phá hoại thế gian pháp, mà Tổ sư thiền thì thế gian pháp là Phật pháp, tức xuất thế gian pháp, nên tất cả hành vi đều giữ đúng theo lẽ bình thường chứ không làm điều quái lạ hơn bình thường. Cũng như Lục Tổ nói “Phiền não tức Bồ đề, sanh tử tức Niết bàn”, kinh Pháp Hoa nói “Thị pháp trụ pháp vị, thế gian tướng thường trụ”. Tướng thế gian và xuất thế gian là bất nhị, vì tự tánh bất nhị nên tất cả đều bất nhị, tự tánh vô biên nên tất cả đều vô biên. Kinh Bát Nhã nói “Bát nhã vô biên nên tứ đại vô biên; Bát nhã vô biên thì ngũ uẩn cũng vô biên, Bát nhã vô biên nên tất cả pháp cũng vô biên”. Tại sao? Vì tất cả pháp đều do tâm tạo, pháp thế gian do tâm tạo, pháp xuất thế gian cũng là do tâm tạo, chỉ vì có cái chấp tâm nên thành khác, có tác ý nên thành khác, chẳng tác ý thì không khác vậy.

Hỏi: Trong Thiền Thất Khai Thị Lục có đoạn dạy rằng “Công phu lúc còn sống không dùng được sau khi chết, vì thế lúc còn sống phải tích cực công phu. Công phu lúc còn sống không thẳng qua sau khi chết”, vậy xin Sư Phụ giảng rõ nghĩa này, để hành giả lớn tuổi như chúng con tự tu tự độ, không mong đợi lúc lâm chung nhờ người khác tụng kinh hoặc tham thiền làm trợ lực?

Đáp: Tất cả pháp thế gian, xuất thế gian cũng chẳng ra ngoài nhân quả, có nhân ắt có quả, đã gieo nhân tự quả sẽ đến; nhân gieo mạnh quả đến nhanh, nhân yếu thì quả đến chậm. Bây giờ công phu lúc sống dùng đến chết, khi tắt thở là không dụng công phu được nữa, nhưng công phu trước đó đã dùng thì không mất. (Sư phụ giảng về 100 bước, đây lược qua).

Hỏi: Khi ngồi tham, thấy đầu và thân phát ra ánh sáng, nhưng lúc đó nghi tình và thoại đầu vẫn còn, vậy có đúng không?

Đáp: Nếu nghi tình và câu thoại đầu vẫn còn thì được, nhưng về những cái biết vừa kể trên là không được, ấy là hư vọng giống như chiêm bao. Trong kinh Lăng Nghiêm, Đức Phật có đoạn giải thích về kiếp trước:

- Ví như hư không, con mắt chúng ta thấy biết hư không; hư không chẳng bản thể, trong Kinh nói là "Hữu không vô thể", còn về cái kiến thì "Hữu kiến vô giác", dù có thấy nhưng không có tri giác. Tri giác là do ý thức, nên mặc dù trước mắt thấy biết hư không, nhưng hư không ở đâu? Hư không chẳng có thực thể cho ta tiếp xúc được, mà sự thấy cũng chẳng thể tìm ra năng thấy (*kiến tinh*). Trước mắt thấy rõ ràng còn tìm không ra, chỉ không ra, nói chi việc trong chiêm bao ư! Cái gì do tìm hiểu biết được, do thiên định biết được, đều chẳng phải bản tri của tự tánh, chẳng những không thể giải thoát được, lại chướng ngại cho sự giải thoát, vì biết ấy là vọng, chẳng phải chánh biến tri của tự tánh. Bình đẳng tri của tự tánh chẳng có sự tri và bất tri, chẳng có thiếu sót.

- Trong kinh Lăng Nghiêm, Nguyệt Quang Đồng tử tu thủy quán đến toàn thân đều biến thành nước, có chú tiểu của Ngài từ cửa sổ bên ngoài nhìn vào, thấy nước mênh mông tràn ngập cả phòng, bèn lấy cục đá liệng vào phòng. Khi Nguyệt Quang Đồng tử ra khỏi phòng, cảm thấy tức ngực mà không biết lý do, sau nghe chú tiểu kể lại, dặn dò rằng “lần sau thấy nước đầy phòng, phải vào trong lấy cục đá ra”, rồi mới hết

chứng đau. Tại sao? Mặc dù đã tu thành thủy quán, nhưng còn ngã chấp chưa dứt trừ, về sau thân cận nhiều vị Phật mới phá được ngã chấp, lúc đó mới quên cả thân. Còn Pháp thân thì cùng khắp Pháp giới, đâu chỉ hạn chế trong một phòng ư! Cho nên, những gì dùng ý thức tìm hiểu được, do thiên định biết được, bất cứ là cái gì, đều phải quét sạch; biết đen tối, biết câu thoại đầu cũng là biết. Cho nên Lai Quả thiên sư nói “vô tham mới là chơn tham”, lúc đó có nghi tình, là không biết mình đang tham, cũng như vô tham vậy. Do nghi tình làm cho tất cả biết đều sạch, luôn cả tham thiên cũng không biết, mới là chơn tham. Đạt đến chơn tham là kiến tánh. Nay còn biết là đen tối, biết đang tham thiên thì chưa phải chơn tham.

- Tham thiên rất dễ, rất giản dị, nhưng muốn dứt bỏ sự tìm hiểu thì rất khó. Cho nên tôi thường nói trăm người tham thiên, chín mươi người không đi đúng với đường lối Tổ Sư Thiên, vì ham tìm hiểu, chính sự tìm hiểu này khiến cho thành khó.

Hỏi: Tham thiên để khởi câu thoại đầu, cứ nhìn vào chỗ hàm sâu đen tối đó, lâu ngày có trở thành ngu si không?

Đáp: Kinh Đại thừa liễu nghĩa có thí dụ về "ngón tay và mặt trăng", nếu không nhờ ngón tay chỉ thì chẳng thấy được mặt trăng. Nhưng hướng ngón tay chỉ đó có thấy mặt trăng không? Không, vì mặt trăng còn bị mây mù che khuất, tức còn bị ngũ trước phiền não che khuất, Tổ sư gọi là "hàm sâu đen tối", chính chỗ hàm sâu đen tối đó là chỗ ngón tay chỉ, cứ nhìn thẳng vào chỗ đó, một ngày nào thành linh gió thổi mây tan, mặt trăng hiện ra.

Nhưng nay nhiều người không chịu nhìn vào chỗ ngón tay chỉ, mà chỉ nhìn vào ngón tay thì làm sao thấy được mặt trăng! Ngón tay là gì? Là dụ cho kinh điển, lời dạy của Phật trong Kinh điển. Nay nhiều người nghiên cứu kinh điển, nghiên cứu lời của Phật, cho là phải nghiên cứu ngón tay, tìm hiểu ngón tay, chẳng biết đã bị chướng ngại bởi ngón tay, đã không đi đúng theo lời của Phật dạy, kinh Viên Giác nói “Những người này chẳng những không thấy được mặt trăng, cũng không biết ngón tay”, vì cho ngón tay có mặt trăng trong đó vậy.

Hỏi: Khi ngồi thiền cơ thể và đầu tự quay, và hiện ra hình ảnh của Đức Phật, như vậy có sao không?

Đáp: Sự quay đó do cơ thể tự vận động, những cảnh giới ấy đều chẳng sao cả, nhưng không được cho là tốt mà mừng rỡ hoặc kinh sợ, thấy cũng như không thấy, không cho đó là cảnh giới. Đắc lực cũng tham như vậy, không đắc lực cũng tham như vậy, cũng chẳng cho là đắc lực hay không. Nếu biết được cái đắc lực hay không đắc lực mà mong lên biệt niệm thì không đắc lực rồi.

Đắc lực là công phu không gián đoạn, biết đó là vọng tưởng đã là vọng tưởng rồi; lại có ý niệm muốn trừ vọng tưởng, đè nén vọng tưởng, là càng thêm một lớp vọng. Tổ sư thiên chẳng có sự tự cho như vậy là đúng, tự cho như vậy là không đúng, hoặc tự chẳng biết mình đúng hay không đúng, ấy đều lọt vào ý thức phân biệt. Phàm lọt vào ý thức phân biệt đều chẳng đúng với tông chỉ Tổ Sư Thiên, vì Tổ sư thiên chỉ cho nghi, ngoài ra không biết gì cả. Chỉ cần giữ cái không biết, đề lên nghi tình hỏi tới mãi, không màng vọng tưởng hay không vọng tưởng, tinh tấn hay không tinh tấn, tức ngoài câu thoại đầu ra, bất cứ biết cái gì đều là tâm trộm cắp.

Hỏi: "Tham thiên không bí quyết, chỉ cần sanh tử thiết", vậy thế nào là sanh tử thiết?

Đáp: Sanh tử chỉ sự sanh diệt của thân ngũ uẩn này. Có sanh tử ắt có luân hồi, ngày nay đang sống thì không biết đến ngày mai còn sống hay chết, nếu không thừa lúc còn

khỏe mạnh, hạ thủ công phu giải quyết bệnh lớn sanh tử, mặc dù sanh tử trong chiêm bao chẳng thật, nhưng trong lúc còn đang chiêm bao, vẫn phải chịu khổ sanh tử ràng buộc, phải từ chiêm bao thức tỉnh, ra ngoài chiêm bao, tức kiến tánh thành Phật.

Đức Phật muốn chúng ta đều thức tỉnh trong chiêm bao, còn chúng sanh thì ham thích cảnh tượng giàu sang phú quý trong chiêm bao, dù bậc tu sĩ chẳng hy vọng được giàu sang, nhưng nhiều người cũng mong muốn được danh vọng địa vị, trong Phật pháp nói đến tam độc tham sân si, thứ nhất là tham: ham thích giàu sang cũng là tham, ham danh vọng cũng là tham, cho đến bậc Bồ tát ham độ chúng sanh cũng là tham. Nên Bát Nhã Tâm Kinh nói “Vô trí diệt vô đắc”, kinh Kim Cang nói “Độ hết tất cả chúng sanh, chẳng có một chúng sanh được diệt độ” tức vô sở đắc, chẳng cho mình là năng độ, chúng sanh là sở độ. Nếu không, vẫn còn là tham, chẳng phải bậc Bồ Tát chơn chính.

Đối với việc sanh tử nếu chẳng thiết tha, chỉ là muốn cho công phu được miên mật tinh tấn, thì có thể sau một thời gian ngắn là công phu lui sụt, vì không có mục đích, chẳng phải giải quyết sanh tử, nên dễ buông bỏ công phu. Do đó, Tổ sư dạy phải thông thiết vì sanh tử, nếu không thì tham thiền vô ích. Phải biết tại sao có sự sanh tử, làm cho chúng ta phải chịu cái khổ này? Trước mắt thấy người già có cái khổ của cảnh già, người bệnh có cái khổ của bệnh tật, người nào cũng tranh giành danh lợi, địa vị và sự sống trước mắt, ngày nào chết cũng không biết, chết thì người nào cũng sợ, nhưng sợ vẫn phải chết! Có sanh ắt có tử, tại sao lại có sanh tử? Tự mình phải giải quyết triệt để vấn đề này.

Kỳ thật, trong kinh Lăng Nghiêm, Đức Phật giải thích rất kỹ “Chơn tánh của ta, cũng gọi là Phật tánh, Chơn như, Thật tướng, Pháp thân, Bản tâm, Bản kiến, Bản văn, đều chỉ về Tự tánh không có sanh tử”. Phật dùng bản kiến dụ cho mặt trăng thứ nhất, chẳng thể nói được, còn kiến tinh tức năng kiến, là mặt trăng thứ hai, có thể dùng lời nói diễn tả được. Lời nói diễn tả được mới có thể giảng cho người nghe, còn cái chẳng thể dùng lời nói diễn tả thì phải tự ngộ mới được. Ví như chiếc ghế này, mọi người đều nhìn thấy, ấy là do kiến tinh năng thấy, nhưng tôi hỏi quý vị, kiến tinh đó ở đâu? Hãy chỉ ra xem!

Bản kiến: Trong kinh Lăng Nghiêm, Phật bảo A Nan thử chỉ kiến tinh ra xem?

A Nan nói: Từ trên trời, dưới đất, cho đến núi sông đất đai, những gì có thể chỉ được đều là vật, chẳng phải kiến tinh.

Phật bảo: Vậy tất cả đều là phi kiến, phải không?

A Nan đáp: Chẳng phải.

Vì nếu cái ghế gọi là kiến tinh thì chẳng thể gọi là ghế, mà nếu chiếc ghế chẳng phải kiến tinh thì làm sao lại thấy được nó? Cho nên, chỉ cũng không đúng, không chỉ cũng không đúng. Tại sao? Vì kiến tinh chẳng phải vật, làm sao chỉ ra được? Có người cho rằng kiến tinh là con mắt, nhưng trong kinh Lăng Nghiêm, Phật đã giải thích vấn đề này.

Phật bảo A Nan: Ta có cánh tay thì làm nên nắm tay, ngươi có con mắt mới thấy được ta, hai việc này có giống nhau không?

A Nan đáp: Giống nhau.

Phật bảo: Không đúng. Tại sao? Ta có cánh tay mới làm thành nắm tay, nếu không có cánh tay thì nắm tay không có. Còn ngươi đi hỏi người mù xem họ thấy gì? Họ sẽ trả lời rằng trước mắt thấy đen tối.

A Nan nói: Thấy đen tối sao gọi là thấy?

Phật dẫn dụ thêm: Một người có mắt sáng ở trong phòng tối, với người không có con mắt, hai sự thấy đó có giống nhau không?

Đáp: Giống nhau.

- Vậy người không có mắt thành linh được con mắt, thấy cảnh vật trước mắt, phải gọi là mắt thấy không?

Đáp: Phải.

- Người có mắt ở trong phòng tối, đốt lên đèn, thấy các cảnh vật, có phải gọi là đèn thấy không?

A Nan trả lời không được.

Phật bảo: Cây đèn hiển hiện sắc tướng, sự thấy là con mắt, chẳng phải cây đèn; con mắt hiển hiện đồ vật, nhưng sự thấy là tâm, chẳng phải con mắt. Nếu nói thấy sáng gọi là thấy, thấy tối gọi là không thấy, ấy là sai. Vì lúc sáng thì không thấy tối, lúc tối thì không thấy sáng: Nếu nói “không thấy” thì hai cái đều không thấy, do lúc sáng không thấy tối, lúc tối không thấy sáng; nếu nói “thấy” thì hai cái đều là thấy, thấy sáng cũng là thấy, thấy tối cũng là thấy. Sáng và tối là tiền trần, có sanh diệt, còn bản kiến chẳng sanh diệt; vật mới có sanh diệt, chẳng phải vật thì chẳng có sanh diệt. Chẳng sanh diệt thì chẳng thị phi, đúng sai, đặc thù, tất cả sanh diệt đều chẳng dính dáng đến nó. Nhưng vì có cái chấp tâm, chấp chỗ sanh diệt cho là thật, rồi mới quên bản kiến chẳng sanh diệt của mình. *(Sư phụ dẫn chứng thêm về bảy chỗ gạn hỏi tâm của Đức Phật trong kinh Lăng Nghiêm, đây lướt qua).*

Bản văn: Trong kinh Lăng Nghiêm nói về bản văn như sau:

“Chúng sanh mê bản văn, tuần thanh cố lưu chuyển”. Bản văn cũng như bản kiến, cũng là chỉ về Tự tánh. Tại sao nói mê lầm bản văn? Do có sự nghe và không nghe thì chẳng phải bản văn, vì nghe là sanh, không nghe là diệt, còn bản văn thì chẳng sanh diệt. Nói bản văn là đã xoay trở về, thoát khỏi âm thanh động tịnh, không có sở nghe, chứ không phải là dùng lỗ tai để nghe cái bản văn, nếu vậy thì bản văn trở thành sở nghe rồi, có năng sở tương đối lại chẳng phải bất nhị của Tự tánh. Cho nên, nói bản kiến, bản văn đều chẳng phải vật, dù đặt nhiều tên gọi, nhưng thể chỉ là một. Nói là “thể” cũng chỉ là lời nói diễn tả, đã không phải vật thì làm sao có thể ư! Bản thể cùng khắp pháp giới, nên chẳng thể chỉ ra được.

Về sự thấy, trong kinh Lăng Nghiêm còn nói “Tại sao gần thì thấy, xa lại chẳng thấy? Sự thấy chẳng lẽ có thể kéo dài hay rút ngắn lại? Ví như con mắt tiếp xúc với chiếc ghế thì thấy chiếc ghế, tiếp xúc với cái bàn thì thấy cái bàn, nhưng tiếp xúc với mặt mình còn thấy được mặt mình không? Có tự thấy được lông mày, lỗ mũi không? Gần còn chẳng thấy được, nói chi vật xa! Đã nói năng thấy chẳng phải vật, thì làm gì có gần và xa? Cho nên, tất cả những gì có thể chỉ ra, tìm ra được đều là vật cả, vật thì có sanh diệt, trước mắt đã chứng tỏ cái bản kiến bản văn của ta không sanh diệt, thì tại sao chúng ta cứ đuổi theo sự sanh diệt trong hiện tượng trước mắt mà sanh ra đủ thứ phiền não?

Do đó, chúng ta tham thiền đừng có biết tới những hiện tượng thể giới trước mắt, vì đó là sanh diệt, là chiêm bao, phải tự thấy được bản kiến, bản văn của chính mình, mà điều này người khác chỉ không ra, Phật cũng chỉ không ra, vì nếu Phật có thể chỉ ra được, đã chỉ cho A Nan rồi.

Cho nên, Phật bảo A Nan “Ta chẳng thấy được kiến tinh của người, người cũng chẳng thấy được kiến tinh của ta. Vì đó chẳng phải vật thì làm sao thấy? Đã chẳng phải vật thì chính là người, tại sao người còn hỏi ta, làm sao chỉ ra được!”

Hỏi: Thế nào là tứ tướng?

Đáp: Tứ tướng trong kinh Kim Cang là: Ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng và thọ giả tướng, kinh Viên Giác gọi là thọ mạng tướng. Trong kinh Viên Giác có hai loại tứ tướng: Mê thức tứ tướng của phàm phu, và mê trí tứ tướng của bậc Thánh.

Trong Kinh giải thích về mê trí tứ tướng như sau: Tâm có chúng đặc là ngã tướng, ngộ được sự chứng đó chẳng phải ngã, nhưng đối với ngã tướng ấy có cái năng ngộ là nhơn tướng; tiến thêm một bước, biết năng chứng năng ngộ chẳng có ngã, chẳng có nhơn, trong tâm liễu tri chỗ ngã tướng nhơn tướng chẳng thể đến, gọi là chúng sanh tướng. Lại tiến thêm một bước, năng chứng sở chứng, năng ngộ sở ngộ, năng liễu sở liễu đều không, qui về tịch diệt, nhưng còn trụ nơi Niết bàn, trụ nơi thời gian, nguồn gốc mạng căn chưa cắt đứt, gọi là chúng sanh tướng, Tào Động tông gọi là "Tôn quý đọa", mặc dù tôn quý là cao nhất, đến Niết bàn là cao nhất, tịch diệt hiện tiền là cao nhất rồi, tất cả năng sở đều diệt, tại sao vẫn còn đọa? Vì còn thọ mạng tướng, phải lìa được mê trí tứ tướng mới đạt được quả Phật.

Tứ tướng dù bao gồm ngã, nhơn, chúng sanh, thọ mạng, nhưng đều thuộc về ngã, chỉ là ngã chấp đến chỗ vi tế, phải lìa hết mới có thể thật chứng quả Phật. Nhưng nay nhiều người tu theo ngã chấp, nên chẳng bao giờ được chứng quả Thanh Tịnh Giác của kinh Viên Giác.

Do đó, Tổ sư thiền phải quét sạch tất cả mà chẳng khởi tâm quét, cuối cùng đến cả cái biết tham thiền cũng quét luôn, mặc dù vẫn có nghi tình, nếu còn biết mình đang tham thiền vẫn chưa phải chơn tham, phải như ngài Lai Quả nói “Vô tham tức chơn tham”; vô tham chẳng phải không có tham, là đang tham mà không biết là tham, cuối cùng mới cắt đứt mạng căn, kiến tánh triệt để.

Hỏi: Bồ thí thế nào không nắm lấy tướng?

Đáp: Điều thứ nhất trong Lục độ vạn hạnh của Đại thừa Bồ tát là bồ thí độ, điều thứ nhất của Pháp Tứ Nhiếp là Bồ thí nhiếp, Bồ thí đó chẳng phải chỉ bồ thí tiền của, luôn cả thân mạng, thân tâm, Phật pháp.

Theo tứ tướng của phàm phu, dù bồ thí tiền của, nhưng không được cho là ta bồ thí, chẳng cho có người lãnh thọ sự bồ thí, cũng chẳng có đồ vật tiền của để cho mình thí, gọi là "tam luân thể không": tức năng thí, sở thí, vật thí đều bồ thí hết, mới gọi là chơn bồ thí. Nhưng đó chỉ đạt đến lìa tứ tướng của phàm phu, chưa đến mức lìa tứ tướng của thánh hiền. Nói “Bồ thí triệt để” là phải quét sạch ngã chấp, tức lìa cả tứ tướng của phàm phu và thánh hiền.

Tiểu thừa phá được ngã chấp, tức lìa tứ tướng của phàm phu, còn Đại thừa phá được pháp chấp, tức lìa tứ tướng của thánh hiền. Bất cứ chấp cái gì đều do ngã chấp sanh khởi, ngã chấp đến chỗ vi tế tự mình không biết, gọi là thọ mạng tướng. Thiền tông mặc dù đã kiến tánh rồi còn đi gặp thiện tri thức, là vì sợ mình còn có sở đắc, nếu cho mình là kiến tánh thì vẫn còn ngã tướng. Nhiều người rất ham tu, rất khổ tâm tu hành, nhưng tu theo ngã chấp, đến Thiền định cao chừng nào ngã chấp to chừng nấy, vì không phá được ngã chấp, tham sân si chỉ tạm thời đè nén, nên rất nguy hiểm.

Hỏi: Sau một thời gian tham thiền, con giảm bớt được phần nào về danh lợi thế gian, nhưng còn tâm trạng buồn và hay xúc động khi gặp phải cảnh khổ của người khác. Xin Sư phụ chỉ dạy thêm, làm sao quét sạch những tâm trạng đó?

Đáp: Trong cuốn *Đường Lối Thực Hành Tham Tổ Sư Thiền* có đề cập đến chánh nghi và hồ nghi, hồ nghi là dùng tâm đi tìm hiểu, dù là tìm hiểu câu thoại đầu, chánh nghi là chỉ cho tâm nghi, không cho tâm đi tìm hiểu. Tìm hiểu câu thoại của mình tham còn không được, huống là tìm hiểu cái khác! Đối với ngoại cảnh thế gian, chẳng phải muốn lấy hay muốn bỏ, cũng như nói đến chữ "quét", nếu khởi tâm muốn quét cũng không đúng. Tất cả đều là tùy duyên, Giáo môn gọi là tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên, bất kể gặp cảnh gì cũng không tác ý, làm thì cứ làm; thương xót kẻ nghèo nàn bệnh tật, bố thí giúp đỡ, không biết đến sự giúp đỡ bố thí là ta, người nghèo khổ ấy đang lãnh thọ sự bố thí của ta, cũng chẳng biết tới mình đang làm việc bố thí, tất cả chỉ là tùy duyên.

Hỏi: Trong lúc tham thiền nghi tình nặng, câu thoại đầu trở thành ánh sáng đom đóm hư không và một số cảnh giới khác, vậy có đúng không?

Đáp: Nhất thiết duy tâm tạo, tất cả cảnh giới đều xuất phát từ vọng tâm, thể xác này cũng do vọng tâm tạo mới có. Đối với một số hành giả trước kia đã tu theo pháp ngoại đạo, trong lúc công phu thỉnh thoảng lại thấy có người đến hoặc đánh hoặc khảo, ấy là do vọng tâm trong tiềm thức tạo ra đủ thứ cảnh giới. Kinh Viên Giác nói "Tất cả chúng sanh vọng thấy luân hồi lưu chuyển, những kẻ Nhị thừa thì nhằm chán cảnh lưu chuyển, nên vọng thấy Niết bàn". Thấy Niết bàn còn là vọng, huống là thấy các cảnh giới khác! (*Sư phụ giảng về nhắm mắt chiêm bao & mở mắt chiêm bao, đây lược qua*).

Một vị hành giả 80 tuổi kể lại cuộc đời đi tìm chơn lý:

Trải qua một cuộc sống đầy bon chen, đến lúc 60 tuổi, khi bắt đầu xem kinh và nghiên cứu chơn lý nhà Phật, trong lòng tôi thấy có một sự rung động, từ đó hết sức chí tâm đi tìm chơn lý. Tôi đã từng đi thăm viếng các ngôi chùa, kinh kệ trải qua mấy năm, nhưng không được thỏa mãn, rồi đi vào khảo cứu kinh Phật, tinh tâm ngồi thiền theo Yoga, vẫn chưa tìm được vị Thiền sư nào để nương tựa, nên phải dùng sách làm thầy.

Vẫn say mê trong việc tìm chơn lý, rồi một hôm tôi gặp được pháp tu của ông Lương Sĩ Hằng, và trụ theo pháp đó chín năm, dù được các cảnh giới hiện tiền, nhưng vẫn không được thỏa mãn, và cho đó là vọng thức. Sau đó tôi nhận thức rằng "Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức", hễ mê là chúng sanh, ngộ là Phật, con đường tu hành phải tự tu, cho đến một ngày kia không còn tâm giả dối, không còn man trá điên đảo, cảnh tượng địa ngục đối với người tham lam tội lỗi trở thành thiên đàng của người chơn tu. Xin hỏi Sư Phụ như thế đúng không?

- Nguyên vì tôi nghe nói có một Thiên thất, tôi đến gặp Sư phụ trong ngày mở thất, nhưng hôm sau Sư phụ đã ngã bệnh và vắng đi trong một thời gian. Tôi có sưu tầm những tác phẩm của ngài về nhà đọc và bắt đầu tham thoại đầu, những ách tắc từ trước dần dần được phá tan. Đến hôm nay, Sư phụ mới mở thiên thất trở lại, và tôi đến gặp Ngài, thỉnh giáo về sự thắc mắc trong tu tập của tôi, dù gặp nhiều gian nan, nhưng chơn lý rốt ráo đi đến thức tình phải có cơ duyên gặp được mới có thể thành công.

Trước kia gặp Sư Phụ, lúc đầu bản ngã của tôi còn rất cao, tôi có chịu đánh lễ Sư phụ đâu, nhưng hôm nay là tôi xin đánh lễ Sư phụ, vì chánh pháp đã mở mắt cho tôi, một ngày nào đó sẽ dẹp tan bản ngã.

Thưa Sư phụ, dù đang giao tiếp với bạn bè, hay đang thỉnh hỏi với Ngài, câu thoại đầu tôi tham lúc nào cũng làm cho tôi muốn bẻ tung cái đầu, chẳng biết trạng thái này là tốt hay xấu? Lại, câu thoại đầu lúc nào cũng theo sát tôi, muốn bỏ cũng không

được, nhưng trong giấc ngủ thì không có. Kính mong Sư phụ chỉ dạy về sự sai quấy trong quá trình tu học bao nhiêu năm của tôi?

Đáp: Công phu của ông rất miên mật, nhưng về căn bản thì chưa đúng, vì còn chấp ngã, chánh pháp là phải phá chấp thật. Điều thứ nhất nói về ông Lương Sĩ Hằng, nghe nói tu pháp xuất hồn để lên trời nghe Phật thuyết pháp, cho Phật là ở trên trời. Người đó chẳng biết Phật pháp, còn chưa đủ tư cách bằng tà ma, vì theo kinh Lăng Nghiêm nói, tà ma còn biết thuyết pháp.

- Nói về từ bi bác ái, nhiều người sai lầm cho từ bi với bác ái bằng nhau, sự thật thì khác, là nghịch nhau. Tại sao? Vì bác ái là ngã chấp, ví như của cải vật chất thuộc về ta, vì ta tình thương bao la nên cho người này người kia. Từ bi của Phật lại khác, khi từ bi hiện tiền thì ngã chấp đã sạch, chẳng còn năng sở; chẳng có ta từ bi, chẳng có người nhận sự từ bi của ta, nên nói “Vô duyên từ, đồng thể bi”.

- Nay nhiều người dù siêng năng tu tập, nhưng tu theo ngã chấp, nên tu cao chùng nào nguy hiểm chùng này. (*Sư phụ giảng về nghĩa tứ cú, đây lướt qua*).

- Tổ sư nói “Có tâm chẳng thể cầu, vô tâm chẳng thể đắc, ngôn ngữ chẳng thể thông đạt, im lặng chẳng thể thấu suốt”, việc này cần phải tự ngộ, phải trong chiêm bao thức tỉnh mới được. Nay ông đừng suy nghĩ nhiều nữa, cũng đừng cho là cái này cái kia, vì hễ cho là “đúng” thì lọt vào cú thứ nhất, cho là “không đúng” thì lọt vào cú thứ nhì, cho là “Chẳng đúng chẳng không đúng” lọt vào cú thứ ba, cho là “cũng đúng cũng không đúng” lọt vào cú thứ tư, đều không ra ngoài tứ cú. Nên kinh Lăng Nghiêm nói “Phàm là lời nói đều chẳng phải nghĩa thật”, dù là lời nói của Phật, lời nói của Tổ cũng là lời nói, hễ đuôi theo và hướng vào lời của Phật để tìm hiểu hay ngộ nhập, ấy là con chó, ngộ nhập tự tánh mới là sư tử.

Hỏi: Tham thiền làm sao biết miên mật?

Đáp: Lúc đang tham thiền là miên mật, nhưng nếu nổi lên một niệm biết mình đang miên mật thì đó chính là kẻ hở rồi. Nay chỉ cần tập cho công phu không gián đoạn, đến khi thuần thực rồi tự nhiên sẽ đến giai đoạn đó. Nếu công phu chưa đến mức, muốn cho miên mật thì chẳng thể được. Đối với Giáo môn cũng vậy, kinh Pháp Cú nói “Nếu khởi tâm tinh tấn thì ấy là vọng, không được gọi là tinh tấn”, nay khởi tâm miên mật là vọng, chẳng phải miên mật.

Tăng hỏi: Theo như con biết, thiền Mặc Chiếu thuộc tông Tào Động, sao Hòa Thượng gọi là tà thiền?

Đáp: Nói về mặc chiếu tà thiền, ngài Đại Huệ là vị Tổ sư rất danh tiếng trong Thiền tông, trong cuốn *Lá Thư Thiền* đã nói rõ, còn tại sao người Việt Nam cho mặc chiếu thuộc tông Tào Động? Ấy là do bị cuốn *Thiền Đạo Tu Tập* của ông Trương Trùng Cơ làm hại. Ngài Bác Sơn là Tổ sư kiến tánh tông Tào Động, trong cuốn *Tham thiền Cảnh Ngữ* của Ngài cũng dạy người tham thoại đầu. Trương Trùng Cơ không có tu thiền, chỉ tu theo Mật tông, vì người đời không biết, nên cho Thiền Mặc chiếu là tông Tào Động.

Kỳ thật, mặc chiếu thuộc thiền bệnh, nếu lấy bệnh trị bệnh thì bệnh càng nặng thêm. Mặc chiếu là dùng sự im lặng quán chiếu vào sở chiếu, có năng có sở, ở bên Giáo môn còn có thể nói được, Đối với Tổ sư thiền thì gọi là tà thiền. Ở đây nói là tà chẳng phải tà ác, vì không phải chánh pháp nên gọi là tà. Kinh Kim Cang nói “Nhược dĩ sắc kiến ngã, dĩ âm thanh cầu ngã, thị nhon hành tà đạo, bất năng kiến Như Lai”, dùng sắc hoặc âm thanh làm sở quán sở chiếu, ấy là hành tà đạo, tà với chánh là tương đối, Tổ sư thiền thì tà chánh cũng phải quét sạch.

Hỏi: Trong phương pháp tu của Mặc chiếu cũng dần dần đi vào không năng sở, ví như thấy hình tướng bên ngoài của Hòa thượng, mặc là lặng mà chẳng có tướng lặng, chiếu mà chẳng có tướng chiếu, ấy là không có năng sở.

Đáp: Nay ông nói thấy hình tướng của tôi, ai thấy?

Vị Tăng: Không có ai thấy.

Sư phụ hỏi: Nếu không có ai thấy thì không có năng thấy và sở thấy, hễ không năng sở thì làm sao gọi là mặc chiếu?

Vị Tăng: Ví như câu thoại đầu, lúc đầu tham thì có năng sở, đến sau cùng thì chẳng còn năng sở vậy.

Sư Phụ: Tham thoại đầu phải có nghi tình, do nghi tình nên không có năng sở, nay chưa đến thoại đầu là còn năng sở, khi đến thoại đầu rồi câu thoại tự mất, dù câu thoại mất, hễ vẫn biết là tham thiền thì chưa được.

Bây giờ ông đã biết có mặc lặng để chiếu, ví như trong kinh Lăng Nghiêm có người hỏi Phật: Bản tánh vốn thanh tịnh, sao bỗng nổi vọng niệm rồi trở thành chúng sanh?

Phật bảo: Tại có đặt ra giác minh, thành có sở minh. Sở minh đã lập nên tánh chiếu mất.

Ấy là năng sở. Nay nếu muốn quay về thì không nên tu theo mặc chiếu nữa, vì đó là bệnh, do đó, Đức Phật đưa lên nhánh bông, chẳng phải muốn chúng ta ngộ được nhánh bông, hoặc ngộ được nắm tay, ngộ được ngón tay, là muốn chúng ta ngộ tự tánh. Chư Tổ chỉ muốn khiến người khởi lên nghi tình thôi. Nói ngộ cũng chỉ là tự tánh tự hiện, nếu chấp thật có ngộ tức còn mê.

Tăng hỏi: Trong kinh Lăng Nghiêm nói “Bản tánh vốn thanh tịnh, do một niệm bất giác khởi vọng thành có sở minh”, nếu kịp thời quán chiếu phân văn vọng tưởng, liền thấy được cội gốc của nó.

Đáp: Tại sao nói “Bản tánh vốn thanh tịnh”? Nói hai chữ Thanh tịnh đã là bệnh, đã không đúng rồi, Nếu nói là vốn thanh tịnh thì cõi Vô Sắc Giới đã được kiến tánh, ra khỏi luân hồi sao? Sự thanh tịnh của cõi Vô Sắc được kéo dài biết bao nhiêu kiếp, cuối cùng cũng phải luân hồi!

Cho nên Kinh nói “Phàm là lời nói đều chẳng phải nghĩa thật”, sở dĩ đặt ra tên gọi “thanh tịnh” là để đối trị sự ô nhiễm, nếu ô nhiễm không có thì thanh tịnh cũng không còn. Tự tánh chẳng phải vật, làm sao có sự thanh tịnh và ô nhiễm? Tất cả đối đãi đều không, nên nói vô sanh; sanh còn chẳng có thì làm sao có cái này cái kia, đủ thứ danh tướng ư!

Tăng hỏi: Nay con cũng công nhận lời Hòa Thượng nói về giai đoạn đầu của thiền Mặc chiếu là có năng sở, ấy là phương tiện, cũng như tham thoại đầu, lúc mới đề khởi câu thoại là có năng sở, đến khi nào thành khối, khối nghi bùng nổ, tan vỡ rồi mới đạt được đại ngộ. Phải có phương tiện ban đầu đạt đến sự ngộ.

Đáp: Bây giờ phải xác định Thiền mặc chiếu là của tông Tào Động hay không, là Tổ sư nào dùng thiền Mặc chiếu? Tôi đã xem qua tất cả *Cảnh Đức Truyền Đăng lục, Ngũ Đăng Hội Nguyên* v.v. trong bảy ngàn Tổ kiến tánh, chẳng có Tổ nào dùng thiền mặc chiếu cả. Vì mặc chiếu chẳng phải Tổ Sư Thiền, nên ngài Đại Huệ gọi là tà thiền, và cho những người dạy mặc chiếu chẳng phải con người.

Phẩm thứ nhất của kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ nói với Ấn Tông pháp sư “Thiền định giải thoát chẳng phải Phật pháp”, thiền định giải thoát còn chẳng phải Phật pháp, nói

chi định với huệ? Nếu nói về trí huệ thì Tâm Kinh nói “vô trí diệc vô đắc”, kinh sách Giáo môn còn nói vậy, hướng là Tổ Sư Thiên, vốn là giáo ngoại biệt truyền, bất lập văn tự!

Tăng hỏi: *Ấy là qua văn tự, nếu thật sự thể nghiệm qua bản tánh thanh tịnh hằng liễu tri thì đó chẳng khác với tri kiến Phật, nếu nói tri kiến Phật chẳng thể chấp nhận, cho là tà thiên thì là thế nào?*

Đáp: Tri kiến Phật là gì? Trong Yếu Chỉ Pháp Hoa đã nói “Chẳng lập tất cả tri kiến mới gọi là tri kiến Phật”, kinh Lăng Nghiêm nói “Tri kiến lập tri, tức vô minh bản”. Vậy tại sao phải lập ra văn tự? Ấy là để độ chúng sanh, lập xong liền phá, lập chẳng phải là lập thành chơn lý, là lập để phá chấp, để cho người ta biết những thứ đó là vọng, chớ có đuổi theo tìm hiểu.

Hỏi: *Như Thầy vừa nói về thiên Mặc chiếu, rằng mặc chẳng khác với định, chiếu chẳng khác với huệ, trong đó chẳng có sở chiếu nên năng chiếu thường hằng; có cái tri thường hằng mà chẳng có sở tri. Nhưng con nghĩ: Nói về mặc thì mình có biết cái mặc đó không? Có biết đến cái chiếu đó không? Về cái tri cũng thế. Nếu có thì ai biết?*

Đáp: Vì các thứ ấy là năng, có năng ắt có sở, định huệ ấy là sở. Ngài Lai Quả nói “Hễ còn biết, dù biết mình đang tham thiên còn chưa được”. Giáo môn sơ dĩ lập ra đủ thứ tên gọi, để phá tri kiến chấp thật của chúng sanh, chớ không phải có chơn lý.

Nay người ta nghe tôi nói “mặc chiếu là tà thiên”, liền cho đó là tà ác, ấy là không đúng; cho mặc chiếu không công hiệu, cũng không đúng. Ngoại đạo tu pháp mặc chiếu cũng có công hiệu, cũng có thần thông, cũng giảng kinh thuyết pháp, có hàng đệ tử, đều nói sẽ thành Phật, nhưng không được giải thoát, sau khi hưởng hết phước báo, còn phải chịu khổ luân hồi. Trong kinh Lăng Nghiêm có nói: Dù tu thành tà ma ngoại đạo, nhưng vẫn có thiên định của nó, vẫn có định có huệ, chỉ là định huệ đó không giải thoát được khổ luân hồi, nên bị Phật chê là tà ma ngoại đạo. Thậm chí hàng Thanh Văn, Duyên Giác còn bị Phật quở là tiêu nha bại chủng, vì chỉ đi đến nửa đường, còn chấp có pháp để tu được giải thoát, chấp Niết bàn của Tiểu thừa cho là cứu cánh, cho có Niết bàn là thật.

Do có cái chấp đó thành 62 kiến chấp, nên tất cả hiểu biết đều gọi là kiến hoặc, tất cả tư tưởng đều gọi là tư hoặc. Dứt được tất cả kiến hoặc và tư hoặc thì chứng quả A La Hán, nhưng cũng chưa đến cuối cùng, vì còn chấp pháp.

Nay đã chê pháp Tiểu thừa mà cho mặc chiếu là pháp tu đúng đắn thì không bằng Tiểu thừa, vì chưa phá được ngã chấp, lại thêm pháp chấp.

Hỏi: *Trong Kinh có nói “Nhất nhơn tu đạo, cứu huyền siêu thăng”, còn Sư phụ thì nói là “ai tu nấy chứng”, vậy có mâu thuẫn không?*

Đáp: Cũng như ăn cơm, ai ăn nấy no, dù người con có hiếu cũng chẳng thể ăn giùm cha mẹ. Nói đến “Nhất nhơn hành đạo, cứu huyền siêu thăng”, là vì người đó đã phát tâm độ hết chúng sanh, cứu huyền tất tổ cũng là chúng sanh. Như Phật Thích Ca tu thành đạo rồi vẫn trở về độ cha mẹ, cha mẹ nghe lời, tu theo chánh pháp cũng được giải thoát, kể cả sau khi người mẹ sanh cõi trời, Phật còn lên cõi trời để thuyết pháp cho mẹ nghe, chớ chẳng phải Phật Thích Ca tu thành đạo là cha mẹ được siêu độ.

Hỏi: *Người tu pháp môn Tổ Sư Thiên, nhờ có pháp tu nên ít thấy phiền não, nhưng cũng thường khi hoặc vô tình, hoặc có ý gây nên phiền não cho người khác, vậy họ có mắc vào nhân quả không?*

Đáp: Nhân nào quả nấy; nhân nhỏ quả nhỏ, nhân lớn quả lớn, phàm có tâm biết là đã có nhân rồi. Nên kinh Địa Tạng nói “Khởi tâm động niệm đều thành nghiệp nhân”, khởi tâm động niệm đều thành hạt giống, cơ duyên chín mùi thành quả. Kinh Đại thừa Phật Pháp nói “Thấy người ta bố thí, dù mình không có tiền của, khởi niệm hoan hỷ, cũng là công đức”.

Tâm khởi niệm ác cũng thế, như Uất Đầu Lam Phất đang tu dưới gốc cây trong rừng, bị tiếng chim hót làm nhiễu loạn thiền định, tu bên bờ sông thì bị tiếng cá nhảy trong nước làm nhiễu loạn, bỗng khởi một niệm rằng “sau này tôi sẽ làm con chồn bay, vào nước ăn cá, vào rừng ăn chim”, niệm đó trong giây lát rồi quên đi, nhưng Phật Thích Ca thọ ký sau khi sanh cõi trời, trải qua tám muôn kiếp, sẽ đọa làm con chồn bay. Do đó, hễ khởi tâm động niệm đều là nghiệp nhân, đều phải chịu nghiệp quả, trừ khi ra khỏi mở mắt chiêm bao, mới không bị nhân quả trong chiêm bao ràng buộc.

PHẦN 11.

Hỏi: Khi gặp cảnh khổ của chúng sanh, con không khởi xúc động và nổi lòng từ bi, đúng hay sai?

Đáp: Tổ sư thiên chỉ đề câu thoại đầu khởi lên nghi tình, nghi tình tự động quét sạch tất cả, nay bất cứ nổi lên niệm gì đều chướng ngại sự giải thoát, nổi lên lòng từ bi là biệt niệm, cũng là chướng ngại.

Bác Sơn hòa thượng nói “Bổn phận của bậc xuất gia là phải tu đến giác ngộ, kiến tánh thành Phật”. Nếu bỏ bổn phận mà đi làm việc từ bi, thấy người bị chết đói, mình chịu chết đói thay; thấy người bị lạnh cóng, mình cởi áo đang mặc để chịu lạnh thay, người đời thì cho đó là từ bi, là Phật sống, nhưng đối với bổn phận là thiện nhân chiêu ác quả. Tại sao? Vì thọ nhận sự cúng dường của mười phương, nay bỏ bổn phận đi giúp cho người khác, dù giúp cho hôm nay khỏi bị chết đói, thế còn ngày mai? Dù nuôi đến già đến chết, người ấy cũng chẳng được kiến tánh, chẳng được giải thoát.

Bây giờ kể cả cha mẹ mình còn bỏ mặc để đi xuất gia, là phải giữ đúng bổn phận, tu đến kiến tánh thành Phật, mới độ được nhiều chúng sanh, mới có tư cách thọ nhận sự cúng dường của mười phương. Vì có bản ngã, để được người đời tán thán, khen là Bồ tát sống, là Phật sống, thật sự đối với đạo lại trái nghịch nhau, nên nói “Thiện nhân chiêu ác quả”.

Hỏi: Hành giả tham thiền gặp duyên làm việc bố thí, chẳng nghĩ thiện cũng chẳng nghĩ ác, như thế được không?

Đáp: Nếu công phu miên mật thì tất cả niệm đều chẳng khởi lên được. Hễ có khởi lên biệt niệm tức công phu có kẻ hở, công phu miên mật là không biết có công phu miên mật, đến chỗ “Vô tham tức chơn tham”, tham thiền còn không biết, còn biết đến cái gì nữa? Có biết là chướng ngại.

Hỏi: Trường hợp trong nhà cần sử dụng thuốc ngừa mỗi một, nhưng rùi nó bị chết có mang tội không?

Đáp: Có thể sử dụng những loại như long não, vừa giữ gìn đồ đạc vừa không sát hại đến các sinh vật. Cũng như Hoằng Nhất luật sư, theo kinh nghiệm của Ngài đối với con chuột, muốn chuột không cắn phá đồ dùng là nuôi nó, đem cơm rải ở một nơi cho chuột ăn, lúc đầu chuột cứ cắn nát kinh sách, nhưng một tuần lễ về sau, chuột không cắn hư kinh sách nữa.

Hỏi: Con đang tham câu "Niệm Phật là ai", nay muốn đổi qua câu khác, được không?

Đáp: Trước kia chưa tham câu "Niệm Phật là ai", có niệm Phật không? Đối với câu này có thắc mắc không? Nếu không thắc mắc thì không khởi nghi tình được, phải lựa câu thoại nào cảm thấy rất thắc mắc mới được.

Lại, mặc dù công phu tham đến tinh tấn lắm, đối với việc sanh tử phải thông thiết mới được. Tại sao? Vì sự tinh tấn có thể chỉ kéo dài năm - ba tháng, hễ cảm thấy không mùi vị rồi sẽ lui sụt. Phải nghĩ rằng "Nay tuy còn sống, ngày mai chưa biết thế nào? Nếu chết sẽ ra sao? Tại sao ai cũng sợ chết mà không tránh khỏi? Rồi chết đi về đâu?" Bây giờ thừa lúc chưa chết phải giải quyết xong việc lớn sanh tử, muốn giải quyết phải tham thiền đến kiến tánh.

Có thông thiết với sanh tử, tham thiền mới không lui sụt. Người thế gian thường lo cho sự sinh sống nhiều hơn, lo kiếm thêm nhiều tiền, nhiều chùng nào tốt chùng nấy; được nhiều tiền của rồi lo cho có thể lực mới bảo vệ được tài sản. Chẳng biết rằng dù tiền của thế lực bằng vua chúa, cũng chẳng giải quyết được việc lớn sanh tử, cuối cùng cũng phải già, bệnh và chết. Chỉ có tham thiền mới giải quyết được khổ sanh lão bệnh tử mà thôi.

Hỏi: Tham thiền đến lúc mãnh liệt rồi phải làm sao? Đúng hay sai?

Đáp: Đừng có biết đến làm sao hay chẳng làm sao, mãnh liệt cũng hỏi tới, không mãnh liệt cũng hỏi tới; có nghi tình cũng hỏi tới, không có nghi tình cũng hỏi tới, có sợ là chướng ngại. Đức Phật đã nói "vô thi vô sanh", nên người chứng quả gọi là "chứng vô sanh pháp nhãn". Tịnh Độ tông dù không có chứng ngộ, sau khi được sanh cõi Cực Lạc, cuối cùng cũng ngộ pháp vô sanh, nên nói "Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh". Đã nói là vô sanh thì làm sao có pháp đúng hay không đúng? Chỉ cần giữ nghi tình, có thắc mắc là đúng rồi, ngoài ra, bực cứ khởi niệm biết đúng hay sai, đều là biệt niệm.

Hỏi: Con nghĩ rằng câu thoại đầu tức trí huệ, nên phải chăm chú nhìn vào và khiến cho miên mật, để sự tu đạt đến kết quả như ý muốn của mình, phải vậy không?

Đáp: Ông đã khởi nghi tình được, đã thông thiết vì sanh tử, ấy là được rồi, cứ tiếp tục tham tới. Nhưng đừng cho câu thoại đầu là trí huệ, cũng đừng cho các thứ khác là huyền hóa, vì trí huệ chẳng thật có trí huệ, huyền hóa cũng chẳng thật có huyền hóa. Đức Phật đã nói "Tất cả pháp đều bình đẳng, tất cả pháp đều chẳng tự tánh, tất cả pháp vốn vô sanh", nay muốn ngộ pháp vô sanh, phải cắt đứt tất cả ý thức phân biệt, hễ có tâm biết cái này trí huệ, cái kia chẳng trí huệ thì không bao giờ kiến tánh được. (Sư phụ giảng về từ nghi đến ngộ, lướt qua).

Hỏi: Lúc trước con tu theo pháp tri vọng, Thiền sư Tông Mật nói "Biết vọng là tu, khi vọng tưởng sạch hết tức chơn không Phật tánh hiện tiền". Sau khi tu được một thời gian thì con không vừa lòng với những kiến giải trên, con cho rằng "cho dù tri vọng, tri tịch hay thường tri đều từ vọng tâm sanh khởi mới biết". Khi gặp Sư phụ dạy pháp tham thoại đầu, con chỉ muốn biết được mình là cái gì, nên lúc công phu con không biết tới có đắc lực hay không, có nghi tình hay không, mục đích của con chỉ là "câu giải thoát" và "Biết được mình là cái gì", nhiều khi con mất câu thoại đầu nhưng vẫn còn hai thắc mắc trên, vậy có đúng không?

Đáp: Thắc mắc chỉ có một, nếu có hai là không đúng. Giải quyết được một thắc mắc thì tất cả thắc mắc đều giải quyết. Phật pháp bất nhị, ngoài câu thoại đầu ra, nếu mong khởi cái gì khác, ấy là biệt niệm. Ông tham câu "Khi chưa có trời đất ta là cái gì?" Nếu tách câu "ta là cái gì" ra là không được. Vì có ta cũng không đúng, không có ta

cũng không đúng, tất cả vạn vật đều như thế, có cũng không được, không có cũng không được, đều nằm trong tứ cú.

Lại, ông vừa nói đến Thiền sư Tông Mật, Ngài là Tổ thứ năm tông Hiền Thủ của Giáo môn, không phải Thiền tông, đối với Tổ sư thiền còn cách xa lắm. Trong kinh Viên Giác, Phật nói “Tất cả chúng sanh đều chứng viên giác”, Ngài lại nói: Chử Chứng không được, ấy là người dịch sai, phải nói là Đủ, tức "chúng sanh đều đầy đủ viên giác nhưng chưa chứng”, lý giải như thế là do ý thức phân biệt, nên không thích hợp với Tổ Sư Thiền. Nếu căn cứ vào đó để tu, cũng như Lục Tổ quả Thần Hội “Dầu cho người sau này ra hoằng pháp, cũng chỉ là một môn đồ tri giải mà thôi”.

Lục Tổ hỏi chúng: Ta có một vật, không đầu không đuôi, không tên không gọi, các người có biết là gì không?

Thần Hội ra đánh lễ đáp: Ấy là bản nguyên của chư Phật, Phật tánh của Thần Hội.

Lời nói chẳng phải không đúng, nhưng vì dùng ý thức để lãnh hội, Tổ sư thiền là chấm dứt tất cả ý thức, hề dùng ý thức để hiểu là vọng, là tương đối, là nhị.

Phật pháp bất nhị, nên ở Phẩm thứ nhất kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ nói với Pháp sư Ấn Tông rằng “Thiền định giải thoát chẳng phải Phật pháp”. Theo giáo lý của Phật, phải thiền định rồi mới giải thoát, nay nói thiền định giải thoát chẳng phải Phật pháp, mọi người cảm thấy khó hiểu, nhưng sự thật là vậy, vì hề có định thì có loạn, có giải thoát thì có trói buộc, ấy là pháp tương đối. Do đó, ông nói có hai thắc mắc là không được.

Hỏi: Đang tham thoại đầu xen vào "Vô sở cầu, vô sở đắc, vô sở sợ", được không?

Đáp: Chín chữ "vô sở cầu, vô sở đắc, vô sở sợ" là khi nào tự cảm thấy muốn có sở đắc rồi, phải chợt nhớ là vô sở đắc, muốn cầu một điều gì thì chợt nhớ phải vô sở cầu, khi nổi ý lo sợ thì nhớ lại là vô sở sợ, ngoài ra cứ câu thoại đầu tham tới mãi, không cần xen vào khiến nghi tình bị kẻ hở

Hỏi: Con người sống để làm gì?

Đáp: Vấn đề này phải tự hỏi. Nguyệt Khê pháp sư trong cuốn Phật Giáo Nhân Sinh Quan nói “Nay mình sanh ra làm người, gọi là vạn vật chi linh có ý nghĩa gì? Nếu như vì sự sống thì tất cả loài vật khác đều phải vì sự sống; nếu vì sanh con để cái thì các loài kia cũng như thế. Vậy ngoài những thứ này ra, còn có ý nghĩa gì?

Nay muốn biết ý nghĩa sống là gì, trước tiên phải biết mình là gì, làm chủ cho bản thân rồi mới giải quyết được tất cả vấn đề. Bây giờ không biết sanh từ đâu đến, chết đi về đâu? Lại, không muốn già cứ phải già, không muốn bệnh cũng phải bệnh, không muốn chết cũng phải chết, tự làm chủ chẳng được. Nếu thật là "tôi" thì tôi phải tự chủ được, nên phải biết “tôi” là cái gì. Mục đích tham thiền là vậy, đến khi kiến tánh rồi mới biết mình là cái gì, mới được tự do tự tại, ra khỏi sự ràng buộc của chiêm bao.

Hỏi: Thế nào là niệm mà chẳng niệm?

Đáp: Nói “Niệm mà chẳng niệm”, niệm trước là bản niệm, cũng gọi là bản tâm, bản tánh, Tự tánh, Phật tánh, Thật tướng, Bát nhã, Pháp thân v.v. mặc dù đủ thứ tên gọi, nhưng vẫn là bản niệm.

Bản niệm là luôn như thế, ngày đêm không gián đoạn, từ thân này sang thân khác, kiếp này sang kiếp khác. Niệm mà chẳng niệm là ngoài bản niệm ra chẳng còn niệm gì khác, bất cứ khởi lên niệm gì, từ niệm tham sân si cho đến niệm từ bi, bác ái. đều là vọng tưởng. Cho nên Lục Tổ nói “Chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác”. Nghĩ thiện nghĩ

ác đều là niệm, hễ ở trong bản niệm nổi lên niệm rồi, thì chẳng phải là "niệm mà chẳng niệm".

Bản niệm linh động, làm gì cũng được, Chư Phật Bồ tát làm mà chẳng niệm. Tại sao? Vì không qua sự tác ý. Có tác ý là niệm, tự tánh tự động hiển dụng, không cần qua sự tác ý. Cho nên, dù không nổi niệm, tất cả việc làm đều tùy cơ hóa độ chúng sanh, không qua tác ý, cũng chẳng phải là không biết như gỗ đá.

Hỏi: Thế nào là niệm trước chẳng sanh, niệm sau chẳng diệt?

Đáp: Chư Phật chư Tổ đối với đương cơ tùy bệnh cho thuốc, nếu chấp vào những lời nói đó, là nghịch với ý Phật, ý Tổ, gọi là "tùy ngữ sanh giải", là con chó đuổi theo cục xương.

Bản niệm vốn bất nhị, chẳng có trước sau, trước sau là nhị. Nói Tự tánh, thật tướng, Niết bàn cũng là nó; về con mắt thì gọi là bản kiến, về lỗ tai thì gọi là bản văn. Dù thứ tên gọi cũng là nó, chẳng phải mỗi mỗi khác nhau. Do người hỏi pháp chấp đến đâu thì phá chấp đến đó: Chấp Phật phá Phật, chấp Bồ tát phá Bồ tát, chấp chúng sanh phá chúng sanh, chấp tâm phá tâm, chấp tướng phá tướng, để khôi phục lại bản niệm. Nhưng hễ chấp vào lời phá chấp của chư Phật chư Tổ cũng là chấp, bệnh chấp vẫn còn, nên phải được ý quên lời, chớ có chấp lời nghịch ý.

Hỏi: Sư phụ nói cần phải có sự ngộ nhập để làm chủ cái thân ngũ uẩn này, vậy ngộ nhập cái gì?

Đáp: Nói "ngộ nhập" là từ trong chiêm bao thức tỉnh. Trong chiêm bao, dù thứ cảnh giới đều cho là thật, đến khi thức tỉnh mới biết tất cả đều chẳng thật, lúc đó tự mình chứng tỏ, không cần thiện tri thức giải thích nữa. Nên khi kiến tánh gọi là chứng ngộ, là ngộ nhập mở mắt chiêm bao chẳng thật.

Hỏi: Nay con biết tất cả đều giả tạo, không theo nó, vậy có đúng không?

Đáp: Nay nói "giả tạo" là chấp vào sự giả tạo, nói không theo đã là theo rồi, đã chấp thật rồi. Bản niệm không có theo và không theo, cũng như căn nhà, vốn chẳng có xoay và không xoay, nói "ngưng xoay" là trước kia đã có xoay, nói "không theo" cũng vậy. Vốn là không có, cần gì theo hay không theo!

Hễ cho là "có lý" là chấp thật, có lý thì chướng ngại sự. Thông thường người thế gian cho là bị sự chướng ngại lý, cho là thế này hợp lý, thế kia không hợp lý, nhưng thật tế là lý chướng ngại sự. Sự là gì? Là Bản niệm; lý là gì? Là từ Bản niệm sanh ra niệm, mới cho là có lý. Vốn cái bản niệm làm sao có lý? Tại sanh ra niệm khác, ví như cho sự từ bi là có lý; chấp thật chấp giả, cho cái này là vô minh, cái kia là trí huệ v.v. ấy là lý chướng ngại sự. Kỳ thật, Phật nói hai chữ "vô thi" đã là nói hết rồi: Vô thi làm sao có vô minh để bắt đầu? Vô thi tức vô sanh, nếu tất cả pháp đều vô sanh thì làm sao có cái lý gì để cho là đúng? Ấy là do lập ra cái lý chướng ngại đến sự.

Hỏi: Muốn lìa pháp đối đãi phải làm sao?

Đáp: Phải tự ngộ. Nếu chưa tự ngộ tức còn nằm trong đối đãi, tự ngộ tức từ chiêm bao thức tỉnh, đã thức tỉnh rồi, không cần lìa cũng tự lìa; chưa thức tỉnh mà khởi niệm muốn lìa, cái niệm muốn lìa đó vẫn còn trong chiêm bao, lại càng trói buộc thêm. Cho nên chư Phật chỉ muốn chúng ta giác ngộ, ngộ rồi lấy gì để lìa?

Diệu lý của chư Phật chẳng dính dáng đến văn tự. Kinh Lăng Nghiêm nói "Phàm là lời nói đều chẳng phải nghĩa thật", pháp môn Tổ sư thiên khác với Giáo môn, Giáo môn là hiểu bao nhiêu tu bấy nhiêu, còn Tổ sư thiên không cần gì hết, người ngu si dốt nát nhiều khi còn hơn người thông minh lanh lợi, vì chẳng bị lý lẽ, sở tri chướng

ngại. Nay nếu không chịu ra ngoài chiêm bao, cứ ở trong chiêm bao học hết tất cả, vẫn còn ở trong chiêm bao mãi.

Cũng có người hỏi tôi: Nay biết được là giả liền bỏ, bỏ riết cũng phải có ngày hết vậy!

Tôi nói: Làm thế nào hết được? Ví như căn nhà, biết là giả, không theo nó, liền tháo bỏ, bỏ từ nhà này qua nhà khác, cho dù tháo hết tất cả nhà tại thành phố này, cho đến cả thế giới này, nhưng còn những thế giới khác, làm sao lia? Không gian chẳng bờ bến, thế giới vô lượng vô biên, làm sao bỏ hết được?

Tổ sư thiền không cần buông bỏ, chỉ cần một nắm tay đập bẻ hư không, hư không tan nát rồi, tất cả nhà cửa cây cối ở đâu? Nên kinh Lăng Nghiêm nói “Một người trở về tự tánh, mười phương hư không đều tiêu diệt”, vậy có phải gọn không? Chỉ cần có sức mạnh đập nát hư không, đâu cần lia bỏ từng cái một! Ấy là thí dụ, chỉ cần từ chiêm bao thức tỉnh, thế giới chiêm bao ở đâu tìm?

Hỏi: Trí Bát nhã của con ở tại nơi con hay ở tại Đa Bảo Tháp?

Đáp: Trong kinh Pháp Hoa, Đa Bảo tháp dụ cho tự tánh, vì tự tánh đầy đủ tất cả, gọi là Đa Bảo. Phải biết, Tự tánh bất nhị, khắp không gian và thời gian, nếu có chỗ nào không cùng khắp tức nhị, có một thời gian nào không cùng khắp tức nhị, cho nên, tự tánh chẳng phải chỉ ở nơi Đa bảo tháp, cũng chẳng phải chỉ ở nơi thân. Nếu chỉ ở trong Đa bảo tháp thì chỗ khác chẳng có sao? Ở trong thân ngũ uẩn cũng vậy.

Kinh Lăng Nghiêm nói “Thân tâm thế giới, tất cả vạn vật đều là vật trong tự tánh”; kinh Pháp Bảo Đàn nói “Thân ngũ uẩn và tất cả hiện tượng thế giới, mỗi sắc tướng âm thanh, trong tự tánh đều bình đẳng nhau, đều như mộng huyễn”. Sự thật từ những gì trước mắt cho đến khắp nơi đều là vậy.

Chứng Đạo Ca nói “Bản thể tự tánh như hư không chẳng bờ bến, chẳng lia trước mắt thường rõ ràng (*trạm nhiên*) hề muốn tìm thì tìm không ra”. Vì tìm được tức có chỗ, chẳng cùng khắp. Ví như đang ngồi tại chùa Huệ Quang thì đi đâu tìm chùa Huệ Quang nữa! Làm sao trở về? Từ hỏi vô thì đâu có lia, lia đi chỗ nào? Hư không đã là tự tánh rồi, chẳng lẽ còn có cái ở ngoài hư không sao? Tổ Sư có một bài kệ:

Xưa nay ở chung chẳng biết tên,

Tự do tự tại tự làm nên.

Bậc thánh còn chưa thể nhận thức

Phàm phu làm sao sáng tỏ được?

Có lia hỏi nào đâu? Ở chung nhau mà không biết tên, bây giờ muốn sáng tỏ phải thức tỉnh, phải kiến tánh. Nếu còn trong chiêm bao, tìm hoài làm sao sáng tỏ? Thức tỉnh rồi khỏi tìm nữa.

Hỏi: Để cho nghi tình vỡ, có cần gặp thiện tri thức không?

Đáp: Trong kinh Pháp Bảo Đàn nói “Nếu tự mình không biết, phải nhờ thiện tri thức chỉ, nếu đã tự ngộ rồi, cứ chấp trước phải gặp thiện tri thức cũng không được”. Tự tánh đã sẵn thiện tri thức, khi chưa có đường lối để đi, phải nhờ thiện tri thức chỉ, đường lối đã rõ ràng thì phải đi đúng. Nay nhiều hành giả tham thiền đã nghe tôi giảng nhiều, tự cho là mình đi đúng, thật tế thì chưa, chỉ chín chữ “vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ” cũng còn làm không đúng, còn làm chưa được, nói chi cái khác! Nếu đi đúng chín chữ trên, thì cứ tự đi, khỏi cần gặp thiện tri thức cũng được. Vì đến chứng ngộ rồi vẫn là vô sở đắc, nếu còn cho là mình đã chứng đã ngộ, tức có sở đắc, cũng còn chưa được.

Do đó, cần gặp thiện tri thức hay không là tùy người; người đã tin pháp môn, đã tin tự tâm, đi đúng đường lối rồi, có gặp hay không cũng có thể ngộ được. Trong *Truyện Dãng Lục*, có nhiều trường hợp phải gặp thiện tri thức, do thủ đoạn của thiện tri thức khiến ngộ, cũng có nhiều vị thấy người ta leo cây liền ngộ, đi đường bị vấp té cũng ngộ, bị người đánh cũng ngộ. Có trường hợp một vị tăng đi ngang qua chợ, gặp người mua thịt hỏi người bán hàng: Hãy cắt cho tôi miếng thịt nạc kia.

Người bán thịt trả lời: Chỗ nào chẳng phải thịt nạc!

Vị tăng đó liền ngộ.

Có một vị thì đi trên đường gặp hai người đánh nhau, ông A đánh cho ông B một bạt tai, quát rằng "Ông không có mặt mũi hay sao?" Liền ngộ.

Tất cả đều là thiện tri thức, do công phu của mình đến mức rồi, gặp duyên liền ngộ, nếu không thì thiện tri thức nào khiến cho ngộ được?

Hỏi: Trong *Tham thiền Phổ Thuyết* có câu "sanh diệt đã diệt, tịch diệt làm vui" là thế nào?

Đáp: Do con mắt bệnh mới thấy hoa đốm trên không, nay thấy có sanh có diệt là tướng bệnh, tướng bệnh hết rồi tướng mạnh hiện ra, bệnh thì không vui, mạnh là vui. Nhưng, lúc bệnh chỉ hiện ra tướng bệnh, muốn tướng mạnh hiện ra phải hết bệnh, chứ đi tìm không được. Sanh diệt rồi là hết bệnh, tịch diệt là tướng mạnh, bản thân tướng mạnh không có vui hay không vui, nhưng đối với tướng bệnh mà nói thì tướng mạnh là vui.

Kinh nói "Phàm là lời nói đều chẳng phải nghĩa thật", nghĩa thật thì lời nói chẳng thể đến, suy nghĩ chẳng thể diễn tả, phải tự ngộ mới được. Muốn ngộ thì đừng nên tìm hiểu nữa.

Hỏi: Trong kinh *Pháp Bảo Đàn* nói "Một niệm trí huệ thì Bát nhã sanh, một niệm ngu muội thì Bát nhã diệt", làm sao biết là một niệm trí huệ hay một niệm ngu muội?

Đáp: Một niệm trí huệ tức chẳng chấp thật, một niệm ngu muội là chấp thật; chẳng chấp thật là Bát nhã sanh, chấp thật thì Bát nhã diệt. Bất cứ chấp thật cái gì, chấp có chấp không, chấp chơn chấp giả, đều là chấp thật. Hễ chấp tâm thì phá tâm, chấp Phật thì phá Phật.

Tiền niệm bát sanh là tâm, có sanh là vọng tâm sanh, chẳng phải bản tâm. Bản tâm vốn chẳng sanh diệt, Phật tánh cũng vậy, nên nói "Hậu niệm bát diệt tức Phật", hễ có diệt là chẳng phải.

Nói Phật tánh cũng là Bản tâm, không sanh không diệt tức tịch diệt, tịch diệt hiện tiền là Niết bàn. Niết bàn cũng do sanh tử mà có, sanh tử đã chẳng thật thì Niết bàn cũng chẳng thật, nếu còn trụ nơi Niết bàn tức còn thọ giả tướng, là ngã chấp vi tế, gọi là mê trí.

Hỏi: Bài *Vô Tướng Tụng* trong kinh *Pháp Bảo Đàn* nói "Muốn ngộ Đại thừa thấy tự tánh, kính lễ tri thức chí tâm cầu", *Sư phụ giải thích là "cầu nơi chẳng cầu gọi là chí tâm cầu"*. Vậy thế nào là cầu nơi chẳng cầu?

Đáp: Đối với hai chữ "Kiến tánh", nhiều người cho là có cái năng kiến để thấy Phật tánh, như thế thành có năng sở, còn là tướng bệnh, chẳng phải kiến tánh. Nói Kiến tánh là tự tánh hiện ra, nay tự tánh bị phiền não vọng tướng che khuất, chẳng hiện ra được, tức tướng mạnh bị tướng bệnh che lấp, khi nào trị hết bệnh thì tướng mạnh tự

hiện, chứ chẳng phải là có một người năng thấy, và tướng mạnh là sở thấy, ấy là sai, là nhị.

Tự tánh bất nhị, làm sao có cầu và chẳng cầu? Nếu chấp vào "cầu" là không thấy tánh, chấp vào "chẳng cầu" cũng không thấy tánh. Người thường ham chấp có sở cầu, tham thiền cầu kiến tánh cũng là cầu. Không được nổi niệm muốn cầu, hễ có sở cầu là tham mãi không kiến tánh được. Do đã có sở cầu rồi, nên nói "cầu nơi chẳng cầu". Nếu thật cầu pháp, là phải "ung vô sở cầu", tức cầu nơi chẳng cầu; cầu giải thoát cũng vậy. Vì tự tánh có trói buộc đâu mà cầu giải thoát!

Hỏi: *Đối với pháp tham thiền và việc làm hàng ngày, làm thế nào tâm vô sở đắc?*

Đáp: Tổ sư thiền rất giản dị và triệt để, chỉ cần đề câu thoại đầu khởi lên nghi tình hỏi tới hoài, tham liên tục và miên mật, tự nhiên tâm vô sở đắc. Nếu mong lên một niệm không muốn đắc cho là vô sở đắc, mặc dù nghĩ như thế, cái không muốn đắc đó đã làm không được rồi, ấy là biệt niệm, là tâm trộm cắp. Nay không cần khởi niệm muốn đắc hay không đắc, chỉ đề câu thoại đầu tham tới mãi, tự nhiên tất cả thân tâm thế giới đều quên, luôn cả tên tuổi cũng quên, tham thiền cũng quên, làm gì có đắc hay không đắc?

Hỏi: *Trong bài Vô Tướng Tụng nói "Nếu người thật chơn tu, chẳng thấy lỗi thế gian, nếu thấy lỗi của người, trái lại thành tự quấy. Người quấy ta chẳng quấy, thấy quấy thành tự lỗi. Nếu bỏ tâm chấp quấy, phiền não đều tan rã". Vậy làm sao bỏ được tâm chấp quấy? Ấy là do tự tu mà được hay do học được?*

Đáp: Muốn bỏ tâm chấp quấy, chẳng phải do hiểu hay do học mà được. Nói "bỏ tâm chấp quấy" là bỏ ngã chấp của mình, "thấy lỗi của người" là chấp ngã. Ngã và người là tương đối, là bệnh chấp đã thành từ vô thi, muốn bỏ cũng bỏ không được, nên Đức Phật mới dạy đủ thứ phương tiện. Bây giờ mình tu Tổ Sư Thiền, chỉ cần đề câu thoại đầu khởi lên nghi tình, không bỏ nó tự bỏ, nếu không tu mà cố ý muốn bỏ là bỏ không được, cho nên Lục Tổ nói là phải tự tu, tự chứng, tự ngộ.

Hỏi: *Tại sao Lục Tổ đã tự ngộ, còn phải gặp Ngũ Tổ giảng đến câu "Ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm" rồi ngộ thêm một lần nữa?*

Đáp: Ngài Lai Quả thí dụ: Như đã đến trước cửa thiền đường, nhìn vào trong thấy được tất cả, nhưng chỉ rõ phần trước, phần sau thì mờ. Phá được Trùng quan là vào trong nhà, nhìn thấy rõ hơn lúc đứng ở ngoài. Nhưng đối với Tổ Sư Thiền, nói diệt Phật thì dễ, diệt ma thì khó, phải phá được Mạt hậu lao quan rồi, cả Phật lẫn ma đều quét sạch, lúc đó làm gì cũng chẳng chướng ngại. Dù Lục Tổ đã ngộ, có thể chỉ là Sơ quan, sau khi nghe Ngũ Tổ giảng kinh Kim Cang đến câu "ung vô sở trụ nhi sanh kỳ Tâm", liền ngộ triệt để.

Hỏi: *Thế nào là đắc Bồ đề tâm?*

Đáp: Bồ đề tâm là vô sở đắc, đắc tâm vô sở đắc, mới tương ưng với pháp. Nếu khởi tâm muốn đắc là có sở cầu, có sở cầu ắt có sở sợ.

Hỏi: *Tại sao nói giáo điển là việc hôm nay?*

Đáp: Mục đích Phật pháp của Phật Thích Ca là muốn độ hết tất cả chúng sanh, khiến đều giác ngộ thành Phật. Thành Phật chẳng phải là trở thành một vị thần, mà là từ chiêm bao thức tỉnh, dứt hết khổ trong chiêm bao. Phật pháp mặc dù phổ biến khắp tất cả chúng sanh, nhưng thực hành thì mỗi chúng sanh tự đi đến chỗ giác ngộ.

Muốn đạt đến giác ngộ cuối cùng phải nhờ tự lực, kinh Pháp Bảo Đàn nói “Từ nghi đến ngộ”, tự ngộ mới là kinh nghiệm của chính mình, còn tam tạng giáo điển, tất cả Phật pháp là sự ngộ của Phật Thích Ca.

Tôi thường thí dụ: Ví như ăn đường, từ nhỏ chưa ăn qua, chỉ nghe người nói vị ngọt của đường như thế nào, có bao nhiêu calory, tự cho là mình đã biết đường là gì rồi, thật tế thì chưa nếm qua. Nay dù đem hết sự hiểu biết của mình, viết thành cuốn sách về vị ngọt của đường, cuối cùng chẳng biết ngọt là thế nào. Đến một ngày nào, cơ duyên chín mùi, có người mang đến cho ăn thử một phen, lúc đó mới thật biết như thế nào.

Đường là vật chất, còn phải qua kinh nghiệm thực tế mới biết, huống là tự tánh vô hình vô tướng! Làm sao có thể ở trong Tam tạng giáo điển tìm thấy được? Chỉ càng tìm càng xa, vì đó chỉ là lời của người khác, chẳng phải do tự chứng. Nếu chấp vào đó, chẳng những che khuất bản lai diện mục của mình, vĩnh viễn không được kiến tánh.

Cho nên, Tổ sư có một bài kệ:

 Gió động tâm thổi cây,
 Mây sanh tánh nổi trần.
 Nêu rõ việc hôm nay,
 Che khuất mặt bản lai.

Giải: Thấy gió động là tự tâm thổi cây, chứ chẳng phải gió, thấy mây sanh là tánh nổi bụi trần, nếu thấu rõ hết việc hôm nay thì mặt mũi bản lai của mình bị che khuất. Từ gió thổi mây bay, nhà cửa cây cối, cho đến Phật pháp kinh điển, đều là việc hôm nay, bây giờ tham thiền là muốn ngộ biết mặt bản lai, phải dẹp hết tất cả việc hôm nay.

Hỏi: Đến Thập Địa Bồ tát, phá được một phần vô minh thì chứng được một phần pháp thân, vậy từ cảnh giới này sang cảnh giới khác, có phải còn pháp chấp vi tế?

Đáp: Giáo môn có hai thứ sanh tử: Phần đoạn sanh tử và biến dịch sanh tử. Dứt hết phần đoạn sanh tử rồi còn biến dịch sanh tử, tức pháp chấp chưa hết, cho đến Thập Địa Bồ tát, còn những tập khí xuất thế gian vi tế, phải đến Đẳng Giác, bước qua Diệu Giác mới hết.

Hỏi: Người hạ căn làm sao khỏi bị trận mưa lớn, mới tiến dần lên trung căn, thượng căn?

Đáp: Đối với các pháp môn khác mới có phân biệt thượng, trung, hạ căn, còn Tổ sư thiên không phân biệt căn khí, sơ tham lão tham, già, trẻ, thông minh hay ngu si dốt nát đều bằng nhau. Sở dĩ có thí dụ "trận mưa lớn" trong kinh Pháp Bảo Đàn, là vì Lục Tổ từ bị, muốn cho chúng ta biết: Người tiểu căn quá chấp thật, nên bị mưa lớn cuốn trôi. Nếu chẳng chấp liền trở thành thượng căn.

Cho nên Bác Sơn hòa thượng nói “Hạ căn có thể chuyển thành thượng căn, mật pháp chuyển thành chánh pháp”, vì tất cả đều do tâm tạo. Lại, Lục Tổ nói “Một niệm trí huệ thì Bát nhã sanh, một niệm ngu mê thì Bát nhã diệt”. Bát nhã sanh là thượng căn, Bát nhã diệt là hạ căn. Tại sao gọi là trí? Chẳng chấp thật là trí, chấp thật tức ngu muội. Ngoài ra, Ngài sợ người chấp vào lời nói của Ngài, nên nói “Nay ta gượng nói ra, khiến người bỏ tà kiến. Chớ hiểu theo lời nói, mới cho biết ít phần”.

Hỏi: Tại sao nói kiến tướng phi tướng mới thấy Như Lai?

Đáp: Kinh Kim Cang nói “Phàm tất cả tướng đều là hư vọng, nếu thấy tất cả tướng chẳng phải tướng, mới thấy Như Lai”; tướng có là tướng, tướng không cũng là tướng, tướng chẳng có chẳng không, cũng có cũng không cũng là tướng. Chớ cho là chỉ cần lia tướng có, còn tướng không thì khỏi cần lia, nếu chấp vào tướng không, bệnh càng thêm nặng. Tại sao? Vì hễ chấp Có thì dùng Không để trị, còn chấp Không thì khó dùng tướng Có để trị, do mọi người đều coi đó như là bệnh rồi.

Nói “lia tướng”, nay nhiều người nghiên cứu kinh điển, hay hiểu lầm chữ lia, nếu thật sự có lia là nhị, có ta năng lia, có tướng sở lia thì chưa được lia, vì năng sở rõ ràng. Như kinh Viên Giác nói “Tri huyền tức lia, lia huyền tức giác”, đều chấp thật có huyền có vọng để lia, chẳng biết chỉ có “không chấp thật” đã là lia, đã là giác. Nếu chẳng chấp huyền là thật thì tức huyền tức chơn; nếu chấp huyền là thật thì chơn cũng là huyền.

Kinh Lăng Nghiêm nói “Vọng với chơn là hai thứ vọng”, chẳng chấp vọng, chơn là thật, ấy tức lia. Nếu chấp cho là thật mà muốn lia, là đuổi theo lời nói, bị huyền dính mắc, chẳng hiểu nghĩa chữ lia.

Hỏi: Con người từ đâu đến? Chết đi về đâu? Tu kiếp này chưa giải thoát, sau khi chết quên hết rồi, kiếp sau làm sao tiếp tục?

Đáp: Tham Tổ sư thiên chính là phải giải quyết việc này trước khi chết. Người thường chấp thân ngũ uẩn này là ta, sau khi chết đem đi thiêu thành tro, chôn thành đất, nếu thật là ta, chẳng lẽ đồng tro, cục đất là ta sao? Nếu tro đất chẳng phải ta thì thân này chẳng phải ta, vậy ta chơn thật là gì? Từ đâu đến? Đi về đâu? Phải tự ngộ mới được.

- Còn nói đến sự tu tập từ nhiều kiếp hay tu trong một kiếp rồi sau đó sẽ quên, thức thứ tám còn gọi là hàm tạng thức, tức như một hạt giống giữ trong kho tàng, chẳng kể bao lâu, khi khởi lên hiện hành rồi mới mất. Khi còn bé khởi lên một niệm, tưởng chừng đã quên mất, nhưng sự thật là không quên, đến khi lớn lên, thành linh gặp cảnh duyên rồi nhớ lại, gọi là hàm tạng. Ví như tham thiền, dù chỉ tham có một ngày rồi chết, cũng tạo được cái nhân vô vi, kiếp sau hay nhiều kiếp sau, cơ duyên chín mùi, sẽ được quả vô vi.

Nay chúng ta chưa ngộ, đâu thể biết được đã tu nhiều kiếp hay không, nhưng nếu nhiều kiếp chẳng tu thì đại chúng làm sao có nhân duyên cùng hội tụ ở đây nghe tôi giảng về pháp môn Tổ Sư Thiên? Lục Tổ có nói “Các người hôm nay đến đây nghe tôi thuyết pháp, đã gieo trồng thiện căn từ bao nhiêu kiếp rồi”. Nếu không gieo trồng thiện căn, như bà lão ở thành Đông hỏi đời Phật, dù sanh cùng giờ, cùng ngày, cùng năm với Phật cũng chẳng thể gặp được. Do đó, kinh Kim Cang nói là “Đã gieo trồng thiện căn từ vô lượng Phật”, mới có thể tin vào pháp môn này, tu theo pháp môn này.

Hỏi: Người tham thiền chúng con, đa số sai phạm vào đường lối thực hành tham Tổ Sư Thiên, vậy xin Sư phụ từ bi chỉ dạy thêm.

Đáp: Trong cuốn *Đường Lối Thực Hành Tham Tổ Sư Thiên* nói: Người tham thiền phải chú ý đến 10 điều, điều thứ nhất là phá ngã chấp là “vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ”. Phật pháp là chánh pháp, phải phá ngã chấp mới có thể đạt đến tự do tự tại, thoát khỏi sanh tử luân hồi. Ngoại đạo mặc dù thiên định rất cao, cũng tu có thần thông, do không phá ngã chấp, nên không được giải thoát.

Ngoại đạo cũng có năm thứ thần thông, nhưng không được lậu tận thông, phải tu theo chánh pháp, ngã chấp phá hết rồi mới đạt được. Khi phá hết ngã chấp, vọng tưởng sạch rồi, tự tánh vốn sẵn thần thông, biến hóa vô lượng vô biên, chẳng bị thời gian, không gian, số lượng hạn chế.

- Nếu hạ quyết tâm vì giải thoát khổ sanh tử, phải tham đúng tông chỉ của Tổ Sư Thiên, nhất là điều thứ nhất, nếu vi phạm chín chữ này, sẽ lọt vào tà ma ngoại đạo. Nay có một số hành giả, sau khi tham dự thiền thất năm, bảy lần tại Chùa Từ Ân, tự cho là đã hiểu thấu, tự làm tài khôn lãnh đạo người khác tham thiền, thuyết pháp dạy người tìm hiểu thêm, chẳng những không phá được ngã chấp, lại tăng thêm ngã chấp, ấy là nghịch với ý chỉ Tổ Sư Thiên. Những người như thế sau này chắc chắn sẽ đọa địa ngục.

-Trong kinh Lăng Nghiêm nói có bốn thứ địa ngục:

1. Phỉ báng Đại thừa, 2. Phá Phật luật nghi, 3. Cuồng vọng thuyết pháp, lấy ý mình thay cho ý Phật. 4. Hư tiêu tín thí.

Chẳng có chơn thật tu hành, tự giác giác tha mà lãnh thọ sự cúng dường của mười phương, thọ nhận Phật tử cung kính lễ bái, chẳng biết điều đó rất nguy hiểm, chẳng phải là phước báo đâu. Tín đồ bố thí mà tự mình chẳng có sự chơn tu, không biết tự giác giác tha, đọa địa ngục chịu hết khổ báo xong, còn phải đầu thai thành trâu ngựa trả nợ thí chủ.

- Trong Tam Bảo, tại sao bậc tu sĩ được gọi là Tăng Bảo? Vì nếu có Phật Bảo, Pháp Bảo, chẳng có Tăng Bảo, không ai thay Phật trực tiếp giáo hóa chúng sanh thì Phật pháp phải tiêu diệt; do có Tăng Bảo truyền thừa, Phật pháp mới thường trụ nơi thế gian. Đã được thế gian tôn xưng là Tăng Bảo rồi, phải có tư cách làm Tăng, nếu không tức là hư tiêu tín thí, tạo tội địa ngục.

- Tôi nói như thế chẳng phải là ai ai cũng phải biết thuyết pháp, cũng biết dạy chúng sanh. Không biết thuyết pháp, nhưng thân này giữ đúng luật nghi, làm gương mẫu cho người đời nương theo, khiến cung kính Phật pháp, cũng là giáo hóa chúng sanh. Do đó, trong Giới luật nhà Phật qui định: Tỷ kheo phải học mười năm mới được xa thầy, Tỷ Kheo Ni mười hai năm, sau đó mới được tự lập, thu nhận đệ tử. Suốt đời chỉ được nhận ba người đệ tử, cũng chẳng được thu nhận một lúc, phải nhận từng người một, dạy cho thấu hiểu Phật pháp rồi, mới được nhận tiếp người thứ hai, rồi người thứ ba. Nếu nhận đệ tử mà không biết dạy, đệ tử tạo tội địa ngục là do lỗi của người thầy, hai người cùng đọa địa ngục. Nếu thầy đã dạy mà đệ tử cố sai phạm, lỗi tại người đệ tử, chứ thầy không phải chịu trách nhiệm.

Hỏi: Tại sao tham thiền có một thời gian rất buồn ngủ, không thể cưỡng lại được. Mà trong Đường lối tham thiền thì nói là không được đè nén vọng tưởng, vậy phải làm sao?

Đáp: Giai đoạn buồn ngủ đó, hành giả nào cũng phải trải qua. Bước đầu tham thiền, thấy vọng tưởng nổi lên nhiều hơn lúc chưa tham, kể đó, vọng tưởng bớt rồi sẽ cảm thấy rất buồn ngủ, có thể trải qua mấy tháng hoặc một năm mới qua khỏi giai đoạn này. Đến giai đoạn này, nếu hành giả ráng thức được thì thức, không cố được thì ngủ, ngủ dậy rồi tham tiếp. Một thời gian sau sẽ hết.

Hỏi: Trong quá trình tập tham, con thường có những nỗi lo âu và thắc mắc, nhưng không biết đó là gì? Xin Sư phụ từ bi chỉ dạy.

Đáp: Lai Quả Thiền Sư Ngũ Lục và Thiền Thất Khai Thị Lục nói: Người hành giả tham thiền đến một mức độ nào, sẽ có những cảm giác như sư vừa trình bày; thấy trong lòng không yên nhưng không biết tại sao. Đối với người đời thì đây là do sự lo âu vì cuộc sống, còn đối với hành giả tham thiền, cảm thấy bức rút không yên, là vì chưa được kiên tánh, chưa thể giải thoát. Nói tóm lại, sự không yên của thế gian là đuổi theo ngã chấp, còn hành giả tham thiền là chưa phá được ngã chấp, chưa phá hết

ngã chấp nên không yên. Nhưng không cần lo âu, cứ giữ mãi câu thoại đầu tham tiếp, hễ có đi là sẽ đến nơi.

Hỏi: Tại sao Minh Bổn thiên sư trong cuốn Trung Phong Pháp Ngữ về bài Khai Thị cho Thượng nhơn Mục nói “Câu thoại đầu mình tham là bệnh, hễ mắc vào tất cả kiến văn giác tri là bệnh”, lại, ở đoạn sau Ngài nói “Muốn trị dứt các bệnh, chẳng có cách nào hơn, chỉ có thiết tha tham câu thoại đầu”. Vậy, Ngài nói về câu thoại đầu ở đoạn trước là kiến văn giác tri, đoạn sau thì chẳng phải kiến văn giác tri ư?

Đáp: Trong kinh Lăng Nghiêm, có một đoạn ở trước nói về kiến văn giác tri như sau: Phật nói với A Nan: Nay người thấy ta, thấy núi sông đất đai, nhà cửa cây cối. đều là kiến bệnh đã thành từ vô thi.

Ở đoạn sau Phật lại nói “Tất cả kiến văn giác tri là Như Lai Tạng”, tức tự tánh. Hai đoạn khác nhau, vậy làm sao phân biệt giữa kiến văn giác tri bệnh và kiến văn giác tri tự tánh?

Cũng chính ở kinh Lăng Nghiêm nói “Kiến văn giác tri của tự tánh chẳng sanh diệt, còn kiến văn giác tri bệnh thì có sanh diệt”. Tại sao nói có sanh diệt? Vì hễ thấy là sanh, không thấy là diệt; có nghe là sanh, không nghe là diệt; còn kiến văn giác tri của tự tánh, từ vô thi đến bây giờ, luôn luôn như thế, chẳng gián đoạn, chẳng sanh diệt, thấy hoặc không thấy cũng luôn luôn như thế. Do đó, chẳng có sự thấy hay không thấy, nghe hay không nghe, tri giác hay không tri giác v.v. phân biệt ở chỗ có sanh diệt và không sanh diệt.

Bây giờ tham thoại đầu, chỉ là tạm mượn câu thoại đầu để khởi lên nghi tình, như hai chân yếu không đi được, phải tạm mượn cây gậy để đi. Câu thoại đầu là cây gậy, nghi tình là đi. Khi nào đến nơi rồi cây gậy phải bỏ, nếu chấp vào cây gậy là bệnh. Cho nên, hễ tìm hiểu câu thoại đầu là bệnh, phải nhờ câu thoại đầu khởi lên nghi tình, đi đến chỗ chẳng có bệnh.

Hỏi: Lúc trước con bắt đầu công phu từ ba giờ khuya, nhưng gần đây mới chỉ mười hai giờ hoặc một giờ khuya là con đã thức giấc rồi, vậy có sao không?

Đáp: Tham thoại đầu là hai mươi bốn giờ không gián đoạn, chứ không phải là bắt đầu từ ba giờ khuya. Nói ba giờ mới bắt đầu ấy là sự bất đắc dĩ, bất cứ giờ nào, bất cứ nơi nào đều phải có công phu. Do công phu của mình chưa đến thoại đầu, chưa thành khối, nên có sự gián đoạn. Ví như ngủ quên, ấy là bất đắc dĩ, khi công phu thuần thực rồi, thành khối rồi, ngủ quên cũng có thoại đầu.

Hỏi: Tạo tất cả tội, làm sao được kiến tánh?

Đáp: Tại sao tạo tất cả tội? Tại chấp ngã, chấp thân này là ta, do ngã chấp mới tạo tất cả tội, vì có TA mới phải chịu tội, nếu không có ta, ai chịu tội? Hễ phá được ngã chấp là kiến tánh. Tất cả tội ác là việc trong chiêm bao, bây giờ tướng bệnh hiện hành thì tướng mạnh ẩn, nếu tướng mạnh hiện ra tức tướng bệnh hết, thấy được Pháp Vương của mình, từ chiêm bao thức tỉnh, nhân quả trong chiêm bao đi đâu tìm? Làm sao còn khổ và phiền não? Không giải thoát cũng phải giải thoát.

* Có người hỏi Tổ Đạt Ma: Người thế gian đủ thứ tu tập, tại sao chẳng đắc đạo?

Tổ sư Đáp: Tại thấy có Ta nên chẳng đắc đạo. Nếu chẳng thấy có Ta thì tự nhiên đắc đạo. Vì "ta" còn quên thì có gì không quên ư?

Hỏi: Nếu pháp đã không thì ai cần tu đạo?

Đáp: Có "ai" mới phải tu đạo, nếu không có "ai", đâu cần tu đạo! Kỳ thật, sanh tử, Niết bàn, giải thoát, Bồ đề v.v.. đủ thứ tên gọi đều do chấp tâm của mình đặt ra, cũng như do chấp tâm mới có câu hỏi này, cho là có sự nhất định. Không biết tất cả đều chẳng thật, chẳng có tự tánh, chẳng có sự nhất định: Tạo phước cũng chẳng có sự nhất định, tạo tội cũng chẳng có sự nhất định. Nếu có nhất định thì là một thế giới chết, chẳng có biến đổi, chúng sanh vĩnh viễn là chúng sanh, Phật vĩnh viễn là Phật. Thế thì khỏi cần tu tập, tu cũng chẳng thể thay đổi, chẳng thể giải thoát. Vì nếu tự tánh vốn là chúng sanh thì tu cách mấy cũng không thể thành Phật; nếu tự tánh vốn là Phật thì không thể biến thành chúng sanh. Tại ông bệnh chấp quá nặng, chấp có chúng sanh thật để tạo tội, có Phật thật để giải thoát, nên trí huệ bị che khuất.

Hỏi: Tín tâm bất nhị, nếu tự tánh chẳng xử sở thì dựa vào đâu? Làm sao phát khởi tín tâm?

Đáp: Nói “bất nhị” là chẳng phải vật chất, chẳng có nơi chốn. Bất nhị thì làm sao có năng sở? Làm sao có ai tin hay không tin? Chẳng có năng tin và sở tin. Tại chấp mới có tin tâm. Do đó, tất cả tôn giáo đều bắt nguồn từ hai chữ "tín ngưỡng", hễ không có tín ngưỡng thì không có tôn giáo.

Còn Phật giáo là xóa bỏ tín ngưỡng. Tại sao? Tự tánh bất nhị, nếu có tín ngưỡng là nhị; có ta tín ngưỡng Phật, tín ngưỡng Thiên Chúa v.v. Tôi nói Phật giáo xóa bỏ tín ngưỡng, mọi người đều cảm thấy ngạc nhiên, nay chưa kiến tánh thì nói là phải tin tự tâm, đến khi kiến tánh rồi, tự động sự "tin tự tâm" cũng không còn. Tại sao? Vì chẳng còn năng tin sở tin, chẳng phải có mục tiêu để cho mình tin. Nói “xóa bỏ tín ngưỡng” không phải có cái năng xóa và sở xóa, vì tánh vốn như thế, do có câu hỏi nên phải trả lời như thế; vốn là chẳng có tín ngưỡng để xóa bỏ, thì làm gì có cái năng tin sở tin mà khởi lên tín tâm? Chẳng có Ai thì lấy gì để tu đạo?

Hỏi: Phạm vi ngã chấp rất rộng, làm sao lấy chín chữ “vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ” để phá?

Đáp: Ngã chấp là ta, có ta thì phải có sở đắc. Nay gặp được chánh pháp, phát tâm tu hành cầu giải thoát, tham thiền cầu đắc đạo, tâm cầu giải thoát ấy là có sở cầu, là muốn chúng đắc, để lọt vào năm mươi thứ ngũ ám ma hoặc tà ma ngoại đạo. Vậy tại sao nói tham thiền được kiến tánh? Sự kiến tánh đó chẳng phải là có sở đắc sao?

Đối với người chưa kiến tánh thì cho là mình sẽ được kiến tánh; người chơn thật kiến tánh không cho mình đã được kiến tánh, người thật đã giác ngộ thành Phật, mới biết là chẳng có Phật để thành, làm sao có sở đắc? Nếu có sự chứng đắc, tức chưa giác ngộ, chưa thấy tánh, chưa thành Phật, vì còn có ngã, bất quá là ngã chấp vi tế thôi.

Nếu vô sở đắc thì trong tâm chẳng có cái đạo để đắc. Nói như thế không phải là không đắc đạo, không chứng đắc, chỉ là hết ngã chấp thôi. Đã không có cái Ta thì ai cầu? Ai sợ?

Nói tóm lại, nếu làm được chín chữ "vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ" tức phá được ngã chấp, không những mê thức tứ tướng của phàm phu, kể cả mê trí tứ tướng của bậc Thánh đều phá sạch.

Hỏi: Thiền sư Minh Bồn trong cuốn Trung Phong Pháp Ngữ có dạy “Ngoài thoại đầu ra không riêng có sanh tử, ngoài sanh tử ra không riêng có thoại đầu” là thế nào?

Đáp: Tự tánh bất nhị, Lục Tổ nói “Thuyết pháp chẳng lia tự tánh”. Tham thoại đầu khởi lên nghi tình, nghi tình mật mù không biết gì cả là bất nhị, hễ có sự biết thì không có nghi tình, lọt vào tứ cú là nhị. Nếu không lọt vào tứ cú thì nghi tình tức tự tánh, tự

tánh tức nghi tình, chẳng những như thế, sắc thân tức pháp thân, pháp thân tức sắc thân, ở ngoài sắc thân không có pháp thân, ở ngoài pháp thân không có sắc thân. Tại do tâm chấp thành nhị.

Hỏi: Có một hành giả đang công phu đắc lực, được mọi người khen ngợi, khiến ngã chấp nổi lên, phiền não ập đến, đánh mất công phu, lại đổ lỗi cho mọi người xung quanh chướng ngại công phu của mình. Ghét luôn cả chính mình, muốn trốn đi một nơi hẻo lánh để bỏ thân xác này. Nhân sự việc kể trên, xin Sư phụ khai thị thêm cho chúng con?

Đáp: Phật pháp khác với ngoại đạo là phải phá ngã chấp; muốn giải quyết việc sanh tử, muốn tu giải thoát, phải phá ngã chấp, nếu không sẽ thành ngoại đạo. Cho dù làm bao nhiêu phước thiện, sau khi hưởng hết phước báo cũng phải bị đọa.

Nếu lấy sự phá ngã chấp làm căn bản, dẫn cho người xung quanh có trực tiếp chướng ngại, cũng là thiện tri thức của mình. Nếu không phá ngã chấp thì không có chướng ngại cũng thành chướng ngại.

Hỏi: Làm sao "hữu tình vô tình đồng thành Phật đạo"?

Đáp: Tất cả duy tâm tạo, đâu có cái nào ở ngoài tâm? Hữu tình do tâm tạo, vô tình cũng do tâm tạo; nếu tâm chẳng tạo thì hữu tình cũng không, vô tình cũng không, tức đã thành Phật, làm gì có sự khác biệt giữa hữu tình và vô tình? Do tâm có tạo mới thành đủ thứ sai biệt: Hữu tình cũng muôn ngàn sai biệt, vô tình cũng muôn ngàn sai biệt.

Hỏi: Hư Vân thiền sư có nói "Thiền và Tịnh là một; tham thiền cũng là cầu thoại đầu, niệm Phật cũng là cầu thoại đầu", nghĩa là thế nào?

Đáp: Ngài Hư Vân chỉ nói "Niệm Phật là niệm, tham thiền là tham, nếu không có tham thoại đầu mà chỉ niệm thoại đầu, tức thành thoại vĩ, chi bằng niệm Phật". Đâu có nói Thiền và Tịnh là một? Nhưng kết quả thành Phật là một, chứ chẳng phải đường lối thực hành là một.

Hỏi: Thế nào là nghi tình tức tự tánh, tự tánh tức nghi tình?

Đáp: Chẳng những nghi tình tức tự tánh, tất cả đều là tự tánh, ấy mới thật sự bất nhị. Nếu có cái gì khác hơn tức là nhị.

Hỏi: Làm thế nào khiến nơi nào cũng thiền đường, ở đâu cũng thiền thất, để công phu được đắc lực?

Đáp: Trong bài kệ kinh Hoa Nghiêm "Nhược nhơn dục liễu tri, tam thế nhất thiết Phật, ưng quán Pháp giới tánh, nhất thiết duy tâm tạo". Tất cả đều do tâm tạo, khắp không gian thời gian, tất cả đều chẳng ở ngoài tâm. Thiền đường cũng là do tâm tạo, do người đời chấp tâm quá nặng, nên Tổ Sư mới lập ra thiền đường, tạo điều kiện cho mọi người tham thiền.

Người chơn thật tu hành muốn giải quyết việc sanh tử thì nơi nào cũng là thiền đường, bất cứ đang lao động, đang làm nghề gì cũng tham được, chẳng phải ở nơi vắng lặng mà tham. Đó là tùy theo căn cơ trình độ của mỗi người, dĩ nhiên có thiền đường sẽ dễ thực hành hơn, tăng trưởng lòng tin. Như Lục Tổ nói "Tất cả đều chẳng chướng ngại", nếu quyết từ tham thiền thì không có phân biệt, cứ tùy duyên mà tu tập.

Hỏi: Có thể biết thêm kinh nghiệm của chư Tổ để tăng trưởng lòng tin?

Đáp: Muốn biết về kinh nghiệm của chư Tổ, hãy xem *Truyện Đăng Lục*: Ban đầu chỉ có một ngàn bảy trăm công án, về sau là bảy ngàn công án. Công án mặc dù nhiều,

nhưng kinh nghiệm mỗi người mỗi khác, nếu chấp vào đó thì chướng ngại sự tham của mình.

Chứng Đạo Ca nói “Chớ nên hướng vào chỗ đường đi của Phật mà đi”. Đường đi của Phật là của Phật, chẳng phải của mình, Tổ sư thiên không phải là học, mà là thực hành, tự tánh bất nhị, phải là của chính mình, chứ không được của người khác.

Giáo môn nói “Ngoài tâm chẳng Phật, ngoài Phật chẳng tâm; ngoài tâm chẳng pháp, ngoài pháp chẳng tâm”, tâm, Phật và chúng sanh không sai biệt. Hành giả tham thiên chỉ để ý đến câu thoại đầu của mình, chứ không biết tới người khác.

Hỏi: Tại sao Kinh nói “Vô tướng mới thấy tánh, vô niệm mới thấy tâm”?

Đáp: Tự tánh vốn chẳng khác, tướng là tánh, tánh là tướng, nếu phân biệt tánh tướng khác nhau, như Giáo môn nói “Tướng có thay đổi, tánh thì không”, ấy là nhị. Kinh Pháp Bảo Đàn nói “sắc thân tức pháp thân, pháp thân tức sắc thân, ngoài sắc thân không có pháp thân, ngoài pháp thân không có sắc thân”. Giáo môn thì có phân biệt tánh với tướng, tham thiên không cần biết tới, chỉ đề câu thoại đầu khởi lên nghi tình tham tới mãi, luôn cả thân mình và thế giới đều quên.

Một vị Tăng trình lên công phu của mình và hỏi: Sau một thời gian công phu, khi có người hỏi về điều gì, tự nhiên tuôn trào những thơ kệ, rồi có lúc tham đến không biết giờ ăn giờ ngủ. Một lần đem công phu trình hỏi Sư phụ, Sư phụ không trả lời cũng không gật đầu. Lúc đầu con nghĩ đó là thủ đoạn của Sư phụ, nhưng đến nay thì hết nghĩ. Đối với những kinh kệ và ngữ lục của chư Tổ, bây giờ phát sáng lên, và biết đó là tự tánh sẵn có, khi vô minh phai mờ thì con được tự tại. Đối với sự chẳng hứa khả của Sư phụ, con lĩnh hội rằng “Kiến sắc phi chơn sắc, văn thính phi thị thính”, vậy có đúng không?

Đáp: Tất cả những gì sư nói, toàn là tu theo ngã chấp, vì có sở đắc, nên lọt vào ma ngữ ám mà chẳng hay, còn tự tung ra thơ kệ, thêm nhiều chướng ngại. Ấy là có sở đắc, có sở cầu, có ngã chấp, nếu nói như thế là công phu miên mật, là có nghi tình thì không đúng. Vì hề công phu miên mật, đâu còn tâm sở đắc? Hãy về xem kỹ lại cuốn 50 thứ ngữ ám ma sẽ tự rõ.

Tăng nói: Nay con đã bỏ hết tất cả những thơ kệ trong khi tiếp chuyện, con trình công phu là để thể hiện do công phu nên đối với những cảnh nghịch duyên, lãng mạ của người khác, con chẳng những không sanh tâm sân hận, trái lại rất tự tại và thấy thương cho họ.

Đáp: Nói tự tại thì chẳng phải tự tại, nếu công phu không mất, thơ kệ làm sao nổi lên được? Đã có thơ kệ là vọng, là bị gián đoạn rồi. Lại, biết thương và ghét cũng là vọng, nói tóm lại, nếu còn tu theo ngã chấp, mặc dù có thiên định cao, cuối cùng không lọt vào tà ma cũng lọt vào ngoại đạo, chẳng thể giải thoát. Nay cứ đề câu thoại đầu khởi lên nghi tình, đừng có biết tới nữa, biết là tai họa.

PHẦN 12.

Hỏi: Mục đích tham thiên là gì?

Đáp: Nếu nói đến mục đích là kiến tánh thành Phật. Nhưng thật sự khi kiến tánh thành Phật thì quả vị Phật là “viên mãn Bồ đề, qui vô sở đắc”. Thật đến mục đích là không có mục đích: Bồ đề là giác ngộ, viên mãn là đầy đủ, hề giác ngộ đầy đủ rồi, tất cả đều qui về vô sở đắc, tức chẳng có giác ngộ, chẳng có đầy đủ. Nếu có ngộ tức còn mê, có thành Phật tức còn chúng sanh, còn ngã chấp.

Đối với người sơ cơ thì nói là có mục đích, là đến kiến tánh thành Phật, giải thoát tất cả khổ, cũng là từ mở mắt chiêm bao thức tỉnh, ra khỏi sự ràng buộc của sanh tử, tạm gọi là như thế. Tất cả chánh pháp, lời dạy của Phật Thích Ca đều như thế.

Hỏi: Thế nào là ngũ đình tâm quán?

Đáp: Ngũ đình tâm quán là thiền Thanh Văn, thuộc Tiểu thừa. Tại sao gọi là đình? Đình là đình chỉ, tức ngưng vọng tâm lại. Năm thứ thiền quán để ngưng tâm lại gồm: Quán sở tức, quán nhân duyên, quán từ bi, quán lục thức, và quán bất tịnh. Nay phần nhiều tu theo quán sở tức, cũng có một số người tu theo quán bất tịnh, còn ba thứ quán kia ít người tu. Ngoài ra phải tu thêm ba mươi bảy phẩm trợ đạo để phá ngã chấp, ấy mới đúng theo tông chỉ của thiền đó, nếu không cũng sẽ lọt vào tà ma ngoại đạo.

Hỏi: Tu hành là muốn kiến tánh thành Phật, vậy có phải là có sở cầu, có sở đắc không?

Đáp: Ở trên tôi đã nói, khi tu đến thành Phật rồi mới biết là không có Phật để thành, mới qui vô sở đắc. Bây giờ muốn vô sở đắc, mặc dù biết nhưng làm không được, tâm cứ muốn đắc hoài. Vậy thì phải làm sao? Phải nhờ nghi tình mới quét sạch được.

Hỏi: Đức Phật thường nói là "lời nói chơn thật", tức muốn chỉ cho người kiến tánh là phải qua tướng. Còn Sư phụ thì nói là lời Phật không chơn thật, vậy có phải Đức Phật lừa gạt người ta?

Đáp: Phật với Tổ vốn chẳng có ý muốn gạt người, tại người thấu qua không được, nên bị chư Phật chư Tổ gạt. Cũng như núi sông vốn chẳng có tâm chướng ngại người, tại con người đi qua không được nên bị chướng ngại. Do đó, người đã kiến tánh nói "về sau chẳng bị Phật gạt nữa!"

Chính Đức Phật ở trong kinh Lăng Già nói "lời nói của ta là ngôn ngữ vọng tưởng", kinh Lăng Nghiêm nói "Phàm là lời nói đều chẳng có nghĩa thật". Lời nói của Phật cũng là lời nói, đâu thể chấp thật?

Hỏi: Nói "Tâm không" thì Không đó về đâu?

Đáp: Tâm không chẳng có về đâu. Chơn tâm bất nhị, khắp không gian thời gian, chỗ nào không có? Làm sao có về đâu? Hễ có chỗ về là nhị. Nói Không mà chẳng phải thật không, nếu là thật không, tức như đoạn diệt, làm sao khởi dụng? Có dụng chẳng phải thật không, nhưng muốn tìm bản thể thì không được, vì khắp không gian thời gian, nên chẳng có chỗ về. Như trong kinh Lăng Nghiêm, Phật bảo A Nan chỉ ra nhưng chỉ không được, vì chẳng phải vật.

Hỏi: Cái gì đã chướng ngại cho sự vào đạo? Làm sao khắc phục?

Đáp: Sự chướng ngại phổ biến nhất là ham tìm hiểu, tập khí này rất chướng ngại cho việc tham Tổ Sư Thiền. Tất cả kinh Đại thừa liễu nghĩa đều muốn chúng sanh thành Phật, nhưng phải chấm dứt sự tìm hiểu, phá hết tất cả chấp thật, tin vào tự tâm. Do tập khí này đã vun trồng từ nhiều kiếp, chẳng thể phá được, nên phải nhờ câu thoại đầu khởi lên nghi tình, nghi tình tự động quét sạch tất cả vọng chấp, dần dần công phu thuần thực, thành khối rồi tự nhiên chấm dứt được.

Bây giờ biết là không nên cầu vẫn còn cầu, biết không nên chấp vẫn còn chấp, đa số là chấp thật lời của Phật, của Tổ mà chẳng biết chư Phật chư Tổ chỉ vì sự chấp của chúng sanh, phương tiện đặt ra để phá chấp mà thôi, chứ chẳng phải là chơn lý thật. Có người nói "Tôi không chấp", chẳng biết cái "không chấp" đó đã là chấp rồi.

Cho nên phải lia tứ cú, tứ cú đều chẳng trụ. Kinh Kim Cang nói “Công đức bố thí hằng hà sa số thất bảo, luôn cả thân này, không bằng thấu được tứ cú kệ và giải thích cho người nghe”. Lia được tứ cú mới là vô sở trụ.

Hỏi: Thế nào là "Lấy vô trụ làm gốc, vô tướng làm thể, vô niệm làm tông"?

Đáp: Trong kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ giải thích “vô niệm chẳng phải không có bản niệm, ngoài bản niệm ra không được móng khởi niệm gì khác, mới gọi là vô niệm, chứ chẳng phải tuyệt luôn bản niệm, nếu bản niệm tuyệt là chết”. Dù người chết, bản niệm cũng y nguyên không mất, vì đó là bản thể của tự tánh, chẳng đồng như gỗ đá.

Nhiều người hiểu lầm cho vô niệm là trăm tư tưởng đều dứt, ấy là sai. Lục Tổ giải thích “Lục căn tiếp xúc lục trần, sanh ra lục thức, không nhiễm không chấp thật tức vô niệm”. Hễ thấy cái gì thì chấp cái đó, nghe được cái gì chấp vào cái đó, là có niệm. Thấy như không thấy, nghe như không nghe, chẳng phải là không biết, biết mà không chấp thật, mới là vô niệm.

Kỳ thật, vô niệm tức vô tướng, vô tướng tức vô trụ, mặc dù danh từ có ba, sự thật chỉ là một. Lục Tổ sợ người hiểu lầm, nên đã hai lần giải thích về vô niệm.

Hỏi: Pháp môn Tổ sư thiên nên tu xuất gia hay tại gia?

Đáp: Lục Tổ nói “Nếu chấp phải xuất gia mới tu được thì chấp đó cũng là chấp”, nếu sự chấp không bỏ thì xuất gia không bằng tại gia. Tu pháp môn Tổ sư thiên là quét sạch tất cả đối đãi, xuất gia và tại gia là đối đãi, người chơn tu tại gia hay xuất gia đều kiến tánh được, vì tất cả pháp đều bình đẳng, không phải là nhị. Chấp vào bên nào cũng không đúng, chẳng chấp hai bên, chấp vào trung đạo cũng không đúng.

Cho nên, Giáo môn nói “Tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên”, hễ có nhân duyên thì xuất gia cũng được, nếu không có nhân duyên, chớ nên móng niệm phải xuất gia mới tu được, ấy là chướng ngại.

Chỉ cần chuyên chú đề câu thoại đầu khởi lên nghi tình, ngoài ra, quá khứ không ghi nhớ, hiện tại không trụ, vị lai không sắp đặt, việc đến thì đối phó, xong việc thì quên đi, không cần ghi nhớ sắp đặt, công phu mới được thành khối.

Hỏi: Hòa thượng Bác Sơn trong Tham thiền Cảnh Ngữ nói đến ba thứ bệnh “Chấp thành bệnh, trước thành ma, kế thành ngoại đạo” là như thế nào?

Đáp: Ba thứ bệnh này chẳng ngoài chấp ngã. Sự chấp của phàm phu rất nặng, Nhị thừa phá được ngã chấp, nhưng còn chấp pháp sở tu, chấp quả sở chứng của mình. Đại thừa phá luôn pháp chấp, tất cả pháp đều không, tức chẳng trụ vào pháp nào. Còn ngoại đạo thì chấp vào tri kiến, hay so đo, cho cái này là chơn lý, cái kia chẳng phải chơn lý, gọi là kế. Như các giáo chủ ngoại đạo, cũng ngời thiên, cũng có sự ngộ, tự cho đó là chơn lý, rồi tự làm giáo chủ để hoằng dương chơn lý của mình.

Đạo Phật chẳng kiến lập chơn lý, vì tất cả pháp đều chẳng tự tánh, nếu có cái chơn lý để làm tự tánh, thì chơn lý đó là vật. Trụ nơi chơn lý vẫn là trụ, Phật thì chẳng trụ sanh tử, chẳng trụ Niết bàn, chẳng trụ phàm, chẳng trụ thánh. Vì đối với phàm mới lập thánh, đối với chúng sanh mới lập chư Phật, tất cả đều là đối đãi. Có mê mới có ngộ, khi người triệt ngộ rồi mới biết chẳng có ngộ, nên chư Phật nói “Phiền não tức Bồ đề, sanh tử tức Niết bàn”.

Hỏi: Thế nào là hiện tại chẳng trụ?

Đáp: Nói quá khứ, hiện tại, vị lai là chỉ về thời gian. Thời gian không bản thể, làm sao có quá khứ, hiện tại, vị lai? Muốn cho cái gì là thời gian? Nay người ta dùng vọng tâm

phân biệt một phút 60 giây, rồi cho 60 phút là một tiếng, cho 24 tiếng là một ngày, rồi chia thời gian thành ngày, tháng, năm, đều do vọng tâm tạo nên, bản thể thời gian đâu có những thứ đó?

Kinh Kim Cang nói “Tâm quá khứ bất khả đắc, tâm hiện tại bất khả đắc, tâm vị lai bất khả đắc”, là phá khái niệm thời gian. Tại sao? Vì thời gian do tâm tạo, nên bất khả đắc.

Nhưng bây giờ nói hiện tại vô trụ, làm sao vô trụ được? Hằng ngày bất cứ tiếp xúc việc gì, chẳng khởi niệm chấp thật tức vô trụ; chẳng chấp cái bàn này là thật, cái ghế này là thật, kể cả chẳng chấp câu kinh đang đọc là thật. Vì đều không có bản thể, chỉ do tâm tạo ra, do con người đặt ra. Nếu không có con người, thì bản thể vạn pháp trống rỗng, diệu dụng vô biên.

Muốn đạt đến hiện tại vô trụ, chỉ có đề câu thoại đầu khởi lên nghi tình, tiếp tục tham mãi, thấy cảnh trước mắt cũng như không thấy, nghe lời tán thán hoặc chê trách đều như không nghe, tán thán chẳng mừng, chê trách không giận, vậy là vô trụ rồi.

Hỏi: Thế nào thâm tín tự tâm?

Đáp: Theo Phật pháp, cần nhất tin tự tâm. Như quý vị đã tin pháp môn Tổ sư thiên này 100% rồi, thật ra chưa bằng phân nửa. Tại sao? Vì chỉ tin pháp môn, không tin tự tâm, dù khổ công tu tập, cũng chẳng thể kiến tánh. Hễ không tin tự tâm có khả năng đầy đủ như Phật, cứ cho mình là chúng sanh, cho Phật là Phật, thì làm sao thành Phật được? Chưa tin tự tâm ắt sẽ hướng ngoại tìm cầu, ngoài tâm tìm Phật, càng tìm càng xa. Cho nên, Phật pháp rất cần tin tự tâm, người tin tự tâm gọi là thượng căn, không tin tự tâm thuộc về hạ căn.

Vậy thế nào là tin tự tâm? Tức tin tự tánh là Phật, với tất cả chư Phật bằng nhau, chẳng kém chút nào, chỉ vì bị vọng tưởng che khuất, chưa được hiện ra thôi.

Hỏi: Thế nào là Không và Có?

Đáp: Tự tánh bất nhị, Không và Có chẳng khác, nên Tâm Kinh nói “sắc tức thị không, không tức thị sắc”. Sắc là có, Không là không, có và không chẳng khác. Bây giờ tại sao thành khác? Do tâm chấp thật, cho Có là thật có, cho Không là thật không, nên khác.

Kinh nói “Người trí thấy sự sanh thì biết sự diệt chẳng phải thật, thấy sự diệt thì biết sự sanh chẳng thật”. Vì nếu sự diệt là thật, làm sao có sanh? Nhưng người ngu thấy sanh là sanh, thấy diệt là diệt, sự Có và Không cũng vậy.

Nếu Có là thật có, phải vĩnh viễn có, chứ chẳng phải dùng cái Không để tiêu diệt cái Có, cái Không cũng vậy. Không cũng chẳng phải thật không, mới sanh ra cái Có, Có cũng chẳng phải thật có, mới sanh ra cái Không. Kỳ thật, trong tự tánh chẳng phải là Có, cũng chẳng phải là Không, do tánh chấp thật mới thành Có Không.

Hỏi: Tại sao càng hiểu thiên hiểu đạo thì ngã chấp càng cao? Lại, tham thiên lúc nào cũng cảm thấy sắp kiến tánh đến nơi, làm sao phá được ngã chấp đó?

Đáp: Ngã chấp bắt đầu từ vô thi, mà vô thi thì chẳng có sự bắt đầu. Nay nói bắt đầu từ vô thi, tức chẳng có bắt đầu, nhưng vì có ngã chấp hiện hành, muốn phá phải dùng chín chữ “vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ”. Hễ còn có tâm mong đợi kiến tánh là có sở cầu, có sở đắc, là tu theo ngã chấp, tu cao chừng nào ngã chấp lớn chừng nấy.

Tại sao có ngã chấp? Trong kinh Lăng Nghiêm, Phú Lô Na hỏi Phật: Tại sao có vọng?

Phật bảo: Đã gọi là vọng thì không có tại sao, nếu có nguyên nhân tức chẳng phải vọng.

Vấn đề này phải đợi khi nào kiến tánh tự rõ, chỗ thực tế của tự tánh chẳng thể diễn tả. Bây giờ chưa kiến tánh, nói thế nào cũng chẳng phải chỗ thực tế. Phương tiện để phá ngã chấp duy chỉ có đề lên câu thoại đầu tham tới mãi, ngoài ra, có ngã chấp hay không cũng chẳng biết, có sở cầu hay không cũng chẳng biết, có sở đắc hay không cũng chẳng biết.

Hỏi: Con thiết nghĩ, khi hành giả đề câu thoại đầu khởi lên nghi tình là phá ngã chấp, sở dĩ ngã chấp còn tồn tại là do công phu tham thiền chưa miên mật. Bởi một khi có ai nói câu gì khiến mình nổi tâm sân, liền tự hỏi ngay câu "Khi chưa có trời đất ta là cái gì?", cảm thấy còn không hiểu mình là cái gì thì lấy gì để sân? Có sân giận là còn chấp cái thân, tâm này là ta. Nên khi đề câu thoại đầu lên là giúp được hành giả phá ngã chấp, chứ chẳng phải tìm cầu cái gì hơn. Hiểu như vậy có đúng hay sai?

Đáp: Hiểu như vậy là phải, nhưng nếu chấp như vậy là không phải, đó chỉ là phương tiện tạm thời mà thôi.

Hỏi: Tại sao Triệu Châu nói "lão tăng ba mươi năm chẳng tạp dụng tâm, mặc áo ăn cơm là tạp dụng tâm"?

Đáp: Tất cả lời nói của chư Phật chư Tổ là lời phương tiện để giúp chúng sanh được vào cửa. Mặc áo ăn cơm là việc thường, nhưng người đời nay suốt ngày lăng xăng bận rộn lo cho việc ăn cơm mặc áo, mắc kẹt vào sinh sống, nên ngài Triệu Châu đem việc này để khai thị chúng sanh.

Hỏi: Mặc dù cảm thấy sự tham thiền là quý, nhưng tâm chúng con vẫn thích đi cúng dường hoặc làm đồ cúng dường, khi cúng dường xong con lại cảm thấy tác ý quá mức, nên cũng dẹp bớt phần nào, vậy có đúng không?

Đáp: Đùng cho là đúng, cũng đùng cho là sai, tức là không biết tới có những việc này, có sự cúng dường mà không biết tới sự cúng dường, cũng chẳng biết là có sự "không cúng dường". Tôi cũng chẳng bảo là đùng cúng dường, vì nếu không có sự cúng dường thì Tam Bảo chẳng thể tồn tại nơi thế gian. Tứ chúng: Hai chúng xuất gia là nhờ hai chúng tại gia cúng dường, nay đã tu pháp môn giải thoát thì việc gì cũng không chướng ngại, chớ nói là Phật sự cúng dường, kể cả công thương kỹ nghệ, làm việc gì cũng không chướng ngại.

Hỏi: Phước duyên đại chúng hội tụ để được nghe pháp như thế không thể có mãi, nhưng Lục Tổ nói "Mọi loài tự có đạo, mỗi mỗi chẳng ngại nhau", làm sao có thể tiến tu không bị ngoại cảnh chướng ngại, một ngày nào đó không còn được nghe pháp âm của Sư phụ?

Đáp: Có chướng ngại đó là vật chất, là thân, nên bị thân trói buộc. Còn tâm chẳng phải vật chất, nên không bị chướng ngại, bất cứ hoàn cảnh nào cũng không bị chướng ngại. Do đó, người tham thiền đến công phu thành khối, lúc ngủ mê vẫn tham được, đâu có chướng ngại? Có chướng ngại là do vọng chấp của mình, ví như cho là "Tôi không rảnh, phải lo việc sinh sống", ấy là tự sanh ra chấp trước khiến chướng ngại.

Hỏi: Thế nào là ngũ chu lục tướng trong kinh Hoa Nghiêm?

Đáp: Ý tôi dịch cuốn *Yếu Chỉ Kinh Hoa Nghiêm* là để tăng cường lòng tin cho người tham thiền, vì hành giả tham thiền chẳng những phải tin vào pháp môn Tổ Sư Thiên, càng phải tin tự tâm, chứ không phải để hiểu thêm giáo lý. Mọi người đều biết bài kệ

của kinh Hoa Nghiêm “Nhược hơn dục liễu tri, tam thế nhất thiết Phật, ưng quán pháp giới tánh, nhất thiết duy tâm tạo”, Ngũ chu lục tướng cũng là do tâm tạo.

Hỏi: Có một hành giả tham thiền, khi bỏ hết tất cả tìm đến chỗ vắng lặng để tham thì tâm tánh nổi lên, vậy phải làm sao?

Đáp: Người đó sai lầm ngay từ bắt đầu, Tổ sư thiền đâu có dạy người bỏ việc đang làm, đi tìm chỗ vắng lặng yên ổn? Có lấy có bỏ là có sở cầu, là nghịch với tông chỉ Tổ Sư Thiền. Mặc dù gắn băng hiệu của Tổ Sư Thiền, nhưng người đó chẳng phải tham Tổ Sư Thiền, chỉ làm cho người phỉ báng Tổ sư Thiền, phá hoại Tổ Sư Thiền.

Hỏi: Nhiều người lấy lời dạy của ngài Bá Trượng nói “Một ngày không làm, một ngày không ăn” để làm phương châm, nhưng con thiết nghĩ, đạo chẳng ở chỗ làm hay không làm, như Thiền sư Trung Phong nói “Nếu người tham thiền bỏ công phu của mình, dầu cho làm trăm việc, đều là bên bờ sanh tử”, vậy phải làm sao?

Đáp: Việc làm đâu có chướng ngại sự tham thiền! Ngài Bá Trượng là Tổ sư kiến tánh, làm Trụ trì cho một chùa đông chúng, ngoài sự hoằng pháp suốt ngày, đại chúng đi cuộc đất Ngài cũng làm theo. Đại chúng thấy công việc nặng nhọc, nên giấu cây cuộc của Ngài không cho làm, thì hôm đó Ngài không chịu ăn, nói “Không làm thì không ăn”. Ấy là muốn làm gương mẫu, để cảnh tỉnh sự làm biếng và ý lại của người đời sau, không cho “ta là Trụ trì, đã có trách nhiệm hoằng pháp” thì khỏi làm công việc, hoặc cho “Ta tham thiền, khỏi làm cái này cái kia”.

Việc làm là bổn phận của mình, trong Tông lâm bao nhiêu chúng, tất cả đều bình đẳng, đâu phải người này làm và người kia khỏi làm? Người nào cũng tu, cũng tham thiền, Trụ trì còn phải làm, huống là thanh chúng? Đâu thể nói là “Tôi đã tham thiền rồi, sao còn phải làm?” Vậy công việc ai làm? Ai nấu cơm cho ăn? Ai dọn dẹp?

Hỏi: Tham Thoại đâu có phải việc của ngày hôm nay?

Đáp: Nói “việc hôm nay” là muốn chấm dứt sự tìm hiểu của mình, vì tìm hiểu là do ý thức phân biệt, là vọng. Nếu dùng ý thức phân biệt, thì chẳng thể đạt đến kiến tánh, chẳng thể thấy được bản lai diện mục. Bây giờ mình tham câu thoại đầu, hể tìm hiểu câu thoại là việc hôm nay, che khuất mặt bản lai.

Tăng hỏi: Con mới bắt đầu tập tham, nhưng không khởi được nghi tình, vậy phải làm sao?

Sư phụ: Sư tham câu thoại nào?

Tăng đáp: Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật, là cái gì?

Sư phụ: Sư biết là cái gì không?

Đáp: Không biết.

Sư Phụ: Như vậy là nghi tình rồi! Cái không hiểu không biết đó, cảm thấy thắc mắc, muốn biết nhưng biết không được, chính là nghi tình. Phải tự hỏi tới mãi, không biết thì trả lời không được, hỏi đến lúc nào thành linh hiểu được, cái hiểu đó chẳng phải dùng tâm đi tìm hiểu mà biết, gọi là chứng ngộ. Lúc đó chẳng phải chỉ biết một việc, tất cả vũ trụ vạn vật đều cùng biết, đều giải quyết một lượt.

Hỏi: Bửu Tạng Luận nói “Trong trời đất có một bảo vật”, hành giả tham thiền cứ nhìn vào chỗ hăm sâu đen tối ấy, một ngày nào đó có thể đạt được bảo vật đó không? Lấy gì để làm chắc?

Đáp: Mục đích tham thiền cuối cùng sẽ phát hiện ra bảo vật đó là lẽ dĩ nhiên, nhưng làm sao biết chắc được? Phải tin tự tâm. Nếu chẳng tin tự tâm thì dù siêng năng thế nào cũng không hy vọng phát hiện bảo vật đó.

Bảo vật đó là tự tánh, hễ tin tự tâm, dụng công tham mãi sẽ phát hiện được bảo vật, tức kiến tánh thành Phật. Nếu không chấm dứt sự tìm hiểu, kể cả hiểu về thiền đạo Phật pháp, dù siêng năng cách mấy cũng chẳng thể nào kiến tánh, ví như đang cỡi trâu mà tìm trâu, trên đầu lại mọc thêm đầu, chỉ làm khổ thêm, chẳng ích lợi gì.

Hỏi: Làm sao mới thấy được bản tâm bản tánh của mình?

Đáp: Bản tâm, bản tánh, bản kiến, bản văn, bản giác, bản tri v.v .. đều là biệt danh của tự tánh. Tự tánh bất nhị, chẳng phải là có hai, nếu có cái năng thấy, thấy cái sở thấy, ấy là nhị, chẳng phải kiến tánh. Nói kiến tánh, kỳ thật là tự tánh tự hiện. Muốn tự tánh tự hiện, phải cắt đứt sự tìm hiểu, ngưng sự hoạt động của tâm ý thức, nếu không thì che khuất mặt bản lai. Ngài Tăng Triệu nói “Chơn tánh ẩn núp trong vọng tưởng”, khi nào vọng tưởng lặng hết, chơn tánh tự hiện, gọi là kiến tánh thành Phật.

Hỏi: Thế nào là pháp thân thường trụ mà chẳng trụ?

Đáp: Pháp thân cũng là biệt danh của tự tánh, tự tánh bất nhị, khắp không gian thời gian, hễ trụ là trụ ở nơi nào? Trụ ở nơi đây thì nơi khác chẳng có, là nhị. Chớ nói là tự tánh không chỉ ra được, dù là kiến tinh, có chỉ ra được đâu? Vì vô sở trụ nên khắp không gian thời gian. (Sư phụ thí dụ về kiến tinh trong kinh Lăng Nghiêm, lược qua).

Hỏi: Kinh Kim Cang nói “Tâm quá khứ bất khả đắc, tâm hiện tại bất khả đắc, tâm vị lai bất khả đắc”, vậy tin tâm là tin cái gì?

Đáp: Bản tâm tự tánh chẳng thể dùng ý thức phân biệt suy nghĩ đến được, cũng chẳng thể dùng lời nói diễn tả, nên Phật nói “Phàm là lời nói đều chẳng có nghĩa thật”. Nhưng nếu không dùng lời nói thì chúng sanh làm sao có hy vọng giải thoát? Do đó phải lập ra phương tiện.

Tất cả lời nói của chư Phật chư Tổ đều là phương tiện tạm thời, chẳng phải chơn lý.

Nói “Tin tự tâm” chẳng phải có cái năng tin và tự tâm là sở tin, hễ có năng sở là vọng, còn không nói thì chẳng biết dựa vào đâu để giải thích, diễn tả, nên tạm mượn hai chữ “tự tâm” để nói.

Tự tâm chẳng bản thể, chỉ thì không ra, không chỉ cũng chẳng phải, thế thì dựa vào đâu? Cho nên phải nói là "khắp không gian thời gian, chẳng chỗ nào thiếu sót, tất cả đều sẵn đủ, không kém hơn Phật chút nào", Phật có bao nhiêu thần thông biến hóa thì tự mình có bấy nhiêu, vốn đã sẵn có, chẳng phải ở ngoài, chẳng phải do tìm hiểu mà có, cũng chẳng phải do không tìm hiểu mà mất đi.

Lại, do tìm hiểu nên chơn tâm bị che khuất, khiến ẩn trong vọng tưởng, chẳng thể hiện ra được. Cho nên nói “Nếu biết việc hôm nay, che khuất mặt bản lai”

Hỏi: Tại sao tham thiền không được tìm hiểu?

Đáp: Sở dĩ muốn tìm hiểu là tại không tin tự tâm đã sẵn đủ, nên mới hướng ngoại tìm cầu. Hễ tin được tự tâm là trí, không tin tức ngu muội. Lục Tổ nói “Một niệm trí huệ Bát nhã sanh, một niệm ngu muội Bát nhã tuyệt”. Một niệm trí huệ là chẳng chấp thật, một niệm ngu muội là chấp thật. Muốn tìm hiểu là chấp thật, cho có cái chơn lý để mình đi tìm hiểu, ấy là điên đảo, ngu muội.

Hỏi: Đức Phật đã nói “Thuyết pháp 49 năm chưa từng nói một chữ”, vậy câu thoại đầu thì sao?

Đáp: Đã nói là đến chỗ thoại đầu thì câu thoại tự mất, làm sao còn có thể chấp vào câu thoại? Đã không cho tìm hiểu câu thoại thì làm sao còn chấp vào câu thoại đầu? “Thoại đầu” là chỗ chưa khởi niệm mới là thoại đầu, vì phương tiện nên tạm gượng nói là “tham thoại đầu”, chứ chẳng phải là câu thoại. Nay ông chấp vào câu thoại, vậy là chưa hiểu câu thoại đầu: Câu thoại chẳng phải thoại đầu, hễ còn câu thoại tức chưa đến thoại đầu.

Hỏi: Ngài Vĩnh Gia nói “Đang khi dụng tâm mà không có tâm để dùng” là thế nào?

Đáp: Ấy cũng như câu “Vô tham tức chơn tham” của ngài Lai Quả. Chơn tham là đang tham thiền mà không biết mình tham, hễ có biết tức có dụng tâm rồi, nên nói “Chính ngay đang dụng tâm, ngay đó chẳng tâm dùng”.

Hỏi: Có người thân tâm chung, hành giả tham thiền phải làm gì để hỗ trợ?

Đáp: Nói đúng theo tông chỉ của Tổ Sư Thiền, chỉ có đề câu thoại đầu khởi lên nghi tình, ngoài ra tất cả đều không biết. Như vừa nói ở trên, đang khi dụng tâm mà không có tâm để dùng, hiểu thiền đạo phật pháp còn không cho, làm sao biết tới những gì chẳng phải thiền?

Bất cứ thân nhân hoặc ai chết đều không dính dáng đến Tổ Sư Thiền, Theo tập quán của người thế gian là phải làm nghi lễ, có hình thức, nếu khởi tâm đi lo những việc đó, dùng Tổ sư thiền để làm những việc đó thì nghịch với Tổ Sư Thiền, phá hoại Tổ Sư Thiền, đều là tâm trộm cắp, không đúng với tông chỉ, chướng ngại tham thiền, lại chẳng có lợi ích thật tế cho người chết.

Sức mạnh của Tự tánh có thể tan rã Tam thiên đại thiên thế giới trong một sát na, khi chưa khởi lên một niệm gì thì tâm lực mới mạnh, có thể ảnh hưởng đến người khác, giúp ích cho người khác; hễ khởi niệm muốn giúp, dù cho có thể giúp, nhưng sức lực quá yếu, chẳng phải sức mạnh của tự tánh.

Cho nên, hành giả tham thiền chỉ là đề câu thoại đầu khởi lên nghi tình, ngoài ra đừng có biết gì là tốt hơn hết. Nếu tránh không được, cũng phải cố giữ câu thoại đầu, mặc cho ai làm gì, mình vẫn tham. Bất cứ gặp cảnh duyên nào cũng vậy, tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên. Bất biến là câu thoại đầu, cảnh duyên thế nào cũng không thay đổi.

Hỏi: Phật pháp không phá hoại pháp thế gian, hành giả tham thiền một niệm cũng chẳng khởi, rất nghịch với pháp thế gian, vậy phải làm sao mới không phá hoại pháp thế gian?

Đáp: Đã nói tùy duyên tức không phá hoại pháp thế gian, nếu phá hoại pháp thế gian thì không phải tùy duyên.

Hỏi: Có người cho là “để tâm bình thường trong hiện tại, không chạy theo ngoại cảnh, cho niệm hiện tiền đó là chánh niệm”, đúng hay sai?

Đáp: Kinh Lăng Nghiêm nói “Dầu cho diệt hết tất cả kiến văn giác tri, tâm giữ u nhân, vẫn là bóng phân biệt của pháp trần”. Nói giữ niệm hiện tiền, chẳng phân biệt cái gì khác, làm sao được? Dầu cho làm được cũng vô ích, cũng là bụi trần, là vọng, là bệnh đã thành từ vô thủy. Cho nên, hành giả phải tham đến tự ngộ mới được, nếu không, như kinh Viên Giác nói “Chưa ra khỏi luân hồi mà biện Viên Giác, Viên giác ấy cũng là luân hồi”.

Như nay chưa thức tỉnh, dù ở trong chiêm bao được khai ngộ, vẫn còn là việc trong chiêm bao. Kinh Lăng Nghiêm nói “Không gian hiện nay là ở trong biển giác của

minh, do mê vọng mới có hư không, có hư không mới lập ra thế giới, nhưng hư không chỉ là một bọt nước trong biển giác", nếu bọt nước bể thì hư không cũng tiêu, ba cõi thế giới kiến lập ở đâu? Không gian đã chẳng còn thì làm sao có thời gian?

Nên kinh Kim Cang nói "Tâm quá khứ bất khả đắc, tâm hiện tại bất khả đắc, tâm vị lai bất khả đắc", là phá sự chấp về thời gian.

Tất cả không gian, thời gian, số lượng đều do vọng tâm tạo ra, nên nói người kiến tánh đập bể hư không, hư không tan rã, do vọng đã hết, tự nhiên hư không cũng mất, ví như bệnh nhâm hết rồi thì hoa đốm trên không liền tiêu. Nếu còn thấy hoa đốm tức bệnh mắt vẫn còn. Người thế gian hay có những "chủ trương" hoặc "cho là", những danh từ này đều là nguồn gốc của sanh tử luân hồi.

Hỏi: Một số hành giả hay nói là công phu rất đặc lực, nghi tình nổi lên ùn ùn. Vậy có phải đã đến thoái đầu?

Đáp: Những người nói công phu đặc lực ra sao, sự thật là không có công phu. Vì còn ngã chấp, mặc dù có công phu, cũng là tu theo ngã chấp, cuối cùng không thành tà ma, cũng thành ngoại đạo. Người có công phu đặc lực, đâu có thời gian để nói cho người khác biết!

Hỏi: Thế nào là trên đầu một chữ Như?

Đáp: Chữ Như trong Phật pháp rất sâu rộng, siêu việt số lượng, hễ còn có số lượng thì chẳng phải là rộng. Nói vạn pháp đều như; bất động như như v.v. đều là siêu việt số lượng, lời nói vẫn tự chẳng thể diễn tả, nên miễn cưỡng dùng chữ Như để tỏ bày.

Chữ Như là đúng như sự thật, nay tất cả sự hiểu biết của chúng ta đều không đúng với sự thật, là tướng bệnh. Tham thiền là quét sạch tướng bệnh, rồi tướng mạnh tự hiện, chữ Như là diễn tả tướng mạnh.

Hỏi: Kinh Lăng Nghiêm nói "luân hồi sanh tử cũng do lục căn, giải thoát tự tại cũng do lục căn", vậy tham thiền khởi nghi tình có thu nhiếp lục căn không?

Đáp: Lục căn đối với lục trần, sanh ra lục thức, đều là tướng bệnh đã thành từ vô thi, do chúng sanh chấp thật, bởi lục căn mà bị luân hồi sanh tử. Nay muốn được giải thoát, được chứng Niết bàn, phải đóng cửa lục căn lại, do nghi tình nhiếp cả lục căn, rồi kiến tánh giải thoát, cũng là do lục căn.

Tham thiền rất chú trọng nghi tình, tức nhìn chỗ đen tối không biết gì cả. Nếu không biết gì thì nhiếp cả lục căn, mắt thấy như không thấy, tai nghe như chẳng nghe, các căn khác cũng vậy, hễ có biết là chẳng nhiếp được.

Hỏi: Thế nào là "Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn"?

Đáp: Đó là diễn tả tự tánh bất nhị. Thiên sư Vân Môn nói "Nếu lúc đó tôi nghe được, đánh chết cho con chó ăn", cũng là thể hiện nghĩa bất nhị, chứ chẳng phải phỉ báng Phật.

Hỏi: Mục đích của hai thời công phu là gì?

Đáp: Sở dĩ có hai thời công phu là để đối trị người làm biếng không chịu tu giải thoát. Hai thời công phu của Giáo môn phải có thiền quán, người đời nay không có thiền quán, chỉ tụng kinh cho Phật nghe, vậy đâu phải tu? Như con chim bắt chước tiếng người, nói thì cứ nói, đâu có biết nghĩa câu nói! Chỉ lặp đi lặp lại thôi. Có tụng mà không tu thì làm sao giải thoát?

Hỏi: Khi xưa con nghe giảng kinh Pháp Hoa, đến phẩm Đa Bảo Tháp, theo sự hiểu biết của con, Đa Bảo Tháp là danh từ dụ cho tự tánh, do một niệm bất giác,

Chúng con xa lìa căn nhà tự tánh, nay muốn trở về, nên con hỏi vị thầy giảng "Làm sao trở về Đa Bảo Tháp? Trên đường trở về, thế nào cũng gặp nhiều chướng ngại, con có phải cầm sẵn trong tay cây gươm trí huệ mới quay về được?"

Thầy ấy trả lời: Phải có trí huệ mới quay về được.

Con hỏi tiếp: Thế thì tự tánh của con ở nơi con hay ở nơi Đa Bảo Tháp? Nếu ở nơi con thì đâu cần quay về? Nếu ở nơi Đa Bảo Tháp thì trí huệ ở đâu mà con có?

Vị thầy đó bảo con về tụng Pháp Hoa rồi sẽ biết, nhưng con tụng mãi vẫn thắc mắc hoài cho đến con gặp Sư phụ.

Đáp: Tại chấp thật tự tánh là vật, thân này là vật, cho nên vị thầy giảng kinh ấy học ra trường, biết giảng kinh thuyết pháp nhưng nghịch với kinh. Đã gọi là Tự tánh thì làm sao xa mình được? Tự tánh chẳng phải vật, khắp không gian thời gian, nên gọi là Như Lai, tức chẳng có khứ lai. Do đó, mình làm sao rời khỏi tự tánh?

Tự tánh ẩn trong vọng niệm của mình, như tướng mạnh ẩn nơi tướng bệnh, tướng bệnh hết tướng mạnh tự hiện, đâu phải là tướng mạnh rời khỏi tướng bệnh?

Ngài Lai Quả nói "Dù có đi xa quê nhà mười ngàn dặm, chỉ cần quay đầu là đến nhà, đâu cần cất bước?" Bởi vì đâu phải ở ngoài? Nói ở trong vẫn còn không đúng, vì trong ngoài là nhị.

Nay có nhiều người học xong các viện Phật học Sơ đẳng, Trung đẳng, Cao đẳng, ra làm giảng sư, có địa vị cao, giảng kinh thuyết pháp rất giỏi, nhưng không hiểu giáo lý, nghịch với giáo lý. Lục Tổ nói "Thuyết pháp chẳng lìa tự tánh, hễ lìa tánh thuyết pháp, gọi là tướng thuyết". Có tướng mới có thể chỉ ra, tự tánh vốn chẳng hình tướng, làm sao chỉ ra xa gần?

Hỏi: Thiền sư Trung Phong nói "Phải lấy việc sanh tử làm mối nghi", vậy việc nghi sanh tử và nghi thoại đầu là một hay là hai? Có phải chính vì mối nghi sanh tử nên phải tham câu thoại đầu?

Đáp: Nghi câu thoại đầu cũng là nghi về sanh tử, nên nói sanh tử là việc lớn. Tại sao? Việc thế gian nếu không có sanh tử thì tất cả đều chẳng có, vậy thì tại sao chúng ta ở trong sanh tử mà không biết đó là việc gì? Khi chưa có trời đất, ta là cái gì? Từ đâu ra? Trời đất còn chưa có, ta sanh từ đâu mà lại có tử? Tất cả mọi vấn đề đều liên quan đến sanh tử, là nguồn gốc của vạn pháp, nên nói là "việc lớn".

Hỏi: Thế nào là chiếu soi tự tánh?

Đáp: Nay tham câu thoại đầu khởi lên nghi tình là chiếu soi tự tánh.

Hỏi: Tu mà không cầu thì tu để làm gì? Phải cầu giải thoát đến chỗ không chấp thật. Nhưng Sư phụ lại dạy là "vô sở cầu, vô sở đắc, vô sở sợ", vậy là thế nào?

Đáp: Chẳng có thật mà chấp cho là thật, nên gọi là bệnh; mà bệnh cũng chẳng phải thật, gọi là bệnh giả. Do cần dùng lời nói thế gian để giải thuyết, cho nên Đức Phật dùng thuốc giả để trị bệnh giả, khi bệnh giả hết, thuốc giả cũng phải bỏ. Hễ chấp thật tức có sở trụ, ắt thành bệnh, đánh mất sự hoạt bát vạn năng của tự tánh. Vậy chín chữ "vô sở cầu, vô sở đắc, vô sở sợ" cũng là thuốc giả, đâu phải thuốc thật!

Do người thế gian ham cầu, nên nói "Vô sở cầu"; người thế gian ham đắc, nên nói "vô sở đắc"; người thế gian hay sợ, nên nói "vô sở sợ". Nếu đã không cầu, không đắc, không sợ thì chín chữ này đã là thừa. Kinh Kim Cang nói "Pháp còn phải bỏ, huống là phi pháp!", lại, như đi chiếc bè qua sông, đến bờ thì phải bỏ bè. Chiếc bè chỉ là

phương tiện tạm thời để qua sông, đến bờ rồi chiếc bè đâu còn tác dụng? Hễ còn vác trên vai có phải chường ngại không?

Tại có bệnh mới cần thuốc, bệnh đã hết giữ thuốc làm gì? Ấy là chấp thuốc thành bệnh. Nay nhiều người chỉ nghiên cứu kinh Phật, chấp thật lời Kinh và hiểu theo sự chấp của mình, đem những thứ đó dạy chúng sanh tu theo ngã chấp, tưởng là tri kiến của mình cao, rồi tranh giành hơn thua với tông phái khác. Như lời của Tô Sư thí dụ là “Con chó đuổi theo cục xương”. Có một hạng người đã không hiểu Phật pháp, lại cho cục xương là của mình, lấy lời của Phật xen vào ý của mình đem dạy người, hạng người này còn tệ hơn, Tô sư mắng là “Ăn phần của người khác, còn không bằng con chó tốt”. Ấy đều là nghịch với ý Phật.

Hỏi: Câu chuyện Tề Hoàng Công và thợ đẽo bánh xe như thế nào?

Đáp: Tề Hoàng Công là vua nước Tề, thời xưa chưa phát minh cao su, bánh xe phải làm bằng gỗ, muốn cho bánh xe quay, đẽo phải đúng mức, không chặt quá cũng không được lỏng, hễ chặt thì bánh xe chẳng quay được, hễ lỏng thì dễ sút ra rất nguy hiểm. Người thợ đẽo bánh xe của vua trong lúc làm đã cảm nhận ra rằng: muốn làm cho đúng mức thì tâm phải chuyên chú vào cánh tay, tay cầm cây búa đẽo vào gỗ, chẳng sơ hở chút nào.

Lúc Tề Hoàng Công ở nhà trên đọc sách, ông thợ ở nhà dưới đẽo bánh xe, thợ hỏi vua: Chúa công xem sách gì?

Đáp: Sách của bậc thánh hiền.

Hỏi: Thánh hiền ở đâu?

Đáp: Thánh hiền đã qua đời.

Thợ nói: Thánh hiền đã qua đời, vậy những thứ cặn bã đó có tác dụng gì?

Tề Hoàng Công nổi giận: Sao người dám phi báng thánh hiền? Hãy nói thử xem, có lý thì được tha, vô lý sẽ bị chém đầu.

Thợ nói: Thần có một đứa con, cũng là thợ mộc danh tiếng, nay thần còn sống, muốn đem sự cảm nhận và tay nghề của thần truyền lại cho con, đích thân chỉ dạy còn truyền không được, huống là lời của Thánh hiền chỉ có lời nói, làm sao truyền lại? Chẳng phải cặn bã sao!

Bánh xe, búa đẽo v.v. đều là việc trước mắt nơi thế gian còn truyền không được, huống là việc xuất thế gian vốn chẳng hình tướng, làm sao truyền? Cho nên, Phật Thích Ca muốn chúng sanh mỗi mỗi tự ngộ, chứ chẳng thể truyền. Thiên tông sở dĩ có sự truyền thừa, là khi trò kiến tánh rồi, thầy chỉ ấn chứng cho, gọi là truyền tâm ấn, tức lấy tâm truyền tâm.

Hỏi: Vậy xem kinh học Phật để làm gì?

Đáp: Kinh là dạy người tu để ngộ được tự tánh mình, làm chủ cho chính mình, đạt đến tự do tự tại, vĩnh viễn giải thoát tất cả khổ. Nay có người học Phật học đến Cao đẳng, học đầy bụng rồi dạy cho người khác, tự cho mình đã thông suốt tất cả kinh điển, chẳng biết dù kinh điển đầy bụng, có giúp ích cho sự giải thoát đâu! Cho nên, nói “Đào tạo Tăng tài”, nếu là Tăng tài thì phải dạy người tu giải thoát. Đa số Tăng tài hiện nay, xử dụng nơi thế gian thì chẳng xài được trong công thương kỹ nghệ, lại chẳng thể dạy người tu giải thoát, kinh điển chỉ là danh từ pháp số chứa đầy bụng, đem dạy cho học trò, rồi học trò cũng chứa đầy bụng để dạy lại cho học trò, rốt cuộc

Tăng tài chỉ là để dạy học trò mà thôi, đâu có hiển bày được sự dụng hoạt bát vạn năng của chính mình?

Hỏi: Tham thế nào để khỏi phỉ báng Phật pháp?

Đáp: Thực hành đúng theo tông chỉ Tổ Sư Thiền, giữ chín chữ "vô sở cầu, vô sở đắc, vô sở sợ" là giữ được căn bản, ngoài ra không cho tâm đi tìm hiểu, chỉ đề câu thoại đầu khởi lên nghi tình tham tới mãi.

Hỏi: Đề Bà Đạt Đa có mật hạnh gì?

Đáp: Bồ tát độ chúng sanh có thuận độ và nghịch độ, nghịch độ là thị hiện tạo tội địa ngục, cảnh tình chúng sanh chớ có làm ác. Ví như Đề bà Đạt Đa, mặc dù ở trong địa ngục, cũng như ở cõi Tam thiên vậy.

Hỏi: Tại sao ngài Lai Quả nói "một nén hương tiêu được đầu vàng"?

Đáp: "Một nén hương" chỉ về sự tham thiền, xưa kia chưa có đồng hồ, ngồi thiền và kinh hành cứ đốt lên một nén hương, nén hương này ngồi thì nén hương khác đi. Hễ ngồi tu được một nén hương, thì nhân thành Phật đã gieo trồng. Người chơn tu đầu cho ăn một đầu vàng cũng tiêu, nếu không tu hành, dù uống một giọt nước, ăn một hạt gạo của thí chủ cũng phải trả nợ.

Hỏi: Đề câu thoại đầu khởi nghi tình không cầu không đắc, vậy có ảnh hưởng đến vọng linh những người quá cố không?

Đáp: Đã nói "không cầu" thì làm sao mong cầu ảnh hưởng đến cha mẹ? Ấy là có cầu rồi! Nhân quả là người nào làm, người ấy chịu, ai ăn nấy no, người khác chẳng thể ăn giùm được.

Chớ nói cha mẹ đã qua đời, dù cha mẹ còn sống, mình có thể khuyên cha mẹ bỏ ác hướng thiện không? Có thể khuyên cha mẹ tu đến giải thoát không? Nhiều người còn phải chịu ý cha mẹ, chứ cha mẹ chẳng chịu sửa đổi theo. Còn sống đã như vậy, huống là đã chết?

Do đó, chẳng thể nói ảnh hưởng hay không, phải tin vào nhân quả, bổn phận người tham thiền phải đi đến kiến tánh, chúng quả rồi, đối với đại hiếu thì cha mẹ được ưu tiên. Nay khởi ý muốn dùng tham thiền để trực tiếp ảnh hưởng, ấy là vọng tưởng, là tâm trộm cắp. Tham thiền là đi đến kiến tánh, quét sạch tất cả vọng tưởng, hễ có ý như thế là tự chướng ngại không được kiến tánh.

Dù cho thật sự ảnh hưởng đến cha mẹ để sửa đổi tâm, cũng không nên mong khởi niệm như thế, ấy là sai lầm, cũng như thấy người ta tụng kinh cầu siêu, mình cũng tham thiền cầu siêu, vậy có khác gì? Phải tự mình kiến tánh triệt để thì cha mẹ mới mong ưu tiên được độ.

Hỏi: Thế nào là mua bán Như Lai?

Đáp: Không theo kinh tu hành đã là nghịch với kinh, tụng kinh để được lợi dưỡng là tham cầu, là đem kinh để mua bán, là mua bán Như Lai, chẳng có phước lại có tội, Phật nói là "thật đáng thương xót". Những người như thế xưng là tông Tịnh độ cũng chẳng đúng, tụng kinh đâu phải Tịnh độ? Tịnh độ phải hành theo Tín, nguyện, hành; cho nên, chính Ấn Quang pháp sư, Tổ thứ mười ba của tông Tịnh độ, dạy người chuyên tu về tín, nguyện, hành, không cho người tụng kinh, xem kinh thì chỉ hạn chế trong ba quyển: Kinh A Di Đà, kinh Quán Vô Lượng Thọ, và kinh Vô Lượng Thọ mà thôi. Nên người đời nay cho tụng kinh là Tịnh độ, ấy là sai.

Hỏi: Vậy thì chúng con phải làm gì khi gia đình có người chết?

Đáp: Do thói quen từ xưa nay, khi có người thân qua đời là phải làm đám hoặc tụng kinh cầu siêu, ấy là sai lầm, nên tôi đã sửa đổi lại, thuyết pháp trước linh cữu. Đối với hành giả tham thiền thì lúc nào cũng phải tham, cha mẹ còn cũng tham, cha mẹ mất cũng phải tham, người đến dự lễ tang cũng phải tham.

Nếu thật muốn sửa đổi mà có thể làm chủ được, không nên mời thầy tụng đến nhà hay đến chùa làm đám tụng nữa, hễ lúc sống biết tu hành thì chết cứ đem đi thiêu hoặc chôn. Hễ muốn tổ chức lễ tang thì mời Thầy đến thuyết pháp trước linh cữu, nhờ người quá cố làm nhân cho người sống được nghe pháp, nhưng phải thuyết đúng chánh pháp. Đối với những người không biết pháp pháp thì chẳng cần nói gì, vì họ đã theo thói xưa, chẳng thể phá chấp được.

Đối với tu sĩ ở chùa, nhiều người nhờ đám tụng nuôi chúng, Kinh nói là "mua bán Như Lai", lại, Phật tử cúng dường Tam bảo là vô điều kiện, mới được gọi là cúng dường, còn đem tiền của đến nhờ tụng kinh, là mua bán Như Lai.

Nếu chơn thật tu hành, hễ có người đến thỉnh đi đám là từ chối không đi, và giải thích cho họ biết. Phật pháp là vậy, chứ không có lấy kinh để trao đổi mua bán. Vì đã biết sai, phải sửa lại mê tín thành chánh pháp, nếu không cắt đứt, cứ kéo dài mãi thì làm sao có thể tu giải thoát?

Ở Trung Quốc, có những vị gọi là "ứng phó Tăng", do không có tu hành, chỉ đi đám nhận sự lợi dưỡng, nên bị người đời khinh chê. Do đó có câu "Chẳng thà chết đói ở giữa đường, chứ không làm tăng ứng phó ở ngoài đời".

Hỏi: Nhiều người cho là nhờ có đám tụng làm nhân duyên, khiến mọi người biết đến chùa lạy Phật, đúng hay sai?

Đáp: Muốn nhờ phải nhờ chánh nhân, hễ nhân không chánh, chỉ bị tội, đâu được phước?

Hỏi: Nếu không cho đọc Kinh sách, thì những bộ kinh để làm gì?

Đáp: Đức Phật là muốn chúng ta thực hành, như Giáo môn là tín, giải, hành, chứng, Thiền môn cũng vậy. Nhưng Thiền môn khi bắt đầu thực hành rồi là hành khởi giải tuyệt. Giáo môn gọi là Kinh giáo, Thiền môn gọi là giáo ngoại biệt truyền, hễ tu theo pháp môn nào, phải thực hành đúng theo tông chỉ pháp môn đó.

Tôi đâu có bảo bỏ kinh? Tôi chỉ là không cho tìm hiểu, luôn cả thiền. Chính đang tham thiền mà không cho tìm hiểu thiền; đang tham câu thoại đầu mà không cho tìm hiểu câu thoại, chứ chẳng phải chỉ không cho đọc kinh, tụng kinh, tất cả đều không cho tìm hiểu. Tổ sư thiền là khi đề câu thoại đầu khởi lên nghi tình, trong đó đầy đủ giới định huệ, đầy đủ lục độ vạn hạnh, chẳng lấy chẳng bỏ, vì có lấy bỏ là tương đối.

Kinh nói "Y kinh giải nghĩa, tam thế Phật oan, lia kinh một chữ, đồng như ma thuyết". Nay tôi thuyết pháp đều là y theo lời Phật dạy, chẳng lia kinh một chữ, còn Lời nói của cô còn chấp thật, là y kinh giải nghĩa, làm oan cho Phật vậy.

Hỏi: Thượng Tọa ngồi đây thuyết pháp là có trụ và có cầu không?

Đáp: Do có ngã, chưa tin tự tâm, cho là có ta năng đắc, có pháp sở đắc, có sở cầu cũng thế. Tôi thuyết pháp đâu có cái gọi là "Phật Pháp" mà tôi thuyết? Kinh Kim Cang nói "Nếu ai nói Như Lai có thuyết pháp là phỉ báng Phật", vì đâu có pháp nhất định để thuyết? Đã nói tự tánh chẳng năng sở, làm sao có ta là năng thuyết, quý vị là sở nghe? Cho nên, cứ đề câu thoại đầu khởi lên nghi tình, làm sao còn năng sở đối đãi? Lại, khi một niệm chưa khởi mới là thoại đầu, nay khởi niệm này niệm kia, thì làm sao có thể đến thoại đầu được?

Hỏi: Các pháp môn khác đều có khẩu quyết tương truyền, còn Tổ sư thiên thì sao?

Đáp: Nếu có khẩu quyết tương truyền là tà ma ngoại đạo, chớ nói là Tổ Sư Thiên, các pháp môn khác thuộc về chánh pháp đều không có khẩu quyết tương truyền. Tổ sư thiên mặc dù nói truyền tâm ấn, nhưng không phải có truyền, chỉ là trò đã ngộ rồi, thầy ấn chứng cho sự ngộ, gọi là truyền. Tâm khắp mọi nơi, đâu phải vật để truyền? Cũng như nói kiến tánh, đâu phải có cái tánh để kiến?

Hỏi: Người đời thường nói “Tâm tịnh thì Phật độ tịnh”, thế mà Lục Tổ lại nói “Trụ tâm quán tịnh là bệnh, chẳng phải thiên”. Vậy làm thế nào cho tâm được tịnh mà không phải bệnh?

Đáp: Tịnh là trong sạch, bản thể Phật tánh của mình vốn trong sạch chẳng ô nhiễm, tịnh đó đã sẵn, làm sao còn muốn thêm cái tịnh nữa? Ấy là câu bần rồi! Tâm vốn vô hình tướng, một niệm cũng chẳng có, luôn cả cái “chẳng có” cũng không, mới là thật trong sạch của Phật tánh. Nay khi không nổi lên một niệm quán tịnh, có năng quán sở quán, cho năng quán là tâm, sở quán là tịnh, thì sở quán là bụi trần, đã dính dơ cái tịnh rồi. Cho nên, khởi tâm quán tịnh là bệnh, chúng ta chỉ là phát hiện cái tịnh của bản thể, chớ không phải lấy cái tâm làm năng quán, để quán cái tịnh.

PHẦN 13.

Tăng hỏi: Tu đến đâu sào trăm thước, bước qua một bước là kiến tánh. Kiến tánh không còn đối đãi thì sự tu chứng đó ai biết?

Đáp: Nay vì phải dùng lời nói diễn tả, nên nói như thế, đến chỗ chẳng thể dùng lời nói diễn tả thì làm sao có sự tu chứng? Nếu còn tu chứng tức chưa kiến tánh triệt để. Cho nên Phật nói “Thuyết pháp bốn mươi chín năm chưa từng thuyết một chữ”, lại nói “Nếu ai nói Phật có thuyết pháp là người ấy phi báng Phật”.

Hỏi: Nếu không diễn tả được, có thể chỉ ra được không?

Đáp: Bây giờ đem việc trước mắt chứng tỏ: Cái bình này là sở thấy, rồi năng thấy của Sư đâu? Sư có chỉ ra được không? Việc thế gian còn như thế, huống là tự tánh vô hình vô tướng? Tất cả sở thấy sở nghe trước mắt đều là việc trong chiêm bao, có năng sở là tướng bệnh, chúng ta chẳng thể dùng tướng bệnh để trị bệnh. Thế thì làm sao để chứng tỏ cái chẳng bệnh? Chỉ có đi đến chỗ tự ngộ mới được.

Hỏi: Vậy là có chỗ đến rồi?

Đáp: Nếu có chỗ đến là nhị, không có lời nói nào để chặn đứng lại ý thức phân biệt, hễ đuổi theo lời nói thì tận kiếp này sang kiếp khác cũng chẳng dứt. Theo kiến giải của Sư cho là lời nói có nghĩa thật, vậy Phật Thích Ca nói “phàm là lời nói đều chẳng có nghĩa thật” là sai ư?

Hỏi: Lời nói của Phật có nghĩa thật cũng có nghĩa giả; nghĩa giả là có đối đãi, còn nghĩa thật thì không đối đãi. Nếu chẳng có thật có giả, tu để làm gì?

Đáp: Bây giờ sư lại chấp giả là thật giả rồi. Kinh Kim Cang nói “phi thật phi hư” là vì Phật sợ người chấp thật nên nói phi thật, sợ người chấp giả nên nói phi giả. Nói giả là để hiển thật, dùng thật để hiển giả. Sư phải hiểu thấu tứ cú mới không đuổi theo lời nói, nếu cứ muốn dùng lời nói để chấm dứt lời nói, tức dùng bệnh trị bệnh, chỉ khiến tướng bệnh kéo dài, không thể hiện ra tướng mạnh.

Bản thể không phải là thật hay giả, thật và giả là tương đối, Sư đưa ra câu hỏi như thế đã là sai, câu hỏi không đúng thì trả lời cũng không đúng. Còn hỏi về tự tánh thì

không thể diễn tả được, chúng sanh phải tự ngộ tự biết, cho nên, Đức Phật gặp trường hợp này là không trả lời.

Hỏi: *Vậy sao Duy Ma Cật nói “lời nói cũng là giải thoát”?*

Đáp: Lúc Phật mới thành đạo, tự nhốt mình trong phòng hai mươi một ngày, không định ra thuyết pháp, sợ người chấp vào lời nói của Ngài như sự vậy, vì lợi thì ít mà hại thì nhiều. Nhưng nếu không thuyết pháp thì chúng sanh làm sao được giải thoát? Nghĩ rằng quá khứ chư Phật phải dùng phương tiện; chẳng có Tam thừa nói có Tam thừa, chẳng có Phật nói có Phật. Bây giờ nói “chẳng có” cũng không đúng, vì đó là lời nói thế gian. Sự phải hiểu tại sao lia tứ cú? Phải có sự ngộ, ngộ rồi tự biết.

Hỏi: *Có thể dùng âm thanh lời nói để tỏ bày tự tánh không?*

Đáp: Nay sư lại chấp có âm thanh để nghe, gọi là chơn nghe. Kinh Kim Cang nói “Nếu dùng sắc thấy ta, dùng âm thanh cầu ta, là người hành tà đạo, chẳng được thấy Như Lai”. Do đó chẳng thể dùng sắc tướng, âm thanh để kiến tánh, để thấy Như Lai được, vì đó là do lục căn tiếp xúc lục trần, sanh ra lục thức, là bệnh, làm sao tỏ bày?

Có công án về Tu Bồ Đề tinh tọa trong hang, Đế Thích đến tán hoa cúng dường, nói: Tôn giả khéo thuyết Bát nhã.

Tu Bồ Đề nói: Tôi có thuyết đâu!

Đáp: Tôn giả không thuyết, con cũng không nghe; không thuyết là chơn thuyết, không nghe là chơn nghe.

Việc này phải tự ngộ mới được.

Hỏi: *Ngay từ đầu con đã hỏi Thượng tọa “người vượt qua đầu sào trăm thước đó là ai”, rất tiếc Thượng tọa không vượt khỏi?*

Đáp: Tên chẳng phải là thật, thật chẳng phải là tên, nếu dùng tên để tìm thật là sai. Thí dụ chỉ là thí dụ, chẳng thể dùng thí dụ để tỏ cái chơn thật. Nay dùng “Đầu sào trăm thước” để thí dụ cái chơn thật là phải tự ngộ, làm sao có thể dùng thí dụ để vượt khỏi? Hễ có cái có thể phóng qua, vượt khỏi ấy là sai, là nhị.

Lời tôi nói là muốn quý vị chấm dứt sự tìm hiểu, tất cả tinh thần hướng vào câu thoại đầu tham đến kiến tánh, chứ không phải để hiểu theo nghĩa lý cao siêu rồi khoe tài với người khác, chứng tỏ mình có kiến giải cao hơn. Làm sao có kiến giải cao thấp? Làm sao có gì để vượt qua? Làm sao có gì để thí dụ?

Thí dụ, lời nói là bất đắc dĩ, lời nói của chư Phật chư Tổ chỉ là phương tiện tạm thời đối với đương cơ để phá chấp thôi, tìm hiểu về lời nói của Phật còn là chướng ngại cho sự kiến tánh, huống là lời nói của tôi? Khi có bệnh mới cần đến thuốc, nhưng bệnh đã là bệnh giả thì thuốc cũng là thuốc giả, khi hết bệnh thuốc cũng bỏ, đâu cần vượt qua? Nếu không bệnh, đâu cần thuốc? Hễ chấp thuốc cũng thành bệnh vậy! Nên nói “Có bệnh không uống thuốc là ngu si, không có bệnh uống thuốc là điên cuồng”.

Sư phụ kể về ông sư ở Chùa Từ Ân để cảnh sách đại chúng:

Vừa qua, Chùa Từ Ân có một vị sư mới tịch, vị này đã xuất gia hơn ba mươi năm, phát bệnh từ một năm nay, vẫn ăn được, ngủ được, thỉnh thoảng nói chuyện được nhưng không còn biết gì cả, người cũng không biết, đi tiểu đi tiêu cũng không biết. Con người không biết gì đó vẫn còn nằm trên giường, rồi con người biết trước đó đi đâu? Chẳng lẽ một người thành hai, có cái biết cái không biết? Ông sư dù còn sống, nhưng khác gì con heo ăn tại chỗ rồi tiêu tiểu tại chỗ! Người sống với người chết không khác, con người và súc vật cũng không khác.

Đây là một sự cảnh cáo: Chúng ta bây giờ làm con người, chưa đến mức như ông sư đó, phải giải quyết vấn đề chính của mình, trước khi biến thành con heo. Chớ cứ ham cầu cảnh vật bên ngoài, đuổi theo cảnh vật bên ngoài. Người thế gian không biết còn có thể nói, chúng ta là bậc tu sĩ, chính là có trách nhiệm tự giải thoát rồi giải thoát cho chúng sanh, nếu còn chạy theo danh lợi địa vị như người thế gian, sau này xuống địa ngục xong, còn phải đầu thai thành trâu ngựa trả nợ thí chủ.

Thiện tín cúng dường, là muốn chúng ta có đầy đủ thời gian để tu giải thoát, độ chúng sanh, ấy là bổn phận của người tu sĩ, dù kiếp này chưa giải thoát, kiếp sau sẽ tiếp tục. Nay bỏ bổn phận của mình, đi theo học những cái ở ngoài đời, tức hao tiền bố thí của thí chủ, sau này phải trả nợ. Chớ có tưởng là sớm chiều có tụng kinh là đủ trả nợ, nay cứ cho sáng chiều tụng kinh là việc thiện, ấy chỉ được phước quả, còn hư tiêu tín thí là tạo nhân địa ngục, nhân quả chẳng thể bù trừ, đâu thể lấy thiện nhân để trừ ác quả!

Kỳ này, nhân sự tịch của vị sư ở chùa, tôi đem ra cùng cảnh tỉnh với tất cả tu sĩ và cư sĩ tại gia, hãy xem đó như là một lời cảnh cáo đối với chúng ta.

Hỏi: Sau những giờ ngồi hương đĩ hương, khi dùng cơm hoặc sau giờ đó, hành giả tham thiền có thể được trò chuyện nhiều hay không? Phải làm thế nào cho thời gian vào sự tu được nhiều lợi lạc cho tự mình? Cũng như Sư phụ nói phải tha thiết sanh tử của chính mình?

Đáp: Nếu là người chơn tu, tha thiết sự sanh tử của mình thì suốt ngày chỉ lo đề câu thoại đầu tham tới mãi, đâu có thời gian trò chuyện? Không những trong Thiền thất, bất cứ chỗ nào cũng vậy. Chuyện ở ngoài đời, của người này người kia, đâu có dính dáng đến sanh tử của mình? Càng ít nói càng tốt. Theo qui củ của Thiền đường thì suốt ngày chỉ lo tu, đâu có thì giờ đi nói chuyện? Bây giờ đang tập tham, phải bớt dần, chớ để cho người khác phải can thiệp.

Hỏi: Trong Bửu Tạng Luận nói “Ly là dung, Vi là dùng, dung thì bao gồm tất cả cấu bẩn, dùng cho nên diệu dụng vô cùng”. Tự tánh vốn trong sạch, tại sao lại bao gồm tất cả cấu bẩn?

Đáp: Vì chúng sanh có bệnh chấp thật, nên thành có cấu bẩn; do có cấu bẩn, nên nói có sự trong sạch. Nói “trong sạch” là thuốc để trị cấu bẩn, hễ chẳng có cấu bẩn thì trong sạch cũng không, nói “Tự tánh vốn trong sạch” cũng vậy, là đối trị với cấu bẩn. Người đã kiến tánh triệt để thì chẳng có cấu bẩn, cũng chẳng có trong sạch, nên Tâm Kinh nói “bất cấu bất tịnh”, vì đó là đối đãi, là nhị, chứ không phải hết cấu bẩn rồi mới được trong sạch. Nếu hết cấu bẩn rồi còn trong sạch tức còn bệnh.

Nói “Tự tánh vốn trong sạch” là đối trị với cấu bẩn; “tự tánh vốn vô trụ” là đối trị với có sở trụ, “tự tánh bất nhị” là đối trị với sự chấp thật số lượng có hai, ba, đến muôn ngàn, vô số.

Nếu như không có năng sở tương đối thì chẳng có lời nói để nói, tâm suy nghĩ chẳng thể đến, vì chính cái tâm suy nghĩ đã là bệnh. Trong kinh Lăng Nghiêm, Đức Phật phá sự chấp của A Nan cho sự suy nghĩ là tâm.

Tâm suy nghĩ là vọng, chẳng phải chơn tâm, nhưng nay người nào cũng cho cái biết suy nghĩ đó là tâm. Cũng chớ có nghe tôi nói vậy mà chấp sự suy nghĩ chẳng phải tâm, ấy còn sai lầm hơn, vì đều là lọt vào tứ cú, lọt vào tương đối. Nay muốn đến chỗ “chẳng lọt vào tứ cú tương đối”, phải tự ngộ, ngoài ra dẫu cho sự chứng ngộ chẳng thể đến được, cũng như muốn no phải tự ăn, chẳng thể nhờ người khác ăn no giùm.

Hỏi: Lục Tổ nói “ly đạo biệt mịch đạo, chung thân bất kiến đạo, ba ba độ nhưt sanh, đảo đầu huờn tự nã”, vậy thế nào là ly đạo và nhập đạo?

Đáp: Tham Tổ sư thiên thì Tổ sư thiên là đạo, nay đã biết cách tham, cứ đề câu thoại đầu khởi lên nghi tình, tức đã hành đạo rồi, nếu còn đi tìm hiểu đạo là ly đạo, cho đến tìm hiểu câu thoại đầu cũng là ly đạo, vậy thì suốt đời chẳng thấy đạo.

Hỏi: Chữ ĐẠO đây có phải biệt danh của tự tánh không?

Đáp: Nghĩa chữ "Đạo" rất rộng, có nghĩa là đường đi, đường lối, như người tu hành gọi là "hành đạo", nói là biệt danh của tự tánh cũng được, vì tự tánh bất nhị, tất cả đều thuộc về sự dụng của tự tánh. Nhưng vì tâm chúng sanh hay chấp thật, nên có muôn ngàn sai biệt.

Hỏi: Tổ Sư nào sáng lập ra chín chữ "Vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ"?

Đáp: Nói là Tổ Sư sáng lập ra thì không bằng nói là chư Phật, vì pháp môn Tổ sư thiên là do Phật Thích Ca thân truyền, còn pháp môn khác là do Tổ Sư sáng lập. Kinh Duy Ma Cật nói "Nếu cầu pháp là phải vô sở cầu", kinh Kim Cang nói "Tâm quá khứ bất khả đắc, tâm hiện tại bất khả đắc, tâm vị lai bất khả đắc", tức vô sở đắc; kinh Phổ Môn nói "thí cho chúng sanh vô úy", vô úy tức vô sở sợ.

Hỏi: Làm thế nào dứt được chữ "ái" của thế gian để giải thoát?

Đáp: Hành giả tham thiên, ai cũng nói là thống thiết vì sanh tử, không tham cầu danh vọng thế gian, cũng quên mình được, nhưng chẳng thể quên con cái gia đình. Thấy con cái không vui đã lo rồi, thấy con không muốn ăn đã lo rồi. Vậy làm sao nói là thống thiết vì sanh tử? Sự thật thì việc này rất khó bỏ, mà có ý bỏ cũng không được, cứ đề câu thoại đầu tham tới mãi, ngoài ra không biết tới.

Hỏi: Tại sao trong Bửu Tạng Luận nói "quyền trí và thật trí đều là tà"?

Đáp: Tất cả lời nói chỉ là phương tiện tạm thời, nói "quyền trí và thật trí" chỉ muốn giải thích cho chúng sanh biết đề thêm lòng tin, hề chấp thật có quyền trí hay thật trí thì thành tà. Tất cả lời nói của Phật đều là phá chấp thật, do đó tôi thường bảo là phải chấm dứt sự tìm hiểu, sở dĩ tôi cho ra các sách chỉ là tăng cường lòng tin cho mọi người. Nếu lòng tin đầy đủ đối với tự tánh của mình bằng như chư Phật, thì đâu cần tìm hiểu gì nữa? Có bệnh mới cần thuốc, lòng tin đã vững chắc rồi đâu cần xem sách làm gì!

Hỏi: Thế nào là đủ duyên không hành là bệnh, và không đủ duyên mà hành cũng là bệnh?

Đáp: Đã nói "Tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên", đối với tất cả vạn sự vạn vật đều không dính mắc, chỉ là duyên đến thì làm, duyên đi thì thôi. Chẳng cho là "cần phải làm" hay "không cần phải làm", lúc làm chẳng biết là mình làm, lúc không gặp duyên thì không làm, cũng chẳng biết là không có làm, tức vô sở trụ. Nếu chấp có cái cần và cái không cần làm là có tác ý, có sở trụ, chẳng phải tùy duyên.

*** Lời cảnh sách Ni chúng Chùa Thiền Đức:**

Hôm nay tôi đến đây là để giải đáp thắc mắc, cũng vì muốn mọi người tin tự tâm. Các cô không ai đề xuất câu hỏi, tức tin tự tâm đầy đủ, hề không có hỏi thì không có đáp. Tất cả kinh Đại thừa liễu nghĩa đều do vấn đáp mà thành kinh.

Nếu tin tự tâm đầy đủ thì tâm mình và tâm Phật chẳng khác, chẳng thua kém thiếu sót chút nào. Nhưng sự dụng của chư Phật được tận dụng, còn chúng ta do bị vọng tâm che khuất, chưa được phát huy, chỉ có thể gọi là tiềm năng.

Các cô nếu thật tin tự tâm thì tôi mừng cho, nếu không, cũng như đa số các chùa khác, không chú trọng phần thực hành, chỉ muốn học rộng nghe nhiều, chẳng những không

tin tự tâm, còn e sợ bị người chê là học ít, ngoài kinh sách ra, cố học thêm của xã hội bên ngoài. Trong kinh Lăng Nghiêm, Phật quả A Nan là “Người chỉ học rộng nghe nhiều, ghi nhớ nhiều kiếp, không bằng một ngày tu đạo”. Đa số như vậy nay đã trở thành truyền thống, chỉ hướng về sự học chứ không chú trọng sự tu, còn chê cười người chơn tu là dốt nát không chịu học.

Lại, học kinh chưa hiểu ý kinh, học giới luật cũng không biết giới luật, chỉ hướng ngoại tìm cầu, để người đời cho là có trí thức, chẳng phải dốt nát, mà chẳng biết bậc tu sĩ xuất gia phải có bốn phạm tự giác giác tha.

Thật ra, trong hành giả tham thiền hiện nay, nhiều người không học kinh điển mà thông suốt giáo lý, không học giới luật lại thấu hiểu giới luật, vì thực tế có hành có tu, tự tánh vốn bằng chư Phật, đâu phải lấy từ bên ngoài!

Do không tin chính mình nên tìm kiếm bên ngoài, tìm trong kinh điển. Chính ở trong kinh Lăng Nghiêm, Phật nói “Phàm là lời nói đều chẳng có nghĩa thật”, kinh Lăng Già nói “lời nói của ta cũng là vọng tưởng”, “Chẳng có Phật Niết bàn, chẳng có Niết bàn Phật”, vậy thì đi đâu tìm? Kỳ thật, chư Phật chư Tổ là muốn chúng ta tự ngộ bản tâm bằng như chư Phật, nếu tìm ở ngoài thì càng xa với Phật.

Bài kệ trong kinh Hoa Nghiêm:

Nhược nhơn dục liễu tri,
Tam thể nhất thiết Phật,
Ứng quán Pháp giới tánh,
Nhất thiết duy tâm tạo.

Bài kệ nhật tụng này ai cũng biết, mỗi ngày tụng ít nhất một lần, biết là "nhất thiết duy tâm tạo", nhưng không tin. Tụng kinh mà không tin kinh, vậy tụng để làm gì?

Nếu như không tin tự tâm, chớ nói là không có tu, dẫu cho siêng năng tu tập, cũng chẳng thể kiến tánh thành Phật. Tất cả kinh Đại thừa liễu nghĩa đều nói là phải phá ngã chấp, chấm dứt sự tìm cầu bên ngoài để được chứng ngộ tự tâm. Lời của Phật ghi trong kinh, là muốn chúng ta tụng để hiểu ý, sau đó y theo thực hành. Nếu chỉ tụng suông, có khác gì con kít học nói tiếng người? Có ý nghĩa gì? Chớ nói là hư tiêu tín thí, tạo tội địa ngục, dù cho không hư tiêu tín thí, đâu có lợi ích gì?

Theo sự yết ma của Phật là mỗi nửa tháng phải Bồ tát. Nay sự bồ tát vẫn duy trì, nhưng nghĩa Bồ tát đã không còn, chỉ là tụng giới mà thôi. Bồ tát gồm: Tụng giới, truyền giới, tự kiểm điểm. Vào thời Phật, ngoài việc tụng giới, chủ yếu là phải tự kiểm thảo, còn truyền giới thì bao gồm giới Sa di, giới Thức Xoa, giới Tỷ Kheo v.v. vì nghĩa "Bồ tát" rất rộng, nên giữ nguyên từ này không có dịch ra.

Cho nên tôi nói, học kinh thì không hiểu kinh, học giới thì không biết giới luật, phải ủng công không? Tôi là người không có học qua kinh điển giáo lý, nhất là thuyết pháp bằng tiếng Việt, lúc đầu tôi nói, văn phạm, danh từ cũng không có, nói không đúng chính tả, nói ra là người ta cười. Bất cứ ai hỏi pháp, tôi đều trả lời không qua suy nghĩ. Nếu tôi học theo giáo lý, là tôi không thể thông suốt kinh điển được. Mặc dù tôi nói như thế, nhưng nhiều người vẫn không tin, cứ cho không học là dốt nát, mà chẳng biết trong lịch sử Thiên tông, nhiều vị Tổ Sư đều là người dốt nát, như Lục Tổ là người không có học, không biết đến một chữ, khi kiến tánh rồi ra hoàng pháp, nói giáo lý nào cũng thông suốt. Sở dĩ dốt nát là vì không có sự chơn tu, do đó, tôi thường khuyến mọi người phải tin tự tâm.

Hỏi: *Biết như thế nào là chơn chánh? Và thế nào là vọng tưởng?*

Đáp: Do lục căn bao gồm kiến văn giác tri, nay nhiều người học giáo lý hay chấp vào sự tri và bất tri. Đức Phật giải thích trong quyển hai của kinh Lăng Nghiêm “Kiến văn giác tri là bệnh đã thành từ vô thủy”, xong có một đoạn lại nói “Kiến văn giác tri vốn là Như Lai Tạng”. Vậy làm thế nào phân biệt kiến văn giác tri nào là bệnh, kiến văn giác tri nào là tự tánh?

Bản tri của tự tánh vốn không sanh diệt, còn vọng tri là có sanh diệt, chẳng những tri là vọng, bất tri cũng là vọng. Tại sao? Vì có sanh diệt, lúc biết là sanh, lúc không biết là diệt, ấy là nhị, là tương đối, là bệnh đã thành từ vô thủy. Bản tri không sanh diệt, nên không nói là biết hay không biết.

Một trong mười Phật hiệu là Chánh Biến Tri, sao gọi Chánh Biến Tri? Chánh là đúng với thật tế, Biến là phổ biến khắp nơi, khắp không gian thời gian: Khắp không gian thì chẳng có chỗ biết chỗ không biết, khắp thời gian thì chẳng có sự bắt đầu và cuối cùng, tức không sanh diệt đối đãi, ấy mới là cái tri của tự tánh, khác hơn cái tri của vọng.

Việc này phải tự ngộ mới được, chẳng thể dùng lời nói tỏ bày, nên gọi sự giác ngộ này là "Vô Thượng Giác" do chẳng có gì cao hơn, là "Diệu Giác" vì bất khả tư nghì.

Hỏi: *Làm sao phân biệt chánh tông và tà tông?*

Đáp: Chấp thật là tà, phá chấp thật là chánh; nay vì muốn phân biệt tà chánh, nói “không đúng cái chánh gọi là tà”, thật ra, nếu nói triệt để thì chánh cũng không còn. Trong phần phụ lục của Yếu Chỉ Kinh Pháp Hoa có ghi chú về vấn đề này. Lại, trong kinh Pháp Bảo Đàn có nói đến 62 kiến chấp, tất cả tư tưởng thế gian và ngoại đạo đều không ra ngoài 62 kiến chấp. 62 kiến chấp lấy gì làm gốc? Là Có với Không.

Tứ cú x ngũ uẩn = 20 x quá khứ, hiện tại, vị lai = 60 + Có + Không = 62 kiến chấp.

Bất cứ chấp có là thật có, chấp không là thật không v.v. đều là tà tông, bất cứ kiến lập tri kiến nào đều là tà tông. Ví như nói “Tri kiến Phật”: phá hết tất cả tri kiến, gọi là tri kiến Phật, hễ chấp thật có tri kiến Phật thì tri kiến đó cũng gọi là tà tông.

Đối với tất cả pháp đều chẳng dính dáng, luôn cả cái “không dính dáng” đó cũng không còn, mới là đúng với tự tánh, chỗ này lời nói, suy nghĩ chẳng thể đến được, cần phải tự chứng ngộ. Nếu dùng ý thức suy lường, đều là lọt vào tà tông.

Cho nên, Lục Tổ nói “Nay ta gượng nói ra, khiến người bỏ tà kiến, chớ chấp theo lời nói, mới cho biết ít phần”. Hễ hiểu theo lời nói của Ngài cũng là tà tông.

Hỏi: *Trong kinh Viên Giác nói “Chúng sanh bản lai là Phật, chỉ vì vọng tưởng điên đảo nên trở thành chúng sanh”, phải vậy không?*

Đáp: Hễ chúng sanh vốn là Phật thì không thể trở thành chúng sanh, hễ chúng sanh vốn là chúng sanh thì tu thế nào cũng chẳng thể thành Phật. Nói “vốn là Phật” cũng không đúng, nói “vốn là chúng sanh” cũng không đúng, tự tánh vốn vô hình tướng, không thể nói được.

Bây giờ nói theo việc thế gian: Hãy nhìn cây dừa kia; một người thì chấp rằng “cây dừa có trước”, người kia lại cho rằng “trái dừa có trước”, vậy ai đúng ai sai? Ông thử nghĩ xem!

Hỏi: *Nếu nói như thế là vô cùng tận, nhưng vì con nghĩ luận cứ trong đó có phần không đồng nhất?*

Đáp: Hễ chấp thật thì nhất định phải có cái trước cái sau, cây dừa khác hơn trái dừa. Cái nào trước, cái nào sau? Cả hai đều không đúng, vì do chấp thật, nên nói hễ chấp

thật là tà tông. việc thế gian còn như thế, hướng là việc xuất thế gian? Vì chấp Phật là thật, nên nói “vốn là Phật”, chấp chúng sanh là thật, nên nói “vốn là chúng sanh”; có chấp thật nên mới có sự mê ngộ, nói mê là chúng sanh, ngộ là Phật. Chấp về bên nào cũng không đúng, còn nằm trong tương đối.

Hỏi: Vừa tham thiền vừa đi cúng dường có đúng với chánh pháp không?

Đáp: Phật pháp thường trụ tại thế gian gồm tứ chúng: Tỳ kheo, Tỳ kheo ni là chúng xuất gia; Ưu bà tắc, Ưu bà di là chúng tại gia. Bậc tại gia có bốn phận cúng dường bậc xuất gia, bậc xuất gia phải có bốn phận tu giải thoát, tự giác tha để giải thoát cho bậc tại gia. Nếu bỏ bốn phận thì Phật pháp không thành.

Nay người tu pháp môn Tổ Sư Thiền, chỉ đề câu thoại đầu khởi lên nghi tình, ấy là việc chánh, còn sự cúng dường chỉ là việc phụ. Nay chỉ lo cho việc chánh, còn sự cúng dường, luôn cả việc đời sống. Ấy là việc phụ, muốn cúng dường còn phải tùy theo sức mình, tùy thuộc vào điều kiện đời sống.

Việc chánh là bất cứ lúc nào, nơi nào, đều phải đề câu thoại đầu tham tới mãi, còn việc phụ thì tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên, hễ gặp thì làm, làm xong quên luôn, khỏi cần tính toán, khỏi cần ghi nhớ trong tâm, ấy là chương ngại.

Hỏi: Lục Tổ nói “Đối trước cảnh thiện ác, tâm niệm chẳng khởi là tọa, trong thấy tự tánh bất động là thiền”. Vậy đối với hành giả tham thiền, thế nào là niệm khởi và niệm chẳng khởi?

Đáp: Kinh Lăng Nghiêm nói “vô minh bắt đầu bởi giác minh thành lỗi lầm”. Bản giác tức tự tánh, vốn chẳng phải minh hay vô minh, hễ chấp vào cái minh thì phải có sở minh, rồi có năng minh. Minh là biết, kinh nói “Chữ Biết là cửa của tất cả tai họa”, hễ biết được một niệm khởi tức có sanh, là vọng; biết cái “không khởi” cũng là sanh. Do có biết tức có năng sở, là sanh; biết sanh cũng là sanh, biết “vô sanh” cũng là sanh, nên chư Tổ nói là “cửa tai họa để chụ khổ luân hồi”.

Nay tham thiền là nhìn ngay chỗ một niệm chưa sanh, chỗ đó chẳng phải sự biết hay không biết, cần phải tự ngộ, chẳng thể nói được, vì hễ nói là qua suy nghĩ.

Bất cứ chấp vào lời nói nào của Phật, của Tổ đều là bệnh, như bài *Duy Tâm Quyết* của ngài Vĩnh Minh trong phần phụ lục của *Bửu Tạng Luận*, nói đến 120 điều tà tông kiến giải, đều là chấp vào lời của Phật, của Tổ thành tà tông. Cho nên, Lục Tổ nói “Nay ta gương nói ra, khiến người bỏ tà kiến, chớ chấp theo lời nói, mới cho biết ít phần”, hễ chấp là sai.

Hỏi: Hành giả tham thiền nên đối phó với ngoại cảnh như thế nào để đi đúng tông chỉ?

Đáp: Nhân duyên đến thì đối phó, nhân duyên qua là quên luôn, Giáo môn gọi là “bất biến tùy duyên”, nhưng không có sự tác ý ở trong đó. Tức từ cửa lục căn tiếp xúc lục trần, không qua suy nghĩ sắp đặt trước như người thế gian. Hễ có sở đắc, có sở cầu, có sở sợ là nhiễm trước, không có sở cầu sở đắc là vô niệm. Vô niệm chứ chẳng phải dứt niệm, vì tự tánh vốn như thế.

Hỏi: Vô niệm của niệm Phật và vô niệm của tham thiền có đồng nghĩa không?

Đáp: Khác nhau. Vô niệm của niệm Phật không có nghi tình, không có nhân để ngộ, tham thiền là nuôi cái nhân khai ngộ. Vô niệm của niệm Phật gần như dứt niệm, ấy là chấp vào một bên, chẳng phải bản thể của vô trụ. Bản thể vô trụ thì niệm hay vô niệm chẳng dính dáng.

Hỏi: Kiến tánh đến Mạt hậu Lao quan có thần thông không?

Đáp: Có một câu chuyện như vậy:

Một vị tăng phá được Trùng quan rồi, người thầy hỏi: Ban ngày ồn ào như thế, làm chủ được không?

Đáp: Được.

Hỏi: Ban đêm ngủ mê làm chủ được không?

Đáp: Được.

Hỏi: Lúc chiêm bao làm chủ được không?

Đáp: Được.

Hỏi: Lúc không chiêm bao cũng không suy nghĩ, chủ ở đâu?

Vị tăng trả lời không được.

Thầy nói: Về sau chớ học thêm gì nữa, cứ đói thì ăn, mệt thì ngủ, nhưng khi thức dậy phải tự hỏi “Nãy giờ đang ngủ, không suy nghĩ gì cả, chủ ở đâu?”

Tham như thế trải qua 5 năm, một hôm đang ngủ, người bên cạnh đánh rơi chiếc gối phát ra tiếng, khiến ngộ triệt đề, mới đến Mạt hậu Lao quan.

Hỏi: Tại sao Tổ Bác Sơn nói “Tham thiền sợ nhất sự thông minh lanh lợi”?

Đáp: Sự thông minh lanh lợi của người thế gian, trong phật pháp gọi là trúng độc si nặng hơn người thật thà. Vì người thế gian dùng sự thông minh lanh lợi để tạo thêm ác nghiệp, sau này phải chịu ác báo. Lại, người thông minh ham ghi nhớ, học nhiều hiểu nhiều, chính sự ghi nhớ phân biệt ấy, tổ Đạt Ma nói là "việc bên chảo dầu sôi, lò lửa than". Người tham thiền khởi lên nghi tình, tất cả đều không biết, như người khờ ngốc, thế gian chê cười, nhưng trong phật pháp lại là trí huệ, dễ tiến bộ hơn.

Hỏi: Hành giả tham thiền nên đối xử với mọi người như thế nào?

Đáp: Pháp An Tâm của Tổ Đạt Ma nói “Ghi nhớ phân biệt là việc bên chảo dầu sôi, lò lửa than”, ghi nhớ phân biệt là thức, không ghi nhớ phân biệt là trí. Hành giả tham thiền phải chuyển thức thành trí, không còn phân biệt nữa, mới là giải thoát, mới là tự tánh hiện.

Nay nói đến vấn đề này, tất cả nam là cha, nữ là mẹ, thật ra là thay phiên nhau làm cha mẹ, thay phiên nhau làm con cái; người nào cũng từng là cha mẹ của mình, là con cái của mình và ngược lại. Thay phiên lẫn nhau, không một người riêng biệt độc lập, nên gọi là Tứ ơn: Ôn Phật, ơn cha mẹ, ơn sư trưởng, ơn chúng sanh, mà ơn chúng sanh là bao gồm tất cả trong đó. Nay muốn báo ơn, phải tham đến kiến tánh, tự giác giác tha, thì tứ ơn đền đáp đủ.

Hỏi: Sự trì giới của Hoàng Nhất luật sư như thế nào?

Đáp: Về vấn đề giới luật, nhiều người dù mỗi nửa tháng tụng giới, theo giới luật hành trì, nhưng thường sai phạm mà không hay. Trì giới được trong sạch gọi là tịnh giới. Thời gần đây, người trì giới được trong sạch nhất là Hoàng Nhất luật sư, Ngài tu theo pháp môn Tịnh Độ, thâm tâm niệm Phật, phật tử gởi giấy cho Chùa để ghi chép những lời dạy của Phật, của Tổ, ghi chép xong, số giấy thừa mặc dù còn rất ít, Ngài phải viết thư báo cho phật tử biết còn dư bao nhiêu, muốn sử dụng như thế nào, hoặc muốn gửi trở lại. Phật tử trả lời là cúng dường cho Ngài, Ngài mới dám sử dụng. Khi

gợi tiền kèm trong thư từ, Ngài cũng không chịu, cho việc làm như thế là trộm cắp, trộm cắp cước phí của bưu điện.

Ngài giữ giới trong sạch như thế cũng chỉ nói là giữ ngũ giới trong sạch mà thôi, chứ không dám nói là giữ được giới Sa Di, nên biết sự giữ giới rất khó và vi tế.

Hỏi: Chẳng cùng với vạn pháp làm bạn là người gì?

Đáp: Câu hỏi này cũng như các câu “Thế nào là Phật?”, “Thế nào là ý của Tổ từ Tây Trúc sang?”... Dòng chảy ý thức ngày đêm hoạt động, làm che khuất tướng mạnh, với những câu hỏi như thế, Tổ Sư thường trả lời là “cục cứt khô”, “ba cân mè”. Lời của Tổ trả lời đều không lọt vào ý thức, tâm suy lường chẳng thể đến, thành linh cắt đứt đường đi ý thức, khiến tự tánh hiện ra là ngộ. Hễ chậm trễ một tích tất liền lọt vào suy nghĩ phân biệt, nên không ngộ được.

Như Thiền sư Hoài Nhượng đến tham vấn Lục Tổ, Tổ hỏi “vật gì đến như thế?” sư trả lời không được, khởi nghi trải qua tám năm sau mới kiến tánh.

Lời của chư Phật chư Tổ, ý không ở trong lời nói, nếu người nghe lĩnh hội ngay câu đó là không có cơ hội được ngộ, gọi là “hướng cử khởi xứ thừa đương”, là hiểu theo ý thức, tự cho là thông minh lanh lợi, chẳng biết đã nghịch với tông chỉ Thiền tông.

Ngay nơi lời của Tổ, hễ ngộ là ngộ liền, nếu không thì phát nghi, từ nghi đến ngộ.

Lời nói dù muôn ngàn sai biệt, nhưng ý chẳng có khác, hễ pháp vô sanh thì làm sao sanh ra dù thứ lời nói, trăm điều lý lẽ, pháp đúng hay sai, mê hay ngộ? Nay không nên hướng vào lời của Phật của Tổ mà hiểu, nếu chấp vào đó cho là thật, tức thành tà tông kiến giải.

Tăng hỏi: Lời nói thiền rất quan trọng, nếu không khéo trả lời thì phụ lòng người hỏi. Vậy hôm nay con xin Hòa thượng cho một chuyển ngữ “Thế nào là tất cả ngôn ngữ đều chẳng có nghĩa thật?”

Đáp: Trước hết, Sư nói về “nghiên cứu” đã nghịch với Tổ Sư Thiền, Tổ sư thiền chỉ cho thực hành, không cho nghiên cứu, ấy là sai. Lại, về vấn đề đáp. Tại có bệnh mới có cái hỏi, mà ấy cũng là bệnh giả, đáp là thuốc, cũng là thuốc giả. Phật Thích Ca có bốn thứ đáp, và một trong bốn thứ đáp là không trả lời, gọi là trí đáp.

Hỏi: Vậy Hòa Thượng có thể lia bốn câu đáp đó, cho một lời nói vô vị không?

Đáp: Tại sao lại muốn đáp? Tại sao muốn lia và không lia? Trong kinh Lăng Già, Đức Phật trả lời mười mấy câu hỏi của ngoại đạo, chỉ bằng một câu thôi.

Ví như ngoại đạo hỏi: tại sao có trời đất vũ trụ?

Phật nói: Đó là thế luận thứ nhất.

Hỏi: Phật có trước hay pháp có trước?

Phật nói: Đó là thế luận thứ hai..

Vì các câu hỏi đều không đúng, chỉ là thế luận của ngoại đạo mà thôi.

Hỏi: Con thấy dù là ngoại đạo hay chánh đạo cũng có thể tham thiền được?

Đáp: Phải, nhưng tham thiền phải đúng theo tông chỉ Tổ Sư Thiền, mà khởi tâm của Sư đã nghịch với Tổ sư thiền rồi, do tâm chấp quá nặng, nên không thích hợp tham Tổ Sư Thiền. Nhiều người muốn khoe tài về sự hiểu biết của mình, thắng được người này người kia, hoặc cho rằng “câu hỏi của tôi đã khiến các vị Hòa thượng Tôn túc trả lời không được”, như thế là tu theo ngã chấp, nên Đức Phật không trả lời.

Phật pháp không phải để tranh luận, để so sánh cao thấp, vì tất cả đều nằm trong đối đãi, hễ pháp sư nào chỉ giảng được hai câu là phải đọa địa ngục, mà pháp sư giảng thấu ba câu, người nghe không thấu qua được, lỗi tại người nghe chứ chẳng tại pháp sư. Chánh pháp là không tranh cãi, Lục Tổ nói “Chẳng đồng với chánh kiến, chấp tay khiến hoan hỷ”, chỉ có vậy thôi.

Tổ Sư dùng các thủ đoạn chỉ là phương tiện tạm thời để phá chấp đối với đương cơ, không qua sự tác ý, đâu phải lời nói ra có sự nhất định và chơn lý? Nay sư đọc qua các công án, bắt chước thủ đoạn của Tổ, ấy là đọa địa ngục, vì chưa đến được chỗ đó mà muốn ăn cắp của người ta để sử dụng, kinh Kim Cang nói là "Dùng âm thanh cầu ngã, là người hành tà đạo, chẳng thể thấy Như Lai".

*** Khai thị cô Diệu Thuật đang bệnh nặng:**

- Cô đã xem cuốn Tâm Kinh Lược Giải, biết sanh tử không có thật, cho nên, không cần cầu hết bệnh, có cầu ắt phải khổ, ảnh hưởng sự tham thiền. Muốn chấm dứt cái cầu, phải sẵn sàng khi nào chết cũng được, như vậy tâm mới được nhẹ nhàng. Vô sở sợ thì thân tâm thanh thản, nếu nghiệp mình nhẹ, bệnh sẽ mau hết, nếu có nghiệp nhân thì tùy nghiệp thôi, hễ chết giờ phút nào cũng được, không cần lo sợ, buông cả đầu óc, buông cả thân tâm, cũng như người tập bơi lội, buông nhẹ thân tâm thì tự nhiên không bị chìm.

- Có hai điều: Một là tin tự tâm sẵn đủ năng lực thần thông trí huệ, bằng như Phật Thích Ca, chẳng kém chút nào; hai là khởi lên nghi tình tham tới mãi, dùng cái không biết chấm dứt tất cả biết, chỉ một đồng hăm sâu đen tối, ngoài ra không biết tới cái khác.

PHẦN 14.

Hỏi: Hành giả tham thiền có cần trường chay và cấm dục hủn không?

Đáp: Tổ sư thiền là chánh pháp, không lọt vào tương đối, nói cần và không cần là tương đối, không dính líu đến vấn đề cần hay không cần, công phu của mình đến mức tự đưa đến chỗ đó.

Hỏi: Để hàng phục vọng tâm, có thể dùng câu thoại đầu, câu niệm Phật hoặc câu chú để cho an tâm không?

Đáp: An cái tâm đó được, nhưng làm như thế cũng như lấy đá đè cỏ, không có triệt để, cỏ không chết được, hễ dời cục đá đi cỏ lại mọc tiếp, hoặc lâu ngày rồi cỏ cũng có thể xuyên qua kẽ đá sinh trưởng tiếp. Còn tham câu thoại đầu ví như nhổ tận gốc, không bao giờ mọc trở lại. Nay sự thật chứng tỏ, nhiều người dùng câu "Nam mô A Di Đà Phật" để đè nén, nhất là phái khất sĩ sơn lâm, một mình tu trong núi rừng, dùng câu niệm Phật hay trì chú đè nén vọng tưởng, lúc đầu cảm thấy thanh thanh tịnh tịnh, do không phá ngã chấp, tham sân si còn nguyên, đè nén lâu ngày kèm chế không được, sẽ xảy ra ba hiện tượng:

Một là phá giới, hai là ói máu, ba là phát điên. Vì không tu đúng chánh pháp, chỉ lấy bản hiệu Phật pháp, tu theo ngoại đạo, khiến người đời không biết, phỉ báng Phật pháp, tạo tội địa ngục.

Hỏi: Sư phụ nói đa số hành giả tham thiền tu không đúng tông chỉ, vậy tu thế nào mới đúng tông chỉ?

Đáp: Tổ sư dạy người phải lìa tâm ý thức tham, bây giờ chúng ta còn đang học tham, phải dùng tâm ý thức mới tham được, một ngày kia đến đầu sào trăm thước, tiến lên

một bước, lúc đó mới chon thật lia tâm ý thức, sát na lia tâm ý thức đó gọi là kiến tánh.

Nay dùng tâm ý thức tham như thế nào? Chỉ dùng tâm ý thức đề câu thoại đầu khởi lên nghi tình. Nhiều người nói tham thoại đầu cũng là có năng sở, vì có ta năng tham, và câu thoại là sở tham, ấy là không hiểu nghĩa hai chữ "thoại đầu", cho câu thoại là thoại đầu, ấy là sai. Ngài Hư Vân giải thích "Khi chưa khởi niệm muốn nói mới là thoại đầu, đã khởi niệm rồi, mặc dù chưa nói ra, đã là thoại vĩ".

Câu thoại đầu chỉ là tạm mượn để khởi lên nghi tình mà thôi, khi công phu đến thoại đầu thì câu thoại tự mất. Do đó, tham thiền không cho tìm hiểu câu thoại đầu, nếu dùng ý thức tìm hiểu tức có năng sở, là sai tông chỉ, vì chậm trễ một chút đã qua suy nghĩ rồi.

Cho nên, khi đề khởi câu thoại đầu, ở giữa câu hỏi lần thứ nhất và lần thứ nhì không có kẽ hở, liên tục như thế cho đến khi kiến tánh, hễ có kẽ hở là vọng tưởng nổi lên, không kẽ hở thì tham sân si dựa vào đâu mà khởi? Nên nói không cho nổi ý tìm hiểu bất cứ điều gì.

Do tập khí con người ham tìm hiểu, ra ngoài đường thấy đám đông tụ họp, cũng muốn dừng lại xem là chuyện gì. Các vị tu sĩ học từ sơ đẳng đến Cao đẳng, đều là tìm hiểu bên ngoài, còn Tổ sư thiền thì chẳng phải vậy, những gì đã học được, đã biết được, kể cả đã ngộ được, đều phải cạo ra đem quăng xuống biển, luôn cả cái biết quăng đó cũng quăng luôn.

Như ngài Lai Quả nói "Các người đem những kinh Pháp Hoa, kinh Hoa Nghiêm chứa đầy bụng đó, phải cạo sạch hết, luôn cả cái bụng chứa cũng phải quăng luôn, mới được triệt để". Nếu còn cái bụng, dù nay đã cạo sạch, nhưng sau này cũng sẽ chứa đầy trở lại, nên phải quăng bỏ luôn.

Biết và không biết do nơi tâm, bây giờ dùng cái không biết để chấm dứt tất cả tìm hiểu biết, tùy duyên biết, cuối cùng luôn cả cái không biết cũng phải sạch hết, thì làm sao có năng biết sở biết? Tâm đã quên rồi, biết và không biết dựa vào đâu? Hễ một niệm chẳng sanh thì lấy gì làm năng sở?

Còn nói về chín chữ "vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ", nếu lòng tin tự tâm đã đầy đủ 100% thì có thể làm được chín chữ này.

Hỏi: Tại sao nổi lên lòng từ bi là vọng?

Đáp: Đức Phật là có lòng đại từ đại bi, phật tử người nào cũng muốn noi theo lòng từ bi của Phật. Thế thì tại sao nói "nổi lên lòng từ bi là vọng"? Vì bây giờ chúng ta chuyên chú về tham thoại đầu, muốn giữ nghi tình, nuôi nghi tình cho mạnh để đạt đến ngộ, ngộ tức thành Phật, tham thiền chỉ e mình không ngộ, đừng sợ ngộ rồi không có lòng đại từ đại bi để độ chúng sanh. Nay trong lúc tham, hễ nổi lên một niệm từ bi tức có kẽ hở, có tác ý, có năng sở, chẳng phải vô duyên từ, đồng thể bi, không đối đãi của Phật.

Chư Phật là không có ta làm từ bi, chúng sanh nhận sự từ bi, nên kinh Kim Cang nói "Độ hết tất cả chúng sanh mà chẳng có một chúng sanh để độ", tức chẳng có năng độ và sở độ. Chẳng phải là không độ, chỉ là không qua sự tác ý, không có ta năng độ, là chúng sanh tự tánh tự độ, ai ăn nấy no.

Hỏi: Tự tánh vô hình tướng, tại sao nhiều tên gọi?

Đáp: Đáng lẽ tâm không có tên gọi, vì muốn diễn tả, nên đặt tên là Tâm. Tâm chẳng bản thể hình tướng, nhưng vì sự dụng của tâm vô lượng vô biên, nên tùy dụng lập

danh: Vì không có sanh diệt, nên gọi là Niết bàn; vì trí huệ dùng ra không qua tác ý, nên gọi là Bát nhã; vì khắp không gian thời gian, chẳng có khứ lai, nên gọi là Như lai; vì sự thấy nghe trước mắt không đúng với thực tế, còn bản thể của chơn tâm thì luôn chơn thật đúng như thực tế, nên gọi là Chơn như. Nói tóm lại, tất cả tên gọi đều là dụng của tự tánh, tên dù muôn ngàn sai biệt, bản thể vốn chẳng khác.

Hỏi: Thiên thất và Phật thất có khác nhau không?

Đáp: Hôm nay Thiên thất và Phật thất tổ chức chung, tức người tham thoại đầu cũng tham trong bụng, người niệm Phật cũng niệm trong bụng. Người tham thiên thì lúc ngồi cũng tham, lúc đi cũng tham, người niệm Phật lúc ngồi cũng niệm Phật, lúc đi cũng niệm Phật, chẳng chướng ngại nhau.

Sở dĩ có chướng ngại là do tự tâm khởi chấp, nhất là chấp ngã, mới sanh ra sự so đo chống đối nhau. Tất cả pháp môn đều ở trong Phật pháp, chẳng có hơn kém, chỉ là cảm thấy pháp môn nào thích hợp với mình thì chọn pháp môn đó để tu.

Chữ Tăng nghĩa là hòa hợp chúng, chúng phải hòa hợp mới gọi là Tăng, chẳng những ở chung một chùa phải hòa hợp, cho đến cả thế giới đều phải hòa hợp. Trong Tam bảo, Tăng Bảo quan trọng nhất, nếu không có Tăng Bảo trực tiếp truyền thừa sự giáo hóa thì Tam bảo phải tiêu diệt nơi thế gian, vì không có người thực hành. Cho nên, nếu không hòa hợp thì chẳng thể thành Tăng.

Theo pháp Yết Ma của Phật, bất cứ công việc gì đều phải 100% thông qua Yết ma, hễ trong đó có một người không đồng ý thì sự yết ma đó cũng không thành tựu.

Nhưng từ xưa nay, trong Phật giáo không thực hành pháp Yết Ma của Phật, mà chỉ thực hành phần truyền giới mà thôi. Pháp Yết ma dịch là "tác trì", còn nay chúng ta giữ giới luật gọi là "chỉ trì", tức có làm là phạm.

Phật giáo hiện nay ngày càng suy sụp, là vì không có phá ngã chấp. Đáng lẽ đã phát tâm xuất gia, phải tu theo chánh pháp, phải phá ngã chấp. Tiểu thừa phá được ngã chấp mới chứng quả A La Hán, Đại thừa ngoài ngã chấp ra, phải phá hết pháp chấp. Nay người tự xưng tu pháp Đại thừa, chẳng những không phá ngã chấp, lại tăng trưởng ngã chấp.

*** KHAI THỊ NI CHÚNG CHÙA KIỀU ĐÀM**

Hỏi: Đối với các học tăng học ni còn nhỏ tuổi, để học biết nhiều rồi mới tham thiền, được không?

Đáp: Tại sao gọi là Phật pháp? Tại sao gọi là Phật Giáo? Trước tiên phải hiểu nghĩa chữ "Phật" là gì? Phật nghĩa là giác ngộ.

Khi xưa, có người hỏi Phật: Ngài là ai?

- Tôi là người giác ngộ.

Từ đó, mọi người đều gọi Phật là Phật Đà, tức người giác ngộ. Giác ngộ đâu phải do học mà được? Phải tu mới giác ngộ được, mới giải thoát tất cả khổ. Chúng sanh cần sự giác ngộ, và Phật là người dạy cho chúng ta giác ngộ, ấy là nghĩa chữ Phật.

Thế mới biết, muốn giác ngộ cần phải tu, chứ không cần phải học. Thì tại sao hiện nay mọi người cứ chú trọng sự học hơn sự tu? Chính trong kinh Lăng Nghiêm, Phật quở A Nan "Dầu cho học rộng nghe nhiều, ghi nhớ nhiều kiếp, chẳng bằng một ngày tu đạo". Vậy đã rõ ràng rồi!

Nay người học kinh mà nghịch với kinh, học giáo lý nghịch với giáo lý, chỉ muốn thêm nhiều kiến giải, chẳng biết cái tri kiến đó là nguồn gốc của vô minh. Kiến văn

giác tri là bệnh đã thành từ vô tri, nay muốn chấm dứt tướng bệnh, hiện ra tướng mạnh, học rộng nghe nhiều là không được.

Do truyền thống sai lầm, các Phật học viện từ Sơ đẳng đến Cao đẳng, dạy người học từng chữ, từng câu, từng cuốn kinh, người học chẳng hiểu được ý Phật trong kinh, chỉ biết học thuộc lòng, có người hỏi trả lời được và dạy lại cho người khác, còn tự mình chẳng biết, đối với sự giải thoát cũng không biết tới, thành ra học kinh nghịch với kinh.

Dẫu cho sự học đúng cũng còn không được, vì đó là bỏ gốc theo ngọn. Cái gốc là cần phải giải thoát, cần phải tu, còn sự học chỉ là để biết về đường lối tu, chứ không phải học thêm kiến giải để chướng ngại sự tu. Nay vì ngã chấp cá nhân, lúc học Sơ đẳng, ngã chấp còn ít, học đến trung đẳng thì ngã chấp to hơn, học hết cao đẳng thì ngã càng to hơn. Ra làm giáo thọ, được mọi người kính trọng, có địa vị cao, khiến càng tăng trưởng ngã chấp, càng trói buộc thêm, đâu thể giải thoát! Chỉ uổng phí công hạnh bỏ gia đình cha mẹ đi xuất gia, lại tạo thêm tội địa ngục.

Người tu sĩ ăn, mặc, ở, đều là của Đền na tín thí, Phật tử cúng dường còn phải cung kính lễ bái, Kinh nói “Hư tiêu tín thí, lạm nhận cung kính”, tức không có tư cách thọ nhận sự cung kính, bỏ thí của thiện tín. Xuất gia mà không có hạnh tu, chỉ ham học rộng nghe nhiều, tăng trưởng ngã chấp, tức giả mạo, là tội địa ngục. Phát tâm xuất gia cầu giải thoát, nay không được giải thoát, oan uổng một đời, lại gây thêm tội địa ngục, có phải đáng thương xót không?

Tại sao các kinh Đại thừa đều muốn chúng ta chấm dứt sự tìm hiểu? Vì tìm hiểu phải dùng lục căn, chính Tâm kinh nói “vô nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý, vô sắc thanh hương vị súc pháp, vô nhãn thức giới, cho đến vô ý thức giới. “Chữ Vô này chẳng phải tuyệt đối không có, là không thật, là tướng bệnh đã thành từ vô tri. “Tri giác nãi chúng sanh”, chính cái biết đó là chúng sanh.

Vậy là vô tri vô giác như gỗ đá sao? Không phải. Cái tri của bản tánh gọi là vô duyên tri, cũng gọi là chánh biến tri. Sao gọi là bản tri? Tri tức tự tánh, tự tánh tức tri, là dùng cái tri làm bản thể, như cái đầu của mình, nay muốn tri thêm, ví như trên đầu lại mọc thêm đầu, khiến chướng ngại cái đầu vốn có, nên phải cắt bỏ đầu thứ hai.

Sao gọi Vô duyên tri? Vì không có đối đãi, chẳng năng tri sở tri. Nếu lấy Phật pháp, Phật học làm sở tri, tức nghịch với bản tri của tự tánh. Muốn giải thoát phải trở về tự tánh, nay lại càng đi xa hơn, làm sao trở về? làm sao giải thoát? Tướng mạnh làm sao có thể hiện ra?

Sao gọi Chánh biến tri? Chánh là đúng với thực tế, vọng tri hiện nay của mình là không đúng thực tế, bất tri cũng vậy, tri và bất tri là đối đãi. Biến là phổ biến, khắp không gian thời gian, khắp không gian thì chẳng thể chỉ ra, khắp thời gian không có gián đoạn, không thiếu sót. Sự học của mình có cái biết có cái không biết, vậy làm sao gọi là khắp? Lại có gián đoạn tức có sanh diệt, sanh diệt là vọng, tự tánh không sanh diệt, không sanh diệt tức không cần học, vốn đã sẵn sàng, chỉ cần mình phát hiện.

Nay dẫu cho học từ năm này qua năm kia, kiếp này qua kiếp khác, cũng không thể bằng Phật Thích Ca được. Và lại, sự học không đúng với thật tế, thật tế là phải tự ngộ. Nếu do học được thì không cần tu, không cần chứng, không cần ngộ, chỉ nhờ Phật nói cho biết là xong! Phật Thích Ca đã nói “Thuyết pháp 49 năm chưa từng nói một chữ”, chính là không nói ra được, chỉ có thể nói ra đường lối để đi đến tự ngộ, chỉ là dùng sự hiểu biết của bản thân, chứng tỏ tất cả sự hiểu biết đều sai lầm mà thôi.

Đức Phật nói “Phàm là lời nói đều chẳng có nghĩa thật”, lời nói đã chẳng nghĩa thật thì học để làm gì? Cần phải tự ngộ, đem những thời gian hao tổn ấy để tu phải mau giải thoát hơn không?

Hỏi: *Hàng xuất gia nếu không học kinh điển thì lấy gì trả lời câu hỏi của Phật tử ?*

Đáp: Theo truyền thống, Giáo môn phần nhiều ham học rộng nghe nhiều, nên A nan bị Phật quở “Dầu cho người học rộng nghe nhiều, ghi nhớ nhiều kiếp, chẳng bằng một ngày tu đạo”. Nên biết, Phật là muốn chúng ta tu, tu để phát hiện cái vốn sẵn có của chính mình, chứ không phải muốn chúng ta học rộng nghe nhiều.

Kinh Pháp Hoa thí dụ “Trong áo mình có hạt châu Như ý mà không biết sử dụng, cứ cho mình là nghèo, đi ăn xin khắp nơi, sau được người trí chỉ ra, mới ngộ mình vốn sẵn đủ, sao lại phải đi ăn xin?” Chính mình có diệu dụng bằng như chư Phật mà không biết đem ra xài, cứ cho mình là thiếu thốn, đi học đủ thứ. Lại, học không đúng nghĩa, học kinh nghịch với kinh, học giáo lý nghịch với giáo lý.

Kinh sách như ngón tay chỉ mặt trăng, hễ nhìn theo ngón tay chỉ sẽ thấy mặt trăng, nay người không chịu nhìn về mặt trăng, chỉ nhìn vào ngón tay, phân tích ngón tay, từng chữ, từng câu, đến từng quyển kinh, từ kinh này sang kinh khác, đều là nghiên cứu ngón tay. Ấy là việc sai lầm từ lâu, nên Phật nói là thật đáng thương xót.

Pháp sư giảng kinh nếu chỉ giảng được hai câu phải bị đọa. Có một công án như sau:

Thiền sư Bá Trượng thăng tòa thuyết pháp, dưới tòa có một ông lão, hằng ngày đều đến nghe giảng. Một hôm xuống tòa, mọi người đều ra về, chỉ còn một mình ông lão ở lại.

Sư hỏi: Sao ông không về?

Đáp: Con không phải là người, là con chồn phía sau núi. Trước thời Phật Ca Diếp, con cũng làm trụ trì ở núi này, có người đến hỏi con “Người đại tu hành còn lọt vào nhân quả không?” Con đáp “Chẳng lọt nhân quả”, vì trả lời sai một chữ, đọa làm chồn năm trăm kiếp, nay xin Thiền sư chỉ dạy cho.

Sư nói: Nay ông hãy hỏi ta.

Ông lão hỏi: Người đại tu hành còn lọt vào nhân quả không?

Sư đáp: Bất muội nhân quả.

Ông Lão liền ngộ, thoát thân chồn và xin Ngài đem thân chồn thiêu theo nghi lễ của người xuất gia.

Quý vị thử nghĩ, chỉ nói sai một chữ đã phải đọa làm thân chồn năm trăm kiếp, nay muốn làm thầy để chỉ dạy người, đâu phải dễ dàng!

Hỏi: *Hành giả tham thiền, nếu có người đến hỏi về pháp tu, phải trả lời ra sao?*

Đáp: Cái nào biết mới trả lời, không biết chớ tự làm tài khôn, trả lời sai là bị đọa. “Cuồng vọng thuyết pháp” là một trong bốn tội địa ngục. Lục Tổ nói “Thuyết pháp chẳng lia tự tánh”, nếu thuyết pháp không lọt vào năng sở, không lọt vào tứ cú là đúng, hễ lọt vào năng sở đối đãi tứ cú là sai. Muốn phân biệt tà chánh, thì chấp thật là tà, phá chấp thật là chánh. Trong *Yếu Chỉ Pháp Hoa*, tôi cũng có phụ chú về phần làm thế nào đúng với ý Phật.

Hỏi: *Cúng cô hồn có phải là của Phật giáo không?*

Đáp: Phật giáo chỉ nói thần thức chứ không nói là linh hồn, cúng cô hồn thuộc ngoại đạo, thần giáo. Cũng như đốt giấy vàng bạc, nhà lầu xe hơi. đâu phải là của Phật giáo,

mà hiện nay người đòi ngộ nhận cho đó là Phật giáo, kể cả có người tu sĩ cũng dạy người ta làm như thế, các chùa cũng thể hiện rõ sự mê tín đó, khiến người đòi cho Phật giáo là đạo mê tín, không còn lời để biện bạch.

Chánh pháp là "chuyên thức thành trí", thức thì hay phân biệt, có năng sở tốt xấu, chuyển thành trí tức không phân biệt, không tốt xấu, diệu dụng vô lượng vô biên.

Hỏi: Trong Triệu Luận về phần “Niết Bàn vô danh”, con hiểu được về Hữu dư Niết bàn và vô dư Niết bàn, còn thế nào là Tự tánh Niết bàn và Vô trụ Niết bàn?

Đáp: Ngài Hám Sơn giảng theo Giáo môn, Tự tánh Niết bàn và Vô trụ Niết bàn cũng là biệt danh của tự tánh. Bản thể tự tánh vô hình tướng, chẳng thể dùng lục căn tiếp xúc, chẳng thể dùng suy nghĩ đo lường, nhưng sự dụng thì vô lượng vô biên, nên tùy dụng lập tên. Tự tánh không sanh diệt, nên đặt tên Niết bàn, tức tự tánh Niết bàn. Vì sự dụng của Niết bàn vô lượng vô biên, nên gọi là Vô trụ Niết bàn.

Niết bàn là tiếng Ấn Độ, dịch là viên tịch, Niết bàn không phải là chết, người thời nay gọi sự chết của người tu sĩ là "viên tịch" ấy là sai.

Hỏi: Tại sao Đức Phật nói “Nếu người nữ theo pháp của ta thì chánh pháp mau hoại”?

Đáp: Giáo môn chia ra ba thời kỳ: Thời Phật Thích Ca là chánh pháp, nói chánh pháp một trăm năm, rồi tượng pháp một ngàn năm, và mạt pháp mười ngàn năm, sau đó Phật pháp của Phật Thích Ca sẽ tiêu diệt nơi thế gian, không còn ai biết Phật pháp, kể cả sáu chữ "Nam Mô A Di Đà Phật".

Giáo môn chấp thật, nên có chánh pháp, tượng pháp, mạt pháp. Lại, muốn tu thành Phật, phải trải qua ba đại A Tăng Kỳ Kiếp. Còn Thiên môn là phá chấp thật, ngài Bác Sơn nói “Mạt pháp chuyển thành chánh pháp, hạ căn chuyển thành thượng căn”, thành Phật chỉ trong sát na, không cần trải qua ba đại A Tăng Kỳ Kiếp. Ấy là nói theo bản tâm của tự tánh. Tất cả đều là do người, do tâm người tạo; kinh Hoa Nghiêm nói “Tất cả do tâm tạo”, pháp thế gian, pháp xuất thế gian đều không ở ngoài tâm.

Phật Thích Ca vì muốn độ chúng sanh, nên tùy theo căn cơ thuyết pháp, như ở kinh Pháp Hoa, nói “người nữ có năm thứ chướng, không được thành Phật”; lại, cũng trong kinh Pháp Hoa, Long nữ tám tuổi thành Phật, thành Phật trước mắt cho mọi người biết. Do đó chấp thật là không được.

- Ngoài ra, còn một lý do khác mà Đức Phật không cho người nữ xuất gia, là vì tâm sinh lý của người nữ có chướng ngại, nên bắt buộc phải theo pháp Bát Kinh, nhưng pháp Bát Kinh truyền đến ngày nay, hầu như không có thực hành.

Đức Phật chế ra giới luật, người thường cho đó là trọng nam khinh nữ, vì nam có thể xuất gia bảy lần, nữ chỉ cho một lần; Giới luật Tỳ kheo chỉ có hai trăm năm mươi giới, Tỳ Kheo ni phải ba trăm bốn mươi tám giới!

Sự thật không phải vậy, Phật là dùng tâm bình đẳng chế ra giới luật không bình đẳng. Tại sao? Vì muốn bù trừ điều khuyết về tâm sinh lý của người nữ để nam nữ được bình đẳng. Nếu không dùng tâm chấp thật thì tất cả đều bất nhị, cũng là vô sanh, cũng là vô trụ, cũng là vô thi.

Mặc dù Phật chế ra giới luật như thế, nói người nữ có năm thứ chướng như thế, hễ chấp thì thành chướng, chẳng chấp tức không chướng. Sở dĩ có chướng là do tự tâm chấp thật, nếu không thì chẳng chướng ngại. Ở trong Lịch sử Thiên tông, người nữ kiến tánh rất nhiều, như ở trong cuốn *Đường Lối Thực Hành Tham Tổ Sư Thiên*, tôi

dẫn chứng trường hợp ba bé gái được kiến tánh: Long nữ 8 tuổi, một bé gái họ Trịnh 13 tuổi và một bé gái họ Tô 15 tuổi.

Theo pháp Bát Kinh, chỉ có Tỳ kheo ni đánh lễ Tỳ kheo, chứ không bao giờ Tỳ kheo đánh lễ Tỳ kheo ni, nhưng khi Tỳ kheo ni kiến tánh ra hoằng pháp, Tỳ kheo đến tham học phải đánh lễ Tỳ kheo ni, vì đã kiến tánh là bằng nhau, không còn tâm chấp.

Hỏi: Trong cuốn Trung Phong Pháp Ngữ có nói đến bốn điều dễ và bốn điều khó là thế nào?

Đáp: * Bốn điều dễ là:

1/ Tin chính mình là Phật, chẳng cần cầu thầy khác, nếu muốn cúng dường Phật, chỉ cúng dường chính mình, là điều dễ thứ nhất.

2/ Vô vi là Phật, chẳng cần xem kinh, lễ Phật, hành đạo, tọa thiền, đói ăn mệt ngủ, tùy duyên nhậm vận, là điều dễ thứ hai.

3/ Chẳng cần hủy bỏ hình thể, xa lìa quyến thuộc, núi rừng chợ búa, nơi nào cũng tự tại, là điều dễ thứ ba.

4/ Vô cầu là Phật, chẳng cần lập công bồi đức, siêng tu khổ hạnh, hai thứ trang nghiêm phước huệ đều không dính dáng, là điều dễ thứ tư.

* Bốn điều khó là: Tin được là điều khó thứ nhất, niệm được là điều khó thứ hai, ngộ được là điều khó thứ ba, tu được là điều khó thứ tư.

Tự tánh bất nhị, không có dễ hay khó, hễ chấp thật là khó, chẳng chấp thật là dễ, khó dễ là do tâm mình chấp thật hay không. Kỳ thật, bốn điều dễ là để phá chấp của bốn điều khó, và ngược lại, bốn điều khó là để phá chấp thật bốn điều dễ. Nếu đối với tất cả đều vô sở trụ, chẳng chấp vào bất cứ chỗ nào, tức tự tánh bất nhị, cũng là vô thi vô sanh.

Nhiều người tưởng là chúng ngộ rồi sẽ có cái gì đặc biệt, kỳ thật là sẵn sàng, trước mắt đều không khác. Ví như người đã chứng ngộ hỏi người mới ngộ đó "ngộ được cái gì?" Đáp "Tóc vẫn đen, răng vẫn trắng", đâu có gì đặc biệt?

Hỏi: Có phải Đức Phật có hai người con là La Hầu La và Bồ tát Thiện Tinh?

Đáp: Nếu nói theo thực tế là tất cả chúng sanh đều là con của Phật, chứ chẳng phải chỉ có một hay hai người. Lại, tất cả chúng sanh đều thay phiên nhau làm cha mẹ, thay phiên nhau làm con, chư Phật cũng vậy. Từ vô số kiếp trước, Phật Thích Ca cũng từng là con của mình, vì thay phiên nhau tùy nghiệp xoay chuyển.

Ví như có nhiều người hỏi "Theo kinh Pháp Hoa, Phật Thích Ca đã thành Phật từ vô lượng kiếp, còn theo Phật lịch thì Đức Phật mới thành Phật được 2530 năm, vậy cái nào đúng?" Tôi nói "Cả hai đều không đúng, mà cả hai đều đúng". Lời Phật dạy "tất cả pháp đều vô thi", làm sao có trước có sau? Vô thi tức vô sanh, đã vô sanh thì làm gì có vô lượng kiếp trước sanh ra Phật Thích Ca, hoặc sanh từ mấy ngàn năm trước? Nếu chưa ngộ thì tất cả hiện tượng trước mắt đều mâu thuẫn, vì từ ý thức phân biệt sanh ra là bệnh, là sai.

Vì vậy, về ngày sanh của Phật Thích Ca, trong kinh Tứ A Hàm nói đến rất nhiều, không có thống nhất. Sở dĩ nói là Phật lịch 2530 năm, là do kỳ họp của Phật giáo Thế giới tại thủ đô của Campuchia, mọi người đi đến thống nhất là ngày sanh của Phật cách đây 2530 năm. Còn nói đến Tam thân Phật tức Pháp thân, hóa thân, báo thân, thì trong lúc Phật Thích Ca thị hiện thành Phật ở Cõi Ta Bà, đồng thời cũng thuyết pháp giáo hóa ở vô số cõi, tức thiên bá ức hóa thân.

Đây là sự dụng của tự tánh vô lượng vô biên, chính Lục Tổ nói trong kinh Pháp Bảo Đàn “Mọi chúng sanh đều đầy đủ tam thân Phật”. Nay tham thiền là phải tin tự tâm cũng sẵn đủ tam thân Phật. Cho nên người chứng quả ngộ pháp vô sanh, tất cả pháp đều không có bắt đầu, không có sanh khởi. Kinh Pháp Hoa nói “Thường tự tịch diệt tướng” là vậy. Nếu chưa đi đến, chưa chứng ngộ, cứ ở trong chiêm bao so sánh suy lường đủ thứ, làm sao giải quyết? Có giải quyết cũng như không, vì là việc không có thật, chỉ uổng công thôi. Nên phải chấm dứt mọi tìm hiểu biết và ghi nhớ biết.

Hỏi: Nhân duyên gì Tổ sư lập ra tam quan?

Đáp: Vì căn cơ trình độ của người có cao thấp, có người không cần tam quan, hễ ngộ triệt để thấu tam quan, có người thấu một quan rồi thấu luôn hai quan sau; mỗi người mỗi khác, như ngài Lâm Tế là một hơi thấu tam quan, Phật Thích Ca cũng vậy.

Hỏi: Vậy người thấu được một quan hoặc hai quan rồi, còn kẹt nơi sanh tử luân hồi không?

Đáp: Nếu thấu được sơ quan là ra khỏi phần đoạn sanh tử, nhưng còn biến dịch sanh tử, vì chưa đến cứu cánh, cần phải tiến lên nữa.

Hỏi: Người phá sơ quan rồi còn tạo nghiệp không?

Đáp: Nghiệp có nghiệp đen và nghiệp trắng. Phá sơ quan là ra khỏi sanh tử luân hồi, không tạo nghiệp đen nữa, chỉ tạo nghiệp trắng, và tiếp tục tiến tu đến kiến tánh thành Phật, khi kiến tánh rồi là nghiệp trắng nghiệp đen đều không.

Hỏi: Chúng sanh tạo nghiệp gì đọa vào Cõi A Tu La?

Đáp: Hay sân hận, nên phải đọa vào cõi A Tu la. Phước báo A Tu La bằng với cõi Trời, nhưng do tánh sân hận nên không thể tu giải thoát như người, vì A tu la không tin Phật pháp, lại phỉ báng Phật pháp, nên tạo tội thêm.

Hỏi: Thế nào là vật bất thiên?

Đáp: Vật bất thiên là nghĩa bất nhị, vô thi vô sanh, là biệt danh của tự tánh. Bất thiên nghĩa là không biến đổi, cũng là “Các pháp tùng bản lai, thường tự tịch diệt tướng” của kinh Pháp Hoa.

Hỏi: Tham thiền khởi nghi tình rồi không bao lâu sẽ phát huệ, phải không?

Đáp: Tôi không nói như vậy, phát huệ là tùy theo người, chẳng phải người nào cũng vậy. Cần sự kiến tánh chứ không cần phát huệ, vì huệ đó là của mình sẵn đủ, không kém hơn Phật, khởi cần phát. Theo thực tế là không phát còn tốt hơn, nhiều người chấp vào huệ đó, bị huệ chướng ngại. Người không phát huệ, thẳng đến kiến tánh thì huệ đó dùng ra là Bát nhã, không cần tác ý, sự dụng khắp không gian thời gian, không bị hạn chế.

Hỏi: Người ở phương xa, không có thầy bên cạnh, có thể hành theo pháp Tổ sư thiền không?

Đáp: Lão tham có thể hướng dẫn sơ tham, chứ không nhất định phải có thầy. Nếu không ai hướng dẫn, phải tin tự tâm 100%, tức tin tự mình sẵn đủ diệu dụng thân thông trí huệ bằng Phật, mới có thể hành theo chín chữ “vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ”. Hễ thực hành đúng chín chữ trên thì không dễ lọt vào tà ma ngoại đạo, không đi lầm đường.

- Nghi tình là không hiểu không biết, dùng tâm không biết chấm dứt tất cả tìm hiểu biết, ghi nhớ biết, tùy duyên biết, nên Lai Quả thiền sư nói “lúc nghi tình khởi lên rồi, ngồi không biết mình ngồi, đi không biết mình đi, ngày đêm 24 giờ liên tiếp mãi

không gián đoạn, đến khi nghi tình bùng nổ thì tất cả đều biết". Cái biết đó là bản thể của tâm, bản thể của tự tánh, lúc ấy, dụng cũng là nó, thể cũng là nó, dùng tâm năng biết hiện nay chẳng thể biết tới, nên gọi Chánh Biến Tri.

Hỏi: Muốn sám hối tụng kinh để tiêu nghiệp rồi mới tham thiền được không?

Đáp: Nghiệp là do tâm tạo, tâm đã tạo nhân thì quả sẽ đến, như tạo ác nhân được khổ báo, tạo thiện nhân được phước báo. Nay muốn sám hối phải dùng tâm, bài kệ sám hối rằng:

Tội từ tâm khởi đem tâm sám,
Tâm nếu diệt rồi tội cũng tiêu.
Tâm diệt tội tiêu thấy đều không,
Ấy mới gọi là chơn sám hối.

Đó cũng là vô tướng sám hối của ngài Lục Tổ. Tham thiền đến cuối cùng quên luôn cả tâm, luôn cả tham thiền còn không biết, làm sao biết đến các khổ? Hễ tâm diệt tội dựa vào đâu? Đó mới gọi là chơn sám hối. Còn tụng kinh, sám hối theo tướng chưa phải là chơn sám hối.

Hỏi: Tại sao kinh Pháp Hoa nói “Phỉ báng Như lai tội còn nhẹ, phỉ báng kinh Pháp Hoa tội nặng hơn”?

Đáp: Kinh Pháp Hoa là pháp đưa đến sự giải thoát, đáng lễ Phật với pháp chẳng phải là hai, vì muốn dùng phương tiện để mọi người kính trọng pháp, nên nói như thế. Dù nói Phật, pháp, tăng là ba, sự thật là bất nhị, tự tánh mình sẵn có. Nay Phật tử quy y Thường trụ Tam Bảo, nhờ sự giáo hóa của thường trụ Tam Bảo ngộ nhập Tự tánh Tam Bảo, ngộ nhập rồi là bất nhị.

Hỏi: Công phu trong lúc sống thông thẳng qua, sau khi chết như thế nào?

Đáp: Đức Phật nói “Bồ tát cách âm si mê”, âm là ngũ âm, thân này do nghiệp kiếp trước mà thành, nay không nhờ thân này để tu, sau khi chết lại thọ thân ngũ âm khác. Bồ tát đã chứng quả phàn nào, chết rồi đời ngũ âm khác sẽ quên, nhưng không quên hẳn, nhân đã gieo ắt còn, nhưng vì cách âm rồi như si, đời khi nhân duyên chín mùi, gặp thiện tri thức nhắc lại liền nhớ, tiếp tục tu đến kiến tánh.

Thân chúng sanh cũng vậy, hễ đủ lòng tin thì trong kiếp này tu đến giải thoát, khỏi cần đời qua kiếp sau, làm khổ sanh tử kéo dài thêm.

Hỏi: Ngày đưa cô Diệu Thuật đi hỏa táng, Sư phụ có nói bốn câu kệ: "Diệu Thuật Ưu bà di, tham thiền cần phải nghi, phải nhờ câu thoại đầu, đi đến chánh Biến Tri". Bốn câu kệ này có ngụ ý gì? Xin Sư phụ từ bi giải thuyết.

Đáp: Hôm nay là ngày 49 sau cái chết của Ưu Bà Di Diệu Thuật. Tôi đã thường nói “Tham thiền cần phải nghi”, phải chú trọng nghi tình, dùng sự không hiểu không biết chắm dứt tất cả biết. Hễ biết Phật là bị Phật chướng ngại, biết Tổ là bị Tổ chướng ngại, biết Bồ tát bị Bồ tát chướng ngại, cho đến biết từ bi bị từ bi chướng ngại. Chẳng phải là không cho làm việc từ bi, nhưng không có biết là mình đang từ bi, chẳng có ta là năng, người thọ nhận là sở. Cho nên, ngài Lâm Tế nói “Gặp Phật giết Phật, gặp Tổ giết Tô, gặp A La hán giết A La Hán”, giết cái gì? Giết cái biết, cái bệnh của mình.

PHẦN 15.

Hỏi: Thế nào là mắt huệ sáng, lý tánh thông, chí kiên cố?

Đáp: Mắt huệ sáng phân biệt được tà chánh, lý tánh thông tất cả là bất nhị, chí kiên cố thì quyết tử tu hành cho đến kiến tánh. Nếu đủ ba điều kiện này thì thế nào cũng sẽ được giác ngộ giải thoát, kiến tánh thành Phật. Nay chúng ta mắt huệ chưa sáng, không phân biệt được cái nào tà, cái nào chánh, nên có người theo ngoại đạo tà ma cũng cho là chánh. Bây giờ tôi phân biệt giùm cho: Hễ chấp thật là tà, phá chấp thật là chánh. Nói phá chấp thật ở đây chẳng phải là không chấp vào có lại chấp vào không, chấp chơn chấp giả cũng vậy.

Hỏi: Thế nào là kinh liễu nghĩa và kinh bất liễu nghĩa?

Đáp: Kinh bất liễu nghĩa còn chấp thật, nằm trong tương đối, kinh liễu nghĩa là phá chấp thật, ra ngoài tương đối, tức vô sở trụ, lấy vô trụ làm gốc.

Hỏi: Tiểu nghi tiểu ngộ còn phải tham tiếp không?

Đáp: Ông cho thế nào là tiểu nghi, thế nào là đại nghi? Lời của chư Phật chư Tổ chỉ là phương tiện để phá chấp, chứ chẳng phải có nghĩa thật. Tôi thường nói là "đùng tâm không biết để chắm dứt tất cả biết", nay biết tiểu nghi cũng là biết, biết đại nghi cũng là biết, phải chắm dứt luôn, cuối cùng chỉ còn cái tâm không biết, nhìn bề ngoài như người khờ ngốc, nhưng lúc đó gần kiến tánh, vậy đâu cần phân biệt tiểu nghi đại nghi làm gì?

Hỏi: Những điểm nào sai ở Đại Thừa Khởi Tín Luận?

Đáp: Đại Thừa Khởi Tín Luận, người đời cho là tác phẩm của Bồ tát Mã Minh, Tổ thứ 12 của Thiên tông, nhưng sự thật tác giả là ngoại đạo. Trong Đại Thừa Khởi Tín Luận có phần đúng có phần không, ví dụ: nói "Chơn như duyên khởi", Chơn như là bản thể của Tự tánh, là bất nhị, không có duyên khởi, chẳng thể huân tập được, nếu có khởi thì phải có diệt, có sanh diệt tức có luân hồi. Cho nên, nói "Chơn như duyên khởi" là không đúng, vô minh là vô minh, chơn như là chơn như. Còn những chỗ giống như lời của Phật thì đúng. Nhưng bây giờ hễ chấp vào lời của Phật lại thành không đúng rồi! Vốn là đúng, do tâm chấp của mình thành sai, lọt vào tà tông kiến giải.

Cũng như kinh liễu nghĩa là đúng, nhưng hễ chấp thật vào Kinh liễu nghĩa đó, cho là chơn lý nhất định, thành không đúng rồi.

Hỏi: Nay con tham thiền, đối với bất cứ việc gì con đều mặc kệ, đúng sai?

Đáp: Trong kinh Viên Giác có chỉ ra bốn thứ bệnh: Tác, chỉ, nhậm, diệt. Bệnh mặc kệ tức bệnh nhậm, hễ chấp vào mặc kệ cũng là bệnh. Dù là lời của Phật, nếu chấp vào tức thành bệnh, ví như kinh liễu nghĩa là phá chấp thật, nhưng nếu chấp thật vào kinh đó tức thành bất liễu nghĩa, nên Đức Phật vừa nói liền phá, vì sợ chúng sanh chấp vào lời nói.

Hỏi: Xin Sư phụ khai thị giúp cho dứt tập khí được không?

Đáp: Dù là Phật Thích Ca cũng chẳng thể giúp cho người ta dứt tập khí, Phật chỉ dạy cách tu để tự tu, tự chứng, tự dứt, chứ không thể giúp cho dứt được. Vì chưa tin tự tâm, ngã chấp còn kiên cố. Nay phương tiện duy nhất chỉ là đề câu thoại đầu khởi lên nghi tình, giữ cái không biết, nếu tất cả biết đều chắm dứt thì làm sao còn biết tới tập khí?

Hỏi: Người kiến tánh còn có sở sợ không?

Đáp: Nay chưa kiến tánh, phải lo cho đi đến kiến tánh, hễ kiến tánh rồi tự biết. Người Sơ địa không biết đến Nhị địa, đến Nhị địa thì biết được Sơ địa, nhưng không biết về

Tam địa. Nay mình cách Sơ địa còn xa lắm, đã muốn chấm dứt tất cả biết, còn hỏi vậy để làm gì?

Hỏi: Thế nào là "tánh thật vô minh tức Phật tánh" trong Chứng Đạo Ca?

Đáp: Tự tánh bất nhị, Phật tánh nếu khác với vô minh tức nhị, vô minh cũng chẳng thật có vô minh, Phật tánh cũng chẳng thật có Phật tánh. Đã nói kinh liễu nghĩa là phá chấp thật, nếu chấp có Phật tánh thật cũng là bệnh chấp, chấp vô minh là thật cũng vậy. Vô minh chẳng thật, Phật tánh cũng chẳng thật, ấy là nghĩa vô sanh, cũng là nghĩa vô thi.

Hỏi: Kinh Thủ Lăng Nghiêm thuộc tiệm giáo, sao nói là đốn?

Đáp: Kinh giáo của Phật thuyết đốn tiệm đều có, quyền nào cũng vậy, thường thì ở phần trước là đốn, phần sau là tiệm, phần trước độ người thượng căn, phần sau độ trung hạ căn, kinh Viên Giác cũng thế.

Hỏi: Tham thiền phải chấm dứt sự biết, vậy cái biết nào vô ích thì chấm dứt, còn cái biết để củng cố niềm tin, có cần phải chấm dứt không?

Đáp: Biết tốt, biết không tốt đều là tướng bệnh, biết mình chứng quả vẫn còn là ngã tướng vi tế, biết có Phật, biết từ bi...chẳng phải cái biết của tướng mạnh, đều chấm dứt.

Kinh nói "Một giọt mưa ở ngoài hàng sa thế giới cũng biết được, tâm chúng sanh ở tất cả thế giới nội lên một niệm cũng biết được". Cái biết của bản thể khắp không gian thời gian, chẳng có chỗ thiếu sót, nên gọi là Như Lai. Nay không cần chấm dứt, chỉ giữ cái tâm không biết thì quên tất cả biết, thân tâm, thế giới đều quên rồi, cái biết và không biết dựa vào đâu?

Biết cũng do tâm, không biết cũng do tâm, tâm đã quên thì sự biết và không biết chẳng có chỗ dựa, lúc đó bản thể tự tánh tự hiện, đã đến nơi muốn không kiến tánh cũng chẳng được, hề gặp nhân duyên nào cũng có thể kiến tánh.

Hỏi: Lời của Sư phụ là nói với người đã ngộ, đã quên năng sở thì được, còn người chưa ngộ thế nào?

Đáp: Nay nói với người chưa ngộ, là thực hành theo đường lối tham thiền, chứ không phải nói đến sự ngộ, sự ngộ chỉ tự biết, chỉ có Phật nói với Phật thôi. Cái quên của trí Bát nhã không cần tác ý, khác với cái quên lãng của thế gian, hề tác ý là tướng bệnh, chẳng thể biết được cái biết của tự tánh, phải kiến tánh rồi tự biết.

Hỏi: Sư phụ nói kiến tánh rồi có thể sống với tự tánh? Tại sao Giáo môn lại nói đốn ngộ rồi phải tiệm tu?

Đáp: Đốn giáo khác với tiệm giáo, Giáo môn có đốn tiệm, Thiền môn cũng có đốn tiệm, mặc dù nói đốn ngộ, cũng do tiệm tu mới thành. Tôi thường lấy ví dụ như từ Chợ lớn đến Sài gòn một trăm bước, nếu kiếp trước đi được một bước thì kiếp này phải đi chín mươi chín bước; nếu kiếp trước đã đi năm mươi bước thì kiếp này đi thêm năm mươi bước nữa; kiếp trước đã đi chín mươi chín bước rồi, kiếp này một bước đến nơi.

Pháp chẳng có đốn tiệm, do người thành có đốn tiệm, do người có căn cơ lớn hoặc nhỏ: tâm chấp nhẹ là đốn, tâm chấp nặng là tiệm. Vì thấy người chỉ đi một bước đến nơi cho là đốn, kỳ thật kiếp trước đã tiệm tu. Cho nên, Tổ sư thiền không kể người lão tham hay sơ học, sơ học mà kiếp trước đã đi chín mươi chín bước, kiếp này một bước

đến nơi; lão tham có thể kiếp trước chưa đi bước nào, nên kiếp này dù tu lâu mà không bằng sơ học là vậy.

Hỏi: *Tất cả lời nói của Phật đều là văn tự, vậy thế nào là bất lập văn tự?*

Đáp: Nói “bất lập văn tự” là không cho chấp thật văn tự, chứ chẳng phải phê bỏ văn tự, nếu phê bỏ văn tự, ấy là sai lầm. Không có văn tự thì làm sao hoàng dương giáo pháp? Nhưng không được chấp thật vào đó.

Kinh Pháp Bảo Đàn nói "Diệu lý của chư Phật chẳng dính dáng với văn tự", nói “bất lập văn tự”, hai chữ Bất Lập đã là văn tự rồi! Lời nói cũng là tướng văn tự. Lời nói, văn tự, tư tưởng, ba danh từ dù khác, kỳ thật chỉ là một: Văn tự là lời nói không tiếng, lời nói là văn tự vô hình, còn tư tưởng là lời nói không tiếng và văn tự vô hình. Do có tư tưởng mới nói ra thành lời, viết ra thành văn tự. Nhưng ba thứ này khác hẳn với Chơn như Phật tánh, chẳng dính dáng với Phật tánh, chẳng thể tiếp xúc với Phật tánh, chỉ là gián tiếp dạy cho mọi người đường lối thực hành để đi đến Phật tánh thôi. Còn tham thoại đầu là trực tiếp, nên gọi Tối Thượng Thừa, bất lập văn tự.

Hỏi: *Quan điểm lập trường của người tham thiền như thế nào?*

Đáp: Chẳng có quan điểm lập trường gì cả. Đã dùng cái tâm không biết để chấm dứt tất cả biết, biết quan điểm lập trường cũng là biết. Còn nếu muốn nói quan điểm lập trường: Một là tin tự tâm sẵn đủ năng lực bằng như chư Phật, hai là dùng cái không biết chấm dứt tất cả biết.

Hỏi: *Sư phụ dạy phải nhìn thẳng vào hùm sâu đen tối, đến một ngày kia được kiến tánh. Nhưng tại sao phải tham như thế?*

Đáp: Để làm chủ cho mình, để đạt đến tự do tự tại, chẳng còn lệ thuộc vào ai, kể cả Phật.

Hỏi: *Tu hành là để đi đến chỗ thanh tịnh, cần gì phải tham thoại đầu?*

Đáp: Thanh tịnh đó là vô thi vô minh, là nguồn gốc của sanh tử luân hồi. Mặc dù thanh thanh tịnh tịnh, nhưng bị kích thích rồi là nổi lên nhất niệm vô minh, nên phải phá tan luôn sự thanh tịnh đó.

Hỏi: *Làm sao vượt qua được tình thức?*

Đáp: Muốn vượt qua tình thức, phải phá tan vô thi vô minh: Thấy, nghe, hiểu, biết là tác dụng của bộ não, chẳng phải cái biết của Phật tánh. Nay mượn câu thoại đầu khởi lên nghi tình, chỗ mịt mù đen tối đó chính là vô thi vô minh, cứ nhìn thẳng vào chỗ đó, lâu ngày phá tan được vô thi vô minh, lúc đó gọi là kiến tánh thành Phật, tất cả việc đều giải quyết xong.

Hỏi: *Tại sao Đức Phật thuyết pháp công khai mà Tổ lại Giáo ngoại biệt truyền?*

Đáp: Nói Giáo ngoại biệt truyền là để phân biệt không phải là Giáo môn, khác với Giáo môn. Tại sao? Vì Đức Phật thuyết pháp là bất đặc dĩ, do người ta không tin nổi pháp trực tiếp, nên phải thuyết pháp gián tiếp. Kinh Pháp Bảo Đàn nói “vì hạ căn nên phải nói xa, vì thượng căn nên nói là gần”. Do đó, Giáo môn nói thành Phật phải trải qua ba A Tăng Kỳ kiếp, còn Thiên môn kiến tánh chỉ một sát na.

Hỏi: *Tại sao Đức Phật đưa lên cảnh hoa, ngài Ma Ha Ca Diếp được ngộ?*

Đáp: Pháp gián tiếp phải học, phải tìm hiểu, rồi theo sự hiểu tiến tu dần theo thứ lớp, chứng theo thứ lớp như Thập Tín, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, v.v. Còn pháp trực tiếp không cần ngôn ngữ văn tự, không qua bộ óc suy nghĩ, cho nên khi Phật Thích Ca đưa lên cảnh hoa, ngài Ca Diếp ngộ được, ấy là chỉ thị pháp trực tiếp.

Pháp sư Nguyệt Khê nói trong *Cội nguồn Truyền Thừa* rằng Đức Phật không những chỉ có sự niêm hoa thị chúng, ngoài ra còn có những trường hợp chỉ thị pháp trực tiếp như sau:

* Ban đầu Phật lấy ra hạt châu Ma Ni tùy sắc, hạt châu này nơi thế gian được xem là một bảo vật: Hạt châu không màu sắc, nhưng người nào cũng nhìn thấy có màu sắc khác nhau, ví như mặc áo đen thấy hạt châu màu đen, mặc áo đỏ thấy hạt châu màu đỏ, nên gọi hạt châu tùy sắc.

Phật hỏi Ngũ phương Thiên vương: Hạt châu màu gì?

Ngũ phương Thiên vương đều tùy theo sở thấy của mình nói màu sắc khác nhau.

Sau đó Phật đem giấu hạt châu rồi đưa bàn tay ra hỏi: Hạt châu màu gì?

Ngũ phương Thiên vương đáp: Trong tay Phật đâu có hạt châu mà hỏi là màu gì?

Phật bảo: Các ngươi sao điên đảo quá! Ta đem hạt châu thế gian thì nói đủ thứ màu, nay ta chỉ thị hạt châu chơn thật thì lại không biết!

Năm vị liền ngộ.

* Lại, có một ngoại đạo hỏi Phật: Không hỏi có lời, không hỏi chẳng lời?

Đức Phật im lặng giây lâu, ngoại đạo nói: Thế Tôn thật đại từ, khai phá đám mây ám muội cho con, khiến con ngộ nhập.

Dẫn lễ lui ra.

Thị giả A Nan hỏi: Ngoại đạo được gì mà lại cảm ơn Ngài?

Phật bảo: Cũng như con tuấn mã nơi thế gian, thấy bóng roi liền phóng đi, không cần đánh.

Ấy cũng là một phương pháp trực tiếp chỉ thị. Tất cả cách trực chỉ của các vị Tổ đời sau ở Trung Quốc đều như thế, chẳng qua sự suy nghĩ và lời nói văn tự. Bây giờ hành giả tham thiền cũng vậy, không cho tác ý suy nghĩ tìm hiểu, chỉ khởi lên nghi tình, giữ cái không biết tham tới mãi.

Hỏi: Phật tánh là một, nhưng tại sao sự kiến tánh của chư Tổ lại khác nhau?

Đáp: Sự ngộ giống nhau, nhưng do tập khí, tâm chấp có sâu cạn, nên trong sự ngộ có khác nhau; tâm chấp nhiều thì ngộ cạn, vì chưa ngộ triệt để nên có khác, nhưng khi ngộ đến cuối cùng thì không khác. Kinh Kim Cang nói “vì có pháp vô vi nên có sự sai biệt của thánh hiền”, nếu đến chỗ vô vi thì chẳng sai biệt vậy.

Hỏi: Thế nào gọi là Chánh Biến Tri? Thế nào là không có chỗ búng?

Đáp: Cái biết của Tự tánh gọi Chánh Biến Tri, khắp không gian thời gian, chẳng thể gọi là biết, chẳng thể gọi là không biết. Nói “khắp không gian thời gian”, quý vị có thể khó hiểu, nay lấy thân này làm thí dụ: Bây giờ búng tay tay biết, búng đầu đầu biết, nếu cái biết khắp cơ thể thì chỗ búng không có, nếu có chỗ búng tức không cùng khắp cơ thể.

Có chỗ búng cũng không cùng khắp cơ thể, chẳng chỗ búng cũng không cùng khắp cơ thể, tại sao? Vì sự biết của cùng khắp cơ thể ấy chẳng thể nói là có chỗ hay chẳng có chỗ, nên chẳng có chỗ biết, cũng chẳng có chỗ không biết, do đã cùng khắp vậy. Chỗ búng dụ cho chỗ biết, không có chỗ biết chẳng phải là không biết.

Hỏi: Làm sao phân biệt Diệu tâm biến hiện và Chơn tâm duyên khởi?

Đáp: Diệt tâm chẳng biến hiện, Chơn như cũng chẳng duyên khởi. Diệt tâm, Chơn như đều là biệt danh của Tự tánh, Phật tánh bình đẳng bất nhị, chẳng sanh chẳng diệt; chẳng sanh thì không có biến hiện, không có duyên khởi. Nay nói biến hiện duyên khởi là từ vô thi vô minh, cũng gọi là đầu sào trăm thước.

Biến hiện trong Duy thức có hai thứ: Độc đầu ý thức biến hiện nhắm mắt chiêm bao, và đồng thời ý thức biến hiện mở mắt chiêm bao. Kiến văn giác tri đều do tác dụng của bộ não, trong kinh gọi là nhất niệm vô minh. Nhất niệm vô minh sanh khởi từ vô thi vô minh, cũng gọi là căn bản vô minh.

Căn bản vô minh không dính dáng với Diệt tâm, không dính dáng với Chơn như Phật tánh. Chơn như Phật tánh xưa nay vốn như thế, chẳng thay đổi sanh diệt. Còn biến hiện có sanh diệt luân hồi, từ vô minh bất tri bất giác hiện ra nhất niệm vô minh, tức kiến văn giác tri, có tri có giác, do kiến văn giác tri biến hiện nhắm mắt chiêm bao và mở mắt chiêm bao, tất cả những biến hiện này đều do tác dụng của bộ não.

Nay thấy có buồn vui phiền não, đều là bị lục căn lừa gạt, nên Tâm kinh dùng chữ Vô để chấm dứt sự chấp thật. Phạm tất cả tương đối có không, Phật gọi là biên kiến, đều ở trong luân hồi, người chưa ra khỏi luân hồi mà phân biệt tánh Viên giác, thì tánh đó cũng là luân hồi, cho nên nói “Diệt tâm biến hiện” và “Chơn như duyên khởi” đều là không có.

Hỏi: Chư Phật chư Tổ ra đời độ chúng sanh có dùng vô thi vô minh không?

Đáp: Như Kinh Kim Cang nói “Độ hết tất cả chúng sanh, thật chẳng có một chúng sanh được độ”, nếu có chúng sanh để độ là còn chúng sanh tướng. Vì chúng sanh có sự chấp đó, nên Phật nói “độ chúng sanh” để phá chấp. Nếu chúng sanh chẳng chấp thật thì Phật cũng không; chúng sanh là mê, Phật là ngộ, có mê mới có ngộ, đã hết mê thì ngộ cũng không, nên nói ngộ rồi đồng như chưa ngộ. Nếu còn tướng ngộ tức còn mê, trong kinh gọi là thọ mạng tướng, còn nằm trong tương đối.

Hỏi: Kinh nói “Chư Phật và chúng sanh đã đồng một bản thể” thì tại sao lại do vô minh vọng động biến thành chúng sanh?

Đáp: Bản thể không thể trở thành chúng sanh được, vì không có sanh diệt. Ví như tôi thí dụ "chỗ búng" ở trên, do tâm chấp của mình nên có vô minh, vô minh vốn không, Tâm Kinh nói “Vô vô minh, diệt vô vô minh tận”. Nay dù nói thế nào, cũng là việc trong chiêm bao, phải tự thức tỉnh rồi mới biết những gì trong chiêm bao vốn chẳng thật có.

Hỏi: Chơn như Phật tánh cùng khắp mọi nơi, vậy vô thi vô minh có cùng khắp không? Nếu có, tại sao biết từ vô minh khởi?

Đáp: Vô thi vô minh cũng theo Phật tánh cùng khắp. Như tôi vừa thí dụ ở trên: Cái biết của cơ thể cùng khắp, chẳng có chỗ biết và không biết, hễ muốn tìm ra chỗ biết tức không cùng khắp rồi. Đối với vấn đề này, phải tự thức tỉnh mới được, chưa thức tỉnh thì tất cả đều là ở trong chiêm bao, ra ngoài chiêm bao chẳng được.

Hỏi: Cũng vì chấp thật, nên có Chơn như Phật tánh và vô thi vô minh, nếu không chấp thì chính ngay vô thi vô minh là Chơn như Phật tánh, phải không?

Đáp: Người đã kiến tánh rồi, tất cả vũ trụ vạn vật, mặc áo ăn cơm đều thành Phật tánh, đều bất nhị, nhưng hiện nay chưa giác ngộ thì có muôn ngàn sai biệt, có vấn có đáp, nói có nói không.

Chưa ra khỏi sanh tử luân hồi thì phải có thiện có ác, có sanh tử luân hồi. Do đó, làm thiện được phước báo, làm ác chịu khổ báo, chịu nhân quả trong chiêm bao nói

“không chấp” tức chấp vậy. Tất cả biết của hiện nay đều là sự biết của người mù, Phật cần chúng ta trị hết bệnh mù, thành người mắt sáng, thấy rõ việc chơn thật. Nhưng các người học Phật chẳng chịu trị hết bệnh mù, cứ muốn ở trong kinh điển tìm chơn lý, cho đó là mặt trăng, nên Phật nói là rất đáng thương xót.

Hỏi: Sư phụ đã nói biết cũng là bệnh, không biết cũng là bệnh, mà sao gặp Sư phụ cứ muốn hỏi hoài?

Đáp: Vì không tin tự tâm, nên có câu hỏi; và dù tin nhưng tin chưa đầy đủ, nên cứ muốn hỏi. Được tôi trả lời để tăng thêm lòng tin, khi lòng tin đầy đủ thì tự nhiên không cần hỏi nữa.

Hỏi: Đã làm đủ điều làm lỗi, có chương ngại cho việc nhận lại tự tánh sẵn có của mình không?

Đáp: Tự tánh đâu có những thứ đó? Ấy là do tâm chấp mới có. Trong *Pháp Môn An Tâm* của tổ Đạt Ma nói “Nếu thấy được bản tánh, ví như người đã thức tỉnh, tất cả tội lỗi trong chiêm bao đi đâu tìm?” Sở dĩ có tất cả tội lỗi, đều do bị lục căn lừa gạt thôi.

Hỏi: Sư Phụ cho biết sự truyền thừa của Ngài về pháp Tổ sư thiền từ ai?

Đáp: Sự truyền thừa của Tổ sư thiền chia làm hai phái: Một phái là Thế Độ (xuống tót), một phái là Pháp phái, thường gọi là Thế pháp và Pháp phái.

Về Thế pháp của tôi là Tông Lâm Tế, về Pháp phái thuộc Tào Động. Sự truyền thừa của cá nhân tôi có ghi trong pháp quyền: Từ đời Phật Thích Ca đến Ma Ha Ca Diếp đến đời tôi là đời thứ 89, không có sự gián đoạn. Nay ở đây giải đáp thắc mắc, không thể kê ra, sau này khi cần, tôi sẽ lưu lại pháp quyền, để quý vị được biết.

Hỏi: Tại sao Sư phụ Pháp phái được truyền từ Tào Động, mà Thế pháp lại là dòng Lâm Tế?

Đáp: Trước đời nhà Tống, khi đệ tử kiến tánh, được thầy ấn khả, thì thầy ấn khả thuộc về Pháp phái. Đến sau này, người có tham thiền dù chưa kiến tánh vẫn được nối pháp, rồi dần dần người không có tham thiền cũng được nối pháp, tu Tịnh độ cũng nối pháp Thiền tông, cũng nói là Thiền sư. Có tu cũng còn khá, sau này kể cả người không tu pháp môn nào cũng nối pháp, trong pháp quyền cũng gọi là Thiền sư, thật là phỉ báng Phật Tổ!

Riêng về sự truyền thừa của cá nhân tôi, nếu gặp được một người để giao lại, tôi sẽ bàn giao. Nay nhiều người muốn nối pháp của tôi, nhưng tôi chưa đưa nguyên lưu cho ai (*nguyên lưu tức cội nguồn truyền thừa*), cũng có người mượn danh nghĩa tôi, nói là đệ tử tôi đi xin đóng góp, lừa gạt người.

Hỏi: Khi vắng Sư phụ, chúng con công phu gặp trở ngại, biết hỏi ai?

Đáp: Bây giờ tôi cũng chưa biết là vị nào, nhưng chín chữ “vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ”. Trong cuốn *Đường Lối Thực Hành Tham Tổ Sư Thiền* là để phá ngã chấp, nếu tự hỏi không vi phạm chín chữ này sẽ chẳng có gì trở ngại, thực hành được chín chữ này là không thể nhập ma được. Có chương ngại là do ngã chấp, có sở cầu sở đắc sở sợ, hễ tin tự tâm 100%, tự nhiên sẽ thực hành được chín chữ này.

- Nếu thật đã kiến tánh, có người mắt sáng thì nhờ người ấy ấn chứng, nếu không gặp người mắt sáng, có thể lấy *Truyền Đăng Lục* hoặc kinh Hoa Nghiêm ấn chứng cũng được.

Tham thiền cần tự mình đi, có đi ắt sẽ đến, khi đến nơi rồi người ta nói mình chưa đến cũng đâu được! Hễ chưa đến mà nói đã đến rồi là đại vọng ngữ, phải đọa địa ngục.

Hỏi: Theo sự hiểu biết của con, mười hai bộ kinh của chư Phật và lời của chư Tổ đều chưa qua khỏi vô thi vô minh?

Đáp: Nói chư Tổ kẹt nơi vô thi vô minh là không đúng, ngoại đạo và Tiểu thừa mới bị kẹt nơi vô thi vô minh, cho vô thi vô minh là cứu cánh. Phá được vô thi vô minh mới gọi là kiến tánh, hễ chưa phá thì chưa được gọi là kiến tánh.

Hỏi: Sư phụ nói các pháp môn khác chỉ có chứng quả chứ chưa kiến tánh, vậy giữa kiến tánh và chứng quả khác nhau như thế nào?

Đáp: Tiểu thừa có bốn quả:

- Sơ quả Tu Đà Hoàn: dịch là Nhập lưu, nhưng chẳng phải có chỗ nhập. Kinh Kim Cang nói "Chẳng nhập sắc thanh hương vị xúc pháp, gọi là nhập lưu". Tức đã lia được lục trần là chứng sơ quả, phải sanh cõi người bảy lần nữa, theo kinh nói là "đã dứt hết kiến hoặc của Tam giới".

- Nhị quả Tư Đà Hàm: dịch là Nhất vắng lai, tức sanh cõi Trời một lần, sanh cõi người một lần. Tư hoặc của tam giới gồm chín phẩm, chứng được Tư Đà Hàm thì dứt được sáu phẩm, còn ba phẩm sau chưa dứt, nên phải sanh cõi người (*Dục giới*) một lần nữa.

- Tam quả A Na Hàm: gọi là Bất lai, tức đã dứt hết tư hoặc của dục giới, không cần thọ sanh nơi dục giới nữa, chỉ ở cõi Trời chứng quả A La Hán.

- Đến tứ quả A La Hán là xuất sanh tử luân hồi, nhưng chưa phải kiến tánh, còn chưa phá được vô thi vô minh.

* Giáo môn có năm thứ phiền não: Dục ái trụ địa phiền não là Dục giới, Sắc ái trụ địa phiền não là Sắc giới, Hữu ái trụ địa phiền não là Vô sắc giới, A La Hán dù dứt bốn thứ phiền não trên, nhưng còn Vô minh trụ địa phiền não. Vô minh là chẳng nổi ý niệm gì, thanh thanh tịnh tịnh, không vọng tưởng, không gì hết, nên người ta tưởng lầm là Niết bàn, kỳ thật chỗ đó là cội nguồn nổi lên nhất niệm vô minh. Nên nói chứng quả chưa phải kiến tánh.

* Đại thừa chứng quả lại khác: Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, cho đến Đẳng Giác, Diệu Giác là Phật, thường là 52 cấp, kinh Lăng Nghiêm thì có 57 cấp. Người chứng quả Thập địa vẫn chưa kiến tánh triệt để.

Hỏi: Sư phụ nói Phật giáo không kiến lập chơn lý, vậy Tam tạng giáo điển của Phật chẳng phải chơn lý sao?

Đáp: Không phải. Tam tạng giáo điển đều quét sạch chơn lý. Chơn lý là chấp thật, Tam tạng giáo điển là quét sạch tất cả chấp thật, kể cả chấp Phật. Bất cứ chấp vào cái gì đều là chấp.

Hỏi: Thế thì người tu đạo Phật không có chơn lý sao?

Đáp: Nếu nói Không là chấp thật vào không, bệnh càng nặng hơn. Có và Không là đối đãi, nếu chấp Không là thật, thì Có cũng là thật. Vì Có tiêu diệt rồi mới thành Không, vốn là chẳng có cái Có để tiêu diệt, làm sao có cái Không để chấp! Thành lập Có rồi mới thành lập Không, Có đã không thành lập thì Không làm sao thành!

Hỏi: Như vậy thế nào là chơn lý của Đạo Phật?

Đáp: Đã chẳng kiến lập chơn lý, làm sao có "chơn lý của đạo Phật"? Pháp, phi pháp, phi phi pháp. Kinh Kim Cang nói "Nếu người nào nói Như Lai có thuyết pháp là phi báng Phật", chẳng có pháp để Như Lai thuyết, làm sao có chơn lý của nhà Phật?

Hỏi: Chúng con có thể tự độ được không?

Đáp: Lục Tổ nói “Tự tánh tự độ”, nhưng phải nhờ chư Phật chư Tổ chỉ dẫn đường lối thực hành để tự độ. Cũng như Tổ sư thiên là do Phật Thích Ca đích thân chỉ dạy thực hành để tự độ, chứ chẳng phải là Phật Thích Ca độ hay ai độ.

Hỏi: Trong Cội Nguồn Truyền Thừa, ngài Nguyệt Khê nói đến Tự tánh Bát nhã "Thật tướng Bát nhã là pháp thân, phương tiện Bát nhã là kiến văn giác tri, dùng phương tiện Bát nhã để phá vô tri vô minh, sẽ chứng được Thật tướng Bát nhã". Vậy dùng kiến văn giác tri chuyển thức thành trí rồi trở thành Bát nhã, phải không?

Đáp: Nói Tự tánh Bát nhã, Thật tướng Bát nhã, Phương tiện Bát nhã đều là phương tiện; phàm dùng lời nói đều là phương tiện, phương tiện thì không đúng với thật tế, phải tự ngộ rồi, sự ngộ ấy mới đúng với thật tế. Hễ chấp vào cảnh giới ngộ vẫn còn chưa đúng với thật tế, huông là chưa ngộ!

Cái biết của kiến văn giác tri là tác dụng của bộ não, cái không biết cũng vậy, nay mình còn là chúng sanh, hiện hành đều là tác dụng của bộ não. Bát nhã vô tri mà vô sở bất tri, đã kiến tánh rồi, biết cũng là Bát nhã, không biết cũng là Bát nhã; chưa kiến tánh thì tri cũng là bệnh, bất tri cũng là bệnh.

Bây giờ nói “Dùng cái không biết của bộ não, chấm dứt tất cả biết của bộ não”, cũng là chiếu theo ý giải của ngài Nguyệt Khê: Ví dụ kiến văn giác tri là do bộ não đặt ra cái tên, các tướng; người đã kiến tánh không kẹt vào danh tướng, người chưa kiến tánh đuổi theo danh tướng, có kiến văn giác tri, không kiến văn giác tri v.v. Kỳ thật, có kiến văn giác tri với không chẳng khác, cho nên, bất cứ phương tiện gì hễ nói ra đều không đúng với thật tế.

Hỏi: Bất nhị là gì?

Đáp: Bất nhị chẳng phải là một, có một tức có hai, là nhị. Nói "bất nhị" cũng là phương tiện để chúng ta đừng chấp thật, vì chấp thật tức có giả, có chơn tức có vọng, là nhị. Nghĩa bất nhị không đối đãi, không tương đối, chẳng dính dáng với Có và Không, cũng là nghĩa vô trụ, vô thi vô sanh. Nhưng nếu chấp thật “vô sanh” cũng là nhị. Muốn chứng thật nghĩa bất nhị, phải tự ngộ mới được.

Hỏi: Nếu tất cả mọi người đều tham thoại đầu, không dùng lời nói văn tự, người đời sau làm sao biết đến Phật pháp?

Đáp: Đức Phật thuyết pháp 49 năm, tất cả lời dạy đều được ghi trong kinh điển, cuối cùng truyền pháp Tổ Sư Thiên. Giáo môn nói trong kinh điển gồm 84 ngàn pháp môn, thuộc pháp gián tiếp, còn Tổ sư thiên là pháp trực tiếp. Nếu người tin pháp thiên trực tiếp không nổi thì phải tin pháp gián tiếp. Vì người thường tin vào pháp gián tiếp, nên Phật thuyết về pháp gián tiếp nhiều hơn, còn Pháp thiên trực tiếp, Đức Phật chỉ truyền trong sát na.

Nay tôi hoằng pháp Tổ Sư Thiên, chẳng có ý muốn tất cả đều tu theo Tổ Sư Thiên, chẳng học Giáo môn. Nhưng vì Giáo môn đời nay khác với Giáo môn đời xưa: Giáo môn đời xưa gọi là tri văn khởi quán, học đến đâu quán đến đó, tức vừa học vừa tu, sự học với sự tu đi song song. Giáo môn đời nay chỉ có học, không có tu. Chớ nói là pháp xuất thế gian, pháp thế gian như khoa học, học lý luận cũng phải qua sự thực nghiệm để chứng tỏ phần lý luận đúng hay sai, còn học Giáo môn chỉ có phần lý luận, không thực hành thì đâu thể biết đúng sai? Chỉ cho học nhiều là cao, là hơn người, tăng thêm ngã chấp, thêm công cao ngã mạn, nghịch với chánh pháp!

Như câu hỏi của cô là hỏi theo ngã chấp, chẳng biết thiên là gì, chẳng biết Tổ sư thiên như thế nào, nên sợ tất cả mọi người đều tu pháp Tổ sư thiên thì không còn người biết đến Phật pháp!

Nếu thật sự mọi người đều tu pháp Tổ Sư Thiên, Phật pháp sẽ càng thịnh vượng hơn; vì người chứng quả nhiều. Một người chứng quả độ vô biên chúng sanh, khiến giáo pháp càng phát triển. Nếu chẳng ai tu Tổ Sư Thiên, mà chỉ học Phật pháp không chứng quả thì Phật pháp tại thế gian phải tiêu diệt! Chẳng những bị tiêu diệt, sẽ trở thành ngoại đạo, vì không phá ngã chấp.

Hỏi: Tụng kinh Pháp Hoa và tu Tổ Sư Thiên, phước đức như thế nào?

Đáp: Tụng kinh là để cầu phước phải không? Tu Tổ sư thiên cũng là để cầu phước? Phước nếu có thể do cầu mà được thì không có nhân quả, không nhân quả thì không Phật pháp, không Phật pháp thì không có chùa! Muốn được phước quả phải gieo thiện nhân, chứ chẳng phải chỉ tụng kinh là có phước, thế thì người nào biết chữ đều tụng được! Nay không chịu gieo nhân muốn đắc quả, có thể được chăng?

Bất cứ học theo pháp môn nào cũng phải tin nhân quả, không những trong Phật pháp có nhân quả, các tôn giáo khác, người đời nơi thế gian, dù có tín ngưỡng hay không, đều nằm trong nhân quả. Hễ phước báo có thể cầu được là ở ngoài nhân quả, chứ đừng nói tụng kinh Pháp Hoa hay tu Tổ Sư Thiên.

Hỏi: Thế thì Phật tử đến chùa tụng kinh gieo nhân gì?

Đáp: Tụng kinh để hiểu được ý Phật trong kinh, dù không theo kinh tu hành, cũng được gieo nhân, muôn ngàn kiếp sau cũng được quả. Còn nếu tụng kinh mà không hiểu ý, tụng như không tụng.

Hỏi: Nếu người tụng kinh hiểu được lời kinh, thực hành theo kinh thì được lợi ích, phải không?

Đáp: Kinh Pháp Hoa nói "Chư pháp tùng bản lai, thường tự tịch diệt tướng". Các pháp từ xưa nay, vốn là tướng tịch diệt, đó cũng là nghĩa vô sanh. Vô sanh thì đâu có sự cầu và không cầu, lợi ích hay chẳng lợi ích? Ví như trong kinh Duy Ma Cật, La Hâu La nói về lợi ích của sự xuất gia mà bị ngài Duy Ma Cật quở! Pháp đã vô sanh, đâu có lời nói để chấp thật? Tất cả kinh Phật đều chỉ là phương tiện để phá chấp, kinh Pháp Hoa cũng vậy. Phá được sự chấp là được lợi ích, nếu chấp vào đó cho là thật, lại thêm bệnh chấp chứ chẳng lợi ích gì.

Hỏi: Xin Sư phụ ban pháp âm cho vấn đề Thiên thất, khi Sư phụ đi vắng?

Đáp: Hai điều cần nhất khi thực hành tham Tổ sư thiên mà tôi thường nói, một là tin tự tâm, hai là dùng sự không biết của bộ não chấm dứt tất cả biết của bộ não. Còn nói về thiên bệnh thì cuốn *Cội Nguồn Truyền Thừa* của ngài Nguyệt Khê đã nói rõ. Phần *Thỉnh Ích Hồi Đạo* của ngài Nguyệt Khê, có thể đọc ra thu băng và phát lại cho hành giả nghe, để nhắc lại những thiên bệnh thường gặp phải để sửa sai.

Hỏi: Quy củ tối thiểu khi đến dự Thiên thất?

Đáp: Ở Chùa Pháp Thành, Tôi có cho cuốn Quy củ Thiên Thất. Nói chung, công phu của mình đừng có chướng ngại đến người khác, còn nếu phát hiện chỗ nào có thiếu sót thì thêm vào.

Hỏi: Thuốc "tham thoại đầu" là để chữa "bệnh sanh tử", chúng con tham thoại đầu cũng cầu mong được chữa khỏi bệnh sanh tử, vậy làm cách nào tôn trọng 3 chữ "Vô sở cầu"?

Đáp: Pháp vốn vô sanh, làm sao sanh ra việc cầu và không cầu? Nay tại có chấp tâm sanh khởi "có cầu", nên dùng "vô sở cầu" để đối trị, nếu sự cầu chẳng khởi thì đâu cần dùng đến thuốc "vô sở cầu" nữa!

Bây giờ chưa chứng quả, nên thấy có muôn ngàn sai biệt, hễ chứng quả rồi thấy không sai biệt, trong cầu thấy vô sở cầu. Nên người chứng quả gọi là "ngộ pháp vô sanh", nay vì còn nằm trong tương đối, nên chẳng chấp cầu thì chấp vô sở cầu, chẳng chấp đắc thì chấp vô sở đắc.

Hỏi: Người tham thiền ham chỗ "Ồ" lên một tiếng đập tan vô thi vô minh, nên lọt vào có sở cầu?

Đáp: Đó là do cái biết của bộ não, do công phu chưa đắc lực, nên có sự ham đó. Nếu công phu giữ được "không biết" của nghi tình, thì đâu còn sự ham biết đó? Chư Tổ nói "Trước tiên quên thế giới vạn vật, sau quên cái thân, cuối cùng quên luôn cả tâm". Tâm đã quên, còn gì không quên? Đâu còn ham và không ham? Còn gì để nói nữa? Nên cần thiết về công phu.

Hỏi: Khi vắng Sư phụ, chúng con gặp chướng ngại thì sao?

Đáp: Tôi thường nói phải tin tự tâm 100%", do chẳng tin tự tâm mới có sự ham cầu và chứng đắc, mới sanh ra đủ thứ thiên bệnh. Chín chữ "vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ" là trị bệnh chấp ngã, hễ tin tự tâm thì đâu còn cầu còn đắc còn sợ? Vì tất cả là của mình.

Tự tâm khắp không gian thời gian, ngoài không gian chẳng có không gian, ngoài thời gian chẳng có thời gian, còn gì để đắc? Có đắc là từ bên ngoài, đều là ở trong, đều là của mình thì cần gì để cầu để đắc? Nếu thực hiện đúng theo hai điều nhắc nhở trên, tự nhiên sẽ đến chỗ vô minh tan rã.

Nay nói vô minh tan rã, thật ra trong Phật pháp vốn chẳng có cái vô thi vô minh để cho mình phá, tại chấp mới thành có, nên phải phá.

Hỏi: Tại sao trong Thiền Thất Khai Thị Lục nói "khi nghi tình thành khối phải nổi vọng tưởng"?

Đáp: Đó là sau khi ngộ rồi bảo nhiệm, bảo nhiệm cũng gọi là tu, sự tu đó mới là chơn tu, ngài Qui Sơn nói "chăn trâu", là sau khi ngộ rồi bảo nhiệm mới thật là chăn trâu, chứ chẳng phải như Giáo môn cho "chăn trâu" là tu, ấy là sai.

Sau khi ngộ rồi, tập khí vẫn còn, tự nhiên phải nổi vọng tưởng, cũng tự nhiên dứt vọng tưởng, cứ nổi bao nhiêu dứt bấy nhiêu. Nhưng chúng ta không thể chấp vào lời của Tổ, ấy chỉ là phương tiện thí dụ, người nói thì không sai, hễ chấp thật là sai.

Hỏi: Làm thế nào làm thiện không lọt vào nơi thiện?

Đáp: Tạo thiện ắt được thiện quả, nhưng cái nhân đã không trụ thì quả cũng không trụ. Mặc dù không trụ quả, nhân đã gieo, quả sẽ đến, ví như Phật Thích Ca, dù tâm chẳng trụ nhân, chẳng cầu danh vọng, khi quả đến người nào cũng cung kính lễ bái Đức Phật.

Hỏi: Nay cũng có nhiều người nói "làm mà không chấp", "làm mà chẳng trụ". Đó có phải ngụy biện không?

Đáp: Nói "không trụ" đã là trụ rồi, vì có trụ mới nói không trụ; nói "không chấp" đã là chấp, nếu thật không chấp thì chẳng cần nói, kể cả cái "không chấp" cũng chẳng có, gọi là giải thoát tri kiến.

Hỏi: Thế nào là “Thường ứng chur căn dụng, mà chẳng khởi dụng tướng, phân biệt tất cả pháp, chẳng khởi phân biệt tướng” trong kinh Pháp Bảo Đàn?

Đáp: Cái dụng là dụng của bản thể, phân biệt cũng là phân biệt của bản thể, chẳng phải vô tri, chỉ là cùng khắp mà không nơi chốn thôi.

Thường ứng chur căn dụng: Lục căn ứng dụng hàng ngày, luôn luôn như thế, chẳng phải lúc thấy mới gọi là thấy, lúc có nghe mới gọi là nghe. Nhắm mắt cũng thấy, không nghe cũng nghe, vì bản thể cùng khắp, chẳng phải sự thấy nghe của người bệnh. Như Quán Thế Âm Bồ tát, dùng con mắt để nghe âm thanh của thế gian, gọi là lục căn hỗ dụng.

Kỳ thật, cái biết của bản thể không cần lục căn, nhưng nhờ lục căn diễn đạt thôi. Nhưng chúng sanh phải nhờ lục căn, nên nói “Thường ứng chur căn dụng”, mặc dù dụng, cũng như không dụng, vì chẳng khởi ý là dụng, như trên đã nói, cái biết luôn luôn như thế, chẳng có năng dụng sở dụng; chẳng phải khi tiếp xúc mới là dụng, chẳng tiếp xúc thì không. Nếu khởi ý năng sở tức gọi là dụng tướng.

Phân biệt tất cả pháp, chẳng khởi phân biệt tướng: tức chẳng cho là biết. Nếu nổi lên cái biết, ấy là cái biết bệnh, chẳng phải sự biết không gián đoạn của bản thể. Hễ có gián đoạn tức không cùng khắp, tức có sanh diệt, lúc biết là sanh, không biết là diệt, nhớ thì sanh, quên thì diệt.

Hỏi: Sư phụ dạy “lấy cái không biết để chấm dứt tất cả biết”, tức dùng cái không biết đối trị cái biết, nhưng cái “không biết” lấy gì đối trị?

Đáp: Lấy cái biết của bản thể để trị bệnh không biết của bộ não. Nhưng cái biết của bộ não thì chẳng thể biết được cái biết của bản thể. Nay dùng cái không biết của bộ não chấm dứt tất cả biết của bộ não, bao gồm tìm hiểu biết, ghi nhớ biết và tùy duyên biết. Tánh con người ham tìm hiểu, tìm hiểu rồi ghi nhớ lại; tìm hiểu biết chấm dứt rồi, phải chấm dứt luôn cả tùy duyên biết.

Thế nào là tùy duyên biết? Tức không cần tìm hiểu cũng biết: ví như ngồi, chẳng cần tìm hiểu cũng biết ngồi, đi chẳng cần tìm hiểu cũng biết đi, biết ăn cơm v.v. gặp duyên gì đều biết.

Ngài Lai Quả nói “Khi công phu đến mức, ngồi không biết là ngồi, đi không biết là đi”, lúc đó tất cả đều không biết, chính chỗ đó là vô tri vô minh. Cuối cùng còn tâm không biết, là gân kiến tánh. Khi cái biết của tự tánh thành linh nổi lên, cái không biết của bộ não tan rã, gọi là kiến tánh thành Phật, tức chấm dứt cái biết của người mù, tự mình mất sáng, chẳng cần hỏi ai nữa, chẳng còn bị người lừa gạt.

Nay chưa kiến tánh là người mù, thường bị người mất sáng như Phật, Tổ lừa gạt. Tổ với Phật vốn không có ý lừa gạt mình, tại mình chẳng thể thấu qua lời nói của Phật, Tổ, nên bị lừa gạt.

Hỏi: Tại sao ngài Nguyệt Khê nói “Vạn pháp duy tâm tạo” là không đúng?

Đáp: Theo thật tế, Tự tánh vốn đã sẵn đủ, những suy nghĩ, lời nói, văn tự v.v. đều là không đúng, tất cả chỉ diễn tả về bề trái, còn bề mặt là nói không được, không có chỗ để nói. Ví như cái biết cùng khắp cơ thể, chẳng có chỗ búng, tức chẳng có chỗ biết và không biết, vậy thì lấy gì để nói? Muốn nói phải có chỗ biết, có chỗ không biết mới nói được, mà cái biết nói được ấy là biết bệnh, là bề trái. Nên kinh Lăng Nghiêm nói “Đệ nhất nguyệt là nói không được”, suy nghĩ, văn tự, lời nói đều không đến được. Do đó, hễ nghiên cứu về bề trái (lời nói của Phật, của Tổ) là sai, vì bề trái đã là không đúng rồi.

Hỏi: Sau khi vắng mặt Sư phụ, có thể cho nghe lại những đoạn băng vấn đáp từ những năm trước đây trong buổi chiều mỗi cuối kỳ Thiền thất?

Đáp: Nếu nghe là nghe những kỳ gần đây, vấn đáp sắc hơn. Vì những năm đầu, do lòng tin của hành giả chưa vững chắc, nên tôi phải giảng dài dòng hơn. Còn bây giờ tôi nói ngay chỉ có hai điều: tin tự tâm và dùng cái không biết của nghi tình chấm dứt tất cả biết.

Mặc dù nghe tôi giảng như thế, nhiều người cũng nói là hiểu lời tôi nói, nhưng vì tập khí ham tìm hiểu, nhất là tìm hiểu câu thoại, trong đầu luôn muốn tìm câu trả lời, lọt vào ý thức, ấy là sai. Tôi đã hỏi nhiều người, đã dặn trước là hỏi phải trả lời liền, không cho suy nghĩ, không cho tìm hiểu, không cho chậm trễ, nhưng khi tôi hỏi, vẫn chậm trễ muốn tìm câu trả lời, cho nên, những người như thế là tham không được, là sai, người nào cũng bị. Hành giả tham thiền phải lưu ý điều này.

Hỏi: Ngài Nguyệt Khê nói “Phật tánh chẳng dính dáng đến vô minh”, vậy tại sao Chứng Đạo Ca lại nói “Thật tánh vô minh tức Phật tánh”?

Đáp: Phương tiện vốn chẳng thật, nay muốn truy cứu phương tiện cho là đúng lý, ấy là sai, vì tất cả phương tiện đều vô lý, ví như nói “Từ vô thi đến nay”, có thi mới đến nay, vô thi làm sao đến nay? Nói ra là sai rồi! Ví như nói “Kiến tánh”, nếu giải theo mặt chữ, cho là có cái tánh để thấy, là sai rồi!

Phàm là lời nói đều chỉ là phương tiện, chẳng phải chơn lý, nên Phật pháp khác hơn tất cả tôn giáo là không kiến lập chơn lý. Lời của ngài Nguyệt Khê cũng như lời của Phật, chỉ là phương tiện để phá chấp, đâu thể chấp thật?

Nói “Thật tánh vô minh tức Phật tánh”, chẳng những vô minh, thật tánh của tất cả pháp đều là Phật tánh, vì Phật tánh bất nhị.

Hỏi: Tham thoại đầu có phải cứu xét tự tánh không?

Đáp: Ấy là nghịch với tông chỉ tham Tổ Sư Thiền. Tham thoại đầu không cho cứu xét, chỉ là phát khởi nghi tình, từ nghi đến ngộ.

Hỏi: Hành giả tham thiền gặp người vấn nạn phải làm sao?

Đáp: Người khác muốn nói gì, muốn cho là cái gì cũng được, mình chỉ ôm chặt câu thoại đầu tham tới mãi, dùng câu thoại đầu sở tham để trả lời. Ví như sư đệ của ngài Lai Quả, thừa lệnh thầy mời Ngài trở về chùa, Ngài chỉ trả lời “Niệm Phật là ai?”, khiến sư đệ cũng hết cách, đành phải quay về một mình.

Hỏi: Có người hỏi con “Tham thiền tại sao không tụng kinh?”, con nên trả lời thế nào?

Đáp: Kinh Pháp Bảo Đàn nói Tham thiền là ngày đêm tụng kinh chẳng ngừng, từ kiếp này qua kiếp khác cũng chẳng ngừng, sao nói là không tụng? Chẳng những tụng kinh, tất cả pháp thế gian đều thực hành đầy đủ. Đề câu thoại đầu khởi lên nghi tình, bất kể Bồ tát lục độ vạn hạnh, giới định huệ, ba mươi bảy phẩm trợ đạo, cho đến công thương kỹ nghệ nơi thế gian đều đầy đủ chẳng thiếu sót. Có thiếu sót tức Phật tánh không cùng khắp. Cho nên, chur Tổ đối với pháp thế gian và pháp xuất thế gian chẳng hai chẳng khác, vì tất cả đều gồm trong nghi tình rồi.

Hỏi: Kinh Phạm Võng nói phải phát thế nguyện, nếu không thì phạm giới. Chúng con nay tham Tổ Sư Thiền, đối với những thế nguyện đã phát trước kia, phải làm sao?

Đáp: Đó không phải là chơn lý nhất định, chư Phật tùy theo căn cơ trình độ của chúng sanh mà sử dụng phương tiện, tất cả chỉ là phá chấp, chẳng thể chấp vào một bên, hễ chấp một bên là lọt vào biên kiến. Kinh Bát Nhã nói đến ba cửa giải thoát: Không, vô tướng, vô nguyện. Khi chưa thành Phật, chư Phật đều có phát nguyện, nhưng nếu chấp nguyện không bỏ thì chẳng thể giải thoát.

Cho nên, hễ chấp "không phát nguyện" thì dùng "phát nguyện" để phá chấp, chấp "lễ Phật" tức dùng "không lễ Phật" để phá, chấp "không lễ Phật" thì thành kính "lễ Phật" để phá cái chấp đó; đâu phải là nhất định! Nếu là nhất định tức có sở trụ, chẳng phải bản thể tự tánh.

Hỏi: Thấy nghi tình mãnh liệt, muốn ra sức dụng công trong bảy ngày, việc ấy ra sao?

Đáp: Kinh Pháp Cú nói "Nếu khởi lên tâm tinh tấn, tức chẳng phải tinh tấn". Tham thoại đầu là muốn chấm dứt tất cả biết, biết tinh tấn đã thành chẳng tinh tấn, là có tâm muốn cầu, còn giữ ngã chấp.

Biết tinh tấn, biết lui sụt, biết thanh tịnh, biết vọng tưởng, biết mình có cái năng biết v.v. cũng còn không được, đang dụng công phu mà biết này biết kia, là nghịch với công phu của mình. Nay muốn hiện ra tướng mạnh, thì tất cả tướng bệnh, năng sở đối đãi đều phải chấm dứt, nên mới dùng tâm không biết để chấm dứt tất cả biết. Chỉ cần giữ được nghi tình, sẽ đến chỗ "biết và chẳng biết đều chấm dứt".

Hỏi: Lời giải đáp thắc mắc của Sư phụ đã khiến chúng con tăng trưởng lòng tin tự tâm. Vậy sau khi Sư phụ đi vắng, xin phép cho chúng con ghi nhận lại tất cả lời vấn đáp của Sư phụ từ trước đến nay, thành một cuốn pháp ngữ để tham khảo? Được không?

Đáp: Được, nhưng không phải là pháp ngữ, là ngữ lục (*Duy Lực Ngữ Lục*). Sau này các Phật tử nếu có thắc mắc, có thể gom lại các câu hỏi, gửi thư cho tôi, tôi sẽ trả lời.

Hỏi: Chúng con rất sợ vọng tưởng mà không sợ không được! Vừa ngồi xuống tham thiền, nghi tình chưa khởi là vọng tưởng đã ập tới, làm phiền muộn suốt đời chúng con, vậy phải làm sao?

Đáp: Bài kệ trong kinh Hoa Nghiêm nói "nhất thiết duy tâm tạo". Tâm tạo vốn chẳng thật, vọng tưởng cũng do tâm tạo, tại sao lại phải sợ những việc chẳng phải thật? Lại, tham thiền là dùng cái tâm không biết để chấm dứt tất cả biết, tại sao lại muốn biết vọng tưởng? Nếu thật sự giữ được tâm không biết, vọng tưởng không biết là vọng tưởng, đâu có gì đáng sợ?

Ấy là do đánh mất nghi tình, nên có sở sợ. Bây giờ phải khiến câu thoại đầu miên mật không kẽ hở, giữa câu thứ nhất và câu thứ nhì, câu thứ ba, vừa hỏi dứt là hỏi tiếp, không cho có kẽ hở, hễ có kẽ hở là có tâm suy nghĩ.

Hỏi: Cứ tham thoại đầu suốt ngày đêm, có bận rộn không?

Đáp: Việc bận rộn của thế gian là có tâm biết, mới thành bận rộn, còn pháp xuất thế gian này dùng tâm không biết, đã không biết thì làm sao biết bận rộn? Hễ có biết là nghịch với ý chỉ Tổ Sư Thiên. Việc thế gian do có tâm biết, làm mãi phải mệt; còn không biết là không thấy bận rộn, không thấy mệt mỏi, cho nên nói thuốc thoại đầu là rất hay.

Hỏi: Tại sao câu trả lời của các vị Thiền sư thường chẳng có ý nghĩa?

Đáp: Người hỏi Nam, Thiền sư thường trả lời Bắc là muốn chấm dứt sự tìm hiểu của người hỏi, muốn bật tri kiến của người hỏi, nên trả lời không nghĩa lý. Do người hỏi thường mắc phải lý chướng, nên có đúng lý hay không đúng lý, ấy là nhị, Phật tánh bất nhị, chẳng đối đãi, nên chẳng có hợp lý hay không hợp lý.

Ví như Bát Nhã Tâm Kinh nói "Vô nhân nhĩ tử thiết thân ý, vô trí diệt vô đắc", là dùng chữ Vô để chấm dứt tri kiến của người thế gian, tức phá lục căn, cho đến những tri kiến xuất thế gian như A La Hán, Bích Chi Phật, Bồ tát. Tất cả tri kiến đều dứt sạch mới được gọi là tri kiến Phật.

Như ngài Tăng Triệu nói "Bát Nhã vô tri", luôn cả vô tri cũng tan rã, tri với vô tri đều hết, tức tác dụng của bộ não chấm dứt, bệnh mù hết rồi, cái biết của Chơn như Phật tánh mới hiện ra, khắp không gian thời gian.

Hỏi: Tại sao Pháp sư Nguyệt Khê nói tác giả của Đại Thừa Khởi Tín Luận chẳng phải là ngài Mã Minh?

Đáp: Ngài Mã Minh là Tổ thứ 12 phái Thiên tông Ấn Độ, là vị Tổ đã kiến tánh triệt để, được người đời lập ra để làm tiêu biểu, cái biết của bản thể tự nhiên đúng như thật tế. Thật tế bất nhị, đâu có sai biệt? Trong Đại Thừa Khởi Tín Luận nói "Chơn như duyên khởi", Chơn như tức Phật tánh, duyên khởi là vô minh, vì có sanh diệt, là nhị. Nếu người đã kiến tánh mà nói như thế tức chưa kiến tánh, nên Pháp sư Nguyệt Khê nói đây là tác phẩm của ngoại đạo, còn ngã chấp, mới có cái thuyết "Chơn như duyên khởi", rồi gắn tên của Tổ Mã Minh.

Hỏi: Vậy tại sao trong Triệu Luận, ngài Tăng Triệu lại dẫn chứng Đại Thừa Khởi Tín Luận?

Đáp: Trong Đại Thừa Khởi Tín Luận có cái không đúng, ví như nói "Chơn như duyên khởi", nhưng cũng có phần lấy lời Phật thì đúng.

Hỏi: Có phải thực hiện được vô ngã là ngộ đạo?

Đáp: Không phải. Ngã với vô ngã là nhị, nếu còn biết vô ngã tức thừa nhận có ngã, do diệt cái ngã rồi nói vô ngã. Cho nên, vô ngã chưa phải thành Phật. Như A La Hán, đã diệt được nhơn ngã chấp, nhưng chưa phải thành Phật, chỉ là ở giữa đường.

Hỏi: Xin Sư phụ khai thị một phương tiện thẳng tắt, để có niềm tin tuyệt đối tiếp tục tu tập khi Sư phụ đi vắng?

Đáp: Nói có đi có đến là không tin tự tâm. Tại sao? Vì tự tâm cùng khắp không gian thì làm sao có đi có đến? Cho nên, đi và không đi là nhị, còn tự tâm cùng khắp là bất nhị. Về thời gian thì chẳng có sanh diệt, hễ có tâm sanh khởi rồi quên là diệt, là không cùng khắp, vậy câu hỏi của ông là do chấp tâm để hỏi, là sai, nếu tôi trả lời theo cũng vậy.

Chỉ sợ chính mình không tin tự tâm, chớ có sợ tôi đi hay không đi. Cũng như Lục Tổ lúc gần tịch, nói với môn đồ rằng "Nếu không quyết tử tu hành, dù suốt ngày ở trước mặt cũng là vô ích. Nếu là chơn tu, dù xa tôi ngàn dặm, cũng như ở trước mặt vậy".

Được tu đến kiến tánh hay không, là do tự mình quyết định, chẳng phải do người khác. Cho nên, tín ngưỡng của Phật giáo khác hơn tất cả tôn giáo, là phải tin tự tâm chứ chẳng phải ỷ lại người khác. Còn tôi đi hay ở, việc đó không quan trọng.

PHẦN 16.

Hỏi: Trước tu Tịnh Độ, nay chuyển qua tham Tổ sư thiền được không?

Đáp: Mục đích tu Tịnh Độ hay tham Tổ sư thiên đều là để giác ngộ thành Phật, giải quyết tất cả khổ. Chỉ là Pháp Tịnh Độ thuộc pháp thiên gián tiếp, Tổ sư thiên là pháp thiên trực tiếp. Đức Phật dạy tám mươi bốn ngàn pháp môn, chỉ có Tổ sư thiên là pháp trực tiếp, ngoài ra đều là pháp gián tiếp. Lại, tu pháp môn nào phải đúng theo tông chỉ pháp môn đó mới được thành tựu, nếu tu không đúng, chẳng những không được thành tựu, có thể trở thành ngoại đạo.

Pháp môn Tịnh Độ là do Pháp sư Huệ Viễn đời nhà Tấn (*Trung Quốc*) dựa theo kinh Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ sáng lập, chứ chẳng phải do Phật Thích Ca sáng lập hay từ Ấn Độ truyền qua. Trong đó có bảy vị Tổ là tu theo Tổ sư thiên kiến tánh rồi, tùy theo nhân duyên giúp cho Tịnh Độ hoằng pháp. Đến Tổ thứ 13 là Pháp sư Ấn Quang, sau đó mấy mươi năm nay chưa có Tổ thứ 14.

Còn Tổ sư thiên là do Phật Thích Ca truyền cho ngài Ma Ha Ca Diếp, rồi do Tổ sư từng đời truyền xuống, đến đời tôi, mỗi đời đều có sự truyền thừa rõ ràng.

Đối với Lịch sử Thiên tông ở Việt Nam tôi chưa được rõ, nghe nói Tổ sư thiên ở Việt Nam là truyền từ Thiên sư Vô Ngôn Thông hay ngài Liễu Quán. Từ nhà Lê đến nay đã thất truyền gần hai trăm năm, có Tổ sư từ Trung Quốc qua Việt Nam dạy về pháp môn Tổ Sư Thiên, sau đó cũng thất truyền.

Còn Tổ sư Tịnh Độ của Việt nam thì không nghe nói, cũng không biết do vị Tổ nào sáng lập, đa số do tự mình xem sách, nhiều người tự lấy ý mình tu, cho tụng kinh niệm Phật là tu Tịnh Độ. Còn hỏi về tông chỉ của Tịnh Độ thì nói là: Tụng kinh, niệm Phật, ăn chay, phát nguyện. Sự thật, tông chỉ của Tịnh Độ là Tín, nguyện, hành.

Hỏi: *Vậy Có tông chỉ của Tịnh Độ không?*

Đáp: Theo Phật pháp, nguồn gốc của Bản thể là Phật tánh, Đức Phật gọi là Chơn như Phật tánh. Bản thể của Phật tánh không dính líu với có không. Có Không là nguồn gốc của 62 kiến chấp, phạm có đối đãi là nhị biên, là biên kiến, thuộc một trong năm thứ ác kiến. Hễ chấp thật Có và Không đều lọt vào biên kiến, nên Phật dạy phải lia tứ cú, tuyệt bách phi, nếu chấp thật sự có và không, đã nghịch với bản thể tự tánh, đầu cho siêng năng tu tập, cũng chẳng thể thành tựu.

Hỏi: *Thiên tông và Tịnh độ một thể, phải không?*

Đáp: Nói thì đúng, nhưng sự hiểu không đúng. Cách thực hành giữa Tổ sư thiên và Tịnh Độ có khác, nhưng mục đích không khác, chỉ là pháp thiên trực tiếp hay gián tiếp mà thôi. Tức Tổ sư thiên có thể kiến tánh lúc còn sống, không cần đợi sau chết mới vãng sanh.

Tịnh Độ dù được vãng sanh, vẫn chưa được kiến tánh. Tại sao? Vì tất cả pháp đều không ngoài nhân quả. Nhân vô vi mới được quả vô vi, nhân hữu vi chỉ được quả hữu vi. Do cách tu của Tịnh độ chỉ gieo được nhân hữu vi, bản thể Tự tánh không đối đãi, chẳng thuộc có không, nên khi thực hành theo đường lối, phải gieo nhân vô vi mới được quả vô vi.

Tịnh độ cuối cùng cũng thành Phật, nhưng còn xa, vì là pháp gián tiếp. Người được sanh cõi Tịnh độ mới bắt đầu tu, nếu sanh nơi biên địa, là chưa được vào cõi Tịnh độ, sanh nơi hạ phẩm phải ở trong hoa sen mười hai đại kiếp mới được ra; Một đại kiếp gồm bốn trung kiếp, một trung kiếp gồm hai mươi tiểu kiếp, một tiểu kiếp là mười sáu triệu năm. Quý vị thử nghĩ xem là bao lâu?

Còn tu pháp Tô Sư Thiên, có thể ngay trong kiếp này được kiến tánh, như Long nữ trong kinh Pháp Hoa tám tuổi thành Phật. Cho nên, pháp trực tiếp với pháp gián tiếp có khác, nhưng khi thành Phật là không khác.

Như trên đã nói, phải gieo nhân vô vi mới được quả vô vi, người tu Tịnh độ sau khi sanh cõi Tịnh độ, lòng tin vững chắc rồi, bỏ được chấp tâm, mới chuyển từ niệm Phật qua tham thiền, từ nghi đến ngộ. Nghi tình là nhân vô vi, mới được sự ngộ là quả. Tại sao nói nghi tình là nhân vô vi? vì nghi tình là tâm không biết, chẳng dính mắc gì cả. Hễ có dính mắc là hữu vi.

Hỏi: Trong kinh Duy Ma Cát, lúc ngài Duy Ma Cát bệnh, tại sao hàng đệ tử của Phật không ai dám đi thăm bệnh?

Đáp: Ấy là muốn tỏ bày: Bệnh của chúng sanh hay chấp thật, chấp có Phật, chấp không Phật. Bất cứ chấp vào cái gì đều là bệnh, nói "Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh", hễ chấp "thật có Phật tánh" cũng là bệnh, chấp "không Phật tánh" cũng là bệnh, có chấp tức thành bệnh. Do đó Phật Thích Ca vừa thuyết liên pháp, chỉ vì sợ chúng sanh chấp thật vào đó, khiến chẳng được giải thoát.

Trong kinh Duy Ma Cát, mọi người khó hiểu nhất là về đoạn "Tu Bồ Đề không xứng đáng đi thăm bệnh":

Tu Bồ Đề đến nhà Duy Ma Cát khát thực, Ngài lấy bát đựng đầy cơm, nói với Tu Bồ Đề: Này Tu Bồ Đề, đối với sự ăn bình đẳng thì các pháp cũng bình đẳng, các pháp bình đẳng sự ăn cũng bình đẳng. Khát thực như thế mới được lấy ăn. Lại nói: Nếu Tu Bồ Đề chẳng thấy Phật, chẳng nghe pháp, ngoại đạo là thầy của ông, vì họ xuất gia bị đọa, ông cũng đọa theo, mới được lấy ăn.

Chỗ này, nhiều người chú giải kinh muốn đem những đoạn văn phi lý trên giải thành có lý, đều đã hiểu sai lầm. Kỳ thật, đoạn này là do Tu Bồ Đề và Duy Ma Cát hợp tác để diễn tả lại nghĩa "Văn tự tánh không".

Tu Bồ Đề chẳng phải không biết, nhưng muốn thị hiện việc sợ hãi bỏ chạy, để ngài Duy Ma Cát diễn tả về "Văn tự tánh không", nên Ngài nói: Này Tu Bồ Đề, cứ lấy bát đi đừng sợ. Ý ông thế nào? Nếu đem việc này hỏi người huyền hóa của Như Lai làm ra, người ấy có sợ chẳng?

Đáp: Không ạ.

- Tất cả các pháp, tướng như huyền hóa, tất cả ngôn thuyết đều chẳng lìa tướng huyền hóa.

Nhiều người giảng kinh Duy Ma Cát đến chỗ này đều miễn cưỡng dùng lời giải hợp lý để giải thích sự bất hợp lý, ấy là sai, là chấp thật vào văn tự lời nói. Nay phần nhiều học Phật đều chấp thật vào lời nói kinh điển, nên ở đoạn này, Duy Ma Cát chuyên phá vào những chấp thật như thế, nói "Tánh văn tự tự lìa văn tự, tất cả các tướng đều như thế".

* Về đoạn "Pháp môn Bất nhị": ngài Duy Ma Cát im lặng, Bồ tát Văn Thù tán thán là "Chẳng có lời nói văn tự mới là chơn nhập pháp môn bất nhị". Nhưng hễ chấp vào sự im lặng của Ngài là chơn nhập pháp môn bất nhị cũng là sai. Tại sao? Trong tứ cú: cú thứ nhất là ngôn ngữ, cú thứ nhì là im lặng, cú thứ ba là cũng ngôn ngữ cũng im lặng; cú thứ tư là chẳng ngôn ngữ chẳng im lặng. Hễ chấp vào im lặng tức lọt vào cú thứ nhì, cho nên, chúng ta tu Phật pháp, xem kinh phải hiểu ý Phật, chớ hiểu theo lời nói là sai. Ý Phật chẳng ở nơi lời nói, lời nói chỉ là công cụ phá chấp mà thôi.

Hỏi: Con trùng đứt làm hai thì tánh nó ra sao?

Đáp: Bản thể Tự tánh khắp không gian thời gian, đâu thể ở khúc này hay khúc kia? Nếu có ở khúc này hay khúc kia là không cùng khắp, chẳng phải bản thể tự tánh.

Hỏi: Tham thiền vô ngôn thuyết, lấy gì để dạy người?

Đáp: "Vô ngôn thuyết" là bản thể, cách thực hành chẳng phải là bản thể, là để đi đến bản thể. Ở trên đã nói, im lặng vẫn còn không được, như kinh Kim Cang nói "Do vô vi mà có sự sai biệt của các bậc Thánh hiền". Vô vi làm sao có sai biệt? Thế nào là sai biệt? Tại chưa đến chỗ vô vi, đang trên đường đi, nên có đủ thứ sai biệt. Sai biệt thế nào? Giáo môn từ Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, cho đến Đăng giác. Đến Diệu giác là chỗ vô vi rồi, đâu còn sai biệt? Chỗ đó là chỗ vô ngôn thuyết.

Ví như từ Chợ Lớn đến Sài Gòn, nếu cứ một mực thẳng tiến là mau đến nơi, hãy ngoảnh qua ngoảnh lại những quang cảnh hai bên đường, nào là rạp hát, nào là điếm vui chơi. Vậy làm sao vô ngôn? Nên phải một mực thẳng tiến, chẳng bị cảnh giới quyến rũ. Có đi thẳng cũng phải đi đúng hướng, nếu không thì lệch ra ngoài ô chứ chẳng thể đến Sài Gòn.

Do đó, cách đi phải dùng ngôn thuyết, nói Thiền tông "Bất lập văn tự", bất lập văn tự chẳng phải phớt bỏ văn tự, nên có mười hai bộ kinh của Phật, chứ Đức Phật có phớt bỏ văn tự đâu! Chỉ là đừng bị văn tự chướng ngại, đừng dính mắc vào văn tự thôi.

Cách thực hành phương pháp tham thiền rất dễ, rất giản dị, nhưng lòng tin tự tâm rất khó, đáng lẽ Thiền môn chẳng cần dùng kinh giáo, nhưng vì tôi muốn tăng trưởng lòng tin tự tâm cho hành giả tham thiền, nên có dịch thêm kinh Lăng Nghiêm, kinh Kim Cang, kinh Viên Giác, kinh Duy Ma Cật, Yếu chỉ Hoa Nghiêm, Yếu chỉ Pháp Hoa.

Hỏi: Trước khi tắt thở, chúng con phải làm gì?

Đáp: Tôi thường nói, chẳng có phương tiện gì khác, chỉ có "thuộc thoại đầu" là duy nhất, vì thuộc này đưa mình đến kiến tánh, kiến tánh rồi còn gì không giải quyết?

Nói đến vấn đề này, chẳng những già trẻ, lớn bé đều có thể chết thành linh, đã biết sanh tử vốn là không có, do vọng tâm chấp thật mới thành, đâu cần sợ sanh tử nữa? Chỉ giải quyết việc sanh tử thôi. Muốn giải quyết việc sanh tử, chỉ nhờ câu thoại đầu, nói đi nói lại muôn ngàn lần, cũng chỉ là câu thoại đầu.

Hỏi: Khi liệm có cần mang y theo không?

Đáp: Nếu nói về Tự tánh thì sanh tử vốn chẳng có, làm sao có y? Người thọ giới rồi là có y, nhưng đối với giới Thanh văn, từ ngũ giới, Sa di giới, cho đến Tỳ Kheo 250 giới, Tỳ Kheo Ni 348 giới, chỉ là tận hình thọ, tức thọ suốt một đời, hình hoại là hết, tự nhiên xả giới, vậy đem theo y làm gì?

Hỏi: Đến một ngày nào, niệm chẳng còn sanh diệt, đó là cảnh giới như thế nào?

Đáp: Đó là cảnh giới vô thi vô minh.

Hỏi: Thế nào là sự thấy của người trí và kẻ ngu?

Đáp: Diệt sanh diệt rồi, cho là không sanh diệt, đó là cảnh giới vô thi vô minh, ngoại đạo chấp đó là cứu cánh. Người thế gian diệt chỗ sanh diệt rồi, cho cái "không sanh diệt" là xuất thế gian, chẳng biết hai cái đều là thế gian, chưa phải xuất thế gian. Thật ra, trong Phật tánh vốn chẳng có cái "sanh diệt" để cho mình diệt, nếu có sanh diệt để diệt là còn nằm trong tương đối.

Nay đã biết sự sanh diệt là pháp thế gian, vốn là không, tại sao còn muốn phân biệt, muốn biết để làm gì? Vì biết là tai họa, là tướng bệnh, khiến tướng mạnh chẳng thể hiện ra.

Hỏi: *Vậy thế nào là pháp xuất thế gian?*

Đáp: Điều đó phải tự ngộ mới biết, nay hễ có nói được đều là pháp thế gian, đều là tương đối. Chẳng những là lời của tôi, dù là lời của Phật cũng vậy.

Hỏi: *Pháp môn Tổ sư thiên là Tối Thượng Thừa, nếu hành giả tham thiền có ý cho pháp của mình tu là cao hơn thì không đúng phải không?*

Đáp: Tác dụng của bộ não là tướng bệnh, tham thiền dùng cái không biết chấm dứt tất cả tướng bệnh, để tướng mạnh được hiện ra.

Hỏi: *Ý nghĩa xuất gia như thế nào?*

Đáp: Nếu muốn chơn tu giải thoát, thì Lục Tổ nói "Xuất gia hay tại gia đều chẳng khác". Xuất gia hay tại gia là tùy theo hoàn cảnh cá nhân, mỗi người có hoàn cảnh khác nhau, nhân duyên khác nhau, xuất gia hay không là tùy duyên, chứ không phải có sự nhất định, chẳng cần để tâm nhiều khiến chướng ngại.

Còn nói đến công đức lợi ích, thì theo kinh Duy Ma Cật, xuất gia chẳng nói về công đức về lợi ích. Trong *Truyện Đăng Lục*, từ ông vua, Thừa tướng, Quận trưởng, Tỉnh trưởng, đến tay bưng vai gánh, bán rau ngoài phố, người gì cũng có thể kiến tánh, kiến tánh rồi cũng chẳng bỏ nghề; Vua vẫn làm Vua, Thừa tướng vẫn là Thừa tướng, đâu cần xuất gia mới tu được?

Hỏi: *Trong các kinh Đại thừa liễu nghĩa, đều có một vị đại diện đương cơ để hỏi Phật. Riêng trong kinh Duy Ma Cật, ngài Duy Ma Cật là một cư sĩ tại gia, lại dám phê bình các vị đại Thánh Tăng về khuyết điểm này, khuyết điểm kia v.v. Vậy Ngài là ai? Chắc hẳn là chẳng phải tâm phàm phu chúng con có thể biết được?*

Đáp: Duy Ma Cật là một vị cổ Phật, thị hiện Bồ Tát trụ pháp bất khả tư nghị, hơn các bậc Bồ tát thượng thủ của Phật Thích Ca, đầy đủ tất cả phương tiện trí huệ để dẫn dắt chúng sanh vào đạo Bồ tát chơn thật. Nếu là cư sĩ phàm phu, đâu có trí huệ năng lực và phương tiện như thế! Hễ cư sĩ phàm phu bắt chước là tạo tội nặng, thuộc tội phi báng, làm sao so sánh được!

Phàm tất cả kinh điển thuộc về Giáo môn, là pháp thiên gián tiếp, phải qua văn tự, lời nói, từ cạn vào sâu. Ví như phẩm Pháp môn bất nhị, Duy Ma Cật dùng lời nói quét lời nói, sau cùng dùng im lặng quét lời nói, và quét cả sự im lặng.

Còn Tổ sư thiên chẳng có cấp bậc, chẳng qua suy nghĩ lời nói, đi thẳng đến cứu cánh.

Hỏi: *Trong kinh Duy Ma Cật có nói đến pháp cúng dường, vậy chúng con phải cúng dường như thế nào mới đúng pháp?*

Đáp: Đó thuộc về Giáo môn. Tổ sư thiên là giáo ngoại biệt truyền, không cần bắt chước Giáo môn, chỉ là giữ được nghi tình tức cúng dường tất cả. Vì Tự tánh khắp không gian thời gian, đâu phải ở ngoài? Có ở ngoài là nhị.

Hỏi: *Công phu thành khối không còn biệt niệm, sao lại còn các thứ bệnh?*

Đáp: Cái "Nghi tình" trong *Tham thiền Cảnh Ngữ* thuộc về chơn nghi, chơn nghi hiện tiền tức đến thoại đầu, chứ chẳng phải nghi tình mà hiện nay chúng ta đang tập tham. Chơn nghi phát khởi thành linh, lúc đó chỉ còn tâm không biết, mới là "nghi tình được phát khởi". Chơn nghi phát khởi là tất cả đều không biết, hễ còn biết tức tâm trộm cấp, chưa phải chơn nghi, đi đến chơn nghi là lạc đường tự tại.

Hỏi: Tham đến chơn nghi rồi, có khi nào bị thoái chuyển không?

Đáp: Nếu thật đến chơn nghi tức đến thoái đầu thì không bị thoái chuyển nữa, sẽ thẳng đến kiến tánh, muốn không kiến tánh cũng chẳng được. Nếu chưa đến mà nói đã đến là bị thoái chuyển.

Hỏi: Có chí quyết định nhưng chưa đến thoái đầu, có bị thoái chuyển không?

Đáp: Chưa đến chơn nghi, gặp nhân duyên có thể bị thoái chuyển, nhưng chỉ một thời gian nào thôi, không bị thoái chuyển luôn, vì chánh nhân đã gieo thì chánh quả sẽ đến.

Hỏi: Người tham thiền hay bị lạc vào các lối tẻ, gặp những trường hợp đó, làm sao biết được?

Đáp: Tôi thường nói “Chữ biết là cửa của tất cả tai họa”, chỉ cần giữ cái “không biết” mới không lọt vào lối tẻ. Nên Tổ sư thiền cần có nghi tình, đã không biết thì làm sao biết lọt vào lối tẻ hay không?

Hỏi: Người tham thiền có rơi vào sự chướng và lý chướng không?

Đáp: Nếu có biết là rơi vào hai thứ trên, nếu không biết thì làm sao có cái hợp lý hay chẳng hợp lý, mà nói lọt vào lý chướng? Vì không biết thì chẳng đối đãi, tự nhiên chẳng lọt vào cái nào hết, hễ có biết là muôn ngàn sai biệt, muôn ngàn đường lối, chẳng lọt vào cái này cũng lọt vào cái kia.

Hỏi: Trong Triệu Luận nói “Bát nhã quán không” và “Phương tiện quán hữu” là như thế nào?

Đáp: Triệu Luận thuộc Giáo môn, nói “phương tiện và trí huệ phải đi đôi mới là đại huệ”. Đó là đối với người hoằng pháp, có trí huệ phải có phương tiện.

Kỳ thật, nói phương tiện và trí huệ phải đi đôi là ở trong kinh Duy Ma Cát, rồi ngài Tăng Triệu dẫn chứng trong Triệu Luận mà thôi. Chính ngài Tăng Triệu do đọc kinh và dịch kinh Duy Ma Cát phát trí huệ, mới biết hồi xưa học về thuyết của Lão Trang chưa cứu cánh. Ngài có những thiên tài diễn tả những gì người khác chẳng diễn tả được. Mặc dù diễn tả được, nhưng đều là pháp gián tiếp, phải qua bộ não suy nghĩ, đối với Giáo môn thì được, đối với Thiền môn còn cách xa lắm.

Nói “Bát Nhã quán không” và “Phương tiện quán hữu” là phân diễn tả, Tự tánh luôn luôn như thế, chẳng có quán không và vào hữu. Người tu Thiền quán của Giáo môn, như tông Thiên Thai là quán không, tức Không Quán, cũng gọi là Sa Ma Tha, quán Hữu là Giả Quán, tức Tam Ma Bát Đề, quán trung đạo là Thiền Na, thuộc pháp thiền gián tiếp.

Còn Thiền môn rất giản dị, chẳng quán không, cũng chẳng quán hữu, chẳng quán Trung đạo, chẳng năng quán sở quán, chỉ cần khởi lên nghi tình không hiểu không biết, là bao gồm tất cả kinh điển, giáo môn, pháp thế gian công thương kỹ nghệ, pháp xuất thế gian, thừa Thanh Văn, Duyên giác, Phật v.v. Có với không đều không biết, chẳng năng sở đối đãi, thẳng vào chỗ cứu cánh, nên chẳng lập phương tiện, cũng chẳng nói đến trí huệ.

Hỏi: Tại sao Thiên nữ trong kinh Duy Ma Cát lại có thần thông biến hóa?

Đáp: Thiên nữ là bậc Bồ tát dùng để phá chấp của Thừa Thanh Văn Duyên Giác, để được bước đến Đại thừa. tất cả đều là phương tiện để phá chấp, chẳng phải có lý lẽ cao siêu. Nên chư Tổ nói “Ý của chư Tổ chẳng tại văn tự lời nói”, do người học đạo chấp vào lời nói, mới thành tà tông kiến giải.

Hỏi: Ý chánh kinh Duy Ma Cát như thế nào?

Đáp: Ý chánh là phá chấp thật, bất cứ Kinh luận nào cũng vậy.

Hỏi: Tại sao Thiên nữ lại biến Xá Lợi Phất thành người nữ? Là để phá chấp gì?

Đáp: Để phá chấp của Xá Lợi Phất. Vì Xá lợi Phất chấp có nam có nữ, hỏi Thiên nữ: Tại sao không chuyển biến thân nữ đi?

Thiên nữ đáp: Tôi chẳng phải người nữ mà hiện thân nữ, cũng như Xá lợi Phất chẳng phải người nữ mà hiện thân nữ.

Kỳ thật đâu có phân biệt! Do chấp tâm mới phân biệt nam nữ. Dục giới phân biệt nam nữ, Sắc giới vẫn còn phàm phu, nhưng đã không có nam nữ; đến Vô Sắc giới vẫn còn phàm phu, chẳng còn sắc thân, làm sao có thân nam nữ? Tại có người chấp "phải chuyển thân nam mới được thành Phật", vốn là chẳng phải nữ, lấy gì để chuyển?

Ví như Thiên nữ rải hoa cúng dường, hàng Bồ tát đều không dính mắc, chỉ có hàng Nhị thừa, không muốn bị hoa dính thân lại bị dính mắc, đó là do có tâm chấp thật nên bị dính mắc, tâm chấp đã hết thì không bị dính mắc vậy.

Hỏi: Thế nào là "dùng cái không biết chấm dứt tất cả biết"?

Đáp: Chỉ là nhờ câu thoại đầu khởi lên nghi tình, nghi tình là không biết, giữ được cái không biết, tự nhiên tất cả biết đều chấm dứt, chứ không phải cố ý muốn khởi niệm chấm dứt. Giữ được nghi tình tức là chấm dứt, sự chấm dứt đó tự động, hề khởi ý muốn không biết, muốn chấm dứt cũng không được.

Nói "chấm dứt" chỉ là để giải thích tác dụng của nghi tình, không giải thích thì nghi tình cũng tự động chấm dứt tất cả biết. Ví như khi sáng thì tối mất, khi tối thì sáng mất.

Hỏi: Thế nào là khảo công phu sau mỗi kỳ Thiền thất?

Đáp: Khảo là khảo sát, theo quy củ của Thiền đường, sau một kỳ Thiền thất là khảo sát công phu, xem có thật sự dụng công hay không? Như ngài Lai Quả nói "Trong Kỳ Thiền thất, bao nhiêu người phải bận rộn, Long thiên hộ pháp, người hộ thất v.v. nếu hành giả không có công phu thì phụ lòng bao nhiêu người hộ trì cho đã thất". Nên người chủ thất phải khảo sát mọi người trong Thiền thất có dụng công hay không, hỏi là biết liền.

Hỏi: Tới cảnh giới yên tịnh là thế nào?

Đáp: Cảnh giới tốt cũng chẳng thật, cảnh giới xấu cũng chẳng thật, có cũng chẳng thật, không cũng chẳng thật, nếu chấp cái "không" cho là thật, bệnh càng nặng hơn. Phàm đối đãi là biên kiến, cảnh giới gì cũng chẳng sao, chỉ là dùng chấp thật. Trường hợp tham đến cảnh giới yên tịnh, thân thể lắc lư cũng không chướng ngại, chỉ cần giữ nghi tình không biết, chỉ chú trọng đến nghi tình, tất cả biết sẽ bớt dần, bớt đến không còn biết gì cả, còn lại tâm không biết. Cuối cùng tâm không biết bùng nổ, tức các bệnh kiến văn giác tri hết, tác dụng của bộ não chấm dứt, cái biết của tự tánh hiện ra, gọi là Chánh biến tri, cũng gọi kiến tánh thành Phật.

Hỏi: Trong Cội Nguồn Truyền Thừa có đoạn "Tánh Thiền không trụ, lìa trụ nơi Thiền định; tánh Thiền vô sanh, lìa sanh có Thiền tướng". Thế nào là lìa sanh có thiền tướng?

Đáp: Người tham thiền nếu giữ được nghi tình, làm sao có sanh khởi thiền tướng? Có thiền tướng tức biết mình tham thiền, phải luôn cả tham thiền cũng chẳng biết, mới thật sự không biết. Hễ còn biết tức bệnh còn, chưa phải cái biết bản thể Tự tánh khắp không gian thời gian.

Hỏi: Làm sao tháo gỡ tam độc tham sân si?

Đáp: Kinh Duy Ma Cật nói “tánh tham sân si là giải thoát”. Nếu chấp thật có ba thứ tham sân si thì tham sân si là tam độc, nếu chẳng chấp thật, tham sân si vốn chẳng thật có, tức thành giải thoát, đó là nói theo Giáo môn. Còn Thiền môn càng giản dị: Chỉ cần không biết, đã là trị, đã là lìa rồi, cũng chẳng cần biết tới có chấp thật hay không chấp thật, nếu biết là tai họa.

Hỏi: Con theo Sư phụ đã lâu, đến nay vẫn chưa được cái gì, ấy cũng do chấp tâm của con, nên Sư phụ cho một bài kệ “Thấy gió động là tự tâm thổi cây, biết mây sanh là Tự tánh nổi trần. Nếu biết rõ việc hôm nay, thì che khuất mặt bản lai”. Nhưng sao cho đến nay con vẫn thấy cây còn động?

Đáp: Do kiến giải quá nhiều, lại tự cho kiến giải của mình cao hơn người khác, chính những cái đó làm chướng ngại công phu. Kinh Pháp Bảo Đàn nói “Trục tâm là đạo tràng”, tâm phải ngay thẳng, tâm không ngay thẳng thì dù tu cách nào cũng chẳng thành chánh pháp, chỉ thành tà ma ngoại đạo.

Bệnh này cũng vì chưa tin tự tâm, muốn có sở đắc có sở cầu, có sở sợ, hễ tin tự tâm đầy đủ, tự nhiên tin nhân quả; có nhân mới có quả, chứ chẳng phải có thể dùng trí thức của mình, dùng thủ đoạn có thể mong cầu được. Khởi tâm mong cầu, nếu nhân đã gieo thì chẳng cầu quả cũng đến. Nếu không gieo nhân, mà muốn dùng thủ đoạn, trí thức để đắc, dù đắc được cũng là gieo cái ác nhân, sau này được ác quả, chẳng phải hưởng được quả do mình đoạt.

Hỏi: Dụng công thế nào mới được thâm nhập công phu?

Đáp: Chẳng có phương tiện gì khác, chỉ cần đề câu thoại đầu khởi lên nghi tình, chính cái nghi tình không hiểu không biết, hễ giữ được nghi tình là tất cả giải quyết. Tham Tổ sư thiền rất chú trọng nghi tình, ngoài ra chẳng phương tiện nào khác.

Hỏi: Có phải Đức Phật là người đầu tiên được giác ngộ?

Đáp: Kinh Viên Giác nói vấn đề trước sau là việc trong chiêm bao, còn ở trong luân hồi. Nếu đã ra khỏi luân hồi thì chẳng còn việc trước sau, chẳng còn đối đãi. Nay chưa ra khỏi luân hồi, trong chiêm bao nói mê ngộ, trước sau, sanh tử cũng là việc trong chiêm bao, cứ đem việc chiêm bao nghiên cứu mãi, cho là hợp lý hay không hợp lý, là việc đáng buồn cười, vì vốn chẳng có thật! Nên chư Phật chỉ muốn chúng ta thức tỉnh, để không còn bị lý chướng.

Hỏi: Chúng con có thể tự giác ngộ, hoặc lý bất buộc phải có thầy?

Đáp: Chẳng có lý bất buộc. Thừa Thanh Văn là do nghe âm thanh của Phật mà giác ngộ, còn Bích Chi Phật nghĩa là độc giác, phải tự mình giác ngộ. Chính Lục Tổ nói “Tự tánh mình sẵn có thiện tri thức”, cũng có người chẳng nhờ thầy thuốc mà hết bệnh, nhưng nay do chấp tâm quá nặng, phải có thầy thuốc mới được.

Hỏi: Tại sao có những sách giác ngộ, tác giả nói “Nếu có sơ sót, xin hãy chỉ giáo cho”? Đã là sách giác ngộ, tại sao còn sơ sót?

Đáp: Chớ nói là sách của phàm phu, dù là kinh Phật, vẫn còn có sơ sót. Lại, khi in phải qua khâu sắp chữ, khâu in, làm sao tránh khỏi sai sót? Chính từ câu nói của Phật, cũng còn mâu thuẫn: Ví như nói “từ vô thi đến nay”, đã vô thi làm sao đến nay? Ví như Phật nói “Chỉ có nhất Phật thừa, chẳng có hai và ba”, chính Phật dạy thừa Thanh Văn, Duyên giác, Đại thừa. Vậy đâu có đúng? Thế là lời Phật tự mâu thuẫn sao? Vì bản thể Tự tánh chẳng thể nói, chẳng thể suy lường, hễ dùng lời nói của thế gian tự nhiên phải có sai sót vậy.

Hỏi: Con đồng ý là ngôn ngữ có giới hạn, nhưng sự giác ngộ làm sao có sơ sót?

Đáp: Nay tôi kể một công án làm bằng chứng cụ thể:

Cao Phong Nguyên Diệu thiền sư đã phá được Trùng quan, thầy của Ngài hỏi: Ban ngày ồn ào, làm chủ được không?

- Được.

- Ban đêm chiêm bao, làm chủ được không?

- Được.

- Lúc ngủ mê chẳng chiêm bao, chẳng suy nghĩ, chủ ở đâu?

Ngài trả lời không được. Thầy bảo: Từ nay về sau, chớ học thiền học đạo, cứ đói ăn một ngủ, khi thức giấc rồi phải tự hỏi “nãy giờ ngủ mê chẳng chiêm bao, chủ ở đâu?”

Như thế tham thêm 5 năm, một hôm đang ngủ, người đồng tham ngủ bên cạnh đánh rơi chiếc gối phát ra tiếng, khiến ngộ triệt để, mới đến Mạt hậu Lao quan.

Trước kia do bị sự ngộ của Trùng quan chướng ngại, chẳng thể đến Lao quan, nay sự ngộ ấy tan rã, mới đến được Lao quan. Người đã triệt ngộ, do giữ sự ngộ còn không được, nay ông chưa ngộ, cứ muốn ôm cái ngộ đó, làm sao được? Kinh vốn chẳng đúng sai, do ông chấp thật, cho là kinh phải đúng, nên mới thành sai, ấy là tâm của ông sai.

Trong kinh Pháp Bảo Đàn, có người hỏi Lục Tổ: Pháp của Huỳnh Mai người nào được?

Đáp: Người ngộ thì được.

Tổ có được không?

Đáp: Tôi chưa ngộ.

Nếu chấp thật, thì Lục Tổ nói đúng hay sai? Cho nên, đuổi theo lời nói là con chó đuổi theo cục xương. Hễ tôi trả lời theo câu hỏi của ông cũng là sai.

* Tông lâm Trung Quốc là người nào đến ở cũng được, người ở lại Tông lâm gọi là thường trú, mọi người như là người chủ trong chùa, bất cứ ở lại một ngày, mười ngày hay mười năm, tất cả quyền lợi và nghĩa vụ đều bằng nhau, đến khi nào đi khỏi mới thôi.

Trụ trì của chùa thường là người đã kiến tánh, do quan chức địa phương thỉnh về làm chức vị Trụ trì.

Có một vị Trụ trì đặt ra ba điều kiện, người nào hội đủ ba điều kiện mới được ở lại. Do ba điều kiện đó quá khắc khe, khó thực hành, nên chẳng ai được thông qua.

Một hôm, có một vị Tăng đến, đi gặp thẳng ngài Trụ trì, Trụ trì hỏi: Đã thông qua ba điều kiện chưa?

Đáp: Điều kiện gì chẳng cần biết, nay con chỉ muốn ở lại!

Ngài Trụ trì mừng rỡ, liền sắp xếp chỗ ở cho vị đó.

Tại sao? Vì bấy lâu nay cả ngàn người đến mà mọi người do chấp theo lời nói, nên chưa ai được vào.

Hỏi: Giới Thanh Văn như ngũ giới, Sa di giới, Tỳ Kheo v.v. đều chỉ là tận hình thọ, vậy Bồ Tát giới thì sao?

Đáp: Bồ tát giới thì khác, từ kiếp này qua kiếp khác, từ thân này đến thân Phật, mãi mãi không mất, cho đến chúng quả vẫn còn. Tại sao? Vì Bồ tát giới là giới tâm địa, hễ tâm không mất thì giới không mất. Vì là giới tâm địa, nên móng tâm là phạm.

Hỏi: Trong Trung Phong Pháp Ngữ có bài ca Liền Thôi (tức Hưu Ca), chữ Thôi này là thôi cái gì? Có phải thôi cái vô thủy vô minh?

Đáp: Tất cả lời của chư Phật chư Tổ đều là phương tiện tạm thời, bản thể Tự tánh gọi là bất nhị, lấy gì để thôi? Vô minh vốn chẳng có, làm sao có gì để thôi?

Tất cả đều do vô minh mới có sanh khởi; từ vô minh sanh nhất niệm vô minh, tức tác dụng bộ não, rồi chia thành muôn ngàn sai biệt. Người kiến tánh phá tan vô thủy vô minh, tất cả đều không còn, tức bản tri hiện, gọi là kiến tánh thành Phật.

Nay do chúng sanh chấp thật có, nên nói là "thôi", nếu không còn chấp, lấy gì để thôi? Đó chỉ là phương tiện, nay khi thực hành, khởi lên nghi tình không hiểu không biết, đã là thôi rồi! Bất nhã không qua sự tác ý, không qua sự tác ý là chẳng làm, chẳng làm mà làm, do sự dụng của Bất nhã tự làm, có qua sự tác ý là vọng, là tác dụng của bộ não.

Hỏi: Con nghe nói Tịnh độ niệm Phật một câu tiêu tám muôn ức kiếp tội, nay tham thiền thì sao? Được mau tiêu tội không?

Đáp: Chớ nói niệm một câu Phật hiệu tiêu được tám muôn ức kiếp tội, hễ niệm Phật một câu tiêu được một ngày tội cũng đủ rồi! Cứ suốt ngày tạo tội, chỉ cần niệm một câu Phật liền tiêu, vậy thì đâu có sợ tạo tội! Một kiếp biết bao lâu không? Hễ một câu niệm Phật tiêu được tám muôn ức kiếp tội, thì hiện nay tội đã không còn.

Niệm Phật hiệu rất dễ, đời người chỉ có một trăm năm, vậy cứ tạo tội mãi mà chẳng sao! Nếu được như thế, đâu cần làm thiện, cực khổ tu hành làm gì? Nên biết câu nói trên là sai, vì không có nhân quả, tức tạo ác nhân cũng được thiện quả? Việc không có nhân quả là phá hoại Phật pháp, không nên theo.

Hỏi: Đại Thừa Khởi Tín Luận từ đời ngài Mã Minh đến nay, đã trải qua gần hai ngàn năm không dính chính, sao đến nay ngài Nguyệt Khê mới dính chính? Trong khi các Phật học viện đều dùng luận này làm tài liệu giảng dạy?

Đáp: Phật pháp gọi là tùy duyên, chư Tổ từ xưa nay đều là tùy duyên, kể cả việc hoằng pháp. Phật Thích Ca nói "Không có duyên là không độ được", duyên chưa đến, nói ra người ta chẳng tin cũng vô ích, duyên đã chín mùi, nên nói ra là người tin.

Pháp sư Nguyệt Khê chẳng những đề cập đến tác phẩm Đại Thừa Khởi Tín Luận, còn nói đến Chứng Đạo Ca. Ngài nói tác giả bài Chứng Đạo Ca chẳng phải là của Vĩnh Gia đại sư, mà là của Thần Hội, có dẫn chứng cụ thể trong cuốn Cội Nguồn Truyền Thừa.

(Sự phụ dẫn dụ về Chơn như duyên khởi, lược qua)

Hỏi: Tất cả cảnh giới đều chẳng thật, tại sao kinh nói "Bất nhã vô biên nên ngũ uẩn vô biên"?

Đáp: Nếu có thật phải có biên, làm sao vô biên? Vì chẳng thật nên nói là vô biên.

Hỏi: Vì sao kinh Kim Cang có hai phần giống nhau: Đức Phật đã thuyết ở phần trước, phần sau lại thuyết thêm một lần nữa? Ví dụ Phật thuyết "Chẳng phải có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp"?

Đáp: Phật thuyết về bề mặt thì người ta chấp về bề trái, rồi Phật lại phải phá bề trái. Ví như Phật nói "phá chấp thật", mọi người không chấp cái thật, lại chấp cái giả cho

là thật; Phật nói “Tất cả đều chẳng thật”, chúng ta lại đuổi theo câu nói đó, cho là thật có cái “Tất cả đều chẳng thật” ấy, nên phải thuyết hai lần: Lần trước phá chấp thật, lần sau phá cái chấp “Chẳng thật” đó.

Hỏi: Có phải khi tham đến nghi tình thành khối mới thật sự chấm dứt cái biết?

Đáp: Đúng. Nghi tình thành khối là chơn nghi, mới thật sự chấm dứt được, còn bây giờ có lúc biết có lúc không biết, chưa phải thật chấm dứt. Nhưng phải tiến dần, giữ được nghi tình lâu thì sự biết giảm bớt, và cái không biết thêm dần.

Hỏi: Ngài Tăng triệu nói “huyền đạo ở nơi tuyệt xứ, nên không biết mà biết”. Không có xứ sở làm sao biết?

Đáp: Tuyệt xứ là nghĩa vô sở trụ, không có chỗ mới khắp không gian, đâu có thiếu sót!

Hỏi: Thế nào là “tham là chánh tri, nghi là chánh hạnh” của Lai Quả thiền sư?

Đáp: Chánh tri là không biết. Giữ được nghi tình là chánh tri, tức chánh hạnh. Vì không có chỗ biết, khắp không gian thời gian, nên gọi là chánh tri.

Một vị tăng trình công phu: Gần đây, công phu của con có những hiện tượng như là: làm việc thì làm, đi đứng nằm ngồi tựa như vô ký nhưng không phải vô ký. Có khoảng độ nửa giờ, con không biết mình là cái gì, rồi thấy tối hết cả bầu trời, rồi bù đầu bù óc, lỗ tai nghe một tiếng bưng, dường như bễ tung cả đầu hoặc điếc cả lỗ tai. Trải qua ba-bốn ngày như thế. rồi con tự nói “Mặt mũi của ta không phải như thế này!” Vậy nên như thế nào và không nên như thế nào?

Đáp: Ở trên đã nói, chánh tri chánh hạnh là nghi tình, những gì sư mới kể đó là biết hay không biết? Nếu không biết làm sao kể ra? Đó là cái biết chứ chẳng phải cái không biết của nghi tình.

Sách Nho nói “Một ngày là ba năm, ba năm như một ngày”, ấy còn có biết về thời gian, Sư nói “không biết”, thì làm sao biết rõ khoảng khắc đó là nửa tiếng? Đó là do không giữ được nghi tình, nếu thật sự không biết, thì luôn cả cái không biết cũng không biết.

Nay tôi kể một công án cho sư tăng trưởng lòng tin tự tâm:

* Ngài Đại Huệ là vị Tổ sư danh tiếng, dù đã kiến tánh, nhưng chưa ra hoàng pháp chính thức. Lúc Ngài còn làm Thủ tọa ở một Tông lâm, vì Ngài đã kiến tánh, nên được mọi người ghi lại tất cả lời nói thành ngữ lục. Trong đó có một vị tăng, đang đọc ngữ lục của Ngài được giải ngộ, mừng rỡ tưởng đã chứng ngộ, bèn tìm đến Ngài để xin ấn chứng, nói: Con xem ngữ lục của Ngài được ngộ, nay đến trình sự ngộ của con?

Đại Huệ nói: Không phải, không phải, hãy đi đi!

Tăng nói: Con chưa trình ra, sao nói không phải?

Đại Huệ nói: Không phải, không phải.

Tăng muốn nói hai ba lần mà Ngài cứ đuổi đi. Vì hễ ngộ là lạnh nóng tự biết, sao lại phải trình? Sự ngộ đâu phải đuổi theo lời nói để trình? Hễ có trình tức chưa ngộ.

Ví như sự ngộ của ngài Lâm Tế, (Sư phụ kể về công án Lâm Tế được ngộ, lược qua) Sau khi ngộ, Lâm Tế đánh lại Huỳnh Bá, vậy mà Huỳnh Bá cười ha hả. Ấy là trình sự ngộ, đâu có kể?

Về sự ngộ của Thiền sư Nam Tuyền: Thầy của Ngài hỏi: Hôm nay nấu cơm đủ ăn không?

- Ngậm cái miệng chó lại!

Ấy là trình sự ngộ. Người đã ngộ đâu có vấn đáp gì, hễ còn kể ra là chưa đến ngộ, là lý chướng, là tác dụng của bộ não. Nay muốn đạt đến pháp yên ổn, phải chấm dứt tướng bệnh, cứ ôm tướng bệnh cho là đúng thì làm sao đạt đạo?

Hỏi: Xin Sư phụ khai thị về ý chỉ những công án trên?

Đáp: Người đã ngộ là chứng pháp vô sanh, pháp đã vô sanh, lấy gì để nói? Làm sao có cái gọi là hợp lý? Ví như công án của Mã Tổ và Hoài Nhượng, hỏi "Xe bò không đi, đánh xe phải hay đánh bò phải?" Theo lẽ thường của thế gian là phải đánh bò, nhưng nếu hiểu như thế không bao giờ ngộ. Hễ kể ra có lý tức chưa ngộ, còn chấp vào lời nói văn tự, kẹt nơi lý chướng. Những công án kể trên là sự chướng và lý chướng đã không còn.

Hỏi: Xin Sư phụ chỉ cho cách buông bỏ?

Đáp: Bản thể tự tánh bất nhị, do A La Hán chưa kiến tánh, chỉ ở nửa đường nên mới phải buông bỏ. Chẳng những quả A La Hán, chứng quả Phật vẫn còn phải buông bỏ, nếu cho "ta đã chứng quả Phật" tức còn ngã chấp, trong kinh gọi là chúng sanh tướng. Nếu còn trụ nơi Niết bàn là Thọ giả tướng, còn giữ cảnh ngộ tức chưa cứu cánh.

Hành giả tham thiền đề câu thoại đầu khởi lên nghi tình, giữ được nghi tình là buông bỏ.

Hỏi: Thế nào là "con chó nhảy qua tường" và "con chuột qua sừng trâu" trong Thiền Thất Khai Thị Lục?

Đáp: Thí dụ chỉ là phương tiện tạm thời, Tự tánh bất nhị, chẳng thí dụ nào có thể đến. Lời nói, văn tự, suy nghĩ còn chẳng thể đến, nói gì đến thí dụ? Chớ nói là thí dụ, dẫn cho tên gọi, như ngài Tăng Triệu nói "Tên chẳng đúng thật, thật chẳng đúng tên", chấp thật thí dụ là kẹt nơi danh tướng, người tu hành phải lia danh tướng, chớ bị kẹt vào danh tướng.

Lời nói của chư Phật chư Tổ chỉ để tăng cường lòng tin của mình để quyết tử tu, chứ không phải để chấp vào thí dụ.

Hỏi: Làm sao biết là khai tiểu ngộ?

Đáp: Tiểu ngộ tức giải ngộ, cũng là cái biết của người mù, chướng ngại cho đại ngộ. Đại ngộ là chứng ngộ, tri giải đã tuyệt, chẳng còn kiến giải nào mới được chứng ngộ. Nói "mạng căn" tức là sự ngộ, "mạng căn chưa dứt" là còn giữ cái ngộ, chỉ là tiểu tử tiểu hoạt, dù đã ra khỏi sanh tử luân hồi, nhưng sự dụng chưa được đại cơ đại dụng, nên gọi thọ mạng tướng. Mạng căn dứt là đến Lao quan, khi nào sự ngộ ấy tan rã mới đến Lao quan.

Nay hành giả tham thiền cần lo đi đến ngộ, đang tham thiền hiểu thiền hiểu đạo còn không cho, làm sao muốn biết đến sau khi ngộ? Chưa ngộ mà cứ muốn ôm cái ngộ trước, ấy là sự chướng ngại, không khi nào ngộ được.

Hỏi: Chúng con đi dự đám tang, có thể mang theo chuông báo hiệu không?

Đáp: Hành giả tham thiền không có nghi thức gì cả, nghi lễ lâm chung phải làm sao ư? Phật pháp chỉ cần giải thoát khổ sanh tử, hồi thời Phật đâu có những thứ này? Ấy do người đời sau bày đặt ra, là thuận theo thế tục, người ta làm theo nghi lễ phiền phức, nay mình cũng hành theo, vậy đâu có khác! Chính Phật Thích Ca ngăn ngừa

những nghi lễ này, nhưng sau này con cháu còn làm quá hơn Bà La Môn. Nay thấy Tông Tịnh độ có nghi lễ của Tịnh độ, lại muốn đặt ra nghi lễ của Thiên tông để thay thế, có khác gì thay sợi dây xích sắt bằng sợi dây xích vàng! Chi bằng cởi bỏ, có phải tự do không?

Lục Tổ nói “Thiên định giải thoát là nhị, chẳng phải Phật pháp”, nay chúng ta tu pháp môn nào cũng vì muốn đạt đến giải thoát, nhưng tại sao Lục Tổ nói giải thoát không phải Phật pháp? Do chấp thật có sự trói buộc, nên phải giải thoát, Vốn chẳng có trói buộc, đâu cần giải thoát! Như tôi thường thí dụ về căn nhà xoay, căn nhà vốn không có xoay, làm sao nói là ngưng xoay? Thiên tông tự ngộ vốn chẳng trói buộc, nên không có giải thoát.

Hỏi: Việc đốt liễu trên thân như thế nào?

Đáp: Ngày nay thợ giới Bồ Tát phải đốt liễu trên đầu, nhưng việc này không có trong giới luật. Những Luật sư chính thức bên Luật tông, cũng như trong cuốn Giới Luật Học Cương Yếu nói “Đó là những thói quen xấu do người đời sau bày đặt ra”. Trong Kinh Phật cũng có nói về vấn đề đốt liễu, nhưng phải hiểu ý Phật, hãy xem kỹ lại kinh Lăng Nghiêm về phần lược giải của tôi sẽ hiểu sâu sắc hơn.

Hỏi: Thế nào "không trụ tướng bồ thí"?

Đáp: Người bồ thí thường cho ta là năng thí, có người nhận sự bồ thí, trong đó có tài vật bồ thí, ấy là trụ tướng bồ thí. Hành giả tham thiền chỉ giữ nghi tình tham tới mãi, bồ thí mà chẳng biết mình bồ thí, chẳng có năng sở, tức không trụ tướng bồ thí.

Nhưng, bồ thí tài vật thân mạng, không bằng bồ thí tri kiến: Nhiều người bảo họ bỏ thân mạng thì được, bỏ tri kiến thì không, dù bỏ thân mạng, bằng mọi cách cũng phải bảo vệ tri kiến, giữ lại tri kiến của mình, bằng mọi lý do chống cự lại người phá tri kiến của mình, vậy làm sao đến được tri kiến Phật?

Trung Quán Luận nói “Diệt kiến yên ổn pháp”, phải dứt sạch tất cả tri kiến, mới có thể đến tri kiến Phật, được pháp yên ổn. Pháp yên ổn tức pháp Niết bàn, hễ còn năng sở đối đãi thì không bao giờ đến được.

Kinh Duy Ma Cật nói “Pháp chẳng thể kiến văn giác tri, nếu hành theo kiến văn giác tri, ấy là kiến văn giác tri, chẳng phải cầu pháp”.

Hỏi: Bồ thí tất cả tri kiến có phải còn trụ nơi Hữu Dư Niết Bàn?

Đáp: Đã bồ thí tất cả tri kiến, làm sao có tri kiến Niết bàn? Nếu chấp có Niết bàn thật để trụ, cũng là tri kiến vậy.

Hỏi: Trong Triệu Luận nói “Đại tượng vô hình, không thấy mà thấy”, là thấy thế nào?

Đáp: Cái thấy của bản thể khắp không gian thời gian, luôn luôn như thế, cái thấy của bộ não chẳng thể thấy. Có hình và vô hình là đối đãi, sự thấy của bản thể vốn chẳng dính dáng với có hình và vô hình, vì đã cùng khắp.

Hỏi: Thế nào là tri chẳng có hai người, pháp chẳng có hai thứ?

Đáp: Tri là biết, cái biết của bản thể là Chánh biến tri, khắp không gian thời gian, ở ngoài không gian chẳng có không gian, ở ngoài thời gian chẳng có thời gian. Chỉ có một cái tri, nay thêm vào cái tri chẳng cùng khắp của bộ não, thành hai cái tri, vậy thành có hai người sao? Thực tế chỉ là một cái tri, còn cái tri của bộ não là tướng bệnh, khi mạnh thì không. Nay tham thiền là chấm dứt tướng bệnh, cho tướng mạnh hiện ra.

Hỏi: *Vậy cái tri của bộ não có phải là cái bóng của Chánh biến tri?*

Đáp: Nói là bóng cũng không đúng. Kinh Lăng Nghiêm nói “Bản tri là đê nhất nguyệt”, do con mắt bệnh mới thấy mặt trăng thứ hai, chứ chẳng phải bóng của mặt trăng thứ nhất.

Hỏi: *Sư phụ nói “pháp chẳng hai thứ”, nhưng tại sao Đức Phật dạy vô lượng pháp môn?*

Đáp: Vô lượng pháp môn là phương tiện, vì bệnh chấp của chúng sanh vô lượng, nếu bệnh chấp của chúng sanh không có thì một pháp cũng chẳng có. Cho nên nói “Không có pháp gọi là Phật pháp”. Kinh Kim Cang nói “Pháp còn phải bỏ, huống là phi pháp!”, “ai nói Như Lai có thuyết pháp là phỉ báng Phật”, “vốn chẳng có một pháp do Như Lai thuyết”.

Hỏi: *Ngài Bảo Phương dạy “Sau khi ngộ lấy vô tâm làm chánh dụng”, ngài Lai Quả nói “Sau khi ngộ khởi vọng tưởng cho nhiều”, hai điều trên có chống đối nhau không?*

Đáp: Lời của chư Tổ đều là tùy bệnh cho thuốc, chúng sanh chấp cái nào phá cái đó. Nếu nói vô tâm là dụng, thì Tổ sư lại nói “Vô tâm còn cách núi muôn trùng”. Bất cứ chấp hữu chấp vô đều là bệnh, nếu chấp Vô là thật, tức chấp vào đoạn diệt, thành ngoại đạo. Còn nói về “sau ngộ phải nổi vọng tưởng” là bảo nhiệm, tất cả chỉ là lời diễn tả, không thật.

Hỏi: *Ngài Nguyệt Khê đã ngộ, sao còn đi bác sĩ chữa bệnh?*

Đáp: Ở thế gian phải tùy duyên của thế gian, có bệnh thì đi tìm thầy thuốc, người kiến tánh cũng vậy. Ấy là thị hiện thân bệnh, đến lúc lâm chung cũng thị hiện sanh tử, chẳng có đặc biệt hay khác hơn người thường. Nên nói pháp xuất thế gian chẳng hoại pháp thế gian, nếu có hoại pháp thế gian thì chẳng phải chánh pháp. Do đó, pháp thế gian, pháp xuất thế gian bất nhị, chẳng phải có hai, do người chấp thật mới thành hai.

Hỏi: *Nghiên cứu Thiền Đạo Tu Tập của Trương Trùng Cơ và Thiền Luận của Suzuki có lợi ích gì?*

Đáp: Chẳng có lợi ích, vĩnh viễn không thể đạt đến kiến tánh. Tác dụng của Tổ sư thiền là muốn trị hết tướng bệnh của bộ não, nên phạm lọt vào suy nghĩ, lời nói văn tự, đều là tướng bệnh. Có lý cũng là tướng bệnh, hễ lập ra chơn lý là phải đúng lý hay không đúng lý, Tự tánh bất nhị, làm sao có đúng hay không đúng, hợp hay chẳng hợp?

Suzuki dạy người giải công án chứ không phải tham công án, cứ giải thấu công án này rồi dạy công án khác để tìm hiểu đáp án, chỉ là kiến giải, là kéo dài tướng bệnh, chẳng thể trị hết bệnh mù.

Kinh Lăng Nghiêm nói “Tất cả tri kiến đều là căn bản của vô minh, thuộc pháp sanh diệt, chẳng kiến lập tất cả tri kiến mới là tri kiến Phật”. “Tri kiến vô kiến, tu tức Niết bàn”, Niết bàn không sanh diệt, làm sao dùng bộ não có thể giải được!

Còn Trương Trùng Cơ cao hơn Suzuki một chút, cũng là bệnh chấp thật, (*Sư phụ dùng chữ Vô của Bát Nhã Tâm kinh để dẫn chứng, lược qua*). Phải diệt hết tất cả lý chướng và sự chướng, mới có thể kiến tánh thành Phật.

Hỏi: *Ra sức tham thiền có ảnh hưởng gì không?*

Đáp: Ông đập xích lô là phải ra sức đập, nhưng tham thiền khởi lên nghi tình chỉ là dùng cái không biết chấm dứt tất cả biết, đã không biết thì làm sao biết ra sức? Chỉ là

cảm thấy không biết, cái không biết đó chạm với tánh sẵn biết rồi tự thành nghi tình, khỏi cần ra sức.

Lúc đầu hoảng dương Thiền tông, do mọi người đối với pháp Tổ sư thiền còn mới lạ, vì muốn tăng trưởng lòng tin của mọi người, nên tôi dùng phương tiện khuyên hành giả ráng, dù nhức đầu, tức ngực, khó thở cũng không sao.

Cũng như Phật Thích Ca dạy người tu Tiểu thừa, đến khi chứng quả A La Hán, Bích chi Phật rồi, bảo người Nhị thừa bỏ pháp đó, để tiến tu Đại thừa. Lời của tôi cũng vậy, là khiến cho mọi người có lòng tin, đến nay lòng tin pháp môn đã vững, tôi nói là phải tin tự tâm: Nếu lòng tin tự tâm đầy đủ thì khỏi cần ra sức. Vì "ra sức" chỉ là phương tiện tạm thời cho lúc ban đầu, nếu ra sức mãi sẽ có hại.

Hỏi: Sau khi Sư phụ ra đi, đối với những người phát tâm tham thiền thì sao?

Đáp: Sự thật chẳng phải có pháp nhất định gọi là Phật pháp. Kinh Kim Cang nói "Pháp, phi pháp, phi phi pháp", chẳng có pháp nhất định mà Như Lai thuyết. Chánh pháp chỉ là trị bệnh chấp thật của chúng sanh mà thôi.

Theo cơ bản cuốn *Đường Lối Thực Hành Tham Tổ Sư Thiền* này, nếu tin tự tâm đầy đủ thì biết tự tâm mình bằng như chư Phật, tức Chánh biến tri khắp không gian thời gian, tự nhiên thực hành được chín chữ "vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ", tự nhiên đúng với tông chỉ Tổ Sư Thiền. Dù kiếp này chưa kiến tánh, kiếp sau cũng sẽ kiến tánh. Vì có nhân ắt có quả, đến trước hay sau cũng sẽ đến. Có tôi ở đây hay vắng tôi cũng chẳng khác, chỉ là theo *Đường Lối Thực Hành Tham Tổ Sư Thiền* để thực hành, và có thể đọc thêm một số Kinh sách để tăng trưởng lòng tin tự tâm, chứ không phải dạy thêm giáo lý..

Hiện nay mỗi tháng hai kỳ giải đáp thắc mắc cũng chỉ vì hành giả chưa đủ lòng tin, mới đưa ra câu hỏi, và tôi giải đáp để tăng cường lòng tin cho quý vị mà thôi, chứ không phải là tôi cho biết thêm giáo lý cao siêu.

Kinh Kim Cang nói "Pháp còn phải bỏ, huống là phi pháp", lại, "như chiếc bè qua sông, đến bờ thì phải bỏ bè", đâu có pháp thật? Nếu chấp có pháp thật là nghịch với ý Phật vậy.

-Hết Quyển Thượng-